

VÕ PHIẾN

*Văn Học  
miền nam*

truyện 1



Midway Press



# VĂN HỌC MIỀN NAM

truyện 1

Văn học miền Nam - truyện 1  
Võ Phiến  
Midway Press 2024

---

Copyright © 1999 by vophien

VÕ PHIẾN

*Văn Học  
miền nam*

truyện 1



Midway Press



# MỤC LỤC

|                                 |     |
|---------------------------------|-----|
| Lời nói đầu                     | 9   |
| <b>Bình Nguyên Lộc</b>          | 21  |
| <i>Rừng mấm</i>                 | 49  |
| <b>Chu Tử</b>                   | 69  |
| <i>Trời! Cậu xương</i>          | 79  |
| <b>Doãn Quốc Sỹ</b>             | 89  |
| <i>Chiếc chiếu hoa cạp điều</i> | 139 |
| <b>Duy Lam</b>                  | 153 |
| <i>Đôi mắt ngọc trai đen</i>    | 162 |
| <b>Duyên Anh</b>                | 185 |
| <i>Người quê hương</i>          | 198 |
| <b>Dương Hùng Cường</b>         | 217 |
| <i>Phượng và Dương</i>          | 218 |
| <b>Dương Nghiễm Mậu</b>         | 235 |
| <i>Cũng đàn</i>                 | 254 |
| <b>Đỗ Thúc Vịnh</b>             | 271 |
| <i>Đánh nhau ở rừng Sát</i>     | 273 |

|                                             |     |
|---------------------------------------------|-----|
| <b>Đỗ Tiến Đức</b>                          | 283 |
| <i>Một buổi chiều</i>                       | 295 |
| <b>Hoàng Ngọc Biên</b>                      | 313 |
| <i>Người đạp xe vào thành phố buổi sáng</i> | 316 |
| <b>Hoàng Ngọc Tuấn</b>                      | 331 |
| <i>Mưa mùa đông</i>                         | 339 |
| <b>Lê Tất Điều</b>                          | 359 |
| <i>Cỏ hoang</i>                             | 365 |
| <b>Lê Xuyên</b>                             | 385 |
| <i>Thuyết phục</i>                          | 395 |
| <b>Linh Bảo</b>                             | 413 |
| <i>Áo mới</i>                               | 425 |
| <b>Mai Thảo</b>                             | 441 |
| <i>Cửa sau</i>                              | 454 |
| <b>Mặc Đỗ</b>                               | 471 |
| <i>Trắng đỏ</i>                             | 484 |

# LỜI NÓI ĐẦU

**M**ở đầu tập *Tổng quan* của bộ *Văn học Miền Nam*, từng có lời hứa: “các tập kế tiếp sẽ được dành cho từng bộ môn sáng tác”. Mười tám năm sau, các tập đã hứa chính đang lần lượt đến tay bạn đọc đây. Về các tập ấy, xin có mấy điều giải bày:

1 - Một số bài thực ra đã xuất hiện từ những năm đầu thập kỷ 90, trong những cuốn sách cỡ nhỏ (*Thơ Miền Nam* 1 và 2, *Truyện Miền Nam* 1, 2, và 3, *Ký, Bút, Kịch Miền Nam* 1, 2, do nhà Văn Nghệ xuất bản).

Sở dĩ có chuyện xảy ra như thế là vì công việc biên soạn tiến hành chậm chạp quá, có lúc chúng tôi đã nghĩ e mình không kịp hoàn tất được bộ sách. Thôi thì viết đến đâu hãy cho ấn hành đến đó, phòng khi lỡ xảy ra điều bất trắc sẽ khỏi uổng phí công phu. Ấn hành như thế, cái đã in ra, dù lỡ dở, cũng góp được chút ít tư liệu cho người sau. Bây giờ, may mắn công việc tạm coi như xong, các bài đã in trước kia được đem gộp lại cùng với những bài viết sau, trong một sắp xếp chung.

2 - Sắp xếp ấy chẳng qua là căn cứ vào tên các tác giả, theo thứ tự a, b, c thôi.

Bạn đọc có thể chờ đợi những cách xếp đặt hợp lý hơn. Chẳng hạn trong mỗi môn loại có sự phân chia theo từng khuynh hướng, trong mỗi khuynh hướng có sự xếp đặt kẻ chính người phụ.

Rất tiếc là cung cách làm việc tài tử của tôi không cho mình làm được như thế. Tôi không ở trong hoàn cảnh có thể muốn viết về bộ môn nào trước thì viết ngay, muốn viết về tác giả nào trước thì cứ viết trước, về tác giả nào sau thì sẽ viết sau. Muốn thế phải sẵn tài liệu, phải chủ động trong chương trình làm việc. Tôi thì làm việc để mưu sinh đều đều; thỉnh thoảng gặp lúc cao hứng nổi lên sáng tác vung vít; đạo nào chợt gặp dịp thuận tiện lại luận bàn chuyện này chuyện nọ lằng xằng, mất đi khá nhiều thì giờ. Lâu lâu giật mình quay về các văn thi sĩ Miền Nam 1954-75, đành sẵn đâu viết đó thôi. Viết vừa xong một người, tài liệu về người ấy phải lo gửi trả về chỗ nọ chỗ kia; tài liệu phân tán, đã ra đi khó lòng gọi lại. Vài ba năm sau, năm bảy năm sau, muốn nhìn lại toàn thể các tác giả cùng một bộ môn, không thể được; muốn nhớ lại tác phẩm từng người, phong cách từng vị, hơi khó; muốn đối chiếu, cân nhắc, so sánh cho cẩn thận, cực khó. Chưa lúc nào có một tụ họp đông đảo trước mắt mình. Từng vị một đến rồi đi biệt, từng khuôn mặt một hiện ra rồi mất hút, trong một khoảng cách thời gian mười tám năm.

Rốt cuộc, mình đối với mình, tự dừng có sự rộng lượng không ngờ: chấp nhận một cung cách làm việc và một lối xếp đặt dễ dãi quá, e không mấy ai dung thứ!

3 - Thịnh thoảng đọc giả gặp một tác giả ở tập sách nói về thơ, rồi lại gặp cũng tác giả ấy ở tập nói về truyện hay về kịch, v.v. Vậy tác giả ấy là nhà thơ hay nhà văn? là tiểu thuyết gia hay kịch tác gia?

Chúng tôi không chú trọng đến phân biệt ấy, vì căn cứ sự nhận xét trên từng bộ môn chứ không phải trên từng tác giả. Tập này dành cho tiểu thuyết không phải cho các tiểu thuyết gia, tập nọ dành cho thi ca không phải cho các thi gia... Trong thời kỳ 1954-75 rất nhiều tác giả viết nhiều thể loại khác nhau. Hễ sáng tác có giá trị ở bộ môn nào, tưởng nên được nêu ra ở bộ môn ấy. Một người nổi tiếng nhờ viết truyện về sau lại làm thơ hay, nếu nệ vào danh nghĩa tiểu thuyết gia mà không nói đến thơ người ấy e không hợp lý.

Vả lại nhân, với gia, với sĩ mà chi? Thi nhân, thi gia, thi sĩ chẳng hạn cùng gọi ra cái ý niệm hoạt động chuyên biệt thành nghiệp dĩ tương đối lâu dài. Muốn nộp đơn xin vào một chân hội viên của hội Văn Bút cũng phải có một tác phẩm được xuất bản làm thành tích tối thiểu, hưởng hồ muốn được người đời công nhận là thi nhân là tiểu thuyết gia. Vậy xin được tùy tiện: gặp người có một đôi bài hay cũng cứ nói, bất luận danh nghĩa là gì, ra làm sao.

4 – Các bài nhận xét sau đây không nhất trí trong cách viết. Dĩ nhiên phần lớn là bài viết cho sách này nhưng ngoài ra lại có những bài hoặc nguyên là cái tựa cho một tác phẩm, hoặc nguyên là một bài điểm sách đã đăng báo từ lâu, hoặc nguyên là tạp bút ghi nhận cảm nghĩ về một tác giả nhân dịp nào đó, hoặc là một đoạn cắt ra từ bài nói chuyện về văn chương, v.v.

Sở dĩ có chuyện như thế là vì chút quan niệm riêng. Chúng tôi vẫn cho rằng nhận định về một tác giả là nhận định về một tâm hồn, chứ không phải về một kỹ thuật, một chủ đề, một tư tưởng. Phân tích cái khéo cái vụng cái hay cái dở của một bài thơ một cuốn truyện cũng là việc tài tình; nhưng tôi chỉ muốn chú trọng đến phong cách, đến tâm hồn của tác giả. Cái đó nó là một, qua mọi tác phẩm. Trong một câu thơ, một bài thơ: có nó; mà trong hàng chục thi tập cũng là nó thôi. Chỉ lo không nhận diện ra nó, không “bắt” đúng nó. Nếu đã có lần nếu nó ra rồi - dưới hình thức nào đó - thì bây giờ hà tất nói đi nói lại nữa làm chi. Trừ khi mình thay đổi ý kiến hay tác giả nọ thay đổi đường hướng.

5 - Các bài viết đã không nhất trí, lại không nhất dạng: khi ngắn khi dài, có bài quá dài ngắn, lại có bài lằng nhằng lê thê. Là ngụ ý gì chăng? - Xin thưa ngay là không hề.

Không phải hề thích nhiều thì viết nhiều nhiều, thích ít thì viết chút chút, ngắn ngắn: cứ lấy cây

thuốc ra đo bài khắc biết mức độ hâm mộ. Làm gì có sự máy móc như thế bao giờ! Chẳng qua tùy trường hợp: Để tựa một tập thơ mỏng lẽ nào lại dám dài lòng thông lượt thướt? Tờ báo mỗi kỳ điểm dăm mười cuốn sách, mỗi bài điểm cũng không được phép tràng giang đại hải. Trái lại nếu là bài tạp bút, bài thuyết trình thì có thể tùy tiện thư thả. Ngoài ra cũng có khi kẻ viết trúng “tử”, gặp đề tài hợp ý bèn bốc lên ba hoa; và ở đời thiếu gì trường hợp đọc xong một bài thơ một cuốn sách chỉ biết nghếch người ra, vỗ đùi kêu “Hay! Hay tuyệt!” mà không biết nói gì hơn.

Thành thử viết trước hay sau, ngắn hay dài, trích tuyển nhiều hay ít, không nhất thiết phản ánh một sự đánh giá nào, xin chớ quan tâm.

6 - Chúng ta vừa nói đến trích tuyển: đó cũng là một vấn đề:

Sách này viết về một nền văn học bị xóa bỏ. Trong nước cũng như ngoài nước lúc này tác phẩm văn nghệ thời 54-75 không tìm được dễ dàng. Đọc sách chỉ thấy rất những luận với bàn mà không có chứng liệu để đối chiếu xem phải quấy ra sao; và khi thấy sách khen muốn thử thưởng thức tác giả được khen thì lại không tìm đâu ra tác phẩm; đọc sách như thế e mất cả thích thú. Vì vậy, ở đây không phân biệt thể loại nào, bất cứ là thơ hay văn, là truyện hay ký, sau phần nhận xét về mỗi tác giả, đều xin có ít nhiều trích tuyển.

Của mỗi tác giả được giới thiệu, chúng tôi chỉ chọn trích một bài, ngoại trừ ở bộ môn thơ.

Sở dĩ có cái ưu tiên này vì thơ là thứ vẫn được làm nhiều mà khó tiêu thụ (ngoại trừ thơ của những vị đã nổi tiếng lớn). Thường khi các tác giả phải in lấy thơ mình, ấn hành hạn chế, phát hành hạn hẹp. Sách in ra một lần, ít lâu tan biến, hiếm khi tái bản, sau một thời gian rất khó tìm. Ngoài những thi phẩm được xuất bản như thế, còn bao nhiêu là bài thơ hay chỉ có mặt trên báo, tản mác đây đó, mất theo thời gian.

Chúng tôi chọn trích thơ nhiều hơn các bộ môn khác trong ý định góp phần giữ lại những cái hay cái đẹp lúc còn tìm được. Vả lại, mỗi bài thơ thường không choán bao nhiêu chỗ.

Đối với các tác giả thuộc mọi bộ môn, kể trong nước người ngoài nước, rất nhiều vị tôi không liên lạc được để xin phép trích dẫn, tôi chân thành mong được lượng thứ, và trân trọng cảm tạ quý vị.

7 - Duyệt qua khắp các tập sách này, bạn đọc không thấy có bộ môn biên khảo với các biên khảo gia, lý luận gia, phê bình gia, không thấy các nhà sử học, dân tộc học, triết học, v.v.

Ấy là vì chúng tôi đã tự giới hạn sự phát biểu của mình trong phạm vi các ngành sáng tác: chỉ nói về nghệ thuật, không nói đến học thuật; nói về đẹp xấu, không nói về cái đúng cái sai. Chỉ nói về cái nội dung, cái khối thực chất của nền văn chương một thời, mà

không xen vào những biện luận chung quanh nền văn chương ấy, cũng như mọi biện luận khác. Không phải chuyên gia khảo luận, bất quá mình chỉ có lấy cái kinh nghiệm của một người sáng tác mà bày tỏ dăm ba cảm tưởng về việc sáng tác và người sáng tác. Ngoài ra, sao mình lại có thể tự xua mình vào những chuyện táo tợn? Sao nỡ ép uống nhau quá vậy? Đòi thiếu gì kẻ tài giỏi, lúc cần họ sẽ phẩy tay một cái là xong chứ mấy.

8 - Còn cái đáng nói nữa, là ngay ở những bộ môn sáng tác thính thoảng có những bạn đọc cũng có thể ngạc nhiên: “Ồ kìa! Đại thi gia X.X. đâu rồi? người thi sĩ mến yêu ấy, ông tiểu thuyết gia lỗi lạc kia, bà nữ sĩ tài năng nọ, sao không thấy có mặt ở đây? Thiếu sót lớn quá! Còn như ông này cô nọ, là ai vậy? Nghe lạ hoắc. Họ biến thành văn thi sĩ hồi nào vậy cả?”

Những trách cứ như thế, chúng tôi có nghĩ đến, có đoán thấy, và rất lấy làm ái ngại. Nhưng thật khó tránh khỏi. Một phần vì thiếu sót vẫn là chuyện thường xảy ra, mà tuyệt hảo là cái... bất khả. Trong bộ sách này quả có những cái thiếu do cái sót: Chẳng hạn một số tác giả lâu năm xa lạc tự dừng mờ nhạt dần trong trí nhớ của người viết. Cái sót ấy rồi hoặc được nhận ra quá trễ, hoặc mãi không nhận ra. Lại có những cái thiếu không hẳn do sót. Chẳng hạn khi bạn đọc nhớ rõ có những văn sĩ thi sĩ từng có mặt ở cuốn nọ cuốn kia - những cuốn về thơ văn Việt Nam hiện đại, xuất bản trước 1975 ở Sài Gòn - rồi một số

trong những văn thi sĩ ấy không thấy tái xuất hiện trong bộ sách này. Có gì xảy ra?

Thực ra cái như thế vẫn từng xảy ra đều đều. Lại xin nhắc về hai tác phẩm tiền chiến: *Nhà văn hiện đại* và *Thi nhân Việt Nam*. Trong sách của Hoài Thanh đếm được 46 nhà thơ; trong sách Vũ Ngọc Phan chỉ có 10 vị: từ sách này sang sách kia, cứ 5 vị biến mất đi gần 4 vị. Biến mất nào phải toàn tép riu: trong số những tên tuổi bị ông Vũ xóa sổ có Chế Lan Viên, có Nguyễn Bính đấy. Và cứ xem qua trường hợp bà Hằng Phương (được Hoài Thanh quý mến) mà ông Vũ cũng bấm bụng xua đi thì đủ thấy cái quyết tâm công bình của ông cũng rắn tới chừng nào. Ông số toẹt bao nhiêu tên tuổi rõ ràng là chỉ vì “phê bất vị thân”, là không có tà ý ác tâm nào trong đó. Cái bỏ đi thế nào, cái đưa vào cũng thế ấy thôi: ông đưa thêm Bùi Huy Cường vào hẳn vì xét thấy Bùi công đáng mặt anh tài, không thể ngờ có lý do nào khác.

Sách của Hoài Thanh và của Vũ Ngọc Phan đều ra đời trong năm 1942, sách ông Vũ ra sau chút ít đã thấy có chỗ “thiếu” lớn. Tựu trung cái thiếu ở đây chắc chắn không do yếu tố thời gian, mà do nơi thẩm thức của người chọn lựa.

Khi có thời gian xen vào, sự thể càng trầm trọng hơn nhiều. Chúng ta đã thấy ông Hoài Thanh rộng rãi là thế, mà khi ngược mắt nhìn sơ về phía tương lai ông cũng thấy một cảnh tượng đáng hãi. Ông nghĩ rằng cả nước ta có chừng 4 vạn, không khéo đến 40

vạn thi sĩ, tức là người có thể đã từng làm thơ. Trong số ấy độ 4 nghìn người có thơ đăng báo hay in sách. Rồi từ số 4 nghìn này có hơn 4 chục người được ông chọn đưa vào sách *Thi nhân Việt Nam*. Trong số hơn 4 chục ấy, ông ước chừng sẽ có 4 người may mắn để lại được cái tên cho hậu thế. Như thế đủ thấy trong trí một người rộng rãi, yếu tố thời gian nó đã tỏ ra sát phạt dữ dằn tới chừng nào. Từ những tác phẩm từng được đọc ở Sài Gòn trước 1975 đến cuốn sách bạn đang cầm trên tay đây có khoảng cách một phần tư thế kỷ: cái rơi rớt dọc thời gian hẳn không thể ít, cái thiếu là đương nhiên, dù không có sót.

9 - Thẩm thức, chuyện ấy đã nói qua rồi, thấy cần nói lại. Thẩm thức khác nhau, khó giải quyết bằng biện giải; thế mà muốn thêm biện giải vào cái chỗ không biện giải được!

Trong sự thưởng thức các môn loại văn chương có loại đòi hỏi nhiều ở khiếu thẩm mỹ, có loại ít đòi hỏi. Đọc ký sự, phóng sự chẳng hạn, chắc chắn chúng ta dễ gặp nhau trong sự ưa thích; nếu lỡ có khác ý nhau cũng dễ đem ra thảo luận. Trái lại, khi đọc thơ, giữa kẻ thích người không thật khó bề tranh cãi cho ra lẽ; mà dù cho có “ra lẽ” rồi, cũng khó ai thay đổi được cảm xúc trong lòng ai. Thơ cũng như họa, như nhạc: cảm nhận được, khó giảng giải được. Cho nên có sự nói lại về thẩm thức vẫn không có ý thuyết phục, chẳng qua chỉ mong một thái độ thông cảm, khoan dung lẫn nhau.

Bạn đọc không gặp tác giả yêu mến thì buồn, lại bất thần chạm mặt kẻ lạ đâm bực, thấy cái khen này chưa tới mức rất đáng tiếc, thấy cái khen khác quá lỗi lại đáng ngờ, v.v. Chẳng qua có cái hay mà người này “bắt” được người nọ lại không. Buồn cho nhau thôi.

Trong những trường hợp mình lỡ không giống với người khác, chúng tôi sẽ rất lấy làm ân hận nếu không giới thiệu được một số tác giả vô danh, khuất lấp, mà mình chợt bắt được nét đẹp nào đó. Ân hận nhiều hơn là khi mình không phát huy hết cái hay của một tài danh đã lấy lòng. Vũ Ngọc Phan bỏ rơi Chế Lan Viên và Nguyễn Bính? Cái thiệt ở đây là thiệt về phía ông Vũ, chứ Chế Lan Viên với Nguyễn Bính đâu có vì vậy mà mất danh tiếng? Ngay như Đinh Hùng, vì trót đến chậm, không có mặt trong cả sách của ông Vũ lẫn sách của Hoài Thanh, thì rồi Đinh Hùng cũng cứ nổi danh đến nơi đến chốn thôi. Thế nhưng giả sử bấy giờ Hoài Thanh bỏ qua Thâm Tâm, giả sử ông không nhặt ra mấy câu của Trần Huyền Trân, thì chúng ta đã mất đi mấy dạng vẻ độc đáo của tâm hồn Việt Nam một thời.

Thời đại này qua thời đại khác qua, cuộc sống vật chất và tinh thần không ngớt đổi thay, cách thể buồn vui yêu ghét mỗi lớp người mỗi khác, không ai nghĩ rằng vào thời Bà Huyện Thanh Quan, bà Hồ Xuân Hương trước kia, hay trong thời buổi buồn nôn của lớp trẻ thân phận rong rêu ngày tháng xanh xao sau này, trai gái lại có thể có cái tâm trạng:

“Xa nhau gió ít lạnh nhiều

Lửa khuya tàn chậm, mưa chiều đổ nhanh.”

Một khía cạnh riêng của tâm hồn, một lúc nào đó chợt lóe lên rồi mất đi, người sau biết đến sao khỏi có những giây phút xúc động, băng khuâng nghĩ ngợi về những biến thiên dâu bể trong tâm tư dân tộc mình. Thế cho nên có dịp bắt được dăm bảy câu hay đôi ba bài của Lê Nguyên Ngũ, Võ Chân Cửu, Nguyễn Bắc Sơn, v.v. mà ghi lại vài nhận xét, chúng tôi lấy làm một sự may mắn đặc ý.

Còn đối với các văn thi sĩ đã nổi tiếng như cồn mà rủi ro có những vị mình không “bắt” được chỗ cao diệu huyền vi trong thơ văn họ thì tại sao lại vẫn lao vào góp ý huyền thiên? Làm thế chẳng hóa ra mình tự dưng xông đại vào bôi bác công trình sự nghiệp của người sao? Làm thế hoặc giả thoát tiên có vẻ là mình cũng tài giỏi hiểu biết mọi cái siêu cái lạ như ai; nhưng rồi người đời cũng có lúc nhận ra chân giả chứ. Bấy giờ sự đóng góp của mình rốt cuộc chẳng qua là đóng góp một trò cười thôi. Người đã có danh lớn rồi bắt tất cần ai gượng gạo thêm lời xưng tụng. Thêm vào một tiếng hay bớt đi một tiếng ca ngợi không hề hấn gì đến những danh lớn. Vì thế có thiếu sót đối với những vị ấy chúng tôi ít ân hận. Ân hận nhiều không khéo lại là tự trao cho mình một tầm quan trọng quá đáng.

Các tập sách này ra đời được, một phần là do sự tiếp tay của quý bạn Trần Huy Bích, Đặng Tiến, Trúc Chi, Võ Đình, Võ Văn Ái, Thanh Nam, Đỗ Văn Gia (và bào đệ là Đỗ Văn Phong) trong việc sưu tầm tài liệu. Mặt khác, trong suốt thời gian trên mười năm trời nhà xuất bản Văn Nghệ luôn tận tâm xoay trở để sách có thể đưa ra toàn bộ.

Đối với bao nhiêu thân hữu hảo tâm, nhân dịp này tôi xin chân thành cảm tạ. Tôi ngậm ngùi tưởng nhớ đến hai bạn Thanh Nam và Đỗ Văn Gia đã ra đi trước khi mình kịp hoàn tất công việc và ngỏ lời tri ân.

*Võ Phiến Viết 9/1991*

*Sửa và thêm 9/1998*

# BÌNH NGUYÊN LỘC

Sau Genève, hai nhà văn gốc Nam phần nổi bật nhất là Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam. Nói đến người này không khỏi liên tưởng đến người kia. Giữa hai vị có nhiều chỗ giống nhau, và nhiều chỗ khác nhau.

Cả hai chuyên viết văn, cả hai thỉnh thoảng đều có tí thơ thần cho vui.

Cả hai đều có chỗ tâm sự khó giải bày về chính trị lúc nào cũng canh cánh bên lòng; nhưng cả hai – trong thời 1954-75 – đều tránh đề cập đến chính trị lúc đàm đạo và nhất là trong tác phẩm văn chương.

Cả hai đều có viết nhật báo, đều có tác phẩm thuộc nhiều môn loại sáng tác và biên khảo: truyện ngắn, truyện dài, khảo, luận, ký... Viết loại nào họ cũng viết rất nhanh.

Cả hai đều thiết tha với địa phương: việc khai khẩn miền Nam, cá tính miền Nam, phong tục, cảnh vật, nhân vật miền Nam... là một ám ảnh thường xuyên suốt đời cầm bút của họ.

Và – đây là chỗ khá ngộ nghĩnh – chừng hơn chục năm sau Genève, khi cả hai đã có địa vị vững vàng trên văn đàn, thì tự dưng cả hai cùng băn khoăn: có phải mình đang xuống dốc?

Cuối năm 1965, trong cuộc nói chuyện với Ngu Í (*Sống và viết với....*) Sơn Nam đã nhắc với “anh em” xin đừng trách ông “xuống dốc”, xin hiểu giùm hoàn cảnh của ông. Đầu năm 1965 ấy, cũng với Ngu Í, ông Bình Nguyên Lộc tỏ ra áy náy về các chỗ độc giả “trách mình: Trách ông ‘phá giá văn chương’ (đưa một số tác phẩm xuống lễ đường, bán nửa giá), trách truyện ngắn ông sau này kém những truyện trước, trách ông đặt tên sách theo một các soạn giả cải lương. Ông phân trần, bào chữa: ‘Chắc thế nào họ cũng cho rằng tôi nay viết không hay như trước, vì mấy năm nay làm báo hàng ngày, nghề báo hại nghề văn. Tôi không hiểu sự thật có phải thế không, nếu quả tình tôi nay viết kém. Nhưng tôi không dựa vào điều này mà bào chữa cho tôi, tôi nay có viết dở là tại nay tôi viết dở’”!

Dấu sao, trong giai đoạn sau hai vị đều lặng lẽ nghiêng về biên khảo.

Đến đây, xin chú ý tới mấy điểm khác nhau.

Về biên khảo, trong khi Sơn Nam chú mục vào các vấn đề của chỗ quê hương miền Nam, thì Bình Nguyên Lộc lao vào chuyện lớn lao hơn nhiều, tiến hành những công trình qui mô và “mạo hiểm” hơn nhiều: nguồn gốc dân tộc. Các cuốn *Nguồn gốc Mã*

*Lai của dân tộc Việt Nam, Lột trần Việt ngữ*, đã là kết quả của lắm công phu và đã đưa ra lắm điều táo bạo; vậy mà sau này, khi di cư sang Mỹ, ông còn tích sẵn tài liệu, hăm hở định tiếp tục những cuốn kế tiếp đồ sộ hơn. Ngoài ra ông còn có cả một tập khảo luận về y học (chưa xuất bản), cùng viết với người trưởng nam là một bác sĩ (tức cuốn *Khinh tâm bệnh và sáng tác văn nghệ*); ông lại sưu tập ca dao miền Nam (tức cuốn *Thổ ngữ Đông Nai*, chưa xuất bản). Sơn Nam hình như chưa bao giờ có những dự tính tung hoành rộng rãi như thế.

Về sáng tác, Bình Nguyên Lộc cũng bung rộng. Cho đến giữa năm 1966, Ngu Í cho biết ông đã viết được 820 truyện ngắn. Như vậy đến tháng 5/1975 được hơn nghìn truyện chẳng? Truyện dài, vào giữa năm 1966, cũng đã vượt trên năm chục cuốn. Rồi ông đã hoàn tất đến hai tập thơ, tuy chưa nghĩ đến việc xuất bản; ấy là không kể các truyện linh tinh hoặc bằng văn vần hoặc bằng văn xuôi, viết cho nhi đồng.

Ngoài ra, Bình Nguyên Lộc còn những thực hiện độc đáo khác:

- một cuốn tiểu thuyết bằng thơ (*Thơ Ba Mén*),
- một tập truyện huyền hoặc (*Tân Liêu Trai*, dưới bút hiệu Phong Ngạn),
- một tập ký (*Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*).

Khi cảm thấy có thể bị anh em “trách” là truyện

viết có phần sút kém đi, Sơn Nam phân trần rằng chính các ông chủ báo (hàng ngày) muốn những chuyện rùng rợn quái đản, là thứ dễ ăn khách. Trái lại khi đề cập đến chuyện nghề báo hại nghề văn thì Bình Nguyên Lộc bác bỏ ngay, mà khẳng khái tuyên bố: “Tôi nay có viết dở là tại nay tôi viết dở!”

Có lẽ ông nói đúng. Ông về sau có dở hơn trước chẳng? đó là chuyện khác. Duy đồ lỗi cho nhật báo, e oan. Bởi vì mặc dù rất bận rộn vì nhật báo, thức khuya dậy sớm vì nhật báo, Bình Nguyên Lộc tỏ ra vẫn còn thì giờ để ung dung viết những cái mình thích, viết nhiều cái không dùng đăng báo được, nhất là báo hàng ngày, và còn thì giờ để đọc, sưu khảo về những vấn đề hóc hiểm, xa xôi. Vậy thì nhật báo đâu có bức bách nổi ông?

Đề tài sáng tác của Bình Nguyên Lộc cũng rộng rãi hơn của Sơn Nam, rộng rãi quá lắm. Tất nhiên là mỗi ông đều đặc biệt chú trọng quê mình: Bình Nguyên Lộc nhớ Tân Uyên cũng như Sơn Nam nhớ Cà Mau. Nhưng ở Bình Nguyên Lộc quê quán chỉ là một điểm nhỏ. Mục tiêu nhớ thương của ông bao la hơn nhiều: dân thương hồ sống trên nước thì nhớ đất, dân thành phố sống ngay trên đất lại nhớ mùi lửa đốt bằng củi trong bếp nấu nhà quê, mẹ Tây thì hàng năm nhớ tết chịu hết thối, gái quê lên Sài Gòn làm việc thì tới mùa ốc gạo nhớ ốc chịu không nổi, mà lên ở Sài Gòn đã quen Sài Gòn như chính ông thì lại mê Sài Gòn, lang thang vắn vít với Sài Gòn, v.v.

Cuốn truyện dài, tác phẩm lớn để đời mà Bình Nguyên Lộc ôm ấp từ ngày bắt đầu nghiệp văn và rồi cuộc không hoàn tất được mang nhan đề là *Phù sa*. Về sau ông lại nói (với Ngu Í) rằng nếu Sơn Nam và Ngọc Linh không đặt tên nhà xuất bản của họ là nhà Phù Sa thì Bình Nguyên Lộc cũng đã lấy tên ấy đặt cho nhà xuất bản của mình rồi. Thực ra phù sa đâu phải đặc điểm cấu tạo đất miền đông của ông? Người Miệt Dưới nói chuyện Miệt Dưới là Sơn Nam dùng tên ấy là thích hợp chứ. Nhưng Bình Nguyên Lộc không quan tâm đến điều ấy. Cũng như thiên truyện đặc ý nhất của ông (truyện “Rừng mắm”) là truyện viết về Miệt Dưới, không phải về miền quê của ông (Bảo rằng truyện ấy ông đặc ý vì khi in tuyển tập *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*, người chủ trương yêu cầu các tác giả tự chọn lựa tác phẩm của mình, Bình Nguyên Lộc chọn “Rừng mắm”).

Như vậy, khác với Sơn Nam đặc biệt chú trọng địa phương, ông Bình Nguyên Lộc tha thiết với toàn thể Nam phần, miền đất mới của Việt Nam. Và lại, ngoài lòng yêu quê ra, Bình Nguyên Lộc còn bao nhiêu đề tài khác: ái tình Việt Hoa, chuyện tâm lý, chuyện kỳ quái, chuyện xã hội, thân phận giới lao động nghèo khổ, giới ăn sương, chuyện phong tục, chuyện đời sống trong những cộng đồng thiểu số, trong những giới sống bằng nghề đặc biệt, v.v. Phạm vi tìm hiểu, quan sát của ông thật rộng rãi. Về phương diện này,

trong số các tiểu thuyết gia cùng thời, dễ không mấy ai theo kịp ông.

Bình Nguyên Lộc là một trong hai nhà văn gốc Nam phần nổi bật nhất, như chúng ta vừa nói, theo lời của Ngu Í ghi nhận từ ngót ba mươi năm trước. Trong hai người nổi bật, Bình Nguyên Lộc lại có địa vị đặc biệt: địa vị của một người anh cả.

Bình Nguyên Lộc cao niên hơn đa số thế hệ văn sĩ 1954-75, ông đã quen biết với Xuân Diệu từ 1942, đã xuất hiện trên văn đàn trước Cách mạng mùa thu 1945. Sau này ông đã dùng cái vị thế của mình trong làng văn làng báo và kinh nghiệm trước tác của mình để giúp đỡ, hướng dẫn, dìu dắt nhiều người cầm bút trẻ tuổi. Trong cái dìu dắt của Bình Nguyên Lộc có một thân tình vượt quá mối liên hệ giữa văn hữu với văn hữu. Đối với một số người, ông đối xử như anh em. Khi đưa một người bạn trẻ vào viết truyện trên báo *Tiếng Chuông*, ông đề nghị bạn bỏ bút hiệu cũ lấy một bút hiệu mới. Từ đó có bút hiệu An Khê. Khi tung mằm non khác lên báo lần đầu, ông đặt hẳn cho người này một cái bút hiệu: Dương Trữ La, v.v.

Năm 1992, năm năm sau khi Bình Nguyên Lộc qua đời, trên một số báo *Văn Nghệ* (của hội Nhà văn Việt Nam, xuất bản ở Hà Nội), Sơn Nam có bài nhắc đến ngày ông mới về Sài Gòn, Dương Tử Giang đưa

ông đến giới thiệu với Bình Nguyên Lộc “để nhờ anh giúp đỡ kinh nghiệm về viết văn”.

Những người được giúp đỡ như thế là người gốc miền nam. Cái giúp của ông như một gậy dựng, vun quén âu yếm đối với nền văn học của Nam phần. Sự vun quén ấy là một yếu tố trong mối tình của ông đối với Đồng Nai, Bến Nghé, Phù Sa, v.v.

Mặt khác sự giúp đỡ như thế cũng đem lại cho Bình Nguyên Lộc những kỷ niệm lý thú. Chẳng hạn, theo bài báo nói trên của Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc thường đưa Sơn Nam về chơi Tân Uyên “rất nhiều lần”. Còn Sơn Nam không đưa được Bình Nguyên Lộc về Cà Mau, nhưng đã nói nhiều với Bình Nguyên Lộc về đời sống Miệt Dưới. Phía tây nam, Bình Nguyên Lộc chưa bao giờ đi đến Cà Mau Rạch Giá; điểm xa nhất mà ông đến là chợ Cần Thơ. Các câu chuyện Miệt Dưới của Sơn Nam làm ông thích thú, muốn viết về miệt này, nhưng ông chưa hề trông thấy cây mắm. Sơn Nam nhờ họa sĩ Trần Tấn Thanh vẽ một bức tranh “có cây mắm con giữa sóng nước yên lành, ngoài xa, thấp thoáng hòn Khoai”. Thế là Bình Nguyên Lộc có hứng, và truyện “Rừng mắm” ra đời.

Sau này, nói chuyện với Ngu Í, ông thú thực rằng quả cái ngôn ngữ của các nhân vật trong truyện ấy không đúng với tiếng nói Miệt Dưới. Không hề gì: đó vẫn là truyện đặc sắc, được rất đông độc giả tán thưởng trên ba mươi năm nay.

Bố con thằng Cộc (trong “Rừng mẫm”) không nói cái ngôn ngữ Miệt Dưới, và chính Bình Nguyên Lộc không viết với giọng văn của Sơn Nam. Ở ông có cái dềnh dàng, rề rà của người lớp trước.

Một anh văn sĩ được gái mê, một hôm ôm cô gái trong tay. Cô gái đắc thắng, thầm nói: “Sướng đấy nhé! Anh đã được em rồi đó, có thích *hay* không?” (“Lầu 3 phòng 7”). Lần khác, tác giả hỏi độc giả: “Các bạn có bao giờ thấy con cù lẩn chưa? Tôi không *co* gặp nó trong rừng sâu như đàn ông đã gặp”... (“Con Tám Cù Lẩn”). Trong bệnh viện, Tấn tìm gặp người làng nằm bệnh, hỏi: “Ông đau *làm* sao?” Những tiếng *hay*, tiếng *co*, tiếng *làm* ấy – tuy nhỏ nhặt thôi – nhưng nó làm cho câu nói của ông khác hẳn với câu nói thông thường sau này, vốn vẫn tắt nhanh nhẹn hơn nhiều.

Khi kể chuyện đã thế, khi biện giải ông càng đông dài. Trong cuốn *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, dày ngót chín trăm trang, người đọc thường gặp những ý kiến được nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Bình Nguyên Lộc nghe nhiều, đọc nhiều, tản mẫn suy nghĩ phân tích kỹ. Rồi ông nói... kỹ. Nói đông dài, tới nơi tới chốn. Nói cực đoan. Gia đình anh Sáu Nhánh sống trên ghe thương hồ đã nhiều năm, chột bố anh quyết định lên bờ:

“- Tao không cần gì hết, miễn được về đất. Cho phải ăn chợ ngủ đình, tao cũng vui.

- Đất...

- Ủ, đất, đất bạn mà tao chạy nhảy trên đó hồi còn thơ ấu, tao thương nó lắm. Tao ghiền hủi mùi đất xông lên sau mấy trận mưa đầu mùa, tao ghiền hủi mùi lúa chín, tao ghiền mùi phân chuồng. Tao muốn hủi mùi đất vài năm trước khi theo về với ông bà.

(...) Sáu Nhánh cố gắng lay chuyển ý định của cha già:

- Nhưng mình sống bằng tiền, chớ có phải là bằng mùi phân chuồng đâu.

- Rồi mấy sẽ nghĩ khác, một khi mấy làm ăn thất bại, cần cái an ủi mấy. Cái đó là bụi tre làng, là ruộng ruộng sau nhà, là tiếng ru con của một bà mẹ bên hàng xóm.

- Tía nói lạ, kỳ cục!

- Không có gì là kỳ cục. Rồi ngày kia mấy sẽ nghe rằng đất có hồn và hồn mấy rất gần gũi với hồn đất. Tao nhớ đất muốn chết đi lặn, nhớ còn hơn là nhớ má mấy trong mấy năm đầu tang khó của bà ấy, bởi vì vợ chồng không thân thiết với nhau hơn là mình với đất. Vợ chồng chỉ ăn ở với nhau ba bốn mươi năm là cùng, đất thì nó thấy mình sanh ra, lớn lên, già yếu, rồi nó lại ôm mình khi mình chết. Mình cũng thấy nó từ lúc lững chững bước đi cho tới lúc chống gậy mà lê bước”. (“Phân nửa con người”).

Gì của quê hương cũng quý cả: cái đất đã quý, con

người càng quý. Tấn chạy tới chạy lui, bốn chồn mãi vì một người bệnh hấp hối trong nhà thương. Bạn lấy làm lạ, hỏi, lần nào Tấn cũng chỉ bảo cho biết cái tên. “Hắn tên là Bảy Rửa...”

- Biết rồi.

- Tao lớn lên là thấy hắn có mặt trong làng rồi. Không vợ con, không họ hàng thân thích, hắn ăn ở chợ ngủ ở đình. Ai thuê gì cũng làm, chôn ăn mày, đào giếng, đồn củi, tối ngày chiếc rửa trên vai nên mới mang cái tục danh ấy!

- Té ra không có bà con với mày?

- Không. Tóm lại, con người ấy không có gì hay ho đối với tao cả.

- Vậy, sao mày lại...

- Hắn thuộc vào chơn trời quen thuộc của tao thuở tao còn bé. Tao thuộc gương mặt hắn như thuộc lòng các gốc cây trong làng. Tao phải nói rõ cho mày nghe là làng tao tiêu thổ trong thời kháng chiến, chầy không còn một gốc cây. Khi thái bình được vãn hồi, năm 1954, tao về làng thì thấy nó minh mông, trống trải như một sa mạc. Làng tao đã bị xóa, cả ký ức của con người nữa. Kể từ ngày ấy tao bỗng thấy những người đồng hương sống sót và trôi giạt xuống đây, quý báu không biết bao nhiêu. Họ gọi được hình ảnh của quê tao, một vùng đất mà tao rất thương yêu. Rồi họ kể tiếp nhau mà chết hết, chỉ còn lão Bảy Rửa nầy thôi; lão ta giống một lọ sứ cổ Giang Tây, quý chỉ vì bao nhiêu lọ khác đều bể hết, chớ cái đẹp

của chiếc lọ ấy không hơn hồi nó mới được chế tạo đâu. Nhưng hồi đó, còn hàng vạn chiếc, nó còn giá trị gì?” (“Chiếc khăn kỷ niệm”).

Bình Nguyên Lộc trông nghe rộng rãi, phân giải rành rẽ về vô số điều khắp cuộc sống bao la. Ông chú trọng tới cái ý nghĩa của mỗi câu chuyện. Chuyện nào cũng có một ý nghĩa. Hoặc một phát giác tâm lý, hoặc một tố cáo xã hội, hoặc một nhận định về nhân sinh, một luận đề, v.v.

Ở Bình Nguyên Lộc, ý nghĩa lấn át các nhân vật, các xúc cảm. Nhiều nhân vật và cảnh vật chỉ có vai trò minh họa ý nghĩa. Sau khi đọc xong tác phẩm của ông, chúng ta lãnh hội thêm một điều ông muốn nói, một chuyện ông muốn kể; nhưng ít có nhân vật nào của ông ám ảnh ta lâu dài, và ít có những truyện để lại một rung động lâu dài, như “Rừng mắm” chẳng hạn.

Nhưng những nhân vật li ti trong truyện sao bằng nhân vật ngoài đời. Trong lãnh vực văn học của Miền Nam, Bình Nguyên Lộc là một nhân vật không thể quên. Lòng thiết tha của ông đối với quê hương, và những hoạt động mê say của ông cho văn học quê hương chắc chắn sẽ để lại dư vang bền lâu.

Đầu tháng 1/1987, nhân dịp tết Đinh Mão sắp đến, Bình Nguyên Lộc nhớ quê. Trong một lá thư viết vào độ ấy, ông nhắc lại những món ăn trong

nước: “Bánh tráng Việt Nam sao quá ngon. Sang đây, ta ăn bánh tráng của dân nào chẳng rõ, mà nó dở vô cùng, khiến tôi nhớ Biên Hòa khôn nguôi, chắc anh cũng khôn nguôi nhớ Bình Định từ cái vụn bánh tráng này”.

Nhớ bánh tráng xong, lại nhớ tôm nhớ cá, v.v. Chợ Mỹ đầy thịt cá, nhưng thịt cá đông lạnh ông nuốt không vô, ông than bị xuống cân, sụt kí! “Hôm nào người Lào ở địa phương tôi, họ câu được cá, họ bán cho tôi thì tôi đỡ đói, các hôm khác, tôi đói dài”. (...) “Còn món ăn ở các hiệu Mỹ thì tôi đầu hàng.”

Từ tâm tư ông cho đến lục phủ ngũ tạng, đến cái răng cái lưỡi của ông, chúng đều từ chối cuộc sống tha hương. Mĩa mai quá: “đói dài” ở Mỹ! Ông hi vọng rồi sẽ quen dần; nhưng chẳng bao lâu sau đó, ông từ trần (dĩ nhiên không phải vì đói dài). Ông chưa bao giờ thích nghi được với đất khách.

Về nông nổi tha thiết với quê hương, đời ông cảm động không thua bất cứ cuộc đời nhân vật nào do ông gây dựng nên.

12/1993

*(Bốn năm rưỡi sau bài trên, tôi lại có dịp phát biểu về Bình Nguyên Lộc một lần nữa. Xin đưa luôn bài ấy vào sau đây, như một bổ túc.)*

Năm 1969, tạp chí *Khởi Hành* (ở Sài Gòn, số 24,

ra ngày 9/10/1969) hỏi Bình Nguyên Lộc: “Ông đang viết cuốn truyện thứ bao nhiêu của ông?” Bình Nguyên Lộc đáp: “Tôi đang viết truyện thứ nhứt.”

Cuốn truyện thứ nhất của Bình Nguyên Lộc, ông khởi thảo từ năm 1935, năm ông hăm một tuổi. Túc cuốn *Hương gió Đồng Nai*. Bản thảo thất lạc trong thời chiến tranh, trong những cuộc tản cư hồi hải. Mấy chục năm sau, ông vừa thử viết lại vừa cố gắng tìm bản thảo xưa; ông rao tìm trên mặt báo, kêu gọi sự giúp đỡ của người hảo tâm tứ xứ. Cho tới khi ông qua đời ở Mỹ năm 1987, tức 52 năm sau, tác phẩm nọ vẫn chưa tìm lại được, vẫn chưa viết lại xong. Đồng Nai là một mối bận tâm suốt đời của Bình Nguyên Lộc. Dòng họ ông vẫn giữ được bản gia phả mười đời sinh sống ở đất Tân Uyên, một làng bên con sông Đồng Nai. Mười đời kể đến 1965 (lúc ông trả lời cuộc phỏng vấn của Ngu Í) thì đến đời cháu ông hiện nay đã thành ra mười hai đời, tức độ ba trăm năm: vậy tổ tiên ông thuộc lớp những di dân đầu tiên vào Nam lập nghiệp.

Đồng Nai là bận tâm của một dòng họ. Phù sa là bận tâm của cả miền Nam. *Phù sa*, tác phẩm thứ hai trong đời Bình Nguyên Lộc, khởi thảo năm 1942, nhằm vào công trình mở mang bờ cõi về phương nam, cho đến mãi tận mũi Cà Mau. Tác phẩm ấy, đến ngày cuối cùng của ông, 45 năm sau, viết đi viết lại mãi vẫn chưa xong.

Chúng ta vừa nói đến hai mối bận tâm, mỗi bận

tâm thứ ba của Bình Nguyên Lộc bao trùm cả dân tộc. Cuốn *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* được xuất bản năm 1971, năm sau đã xuất hiện ngay cuốn *Lột trần Việt ngữ*. Cả hai đều là sách đồ sộ, đòi hỏi lắm công phu, không biết khởi thảo từ lúc nào, và công cuộc tìm tòi sưu khảo bắt đầu từ bao giờ. Dù sao phải là một thời gian đáng kể; ông từng than với Viên Linh trong cuộc phỏng vấn ở số báo *Khởi Hành* nói trên: “về ngôn ngữ học thì thật là bế đầu, vì tôi tự học, chớ không có vào trường ngôn ngữ nào hết, mà phải học ngót một trăm ngôn ngữ thì rất khổ.” Biến cố tháng 5/1975 làm cho công trình bị ngưng lại, dở dang. Năm 1985, sang đến Mỹ ông nghĩ ngay đến việc tiếp tục. Trong lá thư gửi chúng tôi, viết ngày 16/1/1986, ông cho biết: “Số là quyển *Nguồn gốc Mã Lai* của tôi, tuy đã dày 950 trang, nhưng thật ra thì chỉ là *tome I* mà thôi. *Tome II* quan trọng hơn, tôi đã viết xong tại Sài Gòn, nhưng mang bản thảo theo không được, thành thử giờ phải viết lại, mà viết thuộc lòng vì tài liệu cũng chẳng mang theo được (...) Số là trong *tome I* tôi chỉ mới chứng minh bằng việc đo sọ và bằng trích các cổ thư. *Tome II* là sách đối chiếu ngôn ngữ, trong đó có nhiều khám phá mới lạ về ngôn ngữ học, mà Âu Mỹ đã làm nhưng không xong.” Đầu năm sau, ông qua đời: lại một bận tâm dài lâu nữa chưa toại nguyện.

Một chủ đề khác cũng được Bình Nguyên Lộc trăn trọng. Xem qua các tác phẩm đã xuất bản của

ông, người ta để ý có loại được ông dành cho một sự đăi ngộ đặc biệt. Như cuốn *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, cuốn *Thăm lặng*. “Lang thang trên hè phố”, là hè phố Sài Gòn đầy thoi: nơi ông đã sống hẳn từ 1949 về sau, tức 36 năm, những năm trưởng thành, sung sức, nơi ông đã trải qua gần như suốt cuộc đời hoạt động văn nghệ của mình.

Sách thuộc loại này – theo ông nghĩ – không dính dáng đến chuyện thương mại: trên đời hẳn không mấy ai đọc nó, mua nó. Sách loại này kẻ viết viết vì mình, in cho mình: in thật ít, bìa không hề có màu sắc lòe loẹt. Cuốn *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc* in đúng 658 bản trên giấy đặc biệt chế tạo tại làng Vĩnh Cửu, không có bản nào in trên giấy thường, và cam đoan sẽ không bao giờ tái bản! Sau cuốn *Những bước lang thang*, cuốn *Thăm lặng* cũng được tác giả liệt cùng loại: sách bìa đen trắng, “bán không ồ ạt”. Năm sau nữa, có lời rao mời độc giả đón đọc cuốn *Thu hẹp thiên nhiên*, sẽ chỉ in có 569 quyển và “không bao giờ tái bản”; nhưng cuốn này rồi không thấy xuất hiện trên thị trường, chẳng hay có phải vì lý do bán chác thiếu ồ ạt quá đáng mà dự định đành gác bỏ chẳng?

“Những bước lang thang” thực ra thuộc một thiên phóng sự dài, tên là *Thám hiểm đô thành*. Trong “những bước chân lang thang” ấy, Bình Nguyên Lộc ca ngợi “những hàng me Sài Gòn”, những ghe

thuyền, những “quà đêm trên sông Ông Lãnh”, v.v., với những bài viết từ năm 1952. Trong *Thăm lặn*, bài nói về “Người chuột cống” kiếm ăn trong những ống cống dưới lòng thành phố đã đăng báo từ 1950. Vậy Sài Gòn cũng là một ấp ủ trong lòng tác giả qua nhiều thập kỷ.

Nhớ quê là một ấp ủ khác nữa. Nhà Văn Nghệ ở California tái bản cuốn *Cuống rún chưa lìa* năm 1987 với lời nói đầu (tôi nghĩ là do chính tác giả soạn thảo), cho biết về đề tài này Bình Nguyên Lộc từng viết tới 17 thiên truyện ngắn. Nhớ quê, chữ “quê” nên hiểu rộng: đối với kẻ đi làm ăn xứ xa, thì làng cũ tỉnh cũ là quê; đối với dân ruộng đi Cần Thơ, đi Sài Gòn, sinh sống, thì nông thôn là quê; đối với Việt kiều theo chồng sang Pháp sang Mỹ ở, thì nước Việt Nam là quê; đối với dân thương hồ lênh đênh trên sông nước rập rờn, thì mặt đất liền là quê, v.v. Quê thì vui, thì quý, thì thương không biết để đâu cho hết, thì nhớ da diết không nguôi được. Lửa reo trong bếp thì vui, nước mưa tràn đồng thì vui; xa đất thấy thèm mùi đất; xa xứ bắt được mùi nước mắt, mùi hương hành kho cá thì... xao xuyến cả tâm tình v.v... Tôi có cảm tưởng những câu chuyện như thế, trong một đời, từ năm nọ sang năm kia, ông Bình Nguyên Lộc không chỉ đem ra viết có mười bảy cái truyện nhỏ đâu. E hơn thế. Có dịp kiểm điểm kỹ, e còn gặp thêm nhiều.

Trong đời Bình Nguyên Lộc còn có một bận tâm

khác nữa. Ông không cố ý ấp ủ nó; tự nó đến với ông, dày vò ông. Đó là chứng bệnh thần kinh, phát hiện vào năm 1944. Năm sau, ông khỏi bệnh. Nhưng vào khoảng thời gian từ 1950 đến 1964, ông bỗng trở nên khó tính, bực tức khác thường, khiến cuộc sống gia đình lắm lúc rất khó khăn. Sự kiện này ám ảnh ông. Trong nhiều năm, ông suy nghĩ, tìm hiểu về bệnh thần kinh. Người trưởng nam của ông – bác sĩ Tô Dương Hiệp – chuyên về chứng bệnh này và đã từng là giám đốc một dưỡng trí viện. Hai cha con cùng nhau thực hiện một công trình biên khảo mang tên *Khinh tâm bệnh và sáng tác văn nghệ*. Sách chưa xuất bản thì bác sĩ Tô Dương Hiệp qua đời. Riêng ông, Bình Nguyên Lộc từng có nhiều truyện về bệnh tâm trí.

Vào khoảng đầu thập niên 70, Nguyễn Nam Anh của tạp chí *Văn* ở Sài Gòn có hỏi Bình Nguyên Lộc trong một cuộc phỏng vấn về tác phẩm ưng ý nhất của ông; Bình Nguyên Lộc cho biết trong tất cả những gì đã viết ông thích nhất ba cuốn: *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, *Cuống rún chưa lìa* và *Tì vết tâm linh*. “Tại chủ quan tôi thấy nó hay. Nhưng người khác chưa chắc thấy như tôi.” *Tì vết tâm linh* là cuốn truyện dài về một thiếu nữ bị bệnh tâm trí. Cùng một chủ đề tâm trí ông còn nhiều truyện ngắn. Cái cảm tình “chủ quan” của ông đối với cuốn truyện dài kia có chỗ thương tâm.

Chúng ta chắc chắn là chưa kiểm điểm được mọi nỗi niềm tâm sự của Bình Nguyên Lộc: ở đời có ai thấu hết được lòng ai. Tưởng không nên tham lam quá.

Bình Nguyên Lộc trước viết báo, rồi sau làm báo luôn. Vừa viết văn vừa làm báo là một đời quá bận rộn, mà sự thiệt thòi thường khi thuộc về phía nhà văn. Người ta vẫn có cảm tưởng rằng cái văn cái truyện viết đăng báo, viết trong hồi hỏ, e chẳng qua là món tiêu khiển, hời hợt. Báo chí liên hệ với thời sự, nó không phải thứ để đời.

Ở Bình Nguyên Lộc – như đã thấy – không phải thế. Cái ông viết ra hàng ngày trên báo mà là cái tiêu khiển ư? – Là tấm lòng ông đấy. Là những thiết tha một đời của ông đấy. Là những gì vẫn đeo đuổi ông từ năm nọ đến năm kia không buông tha đấy.

Bình Nguyên Lộc là một tác giả nghiêm chỉnh. Ông được kính trọng.

Năm 1974, trên tạp chí *Thời Tập* (ở Sài Gòn, số ra ngày 10/10/74) Sơn Nam có nói về việc ông mua một cuốn sách cũ của Bình Nguyên Lộc: cuốn *Nhốt gió*. “Quyển này in 3000, gần một phần tư thế kỷ rồi, chắc là đã hao mòn, mất mát, người chơi sách họa chẳng còn giữ ở Sài Gòn này chừng mười quyển là nhiều. Chúng tôi may mắn có một quyển, mua cách đây bốn năm, ở hiệu bán sách cũ, với giá đặc biệt của loại sách cổ, sách quý Năm 1950, sách ghi bán 18\$.

Chúng tôi mua lại 600\$, với cái bìa đã nát. Mua để làm gì? Mến mộ Bình Nguyên Lộc là một số lẽ...”

Mến mộ Bình Nguyên Lộc không phải chỉ những người cùng xứ, tuổi đáng đàn em, như Sơn Nam. Trong quen biết bạn bè, giao du về văn nghệ với Bình Nguyên Lộc từ lâu có Xuân Diệu, Huy Cận, Đỗ Đức Thu, Mặc Đỗ, Nguyễn Văn Bổng..., kẻ Bắc người Trung, trong thời tao loạn có kẻ đứng về bên kia chiến tuyến. Sau tháng 5/1975, Xuân Diệu đến thăm Bình Nguyên Lộc hai lần tại nhà; Nguyễn Văn Bổng cũng còn đi lại.

Anh chị em cầm bút trong Nam thì chắc là số người thân với ông tất phải nhiều hơn, nhưng tôi không thấy cần đông dài. Chỉ xin chú ý đến những nhà văn các miền ngoài, nhất là ngoài Bắc. Ở đó, cái biết về các hoạt động văn học trên phần đất Nam kỳ cũ rất là sơ sài. Theo sự phát giác của Nguyễn Văn Trung gần đây, bộ môn tiểu thuyết xuất hiện ở trong Nam sớm hơn ngoài Bắc chừng ba, bốn chục năm. Vũ Ngọc Phan không hề biết; ông nói về Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn... như những người đi tiên phong, mà không kể đến những Lê Hồng Mưu, Tân Dân Tử, Nguyễn Chánh Sắt, Trương Duy Toàn, Trần Chánh Chiếu, v.v. Sau lớp tiên phong, đến lớp nhà văn tiền chiến các cây bút trong Nam cũng không được chú ý bao nhiêu. Trong bộ *Nhà văn hiện đại* có 79 tác giả, gốc Nam kỳ cũ được 4 người. (Ở hai quyển 4 và 5, nói về các bộ môn sáng tác, thì không

có người Nam nào.) Trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân có 46 tác giả, người Nam chỉ được một cặp ông bà Đông Hồ. Sau 1945, Miền Bắc chỉ quan tâm đến những cây bút đã gia nhập vào hàng ngũ chính trị của họ. Thành thử sự kết giao của các tên tuổi Bắc Trung vừa kể với Bình Nguyên Lộc là trường hợp hiếm.

Ngoài ra, Bình Nguyên Lộc còn được Nhất Linh chọn mời cộng tác vào tờ tạp chí ông chủ trương ở Sài Gòn sau Genève. Năm 1952, mới từ Hương Cảng về Sài Gòn, Nhất Linh đã nhắn Bình Nguyên Lộc đến gặp mình tại nhà trọ bấy giờ ở đường Lê Văn Duyệt (Phòng vấn của Lê Phương Chi, *Tin Sách*, số 32, tháng 2-1965).

Một thắc mắc có thể được nêu ra: Liệu có thể bảo rằng những mối giao hữu, những sự chọn lựa nợ đối với Bình Nguyên Lộc là căn cứ trên các ưu tư làm cơ sở cho văn nghiệp một tác giả nghiêm chỉnh không? Có phải ai tiếp xúc với Bình Nguyên Lộc cũng để ý đến các hoài bão âm thầm của ông, và quý trọng nó?

- Không phải chúng ta vừa khám phá ra điều bí ẩn nào bất ngờ nơi Bình Nguyên Lộc đâu! Trước chúng ta mấy chục năm, các phòng vấn viên Ngụ Í, Nguyễn Nam Anh, Viên Linh, vị nào đến với Bình Nguyên Lộc đều biết, đều có đề cập xa gần đến tác phẩm đầu tiên luôn ám ảnh ông. Tất nhiên họ không biết hết mọi hoài bão của Bình Nguyên Lộc. Thì cũng như chúng ta!

- Nhưng những hoài bão cao quý có làm nên giá trị một tác giả hay một tác phẩm văn chương chăng?

- Đó là một nghi vấn lợi hại. Trăm năm trước, Oscar Wilde đã nói chắc nịch: *"There is no such thing as a moral or an immoral book. Books are well written, or badly written."* Sách chỉ có sách hay với sách dở thôi, cần gì biết tới chuyện cao quý với không cao quý? Nhưng Oscar Wilde phát ngôn từ một bầu không khí văn hóa khác; chúng ta sống trong một truyền thống văn hóa khác. Ở ta, đến như cụ Nguyễn Du mà vẫn từng điều đúng một thời vì cái giá trị đạo lý của cuốn *Kiều*, huống chi những phận hèn như chúng ta. Mặc dù chúng ta đã xa thời Nguyễn Du, dù các quan niệm văn học Tây phương đã phổ biến rộng rãi, nhưng phải nhận rằng ảnh hưởng của truyền thống vẫn còn: Đối với sách, ngoài chuyện sách hay sách dở ở ta vẫn lắm kẻ lưu tâm đến sách tốt sách xấu; và đối với người (tác giả) ta vẫn quý chuộng những kẻ kiêm đủ tài và đức, những kẻ có lòng. Dĩ nhiên chỉ quý chuộng khi sách tốt không đến nỗi dở, kẻ có đức không đến nỗi bất tài.

Nhưng chuyện hay dở rồi sẽ bàn sau.

Người ta để ý thấy Nhất Linh mời Bình Nguyên Lộc cộng tác làm báo, nhưng Nhất Linh không đề cử Bình Nguyên Lộc vào Tự Lực văn đoàn, không đưa sách ông vào các nhà xuất bản Phụng Giang, Đời

Nay, như đối với một số nhà văn khác lúc bấy giờ (Nhật Tiến, Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam...) Tại sao vậy? Một cách đánh giá chẳng? Chúng ta không có căn cứ đầy đủ để ước đoán. Hãy bằng lòng với một ghi nhận, một “để ý”, vậy thôi.

Từ đó liên tưởng đến vài sự kiện khác.

Trở lại với Sơn Nam, xem cách Sơn Nam đọc sách Bình Nguyên Lộc. Ông mua cuốn *Nhốt gió* với cái giá đắt gấp 33 lần nguyên giá, lý do thứ nhất là vì lòng mến mộ đối với tác giả (như ông đã nói). Lý do thứ hai là đối với tác phẩm: “là muốn có sẵn trong tủ một quyển sách có công dụng thiết thực. Công dụng gì? (...) Chúng tôi đọc *Nhốt gió* để tìm một vài phút lâng lâng (...) Thế nào là lâng lâng? (...) Muốn thưởng thức *Nhốt gió* thì nên lật ra, đọc một vài hàng, hoặc vài chục hàng để rồi xếp lại. Hoặc bỏ vài chục trang, đọc một đoạn cho vui. Người đọc không phải cố gắng, chịu cực để theo dõi như vật hoặc suy nghĩ gì cả. Xin giới thiệu vài đoạn (...) Cứ đọc *Nhốt gió* khi nào mình thấy thiếu thốn một chút hương vị quen thân. Sách chỉ dày có 200 trang, đọc lai rai chừng một tháng là hết, nhưng thỉnh thoảng đọc lại năm ba hàng, tình cờ, lại thấy vui và mới. Nó giống như ca dao, những câu ca dao bằng văn xuôi.” (*Thời Tập*, Sài Gòn, số đã dẫn).

Vài đoạn Sơn Nam đem ra giới thiệu là một đoạn nói về cánh rừng dầu lông cao lỏng lỏng, lá khô rôm rốp dưới chân người, ong kêu vù vù như muôn

ngàn người trò chuyện trên ngọn cây. Và đoạn nữa là về một anh chàng xa quê nhớ về làng quê, nhớ những buổi đầu đông gió bắc ở rừng về bay theo bầy tu hú, những chiều đầu mùa mưa gió nồm từ biển vào rũ dọc đường bầy bông lông mót trắng mịn như tơ trời...

Cả tháng trời, Sơn Nam đọc từng đoạn như thế, và ông lâng lâng. Thì ra ông có đọc truyện đâu! Tay cầm cuốn truyện, ông đọc... ca dao!

Như thế, Sơn Nam quả là tay sành sỏi. Ông Cao Huy Khanh, ông Nguyễn Văn Sâm đọc truyện của Bình Nguyên Lộc, và không mấy vừa lòng. Ông Cao kêu về cái “cá tính ưa thích sự phân tích lý luận bác tạp rộng về bề mặt nhưng thiếu chiều sâu”; ông Nguyễn cũng bảo “ông (Bình Nguyên Lộc) giải thích quá nhiều lần nên người đọc dễ chán, người ta đọc tưởng mình đọc *sách học* hơn là đang thưởng thức một sáng tác phẩm” (tạp chí *Văn Học*, Hoa Kỳ, số 18, tháng 7-1987). Hai vị gặp nhau ở cái chủ tâm giảng giải, thuyết phục, nơi Bình Nguyên Lộc.

Hai vị đã bắt đúng một trong vài chỗ nhược của Bình Nguyên Lộc. Một chỗ nữa là cốt truyện. Lấy kinh nghiệm sáng tác của mình, ông khuyên các bạn trẻ đừng nghe lời một số các nhà phê bình mà nghĩ rằng cốt truyện hay thì làm mất giá trị của truyện (*Thời Tập*, Sài Gòn, số đã dẫn). Có nhà phê bình nào bảo vậy không? Dù sao, Bình Nguyên Lộc là một tác giả tốt bụng: ông chuộng loại truyện hay vì cốt

truyện (dĩ nhiên cũng hay luôn về các phương diện khác). Truyện nhiều tình tiết hấp dẫn, lôi cuốn, đọc vẫn thích; ông tử tế với độc giả, ông muốn độc giả hưởng nhiều khoái trá.

Rốt cuộc ông lâm lụy vào hai cái ấy: truyện rộn ràng tình tiết và nặng giảng giải.

Về cái giảng giải khỏi cần dông dài: một sự kêu trời rập ràng của hai vị Cao – Nguyễn vừa rồi đã đủ. Giảng làm chi chứ hả? Tiểu thuyết gia nào phải là thầy cô của ai đâu; độc giả tìm đến cuốn truyện nào có ý học hỏi gì đâu mà tự dưng hạ người ta xuống phận học trò cho người ta í ới thăm thương!

Còn về tình tiết rộn ràng, có thể chọn một thí dụ nơi cuốn *Đò dọc*, mà ông Cao Huy Khanh cho là “sự thành công duy nhất và quá hiếm hoi” của Bình Nguyên Lộc. Bốn chị em Hương, Hồng, Hoa, Quà đều chưa chồng, có cô đã quá muộn, cha mẹ đã lấy làm lo. Lại gặp cảnh rời Sài Gòn về tỉnh nhỏ, cha mẹ càng lo thêm. Chợt có tai nạn xe xảy đến ngay trước nhà. Trong một đêm, cả bốn chị em lần lượt nối đuôi trò chuyện với nạn nhân, là anh Long. Rồi bốn chị em cùng yêu. Rồi hai chị em nối nhau tự tử vì tình. Rồi ba chị em lại xúm nhau lấy chồng. Sự việc sao mà dồn dập, mà rục rục, ngoạn mục quá chừng. Cũng ngoạn mục như chuyện yêu đương có dây gai thắt gút, có đèn pin bỏ túi của một chàng trai Sài Gòn, trong *Tì vết tâm linh*. Lại cũng ngoạn mục như chuyện anh chàng Bùi An Khương trong truyện

“Thèm người” bị thất tình, đi trả thù tình, vào rừng, bị con khỉ cái bắt, cặp nách, nhảy vùn vụt trên các ngọn cây, đêm đêm trối chàng lên cành cây, ban ngày hái trái ngậm đầy mồm đem về nuôi chàng, nuôi để mà... hiếp. Chàng trai sống riết với khỉ đến gần mất hình người.

Chúng ta có cảm tưởng ông Bình Nguyên Lộc có hảo ý muốn làm vui người đọc. Hảo ý không thuộc về nghệ thuật.

Giảng giải là mối quan tâm về ý nghĩa, cốt truyện lỵ kỳ là mối quan tâm gây thích thú. Ý nghĩa nếu cao xa, diễn biến nếu ngoạn mục, xem qua biết rồi cũng sẽ mất lý do thu hút. Trong khi đó vài câu băng quơ, chẳng hạn:

“Ai về Giồng Dứa qua truông  
Gió run bông sậy để buồn cho em”

lại có thể hát đi hát lại hoài vẫn còn sức kích động. Ông Sơn Nam bỏ qua các khoản kia, nhảy vọt qua từng đoạn sách, chọn đọc những câu “ca dao” trong truyện Bình Nguyên Lộc, cho nên sách cũ một phần tư thế kỷ vẫn thấy hay.

Cái nhược kia với cái ưu này cùng của ông Bình Nguyên Lộc cả. Và đều do những bận tâm ấp ủ một đời của ông cả. Điều ấp ủ mà nóng lòng đem ra phân giải quá lộ liễu thành hỏng. Nỗi niềm ấp ủ mà tiềm ẩn tận cội sâu trong tâm hồn, hoặc kín đáo bộc lộ,

hoặc bất thần xuất hiện không chủ tâm lại gây xúc động, lại làm nên giá trị nghệ thuật.

Cảnh rừng đầu lông ong kêu vù vù (“Thềm người”); cảnh những chiếc ghe thương hồ đậu ở kinh Tàu Hủ, những chiếc ghe từ các miền Ba Thắc, Đồng Nai... lên, trên mũi chèo vài ba cây cảnh, trước mũi một con heo đứng ngơ ngác nhìn bờ (...), những chiếc ghe khảm lữ hàng hóa, thủ phạm người vợ hiền chăm nuôi con dại, và bờ ngổ như một chị nhà quê lạc lõng vào thành phố (“Sông Ông Lân”); cảnh mùa mưa nước dâng ngoài đồng, đom đóm đậu nghệt lá cây, chớp nháy buồn thê thiết, cảnh hai ba giờ khuya thức giấc, cất tiếng hú chị em bạn vậy đoàn chín chị mười chị cùng đi chợ vui không quên nỗi (“Con Tám Cù Lân”); chuyện những ngôi cổ mộ, hoặc của một ông sư hoặc của một ông tướng, phu phen ty Lộ chính đô thành quật lên nay ở góc đường này mai góc đường kia, những mả cũ bên đường một đô thị nhộn nhịp gọi bao nhiêu ngậm ngùi (“Hui nhị tì II”), v.v.; bấy nhiêu chuyện nọ cảnh kia rải rác khắp các tác phẩm Bình Nguyên Lộc. Lại còn như câu chuyện người các tỉnh lên Sài Gòn làm ăn, buổi sáng ngồi ở bến Ông Lân uống tách cà phê, trông ra những chiếc ghe thương hồ trên sông mà:

“nhìn ghe bỗng chạnh tình quê  
rừng rừng nước mắt tư bề người dưng.”  
rồi lại nghĩ quẩn:

“Ghe ơi, vài bữa ghe về,  
Nhắn người dưới ruộng cô Quì còn không?”

Ghe đi ghe lại về, người xa xứ thì mòn mỏi tháng năm trên các nẻo đường đô thành, tư bề người dưng! Những cái ấy cũng làm ông Sơn Nam lâng lâng sầu được chứ.

Những cái ấy, chúng là những “ca dao” lổm đổm trong truyện, trong thơ, trong bút ký, trong mọi môn loại sáng tác của Bình Nguyên Lộc. Chúng là cái dấu ấn phân biệt thứ văn chương đăng báo, văn chương nhật trình của Bình Nguyên Lộc với văn nhật trình của bao nhiêu kẻ khác.

Những đóm “ca dao” ấy đã kết tinh từ cái thiết tha đối với quê hương, nguồn gốc, đất đai, cái thiết tha từng ôm ấp các công trình Phù sa, Đồng Nai, Mã Lai, v.v. trong mấy thập kỷ. Cái ưu này kết hợp với cái khuyết kia, kết quả thế nào? nên cân nhắc bên nặng bên nhẹ ra sao cho phải? Chắc chắn Bình Nguyên Lộc không có ý cãi cộ với ai, nhưng có lần cùng Nguyễn Nam Anh nói chuyện, trước 1975 (bài phỏng vấn được đăng lại trên tạp chí *Văn Học*, Hoa Kỳ, số 18, năm 1987) ông đã xác quyết, cũng chắc nịch như Oscar Wilde: “Giữa tài với đức, đức phải hơn. Tôi không phải là một nhà đạo đức chút xíu nào hết, nhưng tôi vẫn trọng đức của người khác, đánh giá họ bằng đức chứ không bằng tài, mặc dầu tôi vẫn quý trọng tài của họ lắm.”

Bình Nguyên Lộc không chịu nhận lấy cho mình

chút xiu đạo đức nào, nhưng tấm lòng của ông chắc hẳn là yếu tố đáng kể trong sự quý trọng của người đời. Người ta quý trọng ông như quý trọng một nhân sĩ trong làng văn, cái làng rộng lớn cả cõi Nam kỳ cũ.

5/1998

(Giới thiệu *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*  
do An Tiêm xuất bản)

# RỪNG MẮM

Chim đang bay lượn bỗng đứng khựng lại, khiến thằng Cộc thích chí hết sức. Nó theo dõi con chim thấy bói ấy từ nãy đến giờ, chờ đợi cái phút này đây.

Thật là huyền diệu, sự đứng yên được một chỗ trên không trung, trông như là chim ai treo phơi khô ngoài sân nhà.

Chim thấy bói nghiêng đầu dòm xuống mặt rạch giấy lát rồi như bị đứt dây treo, nó rơi xuống nước mau lẹ như một hòn đá nặng. Vừa đụng nước nó lại bắn tung trở lên như một cục cao-su bị tung, mở ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt trở lên trời để theo ông câu kỳ dị và tài tình ấy nữa, nhưng mắt nó bị ngọn dừa nước bên kia bờ nước níu lại.

Trên một tàu dừa nước, một con chim thẳng chài xanh như da trời trưa tháng giêng, đang yên lặng và bền chí rình cá.

Trong thế giới bùn lầy mà thẳng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cả, từ ông nội nó cho đến những con sinh vật nhỏ mọn qui tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim thẳng chài đẹp không có màu

xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các lão cò sấu nào là ngang vai thôi, cái bền chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhứt là mũi tên xanh bắn xuống nước nhanh như chớp, mỗi khi thẳng chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó, đủ làm cho nó quên thẳng chài ngay.

Là vì đầu cò chớm chớm những cọng lông bông, nhắc nhở nó những kép vô hát bội gần lông trĩ trên mào kim khôi mà nó đã mê cách đây năm năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sướng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con để nó làm bạn, để nó đùa giỡn với.

Nhưng không hiểu sao một hôm, tía má nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuồng cui, một thứ xuồng to mà người ta gọi là xuồng mẹ, ghe con, rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng này đến kinh hieu quanh nọ, và rồi cuộc dừng bước nơi cái xó không người nầy mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô Heo.

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng, thèm còn hơn thèm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm nọ trên chiếc xuồng cui, vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghi ngút sương từ

đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy thường kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện đời xưa đẹp như một mái lá, hoặc những chuyện ma, rờn óc như ăn phải trái bần chua. Nhưng dầu sao, Cộc cũng thích người khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sâm uất hơn cảnh rừng tràm tối mịt hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó cũng không nghe từ lâu. Con chó săn và mấy con gà giống mang theo đã ngã lăn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác này: nóng, ẩm, còn muỗi mòng thì quơ tay một cái là nắm được cả một nắm đây.

Chưa bao giờ mong mỏi của Cộc được thỏa mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thềm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khua nước.

“Hò ơ... tháng ba cơm gói ra hòn,

Muốn ăn trứng nhận phải lòng hang mai.

Mũi xuống cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuống, chống chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng nầy Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ biết họ ra biển để bắt cua và ba khía, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, nhứt là nghe hát, Cộc sướng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thềm hơn bao giờ cả. Nên

*chi Cộc nhìn xuống chèo khuất dạng thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô Heo.*

Trộn vùng này, ông nội nó đã đặt tên là Ô Heo. Nhưng riêng trong gia quyến nó thì Ô Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở tận trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú.

Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng.

Cả ổ heo đều bị sát hại hôm đó và canh tác của gia quyến nó về sau này đã đuổi thú dữ đi xa. Tuy nhiên, để phòng chúng trở về, ông nội nó đã cấm nó lên ô Heo một mình.

Thằng Cộc lại thích lên đó, ban đầu chỉ vì Ô Heo có sức quyến rũ của một trái cấm. Nhưng về sau, nó đã gặp người nơi đó.

Đó là vài người đồn ông và đồn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đồn ông thì đến để gác cuốc, gác nhan sen, còn đồn bà thì để nhỏ bồn bồn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ kín không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cúng đình, tóm lại tất cả sanh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm ngùi tưởng đến như nhớ những kỷ niệm xa xôi.

Cộc chạy qua khỏi ruộng nhà, và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm vì nó chạy dưới nước và dưới bùn

mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng ông vải xong ở quê cũ.

Ông nội nó với tía nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng và lửa, như con vật khổng lồ, đã tấp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm này. Thành ra ruộng nhà của nó mang một hình tròn kỳ dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất là rắn mắt của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng, trông như đầu tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gấp, bỏ dở công việc, đứa trẻ bị chúng bạn chế nhạo là đầu chó tấp.

Lúa ruộng chín, cây lúa cao quá, ngã rạp xuống để lòi trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cất nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh những gốc tràm tươi rói không cháy được nầy, tía thằng Cộc đành cấy lúa giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa tràm chết cũng vẫn còn đưa cẳng lên như vậy.

Sau lưng Cộc là những rặng tràm bị cháy xém dưới trận lửa khai hoang, không chết ngay, nhưng “chết nhát”, cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng tràm đầu nám đen và trụi nhánh như cột nhà cháy, cảm hận nhìn chiếc chòi lá xa tí dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lấn đất của chúng,

đã sát hại chúng.

Sau đó rừng tràn dày mịt, chẳng chịt những dây bông bong, dây choại bò từ thân cây nẩy sang thân cây khác.

Thằng Cộc lắng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những cây bình bát, cây rán, mọc xen với tràm, để đi tới đích.

Một ổ chồn cộc bỗng chạy qua trước mặt nó khua lên một cái roạch, làm nó giật mình, nhưng tiếng người trên Ô Heo cách đó chừng hai hàng cây giúp nó vững dạ.

Tiếng đồn bà hỏi:

- Anh hồng sợ thằng Mùi hay sao?

Tiếng đồn ông đáp:

- Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hót.

Cộc vệt cỏ, lá, đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô Heo sợ hãi ngồi dang xa ra. Người đàn ông gác cuốc là người quen, người đàn bà nhỏ bốn bốn thì lạ hoắc. Chị này trẻ đẹp hơn tất cả những chị nó quen biết từ lâu.

Người đàn ông trấn tĩnh lại ngay, ngoắc nó lại mà hỏi:

Muốn về trên hay không Cộc? Muốn thì đi theo chị hai mấy đây, chỉ có một đứa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cộc mắc cỡ tía tai thì chị đồn bà hỏi anh kia:

- Ở miệt này có người sao anh?

Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.

- Quen hay lạ?

- Lạ. Họ ở trên Sa Đéc lận.

Chị đàn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc để mua lòng kẻ đã bắt chột việc thăm lén của chị:

Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu một chỗ như vậy. Em có muốn thì phải ở rể thôi.

Rồi hai người lớn cười ngặt nghẽo với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đàn ông kia. Minh trần của nó nổi u nổi nần những bắp thịt rắn như nắn bằng đất sét gắn vào đó rồi nung cho đen và cứng.

Sự nảy nở của thân thể nó đi song đôi với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu băng khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng trầm trầm thủy trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vậy là xấu đến mức nào và phải có thái độ làm sao nên bối rối lắm.

Chị đàn bà nắm tay nó, rì nó ngồi xuống bên cạnh chị, vỗ lên đầu nó rồi dỗ ngọt:

- Chị không ăn thịt em rể chị đâu mà sợ. Mấy mà về trển làm ruộng thì ai cũng ưa. Làm rể có công ba năm thì má chị gả con Thôi cho mấy liền. Nói thiệt đó mà.

- Nó muốn trốn để theo qua dữ lắm, người đàn ông nói, nhưng nó còn ngại.

- Ngại gì?

Thì lo sợ cái việc xa xôi, dất lạ đó mà.

- Em nè, chị đàn bà lại hỏi, nhà có mấy người?

- Bốn người.
- Ai với ai?
- Ông nội tôi, tía tôi, má tôi, với tôi.
- Làm mấy công đất?
- Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.
- Gặt được mấy gia mỗi mùa?
- Tám gia.

Chị đàn bà cười ngất một hơi rồi day lại hỏi nhân tình:

Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất chỉ gặt được có tám gia thôi?

Người đàn ông không cười, đáp:

- Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.

- Rồi lấy gì mà ăn, em nhỏ?

Tía tôi đi đổi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.

- Đổi bằng gì?

- Bằng cá khô. Với lại nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đốt trên đầu gió một cái là chúng nó lạch cạch chạy trốn, bắt không kịp lặn.

Chị đàn bà tỏ vẻ ái ngại một hơi rồi nói:

- Này giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị hoặc theo anh đây cũng được.

Chị với tay ra sau lưng lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngước mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị nuốt ừng ực vài cái rồi nói:

- Em có được ăn chè lẫn nào không?

- Không, từ năm nay rồi. Cách đây một ngày đường không có nhà cửa ai cả, không có quán, tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.

- Ở Sa Đéc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xuống U Minh này?

- Tui cũng không biết tại sao? Ở Tháp Mười dễ chịu hơn hả?

- Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao Lãnh hay không?

- Gần.

- Em có nhớ xoài Cao Lãnh hôn?

- Tui lạy chị, đừng có nhắc chè, nhắc xoài nữa tui thêm muốn chết đi. Năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trẻ buồng, chắc tui sẽ được ăn ngọt đây. Ủi chà! Trưa rồi chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha anh chị!

- Ủ, về, mai mốt lại lên đây nữa nha?

- Xuống anh chị ở đâu?

- Dưới kia. Nhỏ bồn bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa mà! Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không?

Chuối cười của hai người nhân tình ấy đuổi theo sau lưng Cộc khiến cho nó trong giây phút không muốn về nhà nữa.

Ra khỏi rừng tràm râm mát, mắt Cộc bỗng dừng như đổ hào quang trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy đang rung rinh như nước xao, và nó

*tuồng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.*

*Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong:*

*- Mấy đi đâu mà tới đúng bóng mới về? Má Cộc hỏi.*

*- Tôi đi lượm lông chim lông ô.*

*- Lông đâu?*

*- Mà kiếm hoài hồng có.*

*- Mồ tổ cha mấy, nhiều chuyện. Chim lông ô đời xưa chỗ đời nay đâu còn nữa. Mai gặt nghe không? Ăn cơm khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.*

*Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, không ai nói với ai lời nào. Những người này, sống biệt tịch ở đây lâu ngày rồi, đã biến thành á khẩu vì thói quen.*

*Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh mẽ như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi nãy trên gò Ô Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó:*

*- Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì tui quên rồi?*

*Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào năm năm rồi.*

*- Uống nước đọng trên lưng, trên rừng chỗ nước gì.*

*- Sao mình lại tới đây ông nội?*

*- Đã nói cho mấy biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khổ cả đời.*

*- Ở đây, mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời.*

Ông nội thằng Cộc làm thỉnh. Nó nhìn ông nội rồi chợt nhận ra năm nay ông cụ già quá. Tóc râu ông cụ đã trắng bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình chết ngày nào không biết chừng, thường than mình nhớ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông, nên dòm ra sân để quên.

Bấy giờ bóng bốn nôi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng ngọ. Bốn cái nôi bể ấy, hèn thế mà rất nhiều công dụng đối với gia đình nó.

Để tránh nước mặn tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, làm thành bốn cái giá ba chơn treo như giá trồng của bọn đồn thổi đám ma. Trên mỗi giá đặt một cái nôi lưng dẹt, và trong nôi để đầy đất mà tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chát không dùng được. Hành, ớt, rau răm, rau mỗ om được trồng trong mấy vườn cao cảnh đó. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặn bao nhiêu cũng phải lập thế mà trồng cho được không thôi không có món gia vị nào để ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao cảnh và tí hơn lại là chiếc đồng hồ của nhà nầy vào mùa khô. Cứ xem bể dài của bóng giá là tính giờ được ngay và khi bóng nôi tròn vum che mất bóng giá là đúng ngọ ngay bon.

Nhìn ra sân một hơi, nhai nuốt hết cơm, nó dạy vô hỏi tía nó:

- Năm nay mình gặt cỡ bao nhiêu tía?
- Nhờ ông bà, đất nước, được hăm lăm gạ là ít lắm.
- Cũng chưa đủ ăn.

- Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rưởi là số chót.

- Với lại, tía thằng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa nàng cùm thất gạo lắm. Năm tới tao gieo giống tằm vượt chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay hể chuối trở buồng là năm tới tạo trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hớn hờ trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thằng Cộc chưa thấy gì là xán lạn cả. Trồng ổi cũng phải lâu mới có trái, trong khi đó, nó tiếp tục thềm chè, thềm xúng xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhỏ bốn bốn, tức là có duyên lắm.

Con trai làng thấy con gái thường là thế, mà họ còn thăm lén rủ nhau đi một ngày đường nước để ra đây gặp nhau, hưởng hồ gì là nó chưa được nói chuyện với con gái lần nào hết. Những đứa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại là không có gì quyến rũ cả. Đứa nào cũng cạo trọc chùa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo mọc ra một chòm đuôi dài trông đến buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì, ở đâu từ kiếp tiền thân của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy.

Những cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiếng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như văng vẳng đâu trong không trung.

Thần thờ, thằng Cộc nói lại câu hồi nãy và giận dỗi

thêm một đoạn khiến ông nội nó giật mình, chống đũa mà nhìn nó trừng trừng

- Ở đây mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn là ở đó có làng xóm, có người ta.

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lắm. Bó lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chứ không chực rớt xuống nước ruộng như những bó lúa gác lên đầu nọc thường.

Đó là những gốc tràm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đến tràm cháy, tia thằng Cộc đã trù xa, đồn ở trên cháng hai ấy độ một gang rưỡi, nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuống trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc tràm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuống.

Đủ thứ là cò, cò ma, cò lông bông, cò quắm, cò hương, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người độc nhất mà chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng này; ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ đã được ba bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội sinh tới đầu gối, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết.

Bà ta tăng hăng rồi cất tiếng hò:

“Hò ơ... Tiếng anh ăn học lâu thông

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường.”

Hò xong câu đó ấy, bà lắng đợi chồng bà hò đáp. Nhưng tia thằng Cộc cử làm thỉnh mà gặt, khiến bà

đâm ngượng nên cười rồi cự chống cho đỡ mắc cỡ:

- Tía nó sao câm cái miệng, không bắt vậy!

- Hử, nhiều chuyện nà! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với gheo. Bộ còn trai gái gì đó sao?

Vì vui kết quả của cần cù nên má thằng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui ấy thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây tóc đã nhuộm hoa râm rồi, bà cũng có thể hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuyến khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau.

Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhỏ bốn bốn bảo nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chắc! mà nó phải nhờ má nó dạy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thằng Cộc chống xuống lúa ra bờ rạch, còn tía, má nó và nó thì lội nước sinh mà về bộ.

Đập lúa và phơi phóng mất hết mười ngày. Trong những ngày buồn tẻ phẳng lì giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thằng Cộc nao nức muốn về làng.

“Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường!”

Câu hò của má nó ám ảnh nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đố nó câu ấy chắc nó phải ngậm cam, cho dẫu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khăn lông là vật dụng mà nó quên rồi thì còn biết

là mấy đường để đáp cho thông. Từ lâu nó chỉ có một chiếc quần xà-lõn trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh. Đêm khuya nhờ nóp che thân cho đỡ bị muỗi đốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gọi thêm như là bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

Hôm ấy dừng bỏ cho con cháu đổ lúa khô vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói:

- Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thình, trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.

Con rạch Ô Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải về ngọn, nó nghĩ như vậy, đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sâm uất, chớ xuôi dòng ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chớ?

Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước đây nó muốn theo ghe của bọn bắt cua đi một chuyến lắm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chân trời lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phấn khởi chút nào cả.

Ông nội nói tiếp, dặn mẹ nói:

- Con mẹ Trùm, ngày mai phải dậy khuya nấu cơm. Tao đi với thằng Trùm và thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa và về cho tiện.

Rạch Ô Heo nhỏ xíu cho nên tràm ở hai bên bờ

giao nhành với nhau được, và phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bây giờ thằng Cộc mới hiểu thấu nghĩa hai tiếng “hang mai” trong câu hát của bọn đi bắt ba khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, ô rô và cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chảy xiết, xuống trôi bon bon, tuy vậy, ông nội và tía cũng chèo cẩn thận để mau tới, hầu về kịp nội buổi chiều đó.

Gần tới trưa, xuống không đi mau nữa.

- Nước đứng rồi, ông nội nói, tức là gần tới cửa rồi. Họ nghỉ chèo, để xuống trôi linh đình, không tiến cũng chẳng lùi, rồi lấy cơm dõ trong mo ra ăn.

Không đi thời thôi, đã trót đi, và lúc gần đến đích thằng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và cơm hỏi hả rồi hỏi:

- Ra đó làm gì ông nội?

- Rồi mấy sẽ biết.

Họ ăn cơm xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo nước ngược cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thằng Cộc ngạc nhiên lắm mà không thấy biển đâu cả. Con rạch tiếp đi xa ra ngoài kia, ngoài một chỗ xa tít mù khơi, hai bên bờ rạch cây vẫn mọc xanh um và ở đầu ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một tấm vách tường xanh như da trời.

- Biển ở đâu, ông nội? Cộc hỏi.

- Đằng xa kia, xanh xanh đó.

- Sao không ra ngoài, ông nội?

- Không cần.

Tĩa thằng Cộc chèo mũi, rút sào cặm xuống bùn, theo lệnh của ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc lại gần rồi hỏi:

Con có thấy gì khác lạ không?

- Không, ông nội à!

- Không thấy? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à?

- A... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây, đất đã hết, mà chỉ có bùn, tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia dừng lại nơi bìa lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống nửa bùn nửa đất, trên ấy cỏ ống mọc rậm ri và chim cao cẳng đủ loại đập đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân lảng giềng mọc trên bùn đen. Đó là những cây ốm nhom, chen nhau mà vượt lên cao, cây nầy cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển thoải thoải dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuôn tràn từ trên cao xuống mé biển ngoài xa.

Xa, xa lắm, có những cây mọc lẻ tẻ như những tên lính xung phong mau bước tiến tới để hãm thành lập công.

- Nhìn xuống gốc cây! Ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đối chọi trông rất đẹp.

- Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trổ bông ngay dưới gốc?

- Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mắ, đây là rừng mắ đây.

- Cây mắ? Sao tui không nghe nói đến cây ấy bao giờ?

- Con không nghe, vì cây ấy không dùng được để làm gì cả, cho đến làm củi chụm cũng không được.

- Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hằng hà sa số như là cỏ ăy.

- Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lùn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắ mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia mắ sẽ ngã rạp. Giống trầm lại nổi ngòi nó. Rồi sau mấy đời trầm, đất thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp;

- Ông với lại tía con là cây mắ, chơn giằm trong bùn. Đời con là đời trầm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.

Đời mắ tuy vô ích, nhưng không uổng, như là

lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi. Vả lại con không thích hi sinh chút ít cho con cháu của con hưởng sao?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ, bỏ mả ông cha để hi hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô Heo.

Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều.

Nó nắm chặt tay ông nội nó và thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ nho kia mà.

- Ông ơi, nó than, nhưng tràm buồn quá!

- Tràm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuận, ta làm ba mươi công, và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới để phụ lực. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chúc tràm tới đây mà phá rừng, vùng Ô Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu.

Tràm hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dừa, xoài, quít, đây nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuận...

- Và sẽ có chè ăn?

Ông nội cười ha hả mà rằng:

- Gì chứ chè thì sẽ có lu bù.

- Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thèm về Ô Heo!

Hai năm nữa người ta sẽ đồn đất Ô Heo thuận.. Những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây.

Ông nói điều này, không biết con hiểu được hay

không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ miền Trung tràn vào đây đều chịu số phận làm cây mắm cả, từ xứ Đồng Nai nước ngọt tới đây, ở đâu cũng hoang vu cả.

Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung phong, tốp đầu liều chết đuối lội qua tộ nước rộng hủ đường để làm cầu cho bạn đi sau vào đến nơi có chất ngọt.

Tất cả mấy lớp tiên phuông đầu tiên đều ngã gục như rừng mắm rồi ông sơ ông cố con, ông nội đây là tràm mới kiếm được miếng ăn...

- Tía!

Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm tràm như nó được hay không và kêu tía nó bằng một giọng thương yêu trĩu mền hết sức.

Thôi nhỏ sào đi về cho kịp con nước, ông nội ra lệnh.

Ông nội vui vẻ quá, ông bỗng nhớ sức lại những câu hò của thế hệ người tiên phuông đi khai thác đất hoang ở miền Nam, mà ngày nay thế hệ tràm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên

“Hò... ơ Rổng châu ngoài Huế,  
Ngựa tể Đồng Nai,  
Nước sông trong sao cứ chảy hoài,  
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.”

(Trích từ tập truyện Ký thác)

# CHU TỬ

**K**hi cuốn tiểu thuyết đầu tay – cuốn *Yêu* – được tái – bản, Chu Tử có viết mấy lời. Ông cho biết trong lần xuất bản đầu tiên năm nghìn cuốn *Yêu* đã bán hết chỉ trong vòng hai mươi lăm ngày. Ông bảo kết quả ấy vượt ra ngoài ước đoán của giới xuất bản và ngay cả của tác giả. Trước đó, nhiều nhà xuất bản từng bảo ông: “Truyện của anh ‘được lắm’, nhưng tôi sợ không có độc giả.” Các nhà xuất bản đã “lầm lẫn về trình độ thưởng thức của độc giả”; còn chính ông, ông tự xác nhận cũng “thường đánh giá sai người đọc”. Đại khái là ông cũng có nỗi e ngại về “trình độ”: E độc giả thấp, tức e sách quá cao.

Sự kiện sách bán năm nghìn trong hăm lăm ngày đã xóa được cái e ngại ấy. Nhưng liệu nó có chứng tỏ rằng như thế là sách hơi thấp chăng?

Thiết nghĩ không có vậy đâu. Tiểu thuyết của Chu Tử bán mạnh, được quần chúng độc giả đón nhận rộng rãi, đó không phải có gì là thấp. Và giả sử tiểu

thuyết ấy bán ít, bán không chạy, thì cũng không phải có gì là cao. Đây không phải chuyện thấp cao. Đây chẳng qua là chuyện một vài đặc điểm trong truyện của ông, những đặc điểm hình như có liên quan đến phong cách độc đáo của ông.

Bấy giờ Chu Tử viết truyện được nhiều người khoái, mà làm báo cũng khiến lắm người khoái quá trời, bất luận là cao hay thấp. Người ta khoái ông, khoái cái phong cách ông trong cuộc sống cũng như trong văn chương.

Trong tiểu thuyết của Chu Tử có những nhân vật hoặc ngang tàng, bướng bỉnh, hoặc hào sảng, khí phách, hoặc nhiều khi kỳ cục.

Hiệp tới nhà ông đốc phủ Thịnh xin việc, đã biết ông ta thân cộng, ông ta không ưa Bắc kỳ, lại càng ghét Bắc kỳ di cư; thế mà Hiệp cứ ngang nhiên xưng là thanh niên mới di cư vào Sài Gòn, lại thách thức là trong vòng sáu tháng sẽ có cách làm cho cô con gái cứng của nhà này phải ăn rau muống (*Loạn*). Ông Xương đánh bạc thua, nổi dóa mắng tới tấp người này vung tay tát chéo người kia, người có quyền thế có sức mạnh hơn ông nhiều; thế mà rút cuộc trước cơn giận “chính nghĩa” kẻ gian phải sợ hãi, chịu khuất (*Loạn*). Trang là học trò cũ của Đạt, một cô học trò xinh đẹp; thầy trò gặp nhau ba bốn năm sau, Trang rất lễ phép cầm tay thầy Đạt đặt lên hông

mình hỏi: “Anh có biết cái gì đây không?” (*Yêu*). Huyền là học trò Thanh, thầy trò yêu thầm nhớ trộm nhau trong bao nhiêu lâu. Về sau Thanh vào ở trong một ngôi chùa. Một hôm Huyền tìm đến, mân mê bàn tay Thanh và nói thẳng: “Em muốn được làm vợ anh, ngay bây giờ... ngay lúc này”... Thanh hoảng hốt. Nhưng Huyền nhất định tiến tới. Và nàng được “làm vợ” tức thì, ngay trong chùa (*Tiến*), v.v. Những con người như thế, giá nghe họ sống đâu đó ở ngoài đời, thiên hạ cũng ầm ầm đổ xô đến tiếp xúc, để cho biết. Ngộ quá mà! Người ta ai chẳng tò mò muốn chứng kiến những cái ngộ nghĩnh, độc đáo? Hiểu con ai bằng cha mẹ, hiểu nhân vật không ai bằng tác giả; thì chính Chu Tử ông ta cũng thường nói đến các nhân vật của mình như là những con người “bốc đồng”, “bốc chát”, “ngổ ngáo”, “ngang ngược”, “*cynique*”, “tàn bạo”, là những “đứa tro”, “trắng trợn”, “trâng tráo”, v.v.

Trong truyện cũng như ngoài đời, khác gì? Cái lạ thường thu hút mạnh.

Và thu hút là phải, thiên hạ đổ xô đến là phải. Thủ tướng tượng, khi những nhân vật như thế mà tập hợp lại, gần gũi nhau, thì phải xảy ra bao nhiêu là chuyện thú vị chứ. Những chuyện lắm khi thật kỳ cục, nhưng phải nhận là thú vị. Quả nhiên. Cô Hằng, nữ sinh Đồng Khánh, trẻ đẹp, một đêm có anh bộ đội ghé tai nói: “Thèm quá, ủng hộ một tí...”, đã điềm tĩnh đáp lại “Xin vâng!” và “ủng hộ” không ngần ngại

(*Yêu*). Người thanh niên tên Tiến là kẻ có chí lớn, không chịu sống tối tăm, quyết tâm phải kiếm ra bạc triệu, chằng bèn làm nghề “chầu rìa” bên sông bạc, để rồi một đêm đưa một con bạc, một người đàn bà đẹp giàu có xuống cầu tiêu, đứng chờ bà ta ra, ôm hôn đại một cái (*Tiến*). Thái là nhân viên Tòa án Binh liên khu, anh ta có cô vợ đẹp bị ông Trưởng ban Quân pháp của toà án này quyến rũ. Thái ức tình chạy lên trung ương, giải bày nỗi uất hận với Quân pháp cục trưởng. Ông này xuất thân là thầy tuồng nên ưa những chuyện éo le, nhiều kịch tính, bèn cho Thái về lại cơ quan cũ, cho hai nhân viên theo hộ tống, cấm trưởng ban Quân pháp không được làm hại. Thái về, trước xẻo hai tai vợ, sau xẻo luôn đủ hai tại tình địch, rồi bỏ về thành (*Loạn*), v.v.

Chuyện kỳ lạ cũng thu hút như nhân vật kỳ lạ, tất nhiên. Nhưng nếu nó kỳ lạ quá đến mức người nghe không tin được thì hỏng. Chu Tử biết thế, và biết rằng chuyện mình kể e quá kỳ lạ, cho nên ông nhiều lần cam đoan đó là những chuyện có thật, cam đoan không phải chuyện bịa. Ông bảo: chuyện bà Hằng ủng hộ bộ đội một tí là chuyện có thực “một trăm phần trăm”. (“Lời người viết”, đầu cuốn *Yêu* bản in lần thứ hai). Ông bảo: “*Loạn* là một chuyện có thực (...) Trong thực tế các nhân vật của *Loạn* vẫn còn sống, ăn, nhớ, suy nghĩ, chán đời, như mọi người trong chúng ta, ngoại trừ Xương đã chết.” (“Để thay đoạn kết”, cuối cuốn *Loạn*). Kể ra, những sự nọ việc kia có

thật hay không có thật ngoài đời, điều ấy không quan trọng; chuyện thật được tác giả đưa vào tác phẩm bao nhiêu phần trăm bỏ ra ngoài bao nhiêu phần trăm, điều ấy cũng không quan trọng. Cái quan trọng không phải là chuyện trong nghệ phẩm có thực hay không, mà là ở chỗ nó có vẻ thực hay không. Nếu bỗng không mà tác giả dựng ra được một câu chuyện có vẻ như hoàn toàn thực thì đó là thần tình. Lại nếu một câu chuyện thực trăm phần trăm, tác giả kể lại thế nào mà chẳng ai tin được, thì hỏng rõ ràng, khó lòng biện bạch. Dù sao, ở đây không phải vấn đề Chu Tử kể chuyện có “thần tình” không. Ở đây chúng ta đang nói về những cái lạ thường trong tiểu thuyết Chu Tử: cái đó không thể chối cãi.

Trong tiểu thuyết ông nhân vật đã lạ thường, sự việc xảy ra cũng lạ thường, mà lại xảy ra tới tấp, dồn dập, làm độc giả hoa cả mắt, tối tăm mặt mũi.

Trong cuốn *Yêu*, bắt đầu ông Thúc tuyên bố một tin động trời: Thầy Đạt định hỏi cưới trò Diễm, làm cả nhà náo lên. Tiếp đến bật ra các chuyện bà Thúc đã định gả Diễm cho Khải, chuyện Diễm đã hứa lấy chú Đạt từ hồi chín tuổi. Kế đó lại là chuyện Đạt có con riêng, chuyện bà Hằng “ủng hộ” bộ đội, rồi chuyện ông chánh án Tòa án Bình liên khu hiệp đàm bà Hằng, rồi Đạt nhận con Hằng làm con mình, v.v. Tất cả trong vòng hăm lăm trang sách.

Dồn vào mỗi trang sách nhiều sự việc quá, Chu Tử không chờ ai nêu ra, chính tự ông ông nhận ra

điều ấy trước tiên. Ông viết: “Trúc đi Chuồng Chó là một chuyện phi lý, Trúc hành hung nhân viên công lực là hai chuyện phi lý, Trúc được báo chí đăng hình coi như một tay chúa trùm du đảng là ba chuyện phi lý, nhà Huyền cháy là bốn chuyện phi lý, gia đình Huyền đến tạm trú ở nhà Dũng là năm chuyện phi lý... Tất cả những chuyện phi lý đó dồn dập xảy ra trong vòng hăm bốn tiếng đồng hồ, như trong một cuốn phim, trong một tiểu thuyết, một ác mộng.” (*Tiến*)

Chính cũng vì biết nhân vật mình lắm kẻ kỳ cục, câu chuyện mình kể lắm chỗ “phi lý”, cho nên Chu Tử thường “giảng giải lòng thông”, mặc dù ông nhận rằng đó là “một điều tối kỵ trong nghệ thuật viết tiểu thuyết” (Xem “Lời người viết”, ở cuốn *Yêu*). Giảng giải thì lòng thông, mà không giảng giải e người đọc không tin, không chấp nhận. Khổ thân ông. May Chu Tử là người giỏi biện luận nên chuyện gì ông giải cũng trôi.

Nhân vật lạ thường, truyện diễn biến dồn dập, gồm nhiều biến cố bất ngờ, như thế thu hút là cái chắc. Nhưng như thế e là kỹ thuật thu hút quá dễ dãi chăng?

Nghĩ rằng Chu Tử viết truyện chỉ nhằm lấy cái lạ hấp dẫn độc giả, viết truyện như loại truyện giải trí rẻ tiền chuyên lạm dụng cái éo le cái quái dị, nghĩ

thế oan cho ông. Chắc chắn Chu Tử không có ý ấy. Chẳng qua vì tác phẩm của ông nó phản ánh phần nào cuộc sống của ông, phong cách của ông.

Chu Tử là một người độc đáo, một người phóng khoáng, ngang tàng, khí phách, dám làm những điều người khác ngần ngại. Ngay từ hồi tiền chiến, hồi ấy ông còn rất trẻ, thích thơ Vũ Hoàng Chương, ông đã bỏ ra một ngân khoản lớn biểu ông Vũ in thơ. Có duyên nợ với văn thơ sớm như thế nhưng suốt một thời gian dài sau đó không thấy ông xuất hiện trên văn đàn. Ông chỉ nhập vào làng báo vào đầu thập niên 60. Nhập vào là ông quậy mạnh. Ông làm sôi nổi cả làng. Ban đầu cộng tác với các nhật báo *Dân Việt*, *Tranh Đấu*; sau ông đứng ra chủ trương các tờ *Sống*, rồi *Sóng Thần*, rồi báo *Đời*, cá tính mạnh mẽ của ông càng ngày càng hiển lộ. Ông nói lên những điều nhiều người khác ngại nói. Ông đề cập đến những vấn đề người khác ngại đề cập. Ông thẳng thắn hạch tội những nhân vật có thế lực lớn hoặc trong chính quyền hoặc trong các đoàn thể mà người khác ngại va chạm. Trong những bài xã luận hài đàm sắc bén ông “đụng” lung tung, ông gây sóng gió. Tình trạng ấy đã đưa đến nhiều đụng độ, có khi thật ác liệt, có bom có đạn hằn hoi. Trong dư luận bấy giờ truyền tụng một câu đùa: “Thượng tọa bể bàn tọa, Chu Bình sút miệng bình.” Ông gây oán nhiều, mà lúc thi ân ông vung tay cũng hào hoa lắm: Nhân một lúc vui chuyện ở tòa soạn ông cao hứng quyết định đẩy nhà

vấn Hồ Hữu Tường vào một ghế dân biểu đối lập, rồi ông tung tiền của và dồn thế lực của tờ báo mình, thực hiện kỳ được quyết định ấy. Tỉnh Quảng Ngãi mở một nghĩa thực, ông giúp bạc triệu, khiến người địa phương ái mộ đến nỗi có lần ông ra xứ Quảng dân chúng kéo đến hoan nghênh tại phi trường, xe ông đi có mô-tô hộ tống, v.v.

Chu Tử như thế, các nhân vật tiểu thuyết của ông theo kịp ông cũng đủ mệt. Nhưng có điều trái khoáy là xưa nay dù tác giả là người thế nào hễ đã đem thân ra viết truyện thì phải chiều theo nhân vật truyện: Tú Bà phải cho ra Tú Bà, Kim Trọng ra Kim Trọng mà Sở Khanh phải ra Sở Khanh... Đảng này Chu Tử bắt các nhân vật tiểu thuyết của ông phải tuân theo ý ông, phải giống ông, phải... noi gương ông. Ông ngang bướng quá Trời! Trong tiểu thuyết của ông đàn ông ngang mà đàn bà cũng ngang, nhà trí thức ngang mà cậu du côn, cô gái ăn sương cũng ngang phè, ngang như cua. Hết điều tối kỵ này đến điều tối kỵ kia trong nghệ thuật viết tiểu thuyết, ông liên tiếp vi phạm. Vậy mà ông thành công. Tiểu thuyết của ông được đón tiếp niềm nở.

Đối xử với các nhân vật, phải nhận rằng Chu Tử đã nhiều lần quá đáng. Tiến vừa buông lời miệt thị gái mãi dâm, tức thì ông cho cô Điệp mãi dâm trúng ngay cái số độc đắc, và Tiến lập tức bỗng “thấy Điệp đường hoàng, lương thiện như bất cứ kẻ có tiền nào” (*Tiến*). Tác giả như thế phải kể là một tác giả “tàn

bạo”. Và một tác giả tàn bạo cho ra đời những nhân vật tàn bạo, *cynique*, nói sấn sổ vào mặt kẻ khác những lời trắng trợn cũng phải thôi: Huyền tin rằng mình chịu thất thân với Hoàng Long là để cứu mạng người yêu, là mình đã hy sinh cao cả, tức thì Thái nói toạc: Nếu Hoàng Long xí trai liệu Huyền có sẵn sàng “hy sinh” không? Huyền á khẩu, mồ hôi lạnh toát ra đầm đìa, và lấy cho Thái hai phát súng lục (*Loạn*).

Người *cynique* chế giễu những cái cao thượng: trinh tiết, đạo đức, lương tâm, v.v., họ bảo rằng ở đời chỉ có tiền là quan trọng: Tuấn đặt ra “Hội những người lưu manh cao thượng”, theo triết lý bip, làm trò “công bê (*Yêu*), Thái thì đề cao “chủ nghĩa lưu manh” (*Loạn*), v.v. Chu Tử tung ra một loạt những nhân vật như thế, nhưng trong thâm tâm ông lại là kẻ hướng thiện, tin ở căn bản tốt của con người, ông quý đạo đức. Trong mỗi cuốn truyện của ông có một vài nhân vật lúc nào cũng ngay thẳng, chân thành, trong sạch, cao thượng, và những nhân vật ấy đều là nhân vật cứng của tác giả: Diễm trong *Yêu*, Huyền trong *Tiền*, trong *Loạn*, Xương và Hiệp trong *Loạn*, v.v.

Tất cả Chu Tử, tất cả tâm hồn ông hình như bị thu hút về cái sinh hoạt náo nhiệt của xã hội, về các mối tương quan giữa người với người, cho nên xem ra không mấy khi ông có dịp để ý đến thiên nhiên.

Trong truyện của ông lúc nào cũng có những màn gay cấn về chuyện người ta yêu nhau, ghét nhau, bịp nhau, cứu nhau, v.v.; mà không mấy khi có cảnh. Ao Bà Om ở Trà Vinh là một địa điểm tình tự với hình ảnh rất lợt lạt, mơ hồ; trận đông tố ở nhà bà Hằng chỉ là cái cớ xô bà ta vào lòng ông Thúc chứ không vẽ ra được cảnh vật gì (*Yêu*). Cửa bể Nha Trang cũng không có hình dạng, nó chỉ là dịp để Hiệp chạm vào người Đào vậy thôi (*Loạn*).

Khó tưởng tượng được Chu Tử viết ra những tác phẩm mang tựa đề *Bướm trắng* hay *Dưới bóng hoàng lan*, hay *Nắng trong vườn*, *Gió đầu mùa*, v.v.

Trong tâm hồn của Chu Tử không có chỗ dành cho con “bướm trắng” của Nhất Linh, tuy nhiên ông và Nhất Linh lại gặp nhau ở những mối tình thơ ấu. Ở Nhất Linh, những gần gũi thân xác và tình cảm của ngày thơ ấu tiềm tàng sống mãi và gây thành mối tình giữa Siêu và Mùi lúc trưởng thành. Ở Chu Tử mối tình của chú Đạt và bé Diễm cũng bắt nguồn từ một kỷ niệm ấu niên (*Yêu*), mối tình giữa trò Huyền và thầy Thanh bắt nguồn từ một hôm thầy ngẫu nhiên lỡ bắt gặp cô bé thay đồ (*Tiền*), những tình cảm bất ngờ sôi nổi trong lòng Liễu đối với “cậu Xương” bắt nguồn từ buổi thơ ấu của nàng ở làng Yên Mô xa xôi (*Loạn*), v.v. Hồi tiền chiến, các tiểu thuyết gia chưa mấy ai chú ý đến đề tài này.

# TRỜI! CẬU XƯƠNG<sup>1</sup>

Thái bảo Liễu lấy quần áo cho mọi người thay, rồi hỏi bạn Xương:

Thuốc phiện, rượu, gái, các anh dùng thứ gì?

Xương thích nằm bên bàn đèn, nhưng lại không biết hút thuốc phiện. Chàng cũng không biết cả uống rượu. Xương trả lời liền:

- Đàn bà!

Thái và Hiệp nhìn nhau tùm tùm cười. Liễu tình quái nhìn gương mặt bơ phờ của Xương như để đánh giá Xương được bao hơi sức. Thái âu yếm đặt tay lên vai Liễu, giới thiệu với Xương

Người xưa thường dâng người yêu cho tri kỷ. Anh Xương tuy chưa phải tri kỷ của Thái nhưng không ai hiểu Thái bằng anh, cho nên đặc biệt hôm nay, tôi dâng Liễu của tôi để Liễu thừa tiếp anh. Bắt đầu giờ phút này, Liễu là của anh cho đến sớm mai...

Rồi chàng xoa đầu Liễu, nói với Liễu:

- Anh Xương không phải là một chính khách, hoặc một tay “sộp” mà chúng mình cần phải cho vào “xiếc”. Anh Xương chỉ là một chàng lạc lõng kiết lố đít... Nhờ em tiếp giùm anh, để anh Xương quên...

chán đời ít nhất là một đêm. Em có thể giúp anh điều đó được không?

- Dạ em ráng.

Xương nằm dài trên sập, duỗi thẳng cẳng. Xương nhìn thân hình mảnh dẻ nhưng lẳn, với bàn tay mềm, mịn của Liễu, hồn nhiên trả lời:

Cảm ơn thịnh tình của anh và cô Liễu. Gân cốt tôi lúc này đã lỏng lẻo, nhất là sau gần ba trăm cây số đường trường vừa rồi. Tôi chỉ ao ước một điều là nhờ cô Liễu thoa bóp cho một chặp... vì đối với tôi, không gì khoái bằng được một người đàn bà đẹp "tắm quất"... Liệu cô Liễu có biết tắm quất không?

Liễu cười rất đẹp:

- Em tắm quất thì không chê vào đâu được. Thái cũng khen Liễu:

- Liễu nó tắm quất thì tuyệt thật. Chỉ sợ anh Xương được tắm quất một lần, đâm nghiện.

Lời Thái nói làm Xương phì cười. Từ khi Xương bắt đầu hơi chán chính trị và đàn bà, hai cái đam mê lớn nhất của chàng, Xương vẫn ao ước được nghiện một thứ gì trên đời, mà chàng vẫn chưa tìm được. Chàng chỉ sợ không còn biết đam mê gì nữa thì thật hết lý do sống. Xương thủng thẳng trả lời:

- Tôi đang mong được nghiện, bất cứ cái gì... Nếu nghiện được tắm quất, thì quả là một thú vui lành mạnh!

Xương tưởng nói đùa cho vui. Ai ngờ Liễu đã dịu dàng gỡ ra khỏi bàn tay của Thái, tiến tới ngồi sát đầu Xương... Nàng tùm tùm cười, lấy ngón tay tháo

*mấy cái khuy áo pyjama Xương đang mặc, nhỏ nhỏ bảo Xương*

*- Anh cởi áo, em tắm quất cho anh coi!*

*Xương hơi hoảng hốt hỏi:*

*Ở kia, tưởng đùa, tắm quất thực à! Liễu vẫn duyên dáng:*

*- Sao lại không thực...*

*Xương không biết làm thế nào. Chàng chỉ ngổ ngáo miệng, chỗ chàng vốn nhát gái. Nhưng thấy Liễu tự nhiên quá, chàng e mình phản kháng thì hơi kỳ cục.*

*Chàng đành ngượng ngùng để mặc Liễu muốn làm gì thì làm. Liễu khởi sự thoa bóp chân tay cho Xương, thì Thái và Hiệp cũng rủ nhau bỏ sang buồng bên cạnh uống rượu, mặc cho Liễu “vần” Xương... Thấy hai người bỏ đi và chỉ còn một mình Xương với Liễu trong phòng, Xương bắt đầu thấy ngượng trong khi Liễu vẫn vui vẻ, hồn nhiên đem hết cả tài “tắm quất” ra biểu diễn. Mà Liễu tắm quất tuyệt thật. Bàn tay kỳ diệu, mát rượi, vừa mềm vừa mạnh của Liễu nắn vào các bắp thịt mỗi một rã rời của Xương, tới chỗ nào, Xương thấy tỉnh táo, khoan khoái đến mê ly... và tuổi trẻ yêu đời của chàng hầu bùng trỗi dậy dưới ngón tay dìu dặt của Liễu.. Xương lim dim cặp mắt nhìn cái ngực nồn nà của Liễu, thấy trong lòng mình không vẫn một chút tà ý thêm khát nhục dục nào thì chàng tự nhủ: “Có lẽ mình sẽ nghiệm tắm quất thực.” Xương hỏi Liễu:*

*- Liễu học ở đâu mà tắm quất tài vậy?*

*Liễu cười:*

- Tất cả những mảnh khóe để làm đàn ông say mê, em đều học hết, đều biết hết. Em đã học tẩm quất ở những ông vua tẩm quất “Ba Tàu” cũng như em đã học khiêu vũ với tất cả những vũ sư danh tiếng. Nghề của em mà ly!

*Xương hỏi cho có chuyện:*

- Quê Liễu ở đâu mà lại lạc loài vào đây?

- Em, quê ở Bắc Giang.

*Xương hơi sưng sốt, vì sinh quán Xương cũng ở Bắc Giang. Mấy đốt ngón chân Xương kêu rằng rắc dưới ngón tay Liễu. Xương đợi cho Liễu bẻ xong cả năm đầu ngón chân, mới hỏi:*

- Làng Liễu là làng gì? Tôi cũng quê ở Bắc Giang!

*Gương mặt Liễu rạng rỡ cái rạng rỡ của kẻ tha hương gặp người đồng quận.*

- Vậy à? Làng em là làng Yên Mô...

*Xương mở to đôi mắt nhìn Liễu chăm chú, cố nhận ra một vài nét quen thuộc. Xương đã gặp nhiều sự tình cờ kỳ lạ trên đời, nên khi thấy Liễu nói sinh quán Liễu ở làng Yên Mô là quê của chàng, Xương tuy ngạc nhiên, nhưng không để lộ trên nét mặt. Chàng thủng thẳng nói:*

- Hay nhỉ... Liễu là con cái nhà ai mà tôi không nhận ra... Liễu có biết nhà cụ Hàn Khiêm ở Yên Mô không?

*Hai bàn tay Liễu đột nhiên ngừng lại. Liễu trở mắt nhìn Xương:*

Trời! Có phải anh là cậu Xương con của cụ Hàn Khiêm không? Mẹ em trước kia vẫn đi “ở” bên nhà cụ.

Thì ra, tha hương, con “chủ” và con “tở” gặp nhau trong khung cảnh một hộp đêm! Bà Hạnh mẹ Liễu vốn là vú em, đã trông nom, săn sóc Xương hồi thơ ấu. Khi Xương mười hai tuổi, thì mẹ Liễu sinh hạ Liễu. Tuy sống ở nhà với bố, Liễu thỉnh thoảng được mẹ đưa chơi nhà Xương. Liễu mười tuổi thì Xương đã trở thành một sinh viên. Những ngày nghỉ, Xương về thăm gia đình, chàng mua đồ chơi, quà cáp cho các em chàng, thứ gì, thì chàng cũng mua thứ đó cho Liễu. Xương không phân biệt chủ tớ, làm mẹ Liễu và Liễu sung sướng. Dưới con mắt Liễu hồi đó, Xương tượng trưng cái gì thật đẹp mà Liễu không bao giờ dám mơ màng... Mỗi lần Xương về quê, mẹ Liễu lại đưa Liễu sang “chào cậu” và Liễu mở to đôi mắt thán phục nhìn Xương như con sâu đất chiêm ngưỡng một vì sao, và khi Xương xoa đầu Liễu, nắm tay Liễu, khen Liễu “cháu Liễu của cậu ngoan lắm” thì Liễu không đứng vững, tim ngừng đập và Liễu muốn oà lên khóc vì cái hân hạnh quá lớn lao mà Xương ban cho nàng... Từ đó, trong tâm khảm Liễu, hình ảnh Xương vẫn ngự trị, lung linh huyền ảo, như cái gì vợi vợi cao xa mà cánh tay nhỏ bé, ti tiện của Liễu không bao giờ với tới. Vậy mà, sau hơn mười năm xa cách, và sau bao nhiêu biến cố làm đảo lộn đất nước, làm tan tác gia đình chàng, lúc này Xương đang nằm thẳng cẳng rã rời gân cốt, để bàn tay của Liễu – con người vú em của mình mang

*lại sự yên nghỉ, sự bình lặng cho thể xác và tâm hồn mệt mỏi của chàng... Liễu giương đôi mắt thao láo đầy kinh ngạc nhìn Xương, và khi nhận ra Xương, nàng nửa muốn bỏ chạy nửa muốn ôm choàng lấy Xương... Tự nhiên Liễu muốn rút tay về, không dám động tới người Xương nữa, và nàng có cảm tưởng rờn rợn của kẻ vô tình đã sờ mó, ôm ấp cái thần tượng mà mình vẫn tôn thờ. Tiếng cười của Xương bật ra, ai oán:*

*- À thì ra “cháu Liễu của cậu” !*

*Danh từ “cháu Liễu” làm Liễu quên phút hiện tại để mãi liệt sống lại quá khứ, sống lại thời thơ ấu mà mỗi lần Xương về thăm quê, là một “biến cố lịch sử” đánh dấu quãng đời nàng... Liễu nhìn gương mặt sạm, với những nét nhăn trên trán, đôi mắt sâu, cặp má trũng của Xương, không tìm thấy những nét khỏe, mạnh của người thanh niên lý tưởng, đẹp trai trước kia, đột nhiên Liễu oà lên khóc:*

*- Trời! Cậu Xương! Cậu già quá rồi!*

*Tiếng nấc của Liễu làm trời dậy trong lòng Xương tất cả quá khứ mà từ lâu chàng cố hủy diệt. Thực tình, Xương không cầu mong gì hơn là được khóc, nhưng Xương thấy mình không khóc nổi. Xương đã chứng kiến những biến cố kinh khủng, đã thấy những chế độ này lật những chế độ kia, những lớp người này cười đầu cười cổ lớp người khác, nhưng có lẽ chưa có biến cố nào làm chàng sống sót bằng biến cố “cháu Liễu” con gái người vú em của gia đình chàng, trở thành bà*

“chúa đi” cổ chân đeo hột xoàn và đeo nhạc, ngồi thoa bóp cho “tiểu chủ” của mẹ nàng xưa kia...

- Sao lại ngừng... “Cháu Liễu” cứ thoa bóp cho “cậu” đi...

Liễu ngoan ngoãn vâng lời, vừa tiếp tục thoa bóp vừa nức... Nàng sờ mó người Xương, như sờ mó một vật rất linh thiêng đã hết thiêng, hiện nguyên hình bằng xương, bằng thịt...

Lúc này bàn tay Liễu không còn mát rượi nữa. Xương thấy bàn tay Liễu nóng bỏng và mỗi cái nắn làm nổi dậy trong lòng chàng những hình ảnh mà chàng quên phứt từ lâu. Chàng nhớ tới cái ao đằng sau nhà chàng, cái ao mà mỗi lần về thăm nhà, chàng lại thấy bết vĩ đại, để rồi khi chàng trở thành một sinh viên thì cái ao “vĩ đại” hồi thơ ấu... chỉ còn là một vũng nước rất nhỏ bé, không chứa đựng nổi mơ ước của chàng. Xương nhớ lại một lần, về quê, chàng mang lũ em và Liễu ra ao tắm... Chàng cởi quần áo cho Liễu. Chàng không ngờ thân hình Liễu thật mũm mĩm, trắng trẻo, như một em bé con nhà khuê các, chàng “công kênh” Liễu trên vai, đưa Liễu ra ao, vờ dìm Liễu xuống nước, để Liễu ôm chặt cứng hai chân, hai tay vào cổ, vào ngực chàng, kêu thét lên, vừa sợ vừa khoái...

Những kỷ niệm cũ đột nhiên trở lại, rành rọt như hiện hiện trước mắt Xương làm Xương tê dại. Xương nhớ tới cái ao, nhớ tới mẹ chàng đã chết, đến những người chị, người em, hiện nay sống lạc loài ra sao,

chàng cũng chẳng dám biết, không muốn biết... Mãi lúc đó, nước mắt mới trào mi, và Xương cười chua chát hỏi Liễu:

- Liễu có nhớ cái ao đằng sau nhà “cậu” không? Liễu giật mình nhìn Xương, sững sờ, cái sững sờ của người trinh nữ khỏa thân bị người ta bắt chợt... Nàng vẫn đinh ninh chỉ có một mình nàng là ngoan cố, giữ kỷ niệm của cái ao bé nhỏ. Ai ngờ chính Xương cũng không quên. Nàng nhìn Xương qua làn nước mắt, rồi gục đầu vào ngực Xương, giấu sự tủi hổ bùi ngùi đang mệnh mang xâm chiếm tâm hồn nàng...

Liễu kể cho Xương nghe tất cả những biến cố đã xảy ra trong đời nàng, từ chuyện nàng đi cắt cỏ bị hiếp dâm đến chuyện nàng lấy Tây, lấy Tàu, mở nhà thổ lậu, hợp tác với Thái... Xương nằm im lặng nghe... Chàng không ngạc nhiên. Những biến cố của đời Liễu chỉ là những biến cố của thời đại thu nhỏ lại trong một cá nhân bé nhỏ... Nhưng tự nhiên Xương thấy buồn lạ lùng. Chàng thấy tiêu tan hết nghị lực, không thiết chống đối gì nữa. Chàng nói với Liễu:

Ước gì Liễu thoa bóp cho tôi, để tôi ngủ luôn một giấc, không bao giờ tỉnh dậy nữa... Đời mệt mỏi quá, có phải không Liễu?

Liễu ôm choàng lấy Xương hôn lên mắt, lên má chàng. Hối nhỏ, mỗi lần về thăm quê, khi từ biệt để trở ra Hà nội, Xương vẫn thường cúi xuống hôn lên trán, lên tóc Liễu, và Liễu đã đón nhận những cái hôn đó với tất cả lòng say sưa, ngây dại của đứa bé lên mười.

*Liều vẫn thầm ao ước được hôn trả lại Xương, một cái, nhưng cô bé lên tám hiểu là không bao giờ cháu Liều dám hôn “cậu Xương”. Và sau hơn mười năm, nàng có ngờ đâu, chính nàng lại đề đầu Xương hôn, để an ủi Xương*

(Trích Loạn)

**Chú thích**

<sup>1</sup> Nhan đề do người trích tuyển tạm đặt.



# DOÃN QUỐC SỸ

**D**oãn Quốc Sỹ làm việc thật khoẻ. Sau hiệp định Genève, từ Hà nội vào, ông vừa tham gia các hoạt động chính trị lúc bấy giờ rất sôi nổi, vừa viết văn làm báo, vừa tiếp tục học đại học. Ra trường, ông vừa đi dạy, vừa viết văn, vừa chủ trương một nhà xuất bản; rồi đi du học về, tiếp tục nghiệp giáo chức, một tay viết sách giáo khoa một tay sáng tác, v.v. Cho đến tháng 5/1975, không kể các sách giáo khoa, ông có ngót hai chục tác phẩm văn nghệ: 2 tập truyện cổ tích (*Sợ lửa* - 1956, *Hồ Thủy Dương* - 1960), 1 vở kịch (*Trái cây đau khổ* - 1963), 1 cuốn khảo luận (*Người Việt đáng yêu* - 1965), 2 tập tùy bút (*Vào thiên, Trái đắng tràng sinh*), 8 cuốn truyện cả dài lẫn ngắn (*U hoài* - 1957, *Gánh xiếc* - 1958, *Dòng sông định mệnh* - 1959, *Gìn vàng giữ ngọc* - 1960, *Đốt biên giới* - 1966, *Cánh tay nổi dài* - 1966, *Cúi đầu* - 1972, *Sầu mây*), 1 bộ trường thiên tiểu thuyết (*Khu rừng lau*) gồm 4 cuốn in lần lượt từ 1962 đến 1966. Sau 1975, mặc dù

bị hai lần đi tù, mất hơn chục năm trời, ông vẫn có đến 5 tác phẩm mới (*Đi, Dấu chân cát xóa, Cò Đùm, Mình lại soi mình, Người vái tú phương*).

Trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông, *Khu rừng lau* là công trình qui mô, quan trọng nhất. Đó là câu chuyện ba chìm bảy nổi của tám nhân vật – bảy nam một nữ – giữa một thời kỳ đầy xao động của nước nhà, từ 1945 đến khoảng 1965. Tám nhân vật, tất cả đều tốt lành đều giỏi giang, cùng sinh trưởng ở miền Bắc, lớn lên xông pha ở các chiến trường miền Bắc. Rồi tất cả đều từ chối chế độ cộng sản, đều kéo cả vào nam ráo trọi, không chịu để lại một người nào bên phía “bác”. Vào miền Nam mấy năm, họ bất bình với chính quyền Ngô Đình Diệm, lại tập hợp vào “gia đình Văn Hóa”, lấy sách báo cải tạo xã hội. Nếu bộ trường thiên nọ kéo dài thêm mười năm nữa, tôi đoán chừng sau 1975 chúng ta rất có thể gặp lại đủ tám người ở Hoa Kỳ chẳng? Sở dĩ dám “đoán” như thế là căn cứ vào cuốn *Đi* (bấy giờ tác giả ký tên Hồ Khanh). Trong cuốn truyện dài này, viết xong năm 1980, xuất bản năm 1982, câu đầu tiên là: “Bà nội bảy mươi bảy tuổi chẳng bao giờ ngờ chuyến đi từ Hà Nội vô Sài Gòn này lại chỉ để chứng kiến đám con cháu nội ngoại trong Nam ra đi gần trọn ổ.” Thoạt cụ không ngờ, nhưng rồi “qua kinh nghiệm và cảm nghĩ bản thân, cụ cũng thấy rằng điều đó chẳng thể tránh được.”

Nêu ra *Khu rừng lau* và *Đi* vì đó là hai tác phẩm có vẻ tiêu biểu, kể những cuộc ra đi trọn vẹn cả đám,

những cuộc từ chối tập thể. Kỳ thực, trong bất cứ tác phẩm nào của Doãn Quốc Sỹ các nhân vật cũng có thái độ chính trị, phản đối chế độ này tán thưởng chế độ kia. Từ anh nông dân Cò Đùm thiếu học cho đến ông nhà văn giáo sư trí thức (trong *Mình lại soi mình*), từ những nhân vật thực của xã hội hiện tại trong các thiên truyện hoặc ngắn hoặc dài *Dòng sông định mệnh*, *Người vái tứ phương*, *Gìn vàng giữ ngọc...*, cho đến những nhân vật huyền thoại trong các truyện cổ tích *Hồ Thủy Dương*, “Cánh đồng xanh”, trong kịch *Tiếng hú tâm linh*, ở đâu cũng có sự chọn lựa, lên án chế độ chính trị tàn ác này, đề cao quan niệm trị dân khoan hòa nọ.

Như vậy Doãn Quốc Sỹ là một nhà văn dẫn thân, có khuynh hướng chính trị chẳng? Là người viết để bệnh vực một lập trường một chủ thuyết chính trị này, chống lại những chủ thuyết khác chẳng?

Kỳ thực, không phải thế. Ông Doãn có vẻ không phải là người của chính đảng nào, của chủ nghĩa nào cả. Nếu dẫn thân, chắc chắn ông theo chân các nhân vật *Khu rừng lau* của mình mà dẫn thân vào “gia đình Văn Hóa”, thế thôi. Nhân vật của ông chống chế độ này chọn chế độ kia, rời bỏ xã hội này tìm đến xã hội khác, chẳng qua là vì bên này xấu bên kia tốt, cái này ác cái kia thiện, ở đây tàn bạo bất nhân nơi kia có tình thương yêu đùm bọc. Nhân vật ông không đi sâu vào lý luận, sách vở, chủ thuyết nọ kia, như nhân vật Thanh Tâm Tuyền chẳng hạn.

Trong cuốn *Bếp lửa*, nhân vật chính và người bạn thân (tên Đại), cả hai cùng thích nghiên cứu chủ nghĩa Mác-xít, có kẻ “rất say đắm chủ nghĩa cộng sản”, thường hay “đọc sách và suy nghĩ.” Cô bồ của nhân vật chính (cô Françoise) có lẽ cũng thế: cô ta làm công việc phổ biến tờ báo cộng sản *Humanité* trong thời gian dự bị vào đảng Cộng sản. Bảy nhân vật nam của Doãn Quốc Sỹ trong *Ba sinh hương lửa* đều có trình độ học thực cao, có kẻ từng du học ở Pháp về, không thấy ai đọc sách để suy nghĩ gì về chủ nghĩa Mác. Họ chỉ xông vào công cuộc cách mạng và kháng chiến, lẫn lộn trong thực tại gian khổ, sát cánh với cán bộ cộng sản, đụng đầu với người cộng sản và chính sách cộng sản, rồi vỡ lẽ ra sáng mắt ra, họ tháo chạy. Kha, với Hăng, với Hiên sáng mắt sau khóa học ở trường lục quân Trần Quốc Tuấn bên Phụng Minh thôn, Côn Minh, khóa học khắc nghiệt với bao nhiêu trường hợp điên loạn, tự sát. Cô gái mồ côi, dịu dàng và hiền lành, là cô Miên thì bị chấn động mạnh sau những lần chứng kiến các cuộc đấu tố mấy gia đình thân thiết từng bảo bọc anh em nàng ở Hạc Thủy; và sau cuộc gặp lại Tài, người con trai đã từng yêu nàng ngày nào hai bên vừa mới lớn lên, bây giờ anh đảng viên Tài dìm sâu tình cảm xuống, nhìn nàng lạnh lùng. Miên có cảm tưởng các đảng viên “đều được huấn luyện cho đúng khuôn khổ như những viên gạch cùng một lò.” “Tự nhiên nàng thấy ngao ngán, cõi lòng bỗng thênh thang vắng lặng như

căn nhà vừa bị mất trộm một phần lớn gia bảo.” Cả bọn anh em bạn bè như thế đã từng sống qua và không chấp nhận được một thực tại đáng ghê tởm, một cảnh sống bất nhân. Họ bỏ đi, hi vọng tạo dựng được một cảnh đời đẹp đẽ hơn.

Chuộng lành tránh dữ, không hẳn là chính trị; chẳng qua là luân lý, đạo đức. Cho nên, nếu phải xếp ông Doãn vào một khuynh hướng, có lẽ đó là khuynh hướng luân lý, giáo dục. Nhật Tiến tự xác nhận: “Tôi là một nhà giáo.” Doãn Quốc Sỹ là một nhà giáo khác.

Nhật Tiến có thời chuyên về tình thương. Còn Doãn Quốc Sỹ, cái răn dạy của ông có phần phức tạp hơn, rộng lớn hơn. Mải lo thương thức cái hay ở các tác phẩm, chắc chắn tôi đã không đủ chu đáo đối với phần nội dung. Dù sao, đây là những điều nổi bật lộ:

- Hãy yêu Việt Nam và yêu cả nhân loại.

Dưới hình thức khảo luận, ông Doãn có hẳn một tác phẩm dành ca ngợi dân tộc mình: cuốn *Người Việt đáng yêu*, xuất bản năm 1965, nhưng là tập hợp những bài đã viết từ trước, trong đó nhiều bài viết vào năm 1956, 1957, tức là vào những năm đầu tiên của ông ở Miền Nam.

Nước ai nấy yêu dân ai nấy mến, ấy cũng thường tình. Nhưng yêu dân tộc đến như Doãn Quốc Sỹ thì

trên đời e không được mấy người đâu. Ông yêu thiết yêu tha, ông kính ngưỡng dân tộc Việt Nam vô cùng tận. Người Việt mà “đáng yêu”, ấy chỉ là nói về một phương diện. Người Việt đáng yêu vì nết, lại còn đáng phục vì tài, vì sự giỏi giang, can đảm, thông minh tuyệt vời.

Thoạt tiên, nguyên cái ngoại hình của người Việt, trông qua đã mê tôi rồi: “hầu hết dân tộc Hồng Sa đều cùng một vóc người tầm thước. Với nét mặt thanh tú, với mớ tóc đen trên vầng trán rộng, với cái mũi dọc dừa cùng đôi mắt đen láy, toàn thể khuôn mặt người Hồng Sa gợi lên một cái gì tươi mát hồn hậu.”

- Hồng Sa? Giống người nào vậy? – Là người Việt đấy, trong tập sơ thảo cổ tích của nhân vật Kha trong trường thiên tiểu thuyết *Khu rừng lau*. Kha dùng thể truyện cổ tích để “siêu hóa” lịch sử dân tộc mình.

Người Hồng Sa, hình dáng là thế, còn tâm hồn? “Nếu liêm khiết là đức truyền thống của các bậc đại thần nói riêng, thay vua nắm quyền cai trị dân, thì giản dị và sạch sẽ là nếp sống thanh đạm đặc biệt của toàn thể dân Hồng Sa ở chốn phồn hoa cũng như tại miền thôn dã (...). Đâu đâu cũng một bầu không khí thanh bình trong suốt tràn đầy sinh lực, thứ sinh lực thần tiên khiến con người đắm trong đó thấy tâm trí dễ dàng vươn tới cõi ảo huyền cao cả, sáng suốt (...) Sáng suốt và không câu chấp vẫn là đức tính cố hữu của toàn thể dân tộc này (...) toàn thể dân Hồng Sa đều yêu thương nhau đầm thắm như anh em một

nhà.” (*Những ngã sông trên dòng đời*, trang 61, 62).

Dân tộc Việt Nam, cái dân tộc quý hóa như vừa được mô tả lại là một dân tộc rủi ro, có một lịch sử tích lũy nhiều khổ ải. Hết người Tàu đến người Tây, kế tiếp nhau kéo đến xâm lăng, thống trị dân Việt thật tàn khốc: “thật hiếm có lịch sử dân tộc nào gian nan khổ ải hơn dân tộc Việt” (*Người Việt đáng yêu*). Ông Doãn xác định: “Không có sự trưởng thành đáng kính nào bằng sự trưởng thành trong đau khổ. Đúng như lời cổ nhân thường nói ‘Kẻ đau khổ là một sự thiêng liêng ở trên thế gian này, dân tộc Việt phải là một sự thiêng liêng đối với nhân loại’” (Sđd, trang 27).

Đã gian nan đã khổ ải, dân Việt phải nặng lòng sầu. Cái sầu ấy là “sầu vời vợi”, là “u hoài”, là một nét hấp dẫn đặc biệt ngấm sâu vào tâm hồn dân tộc, vào thơ văn dân tộc. *U hoài* là tên một tác phẩm của ông Doãn, dành cho mối sầu vời vợi này. Nhưng chỉ sầu thôi, làm sao sống được? Dân Việt còn một đặc điểm nữa là niềm tin. Gian khổ mà không gục ngã, mà mãi mãi trường tồn chính do ở niềm tin ấy. Và ở tinh thần bất khuất, ở tài năng, ở trí óc tuyệt vời, v.v. và v.v.

Việt Nam đáng yêu là thế, còn bao nhiêu dân tộc khác thì sao? – Phải yêu cả. Tất cả nhân loại đều đáng yêu mến. “Nhân loại trường tồn vẫn giữ gìn cho mọi người những gì mà mỗi người đã cố gắng hiến cho di sản của cả nhân loại. Đó cũng là món nợ chung của

chúng ta. Con người văn minh là con người biết coi bất kỳ con người nào, dù tấm lòng thường đến đâu, đều không ít thì nhiều, không trực tiếp thì gián tiếp, đã đóng góp vào tài sản của nhân loại cho được như ngày nay.” (*Mình lại soi mình*, trang 268). Phàm là người có học thức lại càng ý thức về tình nhân loại. Chị con gái gia đình họ Lê từng du học Luân-đôn, bạn đồng học bản xứ quý cái nét lúc nào cũng bình thản của chị đã tặng chị một biệt danh: Bà Bình Thản (Mrs. Placid). Học thành tài, về nước, một hôm bà theo chồng đi Ban-mê-thuột, thăm một người bạn ở gần hồ Lạc Thiện. Buổi chiều, bên hồ, có tiếng con nai kêu đâu đó, có gió chiều thổi lộng, “và chị nghĩ rằng tóc chị giờ đây đương phơ phất cùng một nhịp với mái tóc cỏ hoa của trái đất trong nhịp đi hải hà của vũ trụ (...). Phải, tâm hồn chị đã qui tụ được vào điểm khởi đầu của vũ trụ, rồi từ điểm nguyên thủy đó hương nhân loại lâng lâng tỏa ra bốn phương tám hướng vô cùng với không gian, vô tận với thời gian.” (*Gìn vàng giữ ngọc*, trang 133). A! cái hương nhân loại!

Một nhân vật khác tên Miên. Miên là nhân vật chính của bộ truyện *Khu rừng lau*. Lấy chồng được ít lâu, một hôm đôi vợ chồng trẻ đưa nhau đi Vũng Tàu “tiếp tục hưởng tuần trăng mật”. Trong khách sạn, đứng vào lúc vợ chồng gần gũi, “giữa cảm giác mênh mang gợn gợn mê mê đó, Miên thấy rõ rằng ân ái quả là một lễ hiến dâng để vừa cầu khẩn vừa đồng

hóa Hạnh phúc vào với Nhân loại.” (*Tình yêu thánh hóa*, trang 39). Cá nhân với nhân loại, mật thiết biết là chừng nào!

- Trị nước: Hãy có nhân có đức.

Nhận thức về dân tộc và về nhân loại là tối quan trọng. Đã có được cái nhận thức căn bản rồi, bất tất dông dài về các chuyện khác.

Về chính trị chẳng hạn. Chế độ nào? Tam dân? Ngũ quyền? Dân chủ pháp trị? Xã hội chủ nghĩa?, v.v. Đây không phải chỗ đưa ra những cái rối rắm ấy. Thánh Đế đúng là vì vua... thánh ở nam bộ Á châu, đến đâu an lành đấy; trong tay ngài không có quân đội hùng binh nào, chẳng qua chỉ là một “đoàn quân Thánh thiện”, gồm ba trăm em bé mặc toàn đồ trắng thôi. Vậy mà không gì địch nổi: Thánh thiện là nhất. Thánh thiện giải quyết được tất. (*Hồ Thùy Dương*).

Ở một truyện khác, để trừ khử các nước trong Khối Bức Màn Sắt, có một tổ chức quốc tế được dựng lên, gọi là Phong Trào Ái Trí Ái Đức. Phong trào chọn ba khẩu hiệu: “Trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để”. Tất nhiên, phép ba triệt để đưa đến kết quả rục rở. (“Sách ước”).

Trong bộ *Khu rừng lau*, một nhân vật có dịp trình bày một quan niệm tổng quát về nền văn minh nhân chủ, cái mà Hữu – nhân vật nọ – nghĩ là mẫu mực văn minh mà Việt Nam có thể cố gắng hiến cho nhân loại sau này. Theo Hữu, xã hội ngày nay còn nặng thú tính. Cần phải kiến lập một xã hội loài người trên

kiến trúc nhân tính. Muốn thế, cố đạt ba mục tiêu: Về mặt nhu yếu phải bình sản (chứ không phải cộng sản nhé), đừng để kẻ thừa người thiếu. Về sắc tính, trai gái phải được giáo dục về trinh tính trong hôn nhân. Về mặt xã hội, con người phải biết hòa đồng với đồng loại trên thực thể dân tộc nói riêng, trên bình diện nhân loại nói chung. “Có sung thực nhân tính bằng Bình, Trinh, Hòa như vậy mới giúp con người làm chủ được mình.” (*Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*, trang 172, 173).

Tu thân: Hãy giữ lấy truyền thống. Sống trong thương yêu, sống có nghĩa tình; và hãy dốc sức học hành.

Bao nhiêu nhân vật chính trong bộ trường thiên *Khu rừng lau* đều thương yêu nhau, đùm bọc nhau, ăn ở trước sau như một, trải qua ba chế độ, qua hai cuộc chiến tranh. Trong số ấy có những kẻ mồ côi cha mẹ từ thuở ấu thơ, anh em nương vào nhau mà sống; có người đã chứng kiến cảnh tan nát tất cả cơ nghiệp của dòng họ, cảnh anh em ly tán, chết chóc, v.v. Mặc cho bao nhiêu gian nan, những Khiết, Khóa, Hăng, Hiễn, Tân, Kha, Miên, họ nhất mực lạc quan, dốc chí học thật cao, tận tụy với nhiệm vụ, thương người và thương nhau, làm sáng ngời truyền thống dân tộc.

Hầu hết mọi nhân vật tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ đều tốt như thế. Họa hoằn mới có một nhân vật xấu như Chủy (trong *Ba sinh hương lửa*), như Thịnh

(trong “Cái chết của một người”): cái xấu hiếm hoi lắm. Cái xấu thường không mang tên tuổi nào. Trong cuốn *Mình lại soi mình* chẳng hạn, chỉ có một nhân vật rủi ro mang tên, là Hồ Chí Minh (trang 62); những xấu xa khác thường là các chức vị (phường trưởng, tổ trưởng, trang 129), là nét chung của chế độ (lũ người cộng sản, - trang 132).

Tóm lại trong phép trị quốc cũng như tu thân, đều lấy nhân ái làm trọng. Năm 1961, ông Ngu Í có cuộc phỏng vấn Doãn Quốc Sỹ. Tại nhà ông Doãn, hai bên trò chuyện với nhau trong hai tiếng rưỡi đồng hồ. Sau đó, trong bài viết của Ngu Í, vào đoạn cuối có câu: “tôi nhớ đến Tình Thương bằng bạc trong khắp tác phẩm của anh” (*Sống và viết với...*, trang 132).

Phỏng vấn viên đã nhớ đúng cái chỗ rất đáng nhớ nơi Doãn Quốc Sỹ. Chỗ ấy thuộc phạm vi đạo đức, luân lý. Không thuộc chính trị.

Mặt khác, phỏng vấn viên cũng đã ghi nhận quan niệm sáng tác của ông Doãn: “Tác phẩm đang thành, mình cố vươn lên; tác phẩm xong rồi, mình trở lại đời thường... vốn sà sà mặt đất; có cái đà khi sáng tác, mình cố vươn cho xứng với những nhân vật mà mình lý tưởng hóa. Nhờ đó mà mình ‘đẹp hơn phần nào.’” (Sđd, trang 133).

Viết lách như thế đẹp dễ nhiều bề. Nhân vật lý tưởng hóa tất đẹp, tác giả vươn lên cũng đẹp theo, còn độc giả dẫn mình vào cái tập thể đẹp ấy cũng có hi vọng bắt theo cái đẹp lắm chứ. Gạt cái xấu ra

ngoài được chừng nào hay chừng ấy; trong sách, mỗi nhân vật làm một khuôn mẫu để cảm hóa người đời. Thiện ý giáo dục hay ho biết bao.

Khuôn mẫu tốt đẹp nhất trên đời, Doãn Quốc Sỹ chọn được ba: nhà giáo, nhà văn, nhà trí thức.

- Trong tác phẩm ông Doãn, mọi nhân vật đảm nhiệm công việc giáo dục đều được hưởng sự tin cậy, ngưỡng mộ của người đời. Giáo sư Hoàn, xuất thân là tiến sĩ ngành sinh vật học tại Hoa Kỳ, về nước làm giáo sư đại học Khoa học ở Sài Gòn, là con người tuyệt vời đã lấy cái đức của mình cải hóa bao nhiêu cán bộ cộng sản, tù viên trung tá Công an trở xuống (*Người vái tứ phương*). Ông giáo sư dạy vài môn ngoại ngữ ở trường trung học thời kháng chiến trong truyện *Cò Đùm* cũng là người được cực lực tin tưởng. Thấp hơn một bậc nữa, cô Tú nhà họ Lê, trong cảnh lỡ vận, ở nhờ nhà bạn bên một khu rừng Tây Ninh bên bờ sông Vàm Cỏ đông, chỉ dạy mấy đứa trẻ kiếm thêm tiền độ nhật, cũng lại là người được mến trọng tại địa phương (“Hương nhân loại”). Thậm chí có người như nhân vật Khóa, không hề dạy dỗ ai cả, chỉ có gặp lúc rủi ro dính líu cách oan ức vào việc chính trị, bị bắt giam vào tù. Một thiếu phụ đẹp đẽ, lịch sự, vì thuốc phiện lậu mà lâm cảnh lao lý. Thoát cái, mắt vừa thoáng gặp nhau, thanh khí đã ứng đã

cầu. Thiếu phụ và các nữ phạm nhân toàn trại cùng tôn xưng Khóa bằng tiếng “ông giáo”.

Trong một hoàn cảnh xã hội khác, quan là quý. Gặp kẻ xa lạ mà có vẻ cao sang, người dân hèn chấp tay “Lạy quan ạ”. Trong không khí tinh thần của xã hội Doãn Quốc Sỹ, “quan” là tối bậy, dính líu vào đám cầm quyền là tối bậy. Ông giáo thì bảo đảm cao quý.

Ông nhà văn cũng thế. Giới nhà văn bao gồm cả các hạng văn nghệ sĩ nói chung: thi sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ, họa sĩ, v.v., sĩ nào cũng nhất cả.

Cô Phượng trong *Mình lại soi mình* đánh giá nhà văn: “Nhà văn, họ thấy trước và thấy nhiều nên họ đau trước và đau nhiều niềm đau của thời đại” (trang 147). Vậy làm sao không ngưỡng mộ họ cho được? Nhưng ở trường hợp này, Phượng khởi sự ngưỡng mộ ông nhà văn trước khi biết đánh giá, biết suy nghĩ: “Tự một ngày thuở nhỏ lên ba, tôi chấp chững làm quen với tên ông, tự một ngày thuở ban đầu thiếu nữ, tôi tìm đọc những tác phẩm... Và đam mê lớn dần, lớn mãi” (trang 73). A, cái đam mê mới dữ dội đa: “Chao ôi, đã qua những ngày nhớ ông điên cuồng, đã qua những ngày tôi bằng lòng đổi tất cả để được một giờ ngồi lại nơi đại thánh đường nghe lại ông trả lời bằng bài ca trong vở chèo Tấm Cám.” Chị Trang mới vừa hỏi qua về ông, tôi đã hết chịu đựng nổi: “Tôi bật khóc nức nở.” (trang 69). Nỗi đam mê lớn đến thế, mà lại còn cứ lớn dần, lớn mãi, thì

tới một lúc nào đó nó biến ông nhà văn thành một... ngôi sao cũng phải thôi: “Ông là ngôi sao chung thủy.” (trang 68).

Nếu có ai thấy ông nhà văn trên đây may mắn quá mà đâm lòng ganh tị thì lắm to. Bất tất ganh ghét riêng với ông ta làm gì: mọi văn nghệ sĩ, thế cả. Thi sĩ An-Ba-Tư ở nước Hồng Sa mới thật đáng khiếp: “Mỗi bài thơ của thi sĩ An-Ba-Tư là một trái bom vĩ đại bọc hoa” (*Những ngả sông trên dòng đời*, trang 113). Huy là một họa sĩ tài năng, có mối sầu cực lớn. Chàng mãi miết đi tìm một khuôn mặt với nét sầu vời vợi, tức một khuôn mặt u hoài. Khanh mang đúng khuôn mặt ấy; và Khanh yêu họa sĩ là chuyện dĩ nhiên. Chẳng may Khanh bị hiếp, nàng tự tử. Trời không để cho chàng họa sĩ tài năng bị đau khổ nhiều quá: Khanh có cô em sinh đôi tên Ngọc. Ngọc cũng sầu vời vợi, cũng u hoài, và dĩ nhiên cũng yêu chàng họa sĩ: họ lấy nhau. Xứng ơ là xứng. Tuyệt vời quá.

Nước đang lâm nguy, cần đến khí giới, thì thơ của thi sĩ là thứ bom vĩ đại. Dân tộc có chỗ đặc điểm tâm hồn đáng quý là nét u hoài thì họa sĩ tự dựng tha thiết tìm u hoài. Chú Ba (trong truyện “Tiếng địch quê hương”) là nhạc sĩ, khúc nhạc của chú “trầm hùng bát ngát như tiếng hồn bất diệt của dân tộc hiền hòa và mãnh liệt. Tiếng địch thổi vào hồn tôi và hồn tôi như tan ra, hòa vào với vũ trụ để được gặp hồn ông cha.” (*U hoài*, trang 92).

Các nghệ sĩ họ đều liên hệ với dân tộc ở chỗ đẹp

đề cao cả nhất như vậy, họ là tinh hoa của dân tộc rõ ràng. Tinh hoa của loài người luôn.

- Một mẫu người để cho cả và thiên hạ đặt vào tất cả niềm tin nữa, đó là nhà trí thức.

Giáo sư Hoàn trong *Người vái tứ phương*, cái ông tiến sĩ thánh thiện, đầy từ tâm, trong cảnh hoạn nạn vẫn bình thản, đem kiến thức cao thâm và lòng bao dung ra ngày ngày vui vẻ tiến hành công việc cứu đời; ông ấy nhất định phải là một tấm gương sáng giữa xã hội chứ.

Ông nhà văn trong *Mình lại soi mình* cùng với bạn bè của ông, cũng là giáo sư đại học, là trí thức nữa. Đều là khả kính khả tín cả.

Ở nước Hồng Sa có vị “lãnh tụ quốc tế” tên là Viên Mật Cơ. Viên lãnh tụ tự mình tìm đến “động đá Miền Đông” để thăm viếng học giả Thái Hiến Hoa. Cuộc hội kiến thân hữu ấy, nhà lãnh tụ quốc tế cho là một bổn phận của mình, là dịp để mình học hỏi thêm, v.v. (*Những ngã sông trên dòng đời*, trang 114).

Trong *Dấu chân cát xóa*, tiến sĩ Chương tốt nghiệp ngành sử học tại viện đại học Ohio. Vị giáo sư bảo trợ luận án tiến sĩ của chàng vừa là thầy vừa là một tri kỷ của chàng. Hai người gặp nhau ở lòng ngưỡng phục đối với vị anh hùng tài kiêm văn võ là Nguyễn Trãi, đối với cách phản ứng của người Việt Nam trước các cuộc ngoại xâm. Vị học giả ấy, sau khi học xong về nước, sau một thời gian xa cách khá dài, chàng vẫn giữ mãi mối cảm tình sâu đậm; và khi có

dịp trở lại Mỹ, chàng tìm đến tận chỗ ở mới của thầy tận Illinois, thầy trò đàm đạo gần suốt đêm. Có lúc “Chương ngừng lại thân ái nhìn ông thầy. Mái tóc bạc phơ của ông hơi bù lên dưới năm ngón tay ông đã vô tình thọc sâu vào.” (trang 32). Có lúc “Chương bỗng thân mật nắm lấy hai cổ tay thầy cũ...” (trang 36). Có lúc thầy trò nhìn nhau “triu mếu và chịu đựng” (trang 39). Ôi, những người trí thức đó đây, họ xa nhau mà họ gần nhau, trí họ sáng lòng họ hiền hòa biết bao.

Chúng ta vừa ghi nhận nơi Doãn Quốc Sỹ 3 phương châm, 3 khuôn mẫu sống ở đời. Có lẽ nên ghi thêm vài cái say mê của riêng ông. Tất nhiên trước nhất ông Doãn phải say mê văn chương; tuy nhiên nêu ra cái chuyện nhà văn mê văn, e lỗ lã. Cái ấy không cần nói. Chỉ xin để ý đến những say mê phụ, không có tính cách hiển nhiên ở mọi nhà văn:

Mê nhạc. Trong tác phẩm của ông có nhiều nhân vật học đàn học nhạc (Tân, trong *Ba sinh hương lửa*, Huân trong *Mình lại soi mình*; cháu Thu Hương trong *Gìn vàng giữ ngọc*; Bích Tổ trong cuốn *Đi*, v.v.). Có nhiều buổi trình diễn ca nhạc (buổi hòa nhạc có Phượng và Họa dự ở Liège, trong *Mình lại soi mình*; buổi hát trình diễn của Quỳnh Hương cuối phim “Tiếng hát lạ trên kinh thành Vienne” trong *Tình yêu thánh hóa*, v.v.). Có cả những bản nhạc của

chính ông Doãn trong tập truyện *Gánh xiếc*, trong tập kịch *Trái cây đau khổ* nữa.

Ông Doãn xác nhận với Nguyễn Nam Anh (tức Nguyễn Xuân Hoàng) trong bài phỏng vấn đăng trên tạp chí *Văn* (số 185, ngày 1-9-1971 ở Sài gòn) rằng “Độc giả biết đấy, tôi đã sáng tác cả phần nhạc cho một vài vở kịch”, rằng “ý nhạc thường ám ảnh tôi hoài trong các tác phẩm”.

Ông giải thích lý do sự ám ảnh ấy: “Tôi chính là một thứ nhạc sĩ hụt, *un musicien manqué*. Hồi còn là học sinh trung học ở Hà Nội tôi học nhạc, xây mộng sáng tác những đại bản hợp tấu sau này. Cho mãi đến năm di cư – 1954 – tôi còn ấp ủ giấc mộng đó. Thế rồi chẳng hiểu loay hoay làm sao mà vào Nam tôi thành người viết văn.”

Mê truyện cổ tích. Doãn Quốc Sỹ có hẳn hai tập truyện cổ tích (*Sợ lửa*, *Hồ Thủy Dương*). Nên để ý: *Sợ lửa* là tác phẩm đầu tiên của ông. Như thế, ngay từ đầu ông Doãn hươ bút lên là để kể truyện đời xưa; những món khác lần hồi kéo tới sau. Hai cuốn ấy đâu có đủ! Cổ tích, thần thoại, v.v., chúng nó còn tràn lan xâm nhập vào các loại sáng tác khác của ông Doãn: truyện ngắn, tiểu thuyết, tiểu thuyết trường thiên, kịch nữa. Trong tập truyện *Cò Đùm* có vở kịch 4 hồi là “Tiếng hú tâm linh”. Trong tập truyện *Cúi đầu* có truyện “Cánh đồng xanh”. Trong trường thiên tiểu thuyết *Khu rừng lau*, ở cuốn *Những ngã sông trên dòng đời*, có tập sơ thảo cổ tích của nhân

vật Kha, dài chừng 80 trang. Cái “sơ thảo” của Kha nằm trong lòng *Những ngã sông trên dòng đời* mà chiếm ngót nửa cuốn sách (195 trang), như thế đủ thấy ông Doãn nể Kha biết chừng nào, nghĩa là yêu cổ tích biết chừng nào.

Gọi tất cả những thiên truyện nọ là cổ tích, là truyện xưa không hẳn thích hợp. Có những truyện cổ chính thị là kim, vì là chuyện thời sự đang xảy ra thôi. Chẳng hạn như trong cái sơ thảo của Kha có chủ nghĩa thực dân Cực Tây, có nước La-Wan-Sa, có một bộ Thuộc địa trong chính phủ La-Wan-Sa, có tay lãnh tụ Viên Mật Cơ từng du học bên Tây và vào đảng quốc tế, v.v., truyện như thế thì cổ thể quái nào được. Nếu nó cổ thì người kể là Kha cũng phải là người... cổ mất rồi. Bởi vậy, chàng Kha đã nói ngay ra đây là chuyện thật hôm nay mà “siêu hóa” ra làm chuyện cổ nghìn xưa. Chuyện thời sự còn đang tiếp diễn trước mắt, chưa chấm dứt, cho nên truyện cổ không thể hoàn tất được, phải “sơ thảo” thôi.

Kha là một nhân vật tiểu thuyết của ông Doãn, Kha non tay, Kha dè dặt. Ông Doãn đi xa hơn. Trong truyện “Đoàn quân xung phong”, sự việc diễn biến thăng tuột sang thế kỷ XXI. Khi đoàn quân Việt phản công quân Liên bang Bắc Á tới Thăng Long thì đã là năm 2002 (*Hồ Thùỵ Dương*, trang 172). Sau đó còn nhiều công việc tiếp tục, trong đó có việc tạc tượng Thi Sĩ, người tượng trưng cho tư tưởng nhân hòa bác ái muôn đời. Hai điều khắc gia một Việt một Âu

cầm đầu một đoàn năm trăm điều khắc gia các nước hăng say phục vụ ào ào. Khi tượng Thi Sĩ hoàn thành với dòng chữ xanh thẫm ghi phương châm hành vi “Thật thà là cha quỷ quái” ghi ở bệ tượng thì bấy giờ đích xác là năm nào? Dù sao, chuyện cũng khó thuộc về cổ tích; nó là vị lai “tích” (?)

Chúng ta đã biết Doãn Quốc Sỹ thích truyện cổ tích rất sớm trong đời văn. Trong số các nhân vật tiểu thuyết của ông, ít nhất có ba người giống ông: cô Miên ham nghe anh kể chuyện, Kha với Hiên là hai chàng có tài kể chuyện. Hiên là anh ruột Miên; Kha là chồng Miên. Cha mẹ Hiên mất sớm để lại ba anh em. Hiên trông nom săn sóc cô em gái như tình cha con. Sau này, mãi đến lứa tuổi ba mươi, thỉnh thoảng người thiếu phụ là Miên vẫn còn nhớ lại những ngày thơ ấu nghe anh kể cổ tích.

Giữa Miên và cổ tích, trong mối liên hệ có một kỷ niệm cảm động. Giữa ông Doãn và cổ tích, trong mối say mê có tiềm ẩn một kỷ niệm nào chăng? Dù sao, đó là một say mê mạnh mẽ và bền bỉ, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của ông.

Đối với cả hai niềm say mê của ông, tôi rất tiếc không bắt được cái đẹp. Nhạc, tôi nào biết gì! Chuyện xưa, ngay từ thời tôi vẫn hồ hững. Ở đời biết thêm được cái đẹp nào là lãi cái ấy, tôi ghen với ông Doãn!

Ba phương châm, ba khuôn mẫu, hai say mê: thế

đã là tất cả Doãn Quốc Sỹ chưa? – Chưa chắc. Những độc giả chăm chỉ, tri kỷ, có thể tìm thấy thêm mấy điều dạy bảo hay ho khác nằm lẫn (đâu đó) trong khối lượng tác phẩm đồ sộ của ông, có thể lắm. Sơ sót, đâu có sao? Ai mà dám quyết mình tránh khỏi sơ sót. Hãy hăng hái nhận cho chắc ăn, trước khi rời khỏi phần nội dung các tác phẩm để sang phần văn phong của tác giả.

Văn phong tác giả là cốt cách con người. Con người ông Doãn, ngày nay bạn bè ông, kẻ quen người biết ông, lấy làm quý. Mai kia con người ấy không còn, cốt cách ấy không còn; chỉ còn lại phản ảnh của nó là cái văn phong trong các sách để lại. Rất có thể – vì những – thay đổi quan niệm trải qua thời gian – người đọc sẽ không mấy tán thưởng văn phong nọ. Đáng tiếc lắm.

Cùng một phong cách, bắt gặp ngoài đời và bắt gặp trong văn phẩm, có thể được đánh giá khác nhau. Ngay hiện thời, trong số văn hữu đông đảo quanh ông cũng không mấy ai viết như ông. Cho nên văn phong ông là cái gì rất cần nói đến.

Thời buổi bây giờ kẻ sĩ cầm cây bút thường bày ra lắm trò, mất hẳn tính hồn nhiên. Hôm nay không như hôm qua. Hôm nay có thơ mới, có văn mới, có tiểu thuyết mới v.v... Cái mới thường cặp kè với cái lạ. Hễ mới thì lạ. Và cái lạ lắm khi kỳ quặc. Ông Doãn không có thể.

Hãy đưa ra đôi điều cụ thể. Ngày xưa trong chương

hồi tiểu thuyết, cuối mỗi chương người viết xuất lộ, bảo người đọc: “Xin đọc hồi sau sẽ rõ.” Đầu mỗi chương, người viết đích thân nhắc lại vài câu ở hồi trước để câu chuyện tiếp tục có mạch lạc. Đến thời Nguyễn Du, cụ Nguyễn tuy vẫn chương điều luyện tuyệt vời, nhưng trong cách kể chuyện vẫn giữ phép xưa. Khép lại một đoạn đời, một chương truyện, mở ra một đoạn khác, cụ Nguyễn cũng đích thân bảo rõ cho độc giả biết: này, đến đây là xong những chuyện gian truân của nàng Kiều nhé. Bây giờ, hãy chuyển qua chuyện chàng Kim đây:

“Nỗi nàng tai nạn đã đầy

Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương”

Cụ Đồ Chiểu giản dị lắm. Hơn một lần cụ dùng câu: “Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga” (câu 1265, câu 1803), thế rồi phẳng phẳng kể chuyện Nguyệt Nga. Lát sau, để chuyển sang chuyện chàng trai họ Lục, cụ bảo: “Thứ này đến thứ Vân Tiên” (câu 931), hay “Đoạn này tới thứ ra đời, Vân Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiến” (câu 1665, 1666).

Thời buổi sau này, thời buổi mới, không có như thế nữa đâu. Các tác giả họ không kể chuyện ngay tình như xưa, không cần kể có trước có sau, đầu đuôi tiếp diễn thuận chiều như vậy nữa. Tác giả cũng không cần phải ra mặt để giải thích này nọ với độc giả nữa. Có khi mở sách ra, ngay mấy dòng đầu tiên đã gặp một cuộc cãi cọ tung bùng; có khi gặp thành linh cái xác chết giữa đường, v.v. Cảnh này cảnh nọ

xảy ra đột ngột, bất ngờ. Độc giả tha hồ ngạc nhiên. Có khi thời gian trong truyện còn bị đảo ngược lộn xộn: độc giả tha hồ bối rối.

Ông Doãn không ham cái mới. Ông theo lối các cụ. Ông cứ tiếp tục truyền thống, giữ mối liên hệ gần gũi thân mật với độc giả.

Trong *Ba sinh hương lửa*, khi nhân vật Tân bất ngờ trông thấy một người con gái đẹp ở cuối một toa xe lửa trước khi chàng rời xe nhảy xuống ga Thanh Ba, người con gái mà hình ảnh cứ in mãi vào trí chàng, khi ấy tác giả là ông Doãn liền xuất hiện, can thiệp, thưa chuyện với người đọc về tâm tình, cảnh ngộ của Tân: “Chính những bất ngờ đó – thưa các bạn sẽ làm nên định mệnh, cũng như bất ngờ Kim Trọng về Liêu Dương, bất ngờ tên bán tơ xưng xuất làm nên định mệnh nàng Kiều...” (trang 48) vân vân và vân vân.

Ở một đoạn khác (cùng trong tác phẩm ấy), nhân vật Hăng đang được giới thiệu cùng với đám em gái của chàng: nào Vân, nào Thi. Vân có cô bạn nghèo tên Quỳnh Hương. Cô bạn vừa được nhắc thoáng qua, lại phải bỏ đấy, tiếp tục câu chuyện của anh em Hăng Ông Doãn cảm thấy không đành lòng, vội vàng xuất hiện phân trần, hứa hẹn với độc giả: “Sau đây chúng ta còn dịp gặp lại Quỳnh Hương.” (trang 59).

Đến trang 176 lại xảy ra một trường hợp tương tự: Hăng ghi tên học Luật, nhưng gặp lúc mẹ đau nặng phải đưa mẹ về vùng quê lo thuốc men. Đến đây,

ông Doãn lại phải cáo lỗi mọi người: “Chuyện này chúng ta rồi sẽ có dịp rõ chi tiết. Điều cần ghi ngay ở đây là...

Lúc khác, ông mở đầu một chương sách: “Từ sau ngày Miên tiến anh sang bên kia bờ sông Đáy đã có những chuyện gì xảy ra cho Hiễn? Có khá nhiều chuyện.” Rồi ông kể. Đang kể chuyện này, chợt ông nhận ra có lý do cần điều chỉnh thứ tự, thế là ông Doãn liền nói ngay: “Để câu chuyện có được thứ tự thời gian (...) chúng ta cần biết ngay những gì đã xảy ra cho Hiễn từ ngày chàng qua bờ sông Đáy.” (trang 240).

Người đọc sách ông Doãn cảm thấy lúc nào cũng có ông bên cạnh, vốn vã, ân cần. Bao nhiêu tác giả tân thời khác tự tách rời ra, cách biệt hẳn độc giả, cứ để cho sự việc diễn biến trong tác phẩm như thể cuộc đời tự nó xảy ra dưới con mắt vô tình của tạo hóa. Tác giả ngấm đặt mình vào địa vị của đấng Tạo hóa ấy. Ông Doãn trong bộ truyện dài hàng nghìn trang cũng như trong cái truyện độ trăm trang, ông đều có bất thần xuất lộ rất tự nhiên, thoải mái. Trong *Dòng sông định mệnh*, đang kể chuyện Thiệu, ông chợt nghĩ đến Yến, và hỏi: “Về phần Yến thì sao?” (trang 77); thế là ông quay ra kể chuyện Yến. Và trong những thiên truyện ngắn một đôi chục trang ông cũng có dịp xuất hiện. Chẳng hạn “Ấy thế mà đã có một lần tôi không thành thật với Huân. Nhưng khoan, các bạn hãy nghe chuyện những ngày tôi mới hồi cư gặp Huân đấy.” (“Gìn vàng giữ ngọc”).

Doãn Quốc Sỹ là một tác giả xuề xòa. Đời nay đọc sách vẫn được quan niệm là một hành trình cô đơn: cầm cuốn sách lên tay, đi vào trang sách, là đi hun hút, là tự tách mình ra khỏi thực tại quanh mình mà đi một mình vào thế giới giả tưởng. Nhưng đọc sách Doãn Quốc Sỹ thì hãy coi chừng: một lúc nào đó, có thể tác giả từ trong sách thò tay ra thân mật chụp vai độc giả lắc lắc, thân mật vỗ vào lưng độc giả bồm bộp trong tình tri kỷ. Nếu không đích là tác giả thì đôi khi một nhân vật được chọn để đại diện cho tác giả làm công việc ấy.

Chúng ta vừa nói về thái độ thẳng thắn hồn nhiên trong cách kể chuyện. Ông Doãn cũng thẳng thắn nữa trong dụng ý giáo dục.

Trước, người ta nói toạc ra: văn là để tải đạo. Viết truyện *Phạm Công Cúc Hoa* để dạy dỗ điều gì, viết *Nhị thập tứ hiếu* mục đích răn dạy những gì? Viết truyện *Lục Vân Tiên* là để dạy trai phải thế nào, gái nên thế nào?, v.v. Cổ nhân tuyên bố lý do ngay lúc khởi đầu chấp bút, và thường khi còn cẩn thận nhắc lại rành rẽ trước khi kết thúc tác phẩm. Thậm chí cuốn *Nhục bồ đoàn* từ đầu tới cuối kể toàn những chuyện gổi chần cụp lặc, khơi ra đủ trò đủ kiểu mê mẩn, đến đoạn chót cũng kéo cờ chính nghĩa, nêu cao đạo lý, ong óng cất lên tiếng nói dạy đời.

Về sau, đám hậu sinh chê sách tải đạo nhàm

chán, không đọc nổi, mà sách đọc không vô thì còn hòng dạy dỗ được ai. Cho nên các tiểu thuyết luận đề chuộng lối viết kín đáo. Dạy gì thì dạy, trước hết truyện phải ra truyện, nhân vật phải xem ra thực, phải sống động, cuộc sống phải giống cuộc sống ngoài đời trước đã. Có thể mới thuyết phục được người đọc.

Bên phía cộng sản, văn chương là khí giới của kẻ cầm quyền. Văn phải tải đạo là tất nhiên, phải nhồi sọ là tất nhiên. Quần chúng bị bao vây kỹ, không tìm được sách nào khác, đành chịu trận vậy. Nhưng riết rồi, kẻ viết người đọc ai nấy cùng chán ngấy, hễ có dịp cời trối là nài nỉ xin đổi kiểu ngay, xin được “trên” chấp nhận cho đưa vào truyện tí chút khía cạnh “tiêu cực” vốn chỉ là hiện tượng (không phải bản chất). “Trên” cảm cảnh, gật đầu. Văn giới thường hồ hởi quá mức, gây xao động bất an. “Trên” lại lắc đầu. Đường lối khi gật khi lắc làm kẻ sĩ lắm phen điêu đứng.

Ông Doãn không giống ai. Ông không ngoan như bồi bút, ông cũng không a theo đám hậu sinh quanh mình mà chống lại cổ nhân. Ông tải đạo như cổ nhân, nhưng không tải cái đạo của kẻ cầm quyền mà tải cái đạo của chính ông. Cho nên ông hào hứng, ông nhiệt liệt, ông hết mình trong sứ mệnh dạy dỗ. Định khuyên bảo điều gì, ông nói toẹt ra ngay, chẳng quanh co, chẳng ngại gì mà phải “kín đáo”.

Gìn vàng giữ ngọc là một phép sống, một nghệ

thuật sống, để người này giúp đỡ người kia sống đẹp, sống đạo đức. Đưa ra một câu chuyện để mình giải chủ trương của mình xong, ý chừng cảm thấy chưa đủ rõ ràng, tác giả dần dần tiến ra. Nhân vật “tôi” đại diện ông, thoát tiên phát biểu: “ cái khôn ngoan thật là khôn ngoan, theo ý tôi, chỉ là cách mà người ta giáo dục trực tiếp hoặc gián tiếp cho người khác biết tự giác tự trọng tránh không hại ai” (trang 178). Sau đó, khẩn trương hơn, nhân vật “tôi” cất tiếng kêu gọi: “Hãy dừng lại nơi thiện chí chân thành của nhau! - Hãy gìn giữ cho nhau khỏi sa ngã! Dại gì mà dồn nhau vào thế cùng để rồi cất lời phê bình bi quan: tình người vụ lợi? - Hãy giúp nhau thổi thêm ánh sáng vào những lúc hỗn chột loé bình minh để cùng chia vui giây phút thiên thần. Như thế mới là thái độ trân trọng, thái độ *gìn vàng giữ ngọc* cho nhau, vàng ngọc của tâm hồn.” (trang 179).

“Cái chết của một người” nêu cao giá trị con người. Câu chuyện một người tên Thịnh hèn mọn xấu tính ra sao, chết chóc thế nào, gây phẫn nộ trong dư luận toàn quốc mạnh mẽ đến đâu; những cái đó trình bày xong, nhân vật “tôi” tiến ra phát biểu: “Và tôi nghĩ rộng, sao lại không là sự phẫn nộ của cả nhân loại, nếu tin đó, hình đó được in bằng đủ các thứ tiếng, trên đủ các thứ báo tại khắp mọi nơi?” Cuối cùng là một nhận định dứt khoát: “Cái chết của Thịnh không còn là cái chết của Thịnh nữa mà là cái chết của một NGƯỜI. Đây là việc làm đầu tiên và

cũng là việc làm cuối cùng, việc làm độc nhất của Thịnh giúp ích cho đời.” (Cái “việc làm độc nhất” ấy là việc... chết)!

Bảo rằng bài học phải kín đáo, phải để tự câu chuyện nói lấy, tác giả không nên xông ra thừa gửi lộ liễu: Ông Doãn còn lạ gì lý luận ấy! Nhưng đó là luật từ đâu ban ra vậy? Tất nhiên không phải do Trời. Còn do người thì... ối, mỗi người mỗi phép, biết ai phải hơn ai? Cái dạy dỗ của nhà giáo cốt rành rẽ. Truyện nói chưa đủ, người nói thêm: tốt thôi. Nói tha nói thiết, nói cặn lời, nói chí tình còn e chưa đủ, lại sợ thừa à? Phép viết này đúng, phép viết kia chưa đúng, vì không khéo, vì thiếu nghệ thuật: khéo nhiều sự! Hãy lo cái quan trọng, cái cấp thiết, cái lớn lao: là phép làm người. Lo trước nhất cho cái ấy. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ là vậy, là kẻ vâng lời nhà giáo Doãn Quốc Sỹ.

Đời nay thiên hạ quan trọng hóa nghệ thuật, trau dồi các lối nói bóng gió đẹp đẽ, viết truyện cốt vẽ sự sống cho thực; ông Doãn trở ngược về phép viết tải đạo: cảnh sống nào cũng là cảnh có chứa đựng ý nghĩa đạo lý. Ông lại đi ngược xa nữa, đi tuốt về loại truyện cổ tích, ở đó có chim cười cá nói, có tiên có thánh muốn biến muốn hiện muốn làm gì cũng được. Ông tha hồ vận dụng các phép thần thông phục vụ cái thiện.

Trong truyện cổ tích cái gì cái nấy phân minh, bên thiện bên ác phân biệt rành rẽ: chị em con Tắm

con Cám, cô nào tốt thì tốt đến nơi đến chốn, cô nào xấu thì cái gì cũng xấu tuốt hết từ tính nết bên trong cho tới hình dung bên ngoài. Thật hợp với cái ngay tình của ông Doãn. Ông viết tân cổ tích thấy hợp quá, ông đem luôn cả tinh thần cổ tích sang tiểu thuyết: trong tiểu thuyết của ông các nhân vật thiện, trong tâm đã tốt thì ngoại hình cũng xinh đẹp luôn; mà tâm đã xấu thì người ngợm trông cũng chẳng ra làm sao.

Người trong “gia đình Văn Hóa”, anh chàng Tân vừa tài giỏi vừa đẹp trai nhất ngân hàng, cô Lê (đẹp gái nhất sở mê chàng như điên đảo (*Tình yêu thánh hóa*)). Anh Khóa thì chí khí hào hùng, người tất nhiên trông cũng thu hút nhất... nhà lao; một thiếu phụ mới vào tù thoát trông thấy anh đã không cảm lòng được. Còn kẻ ác như tên Chủy (*Ba sinh hương lửa*) thì phải mang hàm răng vỡ thật tai hại, bậy bạ như vợ chồng Cát Thành thì anh chồng mới xuất hiện đã già và “còm nhom”, chị vợ – tức chị Diễm – cười cợt chao chất, mặc chiếc quần xa-tanh trắng bong mà lại nhàu nhò, mà nơi đũng quần dính bẹp dỉ xác một con muỗi với chút máu khô đen (*Tình yêu thánh hóa*). Xấu tính, kẻ bị đánh dấu trên mồm người bị đánh dấu dưới trôn: trông biết ngay.

Trong truyện xưa cũng như trong truyện Doãn Quốc Sỹ cái thiện tâm được ban thưởng rộng rãi, hậu hĩ. Có thể, ăn ở hiền đức sẽ không sợ thiệt thòi. Các cô gái đẹp trong truyện tha hồ đẹp tới tận cùng.

Có khi đẹp cách... thừa thải. Như chị Horthy trong *Dấu chân cát xóa* chẳng hạn. Thoạt tiên, trông nàng có nét đẹp của nữ thần Athena xứ Hi-lạp. Sau đó, khi nàng nghiêng mặt mỉm một “nụ cười vời vợi” thì nàng có khuôn mặt của Phật bà Quan Âm Việt Nam! Ô, Horthy xứng đáng được hưởng hai vẻ đẹp một lúc lắm mà: người con gái tận tụy phục vụ trong cơ quan thiện nguyện ấy có tấm lòng thương người bao la thấm thiết chừng ấy, nàng được phép đẹp tới nơi tới chốn chứ. Thừa thải cái gì mà thừa thải?

Người tiểu thuyết gia rứt rề ái ngại: Dựng một nhân vật toàn xấu hay toàn tốt có nên không? Nhân vật thật tốt cũng nên có chỗ yếu đuối nào đó, có chút khuyết điểm nào đó, cho có tính “người”. Nhà giáo dục không lý tới tính người tính ghiếc. Cứ mất luôn tính người mà luyện được tính thần, tính thánh, tính Phật bà Quan Âm, thế không hơn à? Horthy cứ cực lực thương người vào, Miên cứ cực ngoan cực hiền vào, Cò Đùm cứ hết sức khôn ngoan cứ hết mình đeo đuổi học vấn, ông nhà văn cứ tha hồ thánh thiện tốt bậc, cô Quỳnh Hương tha hồ xinh đẹp cực kỳ, múa giỏi hát hay cực kỳ vào... Cứ thế.

Chúng ta đã thấy: Trong cuộc nói chuyện với Nguyễn Ngu Í, ông Doãn bảo khi sáng tác thì ông lý tưởng hóa các nhân vật, rồi ông tự mình cố vươn lên cho xứng với những nhân vật lý tưởng hóa ấy. Nhờ đó, nhân vật đẹp mà tác giả cũng đẹp thêm trong khi viết. Ấy là ông chưa nói cái tác dụng chủ yếu của

quan niệm viết: làm cho độc giả đẹp thêm, lời cuốn họ tiến tới cuộc sống thiện mỹ.

Đã nói qua hai phương diện của thái độ thẳng thắn, ngay tình, của Doãn Quốc Sỹ, tôi còn muốn thêm chút xiu nữa vào chỗ này.

Năm 1965 ông Doãn cho xuất bản cuốn *Người Việt đáng yêu*. Cùng lúc ấy ông Vũ Hạnh cũng có cuốn *Người Việt cao quý* (Bấy giờ tác giả bịa ra chuyện sách ấy do một nhà văn Ý viết và cô Hồng Cúc dịch). Cả hai tác phẩm cùng ca ngợi dân tộc Việt Nam; riêng sách của ông Doãn còn thêm một phần (phần IV) để ca ngợi cuốn sách của ông Vũ Hạnh, và một phần nữa (phần III) để hô hào xây dựng gấp gấp nền đại học Việt Nam. Thành thử chỉ còn nửa tác phẩm (hai phần I và II) cho nội dung chính yếu. Đủ thấy ông tốt bụng và ông thiết tha đối với việc học đến đâu.

Nói đến chuyện học, ông Doãn không nói đại khái, không luận đàm xa xôi. Ông xông hấn vào vấn đề, vào chi tiết. Thấy ở Nhật người ta phiên dịch ào ạt sách của Tây phương, thấy ở Trung Hoa từ cuối đời Thanh đến nay, trong vòng nửa thế kỷ đã có hai vạn tác phẩm Tây phương được dịch sang Hoa ngữ, ông Doãn nóng lòng sốt ruột. Ông đề nghị cách này cách nọ, những đề nghị thật cụ thể, để trong vòng năm năm đại học Việt Nam có một số sách dịch tạm đủ dùng. Thấy nước ta còn nghèo, người dân xa Sài

Gòn khó bề học hỏi, ông đề nghị các vị khoa trường trường Văn khoa hãy cho phát thanh các bài giảng chính yếu của các học giả để phổ biến cho thính giả toàn quốc.

Tên bài viết cuối cùng của phần này là một lời quát tháo nóng nảy. Và những dòng chữ cuối cùng của bài viết có giọng la lối: “Ở nhà tranh, học đến nơi đến chốn, giữ tâm hồn đạo đức thanh thản, đời sống đó chúng ta thừa sức đạt được và tưởng cũng là đời sống lý tưởng của cả nhân loại.

Vì tương lai của dân tộc – Vì sự sống còn của dân tộc – Vì danh dự của dân tộc. Chúng ta không có quyền chậm nữa!”

Ông Doãn là thế. Ông chuộng đạo lý thì ông truyền bá hô hào đạo lý, giáo dục đạo lý. Ông chuộng trí thức, chuộng sự học thì ông ca ngợi cái học hết mình, đốc thúc giục giã việc học hành hết lòng. Ông nêu gương những chị có chồng bụng mang dạ chửa đi học cử nhân (trang 103), ông mơ cảnh toàn dân giàu nghèo cùng học, “dù có ngồi trên chõng tre học dưới túp lều giá trị trí thức cũng không hề sút giảm” (trang 117). Và chính ông, ông đi học buổi thiếu thời, ông tiếp tục học khi đã có vợ con, ông lại tiếp tục đi học nữa vào lớp tuổi bốn năm mươi; ông học trong nước ông học ngoài nước, ông học lúc trẻ, ông học khi già. Ông nghĩ thế nào, ông làm thế ấy. Ông làm thế nào, rủ rê người đời theo thế nấy. Rủ rê nhiệt liệt, thành khẩn, chí tình.

Đã thêm được một chút rồi, tôi lại xin nắn nì thêm thắt một chút xíu nữa. Vì cái chút xíu này e không mấy ai để ý, kỳ thực lại rất nên để ý.

Đó là chuyện sắp xếp thiên truyện “Cánh đồng xanh”. Truyện ấy thoát tiên được chọn in vào tập *Hồ Thủy Dương*, về sau tác giả lại đưa vào tập *Cúi đầu* (1972) với lời ghi chú như sau: “Nay bài thơ xuôi siêu thực ca ngợi tình yêu và thiên nhiên này được đặt vào cùng với ‘Cúi đầu’ và ‘Tượng vàng đá đen’, thực hòa hợp không nói sao cho xiết.” (Trong mục lục tập *Cúi đầu*).

Một tư tưởng cao thâm, một câu văn điêu luyện, chắc chắn dễ gặp hơn một câu biểu hiện sự đặc ý hể hả hồn nhiên như vậy. Thân mật quá chừng! Doãn Quốc Sỹ, ông ấy xem người đọc bốn phương cứ như thể anh em một nhà.

Chúng ta lẫn lẩn bên những quan niệm và cốt cách nhà giáo họ Doãn khá lâu. Một phần bởi nhận thấy ở đây ông nhà giáo dẫn dắt ông nhà văn, nên lấy ông giáo làm trọng. Dầu sao không thể lẫn lẩn lâu quá. Nên đi ngay vào chỗ nghệ thuật.

Sự nhường nhịn của ông Doãn văn đối với ông Doãn giáo có gây hại cho ông chẳng? Hại ít chẳng? Nhiều chẳng? – Chuyện ấy cũng là một chuyện; nhưng thôi, hãy cho qua. Ông văn ông giáo đều là ông Doãn cả: chuyện nội bộ giữa họ với nhau, chúng

ta xía vào làm gì? Vả lại có xía vào chẳng qua cũng chỉ để nêu ra toàn những giả thiết: Giả không bị khiên cưỡng uốn nắn để phục vụ đạo lý, có lẽ truyện này còn hay hơn. Giả sử không có vụ kéo dài phần kết thúc bằng những lời giảng dạy dông dài, chắc hẳn thiên truyện kia còn xúc động gấp mấy, v.v. – Có quả thật vậy không?

Bỏ qua các giả thuyết, chúng ta hãy nói về những gì đã có, đã xảy ra. Đọc *Kiểu*, tới chỗ cái cọ giữa cô gái nọ với anh chàng Sở Khanh, thấy cái lạ. Là cái mật thiết của Nguyễn Du đối với cuộc sống. Đây đó Nguyễn Du tả cỏ xanh mùa xuân, tả lá phong mùa thu, tả tơ liễu bên cầu, tả cảnh non xa trắng gần trước lầu Ngưng Bích, v.v. Hay thì hay, nhưng không có gì đáng lạ. Vịnh cái nọ, để cái kia là nghề của chàng mà. Đàng này, trong vụ Kiểu với Sở Khanh, cái tài của cụ Nguyễn lộ ra một khía cạnh khác.

Lúc trai kia gái nọ trao đổi lời ong bướm thì chẳng nói làm chi, đến lúc cơ sự đã vỡ lở, mà Sở Khanh còn vác mặt mo tới rêu rao:

“Nọ nghe rằng có con nào ở đây

Phao cho quấy gió rủ mây

Hãy xem có biết mặt này là ai?”

Rồi cô Kiểu trước chán nản mĩa mai:

“... thôi thế thì thôi

Rằng không thì cũng vâng lời rằng không”

sau đắp chất:

“Còn tiên ‘tích việt’ ở tay

Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?”

thì ai mà chẳng ngạc nhiên? - Ở kia, người cầm cây bút viết ra những lời này không phải là con một vị quận công sao? Là một quan Cần chánh đại học sĩ sao? Là vị chánh sứ cầm đầu phái bộ một nước sao, cân đai rạng rỡ, chữ nghĩa đầy đủ sao? Con người ấy đã học được những lời đánh đá trâng tráo của phường đao búa hồi nào vậy? Đã tiếp cận cuộc sống dạn dày ở tầng lớp thấp hèn của xã hội hồi nào vậy cả?

Tôi không dám đem ông Doãn bạn cùng thời với chúng ta mà ví von với cụ Nguyễn Du. Không ai dám vậy. Tuy nhiên cũng xin thú thực là lúc đọc tới cái cảnh gái điếm dọn nhà trong *Dấu chân cát xóa* tự dưng tôi có loáng thoáng vài liên tưởng xa xôi.

“Chương nhớ có lần chứng kiến cảnh hai cô gái điếm rời chỗ ở. Chiếc *taxi* hai cô gọi vào bên trong xóm – cũng xóm này – đậu ngay trước cửa. Hai cô vừa rúc rích cười vừa hấp tấp khuân “đồ nghề” ra. “Đồ nghề” đây là chăn, là gối, là mấy cái gối ôm. Chương không bao giờ quên cảnh các cô cười ngặt nghẽo khi ném vội những bạn đồng hành vô tri mà vô cùng gọi cảm đó vào trong *taxi*. Trong khi các cô cố ẩn chúng thật nhanh, thật gọn vào phía ghế sau *taxi*, thì hai chiếc gối ôm tai ác đã như thể hểnh hếch cười ưỡn mình tuột khỏi cánh tay một cô mà lăn kênh xuống mặt đường, báo hại các cô phải cúi xuống lượm vội lên, nhét vội vào *taxi*, lườn bụng và

hai vai rung lên – các cô vẫn cười!” (trang 86).

Kẻ vẽ nên cảnh ngộ nghĩnh này lại là ông giáo Doãn của chúng ta. Tại vị đại thần nghe được lời lẽ của tên lưu manh trong xóm làm ăn của Tú Bà, mắt nhà giáo thấy được cảnh gái điểm dọn nhà gối chăn rơi lên rớt xuống, v.v.; ấy là vì tấm lòng của họ mật thiết với cuộc sống quanh mình. Nhân vật của ông Doãn sau một lần trông thấy hai cô điểm dọn nhà, cuối năm “đôi mắt tròn tròn nhìn vào khoảng có hai cánh cửa sổ khép chặt câm nín đêm ba mươi tết” và nghĩ ngợi: cửa khép là các cô đã về quê ăn tết. Về quê tìm hơi ấm của mẹ. Nhân vật nọ tưởng tượng, mỗi cô kêu: “Má, con đã về”! Mỗi cô giờ lên một chục cặp lap xưởng đã phơi khô. “Con mua về ăn tết nè, má”!

Trong tác phẩm Doãn Quốc Sỹ có rất nhiều cảnh, nhiều chuyện, nhiều màn hay ho ngộ nghĩnh như thế. Và thật là sống động. Có khi là một cảnh sinh hoạt thường nhật trong gia đình: anh em chú cháu đùa nhau ghẹo nhau, hát “ca dao”:

“Vợ chú ba trông giống đầm tây

Vợ chú ba cổ cao ba ngón tóc mây rậm rì”...

(*Mình lại soi mình*, trang 283-289)

Có khi là chuyện chú Tây đánh cá, một chú Tây ngộ nghê, cực kỳ hiền lành, tính tình đơn giản chất phác, mà đánh cá thì rành rẽ đủ mọi cách (*Ba sinh hương lửa*, trang 33-36). Có khi là một đám giỗ, vâng, chỉ là một đám giỗ của gia đình trung lưu ở làng quê, với một cái thủ lợn quay thôi, vậy mà rộn

ràng suốt hăm hai trang sách đấy (*Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*, trang 203-225). Cái tính cái nết của mỗi người, cái ăn cái nói của mỗi người, kẻ già người trẻ, kẻ quê người tỉnh ai có nét riêng nấy. Chú Hạo dạy Kha thật kỹ và cháu Kha học kỹ bài khẩn bằng chữ nhỏ, để rồi khi cúng thì khe khẽ khẩn tiếng Việt. Chú thím Hạo trao đổi về vấn đề vợ theo hay không phải vợ theo của Kha; giọng bà đánh thép, thít lên đáng sợ, ông nói đúng nhưng chỉ dám phản đối tiêu cực, hơi dẫu mỗi một chút thôi. Ông cả Bê ham nói chuyện, đánh ba que diêm mới đốt được điếu thuốc. Cô Thi lao nặng mà yêu bạo. Anh Toàn ít học nên ham trưng kiến thức, v.v.

Doãn Quốc Sỹ sở trường về cảnh dài trên hai mươi trang sách, Doãn Quốc Sỹ cũng sở trường về cảnh ngắn tả gọn trong sáu dòng chữ: “Đó là cảnh chiều chiều ông tôi ngồi dựa vào án thờ uống rượu; xung quanh là lũ con cháu; ngồi ở ngoài rìa chiều là chú Miu; ngồi ngay bên dưới sát bức cửa là con chó vàng. Trong khi nhắm nháp, những miếng xương nhỏ ông tôi cho mèo, những miếng xương lớn ông tôi cho chó.” (*U hoài*, trang 69-70). Cảnh ấy, một cảnh sống thật đơn sơ ở một làng ven bờ sông Hồng, thuộc huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam, đã sống mãi trong tâm trí nhân vật “tôi” từ thuở bé đến mãi ngày trưởng thành lưu lạc xa quê.

- Ủa, một ông già ngồi uống rượu với con chó con mèo chờ miếng xương thì đặc sắc chỗ nào?

Thắc mắc như thế, khó giải đáp quá. Biết nói sao cho ra lẽ? cho tỏ rõ được cái hay ho của cảnh ấy? Nhân vật “tôi” đã đề cập tới mấy tiếng “những nét thuần túy Việt Nam”. Có lẽ vì thế chăng? Cũng có lẽ không chỉ vì thế. Nó là một bức chân dung của cuộc sống. Cuộc sống muôn hình nghìn dạng: chập chùng nguy nga có, đơn sơ đạm bạc có. Vẻ nào cũng có thể là vẻ đẹp. Đẹp không phải ở tự thân của cảnh. Uống rượu chiều chiều chó mèo chờ xương, xoàng quá chăng? Vậy tưởng bộ “cỏ non xanh tận chân trời” là cái gì lạ lùng lắm sao? “Xập xoè én liệng lầu không” là tiết lộ một cái gì ghê gớm lắm sao? Khả năng kích động của nó ở đâu? Đố biết được! Có những hôm người đau đớn vô tả, mà sờ nắn khắp nơi: đầu gối, khuỷu tay, xương sườn, lồng ngực... không thấy đau rõ rệt nơi nào. Không đau nơi nào cụ thể, mà rõ ràng có đau. Nhìn vào từng cảnh từng chữ trong câu thơ không tìm ra cái gì đặc biệt hay ho cả mà chung chung nó lại hay.

“Đêm thâu khắc tận canh tàn,

Gió cây trút lá trắng ngàn ngậm gương”

Ừa! Thì đêm nào chẳng có lúc khắc lậu với canh tàn? đêm nào gió thổi mà chẳng có lá rơi, v.v. Sự thường cả thôi. Sự thường ấy bỗng nhuốm tình ý khác thường là do tác giả, do cái quan tâm của tác giả.

Viện đến Nguyễn Du, e có người bảo tôi gian: muốn nường vào một ông khổng lồ trong lịch sử để

nâng cao bạn cùng thời. Vậy thì hãy đọc thử mấy câu thơ của một thi sĩ thuộc thế hệ sau ông Doãn. Mấy câu thơ nhớ bố của Trần Mộng Tú:

“Con nhớ nắng tháng sáu  
 Bao dung chảy mặt bàn  
 Cửa sổ gió vô lượng  
 Lay những đóa hồng vàng

Bố ngồi trong buổi sáng  
 Ly cà-phê thơm hơi  
 Con ngắm chiếc đầu hói  
 Đếm những vết đồi mồi

. . . . .

Bố ơi! Trời mùa hạ  
 Góc bếp nào năm xưa

Bố ơi! Trời mùa hạ  
 Góc bếp nào năm xưa.

(“Buổi sáng, bố và con”)

Bố ngồi góc bếp, ông dựa án thờ; bố cà-phê sáng, ông uống rượu chiều; ông với con mèo con chó, bố với nắng vàng mùa hạ, với chiếc đầu hói... Cảnh nào cũng đơn sơ. Và cũng có khả năng ám ảnh một đời người.

Ông Doãn, như bao nhiêu kẻ có tài, trước ông và sau ông, tâm hồn bắt được vào cuộc sống, cho nên trong cái viết họ đã truyền vào cảnh sống nét sinh động có sức xúc cảm mạnh mẽ.

Chúng ta vừa nêu ra câu chuyện một đám giỗ hơn hai chục trang sách của Doãn Quốc Sỹ. Không khỏi có người liên tưởng đến những đám ma trong truyện Nhật Tiến: nhiều và dài. Hai tác giả đều là hai nhà giáo. Đám ma đám cổ là chỗ họ gặp gỡ nhau chẳng?

Không có đâu. Chính là chỗ họ bày ra cái khác nhau. Nhật Tiến nghiêng về những cảnh đau buồn; Doãn Quốc Sỹ chọn những cảnh vui vẻ, nếu không vui được thì cũng ngộ nghĩnh.

Độc giả chắc hẳn đã nhận thấy cái hóm hỉnh của ông Doãn khi thuật lại đáng điệu và ngôn ngữ của bà con họ hàng ông giáo Kha trong đám giỗ. Hai bạn nhậu mỗi chiều ngồi chờ xương của “ông tôi” ở một làng ven sông Hồng nọ cũng ngộ nghĩnh quá chứ lại.

Cảnh tượng đám trẻ con nhà ông giáo trong cuốn *Mình lại soi mình* chúng đùa với nhau, chúng nói chuyện với mèo, chúng ghẹo ông giáo, hát bài “vợ chú ba”, cảnh ông giáo ghẹo ông anh, v.v., chính một nhân vật trong truyện là cô Phượng đã thú nhận là tâm trí mình đã “hoàn toàn bị ám ảnh bởi nếp sống thân mật, dí dỏm, ngộ nghĩnh, hồn nhiên vừa chúng kiến.”

Cũng một nếp sống như thế trong gia đình nhà giáo nghèo với năm đứa con nheo nhóc bên cạnh nhà cô gái nhảy Quỳnh Hương (trong *Tình yêu thánh hóa*). Ngộ nghĩnh, hồn nhiên cả.

Những đám ma dằng dặc biểu hiện một khía cạnh của tấm lòng thương người nơi Nhật Tiến. Những

cảnh sinh hoạt ngộ nghĩnh hỗn nhiên là cái tình yêu nồng nàn của Doãn Quốc Sỹ đối với cuộc sống. Là một xu hướng tâm hỗn tự nhiên của ông, cũng là một chủ trương cố tình của ông.

Cuốn *Đi* được liệt vào loại truyện dài, nhưng người đọc không khỏi nhận thấy nhiều chỗ trùng hợp giữa các nhân vật trong truyện và nhân vật trong gia đình “ông giáo” ở ngoài đời. Nhân vật Hy “nói đùa khá nhiều và khá lớn tiếng” (trang 179). Tác giả nhận xét trong dấu ngoặc đơn (thực ra về tinh thần hài hước thì cả gia đình ông giáo không ai thiếu): ông giáo Doãn đó chẳng?

Đó là cái tinh thần hài hước bẩm sinh của toàn gia. Đây là chủ trương hài hước của tác giả. Trong *Tình yêu thánh hóa* mợ Vân có mang được ngót bảy tháng thì đẻ non, cậu Vân nói đùa: “À thằng bé ra đời sớm để kháng chiến.” Tác giả ghi nhận trong hai dấu ngoặc (người trí thức thường có tinh thần hài hước dí dỏm). Ông Doãn vốn trọng mẫu người trí thức; người trí thức thường vui vẻ, ai mà không muốn luyện tính vui theo?

Mặt khác, nhà giáo cũng là một khuôn mẫu ở đời nữa. Mà ông giáo (trong cuốn *Đi*) tránh động tới cái xấu, cái buồn. “Ông không muốn tô đậm thêm một nét bi quan vào tâm hồn trẻ. Ấu đó cũng là một ‘méo mó nghề nghiệp’ của một người trong ngành giáo dục” (trang 117). Nhà giáo gặp nhà trí thức, ở nguyên tắc giữ nụ cười, giữ tinh thần lạc quan.

Ông Doãn ông Bùi, ông vui ông buồn, mỗi người đều hết lòng dạy dỗ điều lành.

Đang nói về văn chương ông Doãn, chỉ vì chút liên tưởng đến ông Bùi mà chúng ta trượt qua chuyện nhà giáo.

Quay lại với ông Doãn văn sĩ, phải nhận rằng ông viết tiểu thuyết là phải quá, viết tiểu thuyết trường thiên càng chí phải. Bởi vì cái truyện của ông nó rất nhiều chuyện. Ông có khiếu kể chuyện. Như thể Trời sinh ra ông để kể chuyện. Ở ông, trong pho truyện lớn chứa bao nhiêu là chuyện nhỏ, trong truyện nhỏ nhất chứa bao nhiêu là tình tiết. Ở ông, truyện nào truyện nấy đầy nhóc tình tiết, chật ních dữ kiện, sự việc diễn biến liên miên không ngừng.

*Khu rừng lau* là cả một bộ truyện nhiều cuốn, các nhân vật chính tha hồ ba chìm bảy nổi, cuộc đời của họ ngổn ngang đã đành. Trong cuộc đời của một nhân vật nào đó thỉnh thoảng xảy ra một việc, việc ấy có thể dẫn khởi nhiều biến cố liên hệ đến nhiều nhân vật phụ khác, lôi dẫn tới những sự kiện ly kỳ, lý thú, hấp dẫn khác.

Cậu Tần đang học thì cha chết, phải bỏ học về nhà. Tần theo chú Tây đi đánh cá. Chuyện chú Tây dẫn tới chuyện cô Diệt. Cô Diệt là mẹ chú Tây. Cô Diệt oan khiên suốt một đời: bị Tàu Cờ đen hiếp, phải làm lẽ ông Đề già mắc bệnh phong tình, rồi lại

bị lính Tây hiệp nữa, để ra chú Tây. Chú Tây hiền, chú Tây giọng ồ ồ, chú Tây giỏi đánh cá nhất làng Lại Vũ. Rồi chú Tây chết lạnh. Rồi Tân đi buôn bán khắp nơi, đi ô-tô, xe lửa, đi thuyền, lên Phú Thọ, Lạng Sơn, Yên Bái, Lào Kay, về Hà Nội, gặp gái đẹp ở ga Thanh Ba, ngắm gái tắm đêm dưới sông, v.v. (*Ba sinh hương lửa*).

Kha, Miên, bỏ kháng chiến về thành, tạm trọ nhà người quen. Cụ chủ nhà có anh con trai tên Đản, gầy nhom, tóc dài nghệ sĩ. Bèn chuyển sang câu chuyện tình Đản-Uyển xảy ra ở một quận lỵ. Rồi Kha bị giam giữ ở Gia Lâm. Truyện bèn chuyển hướng sang ty Công an Gia lâm, sang chuyện Miên bán chiếc nhẫn *saphir*, rồi các chuyện từ nhà tạm giam, đến khám lớn nha Công an Bắc Việt, với những nhân vật, những chuyện ca hát tình duyên trong khám. Rồi “thốt nhiên Kha nhớ đến lần chạy giặc” ở huyện Thạch Thất gần chân núi Ba Vì... Ôi chao là chuyện. (*Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*).

Trong *Dấu chân cát xóa*, khi Chương đã xong mọi việc ở Mỹ, trong chuyến bay về Việt Nam có khoản ghé lại Alaska. Tại phi trường tình cờ Chương gặp cặp vợ chồng Mỹ Việt Horthy-Lĩnh. Thế là nảy ra bao nhiêu chuyện: chuyện Horthy hai lần theo cơ quan thiện nguyện sang Việt Nam săn sóc thương binh, rồi cuộc gặp phải chàng thương binh biệt động quân tên Lĩnh, và nên vợ nên chồng. Chuyện Lĩnh-Hoa kết đôi đi khắp nơi làm việc lành: nay Népal,

Phi châu, mai Nam Mỹ, Úc châu, v.v. Chuyện thành hôn trên đảo Puerto Rico thần tiên có tre có chuối, chuyện mùa hè bên cạnh bộ lạc Sherpas, chuyện nhảy múa suốt đêm ba mươi tết, sáng ra bị chôn dưới tuyết, đào lối chui ra ngẩng nhìn núi Yurin, nhìn sông Melamchi, chuyện hạt cải tần ô mang theo từ Việt Nam sang bây giờ đã nảy mầm mọc cây ra hoa khắp miền Helambu. Helambu ở đâu? – Ở lưng chừng núi Hi-mã-lạp sơn đấy, Trời ạ. Bây giờ hoa tần ô của cặp Linh-Hoa vàng rực cả một vùng Hi-mã-lạp sơn (!), kẻ thông thạo có thể tha hồ ngắt lá về nấu canh với tôm tươi...

Cứ thế, ở Doãn Quốc Sỹ chuyện để ra chuyện. Cứ mở sách ra, trang trước gọi trang sau, liên tu bất tận. Kẻ đọc khoái, và tưởng chừng người viết có lẽ còn khoái hơn.

Nói thế là chỉ biết tới cái tài. Có tài, còn phải có công. Cái công phu của người cầm bút là cái chẳng bao giờ nên quên. Nhất là trong trường hợp ông Doãn Quốc Sỹ.

Đọc loại truyện phong tục của các ông Bình Nguyên Lộc trước kia, Hồ Trường An bây giờ, chúng ta đã lấy làm phục sự am hiểu và sức tìm tòi của họ về nếp sống địa phương. Kẻ ở Tiền giang người ở Hậu giang, kẻ ở miền Đông người miền Tây, họ kể với chúng ta bao nhiêu điều lý thú về địa phương họ: cái ăn cái mặc, lời ăn tiếng nói, những nghề nghiệp làm ăn khác lạ, những phong tục tập quán

đặc biệt, những tín ngưỡng dị đoan, những lối cúng kiến, những cây trái mỗi vùng, những câu ca câu hát, những trò ăn chơi từ các hạng đẳng điểm dĩ thỏa cho tới hạng giàu sang danh vọng phong lưu, v.v.

Đối với các vị ấy, ông Doãn là một đối thủ đáng sợ. Trong truyện của ông, hãy gác qua một bên những điều liên quan đến âm nhạc: âm nhạc là nghề riêng của chàng. Nốt nhạc nó quấn vào hai tai và mười đầu ngón tay của ông từ trước khi ông chọn viết văn. Nhạc nó tràn vào sách ông là phải thôi.

Nhưng ngoài nó ra, còn bao nhiêu thứ khác. Chẳng hạn tử vi: ông giáo sư tiến sĩ trong *Người vái tứ phương* trong thời loạn hóa thành ông thầy đoán số tử vi cho thiên hạ là nhờ ở công phu học hỏi của ông Doãn cả thôi. Trong *Những ngã sông trên dòng đời* có nhân vật lật tẩy gian thương về cái chất *petit lait* trong sữa hợp tác xã; có nhân vật nói chuyện làm bột ngọt (làm cả bằng nước ngâm mủ cao-su), làm than đước, làm thuốc nhuộm; có những cảnh hành quân ở biên giới Việt-Miên trong Nam, ở biên giới Việt-Lào ngoài Trung, những ngày lặn lội trong các làng thượng Rhadé. Ông Doãn chưa từng vào quân đội cộng hòa, hẳn cũng chưa vào làng thiểu số hoặc Rhadé, hoặc Bahnar, hoặc Sédang nào cả. Cũng như chắc hẳn ông khó lòng có dịp tiếp xúc và theo sát cạnh một người tử tù trong những giờ phút cuối cùng trước khi thụ hình. Vậy mà ông đã ra công nhật nhanh tin tức, tài liệu để dựng nên những

cảnh nọ khá đầy đủ. Trong cuốn *Tình yêu thánh hóa* có người (ông chủ tiệm *Le coq*) biết cách pha rượu thật rẻ, biết những tiếng lóng của lính Tây gọi rượu: gọi *anissette* là *perroquet*, gọi *rum* pha với *limonade* bỏ đá là *champagne breton*, v.v.; có Tây lại mở lớp dạy nhảy, nhờ khéo tổ chức, làm ít mà thu nhiều. Có vụ nghiên cứu cả thứ thuốc ngừa thai thường dùng trong thành thời kháng chiến; lại còn vụ sao nguyên cả cái văn bằng sơ đẳng tiểu học thời bấy giờ cấp ở Cần Thơ!, v.v.

Ở đây không phải chỉ có tìm tòi sưu tập những nét địa phương. Đây còn có vấn đề thời đại. Chuyện ông Doãn viết bao trùm một thời kỳ lịch sử khá dài, đất nước chia làm nhiều vùng, trải qua lắm chế độ: tác giả muốn trình bày được nhiều khía cạnh sinh hoạt xã hội khác nhau ở nhiều thời và nhiều nơi.

Ông chịu nhiều vất vả.

Trên đây có nói đến các ông Bình Nguyên Lộc và Hồ Trường An. Các vị này chỉ chuyên về địa phương mình; ông Doãn thì đưa nhân vật đi gần khắp thế giới. Nhân vật tới đâu, ông dựng nên cảnh tới đó: cảnh Côn Minh bên Tàu (*Ba sinh hương lửa*), cảnh Paris ở Pháp, cảnh Hòa-lan, Bỉ, Thụy-sĩ, Đức... (*Mình lại soi mình*), Nam dương, Tân-gia-ba (*Đi*), Ý, Tây-ban-nha (*Dòng sông định mệnh*), và Hi-mã-lạp sơn, và đảo Puerto Rico, v.v. như chúng ta vừa thấy ở

*Dấu chân cát xóa.* Còn nước Hoa Kỳ thì, ôi thôi, còn nói gì nữa: các nhân vật của ông sục sạo ngược xuôi khắp cùng từ lâu.

Ông Ngu Í ngày xưa – hồi năm 1961 – từng hỏi ông Doãn những nơi xa xôi được ông mô tả ấy, ông đã đi đến chưa? Ông Doãn bảo:

“ - Đi, thì tôi chưa đi được bao nhiêu. Nhưng nhờ những tài liệu chết: sách, báo, tranh ảnh, và nhờ các tài liệu sống: bạn bè kể, tả, tôi lại hỏi người này người nọ, nên cũng làm sống lại được phần nào những khung cảnh mà mình chưa để chân đến.” (*Sống và viết với...*, trang 134).

Ông Doãn vừa tiết lộ cách làm việc của ông.

Làm việc kỹ càng, chuẩn bị đầy đủ, chu đáo công việc trước khi ngồi vào bàn sáng tác thì rất cần, rất quý. Những tài liệu thứ sống thứ chết nọ nhất định đã làm cho truyện ông Doãn thêm sống động.

Nhưng đây đó hình như thỉnh thoảng vẫn có thắc mắc: Nhân vật, có nên để cho họ đi quá xa, xa hơn những chỗ tác giả từng đi tới không? Họ có cần đi xa đến thế không?

- Hầy, ai mà biết! Tiểu thuyết là hư cấu. Cái sự hư cấu tự nó đã bất thường, phóng túng, đầy bất ngờ; nào ai biết nó cần cái gì mà không cần cái gì? Anh chàng Thiệu (trong *Dòng sông định mệnh*) chả có việc gì cần phải phiêu lưu sang tận Florence, với Vienne, với Barcelone cả? Thế thì Hiên, thì Kha có cần vượt bỏ ông Doãn mà sang Phụng Minh thôn (*Ba sinh*

*hương lửa*) không? Thì Khóa có cần vào ngôi trong một nhà tù không? Thì Hiến (trong *Những ngả sông trên dòng đời*) có cần vào sâu trong núi rừng Kontum lòng giặc cộng không? Nếu tất cả bọn họ cùng không cần đi xa quá tác giả, đều xúm xít với nhau không rời ở khu cư xá đại học Minh Mạng, được chăng? Cái nào là cần, cái nào không cần: chuyện rắc rối hãy cứ để nguyên đấy cho người viết liệu lý.

Từ ngày xưa ngày xưa đã có lời qua tiếng lại về Châteaubriand tả cảnh Mỹ châu khi chưa biết Mỹ, về Tản Đà thả người trong mộng chạy lông không khắp trời. Kẻ chê người bệnh. Xuân Diệu chẳng hạn chịu Tản Đà vẽ ra ngôi nhà ông Lữ Thoa với mái ngói xanh là có cơ sở kiến thức vững đấy.

Dù sao, tôi có cảm tưởng Doãn Quốc Sỹ chỉ thực sự sung sướng khi viết về cảnh vật của nước nhà.

Độc giả có thể gặp những đoạn dài nhiều trang cũng có thể gặp những đoạn ngắn dăm mười dòng chữ vẽ nên những cảnh chất chứa đầy xúc động. Dài (nên không tiện trích dẫn ở đây) như chỗ Miên quyến luyến khu rừng lau ở núi Sáng (các trang 129-132, trong *Ba sinh hương lửa*), chỗ Kha chợt thức giấc vào lúc ba giờ rưỡi sáng, lách ra ngoài sân trắng, nghe tiếng sáo diều âm u, tiếng chày thành thạch, và tiếng giọng hát từ xa vẳng lại, giọng hát buồn buồn, chơi vơi, xa vắng, những thứ tiếng mà chàng đã được nghe từ lâu lắm, từ ngày chàng còn nhỏ xíu, còn khóc đòi mẹ ẵm lên lòng, những tiếng quen thuộc bật một

thời gian xa cách đột nhiên xuất hiện lại giữa khuya như để tự tô đậm nét trường cửu của nó, tưởng chừng những tiếng ấy từ thuở nào đến giờ cứ đến lúc thanh vắng lại tự nổi lên như thoát lên từ lòng đất. (*Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*, trang 244-246).

Ngắn như cảnh tượng một bến đò ở Hà Tiên (nơi ông Doãn có đến dạy học một thời gian) “ở đây cũng có cơ sở huấn luyện quân sự và là nơi thủy quân lục chiến, giang hạm vẫn thường lui tới. Mỗi khi giang hạm tới, sự hiện diện của đoàn hải thuyền như có làm ấm bến đò, làm ấm lòng người dân, làm phồn thịnh nền kinh tế quận. Nhưng mỗi khi nghe còi điện vang rền rồi giang hạm từ từ rời bến, thì mọi người đều có cảm tưởng người anh cả vừa ra đi theo tiếng gọi hải hồ, để lại lũ em mồ côi, nhất là sau đó nếu trời lại đổ mưa thì bến tàu đượm màu hoang vắng không biết nói sao cho xiết và khúc sông tựa như rên cao lên mệnh mông mờ mịt thành biển.” (*Tình yêu thánh hóa*, trang 42).

Hay ngắn như cái cảnh người con nọ hốt hải chạy đi tìm mẹ vào một buổi chiều đông đầy bất trắc, buổi chiều một ngày nhiều bom đạn mà mẹ từ chợ về trễ cách bất thường: “Chiều ngả màu sẫm. Gió bắc rít trong bụi tre già làm nền cho tiếng khàn khàn của ù quạ lục đục trong tổ, gió bắc xoáy từng vòng cuồng loạn dứt từng vốc lá tre, lá bưởi vàng úa rồi lại nhào vút mất hút ra ngoài cánh đồng bát ngát và hiu quạnh. Mẹ tôi vẫn chưa về (...) Ra tới cổng làng,

tôi đi như bay theo đường đã định, cổ họng nghẹn ngào, dạ cồn lên như lửa đốt. Con đường như rộng thênh thang, cánh đồng ngập trong bóng chiều sẫm và trong gió bắc, càng trở thành mênh mông. Tôi vun vút nhảy qua các hố phá hoại mà đi như một bóng ma cô độc đương muốn biến theo luồng gió.” (*Gìn vàng giữ ngọc*, trang 144-145).

Cảnh dù chẳng có gì cũng dạt dào tình cảm. Trong sách giáo khoa xưa có người đi chu du đây đó rồi trở về làng, chịu là đẹp hơn cả. Ông Doãn là tác giả *Người Việt đáng yêu*, đối với ông cảnh Việt tất phải là nhất. Cho nên khi ông vẽ cảnh năm châu, không chừng là một nhượng bộ, một hi sinh cho nghiệp vụ (nghệ thuật văn sĩ, tiểu thuyết gia). Biết đâu.

Trở lại quê hương, ông hứng khởi thấy rõ.

Cảnh Việt thế, người Việt càng là nhất (“Người Việt đáng yêu” mà lại). Cái đáng yêu ở đây, tôi không muốn nói vì nét. Nét là cái thuộc về đạo đức, là chuyện của ông giáo. Ở đây là tới lượt ông nhà văn. Ở đây có thể xuất hiện những con người đáng yêu, có nét cũng như mất nét.

Chẳng hạn cô Cam, con gái bà Đô, về sau thành vợ của luật sư Khiết (trong *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*). Cô con gái có cái nhìn lúc nào cũng thân nhiên với đôi mắt mở to, không hề ngượng nghịu, có cái nhìn trẻ thơ và cái nói cũng tự nhiên, cũng trẻ thơ. Mà “hấp dẫn lạ”. Khiến cho “Khiết rờn rợn thấy Cam bỗng trở thành một thiên tài của quyến rũ”.

Lại chẳng hạn như cô Tín, người con gái chanh chua có thiên tài chửi và đánh nhau (trong cùng tác phẩm nói trên). Sau mỗi trận đánh ác liệt và chửi ác liệt, khiến cả xóm đổ ra can thiệp vất vả mới xong, Tín “về tắm rửa thay quần áo sạch, nhớn nhoe đi ra đường, tinh thần rõ ràng sáng khoái như một người đã thực hiện đầy đủ nguyện vọng của mình”. Cô gái ấy lỡ yêu một người đã có vợ con. Một đêm cuối năm, cả làng đang ngủ say sưa bỗng có tiếng kêu kinh hoàng: “Hú ba hồn chín vía con Tín ở đâu thì về với cha mẹ anh em”! Đó là tiếng mẹ hú hồn con, ba lần rồi im lặng. Gã con trai tác giả cái thai trong bụng Tín vùng dậy, “ngồi như tượng, đôi mắt trừng trừng nhìn vào khoảng không, cả bầu trời bên ngoài đen kịt, lạnh buốt căm căm. Từng cơn gió giật, hun hút khô khan qua những cành bàng trụi lá, rì rào bí hiểm qua những lùm xoan cao vút quanh nhà” (trang 243). Người con gái quyết liệt nọ đã uống thuốc phiện dấm thanh mà chết, miệng ngậm chiếc nhẫn vàng (có thể chết mới linh thiêng).

Ông Doãn, khi nào xong gánh nhiệm vụ luân lý nặng nề, có được chút thư thả, người nghệ sĩ nơi ông quẹt nhanh mấy nét bút thì... phải biết. Không nét đẹp Phật bà, không nét sầu vời vợi nào cả; chỉ có nhìn ngây ngô, có chửi lộn đánh lộn vậy thôi, mà linh động hay ho ngộ nghĩnh đáo để.

# CHIẾC CHIẾU HOA CẠP ĐIỀU

Quê tôi cách Hà Nội chừng năm cây số. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thì gia đình tôi tản cư lên Nhã Nam thuộc huyện Yên Thế, Bắc Giang. Đến năm 1948 khi cậu tôi từ Vĩnh Yên lên thăm chúng tôi lần đầu thì toàn thể gia đình tôi ai nấy đã có màu da nửa vàng nửa xám xit vì sốt rét rừng. – Anh chị phải cho các cháu tản cư về mạn dưới như chúng tôi – lời cậu tôi nói với thầy mẹ tôi – chứ cứ như thế này thì không chết cũng chẳng còn ra hồn người nữa.

Sau ngót hai năm tản cư, gia đình tôi khánh tận rồi! Có lẽ vì nghĩ vậy nên mẹ tôi tìm cách nói thác:

- Ngày xưa vùng Yên Thế này độc thật nhưng nay vì có nhiều người lên khai phá nên khí hậu cũng không đáng ngại lắm.

Cậu tôi không chịu:

- Anh chị về Vĩnh Yên gần chúng tôi cho có anh có em, vừa tránh được nạn sốt rét rừng vừa có cơ buôn bán khá. (Dạo đó Vĩnh Yên còn là cửa ngõ của việc thông thương giữa Liên khu III với Việt Bắc.) Rồi cậu tôi về Vĩnh Yên. Hai tháng sau người lại lên nhất quyết đón gia đình tôi xuôi, nói là nơi ăn chốn ở đã thu xếp đâu vào đó cả.

Thế là gia đình tôi xuôi Vĩnh Yên, còn một mình tôi ở lại Sở Thông tin Liên khu I. Công tác của tôi là đi tuyên truyền mười điều kháng chiến trong toàn huyện Yên Thế. Vì lưu động như vậy nên tôi cũng quên đi nỗi buồn gia đình phân cách đôi nơi. Nỗi buồn đó chỉ đến thắc mắc lòng tôi mỗi khi trở về trụ sở kiểm điểm công tác. Trụ sở Thông tin ở một làng bên tả ngạn sông Thương, gần một bến đò đẹp vào bậc nhất Bắc Giang, bến đò Lục Liễu. Để tặng phần thơ mộng cho cái tên đó tôi vẫn thường dịch nôm là “Bến đò liễu xanh”.

Thư của em tôi tới báo cho hay gia đình đã tới tản cư cùng làng với gia đình cậu mợ tôi. Làng đó ở ngay bến Rau, bên này là Vĩnh Yên bên kia là Sơn Tây, rất thuận tiện cho việc buôn bán.

Rủi thay, thấy mẹ tôi vừa đến Vĩnh Yên thì quân Pháp mở chiến dịch càn quét khắp vùng Sơn Tây rồi thiết lập thêm đồn quân dọc theo hữu ngạn sông Hồng từ Sơn Tây ngược lên đến Việt Trì. Các ngã đường giao thông với Liên khu III đều bị quân lê-dương phục kích ráo riết.

Cậu tôi đã rơi vào ổ phục kích của chúng, giấn vốn khánh tận may thoát được người. Mẹ tôi phải ngừng chuyện buôn bán.

Nghe nói làng N.H. bên hữu ngạn sông Đáy gần chân dãy núi Tam Đảo là một làng trù mật, buôn bán dễ, gia đình tôi bèn thuyền chuyển đến đấy theo sáng kiến của mẹ tôi. Khi tới nơi mẹ tôi mới thấy rằng mình đã nhầm. Trước đấy một năm thì địa điểm này buôn

*bán được vì hầu như dân chúng toàn hạt Vĩnh Yên đổ xô về để tránh Pháp tấn công, nhưng nay tình hình tạm yên ai nấy trở về chốn cũ, địa điểm N.H. trở lại về trăm mặc của chốn chuyển tiếp giữa vùng trung du bên dưới với vùng đèo heo hút gió bên trên.*

*Vừa lúc đó tôi xin thôi ở Sở Thông tin về.*

*Mẹ tôi mừng lắm vì người vẫn thường nói: “Thời loạn lạc gia đình nên gần nhau, nhờ có thế nào”... Hình như trong óc người – có thể nói trong óc mỗi người trong gia đình tôi – đều luôn luôn sợ cảnh người nhà bị chết vì bom đạn rồi mất xác vì gia đình không kịp biết để nhìn nhận. Niềm vui đoàn tụ giúp chúng tôi bớt buồn nản khi thu xếp gồng gánh trở lại huyện Yên Lạc. Lần này gia đình tôi không dám ở gần bến đò Rau nũa vì sợ phi cơ oanh tạc, mà ở một làng cách huyện Yên Lạc chừng gần một cây số, làng Lũng Thượng. Gia đình cậu tôi ở ngay làng bên. Lẽ cố nhiên cả hai gia đình chúng tôi cùng nghèo túng lắm, nghèo túng đến nỗi cậu mợ tôi, thấy mẹ tôi cùng không dám sang thăm nhà nhau, chỉ chiều chiều ra gặp nhau trên quãng đường đá nối liền huyện Yên Lạc với bến đò Rau.*

*Tôi gặp lại người yêu cũ, nàng từ Phủ Lý (Khu III) chạy lên. Chúng tôi thành vợ chồng, tuy có ký giấy tờ tại Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện – cậu mợ tôi là những người làm chứng – nhưng đám cưới hoàn toàn êm ả, y như đám cưới vụng trộm.*

*Em gái lớn tôi xoay đi buôn gạo, ngày ngày kịu kịt*

đi về 20 cây số kiếm chút lãi. Ở Yên Thế tuy bị sốt rét nhưng nhà ở giữa rừng ít lo bọn địch tấn công bất ngờ, tuy cũng nghèo túng nhưng còn có đất rộng để trồng gia rau cỏ và nuôi được lợn gà.

Về đây những buổi ăn cháo ngô trừ bữa, mẹ tôi thường có ý khép cửa giữa lại.

Em gái tôi đã phải đi chợ thật xa để đóng gạo rẻ mà rồi tính ra lời lãi cũng chẳng được là bao. Các cụ giải thích hiện tượng kinh tế này bằng câu: “Thóc gạo có tinh.” Mẹ tôi làm tương gánh đi các chợ xa bán để kiếm thêm. Vợ tôi tạng người yếu nhưng khéo tay, không làm được việc nặng, nàng phụ trách những việc nhẹ như rang đỗ tương, ủ mốc, pha muối vào nước tương...

Đạo đó trường Luật mở ở gần chợ Me (Vĩnh Yên), tôi có ghi tên theo học nốt năm thứ ba hy vọng ngày thành tài sẽ ra thẩm phán, đồng lương họa có cao để giúp gia đình. Vì hoàn cảnh kháng chiến, các giáo sư thường từ nơi xa lại trường sở dạy liền trong mấy ngày, sau đó sinh viên tìm tài liệu tự nghiên cứu thêm. Có khi thời gian nghiên cứu lấy dài hơn một tháng mới có giáo sư mới. Tôi triệt để lợi dụng khoảng cách này để bon về giúp đỡ gia đình những công việc nặng.

Mùa đông năm đó rét lạ lùng. Gió hun hút giạt từng cơn buốt như dao cắt từng mảng thịt hờ, thế mà hôm nào mẹ và em gái tôi cũng phải dậy từ bốn giờ rưỡi sáng để sửa soạn gồng gánh ra đi. Quần áo và chăn chiếu của gia đình tôi thiếu rất nhiều. Thằng em

*thứ ba của tôi có được cái chiếu rách mướp vừa nằm vừa đắp, chân thò ra ngoài thì nó lấy rơm phủ lên.*

*“Ấy cứ thế mà ấm ra phết anh ạ.” Nó vừa cười khoái chí vừa nói với tôi như vậy.*

*Các em trai em gái của tôi đã lớn cả, chúng tôi hầu như thường xuyên thi đua trong việc nhường nhịn nhau. Mẹ tôi chỉ còn thắc mắc về thằng em út của tôi. Nó mới lên bảy còn nhỏ tuổi quá chưa thể tìm nguồn vui ở tinh thần để quên đói rét nhất là rét. Tương đối với cả nhà nó được mặc lành nhất. Nó mặc cái áo đỏ chót có những vệt chữ nho đen và những đường kim tuyến. (Nguyên đó là chiếc câu đối người ta phúng bả tôi hồi chưa tác chiến.) Câu đối đỏ thì may áo, còn nẹp sa-tanh vàng mẹ tôi cố gạn may thêm cho nó chiếc áo di-lê, chúng tôi gọi đùa nó là “anh cờ đỏ sao vàng”. Đêm đến rét quá không đủ chăn ấm, nó thường khóc khậm khạch. Chỉ cần có thêm đôi chiếu nữa thì cả nhà đủ ấm.*

*“Chiếu cói kỵ gió.” Mẹ tôi bảo thế.*

*Nhưng đến ăn còn chẳng đủ làm sao chúng tôi mua được đôi chiếu bây giờ?*

*Hôm đó suốt từ sáng đến trưa phi cơ bay từng đoàn bắn phá và dội bom liên tiếp xuống các chợ lân cận: chợ Me, chợ Vàng, chợ An Lạc. Mọi ngày chỉ khoảng bốn giờ chiều mẹ tôi đã có mặt ở nhà, ngày đó giờ đã xế chiều mà người vẫn chưa về. Toàn thể gia đình tôi bắt đầu sốt ruột tuy không ai nói một câu.*

*Chiều ngả mầu sẫm. Gió bắc rút trong bụi tre già*

*làm nền cho tiếng khàn khàn của lũ quạ lục đục trong tổ, gió bắc xoáy từng vòng cuồng loạn dứt từng vốc lá tre, lá bưởi vàng úa rồi lại nhào vút mất hút ra ngoài cánh đồng bát ngát và hiu quạnh. Mẹ tôi vẫn chưa về.*

*Trong óc tôi thoáng hiện những cảnh chợ bị phi cơ tàn phá, những hình người không kịp xuống hầm bị đạn chết gục bên cột lều tay còn quờ ôm những đồ hàng của mình, những hình người bị bom napalm thiêu rụi như những thân chuối cháy đen... Và tôi vùng ra cổng.*

*Thầy tôi biết ý hẹn với:*

*- Con cứ thẳng đường ra bến Rau, mẹ con thường về đường ấy.*

*Ra tới cổng làng, tôi đi như bay theo con đường đã định, cổ họng nghẹn ngào, dạ cồn lên như lửa đốt. Con đường như rộng thênh thang, cánh đồng ngập trong bóng chiều sẫm và trong gió bắc, càng trở thành mênh mông Tôi vút nhảy qua các hố phá hoại mà đi như một bóng ma cô độc dường muốn biến theo luồng gió.*

*Từ xa như có bóng người đi lại. Chắc người đó ở chợ Rau về. Để tôi phải hỏi tin tức về việc phi cơ địch oanh tạc hôm nay.*

*Hình như trên đòn gánh người đó có vắt ngang một cái gì.*

*Tôi lướt vội lên. Trời ơi, mẹ tôi!*

*Hai mẹ con mừng mừng tủi tủi như gặp nhau ở cửa âm ti.*

*Tôi nói: "Sao mẹ về muộn quá thế, cả nhà lo tưởng*

phát điên lên.” Mẹ tôi cho biết hàng hôm nay bán ở chợ không hết, người phải đi sâu vào một vài làng lân cận để bán nốt. Rồi khi xuống khỏi đê, qua cái lạch lớn thấy có chiếc chiếu trôi, vội tìm cách vớt lên và giặt luôn bên lạch. Đó là chiếc chiếu còn khá tốt tuy chiếu rộng bị xén đi mất một phần ba.

Mẹ tôi chỉ vào chiếc chiếu phơi trên đòn gánh nói:

- Về đến nhà thì chiếu vừa khô con ạ. Tối hôm nay thằng Tư – tên thằng em út tôi – có chiếu đắp ấm.

- Mẹ ơi, giàu con út, khó con út, mẹ chẳng để ý gì đến chúng con, chỉ chăm chú cho chú Tư thôi.

Mẹ tôi đi trước, gió ngược chiều nên tiếng tôi mất hút về phía sau. Tuy nghe tiếng được tiếng không nhưng mẹ tôi vẫn hiểu câu nói đùa, người vừa giữ cái chiếu vừa quay nhìn tôi mỉm cười.

Tối hôm đó khi đi ngủ thằng chú Tư được mẹ tôi đắp cho chiếc chiếu vớt ở lạch. Chân nó thò ra một tí khiến tôi nhận thấy chiếc bút-tất cũ vàng xỉn của tôi, chỗ đầu rách được buộc túm lại để các ngón chân xinh của nó khỏi “thoát ly” ra ngoài.

Dạo đó chỉ còn một tháng nữa là Tết. Tôi lại có dịp tạm rời trường Luật, đợi đến qua giêng mới có giáo sư. Tôi về vừa đúng lúc gia đình đang cần nhân công xay thóc giã gạo. Giấn vốn của gia đình tôi còn được năm nổi thóc. Dùng số tiền đó làm tiền đặt, mẹ tôi có thể đóng về được tám nổi. Theo như mẹ tôi phác tính mỗi nổi thóc làm, được lãi ít ra là hai ca gạo, vị chi với tám nổi thóc, chúng tôi sẽ lãi ít nhất là một nổi rưỡi gạo.

Cứ như vậy mà đủ việc liến trong một tháng, nghĩa là vừa đến Tết, thì chúng tôi có thừa tiền đóng gạo nếp gói bánh chưng và mua thịt cá để đón một mùa xuân kháng chiến tương đối huy hoàng.

Chúng tôi ngoại giao ổn thỏa với các nhà có cối xay cối giã rồi bắt đầu vào việc. Thấy tôi trông nom mấy đứa nhỏ, sửa soạn cơm nước. Tôi và thằng em trai xay thóc trong khi mẹ tôi điều khiển vợ tôi và cô em gái sàng gạo. Xay hết thóc chúng tôi đã có gạo đem đi giã, giã đến đâu mẹ và em tôi sàng tẩm sấy cảm đến đấy. Trong khi xay thóc, tôi nhẩm ôn các đạo luật, các án lệ để sửa soạn kỳ thi cuối niên khóa. Khi giã gạo với vợ, tôi cùng nàng thủ thi xây mộng tương lai. Ngày kháng chiến thành công hẳn chúng tôi đã có những đứa con kháu khỉnh, đã trở về quê hương dựng lại căn nhà xinh, sống tự do bình dị trong tổ ấm gia đình.

Ngày đầu chúng tôi làm được tám nôi thóc với số gạo dư là hai nôi. Một cụ già ở đấy gật gù nói: “Vạn sự xuất ư nho, đúng thật. Học trò thì cái gì cũng làm được. Cứ bảo người Hà Nội không chịu được lam lũ”!

Ngày hôm sau có tin quân Pháp đánh lên Vĩnh Yên, những người có thóc giữ lại, mẹ tôi phải vất vả lắm mới mua được bằng giá khá cao sáu nôi thóc để chúng tôi có việc làm.

Quân Pháp chiếm Vĩnh Yên. Tiền Hồ Chí Minh sụt giá vùn vụt. Vãn số tiền cũ, giờ đây chưa chắc mẹ tôi mua nổi bốn nôi thóc.

Từ chân núi Tam Đảo quân Pháp đánh tỏa ra ba

mặt, đồng thời từ hữu ngạn sông Hồng, một toán lê-dương vượt sang càn quét bến Rau ở tả ngạn. Dân chúng từ bốn mặt chạy về huyện Yên Lạc, đổ xô vào các làng. Mẹ tôi bèn thổi cơm hàng, gánh đến bán cho họ.

Trong số rất đông các người ở làng Rau mang đồ đạc chạy đến làng Lũng Thượng, có gia đình ông Lý Cửu vốn là bà con với ông chủ nhà nơi tôi tản cư. Ông Lý nói chuyện với thầy tôi rất tương đắc nhất là khi ông biết tôi đương học trường Luật sắp thi ra thăm phán

Ông nói:

- Tôi có thằng cháu năm nay lên sáu, giới để cho làm người, sau này kháng chiến thành công, tôi nhất định sẽ gửi cháu lên Hà Nội phiên ông bà và cậu cả trông nom giúp cho thành thân người.

Quân Pháp, sau khi từ chợ Me vượt qua sông Đáy, tiến sâu vào huyện Lập Thạch đốt phá một ngày rồi rút lui về tỉnh. Cánh quân tiến sang tả ngạn sông Hồng đốt phá bến đò Rau cũng rút về vị trí cũ bên hữu ngạn. Dân chúng chạy loạn lục tục đều trở về đây ngay để còn kịp sửa soạn Tết.

Làng Lũng Thượng trở lại yên tĩnh.

Trưa hôm đó mẹ tôi ra phía bụi tre đầu nhà thấy cong queo dưới hầm trú ẩn một chiếc chiếu hoa cạp điều. Đúng là chiếc chiếu của một gia đình chạy loạn nào khi về mừng quá bỏ quên.

Mẹ tôi nói: “Thôi thế cũng là giới thương mà cho

nhà mình!”

Đã lâu lắm, đêm đó tôi mới được thấy thằng em út tôi có chiếc chiếu đắp kín chân không trông thấy đôi bít-tất buộc túm chỗ rách. Sáng ra, mẹ tôi cẩn thận gấp chiếu rồi vắt lên chiếc dây thừng căng cao ngang mái nhà. Thế là từ đây đêm đêm nghe tiếng gió rít và những hạt mưa táp vào đầu hồi, tôi cũng yên chí cho các em đã tạm đủ chiếu nằm, chiếu đắp. Hai ngày sau, tới buổi sớm ba mươi Tết, khi sức tỉnh, tôi thấy không khí trong làng có vẻ tưng bừng hơn vì những tiếng bàn tán xôn xao xen với tiếng cười giòn giã ngoài đường xóm. Tôi vùng dậy ra thẳng ngõ. Trời tuy lạnh ngọt nhưng quang đãng và êm ả vô cùng. Tôi gặp mọi người, mắt ai nấy sáng ngời tin tưởng. Thì ra ở khắp các tường làng đều đã kẻ khẩu hiệu:

“Chuẩn bị tổng phản công”

Đồng bào thủ đô bàn nhau ngày về nhận nhà nhận cửa, đồng bào địa phương hơi có vẻ ngậm ngùi tưởng như giờ phút chia tay đã điểm.

Buổi trưa hôm đó ông Lý Cựu từ làng Rau tới, mang theo vài thứ xa xỉ phẩm làm quà biếu ông chủ nhà vào dịp Tết. Ông Lý Cựu có xuống căn nhà dưới thăm thầy tôi. Câu chuyện vừa xong phần xã giao thường lệ thì ông ngừng nhìn thấy chiếc chiếu hoa cạp điều vắt ở dây thừng, ông đứng nhóm dậy, chạy lại kéo tuột xuống nói gọn:

- Chiếc chiếu này của tôi!

Mẹ tôi chợt có một cử chỉ phản ứng, y như sự phản

ứng của một người mẹ gìn giữ con trong cơn nguy biến.

Người nói:

-Ấy chiếc chiếu đó của nhà tôi...

Mẹ tôi vốn là một phật tử trung thành. Người chỉ nói được đến đây thì lương tâm phật tử trở lại và người lúng túng quay nhìn ra ngõ.

Ông Lý Cựu thân nhiên gấp chiếu lại, cắp gọn dưới nách rồi thân nhiên nói:

- Không, chiếc chiếu của tôi. Tôi mua đôi chiếu cặp điều này từ năm mới tác chiến, một chiếc còn trên kia.

Thì ra đôi chiếu đó, ông Lý mang đến gửi ông chủ nhà trong dịp vừa qua, rồi những người đến chạy loạn tự động mượn đem ra trải ở bụi tre nghỉ tạm, lúc về vì chiếu rơi xuống hầm trú ẩn nên họ quên không trả lại chỗ cũ.

Tuy chỉ một thoáng qua nhận biết hết sự thể là vậy nhưng tôi vẫn chưa chịu và tiếp lời mẹ tôi:

- Chiếc chiếu này mẹ tôi mua của một người ở chợ Lắm.

(Ý muốn nói người đó lấy chiếu ở đây mang ra chợ Lắm bán.)

Ông Lý vẫn thân nhiên, thân nhiên một cách cương quyết:

- Không, chiếc chiếu này của tôi!

Rồi ông cắp chiếu đi thẳng lên nhà. Lúc đó tôi cũng vừa trở lại với tôi để nhớ ra rằng cuối năm nay tôi đã thi xong, có thể ra thăm phán. Tôi thoáng nghe phía sau tiếng vợ tôi thở dài rồi quay vào buồng. Tối hôm

đó khi thấy tôi lấy chiếc chiếu rách cũ vót ở lạch đắp cho thằng em út, mẹ tôi chép miệng nói khẽ:

“Thôi, sang giêng trời bắt đầu ấm, và lại cũng sắp tổng phản công rồi!”

“Và lại cũng sắp tổng phản công rồi!” mẹ tôi nghĩ thật chí lý. Tổng phản công để bờ cõi được vinh quang độc lập, để mọi người được trở về dựng lại quê hương yên vui.

Tôi hiểu khi đó hầu hết các gia đình khác, cũng như chúng tôi, chịu đựng bao nhục nhằn với những phút sa ngã nhỏ như chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều. Tất cả những hy sinh đó – kể cả khi hy sinh một chút ít danh dự do sự yếu đuối thường tình của con người – tuy dằn vặt, ray rứt mà không tàn phá nỗi niềm vui trong sáng, thanh thân của tâm hồn, vì ai nấy vẫn sống ngợp hy vọng một ngày mai vinh quang.

Sớm mừng một năm đó mẹ tôi ra chùa lễ. Người quỳ rất lâu trước bàn thờ Phật. Giọng người thành kính thiết tha yêu cầu đức Phật phù hộ cho chóng trở lại yên bình, gia đình được qua thì đói khổ thì loạn. Tiếng người khấn đòi khi nức nở. Tôi nghe, nước mắt như muốn trào ra. Cộng sản dìm nhân loại trong thiếu thốn để chứng minh nguyên lý “Vật chất quyết định hết thảy”. Chúng lắm! Con người càng từng trải cảnh thiếu thốn vật chất, niềm tin và đạo đức càng được hun đúc và tình cảm thêm dạt dào.

Sau này khi về vùng quốc gia, rồi di cư vào Nam tôi còn trải qua nhiều gian lao nghèo túng và nhiều lần bị

*khinh rẻ, nhưng dù nghèo túng đến đâu, dù bị khinh rẻ đến đâu, điều đau nhọc nhất với tôi vẫn là chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều, tuy thực tình câu chuyện chỉ giản dị có vậy.*

*Cách đây ít lâu khi mua được đôi chiếu hoa Phát Diệm ở đường 20 về trải lên phản cho con nằm, tôi thấy vợ tôi chợt úp mặt vào hai bàn tay trước bàn gương. Có lẽ nàng nghĩ đến câu chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều khi xưa. Chuyện đó như biến thành chiếc phao sẫm màu, bất chấp mọi giông tố vẫn nổi lênh bênh trên biển, biển thời gian của đời, biển kỷ niệm của hôn. Cũng kể từ sau ngày xảy ra chuyện đó, thái độ tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương những em nhỏ sớm phải lặn lội vào cuộc đời để tự nuôi sống, tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống, tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh nghèo túng giật gấu vá vai, tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác đi giữa kinh thành.*

*Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn; ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành.*

*Thấy tôi hằng kiểm chế được nóng giận và nhất*

*là vẫn mỉm cười khi ứa nước mắt, các bè bạn thân thường khen tôi có thái độ hồn nhiên của Trang-Chu.*

*Các bạn yêu quý của tôi!*

*Các bạn có ngờ chẳng thái độ hồn nhiên đó là kết quả của biết bao cảnh cơ hàn mà tôi và những người thân của tôi đã trải qua, trong đó có chuyện CHIẾC CHIẾU HOA CẠP ĐIỀU!*

# DUY LAM

**D**uy Lam do Nhất Linh phát giác và hướng dẫn từ đầu. Một bức điện tín đánh dấu sự mừng rỡ chung của hai bác cháu lúc Nhất Linh nhận ra văn tài của Duy Lam.

Về sau, giữa hai tác giả dần dần bày ra những chỗ giống nhau và khác nhau ngộ nghĩnh.

Duy Lam thoát tiên viết những thiên đoản văn trên các tạp chí. Sau, văn ấy xuất bản thành sách, được gọi là truyện. Cuốn *Chống con tôi* là tập truyện ngắn; cuốn *Gia đình tôi*, theo *Văn học từ điển* của Thanh Tùng là truyện dài, theo ấn bản do nhà Văn hóa ngày nay (California, Hoa Kỳ) in lại lần thứ năm thì là truyện vui.

Tác phẩm kể sau ấy e gần với ký hơn là truyện. Gia đình tôi, chính thị gia đình của tác giả. Các nhân vật được nói trước là mẹ tôi, các em trai em gái của tôi. Chương sách cuối cùng dành cho “Tôi, Lam”. Ở chương ấy, trên đầu các trang sách lại nêu rõ hơn:

“Tôi: Duy Lam”. Nhân vật này lại chuyên viết văn, mỗi cái truyện ngắn bán được “nghìn rưởi” đồng. Đích thị rồi! Ở Việt Nam còn có ông nhà văn Duy Lam nào khác, ngoài ông Duy Lam của chúng ta? Vì thế tôi ngờ đây không phải là hư cấu, là tiểu thuyết gì cả. Chẳng qua các bản phác họa những con người thực. Là ký thời.

Nhất Linh viết truyện là chính, nhưng cũng có một cuốn ký: *Đi Tây* (nhà xuất bản liệt vào loại “tiểu thuyết phóng sự trào phúng”). Và khi viết ký, Nhất Linh cũng như Duy Lam đều viết với giọng đùa cợt khác hẳn giọng văn tiểu thuyết. Đó, một chỗ giống nhau giữa hai vị.

Vũ Bằng có lần bảo Trọng Lang cho rằng Nhất Linh chủ trương tạp chí trào phúng xuất sắc, nhưng ông không phải là cây bút trào phúng xuất sắc: Trên các tờ *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, những bài viết châm biếm cay độc, tài tình nhất không phải của ông. Duy Lam viết văn vui cũng vui vừa phải thôi. Tú Kếu, Duyên Anh, v.v. ranh mãnh, hóm hỉnh hơn nhiều. Lại là một chỗ giống nhau nữa giữa hai vị.

Giữa hai vị có mấy điểm khác nhau. Khởi sơ, Nhất Linh viết truyện với giọng văn nghiêm chỉnh; về sau, ở *Giòng sông Thanh Thủy*, ở *Xóm Cầu Mới*, tác giả thỉnh thoảng có lời đùa cợt, có những chế giễu nhẹ nhàng. Ông cười bàn chân của Đổ, bàn tay của Nhở, ông cười giáo Đòng giỏi búng ruồi, cười cái động cơ cách mạng đích thực của Ngọc-Châu-Chấu là cô bé

Thủy, của Tú-Cận-Thị là mấy ông anh bà chị bên phía vợ, v.v. Đến một tuổi nào đó, Nhất Linh như thể nhìn đời với đôi mắt tinh quái mà khoan hòa, nhìn thấu suốt các sự thực ẩn giấu dưới mọi che lấp giả dối, thấu suốt mà bao dung. Duy Lam không thể. “Tôi: Duy Lam” bước vào đời hoan hỉ, hài lòng. Nhưng gặp ngay thời khó thế khó, ông đổi thái độ, tắt nụ cười. Trước khi “lột xác” ông phần uất, buồn nôn; sau lột xác ông nhìn đời lom lom, trịnh trọng.

Trong cái viết, ban đầu Nhất Linh viết du dương mà rỗng (như về sau ông đã tự chế giễu mình); dần dần đi tới cách viết giản dị, trong sáng, rồi nêu cái giản dị làm một tôn chỉ của Tự Lực văn đoàn. Duy Lam, người có quyết tâm kế thừa trường phái Tự Lực văn đoàn, thì bắt đầu viết thứ văn trong sáng giản dị, về sau lại bày ra những rối rắm bí hiểm. Thí dụ, trong *Lột xác*: “Mỗi khi hôn nàng, sự xao xuyến của tôi lại có dịp thiếp ngủ, ngoan ngoãn trên đôi môi khô quen thuộc, trong mái tóc gậy gậy và trên làn da hấp nóng của Hà, như một con ký sinh trùng màu đen nhỏ bé, say lịm trong một chất mật lạ” (trang 10). Sự xao xuyến hôn nàng kiểu nào? Xong rồi cũng nó (sự xao xuyến) thiếp ngủ ngoan ngoãn, lại ngủ ngay trên môi nàng? Lúc bấy giờ sự xao xuyến giống con ký sinh trùng có màu (đen) có cỡ (nhỏ) rõ ràng? Ký sinh trùng say trong chất mật lạ (còn gặp chất mật quen, nó không say?) Bao nhiêu vấn đề, tha hồ suy nghĩ vô đầu. Lại thí dụ: “Nhưng trong tim tôi sự sợ

hãi lại đóng thành băng giá, một sự sợ hãi im lặng, không có tiếng động và lẻ loi vô kể” (trang 30). Đó là sự sợ hãi trong tim, còn những sợ hãi khác, có cái nào ấm áp, ồn ào, và đủ lửa đôi chàng?

Nhân vì một chuyện Nhất Linh “phát giác” ra Duy Lam, đã thuận đà đối chiếu hai vị. Sự đối chiếu tưởng không nên dài dòng.

Nhìn riêng, Duy Lam có cái bản lãnh của ông. Viết truyện, ông đã dựng được những nhân vật độc đáo, có cá tính: Thừa trong thiên truyện ngắn “Đôi mắt ngọc trai đen” là một nhân vật như thế. Trong câu chuyện tình ấy, người con trai không thu hút cô gái vì chàng đẹp trai, không vì chàng ăn nói duyên dáng, không vì trình độ học thức, vì danh tiếng, tiền tài. Loan chỉ bị hấp dẫn vì cá tính mạnh mẽ của Thừa. Một hôm Loan bắt gặp chàng đối diện với ba mình. “Nàng nhớ có lần Thừa đến chơi ngồi chờ nàng ở phòng ngoài; sau khi chào hỏi ông Khải, Thừa ngồi ở ghế hút thuốc lá, đọc báo, ba nàng tiếp tục làm thơ. Nàng ra, trước khuôn mặt hai người đàn ông, đều thân yêu đối với nàng, một lạnh lùng phong trần, một kiêu ngạo và đầy sức mạnh, Loan thấy nhói trong tim: hai người đối diện nhau giống như hai con thú dữ đầy nguy hiểm; nhưng không hiểu sao tâm hồn nàng tràn đầy một nguồn tình cảm kiêu hãnh, vì là con của ba nàng và là người yêu của Thừa”.

Cá tính mạnh mẽ của một thanh niên thu hút cô gái; cá tính độc đáo của các nhân vật tiểu thuyết thì thu hút độc giả.

Trong cuốn *Lột xác*, những Bernard với sự say mê tốc lực, say mê nhạc Việt cổ truyền, Hùng với mối thù truyền kiếp của toàn gia đối với cộng sản, Tuyến với niềm tin ở Tôn Tử và sự mê cuồng hành động, v.v. đều là những nhân vật thành công, có cá tính mạnh mẽ.

Thành công hơn cả có lẽ là các nhân vật trong tập truyện *Chống con tôi*. Người cha của hai anh em Tân và Lan trong “Vực thẳm” khó hiểu, ác độc, mặt lạnh như đá, lăm lăm tiến tới cái chết. Trước khi chết, ông quyết định gặp người tình cũ ngay trước mặt vợ con. Anh chàng Sơn trong “Ngập ngừng” yêu chị Vân vợ của anh Thanh – yêu khổ yêu sở, và tự bảo nhất định phải tỏ tình, mặc dù cứ hở miệng ra là lại quen miệng kêu “chị Vân”. Anh chàng Sâm trong “Tuyệt vọng”, say đắm mà vụng về, lần đầu yêu một cô gái, và chết luôn vì tình yêu ấy, chết hẳn, chết thực sự, vô phương cứu chữa... Những nhân vật ấy khác hẳn thể hệ các nhân vật tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn lớp trước. Nhân vật của Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, và ngay cả của Thạch Lam, tâm lý họ đều bình thường, phải chăng cả. Các tác giả trước phân tích tâm lý có tỉ mỉ, có tế nhị, có sâu sắc; còn nhân vật thì tâm lý họ dễ hiểu thôi, hợp lý thôi. Cho nên viết về Thạch Lam tác giả sau cùng trong lớp ấy – Vũ Ngọc

Phan khen cái tả tình thì tinh vi, thật tinh vi, thì tài tình, rất tài tình, lại rất đúng nữa. Nhưng mặt khác, nhiều lần ông Vũ kêu là đọc chán lắm. (Nói cho rõ: cùng trong một bài, ông Vũ kêu chán bốn lần.) Và ông tìm được lý do: chán vì giống nhau. “Sở dĩ các nhân vật trong truyện của Thạch Lam giống nhau là vì Thạch Lam đã đem những tính tình riêng của mình để tạo nên các nhân vật. Tất cả các nhân vật trong truyện của Thạch Lam đều có những cái phảng phất của tâm hồn Thạch Lam (*Nhà văn hiện đại*, Đại Nam, quyển V, trang 1167).

Mang tính tình ai, tâm hồn ai, thì đáng lo, chứ tâm hồn Thạch Lam thì còn gì quý bằng: chỉ đáng yêu thôi. Theo nhận xét của ông Vũ, Thạch Lam “phải là người giàu tình cảm lắm”, là ngòi bút “điểm tĩnh vô cùng”. Vậy nhân vật ông ai thấy mà chẳng yêu quý.

Trái lại, ở Duy Lam, tác giả thuộc thế hệ “hậu Tự Lực”, các nhân vật không còn thế nữa. Hầu hết họ đều kỳ quặc: người cha trong “Vực thẳm” thì vợ ông ta, con trai con gái ông ta còn không hiểu nổi ông, huống hồ độc giả. Cậu Sơn trong “Ngập ngừng” thì chị Vân nghĩ là chồng mình không hiểu nổi, vì chàng thực tế quá, lại “tầm thường và nông nổi”. Nhưng rồi khi phát giác ra Sơn yêu mình thì chính Vân ngạc nhiên, không hiểu được...

Những nhân vật kỳ quặc ấy lại ngang bướng, lại xử sự rần rỏi, tàn nhẫn. Sơn là con ông bạn thân của cha Thanh; cha không còn, Sơn ở trọ tại nhà Thanh,

Thanh coi như đứa em; thế mà Sơn lại quyết định cần phải tỏ tình với vợ Thanh. Thừa yêu Loan, gặp cha Loan lại tự dưng “đối diện nhau giống như hai con thú dữ đầy nguy hiểm”. Trong “Chồng con tôi”, đứa nhỏ nói thẳng với mẹ “Con ghét ba lắm”, còn người cha thì mỗi lúc mỗi đánh con những trận nên thân, rồi bảo vợ: “Em biết tại sao không? Anh thấy nó giống anh quá. Nó như hệt anh ngày trước, tàn ác và nhẫn tâm.” (Bộ ông tưởng ngày nay ông hết tàn ác và nhẫn tâm rồi sao?!)

Ở các tác giả Tự Lực văn đoàn lớp trước, nhân vật đã bình thường giản dị, mà tâm lý lại được phân tích kỹ càng cặn kẽ: độc giả tiếp cận thấy dễ chịu quá. Ở Duy Lam không có phân tích phân tích chi li tỉ mỉ. Ông đưa các nhân vật mình ra như một nhà điêu khắc tạc tượng bằng những nhát đục lớn, mạnh bạo. Những nhân vật có nét riêng, có cá tính mạnh mẽ ấy, ông có lấy tính tình của mình, lấy tâm hồn mình ra dựng nên (như trong trường hợp Thạch Lam), hay ông lấy từ đâu? Của ai? Cái đó tưởng không thành vấn đề.

Chỉ biết với những nhân vật say đắm, bất ngờ, quyết liệt, cực đoan, có khi bí hiểm, Duy Lam đã tạo cho mình được nét cá biệt, mới mẻ. Nhất Linh có lý khi ông đặt kỳ vọng vào Duy Lam thuở *Chồng con tôi*, thuở mới xuất hiện.

Về sau, Duy Lam không còn giữ được phong độ. Trong câu văn viết ra cũng như trong xây dựng nhân vật.

Yếu nhất nơi tác phẩm ông có lẽ là nhân vật số ít ở ngôi thứ nhất. Tất nhiên không có lệ nào cấm của nhân vật nọ lọt vào văn phẩm. Trái lại có những trường hợp hần ta, chính hần, một ngôi thứ nhất to tướng vào nằm chình ình chặt cả văn nghiệp của những tác giả danh tiếng. Trường hợp Nguyễn Tuân tiền chiến chẳng hạn. Cái đáng nói không phải sự có mặt của nhân vật ngôi thứ nhất, mà là thái độ dãi ngộ đối với hần.

Trong cuốn *Đi Tây*, Nhất Linh (lại nhắc Nhất Linh!) biến một ông cử nhân khoa học bấy giờ thành một gã học nghề chụp hình, học dở dang bị đuổi về xứ. Nhân vật ngôi thứ nhất của Duy Lam, thuở mới xuất hiện trong cuốn *Gia đình tôi* đã khác thường, có sức thu hút dữ dội: chàng xòe cả hai bàn tay ra đếm các mối tình vẫn không đủ ngón tay để đếm cho hết (trang 142), và chàng lại không hề biết mùi vị thất tình bao giờ (trang 146). Chục năm sau, trong cuốn *Lột xác*, ngôi thứ nhất thành ra phi thường: Ấy là một sĩ quan trẻ được đại úy trưởng đồn nổ nang, được bạn đồng ngũ (Hùng) kính phục, vì chàng “có học”, “đọc nhiều sách”, “biết hội họa”, “con nhà dòng (dối), có nòi” (trang 16), thuộc một gia đình cách mạng (trang 66), can đảm (trang 30), đẹp trai (trang 115), hấp dẫn (“Mình biết mình dễ có *succès* với nhiều hạng đàn bà, mình cuốn hút họ” (trang 21). Sức cuốn hút ấy đưa tới thành công liên tiếp: nhân

vật này ngủ với em gái bạn, ngủ với vợ bạn, ngủ với gái làng gặp giữa đồng vắng, v.v.

Vậy, đây là một nhân vật xuất sắc. Phải cái do được tác giả nuông chiều quá đáng mà đâm hỏng. Nguyễn Tuấn vờ vĩnh mắng mỏ ngôi thứ nhất, Nhất Linh giấu cợt và thu bé hẳn ngôi thứ nhất, họ không gặp vấn đề. Duy Lam không thể, ông để nhân vật nọ lộng lên, làm hư sự. Chỗ ấy đáng tiếc.

Đáng tiếc nhất là nhân vật nọ quấy rầy vào những lúc không thích đáng, khi tác giả đang làm công việc hay ho. Hoàn cảnh éo le của lớp thanh niên bị buộc phải chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Pháp, đánh nhau với cộng sản trong hàng ngũ kháng chiến quân, cả hai cùng là trai Việt: những uẩn khúc, nhục nhã, phần uất, dần xé nơi họ trong những năm tháng chưa “lột xác”, đề tài ấy phong phú, hợp thời, mà lại hiếm người khai thác. Giá Duy Lam không gặp đôi trắc trở thì hay biết bao.

4/1998

# ***ĐÔI MẮT NGỌC TRAI ĐEN***

Người trai trẻ – tên là Thừa, có đôi mắt – ngọc trai đen thì thẩm bên tai Loan:

- Cô ăn mặc khéo quá!

Loan hơi mỉm cười. Đôi chân nhỏ nhắn trong đôi giày mẫu sữa điểm những chấm xanh hợp với những đóa hoa lớn trên chiếc xiêm kiêu mới ngấn ngang đầu gối của nàng, nhẹ hơn, lướt trên sàn theo điệu nhạc chìm và trầm. Loan tò mò đợi Thừa nói tiếp thêm để nàng biết rõ hơn về chàng. Dáng điệu Thừa, ngay khi nghiêng mình mời nàng cũng ngượng ngập thế nào – sự ngượng ngập ngây thơ và táo bạo.

Thừa chạm khế vào má nàng, Loan để yên.

- Chà! Da cô thực mịn... tuy chẳng cần phấn sáp nhiều.

Loan tự hỏi tại sao Thừa lại cố gắng tỏ ra mình rất thành thạo với đàn bà. Nhìn đôi mắt to lẫm mạn của chàng, ai mà chẳng đoán được ngay Thừa chỉ là một tâm hồn trẻ con và say mê trong một thân hình cao, nẩy nở và khuôn mặt xương xương, rám đen.

Loan vẫn yên lặng để mặc Thừa huyền thuyên khen ngợi sắc đẹp của nàng; những lời nói càng ngày càng sống sượng, tuy vẫn lịch sự – một điểm đặc biệt nàng

lưu ý ngay ở Thừa. Loan đoán Thừa không thể giận dữ, ghen tuông hay cuồng nhiệt một cách tầm thường như phần lớn các người đàn ông đã tán nàng.

Trên đầu hai người những chiếc đèn giấy Nhật lắc lư nhẹ nhẹ hơi hư ảo và cười cợt, những khoảng sáng treo lơ lửng cách biệt với những cặp trai gái ồn ào và cử động hỗn độn – vẫn chán nản và găng gượng – ở phía dưới.

Thừa không nắm chặt tay nàng, những ngón tay rắn chắc và dài mỏng man trên những ngón tay nàng, dò dẫm và đòi hỏi. Thừa tự nhiên nói:

- Ta ra vườn đi! Ở đây nóng quá!

Loan cười nhỏ. Lạ thay nàng vừa chợt nghĩ là Thừa sẽ hỏi nàng câu đó.

- Tại sao “chúng ta” lại phải ra vườn? Ở đây không được à?

Thừa không ngượng ngập; buông nàng ra đáp ngay:

- Tại vì có nhiều chuyện.

Thừa muốn gì? Nàng có cảm tưởng những lời Thừa nói không thực ý. Chàng chỉ cố đóng một vai kịch không lấy gì làm khéo lắm. Nhưng những tình cảm nồng nàn và ham muốn của chàng ẩn nấp đâu đây: trong khóe mắt, cử chỉ, và cả trong nụ cười hơi cứng mở hé đôi môi dày của chàng, chạy dọc những vết trũng nhỏ quyến rũ và ẩm tứa một con ong vầy cánh nóng nảy – làm nàng xúc động.

Thừa nói nhiều hơn, liên tiếp, những câu nói thiếu mạch lạc nhưng là lạ và ngộ nghĩnh. Chẳng hạn:

“Mặc đầm quyền rũ hơn vì để lộ chân. Nhưng tại sao cô lại để tóc xõa trên vai? Trông không... élégante hoàn toàn. Địa chỉ Loan ở đâu? Hôm nào tôi đến thăm có phiền không? Các cụ nhà có dữ không? Có xảy ra chuyện gì nguy hiểm cho tôi không? Gặp mặt ông nào chẳng hạn... Thế có nghĩa là tôi định hỏi Loan có hôn phu chưa? Chưa à! Tuyệt quá nhỉ.”

Loan có cảm tưởng nàng sẽ có thể yêu Thừa.

Trên một bức cuối cùng của chiếc cầu thang tối, đầy rác và mảnh giấy vụn, bắn đến độ quen thuộc, Loan dựa vào tường nhìn chiếc hành lang dài dẫn đến căn gác nàng sống với gia đình. Không hiểu sao Loan yêu hành lang này đến thế. Mỗi khi đi chơi tối về, dù vui vẻ kích thích hay chán nản, nàng bao giờ cũng dừng lại vài phút, trước khi dẫn mình vào cái khoảng tối sâu hút, cắt dọc những vệt sáng của vài khung cửa mở để hắt ánh sáng trên sàn đá hoa – không bóng một người, không im lặng lắm vì những âm thanh văng vẳng của radio, âm nhạc tây phương và vài tiếng cười nói mơ hồ.

Loan đi rất chậm – Những bước nhỏ ngắn của một cô bé học vũ một mình đầu hơi cúi, vai trần trắng nhợt.

Một cặp trai gái nhô ra từ một căn gác. Người thiếu nữ cười lả lơi, khi thấy nàng im bật, ánh mắt soi mói đầy ác cảm: hai lưỡi dao sắc hình như muốn cắt xẻ không thương tiếc khuôn mặt đẹp đẽ, bộ ngực cao, cặp đùi dài thon của nàng. Hai người khoác tay nhau đi qua mặt nàng. Người con gái sát mình một cách cố ý

và khiêu khích vào thân hình người đàn ông, nói nhỏ vào tai hắn một câu ngắn. Hắn hốt xước nhìn Loan chăm chăm và huýt sáo thán phục. Chắc khi gặp hắn một mình, nàng sẽ rất kinh tởm và ghét hắn thậm tệ.

Loan chùng chình không muốn mở cửa phòng vội. Nàng không muốn gặp Ban vào giây phút này. Chắc Ban đang chơi cá ngựa với ba nàng và dì Minh, chờ nàng. Ban bao giờ cũng chờ nàng, chàng là hạng người sinh ra chỉ để chờ đợi mong ngóng.

Loan tự hỏi sao nàng còn để Ban đến thăm nàng. Trên chiếc divan ở phòng khách, Ban hay ngồi ghé ở một đầu, còn Loan lơ đãng dựa mình trên chiếc gối lớn riêng của nàng, bọc vải dầy màu đỏ sậm chạy ngang dọc những hình vẽ trắng hỗn độn. Loan thường nghĩ đầu đầu và đãng trí. Ban ít nói một cách kinh khủng. Những lời nói của chàng buồn bã như những cơn mưa rào, cây ra thật khó khăn đến rớm máu ở đầu ngón tay. Cũng có khi Loan bực mình, nhất là khi nàng nhìn xuống bộ ngực bình thường vì không có gì để xúc động, Loan có cảm tưởng nàng và Ban mắc một cái tội không thể tha thứ được là đã phạm nhiều thứ: những lời nói êm dịu đùa cợt và thân mật đáng nhẽ phải trao đổi, những chiếc hôn ấm áp – tại sao lại không? Nàng đâu có phải bằng đá. Loan biết Ban yêu nàng nhưng tại sao chàng cứ ngồi im như bụi mọc, thỉnh thoảng cung kính liếc nàng một cái, đỏ mặt lên và đôi mắt nâu sẫm – đẹp và hiền từ một cách quá đáng – vẫn phẳng lặng tựa mặt nước vắng

*bụi của một chén nước nóng đặt trên một chiếc miếu nhỏ ẩn khuất.*

*Có một lần nàng đã tự ý ngồi đặt nhẹ tay mình lên bàn tay chàng khi hai người nói chuyện không đầu. Nàng chờ đợi phản ứng của Ban. Nhưng Ban mặt tái lại, nhin thở, người co rúm trong một dáng điệu đáng thương. Loan đã rút tay về và đuổi Ban:*

*– Anh đi về đi! Về ngay đi!*

*Nàng nhìn theo Ban lăm lũi ra khỏi phòng và đột nhiên ghét tất cả ở chàng: những lời nói nhỏ nhỏ, lối phục sức quá ngay ngắn, lịch sự, mái tóc bóng quăn quăn và cả đến những chiếc cravate màu nhã nhặn, Ban bao giờ cũng thắt rất khéo khi đến thăm nàng. Nàng đã xấu hổ, không phải vì đã cư xử bạo tợn và sống sượng, thất vọng thì đúng hơn; giống hời nhỏ mất hàng giờ cạy trộm một cái hộp khóa kỹ của mẹ nàng, lúc mở được thấy hộp rỗng không: một sự rỗng không trên tức nàng ghen ngào đến trào nước mắt.*

*Ông Khải ngừng đầu lên nói nhẹ nhàng:*

*Kìa Loan đã về!...*

*Ông ngừng một giây, đôi mắt sâu sau chiếc kính lão gọng vàng sáng lên một ánh tòng phạm khi ngắm cô con gái xinh đẹp đang bước vào phòng, dáng uể oải mệt nhọc và hơi nũng nịu, ông hỏi tiếp:*

*– Bal có vui không con?*

*– Cũng không tệ lắm ba ạ!... Trời con mỗi chân quá!*

*– Con vào thay quần áo rồi ra đây đánh cá ngựa.*

*Tuyệt nhiên ông ông không nhắc gì đến Ban, cũng*

không đá động đến việc Ban chờ nàng suốt buổi tối. Ông bảo dì Minh:

- Minh hộ Loan thay quần áo rồi sửa soạn uống trà và cà-phê. Nhớ lấy hộ tôi mấy tập thơ để trên bàn trong phòng ngủ.

Loan nhìn chiếc đầu dài, tóc tiêu muối của ba nàng, lòng thanh thản hẳn lại. Từ bao năm nay ông Khải vẫn dùng một giọng riêng biệt để nói chuyện với nàng, chưa bao giờ ông căn vặn hay trách mắng nàng. Loan yêu ông, thích ngồi cạnh ông hàng giờ nghe ông ngâm những bài thơ Đường, tò mò theo dõi mọi biến chuyển trên khuôn mặt khắc khổ và phong trần của ông, có khi nàng bỏ ngõ, có khi sờ sợ không đâu, ông có nhiều bộ mặt và con người khác nhau, Loan biết vậy từ khi nàng bắt đầu lớn.

Nhiều tối đã khuya, ông còn ngồi ở bàn làm văn thơ. Loan chỉ việc thò chân đẩy cánh cửa phòng nàng hé mở một chút là đã trông thấy ông, đầu hơi cúi trên những tập sách chữ nhỏ dầy, giấy cũ vàng, khuôn mặt mờ ảo dưới ánh đèn nến – ông có thói quen thắp hai cây nến cắm trên chiếc giá bằng gỗ đen bóng. Nàng ngắm ông rất lâu, tay nàng để trên ngực da ấm và phập phồng, hai đùi cặp chặt lấy nhau – thoải mái, thú vị, không sợ bóng tối và quên hết mọi phiền muộn. Nàng thật sung sướng và yên tâm vì biết ông yêu tha thiết một cái gì thơ, hoa lan, uống nước trà; một điều hiếm thấy ở các thanh niên bạn của nàng.

Tuy nàng đã lớn, ông vẫn thường hay vuốt tóc

nàng, rất nhẹ, rất thận trọng, khi nàng nằm dài trên divan cạnh bàn ông làm việc, mơ màng ôm gối vào ngực, tóc dài xoa gần chấm đất. Hai cha con ít khi nói chuyện vào những lúc đó. Thỉnh thoảng ông ngâm khe khẽ một câu thơ đắc ý, hý hoáy sửa trên giấy. Khi ông ngừng, nàng giục:

- Ba ngâm nữa chứ ba!

Thực ra nàng không hiểu cái hay của thơ, nàng chỉ thích giọng ngâm của ông.

Dì Minh đứng dậy che miệng, ngáp, vuôn vai và vắn mình mấy cái. Sau khi ly dị với mẹ Loan, Ông Khải đã lãng nhãng với nhiều người đàn bà đủ mọi hạng trước khi quyết định chính thức kết hôn với dì Minh. Ở dì Minh cái gì cũng tròn trĩnh xinh xẻo hay hay: chiếc miệng chúm chím hình hạt đào, đôi mắt tròn ngọ nghĩnh, đôi vai tròn lẳn và chắc chắn, chiếc ngực nảy nở hơi quá đáng làm căng chiếc áo kimono sặc sỡ, tóc uốn ngắn có những móng cong cong áp trên trán.

Ban ngồi trước mặt dì Minh ngượng ngịu nhìn xuống bàn cá ngựa. Thật lạ! Nàng vừa nghĩ có lẽ Ban sợ hãi và xấu hổ khi phải chứng kiến thân hình nóng ấm của một người đàn bà cử động bên cạnh chàng.

Loan vui vẻ nói với Ban, một sự vui vẻ làm chính nàng ngạc nhiên trước nhất.

- Anh Ban chờ Loan một chút nhé! Loan sẽ ra ngay! Tại anh thường nói không thích bal nên Loan không rủ anh đi cùng, vui lắm.

Ban cười, sung sướng lộ hẳn ra nét mặt. Ngay cả đến chiếc cravate là cụng thẳng của chàng cũng hình như vui vẻ hơn, không còn chỉ là một vật trang điểm trịnh trọng dưới khuôn mặt trắng trẻo và ngăn nắp của chàng những vẻ mặt ngăn nắp và những xúc cảm ngăn nắp, đó là đặc tính cố hữu của Ban.

Loan chợt vừa liên tưởng đến nụ cười của Thừa khi mở cửa, cầm tay nàng – vẫn hơi quá chặt – tiễn nàng lên xe hơi một người bạn của bà chủ nhà để ra về. Thừa đã nói rất nhanh và khẽ:

Tối nay tôi sẽ đến Loan. Tôi không nói dối đâu.

Nụ cười của Thừa và Ban thật khác hẳn nhau: Thừa cười như một người tin chắc mình sẽ chiếm được một đồ vật đẹp chàng mong ước.

Loan đã nhìn qua cửa kính xe, ngắm Thừa ngồi trên chiếc xe gắn máy màu đỏ chói, hai tay khoanh trước ngực, bộ quần áo may theo kiểu Ý, ngắn cũn cỡn. Trông chàng trẻ trung và đầy sức mạnh. Đến mai, Thừa sẽ đến thăm nàng vào buổi sáng. Không hiểu ba nàng có ưa Thừa hay không.

Tiếng cười rúc rích của dì Minh văng đến tai nàng, đoạn tiếng ba nàng suyt và hỏi khẽ:

- Im nào!... Loan đã ngủ chưa?

- Ngủ rồi mình ạ!

Loan mỉm cười. Khi nào ba nàng được dì Minh gọi bằng mình chắc ông vui lắm. Nhiều khi Loan thèm lối sống của dì.

Vừa rồi sau khi ban đã về, dì Minh vào phòng, ngồi

trên giường nàng bóp vai và đùi Loan. Những ngón tay ngắn mát dịu của dì thật khéo bóp nhẹ vai trần của Loan. Dì Minh nói lèm bèm đó là một tật xấu của dì, nhưng nàng vẫn thích tối đến, đèn phòng nàng đã tắt, nằm dài trên giường nghe những câu chuyện ngộ ngộ của dì.

Dì Minh lùa tay vào trong áo nàng vuốt dọc theo sống lưng giọng ngạc nhiên:

Lưng dài như thế này, da mịn thế này, tại sao Loan không chịu yêu ai hở?... Phí quá...

Loan của quây nằm nghiêng sang một bên vì đêm quá nóng. Dì Minh ngạc nhiên là phải. Tại sao đẹp như nàng, Loan lại không lưu ý đến đàn ông và yêu đương, trái hẳn với dì Minh lúc nào cũng phải sống trong bóng một người đàn ông, yêu và thờ phụng đàn ông. Nhiều lần dì làm nàng xấu hổ đỏ mặt vì dì có những cử chỉ, ve vuốt quá nồng nàn nếu không thể nói là suồng sã với ba nàng trước mặt nàng. Những cánh tay trần của dì – dì luôn luôn mặc áo hở cánh tay, giống như những cành quắn quại của một giống cây leo kỳ lạ quăn lấy thân cây cổ thụ khẳng khít, ham sống một cách tự nhiên. Nàng không thể tưởng tượng sống không đàn ông dì sẽ ra sao! Dì sẽ già rất chóng, chết khô và mất hết mọi vẻ quyến rũ.

Điều khiến Loan ngạc nhiên không phải là tại sao ba nàng lại có thể yêu và sống với một người đàn bà tâm hồn nông cạn và hơi tầm thường như dì Minh, mà vì thái độ của một kẻ phạm tội của ông đối với

nàng. Ông luôn luôn có mặc cảm là đã bỏ rơi mẹ nàng, ích kỷ nên đã không làm tròn bổn phận một người cha. Ông hối hận vì Loan không được hưởng những tình cảm yêu thương và che chở của một người mẹ.

Mỗi lần bị nàng bắt gặp đang hôn dì Minh, ông không bối rối, nhưng trong đôi mắt long lanh dưới cặp kính gọng vàng và ẩn trong nụ cười nhẹ máy móc của ông, Loan nhận thấy một sự xin lỗi và cần tha thứ, một sự hạ mình trước con gái hơi khôì hài trong trường hợp ông nhưng cũng thật đáng yêu. Đối với ba nàng, Loan cảm thấy mình đầy sức mạnh, nhưng nàng biết không bao giờ nàng lợi dụng ưu thế đó để bắt buộc ba nàng chiều nàng. Thực ra chưa người ba nào chiều con gái như ba nàng, chiều hết chỗ nói.

Ngực Loan nóng lên và phập phồng thở mạnh. Nàng vừa nảy ra một ý định táo bạo: ngày mai Thừa đến thăm, nàng sẽ mời Thừa vào ngồi trên chiếc ghế bành màu xanh xám kê trong phòng nàng – hiện giờ vắt ngổn ngang chiếc xiêm nàng mặc hồi tối, chiếc áo lót và những đồ vật thân mật với da thịt của nàng: một người đàn bà. Nàng đoán chẳng cần mời Thừa sẽ cũng đòi biết khung cảnh riêng rẽ nơi nàng sống, ngủ, mơ mộng cho bằng được. Trước đến nay chưa người đàn ông nào được vào đây – trừ ba nàng. Tại sao nàng lại canh giữ cửa vào căn phòng nàng tựa một con rồng xinh đẹp nhưng rất dữ canh một kho vàng? Nàng có lẽ không giống ba nàng yêu và quấn quít được nhiều người đàn bà. Ba nàng chẳng đã có lần trêu nàng:

*“Loan dữ như một con mèo rừng hoang dại...”*

Loan thở dài. Tối nay ba nàng và dì Minh đi ngủ sớm, thiếu giọng ngâm thơ và bộ mặt ba nàng mở ảo dưới ánh nến, Loan tự nhiên cảm thấy cô độc; một tình cảm là lạ nhẹ như một chiếc lông tơ óng chuốt lặng lẽ rơi xuống và nằm bất động ngoan ngoãn trong khoảng sâu kín nhất của tâm hồn nàng.

Nàng thiếp ngủ dễ dàng, không một giấc mơ đến quấy rối.

Loan chân tay dang rộng, thoải mái, chiếm hết chiếc giường nhỏ kê cạnh cửa sổ trong phòng riêng. Nàng ngắm những khoảng nắng chạy nhảy trên tường và nghĩ đến Thừa. Thừa giống nắng, nóng ấm mà không biết từ đâu toát ra. Từ dạo yêu Thừa, da thịt nàng, ngực nàng, đôi môi, cặp đùi nàng tự nhiên quý giá hẳn lên và đối với nàng thân mật hơn. Trước kia ngắm bóng mình trong gương, Loan cảm thấy tự phụ – một sự tự phụ vô ích và thừa thãi. Bây giờ mọi sự khác. Thân hình nàng mang những dấu tích nồng nàn thường khiến nàng nóng mặt khi nghĩ tới những sự ve vuốt của Thừa, những câu nói trên cột, mang những ẩn ý ôm ờ còn quyến rũ hơn cả những tiếp xúc thân mật giữa hai người. Loan biết nàng yêu chính mình hơn xưa: có những bông hoa vàng thắm nở trong da thịt nàng.

Trong những năm vừa qua, đã bao lần Loan mơ tưởng một ngày kia nàng sẽ tìm thấy giữa nàng và một người đàn ông sự ràng buộc mật thiết tựa như sự ràng

buộc giữa nàng và những đồ vật trong căn phòng nhỏ bé này, hay những quần áo lót sát lấy da thịt nàng, hay bầu không khí hơi mờ ảo, ấm dịu và đùng đục của những buổi tối nàng nằm dài cạnh bàn làm việc của ba nàng, nghe ba nàng ngâm thơ dưới ánh nến. Một ước vọng nàng tưởng rất khó thực hiện, đến nỗi phải thì thầm với bóng nàng, khi nàng uể oải trang điểm trước gương: “Mày là một đứa con gái bỏ đi! Mày sẽ không thể yêu ai như những đồ vật vô tri giác.” Cho nên nàng rất ngạc nhiên không ngờ rằng Thừa và tất cả những đặc tính, thói quen nho nhỏ của chàng, lại có thể trong một khoảng thời gian ngắn chen vào giữa những kỷ niệm thân mật và thầm kín nhất của nàng, để rồi ở đây, dai dẳng và buồng bình.

Như nàng đã tự hứa vào buổi tối nằm một mình nghĩ ngợi, sau khi gặp Thừa ở bal nhà người bạn: nàng đã mời Thừa vào phòng nàng và ngồi đứng ở trên chiếc ghế bành xanh kia. Căn phòng này có mặt Thừa, đã hết là tháp ngà đóng kín của nàng. Một vài buổi trưa nàng chợt mở mắt đã gặp đôi mắt ngọc trai đen ghé sát khuôn mặt nàng, và làn môi đầy – con ong vầy cánh – bây giờ đầy quen thuộc đậu nhẹ trên môi nàng trước khi nàng kịp cười thú vị.

Thừa thuộc loại người lúc nào cũng chiếm một khoảng không gian nhất định, và rồi để lại những vết tích đậm đà. Dù chàng đã về, hễ nhìn chiếc ghế xanh, Loan vẫn hình dung ngay được trước mắt thân hình dài của Thừa, hai chân vắt ngang trên thành ghế, đu

đưa trông một dáng trẻ con và vô tội. Trái ngược hẳn với Ban. Ban có thể ngồi nửa ngày ở phòng khách, tuy nhiên sau khi chàng đã rời bỏ chỗ ngồi quen thuộc của chàng ra về, Loan tưởng chừng như trước đây chưa bao giờ có ai ngồi ở divan.

Loan tủm tỉm cười. Nàng vừa liên tưởng tới ánh mắt nghịch ngợm của dì Minh. Dì vẫn vào phòng nàng, tới đến, nắm bóp chân tay nàng nếu nàng kêu mệt mỗi sau một buổi đi chơi xa với Thừa, giọng nàng nũng nịu và đầy hài lòng. Dì không còn kêu ca sắc đẹp nàng phí phạm. Dì có những tia mắt là lạ khi vuốt lưng hay xoa ngực nàng; những cử chỉ của dì cũng thận trọng và dè dặt hơn. Hình như dì muốn tìm tòi dấu tích sự ve vuốt của người đàn ông để lại dấu vết trên thân hình nàng. Dì cười một mình, tòng phạm với nàng: một sự tòng phạm khiến Loan hổ ngươi hơn cả những lời trách móc hay thái độ giận dữ.

Ba nàng hình như không ưa Thừa, không hợp với chàng thì đúng hơn. Chưa lần nào Loan bắt gặp hai người nói chuyện với nhau lâu lâu một chút. Nàng nhớ có lần Thừa đến chơi ngồi chờ nàng ở phòng ngoài; sau khi chào ông Khải, Thừa ngồi ở ghế hút thuốc lá, đọc báo, ba nàng tiếp tục làm thơ. Nàng ra, trước khuôn mặt hai người đàn ông, đều thân yêu đối với nàng, một lạnh lùng phong trần, một kiêu ngạo và đầy sức mạnh. Loan thấy nhói trong tim: hai người đối diện nhau giống như hai con thú dữ đầy nguy hiểm; nhưng không hiểu sao tâm hồn nàng tràn đầy một nguồn

*tình cảm kiêu hãnh, vì là con của ba nàng và là người yêu của Thừa. Lại thay, nàng sung sướng và hài lòng trước sự ác cảm thâm kín nhưng thật dần ông và dữ tợn giữa ông Khải và Thừa. Dù sao ba nàng không thể khinh thường Thừa như ông khinh sự có mặt nhạt nhẽo của Ban.*

*Ban tuy biết Thừa và nàng yêu nhau nhưng trái ngược hơn, lại càng năng đến thăm nàng. Bàn cá ngựa chỉ còn có ba người. Loan không ưa trò chơi tăn măn đó nữa. Một lần Thừa tới, ba nàng, dì Minh và Ban đều có mặt ở phòng khách, Loan ra đón và nắm tay Thừa, cử chỉ hấp tấp và âu yếm của nàng Ban trông thấy. Ba nàng và dì Minh không ngừng đầu lên. Khi cánh tay Thừa vòng lưng Loan kéo nàng lại gần, đôi mắt đẹp của Ban sáng lên một ánh luyến tiếc và ham muốn, Loan có cảm tưởng lần đầu tiên trong đời Ban “trông thấy” và ham muốn thân hình nàng. Ban chắc khổ sở nhưng đồng thời không qua óc tưởng tượng của chàng và hành động của chàng và hành động của Thừa những thú vị và khoái cảm của sự chiếm đoạt. Phản ứng của Ban khiến nàng nôn nao kinh tởm. Rất nhiều thanh niên giống Ban, chỉ dám đóng vai một khán giả, yêu ghét qua người khác, những người sống cuộc đời của những ký sinh vật, những con cá nhỏ bám lấy bụng, lưng các loài cá lớn mạnh mẽ.*

*Trong các bạn trai đến thăm nàng tận nhà, kể cả Ban, dì Minh có vẻ có cảm tình với Thừa nhiều nhất và nói chuyện với Thừa dễ dàng, tự nhiên. Thừa hay*

khen dì những lời khen hơi sượng sượng nhưng vẫn trong giới hạn lễ độ, khiến dì đỏ mặt, cười tí lên. Loan bắt gặp mấy lần Thừa nhìn theo dì đi lại trong phòng khách, tia mắt chàng thú vị và thán phục, đoạn chàng thản nhiên hỏi nàng:

Loan à! Dì Minh ngày xưa chắc gồm lắm phải không? Hừ đôi mắt đó! Đi đứng như thế, hồi trẻ phải biết...

Trước sự thẳng thắn của Thừa, Loan chỉ biết cười. Thừa hình như rất thích và hăng hái một cách hơi quá đáng trong việc nói đến những ý tưởng trong hôn chàng, dù nhiều khi không phải là lúc đáng nói.

Loan nhiều khi tự hỏi không hiểu quá đáng có phải là một tật xấu của Thừa hay không và có phải vì thế mà nàng thấy Thừa khác mọi người và đáng yêu? Khó trả lời. Nàng chỉ biết một điều: Thừa hình như vẫn nhất định tiếp tục đóng một vai kịch đòi hỏi ở chàng luôn luôn và mãi mãi những hành động quá sức chàng.

Nàng nhớ hôm Thừa tỏ tình với nàng. Trong ánh mắt lời nói của chàng, Loan nhận thấy một sự quả quyết bùng bình rất đáng ngại. Nàng linh cảm hình như mọi sự đáng nhẽ không nên xảy ra như vậy. Sự ước mong của nàng không được hoàn toàn thỏa mãn. Ngay khi Thừa bước chân vào phòng, Loan đã biết chàng sẽ nói chàng yêu nàng. Thừa cố ý ngồi sát gần nàng hơn thường lệ, cố ý tăng thêm sự nồng nàn trong đôi mắt nóng rẫy và nhìn soi mói vào môi nàng, ngực nàng, thân hình nàng. Có lẽ dù lúc đó ba nàng có đây

hay dù chàng và nàng ngồi ở giữa đám đông, Thừa nhất định sẽ nói “Anh yêu Loan!” vào đúng giây phút nào đó mà chàng đã định trước. Chàng lao đầu vào tình yêu dưới ảnh hưởng của một sức thúc đẩy Loan chưa hiểu rõ căn nguyên. Tất cả những việc chàng làm, nói ra đều mang một sắc thái mẫu thuẫn: lẫn lộn giả tạo với say mê. Nhưng chàng thật trẻ và đầy sức mạnh.

Thừa đã nắm tay nàng và hôn lên môi nàng. Chiếc hôn đầu tiên giữa hai người để lại trong tâm hồn nàng một hương vị mới mẻ pha lẫn bất mãn và thoáng chua chát. Tại sao chàng không thể dịu dàng và bớt quả quyết: sự quả quyết của một đứa trẻ bản chất đa cảm lãng mạn nhưng đầy tham vọng và cố thực hiện cho bằng được một công việc khó khăn.

Đối với Ban, Thừa luôn luôn thích trêu Ban và làm Ban lúng túng. Hôm Thừa, nàng, dì Minh và Ban ra Cap tằm bể theo lời mời của Ban, nàng đã định từ chối vì dù sao nàng cũng không muốn làm khổ Ban, bắt Ban phải chứng kiến những cảnh âu yếm giữa nàng và Thừa, nhưng Thừa nhận lời ngay và còn lộ vẻ thú vị là khác. Ông Khải bận việc không thể đi được. Lên xe, Thừa xếp dì ngồi trước với Ban cầm lái và khi dạo chơi ở bãi bể, Thừa cũng có ý kìm nàng lại để dì Minh và Ban đi trước. Dì Minh tự nhiên cười nói, rất vô tư. Dì mặc một bộ quần áo tắm sặc sỡ, hơi chật, khiến dáng đi của dì ngộ nghĩnh hơn: dì trẻ hẳn lại.

Nàng đã hỏi Thừa:

- Tại sao anh thích trêu Ban thế? Tội hửn chết!

- Anh không ưa những người giả dối và nhút nhát như hửn, hửn có gần đàn bà đến như thế hay không?

Nàng im lặng. Lần đầu tiên nàng ngại ngùng và khó chịu trước lối sống tàn nhẫn và thói quen (mà có lẽ Thừa không tự biết) thích hành hạ những kẻ yếu hơn mình của Thừa.

Cánh tay trần của Thừa đè nặng trên người nàng. Khuôn mặt chàng sát nàng, đôi mắt nhắm, hàng mi cong nhẹ – một vết say mê khiến nàng xấu hổ, xấu hổ hộ chàng hay chính Loan xấu hổ, nàng cũng không rõ. Loan nhắc cánh tay Thừa lên đặt xuôi theo người chàng. Nàng thở dài nhẹ. Thừa hỏi khẽ:

- Em nghĩ gì thế?

Loan không trả lời. Làm sao giảng để Thừa hiểu, tiếng nói của chàng như ở một thế giới khác vắng tôi, và cánh tay, thân hình chàng áp vào da thịt nàng, đè nặng như một nỗi cô độc.

Loan vùng ngồi dậy. Thừa với tay nắm lấy cánh tay nàng, những ngón tay Loan run rẩy ấn mạnh vào nệm. Nàng tự nhiên thấy thất vọng không đâu; cả sự níu kéo cuồng nhiệt và trách móc đó cũng không nghĩa lý gì, cả cái thân hình trẻ bỏ mặc: một khoảng nâu sẫm dưới ánh đèn đầu giường, cũng vô nghĩa. Tuy trong người nàng, những rung cảm cũ kỹ và quen thuộc vẫn còn nấp kín và nhắc nhở Loan những giây phút trước đây, vừa đây, giữa hai người, Loan không thể ở cạnh Thừa lâu hơn, trong căn phòng mà tất cả

*những chỗ nằm ngời, từ khi Thừa và nàng yêu nhau, đã trở nên gần gũi với nàng: Loan nhận được những hình thể của chàng như khi tiếp xúc với những con vật nàng yêu lâu ngày.*

*Loan im lặng. Thừa từ từ buông nàng ra. Sau đây nàng sẽ buồn một mình, giận chính sự thay đổi rất dần bà và không duyên cớ của nàng.*

*- Em về nhé!... Thừa!... đừng giận em...*

*- Em*

*- Em ngu lắm!... em không hiểu anh...*

*Rồi chàng quay mặt vào tường hút thuốc lá. Loan thu nhỏ người lại và như chìm mất trong chiếc áo trắng mỏng. Nàng giơ tay định quay người Thừa lại phía nàng chưa xót một chút, hối hận một chút trước hai cạnh môi trễ xuống, đôi mắt chế giễu và vững chắc của Thừa, nhưng rồi cử động đó của nàng dở dang.*

*Nàng rút tay lại ra ghế ngồi trong bóng tối, xa cách Thừa, khoảng sáng hồng phủ trên người chàng và cả bầu không khí thân mật – dở dang và giả tạo một cách bức mình còn đượm da thịt của hai người.*

*Loan nhìn Thừa. Chàng đã chệnh choáng say, cười nói luôn miệng. Những câu nói táo bạo sống sượng của chàng đối với Loan tự nhiên mất hết vẻ khô hài và kích thích lạ thường khi chỉ còn lại những lời tàn nhẫn và khô rần. Thừa say không hoàn toàn vì rượu, vì chàng kiêu hãnh về đủ mọi điều: sở hữu một cô tình nhân đẹp như Loan, ngồi tại chiếc bàn nhiều người đẹp nhất trong buổi tiệc trà khiêu vũ: Loan, Thúy (em*

*gái chàng) và Hằng. Ý thức và tin chắc vào sức mạnh tuổi trẻ và khả năng say mê không cạn của tâm hồn chàng. Thái độ của Thừa chứa đựng một thách thức rõ rệt. Chàng hình như muốn kêu lên trước mặt mọi người “Tôi không sợ ai hết. Tôi là người giàu có đầy đủ nhất. Tôi tận hưởng cuộc đời.”*

*Thừa một tay quàng sau lưng nàng vuốt nhẹ, mắt chăm chăm nhìn vào mặt nàng. Chàng hỏi Thúy mắt vẫn không rời đôi môi bôi một thứ son màu hồng mới mẻ và tối tân, hơi mím của Loan...*

*- Thúy à! Tại sao Thúy không bôi thứ son như của Loan? Trông thật khêu gợi và ngon lành phải không?*

*Rồi chàng cười vô cớ quay sang phía Hằng:*

*- Hằng đừng tưởng Loan hiền từ!... Đừng trông mặt mà bắt hình dong... Nguy to! Vì khi cần, Loan cũng nòng nân không kém ai.*

*Thúy, Hằng rộng lượng mỉm cười trước sự ồn ào của Thừa. Sống sượng thế, chứ hơn nữa gặp bội họ cũng quen rồi, và có những hành động cố ý kỳ quái và lộ liễu của Thừa cũng đều được tha thứ trước khi Thừa thực hiện chúng. Loan thêm được như họ, tối nay vào giây phút này, nàng cần phải tha thứ Thừa để gần chàng hơn.*

*Thừa lôi nàng đứng dậy nhảy một luân vũ chậm và quay tròn. Loan áp má vào má chàng, bàn tay đặt trên gáy Thừa. Tất cả đều y nguyên, hết hôm nàng gặp Thừa lần đầu trong bal Thừa vẫn trẻ và đầy sức mạnh, những ngọn đèn giấy trên đầu hai người vẫn*

hư ảo cười cợt, nàng vẫn tự biết nàng rất đẹp; thân hình gọn gàng trong chiếc áo dài màu hoàng yến, tóc bôi cao để lộ gáy, bộ ngực hồi hộp một cách vừa phải, đẹp một vẻ đẹp của một thiếu nữ đã yêu và được yêu. Nhưng có một cái gì thiếu thốn ở đây khiến nàng sợ hãi. Thừa thật gần nàng, chàng vẫn vững chắc đầy sức sống, đang cử động trước mắt nàng. Nàng không chối cãi điều đó: Thừa hiện hữu rõ rệt hơn bao giờ hết. Tuy vậy Loan không thấy chính nàng đâu cả. Yêu Thừa quá say mê, hành động theo ý chàng, sống lại những kỷ niệm trong đó Thừa bao giờ cũng giữ vai chính lẫn át cả hình bóng nhỏ bé của nàng, dần dần Loan mờ đi và nếu nàng không tìm được một lối thoát có lẽ nàng nhỏ mãi để rồi biến mất.

Thừa hỏi nàng:

- Em chóng mặt à?... Càng hay, quay nữa đi cho đến khi nào ngã lăn ra thì thôi. Anh đỡ cho...

Loan một lần nữa chịu thua trước sức hấp dẫn nóng nhiệt của cá tính Thừa. Nàng gục đầu vào vai chàng và quên hết. Nàng không khóc, cố giữ những giọt nước mắt lấp mé trên mi. Chưa bao giờ nàng yếu ớt một cách tuyệt vọng và lẻ loi như trong giây phút này.

Nàng ngẩng đầu lên nhìn vào mắt Thừa. Thừa mỉm cười, khuôn mặt rám đen hớn hờ và tự mãn của chàng cắt những nét rõ và sắc trên một cái nền lung linh đầy những hình thể linh động, quay tròn đủ màu của những cặp trai gái. Một tư tưởng thường ám ảnh nàng

từ ít lâu nay vụt trở lại: Thừa không hiểu nàng, dù một sự cảm thông nhỏ như một hạt gạo trắng muốt.

Loan tựa người vào cửa nhìn theo Thừa đi xa dần trong hành lang tối và quen thuộc. Tự nhiên tối nay nàng cảm thấy tâm hồn xúc động và ghen ngào: hình như đây là lần cuối Thừa và nàng gặp nhau, hay tuy không phải là lần cuối, có thể hai người sẽ gặp nhau ngay ngày mai, nhưng mọi sự sẽ không thể xảy ra như trước. Một cái gì giống một con vật nhỏ vừa chết trong tim nàng. Thực ra không phải là nàng không yêu Thừa nữa, tình yêu đó vẫn mạnh mẽ nhưng sự liên lạc giữa hai người đã đến một ngõ bí. Nàng không còn gì để hy vọng thêm ở Thừa. Hai người dù tiếp tục gần nhau khăng khít, đi chơi với nhau, trao đổi những chiếc hôn, những vuốt ve êm dịu, nhưng Thừa sẽ không bao giờ hiểu nàng, chàng vẫn tiếp tục là một kẻ thích chinh phục, tự mãn, rất nhiều thói xấu, vẫn lôi cuốn và đẩy sức mạnh và nàng... Nước mắt Loan bắt đầu chảy dài trên má, người nàng hơi run rẩy. Nàng cảm thấy lạnh và lẻ loi. Cuộc đời thật phức tạp và quá kỳ lạ đối với nàng. Nàng gặp Thừa bất ngờ. Tình yêu đã lôi cuốn nàng trong một cơn gió lốc. Thỉnh thoảng cũng có cưỡng lại nhưng mọi cố gắng của nàng bé nhỏ và mong manh một cách buồn cười và nàng để buông xuôi hai tay bỏ mặc. Thật đáng xấu hổ.

Một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên vai nàng. Dì Minh đã đến cạnh nàng từ bao giờ. Dì hỏi nàng, đôi môi hình hạt đào cử động ngộ nghĩnh và đôi mắt tròn mở to và hỏi:

*Sao Loan lại khóc ở đây?... Cãi nhau với Thừa phải không? Thôi, vào nhà đi. Ba đang đợi Loan đấy!*

*Qua cánh cửa hé mở, Loan nhìn thấy ba nàng đang ngồi cạnh một ấm trà, gật gù đọc một tập thơ. Khung cảnh quen thuộc của gia đình nàng cũng tự nhiên khiến nàng kinh hãi. Tất cả những cái gì đối với nàng mọi khi vững chắc, vào giây phút này đều trở nên giả tạo và vô lý. Nàng gay gắt với dì Minh:*

*– Dì cứ vào trước đi!... Tôi đâu còn bé mà phải đưa với dẫn..*

*Trước vẻ mặt ngơ ngác của dì Minh, Loan không ngăn nổi mỉm cười, trong khi nước mắt vẫn chảy trên má nàng. Có lẽ nàng nói đúng! Nàng không còn là một cô bé nữa. Ngày mai nàng sẽ gặp Thừa và đôi mắt ngọc trai đen của chàng.*

*Loan bước hẳn vào phòng.*



# DUYÊN ANH

**T**heo bản danh sách các tác phẩm đã xuất bản in trong *Đêm thánh vô cùng* thì đây là cuốn truyện thứ 4 của tác giả. Sách ấy in năm 1973. Vậy đến giữa năm 1975 có lẽ Duyên Anh đã cho ra đời ước chừng năm chục tác phẩm. Như thế là rất nhiều, bởi vì cuốn sách đầu tiên của ông (Hoa thiên lý) in vào năm 1963: Vừa làm báo vừa viết truyện, mà viết tới năm chục cuốn trong vòng mười hai năm. Mấy ai được thế?

(Sau 1975, bị giam cầm sáu năm, ở tù ra, sang Pháp ông lại viết, viết nhiều, viết hăng. Nhưng cái đó thuộc một thời kỳ khác.)

Nguyên trong thời từ 1975 về trước, trong một Duyên Anh đã có hai tác giả. Tâm hồn ông có hai phương diện khác nhau. Một mặt là những xúc cảm dịu dàng, chan chứa yêu thương, thi vị, tràn đầy luyện tiếc đối với những kỷ niệm êm đềm, mộng mơ. Đó là cái phương diện tâm hồn đã khởi hứng

cho những tác phẩm như *Hoa thiên lý*, *Ngày xưa còn bé*, *Áo tiểu thư* v.v... Mặt khác là một thái độ sát phạt, tàn ác, bạo động, táo tợn; tức cái thái độ phản ảnh trong các cuốn *Sa mạc tuổi trẻ*, *Kẻ bị xóa tên trong sổ bụi đời*, *Luật hè phố* v.v..., trong loại truyện viết về du đảng.

Cả hai phương diện đều biểu hiện trung thực Duyên Anh, đều bắt nguồn từ chỗ sâu thẳm của tâm hồn ông.

Ông thơ mộng? Ông không nói đùa, không dối trá, không làm dáng đâu. Người ta không dối, không đùa được bằng những dòng như sau viết về kỷ niệm những chiều từng đứng trước cổng trường nữ sinh chờ người yêu: “Những người đang đứng dưới những gốc cây trước và gần ngôi trường con gái đều là những người tuổi vừa lớn, vừa biết *đứng ngẩn trông vời áo tiểu thư*. Họ đứng đó. Khói thuốc vàng ngón tay. Hồn thả trong mộng, mộng lẫn vào thơ (...) Họ ngớ ngẩn, khù khờ, lơ bịch, chẳng ra cái thể thống gì cả. Bởi vì, họ vừa lớn. Họ đem sự ngớ ngẩn, lơ bịch vào tình yêu, tình yêu rất thơ và rất buồn cười. Tôi thương họ, tôi yêu thương tuổi trẻ biết mộng mơ. Thiếu mộng mơ tuổi trẻ sẽ tàn nhẫn lắm. Gốc cây kia, tôi đã đứng. Chẳng có gì làm cho tôi phải xấu hổ. Niềm vui nhẹ nhàng và nỗi buồn man mác. Tình yêu học trò là tình yêu phù du, là những cơn mưa bóng mây, là một kỷ niệm buồn cười đáng ghi nhớ.” (*Áo tiểu thư*, trang 221).

Trước cổng trường, dưới gốc cây là thố; trên chuyến xe buýt mỗi chiều xa xưa, đầu kém lâm ly? “Những người con gái thuở ‘tuổi hai mươi đến’ của anh đều đã lần lượt đi lấy chồng. Nói theo Hàn Mặc Tử, họ đã “theo chồng bỏ cuộc chơi”. Và em, em là người bỏ cuộc chơi muộn màng nhất. Anh vừa biết ngày cưới em trên một nhật báo. Em còn nhớ bến xe ô-tô-buýt xanh ở đường Aviateur Garros? Em còn nhớ những chuyến xe chiều về đường Eyriaud des Vergnes? Xe buýt xanh đã chết. Những chiếc xe buýt nhỏ bé chở chúng ta vào tình yêu chẳng bao giờ sống lại. Họa chẳng nó sống lại ở hồn anh (...). Khói của chiếc xe buýt già làm cay mắt anh. Anh mơ hồ nghe tiếng gió êm đêm mười sáu năm qua luồn vào tâm tưởng. Anh đứng im lặng giữa chiến khu kỷ niệm. Để ngơ ngẩn vời trông một tà áo tiểu thư.” (Sđd, trang 10 và 12).

Nhưng cảm động hơn cả có lẽ không phải là những tưởng nhớ hướng về thuở thiếu thời, mà là cái phần hướng về ấu thời. Không phải những kỷ niệm yêu đương, mà là những hình ảnh chỗ quê hương làng mạc, là bóng dáng bà mẹ, bà nội, là cái giàn hoa. Là hoa thiên lý, vâng cái hoa thiên lý đã ám ảnh Duyên Anh suốt đời.

Tác phẩm đầu tay của ông mang tên *Hoa thiên lý*. Sau mấy chục cuốn sách khác, lúc chọn thiên truyện ưng ý hơn cả để đưa vào bộ tuyển tập *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta* ông lại quay về một truyện trong tác phẩm đầu đời. Mở cuốn truyện

ra đời cách trình trọng với lời giới thiệu của Nguyễn Mạnh Côn, tức cuốn *Thằng Vũ*, tại trang đầu, và ngay tại dòng chữ đầu tiên, người ta đọc thấy câu: “Vũ và Côn nằm dài trên chiếc chiếu rách trải dưới giàn hoa lý sau vườn.” Chao ôi, dưới cái giàn hoa lý ấy ở làng Thanh Triều, tỉnh Thái Bình, thì chiếu dẫu rách vẫn hơn mấy lần chiếu hoa mới toanh.

Dưới giàn hoa lý ấy cái gì cũng tuyệt vời: chiếu rách tuyệt, một chiếc võng đu đưa càng tuyệt: trong cuốn *Đêm thánh vô cùng*, xuất bản cuối năm 1973 (chỉ còn một năm rưỡi nữa thì Miền Nam sụp đổ), có thiên truyện “Con chích chòe đã trở về”, con chích chòe ấy kể lẽ tình tự quê hương: “Nằm trên chiếc võng mắc dưới giàn hoa thiên lý trưa hạ, nghe con chích chòe kể “tự truyện” tận ngọn cây xoan cao như nghe rõ tất cả tình tự của quê hương mình.” (*Đêm thánh vô cùng*, trang 110, 111). Trong thể loại truyện, những đoạn nói về tình quê mà làm xúc động độc giả nhất có lẽ là những đoạn truyện trong cuốn *Nhà tôi*. Đây là lúc nhân vật “tôi” nằm bên vợ: “Những buổi chiều mưa, con cái lên gác nô đùa, vợ chồng tôi thường nằm bên nhau mơ ước (...) Em còn nhớ chứ, Phương? Anh kể chuyện mùa hè về quê với bà nội. Anh nằm trên manh chiếu dưới giàn hoa lý. Bà nội anh bỏ hai chiếc vỏ tôm xuống ao, rắc vào chút cám rang.” (trang 172). Rồi “tôi” ăn bát canh vợ nấu còn động lòng người bằng mấy lúc nằm bên vợ: “Một buổi tối mùa hạ, ngồi vào bàn ăn, tôi đã cảm động

muốn sốt rét khi thấy có bát canh hoa lý nấu với cua đồng. Tôi chưa kịp thăm vắn' nhà tôi đã khai: "Sách dạy nấu các món ăn Bắc kỳ không có món này. Em đọc truyện ngắn 'Giàn hoa lý quê nhà' của anh, bắt chước mẹ, nấu canh hoa lý cua đồng cho anh ăn đó. Tiếng "mẹ" nghe thật nồng nàn, thiết tha. Mẹ tôi ở tận làng Thanh Triều, bên dòng sông Trà Lý, không biết mặt con dâu. Nhưng con của mẹ đã biết tình thương yêu của mẹ trong bát canh cua đồng nấu với hoa lý. Nhìn xuống bát canh, tôi tưởng chừng gặp khuôn mặt thân yêu của mẹ tôi và những nụ cười." (trang 65, 66).

Cái truyện của chàng với nồi canh của thiếp, hư cấu với thực tại, tác giả với nhân vật, mẹ Bắc với dâu Nam v.v..., tất cả quấn quít vào nhau trong một tình cảm thấm thiết, đẹp để biết bao.

Hai mươi năm sau ngày rời khỏi đất Bắc, rời xa tỉnh Thái Bình, năm 1975, có lần Duyên Anh xua tay vệt đuổi hết các nhân vật tiểu thuyết, ông không cần đến trung gian của mọi nhân vật - cả nhân vật "tôi" lẫn không tôi -, lần ấy Duyên Anh đích thân cầm lấy ngọn bút ngòi tại Sài Gòn viết về quê xưa:

"Quê nhà có giàn hoa thiên lý  
 Một giải râm hiền giữa nắng trưa  
 Những chuyện nghe hoài không biết chán  
 Bắt đầu là ngày xưa ngày xưa  
 (...)  
 Quê người không có giàn thiên lý

Trưa nắng đường oan cháy bỏng vai  
 Và những chuyện nghe xong chẳng khóc  
 Chẳng buồn và chẳng thiết yêu ai  
 Đời rất hiếm hoi lần Bụt hiện  
 Nên chi đoạn kết thảm vô cùng  
 Bộ xương cá bống là dao nhọn  
 Đâm nát hồn ta lũ Lý Thông  
 (“Nhớ cổ tích”)

Rồi lại hai mươi năm sau nữa, tháng 11 năm 1995, ở Los Angeles, Hoa Kỳ, trả lời cuộc phỏng vấn của Đỗ Tiến Đức, khi được hỏi ông thích thể loại nào nhất, Duyên Anh đáp: “Tôi thích làm thơ nhất. Nhưng tôi làm thơ không hay.” (Báo *Thời Luận*, số ra ngày 18/11/1995).

Ấy! thơ hay với không hay chẳng qua là chuyện về cái tài, là chuyện hơn thua với người thiên hạ. Hãy để đấy, khoan nói tới. Ở đây đang nói về cái tình, thì thơ ấy đọc thấm lắm: thơ hoa thiên lý đầy chân tình. Và tình ấy là cái tình cảm của tác giả thứ nhất trong ông Duyên Anh.

Tôi tưởng tượng ông thi sĩ đa cảm trên đây bống dung mà gặp, mà đối diện với tác giả “Kẻ bị xóa tên trong sổ bụi đời”, chắc chắn ông ta sẽ đâm khóp. Chịu sao thấu? Một kẻ bình thường không thi sĩ, cũng không đa cảm gì ráo, mà đọc tới cái chỗ Mừng Lác bị Tám Dao Cạo ra lệnh cho hai tên đàn em thanh toán, kéo xác bỏ bên đường, lái xe hùng hổ xông tới cán bể sọ rôm rốp, bộ không phát hải sao?

Vụ Mừng Lác cố nhiên không phải là vụ giết người duy nhất trong truyện Duyên Anh, cũng không phải vụ ghê rợn nhất. Trong loại truyện du đảng, giết qua giết lại xảy ra liên miên, mỗi vụ một vẻ, biết đâu là nhất đâu là nhì. Để tranh nhau một chức vị vua tù, Tám Quăn với Đực Lì đánh nhau tàn nhẫn hết cỡ. Tám Quăn giết Đực Lì, chưa kịp “lên ngôi” đã bị Hội Ghê ục cho mấy quả chết tốt (“Cách mạng”). Thăng Lụa với thằng Danh là hai đứa trẻ đánh giày ở vỉa hè Sài Gòn, bạn thân với nhau. Quý Đen giết thằng Lụa. Thằng Danh xuống Mỹ Tho tìm thằng Quyền xin con dao, tập phóng dao thật cừ, rồi về Sài Gòn giết Quý Đen. Thằng Danh giết người để phục thù mà không có ý làm vua, cho nên nó bị đứa khác thanh toán dễ dàng, chiếm ngôi. Lúc ấy thằng Quyền lại vào cuộc, giết phăng vua mới, lên làm vua đánh giày Sài Gòn! (*Luật hè phố*).

Cứ thế: bé giết bé, lớn giết lớn. Ngay tại thủ đô Sài Gòn âm thầm diễn ra một thế giới sinh hoạt thật ác liệt hãi hùng.

Trong ngôn ngữ ta, tiếng “đánh” còn có một nghĩa bóng dùng vào chuyện viết lách, cũng như các tiếng quạt, khênh vv... Lối viết ác liệt ấy cũng là một sở trường của Duyên Anh. Ông trao vai trò nọ cho tay chuyên môn mang tên riêng: Thương Sinh. Trong cuộc trò chuyện với Đỗ Tiến Đức hồi tháng 11-1995, ông cho rằng về mặt này ở Sài Gòn Thương Sinh chỉ “nê” có một Chu Tử thôi. Đám nhân vật của người

tác giả thứ hai trong ông Duyên Anh - tức đám du đang - họ giết nhau đều đều. Một tác giả thì không giết ai. Ngòi bút không phải thứ dùng để đâm chém. Bất quá chỉ để “đánh” thôi. Hình thức khác nhau, cùng là bạo động. Người tác giả một thời chỉ chịu “nể” một người, trong nhận định ấy có sự hãnh diện. Nhưng Duyên Anh đã lấy làm nghĩ ngợi, đã biện giải về đề tài du đang.

Bé hạng thẳng Vũ thẳng Danh, v.v., đứa ăn cắp đứa giết người; lớn thì Lê Hùng, Lâm Đào Già..., cầm đầu băng đảng dao búa. Đám trẻ của Duyên Anh không lành, không giống đám trẻ của nhiều nhà văn chuyên về tuổi trẻ khác: Lê Tất Điều, Nhật Tiến chẳng hạn. Đám trẻ Duyên Anh là những nhân vật áo đố dưới ngòi bút một tác giả áo đố. Tại sao vậy?

Ông nói với Đỗ Tiến Đức: “Tôi viết về tuổi thơ thực sự không mang một hoài bão nào mà chỉ vì tôi, tôi không có tuổi thơ. Tôi thèm tuổi thơ nên viết về tuổi thơ để giải tỏa những ẩn ức, những thèm khát...” Về chuyện không có tuổi thơ, nhân nói về cuốn *Những đứa trẻ Thái Bình*, ông giải thích: “Những nhân vật chính vào thời đó (1944) là những đứa trẻ rời từ đó lớn lên theo những cuộc biến động của đất nước, thành những người thanh niên. Và những thanh niên này thẳng thì bị thương tàn phế, thẳng thì nổi trôi tàn mạt. Kết quả chúng nó thấy tuổi thơ của chúng nó đã mất vì chiến tranh giống như đất

nước bị tàn phá vì chiến tranh.” (*Thời Luận*, số ra ngày 5 tháng 11/1995).

Còn về du đảng, ông chỉ đích danh thủ phạm: Đàn anh. Do đàn anh mà ra cả. Đàn anh là chúa bậy. Người trẻ vừa lớn lên, ngây thơ, lý tưởng, đầy nhiệt tình. Đàn anh lợi dụng, dụ dỗ đi làm cách mạng, hoạt động, chống đối, gian khổ, tù đầy. Rồi đàn anh bắt thần bắt tay thỏa hiệp với nhau, tham chánh, chia ghế trong chính phủ, hưởng quyền uy lợi lộc, bỏ tuổi trẻ bơ vơ. Trong thiên truyện “Ngủ sâu trong đất” một nhân vật gào la: “Tôi ghê tởm đảng phái. Ngoài tôi, còn bao nhiêu người tuổi trẻ là nạn nhân của bọn phù thủy cách mạng. Mỗi giai đoạn lại một thế hệ thiêu thân (...). Tôi thù bọn đạo diễn khôn nạn. Quãng đời còn lại của tôi, nếu cần chiến đấu, tôi sẽ chiến đấu tiêu diệt phù thủy, tôi sẽ đào huyệt chôn bọn đàn anh chúng ta.”

Trong cuốn *Sa mạc tuổi trẻ*, cầm đầu du đảng là Lê Hùng, tú tài bán phần, bị đàn anh phản bội, không chấp nhận xã hội. Làm du đảng đã đời, có lần trốn trên tàu Laos, định qua Pháp du học, thành tài sẽ về nước xây dựng một thế hệ thanh niên tốt đẹp. Nửa đường bị bắt đưa về, tiếp tục làm du đảng. Bên cạnh Lê Hùng, có Lâm Đào Già đã đầu tú tài toàn phần, chết giữa trận tiền, trong tư cách du đảng.

Đàn anh là chính. Ngoài ra còn có cái phụ nữa: thời cuộc. Ông tâm sự với bạn Đỗ Tiến Đức: “VẬY để tôi nói bạn nghe. Thời đại mà tôi viết cuốn tiểu

thuyết du đăng đầu tiên là cuốn *Điều ru nước mắt* là lúc các tướng lĩnh mình đảo chánh nhau, ông tướng này bắt ông tướng kia, nay là tướng anh hùng mai là tướng gian, lung tung hết. Dưới mắt một nhà văn thì tình trạng đó nản quá, tôi chẳng thấy còn thú gì đáng ca ngợi nữa. Với phản ứng đó, tôi mới đem du đăng ra ca ngợi, thế thôi.” (Bài đã dẫn).

Đàn anh hay thời cuộc đều là những cái chung cho cả một thế hệ. Ngoài ra Duyên Anh còn có riêng một nỗi phần nộ nữa. Ông cắt nghĩa về giọng văn của ông: “Trước hết, bạn chưa biết gốc gác tôi nhiều đâu, tôi là con một gia đình bần nông ở Thái Bình. Từ nhỏ, tôi đã sống nghèo khổ, chứng kiến cảnh bố mẹ chạy ăn từng bữa mà còn bị bọn cường hào ác bá hành hạ, ức hiếp. Tới khi khôn lớn lên, sống bằng nghề báo thì mỗi khi cầm bút, viết về câu chuyện bất công của thời đại, tự nhiên tôi lại nhớ tới dĩ vãng thù hận. Thành ra giọng văn trở thành phần nộ, ác độc.” Ông Đỗ hỏi bạn cũng biết văn mình ác độc sao; Duyên Anh đáp gọn: “Biết chứ”.

Trong hai tác giả ở một Duyên Anh, về tác giả thứ nhất không có vấn đề gì. Chẳng ai phải thắc mắc suy nghĩ: Vì sao mình thương cha nhớ mẹ cảm động đến thế này, vì sao mình xúc cảm về quê hương dỗi dào đến thế kia. Đối với phương diện thứ hai của tâm tư mình, bao nhiêu phân giải của Duyên Anh chứng tỏ rằng chính ông, ông cũng lấy làm một sự bận lòng.

Duyên Anh thích làm thơ, nhưng cái viết chủ yếu của ông là viết truyện. Một thú truyện độc đáo, không phải ở chỗ gắn gũi với thơ, mà là gắn gũi với ký. Truyện ông, người quen biết đọc thấy thú lắm. Thú vì nhân vật, thú vì sự việc. Trong *Ngày xưa còn bé*, độc giả gặp những nhân vật tên Thịnh, tên Đặng Xuân Côn, lại gặp cả nhân vật... Long nữa. Trong *Áo tiểu thư*, thì ôi thôi, tha hồ đông đảo sum vầy: nào nhân vật Đặng Trí Hoàn tức Hà Huyền Chi, nhân vật Đỗ Quý Toàn, Dương Kiển, Đỗ Tiến Đức, nhân vật Hoàng Hải Thủy, Thanh Nam vv..., lại cũng có luôn cả nhân vật Long - Vũ Văn Long- nhân vật xưng “tôi” trong truyện nữa. Từ Vũ Mộng Long qua Vũ Văn Long chỉ một chút hóa trang nhỏ, như sửa qua bộ ria, như chấm thêm cái nút ruồi. Đại khái cũng không khác trường hợp các nhân vật Song Lê và Phương Tiến trong cuốn *Sa mạc tuổi trẻ*, hai vị văn hữu chí thiết đã cộng tác hết mình với nhân vật Vũ trong tòa báo thiếu nhi. Song Lê? Hai Vợ chồng Lê Tất Điều đều mang họ Lê. Phương Tiến? Thì bà Nhật Tiến có bút hiệu Phương Khanh. Hóa trang cũng nhẹ nhàng thôi, tí ti thôi.

Vừa rồi là chuyện nhân vật. Chuyện sự việc trong tiểu thuyết Duyên Anh cũng ngộ nghĩnh không kém. Trong *Ngày xưa còn bé*, có Thịnh, dân Thái Lọ, bạn cùng nhà trọ với “tôi” tức Vũ Văn Long, sáng tác bản nhạc mang nhan đề “Duyên Anh”, nhờ “tôi”

cầm tay trao cho ca sĩ Quách Đàm hát trên đài phát thanh. Ngoài đời cũng lại chính Vũ Mộng Long cầm bản nhạc của Nguyễn Thịnh trao cho ca sĩ Quách Đàm, rồi khoái cái tên bản nhạc, rồi lấy tên ấy làm bút danh của mình luôn.

Trong Áo tiểu thư, nhân vật Vũ Văn Long từ Bắc di cư vào Sài Gòn, tạm trú tại Nhà Hát Lớn, ở lầu ba. Ngoài đời, Duyên Anh vào Sài Gòn cũng ở chính lầu ba Nhà Hát Lớn. Trong truyện, nhân vật “tôi”, tên Vũ Văn Long, yêu cô con gái một ông giáo cùng tạm trú gần bên; ngoài đời nhà văn Duyên Anh của chúng ta thuở ấy cũng yêu đúng một cô gái đẹp con một ông giáo như thế. Trong truyện *tình yêu dang dở*, “tôi” đi cao nguyên sinh sống; ngoài đời cũng tình yêu dang dở, nhà văn tạm lên cao nguyên tìm sinh kế vv...

Trong Nhà tôi, cái gia thế gia sản của nhạc phụ, vai trò của ông bạn “cố vấn hạnh phúc”, thân thế của nhân vật “tôi” từng làm nghề Sơn Đông bán thuốc, rồi làm giáo sư tư thực, làm cán bộ lương khoán, rồi làm nhà báo nhà văn vv... Liệu các sự việc xảy ra trong truyện có chịu nhường chút riêng tư nào dành cho cuộc sống ngoài đời chăng?

Về cái thực (tại) với cái hư (cấu) trong tiểu thuyết Duyên Anh, chuyện ấy đã có lắm người chú ý: báo Công An của chính quyền cộng sản ở Sài Gòn nêu lên trường hợp Đại Ca Thay; chính Đại Ca Thay từng nói thẳng với Duyên Anh là ông viết truyện đời y; ông Đỗ Tiến Đức cũng từng hỏi tác giả *Những đứa*

*trẻ Thái Bình* là hồi ký hay là tự truyện v.v... Thành thử, vừa rồi tôi chẳng trình ra một phát giác nào.

Đã không mới lạ gì, nói ra làm chi? Người ngoài đời đi ra đi vào nườm nượp khắp các tác phẩm văn nghệ, lắm lúc xuất nhập nguyên con, không cải dạng cải danh gì ráo, như thế có gì sai quấy chẳng? có vi phạm luật lệ nào chẳng? có sai phép, sai luật chẳng?

- Ở kia! chuyện ấy dính dáng gì tới tôi? Giữa nghệ thuật với đời sống, cái ranh giới nằm tại đâu? sự kiểm soát biên giới phải nghiêm ngặt đến chừng nào? hạng nào qua lại được, diện nào thì bất khả? Tôi lấy tư cách gì mà xét hỏi thông hành của nhân vật này hộ chiếu của nhân vật nọ? Lỡ bịch thay. Lại còn chuyện ranh giới giữa các thể loại văn chương: đến đâu là ký, đâu là truyện? phá ranh lấn đất thì phạt nặng nhẹ ra sao? Rồi rắc quá thể. Xía vào làm chi?

Chuyện nêu lên thực ra là chỉ vì một chút nhận xét: Duyên Anh đi sát thực tại, chất liệu ông dùng lắm khi còn tươi rói. Như ông Tản Đà vừa cạy sò vừa ngồi tại chỗ vắt chanh ăn ngay. Sự việc trong tác phẩm có khi rất sống động, nhân vật trong truyện có kẻ trông rõ mồn một, tưởng có thể vỗ vai hay bắt tay cho vui. Và viết như thế tác giả mang cả chân tình vào: chỗ này là nỗi phẫn nộ uất ức đưa tới độc ác, chua cay, táo tợn; chỗ kia là những xúc cảm yêu thương, là một niềm ẩn hận... Tác phẩm in dấu một cá tính mạnh mẽ. Mặt khác, tác giả lắm khi có bị xúc cảm chủ quan lôi cuốn mạnh vào cái viết vội vàng dễ dãi.

# NGƯỜI QUÊ HƯƠNG

*Ngày anh bỏ nhà ra đi tôi mới được ba tuổi. Lớn lên, hình ảnh người anh nuôi khôn nạn ấy sẽ không một chút vương vấn tâm hồn nếu mẹ tôi quên nhắc chuyện anh.*

*Vào buổi tối mùa đông thê lương ở quê ngoại, dưới ánh đèn dầu hiu hắt, tôi gối đầu trong lòng mẹ nghe tiếng gió hú điên cuồng ngoài trời và tiếng nước mưa nức nở lùa vào phen liếp. Làm sao tôi vẫn thấy đơn lạnh, mặc dù bên tôi bóng mẹ như cái mền ấm áp trùm kín thân hình tôi. Tôi ngược đời mắt thơ dại nhìn mẹ muốn hỏi đôi lời, nhưng lúc đó tay mẹ còn đang thoăn thoắt đưa kim vá lại mảnh áo của em tôi. Tôi đành nín lặng đợi chờ. Đến khi mẹ ngừng đường chỉ, thở dài, rồi cúi xuống vuốt mái tóc con, tôi mới ngáy thơ hỏi nhỏ:*

*Mẹ ơi! Con không có anh hờ mẹ?*

*- Có đấy chứ, có anh nuôi, mà nó đi rồi.*

*- Thế anh con đi đâu?*

*- Đi Sài Gòn.*

*- Tại sao anh con lại đi Sài Gòn?*

*Vì nó đánh con ông lý trưởng vỡ đầu, nó sợ phải tù nên trốn biệt xứ.*

- Ở Sài Gòn anh con làm gì?

- Mẹ không biết. Thôi đừng hỏi nữa, ngủ đi con.

Tôi ngoan ngoãn nghe lời mẹ, không dám giỡn hỏi nữa vì tôi thoáng gặp mắt mẹ chớp mau muốn khóc. Mẹ tôi hay khóc lắm, vui cũng khóc, buồn cũng khóc.

Tự đẩy lòng tôi nhóm lên một ánh lửa thương yêu, để có những chiều thơ thẩn ngoài ngõ, nhìn nắng vàng yếu ớt rơi trên nội cỏ ngàn cây, mà buồn rầu vô căn cứ. Người anh nuôi xấu số của tôi chưa cho tôi một kỷ niệm êm đềm nào trong chuỗi ngày thơ ấu, hay cho nhiều rồi mà hồi ấy tôi chưa biết nhận. Dù sao chẳng nữa, tôi cố mừng tưởng anh ở đôi mắt sâu cảm của mẹ tôi để tin rằng anh nuôi đã góp thêm vào cái gia đình nhỏ bé nghèo nàn này muôn vàn kỷ niệm u sầu hay tha thiết, và chắc chắn rằng anh đã trải qua những ngày khốn khổ nhất của gia đình họ Vũ nhà tôi.

Trang đời im lặng mở đầu. Sau trận mưa, trời sáng sủa. Gia đình tôi bây giờ đời khỏi lũy tre xanh, cuộc sống tạm đầy đủ. Tôi cũng khôn lớn hơn xưa và niềm thương thuở nào vẫn còn nguyên vẹn.

Mấy năm sau người họ hàng ra tỉnh trao cho mẹ tôi một phong thư bảo rằng thư của anh nuôi tôi từ Sài Gòn gửi về. Thư viết:

Hớn Quản ngày 7 tháng 5 năm 194...

Kính thưa thầy mẹ,

Con là Nguyễn Thân, tức Vũ Mộng Tường, con nuôi của thầy mẹ, có đôi lời viết về thăm bà và thầy

mẹ và các em đang mạnh giỏi thì con rất lấy làm mừng. Còn về phần con, từ ngày trốn nhà vào Sài Gòn đến nay long đong lạt đặt mãi. Hiện thời con làm ở Lăng-ta-si-ông cực khổ quá trời quá đất. Con nhớ thấy mẹ và làng nước lắm. Con xin thấy mẹ tha tội cho con. Nếu con còn sống sẽ có ngày con về đền đáp công ơn thấy mẹ. Thôi giấy văn tình dài. Con chúc cả nhà đang bình an vô sự.

Kính lạy thấy mẹ,

Con Nguyễn Thân tức Tường

*Thư không đề địa chỉ người gửi. Chữ viết nghiêng ngả đơn sơ. Mẹ tôi đọc đi đọc lại mấy lần. Người ngậm ngùi nói:*

*- Thế mà thằng ấy có hiếu. Nó đi đã chín, mười năm rồi. Tội nghiệp, đến lúc nhà đủ cơm ăn áo mặc thì nó lại tha phương cầu thực khổn nạn.*

*Về phần tôi, tôi vội hình dung ngay thấy những ngọn roi oan nghiệt quất vào mình mấy anh Tường cu-li đồn điền cao-su đau tê tái. Tôi cảm như lòng tôi đang thắt lại.*

*Sau lá thư ấy, anh tôi không gửi thêm lá nào khác. Chẳng biết anh có còn sống hay đã gửi nắm xương tàn ở gốc một cây cao su nào rồi.*

*Cuối năm 1954 tôi di cư vào Nam một mình, để mặc gia đình bên ấy tiếc thương, sầu thảm. Những ngày đầu tiên của tôi ở nơi này lạnh lùng lắm, tuy*

*nặng quê hương miền Nam còn gay gắt hơn cả nắng quê hương miền Bắc của tôi.*

Đời tôi luôn luôn thiếu thốn. Thuở thơ ấu thì thiếu anh chị, thiếu đồ chơi. Lớn hơn thì thiếu cơm ăn, áo mặc. Khi thấy lòng mình trống trải, mỗi độ gió heo may về thì thiếu màu áo trinh nữ. Đến nay làm trai sông hồ thì thiếu đốm hỏa gia đình. Sự thiếu thốn ấy mãi mãi ám ảnh tôi bắt đầu từ hình ảnh người anh nuôi quê mùa cũ. Tôi còn nhớ ánh mắt sầu cảm của mẹ tôi: anh đã hiện nguyên hình trong ấy (tuy tôi chưa rõ mặt anh), có bao giờ tôi quên được. Phải, có bao giờ mình nở tâm *hủy hoại kỷ niệm của đời mình*. Nhất là lúc này ở tâm hồn tôi đang đòi hỏi tình cảm lấp giúp hố buồn.

Tôi lang thang trên vỉa hè Sài Gòn, cố tìm trong những đám đông xa lạ một hình ảnh quen thuộc. Thường thường thì vô vọng và mỗi sải lại đùn lên to lớn hơn. Tôi nghĩ cách kiếm anh tôi trên mặt báo. Nếu anh tôi chưa ra Bắc hoặc nếu anh tôi chưa chết, thế nào anh em tôi cũng gặp nhau. Ý nghĩ ấy khiến tôi sung sướng. Tôi nhớ năm sáu tờ nhật trình đăng tin tìm người nhà.

Sau nửa tháng sống bằng hy vọng, một buổi sáng có người đàn ông trạc ba mươi tuổi, tay cầm tờ báo, mắt ngơ ngác nhìn quanh trạm di cư tầng ba nhà hát lớn. Linh tính báo cho tôi biết trước có lẽ là anh Tường. Tôi đang nằm trên sàn đá hoa, nhòm ngó dậy lại gần người đàn ông, niềm nở hỏi:

- Ông muốn tìm ai?

*Người ấy trả lời giọng Bắc pha tiếng miền Nam:*

- Tôi kiếm người bà con, thấy nói ở lầu ba.

- Tên là gì?

*Tôi vừa hỏi vừa run run hồi hộp.*

- Tên kêu Long

- Trời ơi!

*Tôi hét lên, cảm động ôm chầm lấy anh tôi. Anh tôi  
bơ ngỡ ngó tôi hết sức lạ lùng.*

- Em đây, em anh đây, anh Tường ạ!

*Bấy giờ anh tôi mới nắm chặt tay tôi, nước mắt anh  
rụng xuống thấm qua áo tôi nóng hổi. Anh chỉ nói  
được mỗi lời:*

*- Chú chóng lớn quá, hồi tôi ở nhà chú bé chút xíu.  
Rồi anh dăm dăm nhìn tôi. Tôi mời anh ngồi tạm trên  
cái hòm sữa. Qua cơn xúc động, anh hỏi thăm chuyện  
gia đình, làng nước. Tôi kể anh nghe, từng mẩu tình  
cảm quê hương, nỗi vui buồn gia đình. Anh tôi khóc.  
Tôi không biết ngày nay anh tôi đã thoát khỏi cuộc  
đời cu-li đồn điền chưa, chứ ngấm kỹ con người anh,  
tôi chắc chắn anh đang trải đời mình cho sự đau khổ  
nghiến lên.*

*Anh tôi gầy, nước da ngăm ngăm đen. Đôi mắt anh  
thật hiền lành, hiền lành như bao nhiêu người nông  
dân làng Tường An. Anh còn côi. Lúc này tôi chả cần  
phải lường tượng anh ở đôi mắt mẹ tôi nữa. Tôi thấy  
cuộc sống phiêu bạt của tôi ấm lên nhờ hơi thở của  
người anh nuôi quê mùa cũ. Anh tôi ngừng khóc, anh*

rút khăn thấm mắt rồi đưa cho tôi gói quà. Tôi bóc ra, đấy là những trái măng cụt. Anh giục tôi ăn. Măng cụt lạ miệng, ngon quá. Anh nhìn tôi mỉm cười. Lát lâu (tôi đoán rằng anh tôi nghĩ lung lăm), anh ngần ngại bảo tôi:

- Chú về ở với tôi nghe?

Tôi chưa kịp đáp, anh nói tiếp:

- Kệ chú ạ! Cứ về ở với tôi, tôi không để chú khổ đâu. Vợ tôi nó buồn bán, còn tôi... à, cũng phong lưu chán. Chú thiệt ngộ, vợ tôi nó sẽ mừng đó.

Anh mời tôi gần như van nài. Tôi ngỡ ý bằng lòng. Anh tôi sợ tôi thay đổi ý kiến, vội vàng thu xếp hành lý của tôi. Anh xách xuống đường gọi xích-lô máy đưa tôi sang Khánh Hội.

Xóm anh tôi trú ngụ là xóm Cầu Cống, sinh lây, hôi thối. Ở đây tập trung một số đông người Bắc rời bỏ quê hương từ lâu, và vì không có may mắn nên mãi tận ngày nay cuộc sống vẫn âm thầm, nghèo khổ. Phần nhiều trốn từ các đồn điền cao-su, cà-phê đất đỏ hay đã hết giao kèo ký với công ty. Họ làm đủ nghề, đàn ông thì đạp xích-lô, lái tắc-xi, xích-lô máy, hót tóc rong... đàn bà thì buôn thúng bán mẹt, đẩy đẩy hình ảnh quê hương gầy ốm của tôi.

Anh tôi đạp xích-lô. Chị tôi bán tàu hũ chợ xóm Chiếu. Hai người lấy nhau mười năm rồi mà chưa có mụn con nào. Điều này khiến anh tôi đau khổ lắm.

*Anh lo ngại cái buổi tàn tạ một kiếp nhân sinh, nên anh chị tôi nuôi đứa con nuôi xin trong cô nhi viện. Anh tôi đã sầu đã cảm, anh nhìn đứa con nuôi, chạnh nghĩ đến thân phận mình. Rồi anh kết luận chỉ vì nghèo mới phải làm con nuôi.*

*Chúng tôi sống dưới túp nhà lá. Không thấy anh chị tôi phàn nàn gì cả hay họ đã quá quen với hoàn cảnh, bằng lòng theo số mệnh? Anh tôi là phu xích-lô nhưng đừng ai vội tưởng kẻ đạp xích-lô thì dốt nát, cùng cực. Anh tôi, trời cho tính chịu khó. Đạo lưu lạc miễn Hồn Quân, anh nhờ người dạy học. Ngày nay anh đủ kiến thức để chê bai truyện dài đăng trong nhật báo, hay thích thú những bài xã luận. Anh tôi chỉ xách xe đậu sát lề đường kho Năm từ 4 giờ chiều, lai rai ly cà-phê đen, phì phào vài điều ách chuẩn đón khách ngoại quốc. Khi vắng mỗi, bắt đắ dĩ mới chọn đạp cho người Việt lấy tiền trả thuế nửa buổi xe. Mười một giờ hoặc nếu hôm nào tuồng cải lương hay, chín giờ đã thấy anh lẩn về rủ vợ đi coi hát. Ban ngày anh ngủ liên miên, hễ thức thì lại khơi chuyện làng xưa và cuối cùng bao giờ cũng cố hỏi:*

*- Tại sao chú vô đây. Ở nhà có sướng không? Chú đại thiệt là đại!*

*Tôi chưa nói tình cảnh quê hương cũ cho anh nghe. Mà dẫu có nói chắc anh cũng không tin. Những người không biết hay xa đất Bắc nhiều năm, mấy ai đã tin lời kẻ di cư. Họ sống bằng mộng tưởng và vẽ ra hiện tại huy hoàng của đất mộng. Kể gì anh Tường phu xích-*

*lộ, hồi chúng tôi chân ướt chân ráo ngã ngàng bước trên nẻo đường miền Nam, vô số sinh viên, trí thức điểm mặt chúng tôi, ghép chúng tôi là đồ vô liêm sỉ, bán nước, theo giặc. Thế nên tôi chả cần giải thích vội với anh Tường. Vả lại, xen câu chuyện chính trị vào tình cảm riêng tư ích lợi gì, tôi muốn chinh phục anh Tường dần dần chứ không muốn mất anh Tường như tôi đã mất mát bao nhiêu thú bên kia ranh giới. Vậy câu trả lời anh tôi là:*

*- Em thích giang hồ, bạn bè rủ em đi.*

*Câu trả lời ấy vừa lòng anh chị tôi, vừa lòng luôn cả xóm Cầu Cống ngàn năm không ánh đèn điện. Mọi người xúm nhau mua bia, nước cam mời tôi uống, bắt tôi diễn tả quang cảnh từng bừng của “quê hương độc lập, tự do”. Tôi nghĩ đến những con vẹt, những thằng người Mác-xít đã từng len lỏi gieo rắc mầm mống bệnh hoạn, đã từng rót vào tai đám dân nghèo nàn này nhiều mộng ước, đã cho họ ăn bánh vẽ ở cái thời mà đường đất xứ sở toàn phường cầu nhàn nghênh ngang phì nọc độc, cái thời mà giá trị con người xóm Cầu Cống ngang với giá chợ heo, chó. Và hôm nay nữa, những thằng người Mác-xít còn hành động gì? Tôi khoe khoang, khoe khoang là điều tầm thường đáng phỉ nhổ. Nhưng nói thực, tôi là kẻ sẵn sàng chiến đấu. Vậy mà trước đám người quê hương, tôi tự thấy mình nhỏ bé, yếu đuối, tôi biết một mình tôi cô độc chẳng làm nổi. Tôi đành thua trận đấu, mắc nghẹn, đau đốn mà kể chuyện ngoài Bắc “vui, no lành, sung*

sướng” sai sự thực khác cả 100%: Em tôi phải bỏ học, mẹ tôi phải trở về làng cày cấy, cha tôi bị đày rất xa quần quật phục vụ chánh phủ ăn lương gạo. Tôi chả nỡ ghét người xóm Cầu Cống, họ đáng thương hại như anh chàng mê gái dám cầm dao đâm tình địch.

Anh Tường cũng say sưa chủ nghĩa ngoài kia lắm. Anh hay nhắc dĩ vãng kháng chiến và hãnh diện tiêu diệt được nhiều thực dân. Năm 1946 anh vào đội “Thanh niên Tiền phong” võ trang gây tâm vòng, giáo mác chống liên quân Anh-Ấn-Pháp. Lúc rồi rã, anh thường tả những cái ụ bên đầu cầu Quay đối diện với nhà băng Hồng-kông Thượng Hải. Mắt anh sáng rực khi anh nhớ lại Rạch Địa bên Bình Xuyên nơi giòng nước cuốn xoáy mất tích bao nhiêu kẻ thù dân tộc. Nhiều bận một mình anh len lỏi trong thành phố dán bích chương, ném lựu đạn... Anh hỏi tôi có biết chuyện cậu bé tẩm dầu vào người đốt kho xăng của địch? Tôi khe khẽ hát bài “Tiếng súng Nam bộ” trả lời anh. Tôi kể lại hồi ấy thanh niên làng tôi tình nguyện vào Nam giết giặc. Anh tôi sung sướng, mắt anh sáng rực, tay đập phách gõ, miệng ca “Tiếng súng vang sông núi miền Nam vì lưu lấy miền Nam. Ta muốn bằng mình tới phương Nam xé xác quân tham tàn...”

Tôi mừng tượng ra chuỗi ngày u ám, thâm sâu của anh ở đồn điền Hồn Quỉ rừng thì đầy hổ, suối thì đầy cá sấu và chuỗi ngày anh làm gã trai giành độc lập cho xứ sở, mà yêu anh vượt lên tình cảm thông thường. Pháp bắt anh hai lần. Phòng nhì tra tấn anh

sống đi chết lại. Bây giờ ngực anh còn đau mỗi khi thời tiết thay đổi. Có lẽ vì thế anh trở nên bất lực về đường tình dục. Được tha, anh Tường trốn ra chiến khu miền Đông chiến đấu mê man dưới làn mưa đạn. Sau anh bị thương, bị cầm tù mãi. Mãn hạn, anh ở Sài Gòn. Anh đập xích-lò từ đó.

Hiện thời không biết anh còn hoạt động gì cho kháng chiến nữa vì anh rất bí mật và kháng chiến cũng hết rồi. Xem chừng anh ghét công cuộc di cư cay đắng. Anh bảo anh định hồi hương cùng với những người tập kết nhưng anh muốn về làng giàu có vẻ vang nên hoãn ý định lại. Anh hy vọng hai năm sau, thời cuộc đổi thay, sẽ tính chuyện khác. Anh khuyên tôi nên tin tưởng “cụ Hồ”. Tôi ậm ừ tỏ vẻ tán thành. Và như vậy tôi sắp khám phá được nhiều điều lạ lùng.

Anh Tường chịu khó mua tranh vẽ các vị anh hùng dân tộc như Phan Đình Phùng, Duy Tân, Đền Thám, Nguyễn Thái Học... Anh cắt dán rất mỹ thuật trên vách ván, thả hương thờ phụng. Lòng yêu nước của anh còn bộc lộ trong những vần thơ hùng hồn anh thuộc vanh vách, anh đọc thơ vào lúc tâm hồn thanh thản. Hỏi anh về cuộc sống tương lai, anh mỉm cười im lặng. Nguyên vọng tha thiết nhất đời anh là được về đất Bắc sửa sang ngôi mộ mẹ và viết quyển hồi ký “Đời xích-lò”. Anh phàn nàn học kém quá chứ không anh đã thành văn sĩ. Anh tâm sự với tôi rằng anh sẽ cố viết, tôi sửa lại. Nhưng chẳng bao giờ anh viết. Tuy cao hứng, anh vẫn khóc.

Xích-lô là cái nghề dư nhân tâm thừa bạc ác. Tường này mà tả đoạn dẫn Tây đến nhà điểm, rồi hai đứa làm “com bin” với nhau thì cứ gọi là tổ sư Tây cũng mất bốp.

- Thật hả anh.

- Tôi nói thiệt tình, chứ đại sứ Mỹ mà lên xích-lô tôi cũng bị bịp đô-la như bõn.

Khi tình cảm trào dâng, anh nói toàn những chuyện “dư nhân tâm” cảm động đáo đẽ. Tôi ước mong có dịp thực hiện giùm anh nguyện vọng thứ hai, tôi bảo anh, anh sung sướng dặn:

Nếu in sách thì chú nhớ vẽ bìa hình thằng phu xích-lô nằm gác xe cạnh vỉa hè mơ màng điệu thuốc “Ách-chuôn” nghe. Nhớ thuốc Ách-chuôn mới hay!

Tôi buồn cười nín chẳng nói. Anh tôi tưởng tôi khôi hài, nghiêm nét mặt:

Đừng giỡn chú, hôm nào tôi kể chú nghe cái tích thuốc Ách-chuôn trong đời xích-lô mưa nắng của tôi chú mới thấy là tuyệt.

Tôi sống ở xóm Cầu Cống với anh tôi được hơn một tháng thì bọn phiến loạn Bình Xuyên gây sự. Chúng tôi lên hè phố Catinat trú tạm. Ít ngày sau im tiếng súng, chúng tôi trở về dọn nhà xuống gần cầu Tân Thuận. Anh tôi dạo này vắng nhà cả ngày. Gặp nhau, anh đem những tin tức miền Bắc cầu nhàu hỏi tôi:

- Thật không hở chú?

*Tôi biết là thực, nhưng đã nhủ không xen chuyện chính trị vào tình cảm riêng tư, nên tôi lựa lời đáp:*

*- Báo ấy mà, anh còn lạ gì.*

*Anh tôi tươi nét mặt, hài lòng câu trả lời vu không ấy. Tôi hiểu anh Tường như tôi hiểu những người nghèo khổ bị xã hội khinh khi, áp bức, tâm hồn sẵn đâm chối thù oán. Họ thềm lời an ủi, thềm lời hứa hẹn dù chỉ hứa hẹn suông. Một khi đã hứa giúp họ tạo cuộc sống no lành mai hậu, thì họ tin tưởng tới cùng, và họ dám hy sinh tất cả. Anh Tường thân mến của tôi đã bị bùa phép Cộng sản chà mất rồi. Tôi mà nói rõ chuyện miền Bắc với anh lúc này chẳng khác gì nước đổ lá khoai. Anh đang si mê đến ngu dại. Tôi cố chờ dịp khác.*

*Tối một đêm anh về rất khuya, mặt mày tái mét. Tôi hỏi, nhất định anh câm nín. Anh giục tôi đi ngủ. Anh ngồi dưới ngọn đèn móc túi áo blouson ra nắm giấy to tướng. Tôi vẫn chú ý anh từ lâu, tôi vùng dậy đòi xem tập giấy. Giọng anh run run sợ sệt:*

*- Đừng mó vào, truyền đơn đấy chú!*

*- Truyền đơn gì?*

*- Truyền đơn của chính phủ ta.*

*- Chính phủ nào? Anh đừng sợ, em là em anh mà.*

*- Chính phủ ngoài Bắc.*

*- Truyền đơn đã đảo chính phủ miền Nam hở anh?*

*- Ừ*

*- Anh phải ném đêm nay à ?*

- *Thôi để sáng mai tỉnh lại, anh run thế làm ăn gì được.*

- *Tôi vừa bị lính rượt.*

*Tôi hoảng hốt. Bây giờ mà cảnh sát ập vào đây tóm cổ tôi thì tôi ăn nói sao đây? Cả đêm tôi thức trong lo âu hãi hùng. Sáng sau tôi dậy sớm nói chuyện với anh Tường. Tôi phải để tôi sáng vì nhiều duyên cớ. Có thể tôi sợ anh tôi thủ tiêu tôi, có thể đêm tối tôi chưa đi được. Tôi trình bày anh nghe rõ rệt cuộc sống hiện tại ở miền Bắc. Tôi giải thích cho anh tôi rõ kháng chiến và Cộng sản, những cuộc đấu tố dã man, những sự phản bội dân tộc của “cụ Hồ”. Tôi không quên nói điều cần nhất là tình thương yêu gia đình bị chà đạp... Anh tôi lắc đầu hoài nghi. Anh bảo tôi là phản động. Tôi cúi đầu chịu đựng. Rồi tôi xét khó sống mãi trong tình cảnh tư tưởng bất đồng này, tôi xin phép anh đi nơi khác. Anh chị tôi nín lặng chẳng đồng ý mà cũng chẳng phản đối. Trước khi xách hành lý khỏi nhà, tôi khuyên anh đừng ném truyền đơn nữa nếu anh còn muốn sống để về làng xưa đắp lại ngôi mộ mẹ. Anh tôi hết giận ngời im. Tôi chắc anh nhìn theo bóng tôi, đau khổ.*

*Giã từ xóm nghèo miền Khánh Hội, tôi mang theo bao nhiêu ẩn ức. Sự đau khổ dày vò tôi lúc này là anh tôi nghi ngờ tôi, anh đã dứt tình tôi. Tôi nói có sai đâu. Chắc chắn anh tôi dọn nhà đi nơi khác rồi vì anh sợ*

tôi sẽ tố cáo tội phá hoại. Anh Tường không nghĩ thế, nhưng ở ngoài Bắc, chuyện ấy người ta làm như mình điểm tâm mẩu bánh mì. Cũng may anh còn túng bắn chưa kịp hồi hương. Tôi nhớ chuyện những đứa con nuôi kể tội ác cha mẹ đỡ đầu chúng trước đám đông. Tội bóc lột lao động của chúng từ thuở nhỏ và chúng đòi lại bằng cách sỉ nhục, đâm đá người thân yêu đã nâng niu chúng có khi như con đẻ. Anh Tường mà ở Bắc, biết đâu anh chẳng lời mẹ tôi ra đấu tố. Cộng sản dạy anh, chú bản tính anh, bản tính hiền lành của người Việt Nam có bao giờ hèn hạ như vậy. Tôi bỗng thương anh tôi trọn chuỗi tháng anh cạo mủ cao-su đồn điền Hớn Quản.

Thỉnh thoảng tôi ra bờ sông Sài Gòn hứng gió, tôi tìm một người quen xóm cũ hỏi thăm tin tức anh. Được biết anh vẫn mạnh khỏe, tôi mừng. Rồi tôi cũng phải lao đầu vào cuộc sống.

Hai năm sau tôi trở lại Sài Gòn. Việc đầu tiên là đến thăm anh Tường. Tôi nghĩ rằng, qua thời gian suy nghĩ, hoạt động, anh tôi đã hiểu thấu đôi phần sự thực phũ phàng về Cộng sản. Đôi phần thôi, như mình muốn gỡ tung bối rối, chỉ cần tháo được cái nút. Tôi theo lối cầu gỗ dài bắc trên sinh lầy hôi thối vào nhà anh. Tôi đoán sai, anh tôi không sợ tôi đi báo, vẫn còn ở khu gần cầu Tân Thuận. Anh em gặp nhau, anh tôi sung sướng giống lần anh tìm tôi trên gác ba nhà hát lớn. Anh hỏi han tôi làm gì hai năm nay. Tôi nói ra Trung dạy học.

*Anh tôi dạo này gầy ốm tiêu điều. Anh mệt quá phải nằm trên ghế bố nói chuyện. Lúc ấy chị tôi vắng nhà thằng con nuôi anh đang nghịch ngợm với lũ trẻ ngoài lộ. Căn nhà im lìm, ghê sợ.*

*Tôi thấy anh tôi khóc, ái ngại bước đường lưu lạc của tôi:*

*- Chú có khổ không, từ bữa chú bỏ đi anh lo cho chú quá.*

*- Em lớn rồi anh ạ! Đau khổ mới nên người chứ, anh khỏi lo.*

*Tôi hỏi anh ốm bệnh gì. Anh họ sù sụ một hồi bắt đầu kể. Giọng anh trầm buồn thiếu não. Sau những đêm ném truyền đơn, căng biểu ngữ tuyên truyền đả phá miền Nam, sau những lần gài plastic, ném lựu đạn thành công mỹ mãn, anh Tường bị thộp cổ. Trong cuộc điều tra, bản tánh chất phác của anh cố giấu giếm, nhưng bị thua sự khôn khéo của những người xét hỏi anh. Họ không đánh, chỉ cười thôi, mà dồn anh vào chỗ bí, phải khai thật hết. Các đồng chí của anh vì thế, bị thộp cổ theo anh khá nhiều.*

*Cùng bị giam một trại với nhau, bọn đồng chí cũ khép anh vào tội mưu phản, len lỏi vào tổ chức của chúng để do thám. Chúng cậy đông, xúm vào đánh anh, định đánh cho đến chết. May tiếng ú ớ của anh kêu qua cái khăn nhét vào cổ họng cũng đủ báo động cho nhân viên trật tự vào cứu anh, rất may là còn kịp.*

*Anh được nằm trong nhà thương của trại giam. Hết ba tháng, được về, lại vào nhà thương thí. Bên giường*

*bệnh chỉ có vợ con anh thăm nom, cùng với dáng dấp hiền từ của những bà phước áo trắng.*

*Kể đến đây, anh Tường bắt tôi nói hết chuyện miền Bắc. Tôi cứ việc đem sự thực trình bày, không vu khống, không xuyên tạc. Anh tôi cảm động chớp chớp mắt thật mau. Anh chợt nghĩ ra công lao chiến đấu của anh hơn mười năm nay đã biến thành công dã tràng. Quay lại hưởng tình cảm, anh tôi van nài:*

*- Chú tha lỗi cho anh.*

*- Anh có lỗi gì? Tôi nghĩ nhiều về anh Tường. Thuở nhỏ, mẹ cha nghèo đói phải gửi thân làm kiếp con nuôi. Lớn lên thì chịu đựng những hình phạt tàn nhẫn của những ngon roi oan nghiệt đồn điền. Anh tôi có quyền chiến đấu tìm tự do cơm áo, điều đáng trách là không ai hướng dẫn anh để sau này anh đại đột ném lựu đạn, gài plastic giết người cùng anh chung một ý nghĩ. Tôi ở xóm Cầu Cống đã lâu. Xóm ấy nghèo khổ, dốt nát. Buổi chiều nước lên tràn ngập nền nhà, buổi sáng nước rút tro bùn, phân, rác ruối hôi thối. Ánh đèn điện yếu ớt ngoài lộ soi dấu chân nào tìm đến cuộc sống hẩm hiu, soi dấu chân nào đến tìm mộng ước? Thịnh thoảng có tiếng phóng thanh vọng tới: “A-lô! A-lô! Đả đảo cộng sản”! Thịnh thoảng có tờ bích chương dán mãi ngoài cổng xóm.*

*Thịnh thoảng có tổ chức phát bột mì, sữa hộp, thì người ta biến nó thành cuộc phát chẩn bệ rạc. Thịnh thoảng có chiếu bóng ngoài lộ thì chỉ chiếu phim ruồi, bọ, khuyên ta nên ăn ở hợp vệ sinh, khi xóm Cầu Cống*

toàn sinh lấy hơi thối. Tỉnh thoảng có chích thuốc phòng dịch, người ta nhăn nhó mặt mày vì ghê tởm những em bé gầy ốm, dơ bẩn... Xóm Cầu Cống đói khát hạnh phúc, thèm thuồng ánh sáng dẫn đạo, thèm thuồng mọi sự hiểu biết. Đêm đêm ma quỷ, đội lốt người, hiện về đồ ngon dễ ngọt nên theo chúng nó. Ma quỷ phác họa cảnh thiên đàng ngoài nó, và xóm Cầu Cống thêm thiếp ngủ say. Ngày ngày bọn sợ trách nhiệm, luôi biếng, bọn cầu an, xu thời qua đây giờ bàn tay béo mẫm, hô to: “Đả đảo cộng sản”. Thử hỏi mà xem ai có nghe rõ gì không!

Anh tôi chả tội lỗi gì! Tôi cũng nghĩ nhiều về những tâm hồn hống hách còn sót lại nơi này, nghĩ nhiều về một số trí thức miền Nam: bác sĩ có, dược sĩ có, kỹ sư có, luật sư có, ký giả có, mà còn ngu đần theo Cộng sản, nằm vùng phá hoại nếp sống thanh bình của dân hiền, thì kể chi anh Tường phu xích-lô của tôi. Với kẻ thù, chúng ta giết nó bằng súng đạn, chứ với bọn phản bội, thì phải quăng xác nó vào chuồng mãnh thú. Anh tôi chả tội lỗi gì hết. Có khi nào mẹ hắt hủi con, ngày đưa con lạc bước quay lại tổ ấm gia đình? Tôi nhìn anh Tường rưng rưng nước mắt. Giọng anh buồn buồn, thống trách:

- Phải chi tôi biết sớm, chú đỡ khổ, mà tôi vẫn hy vọng về làng xưa đắp mộ cho mẹ.

Tôi an ủi anh:

- Mình còn sống lo gì anh. Em tưởng nếu cần thì ta làm lại tất cả.

- Tôi bệnh tật quá.
- Em thì trẻ quá, khoẻ mạnh quá.
- Tôi sẽ giúp chú, bớt ốm tôi xuống xóm Cầu Cống nói chuyện lại cho người quê hương nghe.
- Anh không sợ à?
- Sợ gì?
- Sợ cộng sản!
- Mẹ! Trước mình khờ chứ nay khôn rồi chú ạ! À lúc này chú ở đâu?
- Em ở trọ.
- Hay về với vợ chồng tôi? Tôi dành dụm được món tiền nhỏ, ta dựng căn nhà lá hẻm Kho 5. Tôi cũng ghét cái xóm này cay đắng. Chú tính sao?
- Anh để em nghĩ.
- Nghĩ quái gì, chú bảo, “nếu cần thì ta làm lại tất cả.” Bộ chú ngán sống cạnh tôi à?
- Đâu có, anh Tường!
- Tội nghiệp, chú đừng bỏ tôi đi! Im lặng một lúc, tôi nói:
  - Vàng, mai em mang hành lý tới nhưng em phải đi dạy học chứ không ru rú xó nhà ăn bám anh chị đâu.
  - Được rồi! Chú bằng lòng là được rồi. Là anh sung sướng muốn chết rồi. Anh ngờ chú giận anh. Nói thiệt, có lần anh tưởng chú tố cáo anh... Trời Phật tha tội anh. Trời Phật phù hộ chú...

Anh tôi vừa nói vừa khóc. Lần thứ nhất trong những ngày bên anh, tôi mới thấy anh Tường xưng “anh” với tôi. Tiếng nói ấy sao mà thấm thiết thế. Tim tôi xao

*xuyến, mắt tôi ánh lên viễn tượng ngày mai gia đình sum họp. Giữa khi ấy, chị Tường dắt con đẩy cửa bước vào. Chị nắm chặt cánh tay tôi, thằng cháu Tường ôm chầm lấy chân tôi líu lo “Chú, chú, chú”. Hồi cháu mới tập nói, mẹ cháu dạy cháu ba tiếng “Ba, Má, Chú”. Tôi nín thở đón nhận hạnh phúc. Thì ra bằng tình cảm chân thành, tôi đã chinh phục nổi anh Tường. Tôi thắng trận cuối cùng đẹp như cái bìa cuốn sách mơ ước của người anh nuôi quê mùa cũ.*

# DƯƠNG HÙNG CƯỜNG

**B**ạn đọc gặp lúc mấy nhân vật của Dương Hùng Cường trò chuyện với nhau về những “thằng quán bò đá”, “thằng đội lô-can”, v.v. không khỏi lấy làm khó chịu về cái ăn nói. Không chừng tác giả cũng bị liên lụy xa gần vì nhân vật.

Đó chẳng qua chuyện rủi ro. Ông Dương không mới lạ, độc đáo; nhưng thường thường ông vui vẻ, nói năng cười cợt có duyên. Nói chung, các cây bút Không quân trong tạp chí *Lý Tưởng* phần đông vẫn có văn phong bay bướm.

6/1998

## PHƯỢNG VÀ DƯƠNG

*Khi tôi về nước thì Phượng và Dương đã yêu nhau rồi. Dương học cùng khóa với tôi, về nước trước tôi ba tháng. Tôi bị hỏng phase cuối cùng phải ở lại, học nốt. Còn Dương thì thi đậu phẳng phẳng, nên cùng tôi, nhưng lại về sớm.*

*Tôi muốn tả vài nét về Phượng và Dương. Phượng, hoa khôi trường Trưng Vương, tóc dài, da thật trắng, mắt thật đen, lông mi dài, vẻ mặt hiền hậu như Đức Mẹ. Phượng theo đạo. Còn Dương thì thông minh, một cái thông minh thật đẹp, không phải như những cậu học trò suốt đời vui đầu vào sách vở. Chúng tôi vẫn phục Dương. Ngày mai thi mà chiều hôm trước vẫn thấy Dương nhớn nhơ lang thang trên nẻo đường từ Nantes về từ Bordeaux lên.*

*Nhưng chỉ cần vài ba giờ “nửa đêm về sáng”, khi tất cả nằm co ro ngủ, Dương thức dậy, nằm trùm kín mền, bật chiếc đèn pin lên, học đến khi tiếng kèn đánh thức dậy. Ấy vậy mà trong tất cả mọi kỳ thi, Dương vẫn đứng hàng đầu như thường. Tây và Ta sợ hết vía. Không những cái thông minh của Dương vượt qua mặt những thằng “mọi da vàng” mà còn qua mặt cả những thằng “mọi da trắng”.*

Không phải Dương chỉ đứng đầu ở các môn thi viết. Cả những món phải dùng tới khéo léo chân tay, một chút tiểu xảo kèm theo một chút thủ công, Dương vẫn đứng đầu. Cầm cái kìm, cái búa, cái mỏ-lết, cái tuộc-nơ-vít, Dương vẫn hiên ngang là một người thợ giỏi, nhiều khi vượt qua tài của thầy.

Ông thầy thường phải dùng tới cái cân, cái thước. Còn Dương thì chỉ cần lấy mắt, lấy tay ước lượng mà cũng gần đúng. Có một lần, ông thầy dạy về nghề thợ rèn gõ một tiếng “coong” vào một miếng gang. Nghe cái tiếng lanh lảnh chát chúa ấy, Dương nói ngay:

– Hai mươi phần trăm than pha với thép... Ông thầy trợn mắt:

Đừng có nói ầu, chú bé!

Ông thầy già, có thói quen gọi tất cả học trò là “petit” giờ cuốn sách ra. Tới trang chụp hình miếng gang này, ông lấy mục kính ra, trợn mắt đọc rồi liếc nhìn Dương thán phục. Thì ra trong sách ghi là hai mươi một phần trăm.

Trong những buổi dạ hội, trong “hầm Hiện Sinh” đầy khói thuốc lá, Dương cũng vẫn là cây đình. Có những em đắm mà con số đầu của tuổi chưa tới số hai, cũng đã yêu Dương kịch liệt. Dương có nhiều lợi thế trong việc chinh phục đàn bà. Vì được lương của nhà nước, nên tiền Dương nhiều hơn bọn sinh viên rách. Vì thông minh và có nhiều tài lẻ, nên Dương hơn hẳn chúng tôi.

Lúc trở về nước, Dương dứt bỏ tất cả. Không tí tẹo

*buồn thương luyến tiếc. Em Gisèle khóc như mưa như gió. Em Denise đòi tự tử. Em Christine nhất định bỏ hết cả bà nội, bà ngoại, cha giàu, mẹ sang, để theo anh về nước làm một công dân của xứ nước mắt, có một huyền thoại ông Lạc Long lấy bà Âu Cơ, chế tạo ra một trăm trứng nở ra đúng một trăm thằng con trai. Nhưng Dương bước lên xe lửa, tàn nhẫn như Kinh Kha bước xuống con thuyền qua bờ sông Dịch.*

*Nghe đồn rằng ngày hôm ấy, trời bên nước Tây, mưa to gió lớn. Đoàn quạ rủ nhau bắt một cái cầu như đã giúp cho lúa đôi Ngưu lang, Chúc nữ, nhưng thấy rằng đường dài quá, qua Địa Trung hải, qua Hồng hải rồi lại Ấn Độ dương mệnh mông bát ngát, tốn sức lao động quá, nên đành thôi. Và Dương đi lên boong tàu, ca một bản “mặc áo rách về quê”.*

*Năm ấy, Dương hai mươi hai tuổi, và Phượng, mười bảy...*

*Cả hai tuổi đều đẹp cả. Nhất là nhìn Phượng và Dương sánh vai nhau đi trên con đường đầy lá đổ. Tất cả mọi người đều trầm trồ khen: “Đẹp!”. Mà cả hai đứa đều biết rằng mình đẹp đôi. Phượng thích mặc áo đỏ. Màu áo lẫn với màu hoa học trò, nở thắm sân trường. Dương mang lon thấy đội trên vai, nhưng không có tí ti mặc cảm nào.*

*Ngày đó, lính tàu bay còn hiếm. Một chuyên viên tốt nghiệp ở bên Tây về, vẫn được kính trọng hơn một ông quan, xuất thân từ một quân trường bản xứ. Mà Phượng đã bằng lòng yêu Dương, thì thiên hạ đều*

được coi không bằng cái khăn tay lau nước mắt của Phượng. “Em nhỏ thơ ngây đôi mắt biếc, gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay”. Có gì để thương tiếc nữa đâu? Chúng tôi mừng cho Dương gặp Phượng, mặc dù thấy Phượng còn đang tuổi con nít, chúng tôi vẫn gọi là chị. Coi như Phượng đã là vợ của Dương rồi.

Tại sao tôi không nói thêm về cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Phượng và Dương?... Thuở ban đầu, dù gặp nhau ở cầu tiêu vẫn là một kỷ niệm đẹp, khó quên. Dương gặp Phượng ở Nhà Hát Lớn, nơi chứa cả hàng ngàn đồng bào miền Bắc, bỏ quê hương vào Nam, trong một cuộc di cư vĩ đại. Dương đi kiếm một gia đình quen nhưng không thấy. Đứng giữa đám người hỗn độn, nằm, ngồi, đứng, nói chuyện với nhau bằng một thứ tiếng nặng chắt quê hương, Dương ngơ ngác và bàng khuâng. Chợt có một tiếng oanh tho thẽ bên tai:

- Ông kiếm ai vậy?

Dương giật mình:

Tôi kiếm gia đình cụ phán Vương. Nghe nói cụ ở đây. Từ nãy tới giờ, tôi hỏi thăm mãi không thấy. Cô làm ơn chỉ giùm.

Một tiếng reo vui:

- A, nhà con Nga. Cụ phán Vương là “bu” con Nga, con Nga là bạn của Phượng. Bây giờ không còn ở đây nữa, mà mua được nhà ở Phú Nhuận rồi. Dọn đi đã được mấy hôm nay.

Thế thì cô Phượng chỉ giùm nhà Nga cho tôi đi.

Giọng ngạc nhiên:

- Tại sao ông lại biết tên Phượng là Phượng?

Dương mỉm cười nghĩ tới cái ngây thơ hồn nhiên của tuổi học trò. Xưng tên một cách tự nhiên rồi hỏi tại sao ông biết. Dương làm ra bộ điệu bí mật:

Điều đó sẽ giảng nghĩa cho cô Phượng biết sau. Bây giờ cô Phượng làm ơn nói số nhà bao nhiêu, đường nào để tôi còn đến thăm bà cô mà mấy năm nay không gặp rồi...

- Thế ông không phải dân di cư?

Có chứ. Chúng cô là tôi đang đứng giữa Sài Gòn. Nhưng tôi di cư cách đây gần ba năm. Tôi bỏ quê hương tới một chỗ xa hơn cô Phượng nhiều. Tận ở bên Tây cơ. Từ ngày đó đến nay, tôi đã và sẽ là dân di cư, vì trong lòng lúc nào cũng bàng bạc một ít buồn hoài hương.

Phượng chạy đi lấy cái cặp sách. Rút một quyển vở, ngoài bao tập đề "Lớp đệ tam trường Trưng Vương". Giở vào đúng giữa, xé một tờ, Phượng vẽ nhà của bạn. Đây là ngã tư, đây là con đường tàu, đây là nhà thờ đang xây cất. Nhà Nga ở chỗ này, có cái hàng rào gỗ, có cái cửa ra vào, cửa sổ nhìn ra con đường. Dương mỉm cười. Chợt Phượng vo tròn tờ giấy ném qua cửa sổ:

- Thôi để Phượng dẫn anh đi. Anh có bận gì không?

Dương thần thờ như người trong cơn mê. Hai người ngồi chung băng sau một chiếc tắc-xi. Tự nhiên Dương thành ra ít nói và lừng khừng như một ông cụ non. Thế là từ hôm đó, họ yêu nhau...

Chúng tôi có mặt đầy đủ trong đám cưới đẹp nhất của mùa cưới. Tất cả chúng tôi đều nghèo. Không có tiền để may lấy một bộ đồ lớn. Chẳng lẽ ở xứ này mà lại lấy đồ len ở bên Tây ra mặc. Nắng thì như bốc lửa. Trời nóng đến nỗi kiến cũng phải bò ra khỏi tổ để hóng mát, thì bộ quần áo len ấy sẽ làm trò cười cho tất cả mọi người ở cái xứ la-de, dưa hấu. Thằng nào cũng mặc áo sơ-mi trắng, thắt thêm cái cà-vạt. Ấy vậy mà tôi thấy, từ trước đến nay, chưa có đám cưới nào vui như đám cưới này.

Thằng Trần lên hát *La vie en rose*. Thằng Quý hát *Voyage à deux*. Rồi cuối cùng để “mặc niệm” cho cuộc đời độc thân của thằng Dương, tất cả hát bài *La Quille*. Bài hát này là bài hát của những thằng lính Tây, khi mãn nhiệm kỳ quân dịch, trùm kín mền, đi từng bàn xin tiền uống rượu, chấm dứt ngày cuối cùng trong quân ngũ: “*La quille viendra, les ‘bleu’ viendront, pour laver les gamelles. La quille viendra, les ‘bleu’ viendront, pour laver les bidons*”.

Bài hát thật ngô nghê, chất phác. Nhưng chỉ cần đoạn đầu là đúng lời ca. Còn đoạn sau cứ việc “phịa”, nói hết uất ức những ngày sống trong quân ngũ. Có những thằng độc mồm, độc miệng còn đọc cả một bài văn tế. “Dương ơi, chúng mình ở với nhau, bạn sống có bạn chết có, sao bây giờ mày nỡ bỏ chúng tao, mày đi lấy vợ. Ô hô, hồn có linh thiêng, về đây thưởng hưởng” Có thằng nham nhở:

- Dương ơi, mày hãy bàn giao cho tao các em Bích,

*em Ngọc, em Liên, em Quý Mão... Đây chị Phượng: Hãy để ý tới đức lang quân. Nó là thằng đào hoa có tiếng. Có chuyện gì thì “cúp” đi... Nào, một, hai, ba, chúng ta đồng ca...*

Bài đồng ca vang lên chát chúa. “Đốt, hay không đốt? Thì cắt nó đi cho rồi...” Bà Phán, mẹ Phượng, nhìn lũ quỷ sứ lắc đầu.

Bà hãy còn hai cô gái lớn chưa gả chồng. Phượng là con út. Vì theo đạo, nên không có sự kiêng cử, không cần phải theo “hệ thống quân giai”. Em cứ việc đi lấy chồng trước, rồi đến lượt chị, cũng không sao.

Đáng lẽ thì đám cưới Phượng và Dương sẽ được cử hành sớm hơn. Chỉ rắc rối ở chuyện “đạo”. Phượng muốn làm lễ ở nhà thờ, nhưng Dương lại không có đạo. Phượng khuyên Dương nên “trở về đạo”, và tặng Dương cả một kho kinh để Dương luyện võ công.

Chiều Phượng, Dương đành theo đạo. Thằng Dinh chế diễu bằng một câu ca dao không biết nó “thuổng” được ở đâu: “Cúi đầu lạy chúa ba ngôi. Tôi lấy được vợ, tôi thôi... nhà thờ.” Và Dương cũng làm xong thủ tục trước mặt Cha, trước mặt Chúa: “Tôi xin nhận người con gái này làm vợ. Tôi xin nhận người đàn ông này làm chồng...” Khung cảnh trang nghiêm đến nỗi những thằng tinh nghịch nhất cũng không dám cười khúc khích.

Tiếng cầu kinh trầm lặng. Lạy Chúa chúng tôi vì dấu thánh giá, xin giữ chúng tôi, cho khỏi kẻ thù. Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần. Amen...

Đám cưới chỉ bật lên vui nhộn khi ra khỏi cái không khí âm u của nhà thờ, còn nồng mùi vôi, mùi cát mới xây cất đầu đường Trương Tấn Bửu. Một chuyến tàu âm ỉ đi ngang qua. Người đứng trên tàu còn giơ tay vẫy như chúc cho chú rể, cô dâu. Bà Phán hài lòng:

Còn hai chị đó. Dương coi có người bạn nào tử tế làm mai, làm mối cho vui cửa vui nhà.

Thôi mẹ ạ. Những thằng này là một lũ sa-tăng. Quí đã bắt mất linh hồn chúng nó rồi. Có thằng nào được như con đâu?

Tiếng nhao nhao lên cãi lại. Bố anh. Chưa chi đã lên mặt rồi. Nhưng mà thôi, tất cả những thằng chúng tao đây không có một thằng nào bằng được mày. Đồng ý lắm. Hăm hai tuổi đã dám làm một cuộc mạo hiểm ghê gớm là lấy vợ. Nhất mày rồi.

Đám cưới xong, Dương và Phượng ở một căn nhà ngoài căn cứ Không quân. Nhất định không cho vợ ở trong trại gia binh. Tuy rằng nếu ở trong trại, đỡ tốn cả ngàn bạc tiền mượn nhà, tiện việc đi làm, đi ăn. Nhưng Dương là một thằng chúa gàn. Nó bảo tôi:

- Mày thử nhìn lại Phượng. Một người như vậy mà để chung chạ với vợ mấy thằng quân bò đá, mấy thằng đội lô-can, thì chịu sao nổi. Tao với mày còn lạ gì cái trại gia binh...

Tôi thở một hơi thật dài. Tôi nghĩ đến thằng quân bò đá. Trong một ngày lễ lớn, dân địa phương có nhĩa tặng anh em một con bò để liên hoan. Cả một lũ bao nhiêu thằng xúm lại mà không quật nổi con bò ngã,

để trói bốn cái cẳng lại, chọc tiết. Thằng quân già đứng ngoài chề bai:

- Một lũ ăn hại. Lui ra hết. Một mình tao cũng đủ hạ con bò này.

Và hắn xông vào ôm lấy hai cẳng bò.

Chắc là vì thấy nhột ở hai cẳng, nên con bò đá về đằng sau một phát, trúng ngay cái chỗ chứa nước tiểu của thằng quân già. Nó ôm lấy bụng dưới, la lên có một tiếng rồi lịm đi, phải bơi hết cả một lọ dầu cù là mới tỉnh. Từ đó, tên nó là quân Bò Đá. Tên Bò Đá được đặt ra, không có lời khiêu nại.

Còn mấy thằng đội lô-can. Những ngày buồn tôi và Dương hay lang thang vào trại gia binh. Chỉ cần vài ba chuyện nhỏ cũng đủ cãi nhau, nhiều khi đưa đến đổ máu. Đổ nước để chảy qua nhà nhau, rút trộm của nhau vài thanh củi là đủ ầm ĩ cả xóm. Tôi đã chứng kiến một vụ mất vịt mà cứ nghĩ lại, là thấy ghê sợ. Thằng mất vịt đi cùng trại, từ dãy A đến dãy L. Con vợ nó quang quác cái mồm nói đồng

Tìm kiếm cái gì nữa. Có tìm thì tìm mớ lông...

Con vịt đã biệt vô âm tín. Thằng mất vịt tới lúc tức quá, về lấy con dao, đưa ngón tay ra: Phập. Một nửa đốt ngón tay có dính tí móng, văng ra ngoài. Không cần phải băng bó, nó giơ ngón tay, máu nhỏ rờn rờn đi khắp trại:

- Cái tay tao, tao còn không sợ nữa là cái cổ chúng mày.

Đó hình ảnh về trại gia binh. Phượng, người con

*gái hoa khôi trường Trưng Vương, của người chuyên viên thông minh nhất trường 721, lên bảng danh dự hoài hoài, đâu có thể ở nơi đó được. Tôi đồng ý với Dương. Nhưng thật thương cho bạn... Tôi hỏi:*

*Chuyện cơm áo có vất vả lắm không?*

*Cũng đều đều... Ngày hai bữa ăn và một giấc ngủ.*

*Tôi cũng muốn đem chuyện tương lai tối mù mù ra hăm dọa Dương, nhưng nghĩ đi, nghĩ lại, thấy không nên. Hai đứa chúng nó đang yêu nhau. Có ích gì khi nói đến chuyện xa xăm. Nhìn Dương bây giờ, tôi không còn nhớ tới Dương ngày xưa, đi những đường tango lả lướt dưới ánh đèn màu đỏ, mù khói thuốc lá. Phượng thì vẫn hồn nhiên, tươi trẻ. Bước chân sáo vẫn nhảy từ bếp lên nhà, vừa bày mấy cái chén ăn cơm lên bàn vừa hát: “Ngày ấy, có anh đi nhẹ vào đời, và mang theo...” Tiếng hát từ nhà xuống bếp. Tiếng ca chợt tắt...*

*- Anh hỏi xem anh ấy có ăn cơm cùng với tụi mình không?*

*Tôi hỏi lại:*

*- Cơm có gì ăn không, chị Phượng?*

*Bước chân sáo lại đi lên nhà... Phượng lấy cái muống gõ vào chén. Có cá kho này. Phượng mà kho cá với tương, ăn vào tuyệt lắm. Cá kho dờ, cho thật nhiều nước, nước cá kho để chấm rau, ngon lắm... Phượng mà làm bếp thì anh khỏi chê. Dương bĩu môi:*

*Thôi đi bà nội, xuống bếp coi nồi cá, không khét hết bây giờ. Ở đây mà khen mình mãi.*

*Phượng hin hin hai cánh mũi. Ồ, có mùi khét thật. Phượng ù té chạy xuống bếp, cười giòn giã.*

*Cầu trời cho Phượng và Dương cứ sống hạnh phúc như thế này mãi. Dương ơi, tao thêm hạnh phúc của mày. Tại sao cứ phải tìm hạnh phúc ở đâu xa. Hạnh phúc là gì? Chỉ là nổi cá kho với tiếng cười vang lên từ trong bếp và đừng bao giờ không có tiếng cười.*

*Hạnh phúc ở với Dương mười năm. Trong mười năm ấy, chất hào hoa cứ dần dần bay mất, nhưng Dương đâu cần. Dương gom góp từng cái thùng gỗ, từng miếng ván, đóng từng cái tủ cái giường, cái bàn học cho con. Bàn của Dương vẫn khéo léo như thuở nào. Cửa một đường thẳng bằng. Đóng cái đỉnh sâu vào trong gỗ. Những phát cọ quét sơn rất đều tay. Tất cả những cái khéo tay ấy, Dương tạo thành hạnh phúc gia đình.*

*Thằng Long, con Ly, con Quy đã lớn. Phượng đã là mẹ ba đứa con. Năm nay nàng hăm bảy tuổi. Buổi tối, dưới ánh đèn, tóc Phượng buông dài, vẫn thấy phảng phất không khí liêu trai. Dương ngồi dạy thằng Long học. Con Ly, con Quy ngồi nghịch những thứ đồ chơi nho nhỏ...*

*- Long là gì hả bố?*

*- Long là con rồng. Bốn mẹ con của Long là bốn thứ linh thiêng cao quý: long, ly, quy, phượng. Chỉ có bố là bé nhất nhà.*

*Thế bố là con gì?*

*Bố í à ? Bố là con dê. Dương là con dê.*

*Con Ly nháy phốc lên lưng bố. Bố là con dê, bố phải để cho người ta cười chứ. Bố bò đi... Bố phải đi bằng bốn chân như con Tô tô. Bố là con dê mà. Phượng mắng con:*

*- Đừng có hỗn. Để cho bố nghỉ. Mai bố còn phải gác.*

*Con Ly xịu mặt, tụt xuống khỏi lưng con dê già. Cái lưng càng ngày càng còng xuống còm côi. Cái thông minh như cùn, như mòn, như rỉ đi. Phượng đuổi cả lũ con lên giường bắt nhắm mắt lại. Rồi chỉ vài phút sau, cái ngủ đã tới với trẻ thơ thiên thần. Phượng tới ngồi bên Dương:*

*- Anh ạ, làm sao có tiền trả cho chị Tư? Bữa nọ thằng Long đau, chị ta cho mượn tiền mua thuốc đấy.*

*- Thế tiền lương hết rồi sao?*

*- Thì anh tính, có hơn mười ngàn thì phải tiêu bao nhiêu thứ. Tháng này mà không trả tiền điện câu nhà bà Ba, bà ấy cúp điện đấy. Anh làm sao chứ cứ sống như thế này, khổ quá.*

*Dương kéo một hơi dài thuốc quân tiếp vụ. Ngọn đèn vàng như ngọn đèn nhà ga Lyon. Nếu có tiền mua một chiếc xe gắn máy Dương cũng dám mặt dày mày dạn, đi chở Mèo kiếm thêm chút đỉnh tiền. Ngoài trời, tiếng phi cơ bay trong không gian màu tím, đôi ánh đèn bên cánh lập lòe chớp tắt. Tiếng Phượng thì thầm:*

*- Hay anh để em đi làm?*

*Dương thở dài:*

*- Em đi làm? Nhưng làm ở đâu? Anh chỉ thích cho*

em làm cô giáo. Nhưng làm công chức thì tiền lương không đủ để trả người làm, mà con cái vẫn nhem nhếch. Muốn có nhiều lương thì chỉ có cách làm cho Mỹ mà em đi làm cho Mỹ là điều mà anh không muốn. Chúng mình cứ sống thử như thế này một thời gian nữa xem sao.

Một tiếng nổ thật gần... Sỏi đá chạy trên mái nhà lóc cóc. Chiếc đèn chao đi rồi sáng lập lòe. Lại có pháo kích rồi. Lũ trẻ con giật mình, thức dậy khóc vang nhà. Con Ly, con Quy chạy vội ra ôm chặt lấy mẹ. Dương ẵm thằng Long vào lòng. Em ơi, ngồi sát lại gần đây. Có chết thì chúng mình cùng chết cả. Thà chết một đồng còn hơn sống một người. Tiếng của Phượng.

- Giá có tiền làm cái hầm cũng yên chí.

Tiếng ầm ầm lại vang lên. Ở xa, ở gần... Tiền ăn còn không có, làm chi có tiền mua bao, mua cát làm hầm. Trong một giây chán đời, Dương muốn một trái rốc kết rớt đúng căn nhà này, tan xác chúng ta, để sống ở một nơi chỉ có tình yêu mà không có chiến tranh.

Đêm hôm đó, Dương và Phượng nói chuyện gần tới sáng. Vài hôm sau đã thấy Phượng đi làm ở một nơi to lắm, lớn lắm, mỗi lần đi vào, đi ra phải khám ví, khám xác tay, khám cả người. Vài tháng sau, đã thấy Dương đi xe Honda.

Nếu cuộc đời cứ đẹp như ở trong tiểu thuyết thì câu chuyện chấm dứt ở đây cũng được. Không cần phải viết đoạn kết. Nhưng chuyện thực của Dương và

*Phượng không phải như vậy. Câu chuyện về cuối, càng nhìn càng nghe càng thấy ghen ngào bi thảm.*

*Tôi thương Dương quá. Thương cả Phượng nữa. Những éo le, bất trắc có bao giờ buông tha số phận con người. Một buổi sáng trời còn lạnh mù sương, Dương đi làm chở theo thằng cháu Long. Tôi hỏi:*

*- Sao không để cháu ở nhà? Đánh thức nó dậy sớm quá như vậy, rồi mang vào đây làm gì?*

*Chúng tôi, những thằng lính già, gần như đã hết cả tuổi thanh niên cho quân đội, đã có nhiều giây phút chán ngấy. Đã thế rằng không bao giờ cho con vào trại lính, để nhìn cuộc đời khốn nạn của thằng bố nó. Bây giờ Dương đã phá lệ.*

*- Nó đi học buổi chiều. Buổi sáng phải đưa nó vào đây chứ để ở nhà, lo lắm. Tôi ngạc nhiên:*

*- Thế mẹ nó đâu? Các em nó đâu?*

*Dương thần thờ nhìn ra không gian mênh mông. Nắng buổi sáng soi rõ cả những hạt sương đọng trên cửa kính buồng lái phi cơ. Một tiếng thở dài. Phượng bỏ tao rồi, Phượng đi lấy Mỹ rồi. Nó mang theo cả hai đứa con gái. Tao hối tiếc đã để cho nó đi làm. Rồi Dương kết luận:*

*- Lỗi tại tao. Tất cả tội lỗi là tại tao.*

*Chỉ nói được có mấy câu ấy rồi Dương khóc. Tôi cứ nghĩ rằng nhìn người đàn ông khóc, chắc tức cười lắm. Nhưng bây giờ tôi không dám cười. Có gì để cười được nữa. Thôi, Dương ơi. Trong lúc cái chiến tranh này đã cướp đi của chúng ta một nửa quê hương, làm cả cái*

*xã hội này thối nát, mà chỉ mất có một tình yêu. Tôi trải lại tấm vải phủ giường trực:*

*- Thôi mày nằm xuống đây, nghỉ đi. Chắc là đêm qua mày không ngủ. Trông mày tang thương lắm. Còn Long ra ngoài này với bác.*

*Thằng cháu Long lủi thủi theo tôi ra. Hôm nay không có chiếc phi cơ nào làm kiểm kỳ. Căn nhà hăng-ga không có máy bay trông thật cao, thật rộng. Thấy nhiều thứ lạ, cháu Long ríu rít hỏi tôi, nhưng tiếng cháu bị át đi vì tiếng phi cơ quay máy và cất cánh ở đầu phi đạo. Tôi ngọt ngào:*

*- Thôi, không hỏi nữa. Lấy sách ra ngồi vào bàn kia học bài. Sắp sửa thi vào đệ thất rồi, phải cố mà học chứ không thi đậu vào đệ thất trường tư thực thì thật ê mặt,*

*Thằng cháu chỉ ngồi một lúc rồi tung tăng chạy nhảy. Cứ ngày nào cũng vậy, bóng dáng hai bố con Dương lại cò mò, âm thầm đưa nhau vào hăng-ga đánh đầy dầu mỡ. Cho tới một hôm...*

*Những ngày cuối năm, trời thường đẹp. Nắng thì dịu và gió thật mát. Nhất là ở nơi đây, có nhiều trời, nhiều nắng và nhiều gió. Cháu Long chơi ở đây lâu quá rồi cũng chán. Dương thì bận lo cho mấy chiếc tàu bay xuất xưởng.*

*Công việc làm không kịp thở. Cháu Long đi ra ngoài hàng rào kẽm gai, hái mấy bông hoa dại đủ màu, cầm trên tay tung tăng chạy nhảy. Một con bướm đậu vào một bông hoa, Long rón rén bước tới. Con bướm đậu*

rồi lại bay, dẫn dắt Long đi như một sứ giả thiên thần mà Long thường nghe bố kể trong đêm... Thiên sứ Gabriel cũng có đôi cánh trắng, xuống trần gian để báo tin lành. Nhưng con bướm không đưa Long vào cửa nhà trời, mà đã đưa Long lạc vào bãi mìn...

Một tiếng la thất thanh vang lên rồi loảng ra. Bao nhiêu gót giày chạy rầm rập về phía hàng rào kẽm gai. Tiếng của Dương hốt hoảng: “Long ơi! Đứng yên! Đừng có chạy!” Cháu Long bừng tỉnh giấc mơ thần, nhìn chung quanh lối nhỏ một đám đông, dưới chân nhú lên những đầu củ hành lớn đen thui. Cháu Long khóc òa lên, nhưng tiếng khóc lẫn vào tiếng ồn ào, tiếng động cơ và tiếng đập của con tim. Tiếng bàn tán xôn xao:

- Lên phòng an ninh mượn bản đồ bãi mìn.

- Ai người ta cho mượn. Với lại khi thiết trí xong thì bản đồ phải thủ tiêu ngay chứ ai còn để làm gì?

- Vậy thì làm sao bây giờ?

Trông Dương bây giờ thật là thảm hại. Hết chạy ra lại chạy vào, luôn mồm kêu khổ. Nắng mười giờ nóng cháy lưng. Tôi nhắc ống điện thoại gọi tới phòng Hành quân. Và tôi nắm thật chặt tay Dương.

Một chiếc trực thăng rà tới. Cánh quạt quay chậm, thận trọng. Chỉ sợ bên dưới gạch đá bay tung. Con chim sắt lơ lững bình thản. Một cái thang dây thông xuống. Một bàn chân đặt lên chiếc thang đóng đưa nguy hiểm. Chiếc phi cơ lắc lư, tôi nhìn rõ khuôn mặt người phi công nhìn xuống, đầy chất trầm tư lo lắng.

Bàn tay người cơ khí viên phi hành làm dấu hiệu cho thang xuống thấp. Rồi bàn tay ấy nắm lấy cánh tay gầy guộc, nhỏ xíu của cháu Long kéo lên. Cả trăm người reo lên mừng rỡ khi cháu được thả xuống. Dương chạy lại ôm lấy con, nước mắt chảy đầm đìa.

- Em ơi! Phượng ơi!

Tôi biết rằng Dương muốn nhắc tới ngày xưa, ngày mà tình Dương và Phượng còn đẹp, xứ sở này chưa đi vào cuộc chiến tranh rách nát. Rồi tất cả lại rơi vào tịch mịch, chỉ còn tiếng nghẹn ngào...

Buổi chiều hôm ấy, hai cha con đưa nhau vào nhà thờ. Đã lâu lắm, Dương mới tìm lại nơi đây. Cũng vẫn là cảnh xưa như ngày cưới. Vì là một ngày thường nên nhà thờ thật vắng. Dương nghe thấy cả tiếng riu rít của đàn chim sẻ. Dương kéo cháu Long quỳ xuống. Cả hai cầu nguyện cho một người hồi tâm trở về. Rồi Dương gục xuống chỗ thanh gỗ để tay. Một tiếng động nhỏ. Dương ngẩng đầu lên và thấy một bóng áo đen sừng sững.

- Thừa cha, con khổ quá.

Một bàn tay nắm lấy tay Dương:

- Con hãy nhìn lên Chúa và than thở với Chúa, người đã từng chịu đau khổ hơn con.

# DƯƠNG NGHIỄM MẬU

**D**ương Nghiễm Mậu là một tác giả độc đáo. Độc đáo thì quý; nhưng lắm khi cũng là cái rắc rối cho mình. Chẳng hạn nó làm cho mình không được chấp nhận dễ dàng. Thiên truyện ngắn đầu tay ông gửi đến một tòa soạn ở Sài Gòn bị vứt vào sọt rác. Tình cờ Mai Thảo bắt gặp, nhặt lên, đọc thử, và phát giác ra một tài năng. Mai Thảo thuật lại câu chuyện này (Tạp chí *Văn*, California, số tháng 12/1984) mà không nói rõ chuyện xảy ra vào năm nào.

Một thời gian sau – chắc là khá lâu sau khi truyện ông đã được đăng trên các tạp chí danh tiếng, đã đủ nhiều để có thể gom thành tập, Dương Nghiễm Mậu cho xuất bản cuốn *Cũng đành*. Bấy giờ là năm 1963. Cả tháng trời sách chỉ bán được hai chục cuốn: vẫn chưa được độc giả chấp nhận (Tạp chí *Đời*, Sài Gòn, số 57, ngày 5/11/1970).

Dương Nghiễm Mậu không nhượng bộ. Ông cứ giữ nguyên các nét độc đáo. Ông phát triển nó thêm

lên để thỉnh thoảng nó thành ra một sự kỳ cục hân hoan. Và bấy giờ độc giả lại nhượng bộ ông, lại chấp nhận ông mỗi ngày một đông đảo. Năm 1963 và 1964, mỗi năm ông có một tác phẩm xuất bản (*Cũng đành, Gia tài người mẹ*). Năm 1965, hai tác phẩm (*Đêm, Đôi mắt trên trời*). Năm 1966, ba tác phẩm (*Tuổi nước độc, Đêm tóc rối, Sợi tóc tìm thấy*). Năm 1967, hai tác phẩm (*Phấn đấu, Nhan sắc*). Năm 1968, ba tác phẩm (*Kinh cầu nguyện, Ngày lạ, Gào thét*). Sau Mậu Thân, việc xuất bản sách sáng tác nói chung bị ngưng trệ. Mặc dù vậy, sách Dương Nghiễm Mậu vẫn tiếp tục xuất hiện trên thị trường, lai rai, gần như năm nào cũng có cuốn mới.

Dần dà, lắm người như không còn để ý, như sắp quên rằng Dương Nghiễm Mậu vẫn cứ là một tác giả độc đáo, trước sau không giống ai.

Mai Thảo còn nhận thấy Dương Nghiễm Mậu không đi với ai. Tức là đi một mình. Là ưa độc lập.

Viết truyện, bắt đầu đăng trên *Sáng Tạo* của Mai Thảo; rồi làm báo *Văn Nghệ* cùng với Lý Hoàng Phong, xuất bản sách ở nhà Văn Xã cùng với Lý Hoàng Phong, v.v., nhưng ông không thuộc về nhóm nào, cánh nào cả. Mai Thảo bảo đó là “một người viết mới, tuy cùng một lên đường với bằng hữu nhưng độc lập, tách biệt, như đi một mình trên một đường riêng” (Tập chí đã dẫn).

Đi một mình có thể là chuyện bản tính mỗi người, dù bản tính ấy không khỏi phản ánh trong văn chương. Biết được thì hay; chưa biết, hãy hướm, không vội gì. Còn cái viết không giống ai, về cái ấy Dương Nghiễm Mậu đặt vấn đề với chúng ta.

Trước, hãy xem ý định viết văn của ông là thế nào. Ông bảo: “Cố gắng của tôi là ghi lại những gì đã thấy, đã cảm, đã nghĩ. Tôi viết ra những điều đó và gửi tới người cùng thời.” (*Gia tài người mẹ*. Thay lời bạt).

“Ghi lại những gì đã thấy”: Chúng nhân thời đại đây. “Những gì tôi đã cảm đã nghĩ, gửi tới người cùng thời.” Sứ điệp văn nghệ rồi đấy.

Nói một cách tổng quát, ông đã thấy những gì nào?

“Tôi cũng như anh, những người mới hơn hai mươi tuổi, trong hơn hai mươi năm trời ấy chúng ta đã sống như thế nào trong hoàn cảnh của lịch sử mà dân tộc ta đã trải qua từ nô lệ, cách mạng, tương tranh, chia cắt... cả một cơn lốc bi thảm đã xoáy lấy cuộc sống với lửa đạn, đói khát, chết chóc...” (Sđd).

Ồ, thế thì đã rõ: Ông không thấy, và cảm, và nghĩ về những đêm ngà ngọc, về vòng tay học trò, về những cái có thể làm ta tạm lãng quên đời. Ông chuyên về cái bi thảm.

Một người bạn thắc mắc: “Sao lại viết những điều ấy ra cho một mình, một người. Sao không viết những gì vui tươi êm ấm hạnh phúc.” (Sđd) – Ờ hay, khéo hỏi kỳ cục. Bộ muốn viết gì thì viết sao?

Mỗi người có một xu hướng cảm nghĩ. Đối với ông, “những điều trông thấy” chỉ toàn là những điều “làm đau đớn lòng”. Chỉ có những cái ấy nó ám ảnh ông. Những trang sách viết về những cái ấy gần như không phải là truyện của ai khác mà “đã trở thành những trang tâm bút” của chính ông.

Đến đây tưởng chừng chưa thấy xuất lộ ở đâu một nét riêng của Dương Nghiễm Mậu. Xung quanh ông không thiếu các chứng nhân lịch sử tự nguyện? không thiếu sự hăm hở gửi thông điệp. Và thái độ nghiêng về sự đau thương, về các thành phần thấp, kém may mắn trong xã hội cũng đâu có hiếm?

Tuy vậy, một người tinh tế như Đặng Tiến đã vượt quá lời tự phán của tác giả để bắt gặp cái độc đáo mà ông rất tán thưởng ở Dương Nghiễm Mậu. Đặng Tiến cho rằng Dương Nghiễm Mậu có thể cùng viết về những điều người khác viết, mà vẫn không giống người khác. “Tất cả các nhân vật của Dương Nghiễm Mậu đều nghèo túng. Xã hội của Dương Nghiễm Mậu là một xã hội bị chiến tranh tàn phá, ở đâu cũng còn vết tích của rạn vỡ: trong thành phố, trên cơ thể, trong tâm hồn. Một xã hội con lạc cha, vợ lạc chồng, anh em hăm hè nhau như hổ đói, người với người xem nhau như súc vật. Nhưng truyện của Dương Nghiễm Mậu không phải là truyện xã hội.”

Ông Đặng nhắc đi nhắc lại: “Vấn đề đặt ra ở đây, không phải là làm thế nào mang lại cơm áo cho những người đói rách (như thế, *Cũng đành* sẽ trở

thành một tác phẩm xã hội) nhưng vấn đề là tạo ra trong mỗi người đang đói rách một ý thức về những giá trị siêu việt trầm tích trong tâm hồn họ”. Rồi “Vấn đề ở đây là một vấn đề siêu hình, thuộc về định mệnh.”

Bài viết này đăng trên tạp chí *Bách khoa* số 154 ra ngày 1/6/1963, khi *Cũng đành* vừa xuất bản và bán suốt tháng chỉ vài chục cuốn. Ngay lúc Dương Nghiễm Mậu chưa thu phục được quần chúng, ông Đặng đã quả quyết: “*Cũng đành* là một tập truyện ngắn nghiêm trang, một tác phẩm nhất trí, một việc làm đúng đắn.”

Người đời thường nói về giới nghèo khổ là để tố cáo sự bất công, để kêu gọi giành quyền lợi cho giới nghèo, cải cách xã hội, v.v. Dương Nghiễm Mậu không làm như người ta thường làm. Ông khác biệt về ý hướng. Đó là sự khác biệt trong nội dung tác phẩm.

Về kỹ thuật sáng tác, Dương Nghiễm Mậu cũng tự tìm cho mình những điều mới mẻ.

Chẳng hạn về vấn đề nhân vật, địa danh, thời điểm, v.v. trong truyện. Thiên truyện đầu tiên mà Mai Thảo bắt được trong sọt rác, ấy là truyện “Rượu, chưa đủ!” Chuyện xảy ra ở một thành phố; thành phố nào vậy? Nhân vật chính thường ngày đến công viên, gặp người này người nọ, làm chuyện này chuyện kia, v.v.; công viên nào vậy? Tác giả không thèm đặt cho những nơi chốn đó lấy một cái tên.

“Cũng đành” là tên thiên truyện quan trọng, mà tác giả đã lấy làm cái tên chung cho cuốn sách đầu tay của mình. Trong đó có cô gái, nhân vật thân cận duy nhất của “tôi”, cô đã ăn nằm với “tôi” trong một thời gian; cô gái ấy tên gì vậy? Cũng không có tên nữa.

Lúc bấy giờ là buổi đầu của Dương Nghiễm Mậu, ông có thái độ dè dặt. Về sau có thời kỳ ông quả quyết, ông triệt để hẳn. Trong cuốn *Gia tài người mẹ*, thì người mẹ là chính. Bà tên gì vậy? Không biết. Thế bà con, hàng xóm láng giềng, kẻ thân người sơ gọi bà là bà gì? Bà Năm? Mợ Bảy? Thím Mười? Không có ai gọi gì cả. Quê bà ở nơi nào? Đại khái tỉnh nào? Miền nào? Không biết. Bà mẹ có hai đời chồng, đời chồng đầu không tên mà đời chồng cuối cũng không có tên luôn! Ấy là chỉ nói về những nhân vật then chốt, còn bao nhiêu nhân vật phụ thì... cần vắn lăm chi cho rắc rối.

*Quê người* là một tập truyện gồm năm truyện. Trong tất cả các truyện, hầu hết nhân vật đều không có tên, chuyện xảy ra đều không biết ở nơi nào, không biết ở thời gian nào.

Lại chẳng hạn vấn đề kỹ thuật kể truyện. Thường thường là các chuyện đều do “tôi” kể. Tôi là nhân vật này, rồi tôi lại là nhân vật khác. Trong truyện có bà mẹ, có anh con lớn, có cậu con bé, có cô con út, v.v.. Tất cả đều là tôi. Mẹ là tôi xong, đến con lớn là tôi, cô út là tôi, cậu bé là tôi..., cứ thế xen nhau rào rào.

Trong truyện có năm người bạn; người nào cũng là tôi cả.

Lại chẳng hạn...

Nhưng có lẽ không nên kể mãi như thế. Nếu cứ liệt kê các chỗ “kỳ quặc” ra, nếu vậy sẽ gây cảm tưởng là ta tố khổ, ta kể xấu Dương Nghiễm Mậu, ta muốn mô tả ông như một kẻ lập dị lố lăng. Muốn thế không phải cách. Chắc chắn mỗi điều ông làm đều có lý do của nó.

Hãy thử tìm hiểu.

Chủ đích trước tác của Dương Nghiễm Mậu là gửi tới người cùng thời những gì mình cảm và nghĩ về cuộc sống trong hoàn cảnh của lịch sử mà dân tộc đã và đang trải qua.

Vậy đại khái ông muốn phát biểu về ý nghĩa cuộc sống và ý nghĩa cuộc chiến.

Cảm nghĩ về cuộc sống chung chung đã là vất vả rồi, huống hồ còn đi vào hoàn cảnh lịch sử của một thời đặc biệt rối rắm. Yếu tố quan trọng nhất của hoàn cảnh này là một cuộc chiến dai dẳng và dữ dội.

Trong cuốn *Cũng dành* của Dương Nghiễm Mậu, ông Đặng Tiến nhận thấy tất cả các nhân vật đều mồ côi, “từ nhân vật chính tới nhân vật phụ, từ truyện đầu đến truyện cuối.” Ông Đặng kêu: “Chúng ta bắt gặp một thời đại mồ côi”. (Bài báo đã dẫn). Thời đại, hoàn cảnh lịch sử: tẻ quá. Ngay ở thiên truyện đầu tay của ông Dương, các nhân vật đã bơ vơ tuyệt vọng: “Cuộc sống ngày nay mất đi những tham dự

của sức mạnh siêu hình mà người trước tin cần để sống. Nhưng có lẽ thái độ can đảm liều lĩnh ấy khiến cho chúng tôi đau đớn hơn. Chúng tôi không thể đổ lỗi cho ai được khi chúng tôi tự cho mình là Thượng đế” (“Rượu, chưa đủ”). Và “Có nhiều người tạo ra những ràng buộc với mình để sống, như ràng buộc với Thượng đế, với quê hương, với bốn phận, với tình yêu và máu mủ, nhưng tôi thì mất đi gần hết những thứ ấy, dù có muốn tạo ra cũng không sao có được” (“Rượu, chưa đủ”). Nhiều năm sau, trong cuốn *Con sâu*, nhân vật Quảng kêu: “Vì đâu tại sao tôi như con thú bị tên độc tê liệt trong đời sống, vô vọng trong thực tại, tiêu tan những mộng tưởng” (trang 24); nhân vật Ngưỡng đứng im đôi mắt mở lớn hiển lành nói với Quảng: “Tao hiểu mày, tao hiểu mày, tao hiểu nỗi vô vọng trong đời sống bọn mình.” (trang 199).

Lý do vì đâu “bọn mình” chịu thân phận vô vọng đó, các nhân vật *Gia tài người mẹ* có “hiểu”: Cha ông làm ra.

Bắt đầu, người mẹ là một nạn nhân lớn. Lốp ông của bà mẹ làm mất nước; cha của bà mẹ yêu nước nhưng không dám làm gì chỉ ngồi nhà dạy học. Trong đám học trò có kẻ dám làm, bà mẹ yêu kẻ sĩ khí phách ấy, bỏ nhà trốn theo chàng. Chàng thất bại trốn lánh, đổi tên họ, đáp lại mối tình người mẹ bằng cách cho người mẹ hai đứa con và một gia sản. Rồi bỏ vợ con, chàng cặp một nữ đồng chí, lại đi làm việc

nước. Lại thất bại, chết trong tù. Người mẹ bơ vơ ôm con về quê. Ông ngoại chết đã lâu, bà ngoại khuyên người mẹ tái giá để nuôi mấy đứa con của chị. Chị của người mẹ cũng yêu và làm vợ một chàng yêu nước. Chàng làm cách mạng, hoạt động ở chiến khu, rồi cũng thất bại, bị Việt minh săn đuổi, trốn về sống im lặng như cầm như diếc, rồi nghiện ngập, lấy vợ kế, ngày ngày nằm hút, sinh con sinh cái.<sup>1</sup> Giặc Pháp nó đánh tới, mọi người chạy tung chạy tóe, người nghiện ngai chạy. Thế là một tên lính tây đen xông vào nhà, nó giết phẳng người cách mạng, nó hiếp người mẹ.

“Hoàn cảnh lịch sử” để lại xung quanh người mẹ một tập thể đại loạn đại náo: bao nhiêu con cái ấy đủ gây nên một cuộc chiến tranh thảm khốc. Con đời chồng trước găm gù với con đời chồng sau, con người mẹ thù hận con người chị của mẹ, con nhà cách mạng căm thù con rơi của giặc, con người cha bị giết không thể tha thứ đứa con của kẻ giết cha mình... Trong đám con chất chứa oán hờn đau khổ ấy, có kẻ hần học bỏ nhà bỏ quê, có đứa biệt tích trong hoạt động vì tổ quốc, có đứa trốn dưới nách mẹ. Trong thực tế đã có những anh em huơ dao đòi giết nhau, có đứa đã treo cổ lên xà nhà tự tử. Đây là con.

Còn chồng, thì anh chồng mất mạng trong tù cũng như anh chồng mất mạng tại nhà đều lần lượt trách mắng, oán hờn người mẹ “phản bội”.

Duy còn người mẹ. Người mẹ thì thương tất cả: chồng nào cũng thương, con nào cũng thương. Người mẹ là một khối tình thương tinh ròng. Ngôi nhà của mẹ, người ta đã kéo tới bủa vây tranh giành. Còn lại làm gia tài, họa chỉ còn khối tình thương.

Một người trong các người con có một lối nói ngộ nghĩnh về số phận mình: “Tôi tự ý cho tôi như một con vật đã bị cạo sạch lông lá, tay chân bị trói chặt, được xiên vào một cây tre hơ vào đồng lửa đỏ dâng lên trong một cuộc tế thần. Tôi im lặng hứng chịu. Số phận tôi đã được nướng chín lên vàng nghếch thơm phức ngon lành. Đó là cuộc thiêu đốt hạnh phúc cho đau khổ ngự trị. Bao nhiêu hạnh phúc đã bị đốt cháy hun lửa.” (trang 89). Người đó không phải là người con bị quan nhất, tích tụ nhiều oán hận nhất đâu. Họ vậy vậy cả, khó phân biệt thấp cao.

Ý nghĩa cuộc chiến, cái đó cũng không hay ho gì hơn ý nghĩa cuộc sống.

Trong truyện “Ngày đón cây vú sữa” một cặp vợ chồng già có hai người con trai. Thằng hai làm lính ở quận, thằng tư đi theo “Giải phóng”. Thằng hai mời cha mẹ lên quận ở với mình, cha mẹ lo mất liên lạc với thằng tư. Trước sự phân vân của cha mẹ, thằng hai bảo hãy quên thằng tư đi, thời buổi này “anh em phải bịt mắt mà giết nhau” thôi. Giặc già kiểu này, kinh quá.

Trong *Con sâu*, một người lính nghĩ: “Nhập ngũ, đánh giặc, người ta nói tới những bốn phần, tôi vác súng ra trận và bắn như người ta nhắm tôi bắn vậy”. (trang 92) Một người lính khác bảo: “Tại sao nó đầu quân? Gặp Lực, tôi hỏi nó. Lực nói không biết, nó bỏ Di Linh về đây long rong, nằm với tao nhiều đêm trần trọc không ngủ. Nó buồn chuyện gì mà không nói. Tối một hôm nó nói nó đầu quân. Tao ngạc nhiên nói: điên sao. Nó nói tao phải làm một việc gì”. (trang 111) Rồi một người lính khác nữa: “Thanh nói ở dưới quê bây giờ không còn thanh niên nữa... phần đi lính, phần bị bắt đi bộ đội, ai cũng phải ở một bên, không muốn đi cũng không được, ở lại còn toàn đàn bà trẻ con, người già, ruộng vườn bỏ cả”... (trang 141)

Nhân vật này nói, nhân vật kia nói, v.v. Xong, đến lượt tác giả “cảm nghĩ”: “Có dân tộc nào phải đau khổ đến chừng đó không?” và “Tại sao bắn giết nhau mãi? Tại sao không ngừng tay súng? Những câu hỏi làm tôi lả đi, tôi ở trong đó, những câu trả lời không đến, có lẽ chỉ còn cái chết?” Những lời dồn dập này thốt lên vào đầu năm 1975, vào giai đoạn chót của chế độ Miền Nam, vào lúc tay đã với sờ tới cuộc sụp đổ của Sài Gòn. Bài báo “Quanh bàn viết” này của Dương Nghiễm Mậu xuất hiện trên số xuân tạp chí *Thời Tập*.

Như thế từ nhân vật đến tác giả cùng một giọng: Cuộc chiến này có nghĩa gì? Không biết. Chỉ biết nó

đang có đó, nó đang hoành hành ráo riết, và bất tận. Nó đang lôi cuốn mọi người vào cái chết. Vua kêu phải lính thì đi. Đi tất. Bên này hay bên kia, như nhau. Thượng đế không còn, thế hệ mồ côi này không tin vào đâu được, không biết hướng về đâu. Và thế hệ này của dân tộc này được tuyển để dẫn đầu tất cả thế gian về sự gánh chịu đau khổ.

Trước hoàn cảnh như vậy, Dương Nghiễm Mậu viết không phải viết chơi. Trong bài “Quanh bàn viết” vừa nói, ông có câu: “Văn chương có làm được gì không”? Nói thế tức ngầm ý cho rằng văn chương sinh ra có mục đích, không phải để chơi. Nó phải “làm”. Làm được gì hay không, sẽ xét sau. Nói thế tức là ông viết văn để chờ ý, viết truyện có luận đề.

Truyện luận đề thì Nhất Linh thuở đầu xanh tuổi trẻ cũng từng viết. Về sau kiểm điểm lại, ông cho vì đó ông phạm cái lầm lớn nhất trong đời văn sĩ của mình. Lầm không phải ở chỗ viết có luận đề, ở chỗ dùng tiểu thuyết để làm một việc gì, nhưng lầm là không biết rằng trước khi muốn dùng nó làm việc gì, trước hết nó phải là cuốn tiểu thuyết hay đã. Muốn nó hay (vẫn theo Nhất Linh) thì phải tìm kiếm chi tiết cho hay, phải cố viết cho đúng tâm lý, phải cho nhân vật được linh hoạt. (Xem *Viết và đọc tiểu thuyết*.)

Nhưng ơ hay, việc gì Dương Nghiễm Mậu phải

theo các qui luật Nhất Linh? Ông có chủ trương riêng có đường lối riêng, có cá tính riêng của ông chứ. Tính ông nóng nảy, sôi nổi. Ông cần nói gấp cảm nghĩ. Trước hết là cảm nghĩ, không phải là cái “hay”. Chi tiết chi tiết cái gì? Tên của nhân vật của địa điểm ông còn không kịp chú ý đến, hơi đâu tần mẩn mẩn mó từng cái chi tiết chứ hả? Tâm lý tâm lý cái gì? Nhân vật cần gì tâm lý, cần gì linh hoạt? Mỗi nhân vật tiêu biểu cho một cảnh huống, mỗi nhân vật là một biểu trưng. Người mẹ tức thị là tình thương. Tên của người mẹ là tình thương. Tâm lý của người mẹ là thương người. Con bé út của người mẹ là biểu trưng cho đế quốc, cho kẻ thù. Như thế không đủ sao? Tại sao nó cần phải linh hoạt? Nó không cần cá tính riêng: một màu da đen của nó, đủ rồi. Thêm thắt cho lắm vào, không khéo lại hỏng. Chẳng hạn cho con bé một khuôn mặt đầy vết rỗ đậu mùa, cho nó một cánh tay gãy vì tai nạn ấu thời, v.v., như thế có thể gây sự hiểu lầm rằng nó bị anh em và xóm giềng ghét bỏ vì nó xấu xí, chứ không phải chỉ vì tư cách biểu tượng đế quốc ác ôn.

Con gái út lên tiếng là nhân danh một tư cách. Cậu trai đầu nhân danh một tư cách khác, cậu trai thứ một cảnh huống khác; mỗi người một nghịch cảnh, một oan khiên. Mỗi người cất cái tiếng nói thích hợp với vị thế, với tình huống của mình. Đừng thêm thắt, đừng cá biệt hóa họ, làm họ mất tư cách đại diện. Họ không cần có đời tư, không cần có diện

mạo riêng, cá tính riêng, sở thích riêng, thậm chí một cái tên riêng lắm khi xét ra cũng chẳng cần thiết.

Những nhân vật ấy tất nhiên cực kỳ thảm não (nếu không thế, làm sao dân tộc chiếm được ngôi vị thứ nhất về đau khổ?). Dương Nghiễm Mậu là người sôi nổi, không ngại lời lẽ cực đoan; ông mà kể về đời sống, về tâm sự của đám nhân vật, tất phải nên chuyện gay cấn dữ dội. Nhưng lắm lần ông còn không chịu làm việc ấy. Như thế xét về kỹ thuật là chưa xứng đáng, là kém ép-phê. Ông trao lời cho nhân vật. Thế mới là diệu kế. Cũng giả sử như Lỗ Tấn không tự mình chép chính truyện mà nhường lời cho A Q. Như Vũ Trọng Phụng mời Xuân Tóc Đỏ chấp bút. Như Nam Cao thỉnh Chí Phèo với Thị Nở lên sân khấu, đưa máy vi âm tận mồm.

Kỹ thuật độc đáo ấy làm cho không khí trong tác phẩm Dương Nghiễm Mậu thật náo nhiệt. Mọi nhân vật đều lần lượt là “tôi”. Tôi này xỉ vả tôi nọ từng bưng, các tôi nguyên rửa hoàn cảnh lịch sử, nguyên rửa xã hội, nguyên rửa thời đại inh ỏi. Không có tác giả nào theo kịp nhân vật mình. Dương Nghiễm Mậu khôn ngoan lánh mặt, đứng phía sau, cười cười, hiền lành.

Kỹ thuật ấy, kể ra không khỏi có chỗ bất lợi. Nhân vật đứng đầu về đau khổ tất có khi không giữ được bình tĩnh, có khi khác đâm mất cả quân bình tâm trí. Trong *Con sâu* chẳng hạn, nhiều lúc một nhân vật nói làm xàm dòng dài không ra lý lẽ chuyện trò

gi. Thành thử lúc bấy giờ khi truyện còn đăng từng kỳ trên báo, có những độc giả bảo con sâu của ông Dương thuộc về loài sâu dài nhất thế giới. Kỳ thực, lúc in ra thành sách, sách chỉ được vài trăm trang chứ bao nhiêu. Dài là do cái cảm tưởng của người độc giả một mội.

Sống ở Sài Gòn từ ngày di cư vào Nam cho đến khi hoàn tất sự nghiệp văn nghệ bề bộn của mình, Dương Nghiễm Mậu sống như một hiền giả thuộc các thế kỷ trước ở nông thôn. Giới chỉ đạo văn hóa Miền Bắc mô tả Sài Gòn như một thế giới sa đọa, ngập ngụa tội lỗi. Dương Nghiễm Mậu chưa hề được hướng dẫn để biết về cái Sài Gòn ấy.

Miền Nam sụp đổ, Dương Nghiễm Mậu bị bắt vào tù. Ngày được thả ra từ trại Phan Đăng Lưu, buổi sáng, ông Dương không có đồng tiền nào trong túi, Nhã Ca còn được năm đồng. Bà Nhã có người nhà đến đón về, ông Dương không có ai. Bà Nhã đưa cả năm đồng cho ông để đi xe. Ông cười lớn: “Anh là ông vua đi bộ ở Sài Gòn, cần gì xe cộ nữa”. Và ông ung dung vào quán gần đó, dùng năm đồng bạc của Nhã Ca uống một cốc cà-phê trước khi lên đường.

“Vua đi bộ”? Thật chẳng? Ông Dương được phong vương hồi nào vậy cà? Hay ông nói giỡn cho vui? – Không phải giỡn. Câu chuyện trước trại Phan Đăng Lưu là do Mai Thảo thuật lại trên số báo *Văn* đã dẫn. Trước đó, trước ngày sụp đổ Miền Nam không bao lâu, trong một bài “Quanh bàn viết” trên báo *Thời*

*Tập*, Dương Nghiễm Mậu xác nhận mình không biết đi một thứ xe nào cả. Ông tóm tắt cuộc sống của mình: “Như đời sống một nông dân, buổi sáng thức dậy sớm, nấu cơm ăn trước khi đi làm. Tôi không biết đi một thứ xe gì, tôi di chuyển bằng những phương tiện chuyên chở công cộng và đi bộ... Mỗi ngày tới nơi làm việc, thỉnh thoảng đi thăm một người bạn, uống một chai bia, ghé một phòng triển lãm nào đó, lang thang trong những tiệm sách, nơi lễ đường... Những buổi chiều cơn mưa ập xuống tự pha cho mình một ly cà-phê nóng, những trang sách... đời sống của tôi thu hẹp lại trong những giới hạn ấy cùng với bàn viết mở ra những giấy, nơi tôi tìm thấy một niềm vui riêng”...

Trích dẫn như vậy, tôi định tò mò xía vào đời tư của ông đạo họ Phí chăng? – Không phải đâu. Vẫn chỉ là chuyện văn chương thôi. Từ Dương Nghiễm Mậu, chúng ta muốn có nhận xét tổng quát về đám người cùng huyết thống với ông, tức các nhân vật tiểu thuyết của ông. Đa số, họ thanh bạch, sống đời trong sạch, đều an bản lạc “đạo” như ông cả. Họ không sâm-banh sữa bò, không xe cộ xa hoa, không ăn chơi đàng điếm. Trong đời họ chỉ có lao khổ, trong đầu họ chỉ có chuyện nước non.

Trong truyện Dương Nghiễm Mậu thỉnh thoảng cũng có những bữa nhậu tới bò lê bò càng; nhưng là giữa bạn lính cùng sinh tử với nhau, là la-de, là quán nghèo vậy thôi. Trong truyện ông dĩ nhiên có vợ có

chồng, có sinh con đẻ cái theo lẽ tạo hóa; nhưng mê ly đủ đờn thì không có đâu. Những cô cậu nhân vật của Khái Hưng Nhất Linh trước kia, của Nguyễn Đình Toàn Mai Thảo sau này, mà bị bắt bỏ vào trong thế giới tiểu thuyết của Dương Nghiễm Mậu kể như bị đày ra Côn Lôn, bị vất vào sa mạc.

Đã không có ái tình ướm át thơ mộng, cái khung cảnh làm nền cho các hoạt động của nhân vật nó cũng khô khan nghèo nàn. Trong truyện Dương Nghiễm Mậu thiên nhiên vắng bóng luôn. Trong sách ông Dương không bông hoa, gió trăng, không có chiều trên sông, rặng đông ngoài bãi, nắng ủng bìa rừng, v.v. Cảnh vật không được như trong sách Thanh Tâm Tuyền, sách Nguyễn Đình Toàn, thậm chí còn thua cả trong sách thiển sử Nhất Hạnh. *Tam quốc chí* là chuyện giặc giã đánh giết nhau liên miên, vậy mà còn có đêm trăng đẹp để cho Tào Tháo mần thơ để đời, còn có gái đẹp cho trai hùng ve vãn, có Lã Bố hí Điêu Thuyền. Nhân vật Dương Nghiễm Mậu không ai “hí” ai cả. Không hú không hí gì ráo trọi.

Trong một thời đại mồ côi, những nhân vật khắc khổ loay hoay giữa khung cảnh trống rỗng, tuyệt vọng trong sự tìm kiếm một lối thoát. Trong thế giới Vũ Khắc Khoan có rượu ngon gái đẹp, có lời lẽ hoa hòe, cái khốc liệt sao bằng ở Dương Nghiễm Mậu, mặc dù họ Vũ chuộng người khốc liệt.

Độc Dương Nghiễm Mậu trước 1975, kẻ ưu thời mẫn thế không sao tránh được sự lo lắng. E rằng tin tức cả đài truyền thanh lẫn đài truyền hình chính phủ cũng không sao an ủi nổi người độc giả Dương Nghiễm Mậu.

Nghe nói Nguyễn Hiến Lê đọc xong *Má hồng* của Đỗ Tiến Đức thì cho rằng Miền Nam sẽ đổ vỡ trong vòng mười năm. Ông Nguyễn mà chạm mặt các nhân vật Dương Nghiễm Mậu chắc chắn ông sẽ rút thời hạn đổ vỡ ngắn hơn nhiều.

Lỗi không ở Dương Nghiễm Mậu: người dân và người lính đều tội bởi khổ sở mà không biết do đâu, đều tuyệt vọng vì chết chóc liên miên mà không biết vì sao phải bắn giết nhau; như thế đâu phải lỗi của một nhà văn gửi lăm sù điệp! Chẳng qua là cái khó của thứ chiến tranh “ý thức hệ”. Làm sao quần chúng có thể sốt sắng tham gia vào cái thứ chiến tranh kỳ cục như vậy? Rủ nhau đi đánh cộng sản vì tội nó độc tài lắm, tội nó mà kéo tới đây được thì tha hồ độc tài khát máu, tha hồ mất tự do, dân chủ, v.v. Nói thế làm sao rủ rê ai được? Phàm người ta có liều chết chống độc tài là chống đối cái độc tài hiện đang đè lên đầu mình, hiện đang áp chế mình; chứ có ai lại liều chết đi chống một chế độ “sẽ” độc tài, một chế độ nó chỉ mới đe dọa từ xa thôi! Mất dân chủ, tước đoạt tự do thì ức thật. Nhưng ngay lúc bấy giờ người dân chỉ thấy chính nhà cầm quyền đang hạn chế tự do dân chủ của mình chứ còn ai nữa? Muốn tranh đấu đòi

tự do dân chủ thì kéo nhau lên Sài Gòn biểu tình đòi thôi. Còn cộng sản thì còn xa. Nó có thể “sẽ” chuyên chính; nhưng đó là chuyện “hạ hồi”, tại sao phải tức khắc xông vào nó lúc này cho toi mạng? Đâu phải dễ như đi biểu tình?

Dương Nghiễm Mậu là cây bút có lương tâm. Quyết nói lên trung thực những gì mình nghe thấy, tức là những oan khiên của thời đại. Việc ông làm, ngay lúc bấy giờ, không khỏi có người kêu: “Biết rồi. Khổ lắm. Nói mãi. Nhưng không tiếp tục đánh nhau thì bó tay chịu mất nước à?” Rồi sau khi mất nước, nhìn lại việc ông làm, không khỏi lại có kẻ kêu: “Thấy chưa? Than vãn, kêu ca cho lắm vào. Khiến dân mất cả tinh thần, làm sao tránh khỏi nông nổi này?”

Kẻ nói qua người nói lại, oan cho ông Dương. Ông đâu muốn vậy? Nhưng sự thể đã vậy thì... “cũng đành” thôi. Ông đã hòa đồng với dân chúng, phản ánh trung thực đời sống và cảm nghĩ quanh mình. Lại phản ánh cách độc đáo nữa, thì... bất diệc lạc hồ!

8/1996

---

### Chú thích

1 Dương Nghiễm Mậu có một truyện ngắn đăng ở tạp chí *Vấn Đề* số 44, tháng 3/1971, tại Sài Gòn. Truyện nhan đề là “Qua đêm”, cốt truyện có những chỗ giống với câu chuyện về người chồng thứ hai của người mẹ (trong *Gia tài người mẹ*):

- Cũng ông nội là nông dân nghèo, tá điền;
- Cũng ông ngoại là nhà nho lỡ thời, từng đậu tú tài hai lần;
- Cũng ông ngoại ngồi nhà dạy học, thỉnh thoảng có đi “để đất” cho thiên hạ (tức là làm thầy địa lý tài tử, xem huyệt mộ).

# CÙNG ĐÀN H

*Tôi trốn đơn vị chạy về nằm ở Cổ thổ vào cuối mùa thu cùng với những cơn sốt rét cách nhật. Bà cô tôi thương xót mỗi ngày vào rừng nhặt những lá, rễ cây về nấu cho tôi uống nhưng vô hiệu nên nghĩ đến chuyện trở về Hà Nội. Ngày tôi rời Cổ thổ về Sơn Tây cô tôi gói cho một gói cơm trộn tám phần sẵn khô như củi, nhật nhèo. Cô tôi dặn về tìm một người quen ở đó giúp đỡ. Về tới nơi họ cũng không giúp đỡ được gì ngoài những bữa cơm sẵn ăn với rau tàu bay luộc chấm muối. Những cơn sốt lại hành hạ. Người ta không thể xin được giấy cho tôi. Nghe lời mách của người hàng xóm muốn cho khỏi sốt rét nên nuốt những con giun đất. Họ bảo có thể trị sốt rét được, không còn cách gì hơn, tôi muốn kiếm một con dao cùn và chiếc gáo dừa vỡ đi đào giun, những con giun dài xanh đỏ ứa nằm chỗ*

---

- Cũng người cha từng có hoạt động chính trị, nhưng không thuận với Việt minh. (Trong *Gia tài người mẹ* thì khi Việt minh nắm chính quyền, người cha im lặng sống như cái bóng, già câm điếc. Trong “Qua đêm” thì sau Genève người cha nhất định di cư vào Nam, dù vợ con có đi theo hay không.)

Liên hệ giữa hai cốt truyện có ý nghĩa gì? Một ám ảnh trong tâm trí tác giả? một kỷ niệm nào trong đời tác giả?

ấm, tôi cứ việc lật những viên gạch vỡ ở bên vại nước, và đào ở các bờ rãnh hàng bát giun mang rửa và nuốt. Những con giun còn sống nguyên, bỏ ngoi đầu lúc nhúc tội cảm từng vốc bỏ vào miệng cho chúng trườn vào cổ họng. Những ngày đầu ghê tởm, nôn mửa qua đi. Những ngày tiếp theo tôi nuốt thản nhiên. Những con giun sống ấy vào trong bụng tôi đã nhiều nhưng những cơn sốt cách nhật vẫn hành hạ và dữ dội thêm là khác, sức tôi yếu dần thêm nữa. Tôi nghĩ chỉ còn cách nào vào thành may ra kiếm được ký-ninh uống.

Không dám bảo đảm xin giấy thông hành cho tôi. Tôi vẫn liều ngày ngày ra bến xe trèo lên để vào, nhưng dù ngồi yên chỗ rồi khi hỏi đến giấy không có, chuyển xe lại bỏ tôi lại. Rất nhiều lần như thế, đến khi có xe cho đi thì tôi lại không có một đồng. Hà Nội – Sơn Tây 43 cây số, với những cơn sốt tôi không còn đủ sức để lê về. Mãi sau vì nài nỉ quá có chiếc xe chở củ nâu, với người phụ xe thương hại cho tôi đi bằng cách ấn tôi vào giữa những bao củ nâu. Hẳn bảo tôi trước là nếu vô phúc bị khám mà lộ ra thì chịu khó mà ở tù đừng oán thán gì. Tôi hơi mỉm cười bảo:

- Thì sao mà cưỡng được...

Khi xếp những bao tải củ nâu lên xe hẳn chứa lại một chỗ trống ở giữa cho tôi ngồi vào đấy rồi hẳn lấy thêm những bao khác lấp lên trên. Tôi ngồi co rúm không thể cựa quậy, nhúc nhích. Mùi củ nâu, mùi bao tải hôi xì, mùi xăng nhớt như muốn chết ngạt. Giữa trưa xe từ già tỉnh Sơn vào con đường trở về. Xe chạy

nhANH xóc trên những quăng đường gồ ghề, những bao củ nâu bị lắc mạnh cứ dẹp mãi xuống, chung quanh tôi kín bưng chả thấy gì, tôi nghĩ như mình bị bỏ vào quan tài đã đầy ván thiên lại chỉ có điều là tôi còn thở. Còn sót lại đến với tôi giữa những quăng đường ấy, chân tay run rẩy, hai hàm răng đánh vào nhau và tôi là người đi vì mệt mỏi.

Khi tỉnh dậy thì xe đang dừng. Tôi lẳng tai nghe tiếng giầy đinh lộp cộp, những bao củ nâu bị lay động và có tiếng chọc của một chiếc gậy sắt. Tôi biết là xe đang bị khám, nên hai lần bị gậy sắt thọc vào lưng tôi không dám nhúc nhích và thở mạnh, tôi nghiêng rặng, nhắm mắt lại... Những chặng gác thoát dần sự khám xét khiến cho xe về đến bến thì trời đã tối mịt. Bến xe Kim Mã hoang vắng, người phụ xe dỡ bao tải cho tôi chui ra, tôi nghe tiếng chuông xe điện đổ dồn, tôi bước xuống mặt đường chân tay run lấy bầy vì đói và lạnh. Tiếng đầu tiên tôi được nghe là của người phụ xe:

- Tối rồi đấy, có thể đi về nhà được không? Không có giầy thì coi chừng tui ba-tui nó nhặt bỏ nhà Tiền đấy.

Tôi cứng cả lưỡi không nói được. Tôi không biết về đâu cho qua đêm để sáng mai có thể đi tìm kiếm, dù tôi chưa biết là sẽ tìm kiếm cái gì. Về nhà. Người phụ xe nhìn tôi ái ngại. Hắn có khuôn mặt đen khắc khổ, đôi gò má cao làm cho hai mắt đen sâu bóng tối. Tôi nói với hắn tình cảnh của tôi, tôi muốn hắn cho tôi nằm ở trên xe đến sáng hôm sau. Nhưng hắn từ chối.

Hắn nói với tôi một ít điều phân trần không sao có thể giúp tôi được. Tôi cảm ơn hắn. Hắn xếp lại mấy bao củ nâu, đóng thùng xe rồi hắn quay lại nhìn tôi. Nghĩ thế nào hắn móc túi túi dúi cho tôi mấy đồng bạc. Không nói thêm nửa lời hắn trèo lên phía trước xe. Chuyển xe chạy vào con đường có đèn thấp sáng

Tôi đứng lại khoảng đất trống hiu quạnh ở mãi phía ven mấy ruộng ruộng có vài túp lều nhỏ tối đen. Sương xuống lạnh giá, tôi đứng tựa vào một cột đèn ngó lên cho đến khi mắt hoa và những con đom đóm xanh đỏ bay lượn trước mắt như sao sa mới nhìn xuống bóng mình ngả dài gây guộc.

Tôi không thể đứng lâu hơn được nên ngã quỵ xuống. Quá mệt tôi phải cố sức bò dần vào một túp lều bỏ không rồi lăn mình xuống đất. Tôi nằm im một lúc cho hơi tỉnh rồi cố dậy sờ soạng trong bóng tối xem có cái gì có thể ôm vào người được cho đỡ cô đơn, nhưng sờ soạng mãi tôi mới nhận ra có một cái bàn nhỏ và có một cái ghế dài nhỏ. Đó là đồ dùng của một quán nước, hoặc quà bánh gì đó. Tôi không có gì để ôm vào người. Tôi sờ mặt đất nhộp nháp, sờ những rúc rưởi ẩm nước hôi hám, những bã mía, lá bánh, giấy vụn. Tôi cố vẽ thành một đồng rồi rúc mình vào cho đỡ lạnh và êm hơn mặt đất. Muỗi kêu vo ve, những con chuột kêu thành tiếng chui vào đồng rác kiếm ăn. Chúng cắn chân mà tôi không muốn cựa, chúng cắn chán lại rúc, lại kêu. Tôi sờ những nắm lá chuối ướt nhẹp bỏ vào mồm nhai cho đỡ buồn miệng. Tôi nghĩ

chắc thịt tôi đã hết máu nên lũ chuột chả thèm ăn, và chắc chúng nó nhiều máu hơn tôi là khác, nghĩ thế tôi há lớn miệng tự nhủ: để chú nào vô phúc rúc vào miệng mình sẽ ngậm miệng lại mà nhai một miếng cho khoái bao tử. Bởi vì có con nào đến gần tôi cũng khó chộp được, chúng khỏe và nhanh lạ. Lũ chuột rúc mãi chắc cũng chả kiếm được gì nên bỏ đi dần cho tôi nằm một mình nghe tiếng muỗi kêu vo ve.

Mãi tôi cảm thấy như có một con vật nào đó rất kỳ dị, to lớn tiến đến ôm choàng lấy tôi, tôi bị nghẹt thở không kêu được, thân thể cứng đờ rồi thiếp dần đi...

Tôi thức dậy khi trời đã sáng rõ, bụng đói cồn cào, chân tay rời rã, nhưng đầu óc tỉnh táo kỳ lạ. Tôi nằm im cho mãi đến khi có một người đàn bà bước vào lều. Khi bà ta đưa mắt nhìn đến đồng rác thì kêu thét lên. Tôi ngộ ngoay rồi chui đầu ra. Chắc hẳn người đàn bà tưởng tôi là một con vật, như con chó ốm ghẻ lở nào đấy. Khi thấy cả thân hình tôi ngời dậy được thì trên khuôn mặt bà ta hiện ra nhiều nét ngạc nhiên đầy kinh dị:

- Trời ơi tao tưởng mày là xác chết rồi chứ... thế mà đêm lính nó không nhặt đi...

Tôi trở ra ngoài vườn vai, thở mạnh, phủi những rác rưởi bám trên quần áo, mắt tôi kèm nhèm. Tôi nhổ một chút nước bọt ra bàn tay rồi trét vào mắt mà dụi cho tỉnh táo. Những chuyến xe không bắt đầu vào bến nằm. Mặt đường nhựa rét cứng. Mùa đông vào thành phố vẻ buồn thảm càng nhiều. Người đàn bà

dọn quán. Bà ta bán bún riêu, bánh đúc. Sau khi bày bát đĩa, tôi ngồi vào tấm ghế dài, kẹp tay vào giữa hai bắp đùi rồi nói với bà ta:

- Cho một bát bánh đúc.

Người đàn bà mãi mới nhìn lên dò xét, tôi biết bà ta đang nghĩ gì:

- Ngày người ta chưa bán mở hàng đâu đấy. Có tiền không mà ăn?

Tôi moi mấy đồng bạc của người phụ xe cho và để lên bàn, tôi lên giọng chững chạc:

- Cho hai đồng thôi...

Hai bát bánh đúc chan canh riêu nóng hổi vừa ăn vừa thổi làm tôi tỉnh táo. Tôi ngốn rau chuối như lợn cốt đầy dạ dày. Tôi ăn thật nhiều ớt cho tê cả miệng và ràn rụa nước mắt.

Nghĩ đến chuyện bị hỏi giấy, tôi đi vào phố xá lén lút như một kẻ ăn cắp, như một chú cừu đang lạc vào bầy sói; tôi đang lẩn thẩn bên những xác ma chập chờn lẫn quất. Trông người nào tôi cũng thấy họ hung ác ngay cả những đứa trẻ con cũng vậy và lúc nào tôi cũng tưởng họ sắp thòp lấy gáy mình hỏi lằng nhằng rồi bỏ vào nhà tù cho đông đảo thêm.

Việc đầu tiên tôi nghĩ đến là trở về nơi bãi Phúc xá xem nhà cũ thế nào. Thành phố xa lạ một cách không ngờ. Những dấu vết chiến tranh đang được cố gắng lấp đầy để quên lãng. Tôi đứng ở đầu nhà máy đèn, nhìn xuống bãi Phúc Xá vắng tanh chờ vợ vài bức tường đứng cô đơn. Cầu Long Biên xám đứng đàng xa. Tôi không

*dám lẫn xuống bãi. Tôi cố nghĩ xem, quen ai, tìm ai, ở đâu, ăn gì, uống gì. Tôi ngồi ở vỉa hè nhìn nền trời xám.*

*Tôi đi men theo nhà IDEO lên phía Yên Phụ. Những rặng cây trúc lá chạy dài. Những tên lính Tây la hét cười cợt hát hồng ở phía trong bức tường cao. Tôi thấy chúng vứt những ống bơ ra theo lối cửa sổ. Tôi đến những đồng rác ấy bởi móc nhặt những chút vỏ bánh mì đen thui ấn vào mồm mà nhai mà nuốt. Tôi bới hết đồng này đến đồng khác. Tôi vét vào mồm từng chút cận thịt hộp đã thiu thối, từng chút đầu hay đuôi cá tanh lợm còn sót lại trong những chiếc ống bơ. Tôi nhặt cả từng miếng bánh mặn nhỏ ấn vào hai túi áo. Đi bới hết những đồng rác tôi ngồi nhai những mẩu bánh, khi cổ khô vì khát tôi tìm một cái máy nước áp mặt vào nốc.*

*Tôi đi lang thang lẫn lút từ phố này sang phố khác. Chen vào đám đông nhìn vào từng khuôn mặt xem có ai quen không. Nhưng suốt buổi tôi không tìm kiếm được gì.*

*Đến buổi trưa tôi theo đường tàu điện ra tận Giám ngồi trong Văn Miếu bên những bia đá, nhà đổ, gạch ngói và cỏ hoang buồn buồn tôi lộn hai túi áo ra nhặt nốt những vụn bánh còn sót lại bỏ vào mồm. Ngồi chán leo lên bức tường đổ ra chợ Con Bò. Đang thơ thẩn bỗng nghe tiếng người hỏi giật:*

*- Kìa cậu Kha, cậu mới hồi cư à? Ông bà ở đâu?... Cháu vẫn để ý tìm mà không gặp – May quá... nhà cháu ấy...*

Tôi ngạc nhiên phải áo rồi nhìn vào mặt người đàn ông một lúc. Tôi không nhận ra ai. Thấy tôi im lặng người đàn ông lại nói tiếp:

- Cháu đây mà - Cả Mạnh hồi xưa trông cửa hàng cho ông bà nhà...

Bây giờ thì tôi đã có người quen rồi cho dù tôi không nhận ra ai.

Tôi nhớ, chết thật lâu ngày... tôi cũng đang đi kiếm...

- Thế ông bà nhà?

- Có mình tôi thôi... thấy dễ tôi... Tôi đang đi tìm một chỗ ở.

- Thế ra có mình cậu.

- Vâng...

- Thật rõ...

- Tôi muốn có một chỗ ở tạm - nhà bác?

Người đàn ông lưỡng lự. Bác ta vào độ 40 tuổi, mặt già nua đen sạm, những vết nhăn chẳng chịt trên trán. Một con mắt bị tật để lộ ra một mí đỏ lòm và ít râu thưa mọc lờm chớm trên mép.

- Cho tôi ở tạm thôi...

Nhà cháu cũng không có chỗ tử tế. Sợ cậu ở không được.

- Vẽ ra, đến có ổ chuột mà rúc cũng hay rồi đấy, loạn mà bác!

Sau cùng - bác Mạnh - bây giờ tôi có thể nhớ được tên bác - đưa tôi về ngõ Thông Phong ở tận mãi chỗ Ô Chợ Dừa nơi con đường Hàng Bột. Vừa vào đầu

ngõ đã phải đi qua một xưởng thuộc da hôi thối và những ruộng muối tanh lợm mùi bùn. Bác Mạnh làm nghề thổi thông phong cho một xưởng nhỏ ở luôn tại đó làm người gác nĩa. Bác có một chỗ bằng ba chiếc chiếu ngánh bằng mấy tấm tôn vào cái lò nấu thủy tinh. Trong nhà chỉ có một cái giường tre độc nhất là chỗ ăn, chỗ ngồi chơi hút thuốc Lào và chỗ ngủ cho hai vợ chồng và một đứa con gái hai tuổi gầy teo. Tiếng nó khóc như tiếng mèo kêu nhưng cũng nhờ tiếng khóc đó tôi biết nó còn sống.

Tôi nói tình cảnh tôi cho bác Mạnh nghe. Bác tỏ vẻ ái ngại về chuyện vật đổi sao dời làm tôi khó chịu. Tôi nhờ bác xin cho một việc làm ngay ở xưởng. Ở đây người ta mua những mảnh vụn chai, kính vỡ về nấu rồi thổi thông phong, những ve chai nhỏ để đóng thuốc cho mấy tiệm thuốc bắc. Tôi không biết thổi nên nhận một chân đốt lò, khuôn thủy tinh, quét dọn. Buổi tối tôi trải chiếu ngay nơi cửa lò – chỗ làm việc của bọn thợ ban ngày mà ngủ cho ấm.

Bây giờ thì tôi đỡ lo là chưa chết ngay. Mùa đông kéo dài những ngày rét mướt. Tôi vay tiền mua hai cái bao tải tối đến chui vào đó. Với những ngày làm việc mệt nhọc những cơn sốt vẫn trở lại với tôi. Tôi lãnh tiền công chỉ trả tiền cơm cho bác Mạnh và mua thuốc ký-ninh vàng về uống hoài. Uống mãi những cơn sốt lui dần thì tôi hóa ra nghễnh ngãng, ù tai nghe không rõ. Người ta sai bảo tôi chẳng nghe được, người chủ đuổi tôi không cho làm vì không thể muốn một người

điếc. Tôi buồn sao không điếc hẳn mà lại còn đủ sức để nghe tiếng quát tháo.

Theo lời khuyên của bác Mạnh, tôi đeo lên vai một cái giỏ rách, với một móc sắt đi theo những người móc rác đi nhặt mảnh chai, kính vỡ, vụn sắt về bán.

Tôi tìm ra bãi đổ rác, bởi những đồng hôi thối, nhặt chai, kính... từng chút sắt vụn, vỏ cam, giẻ rách. Khi chiều về lọc ra từng thứ bán cho bà Cả Ổi. Bà ta chuyên mua lại của những người đi nhặt rồi bán cân cho xưởng thổi thông phong, cho lò đúc, giẻ rách bán cho dân Buổi làm giấy, cho xưởng ô-tô làm giẻ lau. Vỏ cam vỏ quýt cho tiệm bào chế và cả lông vịt lông gà...

Tôi kiếm đủ ăn, tối về ngủ ở chỗ bác Mạnh như một con chó vô chủ.

Tôi bối chán ở đồng rác lại đi tìm bởi ở những căn nhà đổ nát chưa có chủ về. Tôi nghĩ đến nhà tôi, và những thứ còn lại ở đấy chắc chưa ai nhặt nên muốn mò về. Một bữa tôi lên đê Yên Phụ nhìn sang bãi Phúc Xá với ý nghĩ ấy nhưng rồi không dám qua. Tôi đi dọc bờ sông lên chỗ xưởng dép cao-su con hổ chen vào một đám đồng đảo tụ lại ở chân đê.

Tôi thấy người ta đang đào một cái hố lớn, họ đào sâu và vớt lên vô kể những mảnh chai sắt vụn mà không ai nhặt thì mừng quá. Tôi nhặt lại từng đồng rồi thuê xe ba-gác chở về. Tôi vớ được một món bất ngờ. Tôi không hiểu họ đào gì mà chốc có người lại cúi xuống nhặt lên một mẫu xương, khi to khi nhỏ rồi xem xét, chuyển tay nhau. Khi thì xương bò, khi xương lợn,

*khi xương gà, xương chó... Khi biết thế họ lại vút đi và đào nữa – Sau tôi mới biết họ tìm xương người. Toán người ở đó được một nhà giàu ở đây thuê đào tìm xương của ông bố chết hồi chạy loạn mà người đó nghĩ là chết ở tăng-xê nơi chỗ này. Bởi thế nên mỗi khi gặp một chút xương họ phải xem có phải là xương người không, nhưng mỗi lần họ đều thất vọng, đào mãi cũng không thấy gì. Ngày thứ hai họ có ý thôi, tôi nghĩ đến sắt vụn mảnh chai nên bảo:*

*- Tăng-xê này sâu lắm, ở dưới nữa kia. Đào chưa tới đâu.*

*Thấy nói vậy họ tưởng tôi biết nên xúm lại hỏi, yên chí tôi biết. Tôi bảo chính hồi Nhật thả bom tôi đã chui vào đây và có lẽ mẹ tôi cũng bị chôn ở đây nữa. Họ tiếp tục đào cho tôi kiếm ăn. Nhưng lẽ dĩ nhiên họ không tìm ra một chút xương người nào. Khi họ yên chí bảo chắc ông cụ không chết ở đây, tôi vỗ tay vào trán như mới nhớ ra:*

*- À, nhưng ở chỗ này có những hai cái tăng-xê cơ - hay ông cụ chui ở cái đặng này...*

*Tôi chỉ cho họ chỗ cách đó độ năm thước, tôi quả quyết còn một cái nữa – và họ tiếp tục đào cho tôi nhặt mảnh chai, sắt vụn. Tôi nghĩ giá hồi xưa biết vậy tôi chết quách ở chỗ này cho bây giờ họ nhặt lấy xương mà làm ma, làm chay và cho là bố họ có hơn không. Rồi đào mãi họ cũng bỏ. Tôi nghiêm nét mặt rồi nói lớn:*

*Sao không đào cái đồng thối thối này của tao mà lấy dầu lâu và xương cốt...*

Lũ người bảo tôi là thằng điên họ tức bực muốn dân cho chết. Có một đứa bông lớn cho cả lũ cười.

- Đến vớt cái xác mày cho chó nó cũng chẳng gặm nữa là xương cốt...

Tôi cất tiếng cười lớn theo đám đông xúm quanh làm họ thôi cười.

Số tiền kiếm được làm tôi phê phỡn. Một bữa tối tôi qua phố Hàng Buồm mua hai con gà luộc sẵn về cho vợ chồng bác Mạnh một con, còn một con tôi ngồi xé ra ngoạm.

Tôi đang ăn thì có đứa con gái đứng ở cửa nhìn vào. Tự nhiên tôi nói lớn:

- Có ăn thì vào cho miếng chứ nhìn gì?

Nó vào ngồi ở bên cạnh rất thân nhiên. Tôi nghĩ chắc nó cũng sống như tôi – thật tội nghiệp. Tôi nhìn vào mặt nó. Nó cũng chỉ độ tuổi tôi. Tóc uốn quăn môi son và mặt trát phấn. Nó mặc quần áo trắng. Nó ăn hết rồi ngồi mút mười đầu ngón tay còn vẻ thèm nhạt. Tôi hỏi:

- Ở đâu?

- Trong ngõ.

- Có nhà à?

- Có.

- Hạnh phúc, hạnh phúc.

- Còn anh?

Nó nói tiếng anh ngọt xớt. Tôi vớt bỏ mẩu xương cuối cùng rồi co vạt áo lên chùi mồm.

- Không có gì cả... không có gì cả mà...

- Về ở với em...

Nó lại xưng em. Tối hôm đó tôi theo về nhà nó một gian nhà lá mái trong cuối ngõ. Nó chỉ cho tôi nằm ở một cái chõng con và vứt cho tôi một cái chăn đơn. Nó ngủ ở một cái giường có màn buông và hai cái gối. Lần đầu tiên tôi được một chút êm ấm. Đêm nó thấp đèn kể chuyện tâm sự cho tôi nghe. Nó chả có cha có mẹ gì và nó làm nghề kiếm khách. Tôi về ở đó ngày ngày đi móc rác, đêm về ngủ. Nó thì ban ngày ngủ, đêm đến mặc quần áo, đánh phấn chải đầu rồi đi kiếm mồi đem về nhà. Chúng nó cời truồng ra đùa giỡn với nhau chán rồi ôm nhau lên giường ngủ như không có tôi. Những ngày mùa đông rét mướt kéo dài mãi nền trời xám và mưa đêm. Những ngày không có khách nó có tôi sang ngủ chung cho ấm. Có đêm cơn sốt rét lên nó thấy tôi run như sắp chết thì hoảng sợ.

- Ê chết sao mà dầy dũ vậy?

- Không.

- Đừng giỡn, chết làm sao ta chôn.

- Thì cứ vứt ra đường là xong.

- Vứt sao được...

- Đùa chứ chết gì, ôm cho chặt vào thì không chết đâu, khỉ.

Nó cời hết quần áo tôi ra mà đùa giỡn coi tôi như một khúc gỗ. Đêm nào nó cũng cần ôm lấy một thân thể mới ngủ được. Tôi là một cái thân thể để cho nó đắp vào những đêm không có khách. Có đêm tôi lên cơn rét, thân thể hoàn toàn bất lực, nó cố vác bỏ tôi

sang chõng rồi ngồi chờ thằng tằm quất đi qua. Thằng tằm quất tới nó gọi vào rồi đóng cửa lại, nó bảo đâm bóp chán rồi ôm lấy. Thằng tằm quất không cưỡng lại được, sáng hôm sau như lả đi. Nó bảo tôi giúp sức kéo bỏ ra ngoài đường. Đến một hôm có một gã đàn ông khỏe mạnh đến rồi ở luôn lại. Tôi nằm một mình buồn tủi. Rồi đứa con gái bảo tôi:

- Em sắp lấy chồng.

- Gã đó?

- Chú sao!

Tôi buồn rầu bảo:

- Lấy anh đi... tương lai mà...

Nó bĩu môi rồi tát vào mặt tôi một cái mà bảo:

- Ừ ừ... để rồi tao đi móc rác với mày à – Rồi con cái – rồi tuổi già?...

- Đồ khỉ – Lại còn con cái? Lại còn tuổi già? Rồi sống được đến già à?

Tôi ôm lấy nó như chưa ôm bao giờ.

- Đừng lấy gã đó. Ở với anh...

Mấy ngày sau chúng nó tổng tôi đi với mấy chục bạc. Tôi ngày ngày đi móc rác, chiều đến mò vào Văn miếu nằm. Đêm đêm sờ soạn những bia đá, những gạch ngói nằm im mà thấy tủi thân. Ôm vào lòng cũng chỉ thấy cứng ngắt. Buổi sáng thức dậy soi mặt xuống làn nước hồ nghe tiếng quạ kêu trên những ngọn cây khô già cỗi.

Đến một khuya kia tôi thức dậy vì ánh sáng đèn bin soi vào mặt. Tôi mở mắt nhìn tụi lính chĩa súng

vào người. Chúng hỏi giấy tờ tôi không có gì nên bị điệu về bắt. Chúng giam tôi đến sáng hôm sau mới dẫn lên hỏi:

- Tên gì?
- Con tên Kha.
- Thẻ căn cước?
- Con mới vào nên chưa có.
- Ở đâu?
- Con ở ngõ Thông Phong.
- Số nhà?
- Con quên.
- Với ai?
- Với vợ con.

Chúng bắt tôi dẫn về ngõ Thông Phong, tôi đưa vào nhà đứa con gái. Tôi chỉ vào nó mà bảo với tụi lính:

- Vợ con đây.

Tụi lính cất tiếng hỏi:

Có phải bà là vợ nó không?

- Không, tôi có chồng.
- Bà biết nó không?
- Không – tôi không biết nó là ai cả.
- Nó là vợ tôi mà...
- Này thằng kia – mày trông cho rõ xem tao ngủ với mày bao giờ...

Tôi thấy yêu đứa con gái vô cùng. Tụi lính đánh tôi tui bại.

- Khai láo, khai láo... quân lưu manh... đánh cho chết đi...

*Đêm chúng đem tôi về nhận vào bể nước rồi đánh nữa. Khi tôi ngất đi chúng lại phun nước cho tỉnh dậy và tiếp tục đánh như nhồi một trái banh – rồi chúng lại bắt tôi cung khai. Tôi không còn biết mình nói gì:*

*- Mà mới ở ngoài vào phải không?*

*- Vâng... dạ...*

*- Định phá hoại phải không?*

*- Dạ vâng...*

*- Với ai, tổ chức nào?*

*- Vâng...*

*- Ai?*

*- Dạ...*

*- Ai?*

*- Nguyễn Mạnh Kha...*

*- Ở đâu?*

*- Số bảy, tám, chín Hàng Khay.*

*- Đúng không?*

*- Nó cho ở..*

*Tụi lính lại dẫn tôi đi, tới nơi tôi vừa tỉnh để bảo:*

*- Không, tôi nhầm. Tôi là Nguyễn Mạnh Kha.*

*Tôi khai lung tung, bạ gì nói nấy. Chúng đánh chán tay rồi giam tôi vào buồng tối như một con chó cho muỗi nó đốt. Chúng tra khảo tôi mãi cũng chán nên giam tôi lại cùng với những người khác, mỗi ngày ném cho một nắm cơm. Có một ngày lũ người bị giam được tập trung vào một khoảng sân ngó thấy nền trời. Tay bị xích lại. Hôm đó có một viên cố đạo bảo là đến làm phép lành cho lũ tù. Hắn nói những điều tôi chưa hề nghe bao giờ*

*như: yêu mến Chúa, thiên đường, địa ngục, cứu rỗi, tội lỗi, sám hối, quỷ quái, thánh thần, yêu thương, huynh đệ... Lũ lính vác súng bắt lũ tù ngồi yên nghe.*

*Viên cố đạo làm dấu nhìn chúng tôi bị đánh đập. Nhưng tôi còn đủ sức chửi bới và văng tục. Tụi lính lại tra khảo tôi mà không chịu buông tha*

- *Mày tên gì?*
- *Con khỉ.*
- *Ở đâu?*
- *Con khỉ cời truông...*
- *Cha mẹ mày tên gì?*
- *Ai?*
- *Cha mẹ mày?*

*Khi nghe rõ đến hai tiếng cha mẹ thì tôi khóc rống lên, chúng tiếp tục đánh đập tôi nữa:*

- *Mày tên gì?*
- *... thịt thối..*
- *Ở đâu?*
- *Viên cố đạo.*
- *Cha mẹ mày tên gì?*
- *A ha!... A ha!...*

*Đến một đêm tối lũ lính dồn tôi lên một chiếc xe bọc kín mang tới một cánh đồng cùng mấy đứa nữa. Chúng bắt đào hố. Tôi biết là sắp được tự chôn mình. Tôi nghe tiếng lên đạn lách cách, xong, chúng bắt quay mặt vào hố. Tôi nhớ đến câu hỏi, và tự nhắc*

- *Cha mẹ mày tên gì?*

# ĐỖ THỨC VỊNH

Ông Đỗ Thức Vịnh có một tin tưởng. Rằng cái thâm kịch của xã hội Việt Nam trong thế kỷ hai mươi này là do sự cách biệt giữa giai tầng gọi là trí thức (vốn là một khối thiểu số ở thành thị tương đối sung túc) với quảng đại quần chúng (là đa số nông dân nghèo khó). Rằng chừng nào hai giai tầng ấy – hai khối người trí thức thành thị và dân nghèo nông thôn ấy – hòa đồng được với nhau để chung sức xây dựng thì dân tộc mới thoát khỏi bế tắc.

Ông Đỗ cầm bút viết văn là vì niềm tin tưởng ấy, là để cổ xúy cho sự hòa đồng lớn lao và tối quan trọng đối với vận mệnh dân tộc.

Tác phẩm đầu tay của ông – cuốn *Bóng tre xanh* – xuất bản năm 1944, lấy bối cảnh nông thôn, nhằm mục đích nọ. Và bộ truyện trường thiên (gồm ba cuốn *Dì Mơ*, *Mùa ảo ảnh*, *Những người đang tới*) mà cuốn cuối cùng ra đời năm 1964, cũng nhằm một mục đích nọ thôi. Các nhân vật Văn, Sơn, Mai

Khanh, Hoàng... là trí thức thành thị mà hướng tâm hồn về nông thôn; các nhân vật di Mơ, Minh, Thọ... là những nông dân hướng lòng tin về trí thức đô thị. Từ tác phẩm này sang tác phẩm khác, họ không sờn niềm tin.

Từ *Bóng tre xanh* đến *Những người đang tới* là hai mươi năm. Từ *Những người đang tới* in lần đầu đến kỳ tái bản (1990) là sáu năm. Sau một thời gian dài ngót nửa thế kỷ, ông Đỗ viết lời tự luận ở đầu sách tái bản, xác nhận niềm tin tưởng một đời của mình. Tác giả cùng với các nhân vật, “các khẩu đồng từ”!

Một đời cầm bút vì một niềm tin; và hình như trong một đời làm việc, mọi hoạt động của ông cũng hướng về niềm tin ấy: ông làm việc trước sau trong một ngành canh nông?

Tin tưởng đúng chẳng? Sai chẳng? Đó không phải chuyện văn chương. Nhưng đã rõ là nó chứng tỏ thành tâm thiện chí của người viết.

Thành tâm thiện chí không nhất thiết có hiệu năng đáng kể trong việc làm nên giá trị nghệ phẩm. Điều ấy rất đáng tiếc.

Dù sao nó làm nên một thái độ cầm bút kiên tâm, chí thành và khiêm tốn. Thái độ ấy khả kính.

7/1997

# ĐÁNH NHAU Ở RỪNG SÁT<sup>1</sup>

Buổi họp tan, Hoàng trở về tiểu đình, họp các thuyền trưởng, cho mọi chi tiết. Trận sáng mai chắc là nặng nề lắm, vì hỏa lực địch rất mạnh. Đêm đó cả toán Hoàng được nghỉ. Toán khác đi tuần thay. Hoàng thao thức không ngủ được. Anh nghĩ tới Vũ, không biết thương tích ra sao. Anh lo cho các thủy thủ của anh, không hiểu ngày mai có ai xấu số không? Anh nghĩ tới bạn bè, trần trọc không sao nhắm mắt được. Đèn đóm tại các tàu tắt hết, xung quanh tối thui, quang cảnh càng thêm man rợ. Hoàng lấy thuốc lá hút. Ánh lửa loé lên. Hình như các thủy thủ của anh cũng vậy. Hoàng thấy có tiếng động khẽ ở phía sau. Anh nhòm dậy:

- Anh nào đó? Sao không đi ngủ cho khoẻ.
- Em đây, thiếu úy. Em xem lại cây 20 ly của em một chút.

Hoàng vừa cảm động, vừa vui mừng. Bên ngoài, tất cả đều im lặng, ngoại trừ tiếng máy điện trên chiến hạm chỉ huy từ xa vọng lại. Tiếng máy nổ thật buồn, Hoàng suy nghĩ lung tung... Anh thấy nhớ cả Hà Nội, nhớ ngày mới di cư... Hoàng có thói quen, khi nghĩ gì buồn, lại càng thích khơi cho cái buồn càng sâu rộng

mãi ra. Càng buồn lại càng thú. Anh cứ thao thức cho tới khi trời mờ sáng, đoàn thủy quân lục chiến đã bắt đầu lên tàu để chuẩn bị đổ bộ nếu toán tiểu đỉnh mở đầu thành công.

Nhân viên của Hoàng cũng chuẩn bị chờ giờ khởi hành. Hoàng kiểm soát lại súng ống một lần cuối cùng. Tất cả xong xuôi chừng nửa giờ, thì có lệnh khởi hành.

Ba toán tiểu đỉnh của Hoàng và hai toán nữa, vào mở đường. Chiếc monitor chỉ huy dẫn đầu. Các tiểu đỉnh vào mô hình xong, từ từ tiến về phía địch. Tiếng máy nổ đều đều, âm vang mặt sông, làm mọi người càng thêm hồi hộp. Các ổ súng sẵn sàng nhả đạn. Hoàng nhìn đồng hồ: đúng sáu giờ mười lăm. Đoàn tàu đã đi được 15 phút, bắt đầu vào vùng nguy hiểm. Vẫn chưa thấy gì. Tiến thêm năm trăm thước nữa, sông bắt đầu hẹp lại, sắp tới khúc quẹo mà toán Vũ gặp địch trưa hôm qua. Vẫn yên tĩnh. Một cái yên tĩnh kỳ lạ, mà ai cũng biết là rất giả tạo. Chắc chắn địch quân từ trong các bụi cây trên bờ kia đang ngắm vào đoàn tàu giữa sông. Qua máy liên lạc, vẫn nghe đều các tiểu đỉnh gọi nhau. Mọi báo cáo gửi về tiểu đỉnh chỉ huy vẫn là: “Không thấy gì nghi ngờ”. Hay địch quân đã rút đi nơi khác? Nếu vậy thật vô lý! Vì vòng vây rất kín. Chưa có lệnh khai hỏa... Đột nhiên, có lệnh tất cả chạy với tốc độ tối thiểu. Lệnh vừa ban hành, có vài tiếng súng nhỏ nổ rời rạc. Hoàng đoán có lẽ chiếc đi đầu bắn dò đường. Mọi người chuẩn bị nổ súng. Nhưng ngọn cờ đỏ trên tiểu đỉnh chỉ huy vẫn

*bay phát phối. Sự nghi ngờ nặng nề... Hoàng thấy run ở đầu gối, tim đập mạnh. Không phải anh sợ, bởi anh đã tham dự rất nhiều chiến dịch, mà là hồi hộp thì đúng hơn. Anh nhận thấy trong tất cả mọi lần, cái thời khắc ghê rợn nhất là lúc biết mình đang ở vùng địch quân, mà vẫn không gặp địch. Súng có thể nổ bất cứ lúc nào; mà những phát súng đầu tiên bao giờ cũng rất nguy hiểm vì địch theo dõi được mục tiêu từ đầu.*

*Chiếc tiểu đỉnh đầu tiên qua khúc quẹo; Hoàng chỉ còn nhìn thấy đầu cột cờ với lá cờ đỏ mà thôi; phần dưới, cây che khuất. Đột nhiên một tràng liên thanh xé tan bầu không khí nặng nề. Rồi tiếp theo là tiếng bích kích pháo. Không hiểu ai bắn, bạn hay địch. Hoàng bắc ống nhòm nhìn, chưa nhận định rõ ràng, thì ngay gần tàu anh, mấy cột nước toé lên. Đúng rồi!! Địch quân bắt đầu tấn công. Đạn rơi rất gần mục tiêu. Chắc chúng đã ngắm kỹ từ trước.*

*Có lệnh cho khai hỏa. Ngọn cờ đỏ vụt hạ xuống. Hoàng ra lệnh cho nhân viên bắn trả vào bờ. Tiếng đạn bắt đầu nổ vang mặt sông. Mấy chục chiếc tiểu đỉnh thi nhau nhả đạn đủ các cỡ. Địch quân bắn ra rất chính xác. Đạn bích kích pháo rơi trên mặt sông như sung rụng. Nước bắn tung toé. Hoàng ôm máy nói, vừa liên lạc với tiểu đỉnh chỉ huy, vừa luôn miệng ra lệnh cho toán tiểu đỉnh của anh, tiến hết tốc lực rồi ngừng máy, rồi lùi, rồi lại tiến. Tàu xịt khói đầy mặt sông. Mặt sông nhỏ hẹp nổi sóng cuộn cuộn vì mấy chục cái tàu vùng vẫy. Hoàng ra lệnh bắn bích kích*

pháo đến khan cổ. Anh phải hét thật lớn, nhân viên mới nghe rõ. Bắn đã gần với hết một tủ đạn, chừng sáu bảy chục quả. Cây cối trên bờ đua nhau đổ. Hỏa lực của địch vẫn còn rất mạnh. Hoàng đưa đoàn tàu của anh vào sát bờ thêm vài chục thước. Đột nhiên, chiếc tiểu đỉnh 62 trong toán anh quay ngang, rồi phụt khói ở phía sau lái. Anh hoảng hốt la:

Chết cha, chiếc 62 trúng đạn rồi!

Anh gọi liên hồi trên máy liên lạc, được biết chiếc 62 bị trúng một bích kích pháo vào lái, ba người bị thương, thuyền trưởng đã chết tại chỗ. Hoàng vừa thương, vừa sợ. Anh cho một chiếc khác cặp lại chiếc 62 để kéo ra ngoài vòng chiến. Toán của anh chỉ còn bốn chiếc, hỏa lực kém hẳn đi. Rồi đến phiên chiếc tiểu đỉnh anh cũng quay ngang. Chung số phận như chiếc 62! Cây súng bên hữu cũng ngưng bắn. Hoàng giật mình quay lại. Người lính trong tay lái, đầu ngoẹo sang một bên; người xạ thủ súng 20 ly bên hữu rên la.

- Trúng đạn rồi, thiếu úy ơi! Trời ơi, đau quá!

Anh ta nằm lăn ra vật vã; đạn bắn nát một bên vai, máu chảy đầy sàn tàu. Hoàng đã tới độ luống cuống. Người xạ thủ bên tả phải vào thay thế trong tay lái... Qua máy liên lạc, Hoàng thấy các tiểu đỉnh bạn cũng đã nhiều cái bị thương, có chiếc chỉ còn mỗi một người, anh ta cố gắng đưa tàu ra ngoài tầm đạn. Chiếc tiểu đỉnh chỉ huy đã mắc kẹt trong khúc quẹo, không rút lui ra được. Cuộc chiến đã mất thế quân bình. Hỏa pháo địch càng tăng, thì bên Hoàng lại giảm sút nhiều

quá, nhân viên mất tinh thần bắn bậy bạ, đạn bay bổng cả lên trời... Hoàng nghe rõ tiểu đỉnh chỉ huy cho hoãn đổ bộ và xin chiến hạm ngoài bắn yểm trợ để cả toán rút lui. Đại pháo từ ngoài chiến hạm bắt đầu nổ vang, rung chuyển cả mặt sông. Từng cột khói bốc lên trong bờ. Các tiểu đỉnh rút lui từ từ.

Cuộc chạm súng lâu chừng nửa giờ, mà Hoàng thấy dài quá! Các tàu rút lui ra, chiếc nghiêng phải, chiếc nghiêng trái, có chiếc lái tàu chìm gần ngập nước. Tiểu đỉnh của Hoàng chỉ kịp chạy tới Long Hội, ủi bờ xong là lái tàu chìm nghiêng.

Qua cơn nguy hiểm, bây giờ Hoàng mới nhìn lại phía sau. Anh giật mình. Người lính trong phòng lái, nơi bị đạn 57 ly, ngã vật sang một bên, bụng vỡ toang, hai tay co quắp... Không nén được xúc động, nước mắt trào ra: anh khóc. Người lính trẻ tuổi dễ thương, đang mong được về Cần thơ để gặp “con bồ”, thế là đã ra đi vĩnh viễn. Bên cạnh anh, tiếng người lính trọng pháo bị thương, bể một bả vai, còn rên la. Hoàng nhìn mấy người cứu thương ra sức khiêng các thủy thủ bị thương từ các tiểu đỉnh lên bờ. Đột nhiên, anh như điên, chạy lại bế xốc xác người thuyền trưởng, đem lên mũi tàu, la hét gọi cứu thương và chửi bới họ âm ỉ. Hoàng rất thương mến người hạ sĩ đã từng bao lần cùng anh trong các nơi nguy hiểm, và giờ đây sẽ mãi mãi không bao giờ còn được o bế cây súng nữa... Bên Hoàng, một người lính ôm cây cột ăng-ten, khóc rấm rứt. Hoàng quay lại, hét:

- Xuống khiêng các bạn lên bờ cho họ băng bó chứ, đứng đấy mà khóc à.

Anh ta lại càng khóc lớn hơn:

- Nhưng thằng Quân nó chết rồi, thiếu úy ơi.

Vừa nói anh ta vừa chỉ vào cái xác trong phòng lái. Hoàng càng giận dữ:

- Thế anh khóc, nó có sống lại không? Xuống giúp tôi khiêng nó ra chứ!

Người thủy thủ vẫn không nhúc nhích...

Mấy người thuyền trưởng của Hoàng ủi bờ xong, đã sang gặp anh. Tất cả toán Hoàng có bốn bị thương, chết sáu, trong đó có hai thuyền trưởng. Hoàng ngờ ngần cả người. Từ ngày ra trường, qua bao lần hành quân, đây là lần đầu có nhân viên của anh tử trận. Các kỷ niệm cũ từ ngày nhận chỉ huy, lần lượt hiện ra trước mắt anh. Hoàng cứ ngồi yên lặng như vậy hàng giờ, cho tới khi có lệnh gọi anh sang Bộ chỉ huy để báo cáo tổn thất. Gặp Thiếu tá, ông ta an ủi anh và khuyến khích. Cuộc thất bại nặng nề: tổng cộng chết hai mươi mốt và bị thương mười bảy. Tất cả các tiểu đĩnh đều bị trúng đạn. Riêng toán Hoàng bị nặng nhất.

Sau khi kiểm điểm tổn thất, lệnh mới ban hành: Sẽ tấn công lần thứ hai trong vòng một giờ nữa. Sẽ có trọng pháo bắn yểm trợ.

Hai giờ chiều. Đoàn tiểu đĩnh bắt đầu tiến vào. Trọng pháo bắn từ mười hai giờ trưa. Ánh nắng gay gắt, mọi người đều ở trần cho đỡ nóng. Hoàng siết chặt lại quai nón sắt; tiếng súng nổ khiến Hoàng thêm bình

tĩnh. Mùi thuốc súng như kích thích. Bên kia khúc quẹo con sông, khói đen bốc lên mờ mịt. Đoàn tiểu đình đã khai hỏa trước, ngay khi vào tới dòng sông hẹp. Tiếng súng long trời lở đất. Hình như địch quân không có phản ứng. Đoàn tàu gần như làm chủ tình thế. Sau chừng mười lăm phút tác xạ, có lệnh ngưng bắn. Hoàng la hét gọi nhân viên, nhưng không ai nghe anh nói. Họ đang say thuốc súng! Anh vớ một cây gậy, đập liên hồi vào chân xạ thủ, lúc đó họ mới ngừng. Tất cả các tiểu đình được lệnh chạy sát vào bờ để dò tình thế.

Đúng lúc đó, từ trong một lùm cây rậm rạp ngay sát bờ nước, có một chiếc ghe nhỏ chở mấy người ra, cò trắng phát tới tấp.

Địch quân hàng!

Chuyện xảy ra không ai ngờ. Dễ dàng quá. Quân đổ bộ chưa kịp lên bờ. Tuy nhiên mọi biện pháp cần thiết vẫn được áp dụng để kiểm chứng xem địch quân hàng thiệt hay chỉ là một mưu mẹo. Các tiểu đình chạy tới, chạy lui để đề phòng mọi bất trắc, trong lúc Bộ Chỉ huy khai thác mấy hàng binh mới ra để biết sự thật. Nửa giờ sau, tin địch quân xin hàng chính thức được loan báo cho tất cả qua máy liên lạc.

Tiếng mừng rõ la hét vang mặt sông. Nhiều thủy thủ tung nón rơi cả xuống nước. Trong đời Hoàng, chưa bao giờ anh sống một ngày vừa quá vui sướng, lại vừa quá buồn như vậy. Buổi sáng là toàn chiến bại,

*nay đã thành kẻ chiến thắng. Còn gì hãnh diện bằng! Súng ống địch mang ra nhiều quá, nặng nhẹ đủ cả.*

*Tối hôm đó, sau khi hội kiểm thảo xong, Thiếu tá chỉ huy đã phải nói:*

*Tôi không hiểu tại sao chúng hàng sớm như vậy? Thằng tiểu đoàn trưởng có khai với tôi là tại trong đó lính của hắn không có tinh thần chiến đấu, chỉ muốn ra hàng ngay từ mấy hôm trước. Buổi sáng nay, chúng cũng bị thiệt hại nặng lắm, thành khi chiều mình vào lại là chúng đã sợ sẵn rồi. Yếu tố tinh thần quan trọng thật! Chứ với số súng đạn ấy, nếu chúng tử chiến, lại thêm phòng tuyến trên bờ rất kiên cố, tôi chắc cả tuần nữa chưa dễ gì đã vào qua khúc sông này. Thôi, anh em về nghỉ dưỡng sức. Còn đặng nhiều, vì mới có một tiểu đoàn ra hàng.*

*Hoàng về tới tàu, khoảng chín giờ tối. Mấy thủy thủ ngồi hết cả trên mũi tàu. Anh chui vào khoang. Tối đen. Yên tĩnh quá. Hình ảnh người vận chuyển chết trong phòng lái, người thuyền trưởng cụt một tay bỗng nhiên như hiện ra trước mắt anh. Anh liếc nhìn về phòng lái, rồi nhìn ngay dưới chân... Phảng phất như còn mùi máu và mùi thuốc súng. Hốt nhiên Hoàng thấy sợ, cái sợ của đứa trẻ sợ ma. Anh cầm đầu trở ra mũi tàu, bám vào mũi, đu lên. Anh lại gần mấy thủy thủ, và ngả lưng bên cạnh họ. Tất cả còn thức, nhưng không ai nói một lời. Có tiếng thở dài:*

*- Buồn quá, thiếu úy ời!*

*Hoàng nằm thao thức, không sao ngủ được. Tiếng*

*nước chảy dưới lườn tàu lóc róc. Từ hồi nhập quân ngũ, lần đầu tiên anh biết cái buồn khi mất vài chiến hữu. Anh trọng pháo nói vậy mà đúng. Nhiều khi chiến đấu vì tình chiến hữu. Chỉ có những người lính mới dám coi thường cái chết, và cũng chỉ có họ mới biết cái sống là quý đến thế nào...*

*Sương sớm lạnh làm anh tỉnh dậy. Hoàng được nghỉ mấy hôm dưỡng sức và chuẩn bị để tham dự các cuộc đổ bộ kế tiếp. Suốt mấy ngày, anh cùng với các thủy thủ lên bờ bắt tôm, câu cá cho đỡ buồn. Đêm đến lại kéo nhau lên mui ngủ. Cho tới nay, mọi người đều thú thật là không ai dám ngủ dưới khoang. Gác đêm cũng phải gác đôi. Những buổi tối, trong lúc nằm chờ giấc ngủ, Hoàng đem các truyện tàu mà anh đọc hồi còn đi học kể cho nhân viên nghe để cho lãng quên cái rờn rợn phẳng phất trong không.*

*Hết thời gian nghỉ, lại đến thời gian hành quân. Bắn nhau, tuần tiễu, rồi lại bắn nhau. Công tác liên miên. Đoàn tàu của Hoàng tham dự cả mấy chục lần chạm súng. Số lần chạm súng tăng, thì số chiến hữu cùng anh từ Cà mau về tham dự trận Rừng Sát cũng giảm dần... Tóc mọi người đã dài quá tai, không ai buồn hớt; mà có muốn hớt cũng chịu, đào đâu ra thợ? Có hớt cũng chẳng làm gì; làm dáng với nước, với cây và sinh lấy sao? Cuộc sống thật lam lũ khổ sở. Không riêng gì Hoàng và các thủy thủ của anh, Hoàng còn nhớ, một lần gặp mấy quân nhân nhảy dù, anh thấy các thủy thủ thương lượng đổi gạo lấy tôm và cá. Ra*

*các toán đóng trong Rừng Sát bị thiếu gạo, nhưng họ suốt ngày trên bờ, thành lại bắt được nhiều tôm cá. Trái lại, bọn anh phải di chuyển luôn, có gạo tích trữ trên tàu, thì phải ăn cơm nhạt. Lâu dần thành thông lệ, trong lúc tuần tiễu, mỗi khi gặp các bạn đồng ngũ đóng trên các ngọn cây, vì nước ngập cả, họ không thể đóng trên mặt đất, thì hai bên lại hội nhau, bên bỏ gạo bên bỏ thức ăn, làm một bữa cơm đoàn kết chừng nửa giờ, rồi tiếp tục công tác.*

*Hai tháng trời đằng đằng dài bằng mấy hôm. Vui, buồn, nguy hiểm... cái gì cũng quá thừa! Hôm chấm dứt chiến dịch, gặp một số bạn từ hồi di cư, theo phái đoàn chính phủ vào thăm các chiến sĩ Rừng Sát, Hoàng mừng đến phát khóc. Anh nhìn lại hình dáng anh, nửa buồn vì quá tồi tệ, nửa hãnh diện, vì đã biết coi thường cái chết, cũng như biết cái sống thật là vô giá.*

*(Trích Những người đang tới)*

---

### **Chú thích**

1 Nhan đề do người trích văn đặt tạm.

# ĐỖ TIẾN ĐỨC

**T**rước và sau *Má hồng*, Đỗ Tiến Đức có một số tác phẩm, nhưng không cuốn nào được dư luận chú ý bằng *Má hồng*. Tác phẩm hay được tán thưởng xứng đáng: giải nhất Văn học Nghệ thuật toàn quốc năm 1969.

*Má hồng* là câu chuyện một số công chức, quân nhân, và thiếu nữ, ở một quận châu thành, vào thời kỳ chiến tranh gay gắt hồi đệ nhị cộng hòa ở Miền Nam. Quận nào? Châu thành nào? thuộc tỉnh nào vậy? Tác giả không nói. Đại khái cũng giống như trong phần lớn các cuốn truyện do văn sĩ xã hội chủ nghĩa viết thời văn nghệ cởi trói. Cởi trói thì được phép viết về cái xấu; nhưng cái xấu nào có tên có tuổi, xảy ra ở những địa phương cụ thể, thì động chạm đến những thế lực quyền uy này nọ, e gặp rắc rối. Thời dân chủ, dù đã cởi trói xong, văn chương vẫn khó cửa quạ hơn thời phong kiến thời đế quốc: trong các truyện xưa nhân vật đều có quê có quán,

thậm chí yêu ma quỷ quái hồ ly chẳng tinh trong *Liêu Trai chí dị* cũng sinh cũng ngụ có nơi có chốn, gặp gỡ các nhân vật nam nữ có quê hương bản quán hẳn hoi. Có đầu vất vương như dưới thời dân đã làm chủ.

Đỗ Tiến Đức thận trọng là phải cách. Bởi vì nhân vật tiểu thuyết của ông đặt vào nơi nào cũng làm cho người ta nhảy nhồm. Bị hiểu lầm, lẫn lộn với nhân vật *Má hồng*, khốn khổ ngay. Trong bao nhiêu quân nhân và công chức trong tác phẩm, kể là tốt may ra được hai người: trung tá tỉnh trưởng Côn Cho và anh Thắng chồng chị Dung. Còn lại, toàn thị những vị công bộc mà chắc chắn chế độ nào cũng chê: Trưởng ty Bưu điện luôn luôn mời bạn bè đánh điện, mỗi bức điện mấy ngàn chữ cũng được, mấy trang cũng được, chỉ phải trả giá tối thiểu để lấy cái số gửi thôi. Tiền thu nạp vào công quỹ chứ có bỏ túi đâu mà tính hơn thiệt? Mời ai nấy cứ đánh điện nhiều vào, công quỹ thiệt thòi ráng chịu, miễn ông trưởng ty kết tập được nhiều bạn bè. Lâu, trưởng ty Thanh niên, thì “thằng cha này biết gì và có việc gì để làm đâu. Cả ngày ngồi trong chiếc xe con cóc nhỏ, chạy vo ve mấy em bán hàng trên phố, hoặc tới đài phát thanh đón đưa những em muốn làm ca sĩ, muốn được thiên hạ gọi là ca sĩ.” Còn phó trưởng ty Cảnh sát Tân, công việc cũng không nhiều hơn mấy: ngồi quán Hương Giang; lái xe ra phi trường xem máy bay từ Sài Gòn tới đậu xuống ít phút rồi cất cánh bay đi la cà ngoài đường, phóng xe lang thang

giải sầu trong giờ giờ nghiêm, nhiều lần gặp tỉnh trưởng, tỉnh trưởng tưởng lầm là làm việc mẫn cán bèn tuyên dương, trao bằng khen thưởng...

Cảnh sát, Bưu điện, Thủy lâm, Mục súc, v.v., phía sau bấy nhiêu hoạt động chuyên môn là một hoạt động chung làm nền: ái tình vật, bắt bò lạc. Trưởng ty Bưu điện với cô Chi, trung úy Đạt với cô Thanh, phó quận Đạm, à! ông phó Đạm nhiều nhất nhé: em Thủy, em Chi, cháu Huyền, chị Dung, lại cháu Bình! Chiếc xe phòng ngủ lưu động của trưởng ty Lôu, những con tem thắng cảnh Hà Tiên, những đêm thăm dân lánh nạn tại trại tạm trú của ông phó quận, v.v.

Và làm nền chung cho cuộc sống của nam nữ nhân vật *Má hồng* là một thái độ vị kỷ, thượng tôn lạc thú, bi quan, bất cần đời. Có thể chọn vài người có lối phát biểu minh bạch nhất: chú Đạm và cháu Huyền.

Chú Đạm, một thanh niên trí thức, phó đốc sự mới ra trường, đã sợ thiếu thời giờ để sống, sợ sẽ “hối tiếc vì không thỏa mãn sự hưởng thụ” (trang 47). Gì chứ khoản hưởng thụ thì gấp lắm, phải tính ngay, ngay lúc này, không được chậm trễ. “Nhưng biết làm sao níu kéo lại được những giây phút này, giữ được khoảnh khắc này, ba giờ bốn mươi tám phút hai mươi giây”. (trang 47)

Cháu Huyền chưa xong trung học, nhưng tính bỏ ngang. Học làm gì? Tương lai gì? Rồi cũng đến

làm một bà chuẩn úy, thiếu úy thôi (trang 127). Cho nên Huyền chán đời, chỉ muốn đi lang thang ngoài đường, trong bóng tối (trang 102). Và chỉ muốn vào Sài Gòn... xem thử cho biết.

Thành thử họ là những kẻ thiệt thời, đang bất bình. Trai hăm lăm tuổi mà chỉ là phó đốc sự phó quận trưởng; gái mười mấy hết muốn học mà rồi chỉ được làm bà thiếu úy. Đáng hận quá, bất công quá. Thời gian trôi qua hoài, không chịu ngừng, thời gian là tối bậy bạ. Thời thế gì chiến tranh hoài không chịu yên cho người ta “sống”, thời thế là chúa nhảm nhí.

Trong khi ấy đối phương không ngớt tấn công dưới mọi hình thức, đối phương vừa tàn bạo, vừa quỉ quyệt gian manh. Cán bộ xã thôn ở hạ tầng cơ sở chịu trăm bề khốn khổ và thất vọng vì chính phủ ta “hiền” quá.

Khi tái bản *Má hồng*, nhà xuất bản Kim ở Hoa Kỳ đã viết trong lời giới thiệu: “Đặc biệt ông Nguyễn Hiến Lê đã nhận xét rằng với bối cảnh xã hội ta trong *Má hồng* thì đất nước sẽ phải đổ vỡ trong vòng mười năm”. Sự thực, đất nước đổ vỡ sớm hơn dự đoán của ông Nguyễn.

Vậy *Má hồng* “hay” vì là một tác phẩm phản ảnh chính xác xã hội? – Nếu có thể, nó chỉ có giá trị phóng sự, giá trị một thiên điều tra, một bản báo cáo.

Hai mươi năm sau khi Miền Nam Việt Nam đổ vỡ, mọi ưu khuyết điểm của xã hội cũ đã được xem xét

phân tích, một độc giả không còn tò mò về chuyện ấy nữa chắc chắn vẫn thấy *Má hồng* có sức thu hút. Thu hút vì những lý do không dính dáng đến thời cuộc, đến tình trạng xã hội, đến cái xấu cái tốt cái phải cái quấy của bất cứ ai vào lúc bấy giờ.

Vừa rồi, chúng ta có nói đến hai viên chức tốt, ấy là nói cách đại khái. Thực ra nhìn kỹ lại, cái “tốt” trong nhân vật Đỗ Tiến Đức không hề giản đơn. Một người tốt trong ý định muốn làm được việc, nhưng lại tồi trong cách thực hiện ý định: Côn Cho vụng về, thô lỗ, thiếu cần, các thuộc cấp ai cũng ghét ông, chế giễu ông. Một người khác nhìn vào hành động thì là cao cả, nhưng nhìn vào động cơ hành động lại e chẳng ra làm sao: Anh Thắng là một quân nhân đang được ngồi ngon ơ ở nha Hành ngân kế tại Sài Gòn, lại tự nguyện xin đi đơn vị chiến đấu, hi sinh trên chiến trường, bỏ lại cô vợ ca sĩ đẹp để mơn mớn. Không cao cả sao? Thế nhưng một hôm có anh thiếu úy đồng khóa Thủ Đức với Thắng bảo rằng thực ra Thắng bỏ Sài Gòn đi chỉ vì buồn cô vợ thay lòng đổi dạ: chết vì tình, vì vợ hư đấy thôi.

Thế đã xong đâu? Thiếu úy Xuân nói về anh Thắng như vậy ở trang 112, ngay trước mặt phó quận Đạm. Ba chục trang sau, phó quận Đạm kêu: “Chị Dung, chị Dung. Tại sao anh Thắng tình nguyện đi đơn vị chiến đấu”? Non tám chục trang sách sau nữa, phó quận Đạm vẫn thắc mắc, băn khoăn: “Thế mà có chi anh lại tình nguyện ra mặt trận, anh Thắng? Lòng

yêu nước, ý chí kiêu hùng của người trai Việt, có thể mạnh mẽ tới mức đó sao”. (trang 220) Thái độ Đạm có lý: Tin cả vào nhận xét của thiếu úy Xuân sao được? Lời nói của một sĩ quan đồng khóa, chắc gì đúng? Ồi, ngay từ ngày Đạm mới đáo nhậm quận châu thành đã có bao nhiêu đứa bạn xác quyết với Đạm rằng Huyền làm gái điếm, những đứa bạn ngang nhiên bảo chính mình đã ngủ với Huyền; vậy mà cho đến ngày cuối cùng, ngày chia tay nhau, đến trang chót của tác phẩm, kẻ sống gần Huyền nhất, sống ngay tại nhà Huyền, kẻ say mê cháu Huyền nhất – tức chú Đạm – loay hoay mãi vẫn không tài nào biết được Huyền là cô gái như thế nào.

Không ai biết được đích thực cái gì hết. Không có chuyện gì, không có người nào là giản đơn cả. Nào: hãy cử ngay trường hợp của Đạm, nhân vật xung tôi trong truyện ra mà xem. Đạm với Huyền cứ chú chú cháu cháu: chú cháu kiểu nào vậy? Đạm với Dung là chị em: chị em kiểu nào vậy? Đạm với Thủy, Đạm với Chi là bồ bịch đã đi tới cùng: cùng rồi lại biến ngay. Có thực là Thủy có thai? Có thực là Thủy với Chi cùng đi Pleiku? Họ đi làm gì trên ấy? Đạm tính sao với họ? Đạm với Bình lại chú cháu: chú cháu kiểu nào đây? Cháu Huyền cuối cùng có trao chú Đạm lá thư: lá thư sẽ đưa hai người tới đâu? Và chú Đạm thực ra là một người đàn ông tốt hay xấu? phó Đạm thực ra là một viên chức xấu hay tốt?

Nhân vật chính đã vậy, nói gì các nhân vật khác.

Anh phó ty Cảnh sát có tội tệt đối với bạn bè không? Giữa cô Chi với ông Bưu điện, liên hệ thăm kín ra làm sao?, v.v.

Đi vào sách ông Đỗ mà đòi tìm cho ra lẽ những cái ấy thì khổ thân thôi. Chẳng những ông không may mắn muốn giải quyết những rối rắm mơ hồ ấy, chính ông lại chủ tâm gây ra cái mơ hồ. Rối rắm ở đây không phải do hoàn cảnh oái oăm như trong thứ truyện phiêu lưu, truyện võ hiệp, truyện kỳ tình; mà là do một quan niệm sáng tác của tác giả. Tác giả gây ra và nuôi dưỡng cái mơ hồ. Trong liên hệ Đạm - Huyền chẳng hạn: tình cảm thực sự của Huyền đối với Đạm ra sao, cái bí mật ấy có lẽ được sáng tỏ sau khi mở lá thư của Huyền. Nhưng tác giả lại không chịu mở thư: tác phẩm kết thúc trước khi thư mở! Tác giả đánh những dấu hỏi lơ lửng khắp nơi.

Trước đây, các tiểu thuyết gia của ta không mấy ai có thái độ ấy. Cuộc sống trong truyện được xây dựng, xếp đặt, qui hướng rõ ràng. Cốt truyện sẽ nói lên ý nghĩa gì? mỗi nhân vật ăn nói thế nào, tâm lý ra sao? nhà văn biết cả, “nắm vững” cả. Nhà văn không những trình bày minh bạch cử chỉ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật, mà còn có thể vạch rõ những ý nghĩ thăm kín mà nhân vật không nói ra hay chưa kịp nói ra.

Trong cuốn *Tiêu sơn tráng sĩ* của Khái Hưng, khi Phạm Thái khen rượu ngon thì “Lê Báo nghĩ thầm: đã giới tửu mà còn biết rượu ngon”? (trang 51). Trong

truyện “Thế rồi một buổi chiều” của Nhất Linh, Dũng ngồi uống trà với sư cô trong đêm mưa gió ở chỗ tháp chuông vắng vẻ, lúc Dũng bảo “Chắc là sư cô có một nỗi khổ ngấm ngấm, một điều gì thất vọng” thì “Câu nói của Dũng nhắc sư cô nhớ lại những ngày đau đớn của quãng đời tục lụy ba năm về trước đây”, v.v. Sư cô nhớ thắm trong bụng, có nói ra đâu. Mặc kệ, tác giả vẫn biết rõ vanh vách. Cứ thế, ý nghĩa của mỗi lời nói mỗi việc làm được phân giải, uốn khúc của tâm hồn nhân vật được phanh phui cặn kẽ.

Gẫm ra, thuở ấy mọi cái trên đời đều diễn biến hợp lý, dễ dàng sáng tỏ, mà văn nhân lại sáng suốt tài tình. Đến một lúc nào đó, người ta phát giác ra cái bất khả khai phá của cuộc sống. Mỗi lời nói, bản văn, việc làm của con người đều có thể bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau, có thể suy diễn nhiều cách khác nhau, không có gì chắc chắn. Một sự kiện lịch sử nghìn năm xưa ghi lại chắc nịch, giờ sử gia tả phái nhìn cách khác, sử gia hữu phái hiểu cách khác, theo lập trường này thì ý nghĩa nó thế này, theo quan điểm nọ lại có ý nghĩa thế nọ. Suy diễn mãi không cùng. Một cuốn *Kiều* kể lên án người ca tụng, kẻ trông ra thế này người nhận định thế kia... Những cái có liên quan đến con người vốn hàm hồ và bất khả thấu triệt (*équivoque, inépuisable*). Một cô gái có lập lờ, khó hiểu, cũng phải thôi, cũng chuyện thường thôi.

Chuyện thường ấy, trước ông, không được chú ý. Đến Đỗ Tiến Đức nó thành một phát giác.

Nhất Linh cho rằng “Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực cả bề trong lẫn bề ngoài” (*Viết và đọc tiểu thuyết*). Vậy những cô Loan, cô Hà, cô Nhung, cô Mùi là những nhân vật được tả đúng từ ngoài tới trong trong khả năng của Nhất Linh.

Ở Đỗ Tiến Đức không có cố tâm ấy: nào ai biết cái bề trong của Huyền, của trung úy Đạt, của trưởng ty Độ nó ra làm sao mà đòi có ý định tả cho đúng? Đã bao nhiêu lần chú Đạm nhìn cô cháu bên cạnh, nhìn tấm thân óng ả, nhìn đến từng ngón tay từng sợi lông tơ trên tay mà băn khoăn khổ sở vì không tài nào biết được cái bề trong của cháu thực sự thế nào: “Những ngón tay nhỏ trắng lẩn với mảnh vải. Những sợi lông tơ phớt màu xanh thủy tinh vỏ chai. Tưởng như chỉ cần một giọt mồ hôi là cũng đủ làm tan cái thanh khiết ấy. Thế mà sự thực biết bao nhiêu mồ hôi đã thấm vào. Đã có bao nhiêu bàn tay mê man bóp nắn trong những phút giây cuồng nhiệt đôi cánh tay mềm như miếng thạch ấy rồi”. (trang 50) “Tôi nhìn Huyền, chợt thấy màu má trắng như miếng cùi dừa xiêm và đôi môi mọng đỏ. Nếu mình được hôn lên đôi má ấy, đôi môi ấy không biết sẽ sướng đến độ nào. Nhưng lại vụt nhớ ngay đại úy Trọng, Lôu, Đạt, với những cái mồm cười thoải mái, con ấy tốt lắm, nó ở với tao suốt tối qua, đụng nhau đến năm trận, mệt lử. Tôi ngược nhìn Huyền, thiết tha se sắt, có thật thế không em. Có thật thế không

em, Huyền. Bỗng nhiên nước mắt tôi muốn trào ra. Huyền ơi, anh chỉ dám mong được hôn em một lần, thật nhẹ, thật nhẹ lên má em, rồi thôi”. (trang 79)

Chú tha hồ quần quai, than trời trách đất, chú không thể biết Huyền là tiên hay là tục. Trong gang tấc, Huyền là cả một bí mật.

Nhất Linh khuyên tả đúng sự thực, tức giả thiết rằng sự thực có thể biết được, có thể thấu triệt. Có biết đúng mới tả đúng. Một đảng cố gắng thấu triệt sự thực. Đảng khác, trong *Má hồng*, là một cố gắng chứng tỏ tính cách bất khả triệt thấu của sự thực.

Nhưng như thế có làm ra cái “hay” của *Má hồng* chăng? Một quan niệm nhận thức nhân sinh, một chủ trương sáng tác, có thể làm ra sức thu hút, làm ra giá trị của cuốn tiểu thuyết chăng?

- Đồng ý là những quan niệm, với chủ trương, với lập trường nọ kia không làm ra văn hay thơ hay gì cả. Nghĩ rằng con người là giản dị hay phức tạp, là khả dĩ hay bất khả cảm thông, đều có thể viết nên tác phẩm hay. Hay dở tùy thuộc ở nghệ thuật thực hiện tác phẩm, không phải ở lập trường tác giả.

Trong trường hợp chúng ta đang nói đây, tính cách mập mờ, hàm hồ, của câu chuyện thu hút người đọc cũng như mọi bí ẩn khéo xếp đặt. Sự thực về Huyền chẳng hạn nó kích thích cái tò mò trong khi đọc, nó ám ảnh sau khi đọc. Tác phẩm để lại dư hưởng âm thầm.

Được thế, một phần do nghệ thuật của ông Đỗ.

Nhân vật Huyền rất linh động, có cá tính thích hợp với vai trò của nàng.

Gặp Đạm, nàng chủ động chọn cách xưng hô “chú cháu”, chiếm thế thượng phong, đặt Đạm vào vị trí nàng muốn. Lần đầu gặp Đạm nàng nhờ ngay Đạm ký một mớ giấy khai sanh để nàng kiếm một món tiền của “tụi bạn”: Đạm thú thực là đã sững sờ. Lúc từ già ông phó quận mới, trước mặt hai người khách đàn ông, cô học trò Huyền nói khẽ qua vai Đạm: “Vẽ”. Bình đẳng, thân mật lạ. Giữa đêm khuya trăng sáng bị bắt gặp trong lúc đang tắm lửa lỗ, nàng kêu “Nè. Cấm nhìn” bằng cái giọng “như mèo kêu khi cọ đầu vào người làm nũng”, rồi tạt nước đuổi Đạm vào nhà. Thế nhưng khi chuẩn úy Giang toan làm hỗn thì Huyền âm ỉ ngay. Trông thấy cháu Bình đeo lấy chú Đạm đùa cợt, Huyền bảo: “Con nhỏ này đã lèm mép lắm rồi. Cấm không được chú chú cháu cháu nữa bây giờ”, rồi bỏ đi, v.v.

Nếu Huyền cứ ngay thực, chân phương như Thủy như Chi, nếu nàng không vừa tình tứ, vừa táo tợn, đáo để, vừa thông minh vừa uyển chuyển khó lường..., nếu nhân vật Huyền không được xây dựng tài tình, sống động, vừa thực lại vừa thích hợp như thế thì ông Đỗ có “lập thuyết” gì cũng hỏng thôi.

Tôi không đọc được khắp các tác phẩm của Đỗ Tiến Đức. Vả lại, trước tháng 4/1975 ông Đỗ cũng không có nhiều tác phẩm tiểu thuyết xuất bản. Nhưng trong chuyện nghệ thuật cái nhiều không

hắn đã hay gì. “Dụng tinh bất dụng đa”. Một cuốn *Má hồng* cũng đủ xứng đáng.

2/1995

# ***MỘT BUỔI CHIỀU<sup>1</sup>***

Tôi với tay mở máy thu thanh để đoán giờ. Có những tiếng trẻ con nhí nhảnh khéo léo đang diễn một cảnh nô đùa bên máy vi âm. Vậy là chưa tới bốn giờ. Ngủ một giấc lâu thế mà cũng chưa tới bốn giờ. Tôi vươn vai ngáp một mồi. Biết làm gì cho tiêu nốt buổi chiều chủ nhật đây. Chiều chủ nhật buồn. Nằm trong căn gác đều hiu. Cả ngày chủ nhật buồn. Tất cả mọi chủ nhật đều buồn.

Buổi sáng còn hy vọng gặp vài tên trưởng ty vô công rồi nghề hay vợ con ở xa lúc ăn điểm tâm để tán láo. Chờ giờ ăn cơm trưa. Buổi chiều thì biết đứa nào chui rúc ở đâu mà tìm. Đạt chắc lại điệu em Thanh vào rừng dương của anh Thủy lâm, nếu không đi bắn nhau. Tại thằng Độ, Lâu, Trai, Hưng yên chí mười phần mười là ngồi rút xì ở nhà Thuyết. Anh giáo triết gia Quang thế nào cũng đóng cửa tưng nốt những trang rô-nê-ô để năm nay còn chứng chỉ cuối, lấy nốt cho nó xong.

Tôi trở dậy lấy diêm đốt thuốc. Những sợi khói nhạt nhẽo vụt khỏi miệng tan vào luồng nắng xiên từ một lỗ thủng nào trên tường ván. Thời gian hình như vẫn đang trôi qua đấy chứ. Và mình vẫn đang già

*thêm đấy chứ . Cuộc đời người được coi là thắm thoát thoi đưa, bóng câu qua cửa, ngắn lắm đấy chứ. Nhưng biết làm sao níu kéo lại được những giây phút này, giữ được khoảnh khắc này, ba giờ bốn mươi tám phút hai mươi giây. Đến một ngày nào đó, đời ban cho tiếng cụ, không biết mình sẽ nghĩ thế nào về tuổi trẻ? Hối tiếc vì không thỏa mãn sự hưởng thụ. Hài lòng? Vì... Vì gì? Ba giờ bốn mươi tám phút hai mươi tám giây. Biết làm gì bây giờ? Sống để chờ đợi đổi thay tươi vui nào ở ngày mai?*

*Gian nhà trống trơn, đón nhận những tiếng la inh ỏi của bầy trẻ đùa ngoài hiên. Tôi lắng nghe xem Huyền có nhà không. Nhưng bên kia tấm vách cũng hoàn toàn im lặng. Buổi trưa, lúc đi ăn cơm về Huyền mang cho tôi chai nước đun sôi để nguội. Huyền hỏi nhẹ chiều chú có mục chưa. Tôi lắc đầu trả lời hết không còn chỗ nào để đi. Huyền cười bảo thế chú không thích lang thang trong chiều chủ nhật? Tôi nhìn đáng điệu nhí nhảnh nhưng đoan trang của Huyền. Lòng lại nhớ những lời của đại úy Trọng nói về Huyền . Nên tôi không nói gì. Huyền im lặng theo. Rồi lát sau Huyền nói như chợt nhớ nếu chiều chủ không đi chơi, cháu sẽ rủ chú đi xem niềm vui tỉnh nhỏ. Tôi gật, đồng ý.*

*Như vậy chả lẽ Huyền bỏ hẹn. Hay hôm nay máy bay phản lực không tới oanh tạc. Tôi ra mở cửa nhìn xéo sang khoảng bờ hiên trước nhà Huyền. Tay búng tàn thuốc bay qua đám trẻ, rớt xuống mặt đường*

nhựa. Con Phượng đang nhảy dây, bỗng dừng tay nhìn tôi rồi quay vào nhà:

- Chú Đạm đó chị Huyền.

Huyền bước ra, trên tay cầm mảnh khăn trắng và những cuộn chỉ màu xanh đỏ. Tôi cười đón Huyền:

- Tưởng đã đi rồi. Huyền tới bên tôi:

Cháu có hẹn chú đi xem niềm vui tình nhỏ mà. Chú quên?

- Chú vẫn chờ máy bay tới đấy chứ.

- Vậy thì sao chú lại hỏi cháu câu ấy? Chú coi cháu như con nít, phải không.

Tôi cười lúng túng. Thấy rõ ràng mình đang cười cầu tài. Huyền thì vẫn thản nhiên đưa những mũi khâu nhấp nhô trong mảnh vải. Tôi mở rộng cánh cửa nhưng Huyền đã ngồi bệt xuống thềm nhà ngay sát chân tôi. Ngồi ngoài này cho mát, chú. Tôi kéo chiếc ghế tới gần cửa để tạo một chút xa cách.

- Huyền thêu khăn cho ai?

- Nhà trường bắt tội cháu mỗi đứa phải nộp hai chiếc khăn thêu để gửi tặng các anh chiến sĩ.

- Huyền thêu chữ gì?

- Cháu thêu một trái tim màu xanh lá cây, cho có vẻ hòa bình và chứa đựng nhiều tình yêu, xong thêu một hàng chữ, điệu lắm, thân gửi tới anh, tình của em.

- Đây là do lệnh phải làm, nhưng riêng Huyền, Huyền có thương các anh chiến sĩ không?

Huyền ngược nhìn tôi, cười:

- Chú hỏi để tình nguyện đi lính, hả. Cháu nói thật ít khi cháu nghĩ tới ai ở xa hoặc không liên quan tới cháu. Nhưng những gì cháu gặp, cháu nhớ hoài. Như anh trung sĩ Là, trước ở gian này, bị chết, cháu khóc cả tháng. Mọi người cứ tưởng cháu yêu anh ấy.

Rồi ngừng tay, Huyền đảo mắt nhìn vào trong nhà. Đôi mắt bỗng u buồn, màu đen trong tròng mắt và làn mi như pha tối, biến hai con mắt thành hai vệt mực tàu trên trang giấy bản. Tôi nghe Huyền nhỏ giọng kể.

- Anh Là thuê gian này được bảy tháng, anh ở một mình. Không thấy anh nói chuyện ba anh, má anh, các em anh bao giờ. Ngày ngày đi làm trên tiểu khu, trưa và tối ở miết trong nhà, thổi khẩu cầm hết bài này sang bài khác. Thế rồi, một tối khoảng tám giờ hơn, xe tiểu khu tới đập cửa, gọi anh đi hành quân gấp. Lúc đó anh mượn của cháu chiếc cắt móng tay để cắt. Anh mới cắt được ba móng. Thế là anh đi luôn. Anh đã chết. Sĩ quan tiểu khu tới đây hỏi thăm tin về họ hàng anh nhưng không ai biết. Cuối cùng, người ta lấy đồ đạc của anh ấy đi. Đựng vừa hết trong một va-ly. Hình như trung sĩ Là mới hai mươi tuổi. Người Bắc.

Tôi định nói đùa thảo nào cứ lúc nửa đêm là có người vỗ vai gọi chú dậy đòi ngủ chung. Nhưng nghĩ câu nói như thế sẽ không được Huyền hưởng ứng. Huyền lại cúi xuống đưa mũi kim kéo sợi chỉ màu xanh xuống hình trái tim vẽ bằng bút chì màu đen. Những ngón tay nhỏ trắng lẫn với mảnh vải. Những

sợi lông tơ phớt màu xanh thủy tinh vỏ chai. Tưởng như chỉ cần một giọt mồ hôi lạ cũng đủ làm tan cái thanh khiết ấy. Thế mà sự thực biết bao nhiêu mồ hôi đã thấm vào. Đã có bao nhiêu bàn tay mê man bóp nắn trong những phút giây cuồng nhiệt đôi cánh tay mềm như miếng thạch ấy rồi. Tôi chợt thấy một nỗi xót xa hối tiếc lạ thường. Hối tiếc như chính tôi dự phần phá hoại đời Huyền. Như chính tôi đã không cứu nổi Huyền.

Sợi dây thường vẫn quay vòng tròn hình thoi giữa hai đứa trẻ. Một đứa khác co chân nhảy tránh giữa vòng, tung tăng đếm số. Em nhỏ ơi, rồi cuộc đời em cũng sẽ lẫn quẩn trong một cái vòng như thế. Em sẽ âm thầm đếm tháng năm qua trên mái tóc. Vậy em cần gì phải tập cái trò này? Tuy thế chúng vẫn thi nhau la lối, cười nói. Ước gì những âm thanh đó tràn ừa vào lòng mình chút ít.

Tôi không chịu nổi sự im lặng lâu hơn nữa:

- Nhà đi hết cả, Huyền?

Huyền vẫn cúi đầu:

- Ông cụ đi đánh bạc đấy. Hoài hoài. Chủ nhật, ngày nghỉ nào cũng đi từ sáng hôm trước đến sáng hôm sau. Chán lắm chú ơi. Nhiều lúc cháu chẳng thiết gì nữa nên đi lang thang cho quên bớt.

- Chịu khó học, kiếm vài mảnh bằng cho đời có hướng đi lên chú.

Huyền xì một tiếng:

- Thời buổi này mà chú, nghĩ xa xôi chỉ là viễn

vòng. Như anh Là, chú thấy không, chưa cắt xong mười cái móng tay đã chết rồi. Tương lai ở đâu với cái chết ấy?

Tôi ngáp ngừng:

- Có phải cả mười bốn triệu đồng bào đều chết cho cuộc chiến tranh này đâu. Mình phải tin tưởng ở ngày mai.

- Ngày mai. Ngày mai. Ngày mai là bao giờ và như thế nào? Chú thử phác họa xem có hấp dẫn không? Cháu nói thật điều này, những lời vừa rồi chú diễn tả không thành thật với lòng chú đâu. Chắc chú tin ở ngày mai lắm nhỉ? Ngày mai chú sẽ lên chức ông quận trưởng, hay tỉnh trưởng, hay bộ trưởng? Hay chú mộng cảnh sống đẹp hơn thế nữa? Cháu nghĩ rằng có lẽ chú chỉ có những cái mộng nhỏ như được đổi về Sài Gòn này, được hoãn đi lính này, phải không?

Huyền đã dồn tôi vào ngõ cụt. Con bé này hiểu đời quá sức. Nó đã nhìn thấy tim gan mình thì cãi làm sao nổi. Tôi đành ngồi yên lơ đãng nhìn ba đứa trẻ quay với sợi dây. Một lát sau Huyền tiếp:

- Dù sao, thế là chú còn hạnh phúc nhiều lắm. Cháu đây mới thật là bất hạnh. Không có cái gì để mong hết. Ngoài việc lấy chồng. Điều này lại giản dị quá vì chồng đứa con gái nào bây giờ lại không là lính. Tưởng tượng sơ thế thôi chú đã thấy buồn chưa? Cái thân thể trau chuốt thế này...

Gió rì rào trên lùm cây trướng cá làm rung những mảnh nắng vàng xuống ba đứa trẻ. Ở ngoài đường

một chiếc xe nhà binh phóng nhanh về phía chợ, xả bụi mù sang hai bên hè phố. Con nhỏ này còn chán đời thường trực và sâu xa hơn cả mình. Hay chính nguyên do này khiến em truy lạc? Tôi lại quan sát Huyền. Mái tóc như vừa gội chưa khô không còn một nếp uốn. Chiếc cổ tròn. Cánh tay dài và tròn như ống tre. Huyền vẫn bình thản đưa những mũi kim nhấp nhô trên mặt vải. Chịu. Không thể tin nổi đứa con gái như thế mà đã ôm ấp cả chục người. Có đại úy Trọng. Những vết lang ben loang sần sùi trên gáy. Có trung úy Đạt vũ bão khô khan không một chút tình thương. Bỗng một bóng người hiện ra lù lù trước mặt. Mọi ý nghĩ của tôi vụt tan như bóng tối nhầy nhụa khi ánh đèn bùng cháy rực rỡ sáng láng. Chúng tôi cùng trông lên. Một bà già còm côi. Quần áo là một tảng màu nâu pha đen. Chắc lại vụ ăn xin chứ cóc gì.

Bà già đứng một tí rồi thân nhiên ngồi bệt xuống sân, cái túi vải bỏ sang bên. Bà quay sang xem mấy đứa nhỏ đếm lạnh lạnh, thở và nháy chơi chơi trong vòng sợi dây xoay hình con thoi. Miệng và mắt bà ta hiện ra những nét tươi cười nhưng im lặng như một pha phim câm. Mãi bà mới nói:

- Mát quá hả. Bên tôi nóng bức ghê lắm. Nhà bằng tôn mà. Tường mái bằng tôn hết trơn.

- Bác ở đâu?

- Bên trại Phước Mỹ đó. Tối hôm qua tụi nó vừa về nữa nè. Đốt trại hết rồi.

Huyền cười:

- Thế mà còn kêu nóng vì lợp tôn. Thế lính mình đâu cả?

- Lính mình hôm sau mới tới. Nhưng tụi nó đi hết rồi, còn bắt theo mấy người.

Hình như Huyền nhìn tôi chăm chú:

- Phước Mỹ thuộc quận của chú mà? Chú biết vụ đó không?

Tôi gật đầu.

- Có chú, chú biết những vụ như thế nhưng mỗi ngày ba bốn vụ thì làm sao nhớ hết. Buổi đầu chú xúc động lắm. Chú đi ra đi vô như con chó bị xích cổ, chỉ còn biết kêu ăng ẳng. Ngoài ra chú làm được gì, chú làm được gì.

Bà già vẫn cười. Những nếp nhăn trên mặt xếp gọn ghề như những nét khắc nghệ thuật và tỉ mỉ trên đồng đen, diễn tả trọn vẹn nét từ bi của nội ngồi bên nôi nhìn cháu đang ngủ, với những cử chỉ hờn dỗi mù dạy:

- Hai thằng con trai tui chết hết rồi. Một thằng bị tụi nó bắn xuân năm ngoái vì nghi là theo quốc gia. Thằng thứ hai thì bị Đại Hàn bắn mấy hôm rày. Tại nó về quê đó. Tận trong Hòa Mỹ, để lấy chiếc võng cho con nó nằm. Đại Hàn bắn luôn cùng với tám người nữa, về lấy rơm cho bò ăn. Tụi nó bỏ xác vào cái hố, chung nhau hết. Vợ nó làm đơn xin phép quận về nhận xác hoài không được. Mới liêu trồn về ban đêm kéo được xác chổng nó. Da thịt bong nát be bét, không biết có phải nó nữa không. Con vợ nó tội lắm, bảo đừng về lỡ tụi nó bắn chết để con ai nuôi mà nó bảo để chổng nó chết như thế nó không chịu được, chết thì thôi.

Tôi lặng người, tâm trí rạn rạn như đang nghe một bản án. Nắng ở ngoài đường bỗng chói chang lạ thường. Có tiếng nói của Huyền thật êm:

- Thế bây giờ bác sống bằng cách nào? Bác có mấy cháu?

Ba đứa của thằng nhỏ, ba đứa của thằng lớn. Mẹ thằng lớn mang con đi nơi khác rồi.

Huyền nhắc lại:

- Thế bác sống bằng cách nào?

- Có gì ăn nấy. Chính phủ cho, Mỹ cho. Đi xin. Mẹ tui nhỏ trước mang con đi xin ở trên này này. Nhưng giờ thôi rồi.

- Ở nhà làm gì mà sống?

Vẫn chỉ thấy nét cười trên khuôn mặt đen xạm. Tuyệt nhiên không tìm ra những cảm xúc. Tiếng bà vẫn đều đều:

- Nó có hai cái quần. Cái lành mặc ban ngày đưa con đi xin. Cái rách mặc đêm. Tui nó đốt trại, cháy tuốt. Nó bế con chạy, có mang được gì theo? Còn mỗi cái quần rách hở cả ngoài mà dám đi đâu. Vá không được, rách quá rồi.

Những tiếng ì ầm cồn cộn khắp bầu trời. Tôi ngược lên nhưng chỉ thấy mây trắng với trời xanh. Lại nhìn bà cụ. Cái mặt khô nứt da nhăn nhúm trông như quả ô mai muối. Má tôi cũng nhỏ, cũng già như bác đấy, bác ơi. Đã lâu lắm, tôi có được nhìn khuôn mặt của má tôi đâu. Lòng tôi thốt hoang mang, mông mênh một niềm đau xót. Lại nhìn bà già. Đôi mắt chảy dài.

Nụ cười chảy dài. Nhưng nhất định không có một xúc động nào biểu lộ, và nếu in trên ảnh thì nhất định quan khách chỉ tìm thấy mỗi một nụ cười.

Vẫn bằng giọng thanh thản của bà già kể chuyện cổ tích cho cháu nghe:

- Bây giờ cháy hết rồi. Mọi thứ mang đi theo từ nhà tôi trại được cũng cháy rụi, trông đến buồn cười. Cái mâm...

Bà bỗng bật cười ngặt nghẽo, cái đầu lắc qua lắc lại thật chậm rồi đổ nghiêng về một bên vai:

- Cái mâm bằng nhôm đen thui, bỏ bụi như đất...

Và bà lại cười, giọng cười đầy thỏa mãn thoát ra từ khuôn mặt quắc queo quắc quai. Những đứa trẻ vẫn tung tăng nhảy nghịch với những tiếng reo lao xao sắc nhọn rồn rợn gợi tới hình ảnh một bờ tường gần đây mảnh thủy tinh vỡ chói lóa ánh nắng. Một lát, vừa xoa bóp bắp đùi, bà già tiếp như độc thoại:

Không còn cái gì hết trơn. Ruộng bỏ không hai mùa rồi, nhìn đất mà đói chó.

Sao bà lại có một vẻ vô tư quá vậy? Hay bà đang chỉ kể lại một câu chuyện của nhà hàng xóm hoặc ai đã kể cho bà nghe? Huyền cũng ngồi nghe với dáng thờ ơ kỳ lạ, hai tay vẫn tiếp tục thêu thoãn thoắt. Tôi đành hắng rồi hỏi bà già bằng câu của Huyền ban nãy:

- Thế bây giờ bác sống bằng cách nào?

Bà già ngừng lên:

- Hả? Đi xin. Sáng đi xe ngựa từ Dốc Quít sang đây mười đồng. Chiều đi xe ngựa về mười đồng.

- Vậy mỗi ngày bác xin được bao nhiêu?

- Có ngày hăm lăm, có ngày ba chục không chừng Thêm vài nhúm gạo. Tôi muốn xin một cái quần cho dâu tôi mà không ai cho.

Câu trả lời khiến tôi ngẩn ngơ:

Như thế mỗi ngày bác chỉ còn năm mười đồng? Vẫn chỉ có một giọng bình thản:

- Thế thôi chứ.

Huyền ngừng nhìn tôi, để cháu cho bà ấy cái quần vậy. Tôi gật đầu. Lát sau Huyền mang ra một chiếc quần đen, gấp ngay nếp ủi.

- Tôi cho bà đây này.

Bà già hả, rồi nhìn chiếc quần mới trên tay Huyền:

- Không dám đâu. Có cái nào rách thì cho chó mang cái này lính nó tưởng tôi trộm ở đâu lại chết.

Huyền cười cúi xuống để đặt món quà vào tay bà già:

- Bà không lo, để tôi làm cho bà cái giấy chứng nhận.

Rồi quay sang tôi, nháy mắt:

- Có ông phó thị thực đảng hoàng nữa.

Bà già gờ cái quần sát tận mắt, cười kêu chu cha mới quá mà cho thật không. Huyền đáp bộ tôi giỡn sao. Tôi cho bà thì rồi ông phó quận trưởng sẽ thưởng tôi chó mất không đâu mà bà lo. Phải không, ông phó của cháu? Sau đó, bà già bỏ đi, bà để cho chúng tôi mỗi một nụ cười tần ngần khi ngoài cổ trông lại. Bóng bà di chuyển thật chậm, bước thấp bước cao thất thểu ven bờ cỏ bên đường mờ mịt bụi đỏ nồng vẫn lên sau mỗi chuyến xe

xuôi ngược. Mấy phút sau, chợt Huyền ngừng nhìn tôi. Vẫn cái nhìn thật chậm, thật chết, rồi nói:

- Chú cho cháu đi làm như chị Chi, được không? Tôi còn vương những tư tưởng dần vật:

- Chú có quyền gì đâu. Cái nghề của chú có vẻ thừa đối với cái xã hội mà ai cũng cảm sung. Nên chú làm ở quận châu thành, thiên hạ đã coi như một đặc ân của cấp trên ban cho, đâu phải mình xứng đáng được hưởng. Huyền hiểu chú nói chưa.

- Thế ai cho chị Chi vào chỗ chú làm?

- Chú không biết. Khi tới nhận việc chú đã thấy có cô Chi.

Huyền nhú mày, rồi nhướng mày lên, mở mắt lớn nhìn tôi:

- Cháu hiểu rồi. Bồ của chị ấy vận động cho chị ấy.

- Ai? Bồ của cô Chi là ai?

Huyền cười:

- Chú làm gì mà cuống lên thế. Vậy chú chưa biết mối tình của chị Chi và ông trưởng ty Bưu điện.

Tôi hết sức ngạc nhiên, định hỏi có thật không. Nhưng vội kìm lời lại được. Mình liên quan gì mà phải sẵn tin cho Huyền thêm nghi. Chúng nó yêu nhau hoặc lấy nhau thì cũng chết ai đâu. Nhưng liệu Huyền có biết rõ chuyện này hay chỉ mới phỏng đoán. Cái không khí của tỉnh nhỏ là hay đồn đại tất cả mọi sự việc dù rằng chưa xảy ra.

Vậy đây chắc gì đã có lửa cho một chút khói mơ hồ bay qua. Tuy thế, từ khi nghe Huyền nói tôi mơ

hồ cảm thấy đó là chuyện thật. Tôi chưa biết tại sao. Độ chỉ mới hỏi về Chi một lần ở nhà bưu điện. Sao anh bắt Chi đi công tác xa thế. Anh gắng giúp cho Chi được về quận sớm được không. Tôi như chợt hiểu ra anh Độ yêu Chi thật.

Huyền bỗng ngược nhìn trời, nói sang chuyện khác, giọng vui tươi như vừa tỉnh mộng:

Số chú xui rồi. Hôm nay phân lực không tới.

- Thành ra chú mất cái giải trí cuối tuần. Mai phải bắt đền mới được.

Huyền đứng dậy:

- Chấm dứt nhé. Cháu đi chơi một lát. Ở nhà thấy buồn căng, nhớ cái gì đâu không biết.

Giữa lúc ấy, một chiếc xích-lô chở một thanh niên bế một đứa nhỏ, đỗ ngay trước cửa. Tiếng thắng xe cách cách khiến Huyền quay ra. Rồi rất nhanh, Huyền quay lại nói với tôi:

- Anh Quang của cháu đấy.

Thân thể Quang to lớn, đen sạm. Giống như một người lính. Huyền và Phượng chạy ra tranh nhau giật đứa nhỏ trên tay anh. Huyền cao hơn nên đón được, bế chặt chiu ép vào má, lún cún chạy vào trước. Quang thấy tôi, vội cúi chào. Tôi gật đầu chào lại. Quái sao anh chàng này biết mình. Chắc đã gặp trong buổi họp nào hoặc có việc gì tới quận rồi. Như vậy thì chính mình bắt đầu mất an ninh đấy nhé. Dân đã biết mặt thì Giải phóng nó còn biết kỹ từng cái nốt ruồi trên mặt. Tránh sao nổi.

*Huyền giới thiệu:*

- Anh cháu dạy học ở xã Hương Long, chú biết chưa. Tôi bắt tay Quang, rồi như nói riêng với Huyền:

- Hương Long thuộc quận chú nhưng xa quá, chú chưa tới nên chưa quen anh Quang.

Quang thường tránh những cái nhìn của tôi. Anh đứng khoanh tay trước ngực, xem Huyền nô giỡn với đứa nhỏ:

- Bây giờ không thể tới Hương Long được nữa, ông phó. Mất an ninh hoàn toàn. Tôi đã bị cảnh cáo bốn lần và sắp bị sa thải với lý do bỏ nhiệm sở bất hợp pháp.

*Tôi ngạc nhiên:*

*Chắc anh xích mích với ty Tiểu học?*

- Không. Mấy ông ấy làm đúng nguyên tắc nhưng không chịu hiểu sự thật mà thôi. Ông phó tính, vùng ấy giờ mất an ninh. Quân đội tới hành quân là bắt đóng cửa trường, cấm giáo viên vô xã. Rồi khi quân đội rút, lớp học mở lại thì tụi nó đã lãng vãng kéo về, quấy rối, khủng bố. Trong phòng học, chúng nó kê đầy những khẩu hiệu dả đảo chánh phủ. Ở chỗ bàn thầy giáo, treo một lá cờ giải phóng to bằng cái chiếu. Tôi không dám đụng tới những thứ đó. Tụi học trò toàn là liên lạc viên của tụi nó. Dễ mất đầu lắm. Vì thế tôi kiếm ông chủ tịch xã để nhờ giải quyết. Ông xã bảo tôi phải lo. Thế là đương nhiên tôi ở cái thế kẹt. Xóa thì giải phóng giết. Để vậy thì quân đội đi ngang cũng chết. Tôi trình ông trưởng ty để xin quyết định. Ông ty

*bảo vùng đó an ninh, bản đồ bình định của tỉnh ghi như thế. Ông bắt tôi trở lại dạy học. Tôi không dám đi. Vì vậy, tôi bị khiển trách liên tiếp hoài.*

*Tôi nhớ rõ màu sắc phân chia khu vực an ninh trên bản đồ bình định, thấy quả nhiên xã Hương Long thuộc vùng quốc gia. Vùng ảnh hưởng của ta mà đã có những tình cảnh này? Tôi nhìn Quang một lần nữa. Nét mặt anh thật cương nghị. Không tìm ra dấu vết yếu hèn nào trong cử chỉ của anh. Đứa con trai anh giống anh như có sự thu nhỏ lại từ thân xác anh. Huyền nâng niu cháu, đôi môi hôn không ngắt quãng. Phương bắt Huyền phải đặt cháu xuống đất để xem nó đi đã vững chưa. Hai người giành nhau. Quang dàn hòa bảo anh sẽ để cháu Hồ ở đây chúng mày tha hồ bế, nó đá vào quần áo ráng chịu. Huyền trả lời bằng hai tiếng ô-kê. Rồi chạy tuốt vô nhà. Tôi không có chuyện để nói với Quang. Đứng chờ vợ ngượng ngập một lát, Quang nhìn tôi khẽ nghiêng người chào rồi chậm chậm bước lên thêm nhà, tôi quay vào thật mau. Chiếc đồng hồ tay ở trên giường chỉ bốn giờ năm mươi ba phút. Bốn giờ năm mươi ba phút. Vẫn còn nhiều thì giờ quá. Làm cái gì cho tới bảy giờ đi ăn cơm chứ? Viết thư.*

*Hình dáng Thủy vụt hiện ra trong trí tôi. Mình chưa gởi thư cho Thủy. Chắc từ hôm ấy Thủy mong lắm. Nhưng liệu Thủy có mang thai thật không? Nếu có thì nay đã được gần hai tháng. Với tình trạng đó, Thủy xử trí thế nào. Bắt đã biết chưa mà không có thư*

cho mình. Hay nó khinh mình đồ đều nên không thèm liên lạc nữa?

Đầu tôi phát nóng. Không ngờ đời lại ngang trái, khổ cực thế này. Mình còn nhớ chính Thủy nói em mới sạch, nên mới cố gò cho bằng được. Nếu không ai dám liều mạng. Tôi tức bực, lăm bằm con nhỏ dần như heo.

Bóng tối đã có trong căn phòng. Tôi bỗng nhớ anh trung sĩ Là. Hình như trung sĩ Là mới hai mươi tuổi, người Bắc. Anh Là ơi, tôi cũng như anh, y hệt anh. Nếu ngày nào đó tội nó cắt cổ tôi, cũng sẽ không ai biết tôi là ai. Không biết chị Dung tôi có ra nhận va-ly đồ của tôi hay thấy nó không đáng gì so với vé máy bay khứ hồi, nên bỏ.

Tôi vợ quần áo trên vách, mặc vội vả rồi ra đường. Có lẽ mình phải tập đăm mê một vài thứ để tiêu bớt thì giờ mới được. Làm việc là thú nhất. Nhưng thiên hạ sẽ cười mình cố tình kiếm điểm. Vậy thì đánh bạc. Hay theo một thứ tôn giáo nào đó để được đọc kinh, được đi dự lễ.

Nắng chiếu vương trên lối đi ẩm như hơi thở. Những chiếc xe jeep thấp thoáng những màu áo chạy vòng trong đường phố đến nỗi gặp nhau không buồn chào. Một chiếc xe ngựa đang đỗ trước cửa nhà thương. Người ta vừa đỡ từ trên xe xuống một người bó kín bằng những lượt quần áo và chăn mền. Lúc tới gần, tôi nghe có tiếng nói ông ấy bị dịch hạch. Con ông ấy chết đêm qua. Sáng nay xã điện lên quận xin xe

*chở ông ấy lên nhà thương nhưng ở quận không có ai giải quyết. Bây giờ phải thuê xe ngựa chở đi.*

*Tôi bước theo đám người đó vào nhà thương. Quanh cảnh diễn ra trước mặt tôi giống như cái chợ. Thật đông đúc nhộn nhịp. Một bệnh nhân băng trắng suốt chiếc cẳng, nằm co ro trong chiếc võng, mắc ngang giữa hai cây dừa. Một chai thuốc to như chai tàu vị yếu buộc vào tàu lá dừa lắc lư sợi dây cao-su dòng xuống người đàn bà bất hạnh. Mình có làm được cái gì cho bớt cảnh thương đau này không? Tự nhiên tôi nhớ Huyền. Huyền là thứ trái cây tôi ao ước với cái miệng đã khô nước.*

---

### **Chú thích**

<sup>1</sup> Tên do người trích tuyển đặt tạm. (Trích Má hồng)



# HOÀNG NGỌC BIÊN

**H**oàng Ngọc Biên, ông có nhiều say mê về phía Tây phương. Thường thường hướng về những cái mới, những cái khó.

Ông mê Marcel Proust từ ngày mới bắt vào văn chương. Rồi cuốn sách đầu tiên của ông do nhà Trình Bày xuất bản là cuốn viết về *Mười nhà văn Pháp hiện đại*.

Ông nhạy cảm. Mọi máy động trong các lãnh vực văn nghệ ở Âu Mỹ, ông đều bắt được ngay. Bắt được, và bám riết, và say mê. Trong chỗ bạn bè với nhau, lúc phong trào tiểu-thuyết-mới thịnh hành ở Pháp thì tại Sài Gòn anh em gọi đùa Hoàng Ngọc Biên là ông Biên-Butor! Tên ông được ghép liền với tên một kiện tướng tiểu thuyết-mới bên Pháp. Và Wislawa Szymborska vừa nổi bật lên ở Ba-lan thì bà được Hoàng Ngọc Biên phiên dịch và vinh danh trước khi Hội đồng giải Nobel kịp chú ý. Sau này, thành tích của trường phái thơ mới ở Ba-lan cũng chính do

Hoàng quân “tường trình” cùng độc giả Việt Nam hải ngoại.

Hoàng Ngọc Biên viết truyện, làm thơ, dịch thuật, viết tiểu luận, v.v. Thử nào cũng thận trọng, cũng ít thôi.

Truyện, nhà Cảo Thơm có xuất bản cuốn *Đêm ngủ ở tỉnh* của ông năm 1970. Một số truyện ngắn khác đã đăng trên tạp chí *Trình Bày* trước 1975, nhưng mãi hơn hai chục năm sau mới được xuất bản ở Mỹ (*Người đạp xe vào thành phố buổi sáng, Chuyển xe*).

Trong truyện ông không có nhân danh, không có địa danh. Người chờ *chuyển xe* là chờ ở tại ga nào? Không biết. Tỉnh nào? Không biết. Định đi đâu? Không biết. Để làm gì? Không biết. *Người đạp xe vào thành phố*, người ấy tên gì? ở đâu? Không biết. Người đọc có biết ông ta đạp xe đi mần kiếm sống. Thế thôi. Những cái người đọc biết rõ là trời tối, trời sáng, trời sáng hơn, là dây tường, con đường, chiếc áo xanh, cái quần không còn màu, v.v. Người viết chỉ ghi nhận những cái ấy. Bằng cái nhìn *objectal*. Nhìn cái bên ngoài: hình dạng, màu sắc, cử động, khía khuống... Nhìn, và loại trừ mọi xúc động, nhận xét, suy tưởng.

Như vậy được chăng? Người ta có thể, có nên giữ thái độ khách quan, đến lạnh lùng tuyệt đối như vậy đối với đời chăng? – Sao không? Mùa hè 1961 vợ chồng Alain Robbe-Grillet gặp một tai nạn máy bay tại Hambourg, chiếc Boeing 707 họ đi bị vỡ làm ba. Phóng viên xúm vào hỏi han, rồi tường thuật sự

việc trong một bài báo sôi động, đầy xúc cảm. Jean Cau liền chê ông tổ sư tiểu-thuyết-mới trên tạp chí *L'Express* là không giữ được văn phong. Hai mươi năm sau, trong cuốn *Le miroir qui revient*, Alain Robbe-Grillet phân trần: mọi ồn ào, xúc động, là do phóng viên cả. Suýt chết, ông vẫn *objectal*. Có lẽ ký giả nọ cho rằng ông nói năng nhạt nhẽo, nên thêm mắm thêm muối vào đấy thôi.

Khi có chủ trương định hướng vững thì ngay mình suýt chết còn thế; hướng hồ khi nhân vật thông thả đạp xe vào thành phố, việc gì mà rối lên? Mà cảm với nghĩ nặng xị cả lên chứ? Ở hay!

Bốn thập niên kỷ sau thời phát cờ rần rộ, phong trào tiểu-thuyết-mới suy tàn. Tại nước gốc, các kiện tướng đã già nua mệt mỏi. Còn Hoàng Ngọc Biên thì cuối những năm 90 ông thu góp các truyện đăng báo ngày xưa mà xuất bản thành sách. Lặng lẽ, kiên trì. Ở Việt Nam, phong trào không rần rộ, lực lượng tham gia không đông đảo bằng ở Pháp (tất nhiên); nhưng cái kiên định trong chủ trương thì có thừa. Hoàng quân dần dà tự xác nhận vai trò trung kiên của mình trong trường phái tiểu-thuyết-mới Việt Nam.

Thiết tưởng đã tới lúc cái tên đôi Biên-Butor nên được tách ra làm hai: Này Hoàng Biên nọ Butor, mỗi đảng hùng cứ một phương.

# **NGƯỜI ĐẠP XE VÀO THÀNH PHỐ BUỔI SÁNG**

Người đàn ông đạp chiếc xe cũ sơn màu lá cây xanh đi trên con đường gần nhất về thành phố. Chiếc xe đạp sơn màu lá cây xanh, nhưng vào giờ này của buổi sớm mai, không ai nhận ra được màu của nó. Người đàn ông thỉnh thoảng đưa mắt nhìn hai bên đường, nhưng chân ông vẫn tiếp tục đạp thật đều, không nhanh lắm, bởi vì ông không đủ sức, có lẽ thế, và chắc chắn ông không có ý để cho xe chạy chậm hơn nhịp đang bình thường của mình một tí nào. Con đường gần nhất xuống phố, con đường từ căn nhà nhỏ của ông ở trong một xóm xa nhất của một vùng ngoại ô xa nhất, phía mặt trời không mọc buổi sớm mai, đến một xưởng máy nằm ven trung tâm thành phố, là một quãng khá dài. Người đàn ông đạp thật đều, nét mặt bình thản cùng với toàn thân rung rung theo nhịp xe, nhưng trong bóng tối của rạng đông người ta không thể thấy được sự bình thản đó. Thành phố sáng đèn trước mặt ông có vẻ gần, một người không có kinh nghiệm những chuyến đi trong buổi rạng đông chắc hẳn phải tin như

vậy. Bây giờ hai bên ông là những khu đất không khai khẩn, những vườn sâu bỏ hoang, ông chưa trông rõ được gì nhưng ngửi thấy mùi lá khô ẩm sương mai. Con gió mát cùng với tốc lực cố gắng thường ngày của chiếc xe cũ làm người đàn ông thấy hơi lạnh. Tiếng cót két của chiếc xe đạp, rất đều đặn, dường như không làm ông quan tâm. Quãng đường ngắn nhất này người đàn ông đã thuộc nằm lòng, quãng đường đầy những mu rùa ở khúc quanh rẽ về quận, những ổ gà trước chiếc cổng sắt lớn ngăn một khu vườn hoang, nhưng đạp xe trong bóng tối vào những buổi rạng đông tháng này, ông vẫn phải sụp xuống những ổ gà, vấp vào những mu rùa kia, và chiếc xe loạng choạng một hồi trước khi ông thu hết sức giữ được thăng bằng trở lại. Người đàn bà giờ này đã thức dậy, và trong gia đình đông con của bà, bà chỉ còn dịp đánh thức được có mỗi một thằng con sau cùng, những đứa lớn đã đi làm ăn xa. Người đàn ông mặc một chiếc áo xanh đã bạc màu, và người ta cũng không thấy được hết màu xanh cũ kia, vì bên ngoài ông còn khoác một chiếc áo len nhà binh có nhiều lỗ rách, rất ngắn. Vạt áo xanh bên trong thò xuống hơn hai tấc, thỉnh thoảng bay dạt ra sau khi có cơn gió mạnh. Quần của ông không màu, hay đúng hơn là một màu khó định rõ. Mưa bắt đầu rơi. Ông lo lắng một hồi lâu, về đủ mọi thứ, một chỗ để đựng mưa chẳng hạn. Nhưng không phải mưa. Đó là sương buổi sáng, hay có thể là cảm tưởng của ông. Người đàn bà ra phía nhà sau, đưa tay mò mẫm trong

bóng tối tìm hộp quet. Trước mặt người đàn ông là phía mặt trời mọc, nhưng vào giờ này mặt trời cũng chưa mọc, bởi vì sáng nay ông đã ra khỏi nhà trước buổi rạng đông, như thường lệ. Ông đã rón rén bước ra khỏi màn, đi chân không trong tối, lẩn ra phía nhà sau, mò mẫm tìm hộp quet. Ông đã rón rén nhẹ nhàng như thế cho đến khi ông đưa tay khép cánh cửa và dẫn bộ chiếc xe đạp ra đầu ngõ. Bây giờ ông đã bắt đầu tránh được những chỗ có mu rùa, hay ổ gà. Phía sau thành phố mà ánh đèn bắt đầu mờ dần, mặt trời đỏ như đã muốn báo hiệu ló dạng. Ông không còn đạp xe theo một đường thẳng nữa, thỉnh thoảng ông lái qua bên trái, hay bên phải, tay lái vừa lắc qua lại trả ngay về, động tác quen thuộc, thành thạo. Hai bên đường, cây cỏ trong các vườn bỏ hoang cuối cùng vừa hiện mù mờ một màu đỏ thẫm thì ông đã bắt đầu đi vào một xóm đông dân cư. Các khu nhà chung quanh cửa hẻm còn đóng kín, xám đen dưới chân trời đang bắt đầu ửng hồng. Từ một vài chiếc cửa sổ nhỏ hắt ngang ra những ánh đèn vàng hiếm hoi, những vệt sáng nhợt nhạt kéo dài trên cả quãng đường vắng ngắt bắt đầu hẹp dần mà người đàn ông đang đi qua. Nhưng ông không có thì giờ để nhìn vào những sinh hoạt sớm bên trong. Ông tiếp tục đạp thật đều, không nhanh lắm. Người đàn bà đổ đầy một ấm nước rồi đặt gáo xuống, đem ấm vào đặt lên lò. Hơn tám lần sinh nở đã làm cho bà già hơn tuổi của mình. Người con trai sau cùng, người con còn lại, vẫn còn ngủ. Người đàn ông

lùi xe lên lề, sát mặt tiền các căn nhà ngoài lộ, để tránh hai ngọn đèn pha vàng gắt của một chiếc xe nhà binh lớn đang vọt chạy tới. Trên xe, ông thoáng thấy những đầu người lố nhố, nhưng ông không có đủ thì giờ để nhìn xem họ có phải là quân đội hay không. Trong cái yên lặng buổi sớm mai của một vùng ngoại ô, tiếng còi xe nhà binh ré lên như một tiếng chửi mắng. Người đàn ông sợ hãi, biết rằng vì mình mà cả khu phố vừa phải giật mình thức giấc. Ông sợ hãi, nhưng nét sợ hãi cũng vội biến mất trên khuôn mặt rất mau bình thản trở lại. Hai năm trước, một người con gái của ông, người con độc nhất mà vợ chồng ông còn có thể cố gắng cho đi học, đã bị xe cán chết ở gần khu phố này. Bây giờ đã hai năm qua. Ông đạp xe trên cùng quãng đường, và những tiếng còi xe chát chúa nhiều lần đã làm ông chợt nhớ đến đứa con bất hạnh của mình. Ông cũng không có thì giờ để nghỉ lâu hơn. Những tiệm ăn đầu tiên bắt đầu hiện ra, với những ánh đèn sáng trắng nhợt nhạt, với những tiếng gọi nhau ồn ào. Ông đi ngang những xe hủ tiếu bốc khói, những gánh hàng rong đông người. Phía trước mặt ông là mặt trời, nhưng vào giờ này của buổi sớm mai mặt trời cũng chưa lên khỏi những mái nhà thấp nhất trong thành phố. Ông chỉ thấy một vùng đỏ tím, càng lên cao càng loãng dần, ở phía xa, và vô số những đèn đường lúc này hãy còn sáng, rọi xuống mặt đường vô số những vòm cây xám đen. Chiếc xe đạp cũ của ông đã dẫm qua những bóng cây xám đen đó không biết bao nhiêu

lần, mỗi buổi sáng. Giờ này người vợ, cũng như ông, đang nhẹ nhàng khép cánh cửa gỗ và gánh hàng đi ra đầu ngõ. Người con trai út vẫn còn ngủ, và mặt trời, ở phía thành phố, chưa lộ dạng. Người đàn ông vẫn đạp xe trên con đường đưa đến nhà máy, hai bên phố các quán ăn đã bắt đầu nhiều hơn, và đông hơn, những tiếng gọi nhau cũng bắt đầu ồn ào hơn, pha lẫn với những tiếng còi xe đang inh ỏi và nóng nẩy hơn. Ông đã thấy một chút mặt trời phía trước hiện ra sau các mái nhà thấp nhất của thành phố. Nét mặt ông vẫn bình thản, nhưng không che giấu được sự thận trọng bắt đầu trong cách cầm tay lái của ông, trong cái nhìn. Nhiều lần ông đã thẳng gấp trước các ngõ hẹp khi có một chiếc xe phóng vội ra, và cả những khi ông có cảm tưởng như vậy. Đi đến ngã ba đường, người đàn bà gánh hàng rẽ qua tay phải, vào một con lộ hẹp hơn, lờm chờm những đá xanh. Người đàn ông rẽ qua tay phải, mặt trời bây giờ đang lộ dạng ở xa, bên tay trái của ông. Chiếc xe đạp cũ đã bắt đầu hiện rõ màu sắc. Đó là thứ sơn xanh lá cây rẻ tiền, sơn bằng cọ thường, và là lớp sơn thứ mấy mươi lần. Vành xe, cũng như tay lái và cần chắn bùn, được sơn cùng một thứ màu, tuy lớp sơn rõ ràng là có mỏng hơn. Người đàn ông đưa tay trái kéo chiếc áo len xuống, làm lớn hằn những lỗ rách, và để lộ màu xanh đã phai của chiếc áo trong. Đến một ngã tư đèn vàng đang chớp nhanh, người đàn ông bóp chuông, nhưng vào giờ này của buổi sáng, tiếng chuông quá nhỏ của ông đã bị lấp mất giữa

những tiếng động khác nhau trong khu phố nhỏ: tiếng động cơ xe, tiếng nhạc phát ra từ máy phát thanh ở các tiệm nước, tiếng rao hàng, tiếng người gọi nhau... Bên lề đường, ở một trạm xe nhỏ, một đám người, một đám những bóng người đang đứng đợi xe. Trong vùng tranh tối tranh sáng, họ như những người mặc đồng phục, màu da mặt lẫn với màu của áo quần, và trong một thoáng rất nhanh, người đàn ông nghĩ đến hai đứa con trai lớn của mình. Người đàn bà vừa bước vừa chạy dưới đôi gánh nặng, thân nhiên. Tuy vậy những khi dậm chân lên những chỗ đá nhon trên đường, bà không khỏi nhăn mặt xót xa. Trong thành phố, người ta đã thấy mặt trời. Các mặt tiền trên đường bắt đầu để lộ những nước sơn đủ màu, những bảng hiệu rục rờ. Đèn đường dường như đã tắt mất từ lúc nào mà người đàn ông không kịp để ý. Có thể đồng một loạt, đèn đã tắt đúng vào lúc ông làm một cố gắng phi thường để bóp chuông thật lớn, hoặc đúng vào lúc ông đang nghĩ đến những người con trai lớn, đến người vợ giờ này đã gồng gánh lên đường. Chiếc xe đập màu lá cây xanh bây giờ chen lẫn giữa những thứ xe khác, di chuyển mỗi lúc một chậm hơn trên quãng đường sầm uất này. Tiếng cót két của chiếc xe, giữa những tiếng động mỗi lúc một hỗn độn và khó phân biệt hơn của buổi ban ngày trong thành phố, dường như cũng đã biến mất từ lúc nào. Người đàn ông vẫn bình thản đạp thật đều, giữa lớp khói và bụi. Da ông ngăm đen, sạm nắng, hai gò má cao và hóp không làm

cho cả khuôn mặt gầy kia yếu đuối đi, trái lại. Ông đội một chiếc mũ nhà binh đã bạc màu, nhưng chưa rách. Ông giống như một người lính già bại trận, nhưng không đúng vậy, ông chưa bao giờ đi lính. Người đàn bà để gánh bên đường và ngồi xuống đất nghỉ. Mặt trời đang lên phía sau lưng bà, đỏ rực. Người đàn ông tiếp tục đạp xe giữa đường phố mỗi lúc một nhiều xe hơn. Ông rẽ sang tay trái, ở một ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Mặt trời rơi thẳng vào mặt ông, ông đưa tay trái sụp vành trước chiếc mũ nhà binh để che bớt nắng, kéo chiếc áo len xuống thật mạnh, không mục đích. Đây là đoạn đường cuối cùng của ông đến xưởng máy. Sinh hoạt ở khu phố chung quanh xưởng máy này quá nhanh, tốc độ của chiếc xe cũ và của chính người đàn ông luôn luôn làm rõ ràng và thâm thiết hơn cái cảm tưởng, cái tin tưởng bị lùi lại của ông. Ông nghĩ đến người đàn bà đã chung sống, đã hơn tám lần đẻ con cho ông, ông nghĩ đến căn nhà nhỏ ở trong một xóm xa nhất của một vùng ngoại ô xa nhất, đến những đứa con bây giờ đã có những phần số thật khác biệt, đến đoạn đường mà mỗi buổi sáng buổi chiều ông phải đi qua, đến những khu đất bỏ hoang hai bên con lộ vắng người, đến những cơn nắng gắt, những buổi trưa ở lại xưởng máy, những quán cơm xã hội, những tiệm nước bình dân... Những buổi sáng ra đi rất lâu trước khi mặt trời mọc, toàn thân rung rung trên chiếc xe đạp cũ đã mang nhiều lớp sơn khác nhau, qua những khu vườn bỏ trống, những thông hào xơ xác lá khô, những

khu phố yên tĩnh xám ngắt dưới chân trời bắt đầu ửng hồng của buổi rạng đông, những nhà máy đen xì với những cột cao như sắp tỏa khói, những khu phố thương mại sầm uất nằm ven trung tâm thành phố, chung quanh xưởng máy, người đàn ông thường không khỏi nghĩ đến gia đình, đến những phần số thật khác biệt, thật thảm thương của những đứa con, đến người vợ gần mười năm nay đã chung lưng phần đấu với ông, cho cái gia đình đông con của ông cái gia đình mà lần lượt mỗi người con đã tự thấy cần phải bỏ đi xa, để sống. Người đàn ông nghĩ đến mọi thứ như vậy, nhưng nét mặt ông vẫn bình thản, chân vẫn đạp thật đều, càng đến gần xưởng máy xe đường như càng chậm hơn, hay chỉ là chính ông nghĩ như vậy. Người đàn bà bây giờ đang len lỏi giữa chỗ đông người, đưa gánh trước vạch một đường nhỏ để tìm đến một chỗ xa nhất trong góc chợ. Da bà ngăm đen, sạm nắng, hai gò má cao và hóp không làm cho cả khuôn mặt gầy kia yếu đuối đi, trái lại. Bà đội một miếng vải trắng trên đầu, thay cho miếng vải sọc vuông cũ của bà: có lẽ bà đang muốn cứ vẫn để tang cho người con trai lớn vừa tử trận? Bà mặc một chiếc áo dài đen, nhưng sẽ không ai thấy được đó là màu đen, bởi vì áo đã bạc màu. Người đàn ông xuống xe trước cổng xưởng máy, dẫn bộ về phía lối đi nhỏ bên trái.

Người đàn ông ngồi trước một chiếc bàn tròn, trên

mặt bàn lợp tôn là ly nước trà đá của ông. Những gì vừa xảy ra trong nhà máy sáng nay đã vượt quá sức ông, ông không bình thân được. Miếng bánh mì nhét đầy những thứ gì như là thịt cầm trên tay vẫn còn nguyên. Chiếc mũ nhà binh nằm trên đầu gối, che vừa chỗ rách đã được vá lại tuần trước. Chung quanh ông, trong tiệm nước nhỏ, là những người cùng làm trong nhà máy, những công nhân. Người đàn ông thỉnh thoảng nhìn họ với những tia nhìn thân mến nhưng sợ hãi, và quả thực ông đã không giấu được nỗi sợ hãi. Những gì vừa xảy ra trong nhà máy sáng nay... Người đàn bà giờ này đang sửa soạn ra về, phiên chợ mỗi lúc một thưa dần, và mặt trời đã đứng bóng. Người đàn ông không đủ can đảm để nói chuyện với những người cùng làm trong nhà máy, ông sợ phải nói lên một điều gì mà ông biết chắc là không phải. Ngoài đường, xe cộ qua lại như có thưa dần, nhưng ông không để ý đến điều này. Khi còi hụ mười hai giờ, ông thấy mọi người đứng lên, kéo nhau ra cổng nhà máy, chia nhau rải rác vào các tiệm ăn bình dân, và ông đã đứng lên thờ thẩn đi theo họ, vì ông không đủ can đảm... Chung quanh ông, mọi người đang bàn tán về vụ đình công, đang phản đối, đang bênh vực, đang cãi nhau và cười đùa. Ông không thể có can đảm hơn, bởi vì sáng nay, lần đầu tiên trong đời, ông đã làm một việc quá sức mình, ông đã can đảm một lần, đến ngồi chung với anh em trên những bậc thềm của tòa nhà lớn trong xưởng. Ông đã bị đặt trước một việc quá khó xử, bởi

vì ông còn có một mái nhà phải giữ cho khỏi sụp, một gia đình phải nuôi sống, đặc biệt là đứa con trai sau cùng, đứa con còn lại trong tám lần sinh nở của vợ ông – đứa con mà ông không đành bỏ cho chết trận, như những đứa khác. Những lời nói của một số người ông quen biết sáng nay đã có lần an ủi ông, thuyết phục ông, nhưng những lúc ngồi riêng như thế này, những lúc ông chỉ thấy có mỗi cái hình ảnh cơ cực của những ngày làm ăn vất vả của vợ chồng ông, ông thấy khổ sở, lo âu, như sắp mất đi một cái gì không sao lấy lại được. Ông nhớ đến những buổi chiều tan sở, đến cảnh tượng những con người mệt nhoài, những công nhân bẻ bệ ông, chen nhau đi tìm những chiếc xe cũ của mình để về nhà. Ông nhớ lại những khu phố nhộn nhịp, những tiệm ăn chói nắng, những con đường in vô số những bóng cây nằm ngang mà chiếc xe đạp cũ sơn màu lá cây xanh của ông đã dẫm lên không biết bao nhiêu lần, mỗi buổi chiều. Ông nhớ lại con đường mòn ở khu phố vắng vẻ, những nhà máy nhuộm vàng mặt trời chiều với những cột khói cao, ông nhớ lại những khu vườn hoang và mùi cỏ khô hai bên đường, những cơn mưa thường đột ngột đổ xuống vào giờ này của buổi chiều, và ánh mặt trời chiếu ngay vào mặt ông, những ngày trời nắng. Người đàn bà vừa bước vừa chạy dưới đôi gánh không, thân nhiên, trên con đường gần nhất về nhà. Mặt trời hơi nghiêng về phía tây, bóng người đàn bà rất ngắn, với đôi gánh, di động dưới đất, bên tay trái bà ta. Người đàn ông nhìn những đồng nghiệp

đang lần lượt đứng dậy, chậm rãi đi về phía cổng nhà máy. Chiếc mũ của ông vẫn nằm yên trên đầu gối, đủ che mảnh vải vừa được đắp lên. Ông cố để khỏi có một vẻ buồn rầu, nhưng đến độ này của nỗi lo âu, ông không làm sao che giấu nỗi. Phía trước ông, trên mặt hè phố, nắng in bóng cây dài gần hai thước tây, ông tính nhắm giờ khắc, và cố tưởng tượng những gì sắp xảy ra. Ông ngạc nhiên nhớ lại sáng nay đã nhìn thấy những bộ mặt hân hoan ngồi bên cạnh ông, trên bậc thềm cuối của tòa nhà lớn trong xưởng máy, những người trẻ. Ông không tin là mình không hiểu gì, thế mà dường như ông đã không hiểu gì. Bởi vì ông đã đến với họ, với anh em, với nỗi chết trong lòng. Những cơn mưa thỉnh thoảng bắt gặp trên đường về nhà, ở quãng trước những khu vườn bỏ hoang, với những cổng rào sắt kiên cố, những lần xe nổ lốp phải về nhà muộn, qua những quãng đường vắng và lạnh, khi mặt trời đã tắt hẳn, với chiếc bụng đói... bây giờ đối với ông thực là chẳng có gì phiền phức. Các công nhân nhà máy lần lượt trở vào bên trong cổng, các tiệm ăn bình dân thưa dần, đang sửa soạn đóng cửa. Người đàn ông uể oải đứng dậy và bước qua đường. Phía bên kia hàng rào sắt, trên những bậc thềm của tòa nhà lớn, nhiều người đã trở về ngồi, có người vừa nói vừa hăng say múa tay múa chân, những lời nói mà đứng ở đây ông không nghe được. Họ đông quá, có thể phần lớn họ không biết mặt ông, không biết ông là ai – dù ông có đến với họ hay không, một lần nữa. Ông tiến sát vào cổng

sắt, đi qua cánh cửa nhỏ bên trái, và nhìn vào. Ông thấy mình bỗng đứng hòa hoãn, nhỏ thó, không đáng kể. Ông đã muốn bỏ cuộc, nhưng ông không muốn bỏ cuộc. Người đàn bà rẽ qua tay phải, đi vào một ngõ hẹp, trong một xóm xa nhất của một vùng ngoại ô xa nhất, hai bên bà là những mặt tiền đối diện thật gần, thật sát nhau. Mặt trời chênh chếch in bóng của bà dài ra phía trước, với chiếc khăn đội đầu, với những gồng gánh. Người đàn ông thờ thẩn nhìn vào bên trong nhà máy, trên sân cỏ, trên các bức thềm. Ông đã định sẽ không đến với họ, những người thân yêu, những người gần gũi với ông, nhưng ông đã đến. Bây giờ ông tiến lại thật gần cánh cửa nhỏ bên trái, và đưa bàn tay hầy còn cầm miếng bánh mì chưa ăn đầy của bước vào. Ông thân nhiên đi lại phía sân cỏ, hay ông cố làm ra vẻ thân nhiên như vậy, trong khi đầu óc ông quay cuồng những ý nghĩ thô sơ hơn, giản dị hơn, với hình ảnh căn nhà nhỏ của ông, hình ảnh những đứa con trai lớn đã chết trận, những đứa khác đã phải bỏ nhà đi làm ăn xa, đứa con gái đã chết trên con đường đi vào thành phố, và thằng con út, đứa còn lại, mà ông không đành để chết trận nữa. Mặt trời bây giờ in bóng tòa nhà lớn nhất của xưởng máy lên hơn nửa sân cỏ, ông đến ngồi ở hàng sau cùng, chỗ bóng mát chưa lan tới. Trước mặt ông là những hàng dài các công nhân, họ ngồi đối diện với những công nhân khác, nghĩa là đối diện với các bức thềm tòa nhà lớn nhất. Ông đến ngồi ở đó, cùng với họ, những người không chịu làm

việc nữa, nhưng ông không như họ, ông biết vậy, bởi vì ông không làm sao giấu nổi sự lo âu của mình.

Bây giờ thì mặt trời xuống thấp, in bóng cả tòa nhà lên khắp sân cỏ, người đàn ông vừa ăn xong miếng bánh mì. Chung quanh ông những mẫu đối thoại mỗi lúc một lớn hơn, mỗi lúc người ta một hăng say hơn trong câu chuyện của mình, những câu chuyện thật riêng tư, thật khác biệt, có vẻ như vậy. Bên ngoài vòng rào, xe cộ đã bắt đầu qua lại tấp nập hơn, và trên các vỉa hè, bộ hành cũng bắt đầu đông đảo hơn, giữa lớp khói và bụi. Trước mặt ông, những cánh cửa cao phía mặt tiền tòa nhà – sau lưng những người ngồi đông đảo trên các bậc thềm và đang bắt đầu có những cử chỉ mạnh hơn, cùng với những lời nói mà ngồi ở đây ông không sao nghe được – vẫn khép kín. Có người bảo với ông, hay chính ông nghe họ bảo với nhau, là cuộc đình công sẽ thất bại. Những người khác hy vọng sẽ có thay đổi, tuy cho đến bây giờ những cánh cửa kia vẫn chưa có ai mở ra. Người đàn bà đổ nước vào nồi gạo vừa vo xong rồi đặt lên lò. Bà nhìn ra bóng mái nhà in trên ngõ hẻm, có lẽ để xem chừng giờ giấc. Người đàn ông muốn tìm một người quen nhiều để hỏi han, nhưng đến giờ này của ngày đình công, trong một xưởng máy quá lớn, mà ông chỉ là một lao công quá nhỏ, ông không làm sao tìm ra ai được. Ông nhìn bái cổ lúc nhúc những đầu người, nhìn những bậc thềm đã bị choán hết chỗ, nhìn tòa nhà lớn và những tòa nhà khác trong xưởng máy, và ông có cảm tưởng

*lo âu như sắp đánh mất một cái gì, một cái gì mà ông vẫn bầu víu vào để sống đến ngày nay. Ông không tìm thấy ai, và mặt trời thì sắp lặn mất, sau những mái nhà thấp nhất của thành phố. Một cơn gió đường như đang thổi tới, trước khi ông có cảm tưởng một cơn mưa sắp đổ xuống trên thành phố này. Không có cơn gió nào đang thổi tới, đó là sự chờ đợi.*

*Khi người đàn ông đạp chiếc xe cũ sơn màu lá cây xanh đến quãng đường trước các khu vườn bỏ hoang, thì cơn mưa chiều bắt đầu đổ xuống, nhưng ở đây mặt trời vẫn tiếp tục chiếu thẳng vào ông.*



# HOÀNG NGỌC TUẤN

**T***hư về đường Sơn Cúc* là một thiên truyện chẳng? Không. Là thơ đấy. Mặc dù Hoàng Ngọc Tuấn không gieo vần, hầu hết các tác phẩm của ông đều có hoặc ít nhiều hoặc rất nhiều tính chất thơ. Đến như *Thư về đường Sơn Cúc* thì chính là một bài thơ. Bởi vậy, có thể xem đây là tác phẩm tiêu biểu của Hoàng Ngọc Tuấn, tiêu biểu về một xu hướng sáng tác chính yếu nơi ông.

Từ tác phẩm này đến tác phẩm khác – những tác phẩm “hình như là tiểu thuyết” – Hoàng Ngọc Tuấn mãi mê làm thơ về hai đề tài: Tình Yêu và Thiên Nhiên. Trong *Thư về đường Sơn Cúc*, hai mối say mê nọ càng quấn quít mật thiết, càng như chan hòa làm một: tình yêu giữa người Bạn Lớn với người Bạn Nhỏ được phát khởi do lòng thiết tha của cả hai đối với Thiên Nhiên. Bởi vậy, có thể xem đây là tác phẩm tiêu biểu của Hoàng Ngọc Tuấn về mặt đề tài.

Người Bạn Nhỏ mà chúng ta gặp ở đây là một người bạn quá nhỏ. Người Bạn Lớn cũng nhận thấy thế, cho nên cuối thư chỉ xin đặt một chiếc hôn ở nơi trán. Nhưng ai nấy hãy yên trí: trước sau gì rồi chiếc hôn cũng sẽ được đưa xuống xa hơn, cũng sẽ được đặt ở một nơi nào thích hợp với tình yêu hơn. Bởi vì, bất chấp sự cách biệt tuổi tác, đây chính thị là Tình Yêu.

Cách biệt tuổi tác là chuyện không đáng kể, là không thành chuyện trong các mối tình của Hoàng Ngọc Tuấn. Mà mọi thứ cách biệt khác cũng đều không thành trở ngại nào cả. Người Bạn Nhỏ không nên ái ngại: cô ta đâu có phải là một trường hợp đặc biệt? Trong tác phẩm của Hoàng Ngọc Tuấn đã từng có những người tình bé bỏng hơn nữa, được gọi là “nó” (“Mùa xuân cuối cùng”), là “con bé”, là “con Sóc nhỏ” (“Cô bé tuyệt vời trên Cao nguyên”), v.v., cũng như đã có những người tình lớn hơn một chút, hoặc lớn như là một bà chị cả (“Thuở ấy có nhà”), hoặc lớn như là một cô giáo (“Mưa mùa đông trên tuổi thơ”), v.v.

Lớn quá hay nhỏ quá: không can gì. Là con sóc nhỏ hay là cô giáo: không can gì. Hoàng Ngọc Tuấn có thể viết một cách hồn nhiên: “Thuở ấy tôi yêu cô Dạ Thảo vô cùng và tôi quả quyết với bạn bè là cô giáo cũng mê tôi như chết”. (“Mưa mùa đông

trên tuổi thơ”) mà không một ai thấy bất bình vì cái chuyện kỳ cục động trời đó. Bởi vì hỗn nhiên là tính cách căn bản của tình yêu, ở đây.

Hỗn nhiên, cho nên trong sạch. Ở đây, có mối tình giữa chị em họ (“Thuở ấy có nhà”), có mối tình với gái giang hồ (“Canh bạc của một vài người”), có mối tình đưa đến sát nhân (“Cô bé tuyệt vời trên Cao nguyên”), v.v., nhưng ở đây không có cảm tưởng tội lỗi. Trái lại.

Trái lại, nếu trong cái nếp sống đầy tội lỗi ngày nay, nếu giữa cái xã hội văn minh đầy khích động của dục tình hiện nay, thỉnh thoảng có ai cần tìm đến ẩn lánh ở một cõi thanh khiết thoát phạm, thì đừng nên ngần ngại mà giới thiệu với ai đó thế giới tình yêu của Hoàng Ngọc Tuấn. Thế giới của những người tình chị mỗi sáng ra lệnh cho người tình em đếm hộ những cánh bướm trên mặt biển, của những người tình chú mỗi ngày sắm đủ cả kem và bàn chải đánh răng cho người tình cháu, của những người Bạn Nhỏ gửi lá cỏ chông chông cho người Bạn Lớn xa xôi, v.v. Chỉ có tình, không hề có dục. Đẹp và lành không chịu được.

Có một lần Tristan và Iseult được nhắc đến (“Có bao nhiêu cánh bướm trên biển”). Dù cho không luôn luôn lãng mạn cao khiết như ở thời trung cổ xa xưa, các mối tình của Hoàng Ngọc Tuấn cũng gợi lên cái thời của ca dao, của cu gáy bướm vàng, v.v. Nghĩa là một thuở nào hoàn toàn xa lạ với thời kỳ

của thân xác hùng hực, thời kỳ nhiễm độc vì những kích động não nhiệt mà chúng ta đang sống.

Bởi nó không giống với thứ tình yêu hỗn hển, đổ lửa của hôm nay, cho nên nó khiến cho kẻ đối diện còn ngờ ngợ: *Hình như là tình yêu đây chăng?*

Nhưng đã biết rõ Hoàng Ngọc Tuấn rồi thì không còn ngờ vực gì nữa. Chính Nó đấy. Chính là thứ Tình Yêu tuyệt vời mà cuộc sống văn minh toan đánh mất của chúng ta đó.

Người ta gặp lại ở Hoàng Ngọc Tuấn thứ Tình Yêu đó một cách bất ngờ. Cũng như gặp lại Thiên Nhiên thật bất ngờ.

Nguyên sự có mặt của thiên nhiên trong tác phẩm văn nghệ lúc này đã là điều lạ. Thật vậy, hồi gần đây, trong tác phẩm cơ hồ chỉ có ta và địch, có kẻ giàu người nghèo, có thân phận với suy tư dằn vặt, có tự kỷ và tha nhân, v.v. Nghĩa là chỉ có hoặc những đấu tranh, hoặc những ra rít, chỉ có người và người quần với nhau. Khắp cùng, mọi cái nhìn đều châu hướng về cuộc sống xã hội, về con người. Họa hoằn mới bắt gặp trong nghệ phẩm một khung cửa mở về hướng thiên nhiên. Hoàng Ngọc Tuấn là trường hợp họa hoằn như thế.

Bóng dáng thấp thoáng mơ hồ của chàng trai cùng cô bé Thùy một buổi sớm mai chờn vờn ẩn hiện trong màn sương mù trên khu rừng cao nguyên (“Mùa xuân cuối cùng”) chắc chắn sẽ cùng với bóng dáng của hai chị em Hàn Mặc Tử thuở nào chơi giữa

mùa trăng kết thành những cảnh tượng đẹp đẽ nhất mà văn chương hiện đại có thể lưu lại.

Rừng sương cao nguyên đẹp lắm, con đường Sơn Cúc ở sườn non ven biển rất đẹp, v.v. Nhưng có khi không cần đến những cảnh đẹp như thế. Mặc ba chiếc áo sơ-mi thật dày chồng lên nhau, trùm một chiếc mũ to tướng của ông cậu lên đầu, rồi đi lang thang với một gã lớn tuổi dưới trời đông lạnh buốt, trao đổi với nhau những câu nói lạc mất trong tiếng mưa, đòi hút cho được điếu thuốc cay xè thuở mười lăm tuổi trong lúc mắt nhìn ra ngoài trời mờ mịt (“Mưa mùa đông trên tuổi thơ”), đó không phải là một cách thưởng ngoạn thiên nhiên vô cùng ý vị sao? Không có cái thiết tha đối với từng biến chuyển của tiết trời, không thấu triệt ý nghĩa thâm thúy của từng tiếng gió trận mưa, nhất định không sao có thể đốt được những điếu thuốc một cách hợp thời hợp cảnh như thế.

Thiên Nhiên đâu có cần luôn luôn xuất hiện trong những màn trình diễn huy hoàng? Kẻ gấn bó bằng mối thâm tình thật sâu xa có những lối tiếp cận Thiên Nhiên giản dị mà thân mật thấm thía, với một khói thuốc, một ngụm cà-phê vào đúng lúc, đúng nơi.

Hoàng Ngọc Tuấn đối với Thiên Nhiên chắc chắn cũng tương đắc thân thiết như người Bạn Nhỏ đối với người Bạn Lớn vậy.

Người Bạn Lớn gửi một lá *Thư về đường Sơn Cúc*. Đường ấy ở đâu vậy? Có con đường ấy chẳng?

Có loài hoa ấy chẳng? – Xin đừng quấy rầy tác giả bằng những thắc mắc ấy. Không phải vì lẽ truyện là bịa, bởi thực ra truyện thường muốn bịa nên một thực tại. Đàng này, Hoàng Ngọc Tuấn vốn có cái ngông nghênh muốn nương cánh tưởng tượng thoát khỏi truyện, thoát lìa thực tại. Cái ngông ấy đã khiến cho hành tung cô Bạn Nhỏ lần này bị đẩy vào cõi thơ huyền ảo, khiến cho cảnh sương mờ cao nguyên ngày nào nhuốm vẻ hư hư thực thực, khiến cho bao nhiêu nhân vật (nhất là những nhân vật phái nữ, được tác giả cưng nhất) và bao nhiêu tác phẩm của Hoàng Ngọc Tuấn đều mang những tên gọi thật ngộ nghĩnh.

Những nhân vật ấy và nghệ phẩm ấy như đều nhìn chúng ta, nhoẻn cười một cái cười tinh quái và thông minh. Và như vậy là bởi vì kẻ tác thành nên chúng, ông Hoàng Ngọc Tuấn, là một người vui vẻ. Ông vừa ngông, lại vừa nghịch. Vừa thơ, lại vừa trẻ, cho nên ông quyến rũ vô tả.

Tất nhiên, tuổi trẻ sẽ giành Hoàng Ngọc Tuấn cho Hôm Nay. Sẽ giải thích sự thành công của ông (vì quả thật ông là một trong đôi ba thành công rực rỡ nhất, một trong đôi ba tài năng xuất sắc và độc đáo nhất của lớp cầm bút trẻ lúc này) bằng tính cách thích hợp với khát vọng, với tâm tình của giới trẻ hôm nay.

Nhưng trót không còn tuổi trẻ thì đồ biết làm sao giải thích được cái tình yêu người, yêu thiên nhiên,

cái thi vị trong lành, cái ngông và cái nghịch ấy lại chỉ có thể thuộc về hôm nay. Chẳng những thế, những cái đó dường như còn muốn đối nghịch với một xã hội hỗn loạn, một tình thế bi thương, một cuộc chiến ác liệt.

Sáng tác của ông mà phản ánh hoàn cảnh ấy ư? Nếu muốn đề cập đến Hôm Nay, có lẽ bất quá chỉ có thể nói sáng tác của ông như một bông hồng gửi đến cho Hôm Nay. Một bông hồng rạng rỡ cho Hôm Nay tối tăm.

Bông hồng rạng rỡ, rồi có mong manh chẳng? Thú thực, tôi thường đọc Hoàng Ngọc Tuấn với một cảm tưởng lo lắng.

Người ta thường nói đến việc xây dựng tiểu thuyết, việc thai nghén cốt truyện, đi vào thực tại khách quan, nghiên cứu tâm lý nhân vật, v.v. Nghề văn không có vẻ gì thư thái như nghề thơ. Nghề văn thật lắm công phu. Nhưng Hoàng Ngọc Tuấn thì không bao giờ giống với một tay nhà nghề. Ông không có vẻ làm nghề, dù là nghề văn. Tác phẩm của ông không có vẻ là một công trình lao tác. Tác phẩm của ông tưởng như chúng tuôn ra từ cuộc sống, từ cảm xúc của ông. Tuôn thẳng một mạch.

Một người có thể đem cái tâm tình chủ quan của mình mà viết như thế được mãi sao? Được đến chừng nào? Không lo lắng sao được?

Nhưng có lẽ chính niềm lo lắng ấy cũng tăng thêm ý vị cho sự thưởng ngoạn. Bởi vì, cùng với sự

khoái thích, nó thêm cho ta mỗi lúc một dịp ngạc nhiên mừng rỡ từ tác phẩm nọ sang tác phẩm kia.

Có thể cứ thế mãi mãi cho đến tận cùng cuộc đời sáng tác của ông...

2/1972

(Tựa *Thư về đường Sơn Cúc*)

### Tái bút

Cuộc đời sáng tác của ông đã chấm dứt tức tuổi vào giữa năm 1975.

Trong thiên tự truyện “Mùa hè”, ở cuốn *Hôn lễ*, Hoàng Ngọc Tuấn cho biết trong năm 71-72 ông đã viết được sáu tác phẩm, và trong năm 73 dự định “ít nhất” là sáu tác phẩm nữa. Ông còn mong dành một tác phẩm lớn cho Huế. Năm 1973 ông không giữ được lời hứa. Dù sao ông còn đang viết phẳng phẳng. Thế rồi biến cố 30/4/75 xảy đến. Từ đó đến nay, 17 năm, ông câm lặng.

Hoàng Ngọc Tuấn cũng như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Tô Thùy Yên, v.v. là những tài năng bị chôn sống. Một vụ chôn tập thể, tựa như đã xảy ra ở Huế trong tết Mậu Thân. Một vụ chôn sống trên địa hạt văn hóa.

5/1992

# MÙA MÙA ĐÔNG

Mùa hạ của phố Huế có nhiều hoa phượng. Trên con đường vắng chạy dọc theo bờ sông, người đi đường đôi khi ngược mắt nhìn lên bao giờ cũng thấy những dải hoa đỏ rực rỡ kết đầy trên tàng lá cây xanh. Trong lớp học, cô giáo mệt nhọc đọc từng chữ cho học trò chép. Cô bảo sắp đến kỳ thi lên lớp cuối năm rồi, các em phải cố gắng chăm chỉ thêm chút nữa, thi đỗ là một mùa nghỉ hè thênh thang tươi đẹp được trao tặng cho các em.

Nhưng hầu hết bọn học trò đều ngủ gục trên bàn, hơi nóng gắt gỏng của mặt trời và tiếng ve kêu vang um không đánh thức được chúng. Tôi cố gắng chống chọi với cơn buồn ngủ để làm một bài thơ. Thủa ấy có lẽ tôi được mười lăm tuổi. Vào tuổi đó, các cậu bé con chỉ có thể làm thơ tả cảnh đầm ấm trong gia đình hoặc làm thơ tình gửi đến cho những cô con gái trong mộng. Tôi làm một bài thơ tình và phải chăm chú nhìn cô giáo để diễn tả nét mặt của cô trong thơ.

Cô giáo của tôi tên là Dạ Thảo, đó là một cô gái xuất sắc chưa hề thấy trên đời. Cô dạy môn văn chương nhưng bọn học trò con trai cả năm không biết một tí gì về văn học sử cả, chúng chỉ mê mẩn ngắm

thân hình mảnh mai của cô trong những chiếc áo dài mềm mại mà cô mặc thay đổi mỗi ngày. Khi thì áo màu tím, màu xanh, hay màu trắng, màu nào trông cũng thật quý phái. Mái tóc đen óng ả, làn da trắng, đôi mắt trong và nụ cười thắm của cô, tất cả đều dễ thương quá nên chẳng có đứa nào sợ cô cả. Lớp học mỗi khi đến giờ cô dạy thật thú vị. Bọn học trò chia ra làm hai hạng: bọn có tâm hồn mơ mộng nhìn cô không chớp mắt, còn bọn có tâm hồn bằng đá cứ tự do chuyện trò, đọc chuyện kiếm hiệp hay chụm đầu chơi ca-rô với nhau.

Tôi thuộc vào bọn thứ nhất. Tôi lại ở trong hạng nhỏ con trong lớp nên được ngồi ở dãy bàn đầu, chỗ gần với cô giáo nhất. Vì thế tôi thuộc lòng những ý nghĩa trong mắt cô Dạ Thảo. Khi nào cô hài lòng điều gì, đôi mắt cô biến thành màu nâu dịu dàng, khi cô giận dữ màu nâu ấy đổi sang màu đỏ. Nhưng màu nâu hay màu đỏ đều quyến rũ cả. Mỗi tuần thẳng nào làm được bài luận Việt văn cao điểm nhất, cô bảo nó đứng dậy đọc cho cả lớp nghe rồi cô xoa đầu nó khen ngợi. Cái trò đó quả thật tuyệt vời. Tôi dần dần bỏ bê hết tất cả những môn học nào ngoài môn Việt văn, suốt ngày chúi đầu đọc một lô sách truyện đủ thứ, tiểu thuyết tiên chiến, truyện trinh thám ái tình, truyện kiếm hiệp... để được “văn chương thắm vào người” như cô Dạ Thảo nói. Rồi cái ngày thần tiên nhất của tôi cũng đến. Bài luận của tôi, tả một cảnh biệt ly trong gia đình được chấm nhất lớp. Trong khi

đó tôi bị các ông giáo môn toán chuỗi mắng thậm tệ vì tôi luôn luôn bó tay trước bất cứ một bài toán nào đâu dễ nhất.

Cô Dạ Thảo gọi tôi đứng dậy. Tôi lắng nghe tên mình phát ra từ đôi môi dễ yêu của cô, và tôi run run đọc bài luận cho cả lớp nghe. Xong xuôi, cô khen tôi vài lời, nói rằng mong muốn tôi cứ xuất sắc mãi như vậy, rồi cô ban phần thưởng như thường lệ, nghĩa là dùng năm ngón tay trắng mềm mại xoa lên mái tóc tôi. Hạnh phúc làm người tôi nóng bừng, tôi lén ngược mắt nhìn lên và bắt gặp vệt vàng đôi mắt của cô âu yếm lạ thường.

Thuở ấy tôi yêu cô Dạ Thảo vô cùng và tôi quả quyết với bạn bè là cô giáo cũng mê tôi như chết. Nhưng về sau sự thực đã chứng minh ngược lại, không ai còn nghe được tiếng trách móc và lời giảng bài ngọt ngào của cô nữa. Cô giáo yêu dấu của một thời tuổi thơ đã bỏ trường, bỏ học trò, đi lấy chồng. Ngày đó tôi hậm hực viết đầy trên trang giấy vở những chữ to tướng: Cô giáo phản bội. Những chữ ấy thật ghi đậm dấu vết trong tâm hồn tôi, nhưng giá có người nào đọc được, chắc họ sẽ cười lăn ra chết.

Một lần nào đó cô Dạ Thảo ngạc nhiên khi thấy tôi không làm bài luận nhan đề: “Tả một cảnh êm ấm trong gia đình với cha mẹ và anh em”. Tôi không biết gì về cảnh đó, tôi không được sống trong mái nhà êm ấm mà trẻ thơ nào cũng mơ ước. Tôi mất cha từ nhỏ, chưa hề thấy mặt người. Mẹ tôi yêu tôi nhưng bà cũng

*yêu thêm một người đàn ông khác. Bà sống với một người chồng mới và muốn có tôi bên cạnh, nhưng tôi thích ở với bà ngoại tôi hơn. Trong ngôi nhà cổ kính có vẻ lạnh lùng của bà ngoại, tôi cảm thấy bình yên, vì ở đó không có người lạ. Hồi nhỏ, người ta sợ hãi những người lạ biết bao.*

*Người ta không yêu Huế vì mùa hạ. Mùa hạ nắng cháy trên da người như đè nặng cả một khung trời lửa. Tôi yêu Huế vì mùa đông mặc dầu mùa thu là mùa dễ thương nhất, mùa thu lá vàng rụng nhiều làm buồn lòng người phu quét đường còm cõi. Tôi sẽ nhớ mãi hình ảnh mơ màng của mùa đông ở Huế.*

*Hình như Huế là một thành phố mưa. Bầu trời, mái ngói, những ngọn cây đều là một màu trắng mờ chao động. Mưa kéo dài suốt tuần lễ, có khi suốt tháng trường, thỉnh thoảng mưa tạm dừng lại giây lát cho những cậu bé con chạy ào ra bờ sông, ao hồ để câu cá. Trường học đóng cửa vì "lũ lụt". Nước ngập cao ở mọi đường khiến thầy giáo và học trò đều không đến trường được. Nước sông lên cao chôn vùi Đập Đá, những người đi xe đạp khi băng qua đập phải dắt xe chậm chạp từng bước, người nào không cẩn thận sẽ té nhào xuống sông và bị dòng nước cuốn phăng đi mất. Mực nước trong thành phố lên cao mãi. Những nhà cửa đã bị nước tràn vào sân và rồi nước ngập khắp các căn phòng. Bàn ghế, đồ đạc chồng chất lên nhau,*

trên chỗ cao nhất đặt một tấm gỗ làm nơi cư trú cho cả gia đình.

Ngôi nhà của tôi nằm trên một trũng đất thấp. Nước đã xâm chiếm khắp căn nhà, phá hoại hết khu vườn đầy cây trái và hoa cỏ, chuồng gà sau bếp cũng mất tích theo dòng nước lũ. Người lớn lo âu vì gạo dự trữ sắp hết và không thể đi đâu được. Nhưng trẻ con khoái biết bao, được nghỉ học, được ngồi trên một con đò nhỏ và nhờ bác chèo ghe chở đi vòng quanh nhà hay sang nhà hàng xóm mượn vài lon gạo. Tôi thích sang nhà trước mặt nhất vì nhà ấy có một cô gái tên Bích Câu. Bích Câu lớn tuổi hơn tôi nhiều, nàng học trường Đồng Khánh nên sáng nào cũng thướt tha đi bộ đi học ngang qua nhà tôi. Ngày lụt lội, Bích Câu mất hết cái vẻ đài các, nàng mặc chiếc áo cụt tay thấm đầy nước mưa, quần xắn đến đầu gối để lộ làn da chân trắng nõn. Bích Câu đang mãi mê lội nước, tìm những cành cây trôi vạt vờ, đem về nhà nhóm bếp nấu nướng. Tôi bỏ con đò, nhảy xuống nước tìm củ giùm cho Bích Câu. Tôi phải bậm môi cố bấu chặt chân mình trên mặt đất mềm nhũn, rồi tôi cũng đem đến cho Bích Câu một bó củ to tướng. Nàng cười nói cảm ơn, nàng khen tôi dễ thương và nói rằng tôi khoan về nhà, cứ ở đây kiếm củ cho nàng, đến trưa ăn cơm ở nhà nàng luôn, mẹ nàng cũng mến tôi lắm. Nhưng tiếng kêu của bà ngoại tôi đã vang lên:

Đông ơi, về nhà ăn cơm. Con đi đâu từ sáng đến giờ?

Tôi vội vàng quay về ngay tuy trong bụng tiếc kinh khủng. Bích Câu dặn dò:

Đồng cẩn thận kéo nhào xuống ao nghe. Cứ theo đường thẳng này mà đi là đúng đường, còn hai bên là ao sâu cả đó.

- Yên trí. Tôi thuộc lòng vườn nhà tôi mà, cây ổi nào vừa có trái chín là biết ngay, hướng gì hai cái ao to tướng. Chỉ tiếc không được ăn cơm ở đây thôi, trưa nay nhà chị ăn cơm với gì đó?

Bích Câu cười, nàng đưa tay vén lại mái tóc đen nhánh của nàng giờ đây đã ướt sũng nước.

Nhà hết thức ăn rồi. Trưa nay mỗi người ăn một chén cơm với nước mắm ớt. Thấy nhà nghèo ghê chưa?

- Nghèo gì? Trời lạnh như thế này mà đồp một chén cơm nóng hổi... nghe nói đã chảy nước miếng.

- Thế nhà Đông ăn gì?

- Có lẽ ăn cơm với mắm cá.

- Trời ơi! Tuyệt quá.

- Qua tôi ăn cơm đi

Không được, mẹ la chết. Thôi Đông về đi, chiều qua chơi nghe.

Tôi vùng vẫy chân dưới nước chảy xiết, đi khó khăn từng bước một. Tôi cứ quay đầu nhìn Bích Câu mãi nên suýt chút nữa bị ngã ào xuống ao. Khi bàn chân đập trúng ngay bờ ao, tôi sợ tái người và vội vàng hụp cả thân người xuống nước, hai tay hối hả khoát bơi mạnh qua một bên. Áo quần ướt nhèm dính sát vào da thịt làm tôi lạnh cóng, tôi đứng run lẩy bẩy như

một con gà bị thả vào hồ nước. Mái ngói của ngôi nhà trước mặt mà bây giờ sao thấy quá xa, tôi bỗng thêm ghê lẫm một lò lửa có những thanh củi nổ tí tách.

Buổi trưa, cơn bão tố từ đâu kéo về thổi ào ào như muốn nhỏ bọt cả khu xóm. Tiếng gió réo và tiếng những cành cây gãy nghe thật bồi hồi.

Buổi chiều mưa ngớt hạt, một vài chiếc đèn chèo đến trước nhà rao hàng. Bà ngoại mua một ít gạo và cá khô để dành cho những ngày sắp đến. Khi bà ngoại quay vào trong nhà, tôi leo lên đứng trên cánh cửa sổ, mực nước bây giờ đã lên ngang bằng cánh cửa. Tôi kêu lên khi người lái đèn sửa soạn nhỏ cây sào để chèo đi.

- Bây giờ bác chèo đi đâu nữa?

Người lái đèn hát đầu hướng về những mái nhà hàng xóm đang chìm ngập trong biển nước, chiếc nón lá trên đầu của bác ta rách tơi tả dưới cơn mưa.

Còn phải đi bán cho mấy nhà khác, có lẽ tối mới về nhà.

- Bác chở giùm tôi qua nhà trước mặt một chút đi. Bác qua bên đó bán cho người ta luôn, họ cũng hết thức ăn rồi.

Người lái đèn gật đầu, chờ tôi leo xuống đèn xong bác ta mới nhỏ cây sào ra khỏi mặt đất và nhẹ nhàng chèo xuống dòng nước để con đèn trôi chậm từng bước ngắn. Khi đèn trôi vào cổng nhà Bích Câu, đã thấy nàng ngồi trên cửa sổ, khuôn mặt nàng không hiểu sao trông thật buồn bã, bàn tay thả những tờ giấy màu xanh rơi lả tả trên mặt nước. Bích Câu ngẩng đầu lên.

- Tôi buồn quá Đông ơi.

Nàng làm tôi ngạc nhiên, tôi nhìn thấy đôi mắt nàng hơi đỏ vì hình như đã khóc.

- Tại sao buồn? Trời lụt được nghỉ học mà còn buồn gì nữa. Bộ nhà hết gạo ăn rồi hả?

- Không phải. Tại vì tập thơ của tôi, tôi mất hết tập thơ rồi.

Bích Câu nói món đồ nàng quý nhất là tập thơ chép tay của nàng. Nàng đã mua mấy trăm tờ giấy pelure màu xanh khêu chỉ đóng lại thành một tập dày, có đóng bìa cứng cẩn thận. Trên những trang giấy đó nàng đã chép biết bao bài thơ thật hay, trích từ những tờ báo hay sách mà nàng mượn của bạn bè.

Tôi cất kỹ nó trong hộp, lúc bận dọn dẹp đồ đạc bỗng quên mất nó đi. Đông xem, còn gì nữa đâu, nước ướt hết, rách nát hết rồi... chỉ còn có vài tờ.

Tôi cầm lấy một tờ giấy màu xanh từ tay nàng, trang giấy ướt mềm nước dơ bẩn, những dòng chữ viết bằng mực tím của nàng bây giờ trông nhòe nhoẹt, có chữ bị xóa mờ hẳn đi. Một bài thơ nào đó không còn toàn vẹn.

Bích Câu cứ ngồi âu sầu một chỗ mãi. Tôi nghĩ rằng có lẽ nàng cứ ngồi lặng yên như thế, cho đến khi biến thành một hòn sỏi lẫn xuống nước, và tôi làm thế nào tìm được một hòn sỏi nhỏ bé trong sóng nước mù mịt này. Con gái khi buồn trông thật đáng yêu, tôi muốn mình cao lớn thêm thật nhiều, lớn thêm vài tuổi nữa để có thể vuốt ve mái tóc đỏ dành nàng. Tôi có một cách riêng để an ủi con gái, lúc đầu là chọc cho

nó giận dữ thêm để khóc òa và sau cùng là dỗ dành thực sự cho cô nàng hết khóc.

- Thôi đừng buồn nữa. Mùa lụt này có khối người mất hết nhà cửa ruộng vườn, chị mất một xấp giấy vở vẫn mà cũng bày đặt buồn.

- Đông không có tâm hồn. Đông không biết yêu văn chương gì cả.

- Đừng đùa. Trong lớp tôi đứng nhất về môn Việt văn đó.

- Vậy tại sao Đông không tiếc giùm tôi? Mấy trăm bài thơ chép cả hai năm nay bây giờ mất hết. Giờ có muốn chép lại cũng không mượn đâu cho có đủ những bài thơ đó.

Tôi bắt đầu trò đùa của tôi.

- Chép lại làm gì cho mất công. Bây giờ lo để dành tiền mua sách về tâm lý đàn ông, tâm lý ái tình mà đọc. Này, nói thật cho chị biết, chị lớn rồi nghe không, lo kiếm chồng là vừa chứ không phải lúc nào cũng thơ thẩn mãi được.

Bích Câu đỏ bừng mặt, nàng kêu lên.

- Đông nói gì kỳ cục vậy ?

- Con gái lớn rồi phải đi lấy chồng chứ có gì mà kỳ cục. Mấy lúc này thấy có nhiều ông nào lượn quanh nhà chị hoài, chọn đại một ông đi.

Bích Câu bĩu môi. Mặt nàng trở nên nghiêm trang, đôi mắt nhú lại khó chịu nhìn tôi.

- Đông vô duyên quá. Khi không để ý vào chuyện người khác làm gì vậy.

Tôi đứng sững lại, mặt nóng bừng vì sượng sùng. Các chữ “vô duyên” quá nặng nề đối với tôi, và bất cứ một ai nói với tôi câu đó đều làm tôi sợ hãi. Khuôn mặt của Bích Câu bây giờ hết vẻ tội nghiệp, đôi mắt nàng thật xa lạ lạnh lùng, nàng đã không khóc như tôi chờ đợi và trái lại, bây giờ tôi có vẻ là người muốn khóc hơn cả. Tôi đứng yên ngẫm nghĩ mãi về mình và nghĩ rằng có lẽ mình vô duyên thật, điều đó làm tôi buồn bã vô cùng. Bích Câu càng thêm vẻ thờ ơ, nàng không nhìn tôi, không nhìn ra ngoài bầu trời mưa nữa, nàng đã buông hết những tờ giấy màu xanh xuống nước và nàng dùng những ngón chân của nàng đùa nghịch trong lòng nước sóng sánh.

Con đồ đã bỏ đi từ hồi nào tôi chẳng hề hay biết. Những hạt nước mưa tuy không còn rơi mạnh mẽ nhưng cũng thấm ướt trên đầu và thân người tôi từng giọt thật lạnh băng. Hôm nay lại thêm một bữa tắm mưa lạnh gắt chết.

Tôi quay về nhà, nhìn khuôn mặt mình không còn ra hình dáng gì nữa dưới làn nước đục ngầu một màu bùn đỏ.

Tôi cảm thấy giận Bích Câu lạ lùng. Nếu tôi là người luôn luôn sẵn sàng dễ dàng con gái, thì trái lại, cóc có một cô nào chịu khó dễ dàng tôi cả. Bích Câu không nói thêm một tiếng, nàng thản nhiên nhìn tôi bỏ đi.

Cứ mỗi buổi chiều xẩm nặng nề, nước bao la dưới chân và nhiều gió lạnh, tôi thường nghĩ đến một lò lửa

*ấm áp. Nhưng rồi khi nằm bên cạnh lò lửa trong nhà, lại mơ tưởng đến bầu trời cao ngoài kia xanh bát ngát.*

*Ba ngày sau, mực nước xuống nhiều, chỉ còn cơn mưa tầm thường mà bất cứ thành phố nào cũng có thể có, trời thì không còn gió bão. Nước lũ lướt rút đi khỏi ngôi nhà và khu vườn, theo ao và đường cống hai bên đường chảy ra sông. Khu vườn bây giờ là một miếng đất xác xơ, đám ớt xanh, bắp cải, những cây rau quế, rau dền, rau khoai hư nát hết. Vườn hoa hồng và hoa huệ mà sớm mai nào bà ngoại cũng thức dậy tưới nước bắt sâu, bây giờ ngã rạp nhàu nát trên bùn đất, trông buồn bã như những xác người chết.*

*Tôi thức dậy sớm vì nghe tiếng gọi tên mình từ bên nhà hàng xóm, thoạt đầu tưởng chừng như tiếng gọi của Bích Câu, nhưng khi vừa dụi mắt mới biết là không phải. Tôi nhận ra khuôn mặt quen thuộc của anh Đào. Anh Đào đang đứng co ro mình trong chiếc áo mưa nhà binh bạc màu, đầu anh đội một chiếc mũ cát-két như những tay thợ săn, chân đi giày ba-ta rách bươm. Tôi chỉ bằng tuổi mấy đứa em của anh Đào nhưng anh thường rủ tôi đi chơi với anh trong những vụ tắm sông hay đạp xe lên các lăng tẩm. Anh Đào đưa hai bàn tay trước miệng làm ống loa rồi la lên:*

- Ê, Đông ơi, thức dậy đi lội nước với tao.*
- Trời còn mưa nhiều không?*
- Còn. Mưa mới khoái, mày kiếm cái áo mưa với*

bộ đồ nào dơ nhất mặc vào rồi qua đây nhanh lên. Đi ra bờ sông coi người câu cá.

Tôi vùng dậy ngay. Đi chơi lang thang dưới cơn mưa thật tuyệt, dù người tôi đang run lên vì lạnh tôi cũng không thể nào bỏ qua được. Tôi vội vã tìm ba chiếc áo sơ-mi thật dày mặc chồng lên nhau vì trời còn lạnh, cổ quần khăn kín mít. Tôi may mắn tìm được đôi giày ba-ta há mồm nhưng thiếu chiếc mũ thợ săn như của anh Đào, cuối cùng tôi đành trùm lên đầu chiếc mũ to tướng của ông cậu tôi. Tôi chạy nhanh ra khỏi cổng nhà, anh Đào đứng chờ trước cửa nhà anh. Anh đang hút thuốc, khi thấy tôi anh nhe răng ra cười để lộ hàm răng thiếu một chiếc ở giữa. Vì sún răng, nên anh có thể làm một cái trò rất thú vị là gắn điếu thuốc lá vào hàm răng anh, giữa kẽ hở nhỏ xíu. Tôi bật cười, anh Đào vỗ vai tôi.

- Mấy bữa nay mày đi đâu mất tạo tìm hoài không thấy?

Qua nhà chị Bích Câu chơi.

Anh Đào tỏ vẻ ngạc nhiên nhìn tôi.

Bên đó có gì vui đâu?

- Chị Bích Câu dễ thương lắm.

Đôi mắt của anh Đào mở tròn kinh ngạc, anh nhún vai và vút điếu thuốc xuống đất.

- Dễ thương? cái con nhỏ chua ngoa nhất xóm này mà mấy bảo dễ thương? Con nhỏ có bộ mặt dài như ngựa mà lúc nào cũng vênh lên, tưởng mình đẹp ác lắm.

*Đến lượt tôi ngạc nhiên.*

*Mặt vậy mà bảo là dài? Chị ấy đẹp quá trời đi, lại văn nghệ ghê lắm. Anh biết không, chị Bích Câu có một tập thơ quý lắm, chép nhiều bài thơ xưa thật hay.*

*- Bộ mày mê con Bích Câu đó rồi phải không?*

*Tôi gật đầu, tôi không giấu giếm điều gì với anh Đào, nhất là những chuyện tình cảm bởi vì anh Đào là ông giáo đầu tiên dạy cho tôi những bí quyết chinh phục con gái, đầu tôi không bao giờ thấy anh Đào quen với một cô nào cả. Tôi buồn buồn thú nhận với anh Đào là tính tôi đờn giản đến nỗi yêu hầu hết những người đàn bà nào tôi quen biết hay chỉ vừa gặp. Tôi lại biết điều khiến giấc mơ của mình thật tài tình. Mỗi đêm trước khi đi ngủ, tôi dành chừng nửa giờ để nghĩ đến người con gái nào là khi thiếp đi, tôi sẽ gặp nàng trong giấc mơ.*

*Đêm qua mới nằm mơ thấy chị Bích Câu. Nhưng hơi kỳ lạ... thấy chị ấy đi lấy chồng rồi ông chồng nào cũng bị rơi xuống giếng chết đuối cả. Có chừng mười người chết như vậy nên rốt cuộc không ai dám lấy chị cả. Đến năm 90 tuổi, chị Bích Câu vẫn góa chồng... nhưng thật kỳ cục, già như thế mà nước da chị vẫn trắng như tuyết...*

*Anh Đào bực mình ngắt lời tôi.*

*Thôi dẹp chuyện mơ mộng của mày đi. Nếu tao có khá tiền tao sẽ dẫn ngay mày đến một ông bác sĩ trị bệnh thần kinh.*

*Anh Đào nắm tay tôi lôi đi. Trên mặt đường, nước*

mưa chỉ còn lúp xúp ngang mắt cá chân, vừa đủ để tôi nhúng đôi chân trong làn nước mát lạnh và đá văng tung tóe những hạt nước văng lên cao. Mưa rơi từng giọt lộp bộp trên đầu nghe thật vui tai, đôi khi một cơn gió mạnh thổi qua, cành cây nhỏ nào đó rơi trúng vào vai làm tôi giật mình. Tôi với anh Đào đi dọc theo bờ sông Hương Trên bờ sông, cứ cách một quãng ngắn là một lão già đang đội mưa giăng lưới. Hình như tất cả những cậu bé con của thành phố đã đổ xô ra những bờ sông, đứa đứng nhìn, đứa vút mạnh lưới câu xuống dòng nước. Những đứa nào mới tập tành câu cá thì ra những bờ ao và ruộng cạn, ở đó có rất nhiều cá bống và cá rô, thứ cá dễ ăn mỗi nhất.

Tôi nhìn thấy những điều thuốc bốc khói xanh thật đẹp cứ liên tiếp đốt trên môi anh Đào, tôi xin một điều nhưng anh không cho. Tôi cố gắng nói và nghĩ rằng nếu tôi không nói lên được chắc người tôi sẽ chết công:

- Anh Đào ơi, xin điều thuốc hút cho ấm bụng.
- Nói lớn lên... tao không nghe gì cả, trời mưa lớn quá.

Tôi nổi cáu gân cổ la lên :

- XIN ĐIỀU THUỐC!
- Không được. Mấy còn nhỏ đừng bày đặt.
- Mười lăm tuổi rồi chứ còn nhỏ gì?
- Nói lớn lên... tao không nghe gì cả.
- MƯỜI LĂM TUỔI RỒI!
- Đợi sang năm mười sáu tuổi rồi hút thuốc.

Tôi thêm một điều thuốc lá quá chừng. Tôi lẩm

*lúi đi nhanh, bàn chân bực dọc đá văng tất cả những cành cây gãy gập phải trên đường. Hai người đi qua cầu Trường Tiền và tôi phải bám chặt vào thành cầu để khỏi bị gió thổi bay xuống sông. Anh Đào đi còng lưng như người già, anh đưa hai tay giữ chặt chiếc mũ thợ săn và nhăn nhó vì những hạt nước mưa thi nhau quất vào mặt. Anh nói lắp bắp:*

*- Á! Mày thích vô tiệm ngồi cho ấm không?*

*Tôi giả vờ kêu lên:*

*- Nói lớn lên... Trời mưa quá, không nghe gì cả. Tôi nhìn thấy anh Đào há miệng thật lớn, chắc nước mưa đã bay vào đây cổ họng anh.*

*- THÍCH VÀO TIỆM KHÔNG?*

*- Không. Anh đi một mình đi, tôi về.*

*- Đừng đùa. Mày về một mình rủi nhào xuống sông chết đuối, tao biết nói sao với bà ngoại mày?*

*- Mặc kệ. Tôi về đây.*

*Anh Đào hoảng hốt nắm chặt lấy chiếc áo mưa của tôi, anh năn nỉ:*

*- Thôi đi với tao vào tiệm rồi tao cho hút thuốc lá.*

*- Nói lớn lên... không nghe gì cả.*

*- THẰNG QUỶ! TAO CHO MÀY HÚT THUỐC, KHỎI ĐỢI ĐẾN SANG NĂM NỮA.*

*Tôi cười sặc sụa vui thích, cùng với anh Đào chạy nhanh qua cầu để đến tiệm cà-phê. Chắc anh Đào cũng thèm uống một ly nước gì đó như tôi, vì cả hai vừa hét quá nhiều đến khan cả cổ.*

*Quán ít người, người nào cũng co ro trong chiếc áo*

đi mua và một điếu thuốc lá trên miệng. Mưa tạt vào những bàn ghế đặt ngoài quán nên anh Đào phải tìm một chỗ kín nhất trong góc quán. Anh Đào vẫn đội chiếc mũ thợ săn thật đẹp còn tôi vội vàng lột chiếc mũ to tướng và lỗ bịch của tôi ra. Người bồi tiến lại trước mặt anh Đào.

- Cho tôi một ly cà-phê sữa... còn thằng này, mày uống gì? Một ly chè trái cây hay chè đậu xanh nhé.

- Trời ơi, lạnh như thế này mà uống cái thứ dành cho trẻ con đó!

Tôi nói với người bồi bằng cái giọng thản nhiên và thành thạo như đã vào quán này cả ngàn lần.

- Anh cho tôi một ly cà-phê đen với một "lon" Ruby. Anh Đào nhún vai, lắc đầu nhìn tôi rồi nhìn ra ngoài đường. Đường phố mờ mịt trong cơn mưa, một vài người vội vàng đi qua lại. Chiếc máy hát trong quán rè rè chạy một bản nhạc ăn khách nhất lúc này, bài Bambino do giọng hát ma quái của Dalida trình bày. Lát sau người bồi trở lại với hai ly cà-phê bốc khói thật ấm, và một lon sữa bò trong đó đựng năm điếu thuốc lá hiệu Ruby Queen. Tôi châm một điếu trước tiên, khói nóng nặng nề trong miệng và cay xè đến chảy nước mắt. Trời đã mờ vì mưa, đôi mắt lại bao phủ thêm bằng một vài giọt nước mắt nên khi tôi nhìn sang bên kia đường, cảnh tượng hết sức mờ nhạt như một khúc phim bị hư. Rạp chớp bóng vừa mới vãn, khán giả chen chúc đi ra đường phố, có những đàn bà mặc áo đi mưa màu xanh, đỏ hay tím trông thật vui mắt.

Đến ngày cuối tuần, cơn mưa hoàn toàn chấm dứt. Nước đã khô trên đất, chỉ còn những ao sâu hai bên đường là vẫn còn đầy ắp dòng nước chảy xiết. Mặt trời đã lâu không ai nhìn thấy, bây giờ hơi ửng một chút hồng hào như má con gái. Và dần dần, tia nắng đỏ rực rờ trên mái ngói và những cành cây chỉ còn một ít lá xanh. Ban đêm tôi sang nhà Bích Câu để xin vài viên thuốc cảm, người tôi bây giờ lúc nào cũng lạnh run từ trong da thịt vì những vụ đội mưa đi chơi vừa rồi. Tôi chăm chú nhìn khuôn mặt của Bích Câu để xem mặt nàng có dài như mặt ngựa không, nhưng tuyệt không khuôn mặt nàng vẫn tròn và trắng xanh che lấp sau mái tóc đen nhánh.

- Đông thấy tóc tôi đẹp không? Mới gội đầu với bồ kết đó.

-Ừ

- Đông có giận gì tôi phải không?

- Không.

- Thế sao mấy ngày này không qua đây chơi?

- Bạn đi chơi với anh Đào, anh ấy vui vẻ hơn chị nhiều.

Bích Câu mở tròn mắt ngạc nhiên, tôi lại nhớ đến nét mặt của anh Đào khi nghe nói về Bích Câu.

- Chơi gì với cái thằng răng sún dễ ghét đó?

- Đừng nói bậy, anh ấy dễ thương lắm.

- Dễ thương? Cái thằng ăn bận như cao-bồi, sáng nào tôi đi học cũng bị nó chặn lại ở góc đường chọc ghẹo.

- Anh ấy đâu có thèm chọc chị làm gì. Chị tưởng chị đẹp lắm sao?

Tôi ra về. Bây giờ nước đã cạn khô, con đường gạch đá hay ao sâu đều hiện rõ nên Bích Câu không dận dò tôi phải đi cẩn thận nữa. Bích Câu chỉ kêu nhỏ:

- Đông có hơi giận tôi phải không?
- Phải. Nhưng giận ít thôi.
- Vậy làm sao cho Đông hết giận?
- Đừng làm gì cả. Cứ để tự nhiên rồi hết.

Bích Câu bật cười. Tôi không quay lại nhưng vẫn thấy rõ ràng trong trí não đôi môi nàng đỏ hồng tươi thắm, trời bây giờ có nắng ấm nên môi của nàng không còn tái xanh nữa.

Đêm khuya, tôi nhìn sang nhà Bích Câu, phòng nàng vẫn còn thấp ánh điện vàng. Chắc nàng đang sửa soạn lại bài vở và ủi chiếc áo dài trắng. Tôi lấy chăn đắp kín người, để đôi mắt mở ra vẫn không nhìn thấy gì cả. Sáng mai, trên đường sẽ có nhiều người đi. Bích Câu sẽ thuột tha trong chiếc áo dài trắng, khuôn mặt nàng sẽ nghiêm trang như thường lệ, có thể nàng làm lơ khi thấy tôi hay chỉ nhếch mép cười mỉm rất nhanh. Dẫu sao tôi cũng mong con đường của nàng đi sẽ đen nhánh, lóng lánh như hột nhãn sau những ngày nước mưa quét sạch bụi bặm. Nếu thỉnh thoảng trên đường có một vài màu xanh lấm tấm, đó là màu xanh của những trái sầu đông đã rơi vội vàng trong mùa mưa bão.

Người nữ xướng ngôn viên của đài phát thanh loan

*báo theo một nguồn tin của sở Khí tượng, cơn bão lụt ở thành phố Huế đã chấm dứt. Xe buýt đã chạy như thường lệ, và bắt đầu từ sáng thứ hai, học trò sẽ lại cắp sách đến trường.*

*Như thế là cơn mưa mùa đông trên thành phố này đã qua đi. Khi Huế hết mùa mưa, tôi thấy bớt yêu Huế nhiều hơn.*



# LÊ TẮT ĐIỀU

**M**ột nhận xét chung về sáng tác của Lê Tất Điều trước 30/4/1975 đã được viết vào tháng 9/1976, sẽ in ở phần nói về bộ môn ký. Hơn hai chục năm sau, xin có đôi điều thêm thắt.

Trong suốt cuộc đời cầm bút, cả trong nước lẫn ngoài nước, Lê Tất Điều đã viết nhiều loại: hài đàm (ký Kiều Phong), truyện và ký (ký Lê Tất Điều), thơ (ký Cao Tần). Tập ký *Ngứng bắn ngày thứ 492* là một trong những cuốn ký hay nhất của thời kỳ 1954-1975 ở Miền Nam. Thiên truyện sau đây là một trong những tác phẩm đã được nhà xuất bản Sóng chọn làm “những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta”, in năm 1973. Và tập *Thơ Cao Tần* nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc đã chọn nói đến như một trong ba thi phẩm xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hải ngoại sau 1975.

Thơ Cao Tần thuộc về văn học hải ngoại, sau

1975. Ở đây chỉ thêm một ít cảm tưởng về thể loại truyện trước 1975.

Điều<sup>1</sup> lớn lên trong chiến tranh. Nhân vật trong tác phẩm Điều, nam có nữ có, phần đông là trẻ con, phần đông là nghèo khó, lắm khi cơ cực, trong ấy cái số nạn nhân của chiến tranh không phải ít. Thảm thương là số phận thông thường. Nhưng lạ lùng là không khí khắp các truyện không u uất, cũng không hùng hực oán hờn. Trái lại.

Trẻ con bất hạnh, chúng cũng xuất hiện đông đảo ở một số tác giả khác. Ở Duyên Anh, ta gặp những trẻ đói khổ. Ở Nhật Tiến là hạng trẻ em hiền lành, hăm hiu. Ở Điều, thường là những đứa trẻ thông minh, tinh quái, mà thật đáng yêu.

*Đêm dài một đời* kể chuyện những trẻ mù. Trẻ mù được nơi nuôi nấng, dạy dỗ trong năm năm, thế đã là điều an ủi. Trẻ mù được những thanh niên nam nữ – sinh viên, ca sĩ, Phật tử – tình nguyện đến chăm sóc: lại càng quý hóa nữa. Nhưng thiết tưởng quý nhất là ở chỗ một trong những kẻ mù nọ đã tha thiết thành khẩn khuyên một đàn anh lãnh mạng, một sinh viên làm việc thiện nguyện, về quan niệm tin tưởng yêu đời. Anh Phong và chị Kim yêu nhau, nhưng Phong nghèo mà Kim giàu, nên Phong né tránh nhân duyên. Bằng rụt rè khiêm tốn – vì tuổi nhỏ, vì mù lòa – xin góp ý với anh Phong: “Vị trí đời

em cũng chỉ là một vực sâu thăm thẳm. Nhưng em tin là nếu mình hết sức cố gắng, trời vẫn cho mình đủ thời gian để leo từ vực thăm lên đỉnh núi. Vì nỗi khổ hiện tại mà từ chối sự sung sướng trong tương lai là một điều dại dột. Nếu có một người con gái yêu em, em sẽ nhất định xin cưới cô ta làm vợ, không có mặc cảm, lo lắng hay sợ hãi gì hết. Có thể nỗi khổ sẽ đến ngay sau hạnh phúc. Nhưng em sẽ tiếp đón cả hai như một người chủ tiếp đón những ông khách vừa xấu, vừa tốt. Em muốn được sống, thiết tha sống. Em thích một căn phòng ồn ào hơn là một căn phòng trống rỗng (...) Theo ý em, anh đã yêu thì cứ tiếp tục và tính chuyện xây dựng với chị Kim. Một cuộc đời đủ dài để anh làm giàu, tạo sự nghiệp, lại rất có thể quá ngắn khiến anh không kịp tìm ra một người yêu thương mình thực tình”. Sau những lời chí tình như thế, thấy Phong im lặng, Bằng e ngại, lại rất mực khiêm tốn, hỏi: “Em nghĩ sai hả anh Phong”.

Kết thúc cuốn truyện là cái cảnh San lên đường ngay giữa cơn mưa đi tìm gặp cô Quỳnh về dự án một trang trại cho người mù mà hai người – một sáng một mù cùng ôm ấp bấy lâu.

Trẻ con trong các truyện của Điều hầu hết có nét nghịch ngợm, có đứa lười lĩnh nữa, nhưng không ác độc bao giờ. Chúng yêu thương cha mẹ, anh em, bạn bè. Có thể láu lĩnh, nhưng vẫn tình nghĩa: có tấm vé số, bé Dũng ước trúng độc đắc để mua cái xe hơi chở thầy trò cả lớp đi chơi và coi hát bóng”. (“Cỏ hoang”)

Còn người lớn, gặp thời khói lửa, họ đem thân xác ra bảo vệ nước non, chịu nhiều đau đớn. Thượng sĩ Hoan trúng đạn vào ngực, vào bả vai, vào sườn, cánh tay phải vô dụng; hội đồng bác sĩ giám định cho là bất lực vĩnh viễn, đề nghị cho xuất ngũ. Thượng sĩ Hoan nằm khóc ầm ục một lúc, rồi hét: “Mình còn khỏe mạnh chứ đã chết chóc gì đâu!... Mẹ! Thằng này bắn tay trái cũng không đến nỗi gửi đạn về làng. Những đứa còn đủ chân tay đánh lộn chưa chắc đã ăn thằng này.” (“Đoạn đường còn lại”). Không phải thượng sĩ Hoan ham đánh giặc vì tự ái, như lão tướng Hoàng Trung khi bị chê già. Chẳng qua đông con, sợ xuất ngũ không biết làm gì để nuôi gia đình. Về sau, giải ngũ về nhà trở tài đàn rỏ rá kiếm được tiền, sườn hết đau, “cuối xe gắn máy chạy như gió”. Đời giản dị thôi.

Một thương binh khác, mất tay phải chân phải, teo chân trái, mù mắt, ngồi xe lăn, khi nghe hội đồng xướng đến tên mình: “Nguyễn Đình Phúc, tàn phế trăm phần trăm, miễn dịch vĩnh viễn, mẫu số... một”, thì ông liền quơ tay tìm người vợ đang đẩy xe, reo: “Rồi, trăm phần trăm! Biết trước mà”. “Người vợ cũng mỉm cười sung sướng, nhưng bà ta cúi đầu giữ nguyên vẻ khép nép. Nghe xong các chi tiết về trường hợp mình, người chồng lại vừa giơ tay vừa cúi đầu chào. Ông ta cười vui thành tiếng: “Xin chào hết mấy

ông. Xin lỗi! Tôi mù cả hai mắt thành ra không biết mấy ông chúc gì! Xin chào"! Người vợ đẩy xe đi rồi, bàn tay trái ông ta còn giờ cao tới ngang mũ". ("Đoạn đường còn lại")

Trẻ con và người lớn, kẻ tàn tật và người lành mạnh, đa số nhân vật của Điều yêu đời, lạc quan, tin cậy ở cuộc sống.

"Vậy thì xã hội có hướng đi lên mạnh quá!"

Những ai có ác ý liên hệ cái viết của Điều với một xu hướng nhằm minh họa chính sách nào, ca ngợi chủ nghĩa nào, tôn vinh chế độ nào, ai đó sẽ tha hồ hồ thẹn về sự sai lầm của mình. Không thể tìm thấy tác phẩm ca ngợi chính quyền của Điều đâu, chúng ta chỉ gặp những chỉ trích, giấu cột chính giới (của Kiều Phong) thôi. Điều có ca ngợi là ca ngợi con người, cả loài người, cả cuộc sống; chứ không phải một chính quyền, một chế độ nào.

Đây đó, tác giả có ghi nhận cái mỉa mai trong những cảnh ngộ nghiệt ngã. Nhưng cả tác giả lẫn nhân vật đều chấp nhận hoàn cảnh không cay đắng uất hận.

Không phải chỉ cái nhìn vào con người, mà cả cái nhìn ra thiên nhiên ở Điều cũng thế.

Hãy để ý đến một cái nhỏ nhặt: cái gió. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp ở *Đêm dài một đời một thoáng gió*. Cậu bé Thương đang ngồi với hai huynh trưởng. "Anh Phong, anh Bằng và tôi chiếm một chỗ cỏ mọc dày gần cửa phòng nhạc. Đêm mát, cỏ thơm

(...) Gió thổi đều như không bao giờ dứt. Nhờ gió tôi cảm thấy bãi cỏ rộng mênh mang. Bóng tối bớt nặng nề. Sự vui mừng cùng nỗi buồn rầu đã hòa hợp lại gây nên một cảm giác lâng lâng dễ chịu. Thỉnh thoảng, một con vật nhỏ bé từ lá cỏ bò lên chân tôi. Tôi gạt nó đi rất chậm để khỏi làm nó phật lòng” (trang 112). Ngọn gió làm cho người mù cảm thấy bãi cỏ rộng, thế đã thú. Lại còn cái gió này mới tuyệt: “Tiếng máy ở cổng xưởng trước trường bỗng nhiên ngừng. Gió đêm lùa qua cửa sổ, vào phòng, thoáng qua tôi như một bóng người vội vã. Trời lạnh, đêm khuya rồi” (trang 16). Gió: bóng người thoáng qua một đứa trẻ cô đơn trong bóng tối triền miên: tài tình và cảm động biết bao! Cơn gió được bắt gặp, được nhận định tinh tế, và được phát huy công đức trong một lúc bất ngờ!

Đọc Điều, ta tiếp cận một tâm hồn nhân ái bao la và dịu dàng.

6/1998

### **Chú thích**

<sup>1</sup> Các nhà văn nhà thơ nói đến trong sách này đều được xưng là ông hay bà. Tuy vậy, đối với một ít vị mà tác giả có quan hệ tình cảm thân thiết đã lâu, tiếng ông bà nghe có vẻ vờ vĩnh giả tạo. Vậy xin được giữ cách xưng hô riêng vẫn dùng từ trước.

# CỎ HOANG

Như một con sâu nhỏ bé có thể tự bảo vệ bằng bề ngoài kinh khiếp của nó, như một cô gái, thiếu sắc đẹp, hấp dẫn kẻ khác phái bằng một thú duyên thâm, bằng chính sự không may của mình, ngôi trường của tôi càng ngày càng trở nên dễ thương đối với những người đã từng chán ghét nó trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Tất cả những điều đáng ghét, đáng sợ của ngôi trường này dần dần trở thành những sự khôi hài. Rồi sau này, khi những sự kỳ quái của ngôi trường đã hoàn toàn biến mất thì chúng tôi vẫn muốn nhắc nhở lại chuyện cũ như nói đến những kỷ niệm êm đềm, khó quên.

Hồi mới được xây lên, trường chỉ có hai lớp nhỏ bé, thấp và sơ sài như những căn nhà nghèo. Mái tôn thấp và nung nóng đến nỗi tôi có cảm tưởng thà vứt bỏ mái đi ngồi ngay dưới ánh nắng mặt trời còn thoải mái, dễ chịu hơn. Trong những ngày nắng to, nhìn lũ trẻ vừa vuốt mồ hôi vừa cặm cụi làm toán, thỉnh thoảng lại ngừng bút cầm vở quạt phành phạch, tôi nghĩ rằng nếu nhà trường không cho chúng được một số vốn kiến thức thì ít nhất cũng đã dạy chúng một bài học kiên nhẫn và chịu đựng. Ngày mưa thì còn tệ hơn, nước dội ào ào xuống mái tôn, tôi có gân cổ gào to đến

mấy chúng cũng chẳng nghe thấy gì, tốt hơn hết là cho chúng ngồi xúm vào một chỗ không bị đột, để chờ mưa ngớt. Và như thế tôi lại còn có thì giờ để lo bảo vệ số sách khỏi bị ướt sũng.

Ngày đầu được gửi đến làm việc ở đây tôi đã đi hàng giờ để kiếm cái bảng tên trường mà mãi ba năm sau mới có. Rồi tôi mất nửa giờ nữa để đứng lặng nhìn ngôi trường, tôi tàn quá sức tưởng tượng, cứ phân vân chẳng hiểu kẻ chỉ đường có chủ tâm chơi xỏ hay đánh lừa mình không.

Một cái hàng rào để định ranh giới của ngôi trường cũng không có. Trường nằm chung trên một phần đất rộng với trạm y tế độc nhất của vùng ngoại ô, và một cái chợ nhỏ. Sân trường đầy cỏ hoang và những cây gai um tùm, đó là nơi tụ họp của các loài ngan, ngỗng, vịt, gà, chó, heo. Người lao công trông coi ở đây già yếu đến nỗi không ai nỡ nặng lời với ông ta. Ông ta chỉ cầm nổi cái chổi khi đã tỉnh rượu, và thường thường ông ta chỉ tỉnh rượu khi đã lên giường ngủ được một vài giờ, thời gian độc nhất có thể khiến ông ta tạm xa chai rượu.

Những ngày làm việc sau đó tôi phải đối phó với đủ thứ chuyện bất ngờ. Có nhiều lúc tôi ngần ra không biết phải phản ứng như thế nào cho hợp. Trong tất cả những sách vở viết về khoa sư phạm mà tôi đã được đọc, tôi chưa thấy một tác giả nào nêu ra trường hợp một ông thầy đang hăng hái giảng bài phải giật mình vì thấy một con heo dùng dùng chạy vào lớp mình.

Con heo to lớn, dẫn theo một bầy con lít nhít, kêu eng éc, chẳng coi ai ra gì. Lớp tôi có hai cửa nên đã trở thành con đường giao thông ngắn nhất từ sân trường về chuồng của lũ heo, ở trong một căn nhà hàng xóm của nhà trường. Thấy tôi vô tình đứng cản đường đi của mẹ con nó, con heo đứng lại kêu to phản đối, mấy con heo con nhân dịp đó, bỏ hàng ngũ chạy đại vào những khoảng trống giữa hai dãy ghế học trò ngồi. Ấy thế là cái trật tự của lớp mà tôi đã mất bao công lao mới tạo được đột nhiên bị phá vỡ. Lũ trẻ nhao nhao nhảy ra khỏi chỗ để chống lại sự xâm lăng của bầy heo, dĩ nhiên, tôi cũng phải ngừng giảng bài để hợp tác với lũ học trò. Lớp học tràn đầy một không khí kỳ quái với tiếng trẻ la hét, dậm dọ, xen lẫn tiếng heo kêu. Mấy con chó cũng thi nhau chạy vùn vụt qua lớp luôn luôn. Về sau tôi không dám mở to cửa lớp ra nữa và lúc nào cũng phải để ý canh chừng để xua đuổi kịp thời những sự bất ngờ này.

Cái chợ ở ven trường thì lúc nào cũng ồn ào và có nhiều vụ cãi nhau hơn cả các chợ khác. Khi có vài bà bán tôm bán cá dùng dùng nổi giận mà chia làm hai phe đấu khẩu, chửi rửa nhau thì khó mà ngăn những câu nói của họ khỏi bay vào lớp học, dù tôi có đóng hết các cửa lại. Tôi bắt lũ học trò ngồi thật nghiêm trang, và cố gắng giảng cho chúng nghe những điều thật đặc biệt, nhưng vô ích, một vài câu chửi gọi lên những hình ảnh quá tục tĩu vẫn làm cho vài đứa bật ra khúc khích cười.

*Phải mất hàng hai ba tháng trời tôi mới triệt được cái bệnh vãng tục, bệnh ở bần của lũ học trò. Nhưng đó chỉ là những điều vụn vặt, khiến tôi bực mình, không gây nên sự chán nản.*

*Cái việc gây nhiều khó khăn, cản trở cho công việc của tôi, chính là đời sống của người dân ở đây. Ngoài một số rất hiếm người khá giả, thì người dân ở đây đều nghèo khổ. Họ không có một cơ sở hay việc làm vững chắc như người thành phố hay có một việc làm hiền lành như người miền quê. Họ như từ bốn phương tụ lại, đại diện cho khắp nơi và sống bằng đủ các thứ nghề, lương thiện có mà không lương thiện cũng có. Như những cây cối mọc chen chúc trong một khu vườn hoang họ vươn lên, tìm sống bằng các phương tiện hợp với khả năng họ, trong tầm tay họ. Và họ đã tạo nên được cái vẻ muôn mặt, hỗn độn, bí mật của một vùng ngoại ô cần cỗi.*

*Vì thế, tôi không thể giảng một bài đức dục nào mà lại hoàn toàn không động chạm đến nghề nghiệp, tật xấu, hay quá khứ của một ông chủ gia đình. Khi tôi nêu ra một điều tệ hại cần tránh và thấy lũ học trò quay cả về phía một đứa đang cúi đầu ngượng ngịu thì tôi biết ngay rằng ba thằng bé này làm nghề gì. Có lần, sau một hồi hăng hái giảng về sự tai hại của tính mê tín dị đoan và sự láo khoét của mấy ông thầy pháp, tôi phải ngăn người vì một thằng học trò bỗng đứng bật dậy, chỉ vào một đứa khác tố cáo:*

*- Thưa thầy, tía anh này cũng là thầy pháp, tối nào tía anh ấy cũng đi cúng.*

Đứa học trò có người cha bị tố cáo ngược nung lăm lét nhìn tôi, miệng cười gượng, tay cấu mãi vào một góc vở, đôi mắt nó nhìn tôi để lộ những tia sợ hãi, tuyệt vọng, khổ sở. Thì ra ba nó chính là cái ông thầy pháp đã từng làm tôi mất ngủ, khó chịu. Đêm đêm, khi cúng bái cho một nhà nào ông ta thường mặc bộ quần áo màu sắc sỡ, khua chiêng đánh mõ om sòm và thỉnh thoảng lại thổi một tiếng kèn ngấn ngủi, quái đản, nghe thật ghê sợ. Tôi vội vàng mang át đũa kia và quả thực, sau đó, phải chặt vật lăm tôi mới có thể làm cho lũ học trò, vừa biết rõ sự bịp bợm của mấy ông thầy pháp, lại vừa tin rằng ba của đứa học trò kia, dù thế nào cũng vẫn phải được kính yêu. Chúng chưa đủ trí khôn để tìm thấy sự mâu thuẫn trong cách giải thích của tôi. Nhưng thế nào mà chả có đứa phân vân. Thành ra tôi đã mở mắt cho chúng để chúng nhìn thấy những sai lầm trên các người sinh thành ra chúng.

Lũ trẻ thường bị rơi vào giữa gong kìm của một cuộc đời thực tế và một cuộc đời tốt đẹp trong sách vở. Chúng trở nên hiền lành, sợ hãi một cách thật đáng thương.

Nhưng càng mến yêu lũ học trò thì tôi càng tỏ ra nghiêm khắc với chúng. Tôi đã làm ngược lại những điều mà lớp người trước căn dặn tôi: phải tạo một không khí thân mật giữa thầy và trò, phải cho học trò thấy rõ là mình rất thương mến chúng. Nếu tôi cố gắng tạo cho lớp học một không khí quá vui tươi, cởi mở thì sẽ có nhiều đứa học trò của tôi nhìn thấy gia đình chúng là một nơi thật đáng ghét, đáng sợ, đôi khi

*mang dấu vết xấu xa, tối tăm của địa ngục. Có đứa coi những giờ đến trường là những giờ được nghỉ ngơi sung sướng nhất, bởi vì khi trở về nhà nó phải làm việc quần quật suốt ngày. Khi được giao công việc nhẹ nhàng nhất là việc bế em thì lập tức chúng lại tìm đến sân trường, chơi đùa với lũ học trò ở đây, sung sướng như đang sống trong một thiên đường nhỏ. Tôi cố giả vờ tạo một bộ mặt nghiêm khắc đến thế nào thì cũng không thể làm cho chúng sợ hãi bằng nét mặt cau có của một người cha say rượu khi ông ta cầm trong tay một thanh củi lớn và hung hăng đập lên người chúng như đập lên một kẻ tử thù. Phải thấy cha mẹ mình lầm lỗi và bị hàng xóm khinh ghét một đứa học trò cảm thấy đau đớn, tủi hổ gấp trăm, ngàn lần những khi nó bị phạt ở nhà trường. Có những đứa trẻ quen chịu đựng sự cực khổ đến nỗi lúc nào nó cũng giữ được vẻ thản nhiên, ấy thế mà khi bị ốm nằm nhà, thấy thầy và bạn đến thăm nó lại dậm sững sờ rồi bật khóc nức nở. Tình thương, sự săn sóc đến bất ngờ quá khiến nó ngỡ ngàng, kinh ngạc.*

*Đối với những đứa trẻ không được đi học tới năm năm trời thì sự sung sướng của thế giới học trò thường làm chúng khổ sở khi phải rời khỏi học đường. Trường hợp của trò Dũng đã khiến tôi thấy rõ điều này. Đã có nhiều đứa đang học thình lình phải bỏ ngang để đi học nghề. Nhưng chỉ có cái buồn rầu của trò Dũng trong lần cuối cùng nó rời khỏi lớp học là được ghi đậm trong ký ức tôi.*

Cho đến bây giờ, ngôi trường đã được kiến thiết đẹp đẽ, sân trường không còn một sợi cỏ, thế mà mỗi lần nhìn thấy những luồng gió lốc tung cát, chạy quanh trong sân trường, tôi tưởng như vẫn thấy bóng trò Dũng ngấp ngừng bước bên đám cỏ hoang, đôi bàn chân đen đũi của nó còn ghi vết trên con đường nhỏ.

Trong buổi học của ngày đầu niên học tôi đã chú ý ngay đến nó. Ngồi ở dãy bàn cuối lớp, Dũng cao hơn các bạn nó hẳn một đầu. Nét mặt nó lúc nào cũng tươi tỉnh, làn da đen xám khiến nó càng có vẻ láu lỉnh, khôn ngoan. Nó quay sang bên phải nhe răng cười rồi lại quay sang bên trái nháy mắt như có điều gì thú vị lắm. Đầu tiên tôi tưởng nó thuộc loại những đứa trẻ lớn đầu và ngỗ nghịch. Nhưng khi tôi gọi đến nó thì nó lại tỏ ra là một đứa trẻ hết sức lễ phép và ngoan ngoãn. Tôi chưa thấy đứa trẻ nào tha thiết, sốt sắng với công việc của lớp học như trò Dũng. Tính sốt sắng ấy nhiều khi trở nên quá đáng. Tôi vừa hỏi có trò nào viết trên bảng được không thì lập tức Dũng nhòe ngay dậy. Ngoài cánh tay giơ cao nhất lớp nó còn át các bạn của nó bằng cách nói lia lịa:

- Con viết được, con viết được, thầy cho con viết.

Và tôi vừa gạt đầu là nó đã hấp tấp chạy lên bảng để rồi viết ra những hàng chữ ngả nghiêng, leo dốc xuống đèo làm cho cả lớp kêu ầm ĩ vì không đọc nổi. Trong những ngày sau đó Dũng trở thành nguồn vui của lớp học. Trước câu hỏi của tôi, dù khó khăn đến đâu nó cũng giơ tay xin trả lời, và trả lời mười lần

sai hết chín. Dũng viết những chữ rất xấu, nhưng nó có tài giữ gìn sách vở. Nó thường chỉ nổi giận khi có một đứa bạn làm dây mực vào sách vở của nó. Thịnh thoảng nó lại đem tặng lớp học một món quà nhỏ. Và lớp học dần dần có vẻ tươi mát với những cây leo trồng trong một cái bóng đèn điện chứa đầy nước, hay trong một con ốc nhiều màu.

Thịnh thoảng Dũng lại đem đến lớp một cái búa và mấy cái đinh để sửa lại những bàn ghế quá ọp ẹp, mà bọn học trò nhỏ của tôi thường vin vào đó để lấy cớ cãi nhau.

Dần dần bọn học trò tôi cũng khám phá ra cái tính sốt sáng của Dũng và bắt đầu lợi dụng nó. Chúng giao cho thằng Dũng đủ các việc lật vật, nhất là những việc có liên can đến mực vệ sinh của lớp. Dũng nhận làm hết. Đứa nào có đồ chơi hay một vật dụng gì hư hỏng đều có thể nhờ đến bàn tay sửa sang của thằng Dũng. Có lần nó sửa được cả bộ máy của một chiếc xe hơi nhỏ chạy dây cót, khá rắc rối mà nó mới được mở xem lần đầu. Chủ nhân của chiếc xe khoái quá thưởng công Dũng bằng cách cho nó mượn về chơi hẳn một ngày.

Nhờ cái tài khéo tay này mà Dũng vẫn đứng đầu về môn thủ công. Trong kỳ chấm bài lũ trẻ thường hồi hộp chờ xem tác phẩm của nó. Để cho những món nó làm ra thêm phần giá trị, Dũng thường có một lối giấu giếm và pha trò rất khôn khéo. Một lần nó nặn được một quả chuối, tô màu giống hệt như quả chuối thật, nó gói kỹ trong một tờ giấy, và mặc cho mấy đứa

trẻ khác chạy theo gạ gẫm, năn nỉ, nó không cho đứa nào xem cả. Gần tới giờ thủ công Dũng mới giở quả chuối ra giở lên rồi, miệng há tròn, nó giả vờ như sắp đớp quả chuối làm cho những đứa khác cùng ô lên, phục lẫn.

Vì học hành thất thường nên Dũng chỉ đứng hạng trung bình trong lớp, nhưng nó khá thông minh và chăm nên không mấy khi tôi phải trách nó về tội lười. Về tha thiết với việc học của nó hiện rõ nhất khi nó làm một bài làm chậm hơn các bạn, nó cuống quýt lên và dù hay dù dở nó cũng cố gắng xin tôi cho điểm. Nếu chỉ vì chậm chân mà nó không được phê điểm thì nó tỏ ra khổ sở, bức bối lắm. Vào những ngày trả bài luận, Dũng có vẻ hồi hộp, lo lắng của một con bạc trước khi biết kết quả tiếng bạc của mình. Cầm cuốn vở luận trong tay, Dũng ngửa mặt lên, đôi mắt nhắm nghiền, miệng lẩm bẩm như khấn khứa, rồi thình lình nó mở bung quyển vở ra để xem điểm. Nếu thấy được điểm khá nụ cười liền cũng bật tung ra, tràn lan trên khuôn mặt đen sạm của nó, làm cho đôi mắt long lanh sáng. Nhấp nhóm trên chỗ ngồi, hai tay nó hích phải hích trái, nó có vẻ muốn cười phá lên, vỗ tay mà rồi không dám. Nó cười với đứa bên phải, khẽ “hì hì” vào tận tai đứa bên trái, và kéo cả cổ áo của đứa ngồi trước mặt để cho thằng kia rõ sự thành công của nó. Có lần tôi phải mắng nó về cái tội đã dám đóng khung, tô màu và vẽ hoa lá xung quanh con số mười điểm mà nó kiếm được nhờ một bài chính tả không có lỗi.

Điều đáng tiếc nhất là Dũng làm luận rất dở, bao giờ nó cũng ba hoa đến độ thành lạc đề và chẳng mấy khi được điểm cao. Trong suốt năm học nó chỉ có mỗi một bài thật khá mà lại không được điểm, đó là bài tả một đám cãi nhau. Nó viết kín ba trang giấy, nhắc lại rất trung thành lời nói của hai địch thủ tặng cho nhau. Tuy nó cũng biết loại bỏ những câu quá đáng, nhưng bài ấy vẫn bị tôi kiểm duyệt, giống như những bài văn tả chân thường gặp bước không may.

Quả thực, chưa bao giờ tôi thấy trò Dũng nói chuyện trong lúc tôi giảng bài. Mỗi lần tôi lên tiếng là nó khoanh tay, chăm chú ngược nhìn, chờ đợi. Những lần có một con heo hay con chó nhào vào phá đám giữa lúc tôi đang nói thì Dũng thường nổi giận, nó kêu vói vể vừa thất vọng vừa tức tối:

- Trời đất ơi!..

Và nó tự động nhảy ra khỏi chỗ, vừa hò hét vừa đuổi theo con vật cho đến cuối sân trường.

Vì là đứa lớn tuổi nhất lớp nên nó cũng thường tỏ ra khôn ngoan, dễ biết ý tôi hơn các trẻ khác. Khi ở các nhà bên cạnh trường có những vụ cãi vả, những vụ đánh nhau, trong lúc những đứa khác đứng dậy, nhìn qua cửa sổ thì thằng Dũng cau có xin phép tôi cho đóng các cửa sổ lại. Nó đã biết những lời thô tục làm vẩn đục cả không khí của học đường. Nó miễn thấy, miễn bạn, miễn lớp học và lúc nào cũng chỉ muốn bảo vệ, che chở cho cái lớp học của nó.

Nhưng học đều đặn được chừng ba tháng thì thằng

Dũng bắt đầu đến lớp thất thường, bỏ bê việc học hành. Tôi đã quen với những vụ nghỉ học trường kỳ của lũ học trò. Vào những ngày cuối năm, khi một người Tàu già đội chiếc mũ cói rộng vành bắt đầu bón nhiều phân lên một vườn rau cải nhỏ của ông ta ở gần trường, thì lớp học của tôi bắt đầu thưa thớt. Chẳng phải lũ trẻ không chịu đựng nổi mùi phân bón bốc lên nồng nặc, làm chúng phải vừa bịt mũi vừa học, mà chính vì trong thời gian này, chúng phải đem cái sức nhỏ bé ra để giúp đỡ cha mẹ chúng. Có đứa vừa phải coi nhà vừa giữ em cho cha chúng đem hoa đi bán. Có đứa phải phụ với cha mẹ trong công việc gánh hàng ra chợ. Có đứa phải gạt hết sách vở để suốt ngày của sừng làm lược, hay cặm cùi đánh từng con suốt chỉ cho bà mẹ dệt vải. Buổi tối, trong lúc ngồi hóng gió trước nhà, tôi thường thấy hai đứa học trò ngoan nhất của tôi đi bán bánh trên con đường dài, không có ánh đèn, dẫn vào các xóm nhà nghèo. Chúng là con một người đàn bà gốc Trung Hoa sống bằng nghề bán hoa quả lật vặt. Đồ đặc của hai đứa trẻ này là một cái thúng có đựng những miếng bánh bò màu trắng, hoặc vàng úa đã cắt sẵn, để thành từng lớp có thứ tự. Mỗi đứa khiêng một đầu đòn gánh, lồng qua quang gánh mang cái thúng. Thằng em đi trước cầm chiếc đèn bão soi đường thỉnh thoảng lại cất tiếng rao. Thằng anh đi sau giữ tiền. Hai đứa giống nhau từ mái tóc, nét mặt đến bộ quần áo. Khi có người gọi lại, chúng vội vàng đặt gánh xuống. Thằng em nhắc ngay cái lồng bàn che bánh lên, thằng

anh ngồi thụp xuống, dùng một cái xiên sắt lấy bánh ra, gói vào giấy, trao hàng và nhận tiền. Chúng đã chia nhau từng củ chỉ lật vật ấy. Ánh đèn bão mập mờ soi hai nét mặt trẻ lúc nào cũng bình thản, không còn dấu vết tinh quái, nghịch ngợm của những đứa trẻ bình thường.

Có khi lên giường nằm rồi tôi còn nghe tiếng rao của chúng vang lên đột ngột, cô đơn như một tiếng động vừa rơi lơ lửng vào giữa bầu trời mênh mông của miền ngoại ô. Ánh đèn của chúng hắt qua khe cửa nhà tôi tạo thành những vệt sáng dài, vừa run rẩy vừa di chuyển chậm chạp trên tường. Nếu trong buổi học ngày hôm sau đó chúng có không thuộc bài tôi cũng gắng cho chúng điểm trung bình.

Nhưng bọn trẻ này nghỉ học bận việc có định kỳ, một năm chúng chỉ nghỉ một lần thật lâu rồi lại đi học đều đặn. Trái lại, trò Dũng nghỉ vài ngày rồi lại đi, rồi lại nghỉ vài ngày. Mỗi lần đến trường nó vẫn tỏ ra sung sướng, vui vẻ say mê với việc học. Cuối buổi học, trong giờ hoạt động thanh niên nó vẫn hăng hái cộng tác với các bạn để làm vui cho cả lớp. Hoặc nó ca vài câu, kể một câu chuyện, hoặc nó xắn quần ống cao ống thấp, bôi phấn vào mặt, vẽ râu để làm anh hề trong một kịch vui, làm cho cả lớp cười bò. Từ sau bằng bước ra, nó mới nheo mắt, nhe răng, đi khệnh khạng, chưa kịp nói câu gì, là lũ bạn nhỏ của nó đã không nín cười được. Thành ra, những hôm vắng thằng Dũng tự nhiên lũ trẻ mất vui, cảm thấy nhớ. Có đứa tức quá đứng lên tố cáo:

- Thừa thầy, anh Dũng bỏ học đi chơi đấy ạ.

Vài đứa khác lại nhao lên bênh vực:

- Thừa thầy anh ấy ở nhà bế em cho má anh ấy đi chợ.

- Anh ấy phải trông nhà.

Dũng cũng nêu những lý do đó để xin nghỉ học. Tôi đành phải tin nó vì cha mẹ nó chẳng bao giờ chịu đến trường xin phép nghỉ cho con. Một lần gặp thằng Dũng đang loay hoay phụ giúp với một người đàn ông sửa một chiếc xe trong một căn nhà nhỏ, mái tranh, lập chênh vênh ven bờ ruộng, trên con đường vào thành phố, tôi mới biết người đàn ông đó chính là cha Dũng. Ông ta làm nghề sửa xe đạp, xe gắn máy chứ không phải “buôn bán” như ông ta đã ghi trong lý lịch của con. Hai cha con đều mặc những bộ quần áo ka-ki đen đặc dầu mỡ, chắc trước kia màu vàng. Thấy tôi, thằng Dũng vội vàng vút cả kìm, búa đứng dậy khoanh tay chào, nét mặt hân hoan. Cha Dũng cũng gật đầu chào tôi, mấy sợi tóc uốn quăn xòa xuống cái trán cao có một vết sẹo ngang của ông ta làm cho khuôn mặt ông ta vừa có vẻ dày dặn lại vừa có vẻ phong lưu của một công tử giàu tiền. Ông ta trẻ hơn tôi tưởng. Ông nói với tôi:

- Nhà tôi độ này bận quá, thành ra phải xin thầy cho cháu Dũng nghỉ ít bữa.

Tôi chỉ gặp ông ta một lần ấy thôi. Từ đấy về sau mỗi lần đi qua đây tôi chỉ thấy một mình thằng Dũng đang loay hoay làm việc. Thằng bé khéo léo này đã có

*thể thay thế cha nó trong công việc sửa xe, vá những lỗ thủng trên ruột xe. Hỏi thăm về cha nó thì nó cho tôi biết là ông ta đi vắng.*

*Càng ngày nó càng đến trường ít hơn, và mỗi lần đến là một lần nó cuống quít đi mượn vở chép bài. Sách vở của nó bắt đầu mất cả sự sạch sẽ, quần áo của nó cũng không còn gọn gàng như trước. Nhưng nó vẫn vui vẻ, sốt sắng, vẫn ca hát và làm hề cho cả lớp cười, vẫn nháy nhót khi được điểm cao. Ngoài giờ học, nó lại mặc bộ quần áo đầy dầu mỡ, làm bạn với kìm, búa, với những chiếc xe hỏng.*

*Buổi trưa, thỉnh thoảng có dịp đi qua căn lều nhỏ của gia đình Dũng, tôi thường thấy nó ngồi trên chiếc chiếu nhỏ, dựa lưng vào một chân cột, dáng điệu nửa thức nửa ngủ. Đồ đạc, dụng cụ sửa xe xếp ngổn ngang quanh nó. Nó không nhìn thấy tôi vì ngồi quay lưng về phía con đường nhựa mềm ánh nắng buổi trưa, có lẽ nó đang thả tâm mắt mơ hồ qua cánh đồng không, tới những ống khói cao ngất trong thành phố. Những luồng gió nóng như hơi nước trong một nồi nước sôi thổi phàn phật vào mái lá, hoặc xoay tròn, bốc cát bụi mù trên con đường đất đỏ chạy ngang cánh đồng. Tôi tưởng như thằng bé ngồi bất động, cô đơn kia không thể nào là thằng Dũng, một đứa trẻ láu táu, vui tính nhất lớp tôi. Bầu không khí, phong cảnh căn cối ở vùng ngoại ô này có thể nung khô tất cả những tâm hồn điệu dàng, vui tươi, và đốt cháy những nguồn hy vọng nhỏ bé. Quả thực tôi không như những người dạy học khác,*

*mong mỗi nhìn thấy sự thành công trong tương lai của đám học trò mình, tôi chỉ muốn lũ trẻ được ngồi học yên ổn và đều đặn trong lớp tôi cho đến cuối năm.*

*Tôi không đoán nổi trong lúc ngồi cô đơn như thế bé Dũng đã nghĩ gì, mơ đến những điều gì. Nhưng một trong những sự mơ ước của nó, đột nhiên hiện ra trước mắt tôi vào một buổi học, khi nó bị tôi phạt về tội nói chuyện trong lớp. Và ngay sau đó tôi nhìn thấy tất cả nỗi tuyệt vọng của nó. Sự vùng vẫy, phấn đấu, để thoát ra khỏi ngõ bí của nó đầy tính cách mong manh, khờ dại khiến ta xúc động, xao xuyến như khi ta nhìn thấy một con chim non lạc tổ sắp chết vì một trận mưa.*

*Dũng để một vật gì dưới ngăn bàn, hai đứa bên cạnh nó cùng chụm đầu lại để nhìn. Vừa nói, Dũng vừa cười có vẻ thích thú và hai đứa bên cạnh nó cũng cười theo. Bị gọi tên thành linh, Dũng giật mình đứng dậy, luống cuống khoanh tay. Nó chưa kịp trả lời câu hỏi của tôi thì một trong hai đứa bên cạnh nó đã nói:*

*- Thưa thầy, anh Dũng khoe cái xô số anh ấy mới mua.*

*Rồi nó cố nín cười để giữ giọng tự nhiên:*

*- Anh ấy nói nếu trúng độc đắc anh ấy sẽ mua cái xe hơi chở cả thầy và hết cả lớp đi chơi và đi coi hát bóng.*

*Cả lớp cười, vài đứa xì xào:*

*- Xe hơi nào mà chở được cả lớp...*

*Dũng có vẻ ngượng, nó mỉm cười và cúi đầu. Nhìn*

về tiêu tụy của nó tôi không nỡ mắng, bao giờ cũng thế, khi biết sắp bị mắng nó thường buồn rầu và lo sợ.

Tôi bảo:

- Thôi cất xổ số đi... bao giờ trúng hãy đem khoe. Dững tưng tỉnh hẳn lại, đôi mắt nó long lanh tin tưởng, nó đã trở lại vẻ nhanh nhẩu bình thường:

- Thưa thầy, mấy người nghèo hết tiền mua giấy số hay trúng lắm thầy.

- Vậy hả. Ồ, thầy cũng hy vọng sẽ được đi xe hơi của trò Dững. Bao giờ mở số đấy?

- Chiều nay ạ.

Nó ngồi xuống, trịnh trọng nhét tấm xổ số vào cặp. Tôi vội giảng bài tiếp để chặn đứng cuộc bàn về xổ số đang lan tràn trong lớp. Hình như có tấm vé xổ số trong cặp, Dững vững tin ở cuộc đời hơn. Suốt giờ học tôi không nhận thấy vẻ buồn rầu thoáng qua mặt nó như mấy buổi học trước. Nó chịu đặt cả hai tay lên bàn nhưng không ngồi yên, thỉnh thoảng lại quay nhìn phải, nhìn trái, mỗi lúc nào cũng hé như sẵn sàng cười thật to. Cuối giờ, trước khi về học nó còn đi quanh lớp để ngắt lá úa trên những dây vạn niên thanh và siết lại những đầu dây thép gắn vài con ốc vào đầu đinh trên tường. Niềm vui, sự hân hoan của trẻ con thường tràn ra thành các cử chỉ như thế.

Buổi chiều, khi nghe máy thu thanh, tôi nhớ đến tấm xổ số của trò Dững và ý nghĩ của tôi, tôi mỉm cười như những lần tôi nhớ đến một kỷ niệm ngộ nghĩnh về đám học trò.

Sáng hôm sau, bầu không khí có vẻ oi bức khiến tôi cảm thấy khó chịu. Những đám mây đen mờ che khuất mặt trời báo hiệu một ngày không có nắng. Vùng ngoại ô quá rộng để ta có thể cảm thấy tất cả sự khó chịu của một bầu trời nặng nề. Sức nóng không tỏa từ ánh nắng một cách tự nhiên mà như xuất hiện bất cứ chỗ nào. Sự bình thản, vui vẻ trong tâm hồn tôi hình như bị sự oi bức làm rạn nứt và đã trở thành một cái gì mong manh dễ vỡ.

Buổi học lại bắt đầu bằng vài chuyện lộn xộn. Hai đứa nhỏ ở cạnh nhau, đến lớp còn cãi vả om sòm vì một chuyện đã xảy ra giữa hai gia đình trong ngày hôm trước. Đứa này bảo bố đứa kia là đồ ăn cắp gỗ và đứa kia tố cáo việc anh đứa này bị người ta đánh vì dám cướp tiền một đám bạc. Một thằng học trò khác thì đem lên bàn tôi một quyển vở chỉ còn độ bốn năm tờ giấy trắng, nó kêu rằng nó không hề xé vở mà chính ba nó đã lấy giấy gói hàng. Tôi không thể nén sự bức mình, tôi đã gửi một bức thư cho ông ta về việc này và ông ta chưa trả lời. Tôi thờ dài nhìn đứa trẻ, nó chớp mắt sợ hãi, cả nó và tôi đều lọt vào cái thế đáng chán. Tôi vừa lấy giấy ra định biên thêm cho ba đứa trẻ mấy dòng thì cuối lớp, một đứa đứng dậy báo cáo:

- Thưa thầy, hôm nay anh Dũng lại nghỉ.

- Lại nghỉ. Nó học hành thế thì còn ra làm sao... Đứa bé cọ bàn tay phải vào cạnh bàn rồi nói rất nhanh, có vẻ kiêu hãnh vì những điều nó biết:

- Con thấy mấy người lối xóm nói: ba trò Dũng

bị tù rồi. Hồi trước ông mua vỏ ruột xe hơi của mấy người ăn cắp, bị tù mười lăm ngày mới được tha ra. Giờ không biết sao lại bị bắt nữa...

Một đứa khác đứng phắt dậy, vừa xéch lại quần vừa nói như sợ đứa khác nói tranh mất:

- Ba trò Dũng ăn cắp xe gắn máy, thấy. Cả những người khác cũng bị bắt hết, mấy bữa nay rồi thấy.

Sự bất ngờ làm tôi bất động, chỉ biết chăm nhìn vào mắt những đứa trẻ vừa đứng lên nói, những lời nói vừa mở tung bức màn che giấu một thâm kịch. Lớp học hình như không bị xao động một chút nào. Vài đứa định đứng lên nói thêm nhưng tôi ra hiệu bắt chúng ngồi xuống. Chúng yên lặng, khoanh tay, mở mắt chăm chú nhìn tôi, hình như chờ đợi tôi nói một điều gì về việc ba trò Dũng. Tôi nói gì được? Cái sự làm tôi khó chịu, bức bối nhất là nét thản nhiên trên mặt lũ học trò. Chúng đã quen với những sự này đến thế cơ ư?

Đưa tờ giấy viết thư lên ngang tầm mắt, tôi nhìn chăm chú vào đó để tránh những đôi mắt ngậy thơ, khờ dại và bình thản. Tờ giấy chưa có một chữ nào, đang mở dần thành một khoảng trời trắng, rộng và xa vời. Tôi lấy lại sự thản nhiên bằng một ý nghĩ tàn nhẫn.

Giữa buổi học thì trò Dũng đến. Nó lững thững đi qua cổng trường, hai vai co lên một chút như bị lạnh. Nó không đá chân vào đám cỏ hoang cho những con châu chấu bay vụt lên như mọi lần, trong bộ quần áo

đẹp nhất của nó, Dũng có vẻ trịnh trọng. Nó bước vào lớp và nói với tôi:

- Thưa thầy, con xin thôi học..

Dũng đưa ra một cái đơn, chữ viết nghiêng ngả.

- Con phải về tỉnh ở với bà nội.

- Ở đó có trường công không mà về?

- Dạ, thưa thầy, khỏi cần. Con không đi học nữa. Bà nội con ở làng, trồng khoai với bắp.

Tôi cúi xuống đọc lại tờ đơn, phân vân. Dũng nhìn tôi thật lâu rồi chợt quay xuống với các bạn nó, nó đi qua các dãy bàn để thanh toán mọi việc. Trả đứa này món nợ một đồng, cho đứa kia mấy viên bi, trao lại đứa khác chiếc xe hơi hỏng nhờ nó chữa. Công việc đó diễn ra không gây một tiếng ồn nhỏ nào. Lũ trẻ đã giữ được một sự yên lặng lạ lùng.

Dũng trở lại bàn cúi đầu thật thấp chào tôi rồi đi ra, lên phòng hiệu trưởng. Suýt nữa thì tôi mở miệng khuyên nó nên cố gắng chăm học.

Mười phút sau nó trở lại đứng ở cửa lớp học, hai tay nắm vào một bên khung cửa, tần ngần nhìn lũ bạn đang ngồi học, những ngón tay nhỏ của nó cong lại, vuốt nhẹ lên mặt gỗ.

Tôi hỏi:

- Lấy hồ sơ rồi chưa?

Thưa thầy, lấy rồi, con chờ thầy trả bài thi.

- Bài thi?... à, bài thi toán ấy hả.

Tôi ra hiệu cho nó vào lớp và giờ tập bài thi ra. Dũng hớn hỏ đứng cạnh tôi, chăm chú chờ đợi.

- Thừa thầy, hôm đó con làm đúng hết...

Và chợt nó reo khê:

- Đây rồi... trời! mười tám điểm

Bài thi nó làm hoàn toàn, chỉ hơi bẩn một chút.

Dũng nắm tờ giấy trong hai tay, nhìn chăm chú vào con số mười tám màu đỏ. Miệng nó, đôi má nó, đôi mắt nó đều chan hòa một nụ cười. Nó giương đôi mắt long lanh nhìn tôi rồi lại nhìn vào bài thi của mình. Rồi chợt nó nghiêng tờ giấy và nháy mắt với mấy đứa bạn ngồi ở bàn cuối cùng, kiêu hãnh mỉm cười với chúng. Nó cứ đứng lặng như thế để tỏ lộ tất cả sự hân hoan của mình. Tôi buột miệng nói:

- Bài này trò làm khó lắm.

Có lẽ chính câu khen của tôi đã làm cho trò Dũng phập phồng muốn khóc khi nó chậm chạp để bài thi xuống bàn. Tôi không đủ can đảm để nói một lời thân mến với nó.

Khi chào tôi lần cuối, Dũng cúi đầu thật thấp như muốn giấu tất cả sự thê thảm trên mặt nó vào đôi tay khoanh lại. Nó trở ra rất nhanh, đá bung mấy viên gạch trên sân trường, nhìn mấy cây nhỏ, mới được trồng ở đầu sân để cho lũ trẻ có bóng mát sau này. Rồi nó cúi đầu, ra khỏi cổng trường.

Dũng là đứa học trò độc nhất mà tôi mong cho nó chóng quên thầy, quên bạn...

# LÊ XUYÊN

**T**rong thời kỳ 1954-75, các nhà văn gốc Nam khi nói đến chiến tranh trên đất nước thường chỉ nói về cuộc chiến chống Pháp mà tránh cuộc chiến chống cộng. Viết truyện như Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, viết ký như Vũ Bình, đều thế. Đến lượt Lê Xuyên, ông cũng thế. Mặt khác, các vị gốc Bắc thì chuyên về cuộc sống và con người ở đô thị, còn các vị gốc Nam thường viết về nông dân và nông thôn. Lê Xuyên cũng thế.

Chuyện ấy dễ hiểu. Người Nam chưa biết qua chế độ cộng sản thì không mặn nồng với việc chống cộng; người Bắc di cư, bao nhiêu văn nhân, nghệ sĩ, trí thức vào Nam đều sống ở đô thị nên chỉ biết viết về đô thị.

Như vậy cốt truyện của Lê Xuyên thường xảy ra trong thời kháng chiến trước Genève, thường diễn ra ở miền quê, nhân vật thường là những nam nữ nông dân chất phác, ít học.

Lê Xuyên đặt các câu chuyện trong khung cảnh kháng chiến không phải là để nói về kháng chiến. Không có vậy đâu. Ông không hợp với các vấn đề chính trị. Trong khung cảnh thời đánh nhau với Pháp ông nói chuyện nam nữ yêu nhau thôi. Trong chuyện yêu nhau, ông không chú trọng tới những nỗi lòng thâm kín giấu giếm trong các góc ngách của quả tim, như các ông Hoàng Ngọc Phách, Khái Hưng, khi viết *Tổ Tâm*, *Hồn bướm mơ tiên*. Lê Xuyên, ông ấy chủ về phía tình yêu xác thịt theo cung cách hồn nhiên nhất (nhân vật nông dân mà).

Về chuyện xác thịt, ông không chủ trương những phô bày bạo tợn như các cụ D.H. Lawrence, Henry Miller... Lê Xuyên không làm mịch lòng sở Kiểm duyệt. Ông chú trọng nhất là ở những màn biểu diễn bằng mồm. Đừng nên lẫn lộn những chuyện ông Lê với chuyện giữa Clinton và Monica Lewinsky; cái yêu bằng mồm của ông Lê tức là những trang đối thoại dài dằng dặc xung quanh mục tiêu chính của ái tình. Khi đôi bên nam nữ đã dàn binh bố trận xong thì tác giả lánh mặt. Trong những *Chú Tư Cầu*, *Vợ thầy Hương*, *Rặng trâm bầu*, v.v., sự tình rộn ràng riu rít, đầy lời như thế.

Vậy Lê Xuyên viết truyện có chiến tranh mà không phải truyện chiến tranh, có nông dân lầm than mà không phải truyện xã hội, có ái tình mà không phải truyện tình cảm. Chẳng qua là những câu chuyện

“gay cấn” để đọc giả đọc chơi lúc buồn tình, đọc cho... nóng máy trong chốc lát rồi bỏ qua thôi chứ gì?

Có thể nói vậy. Nhưng nói vậy không đủ. Trong truyện Lê Xuyên, nếu muốn, người đọc có thể tìm thấy những điều hay ho.

Chẳng hạn cái hay ho về người Nam. Ở xa đến, ai cũng thấy rõ môn một miền Nam có nhiều cái lạ: những món ăn lạ miệng, cảnh trí sông rạch lạ mắt, cây trái lạ, tiếng nói giọng nói lạ tai, tính tình con người, phong tục sinh sống khác lạ. Nguyễn Hoạt đến Sài Gòn trầm trở lạ ở Sài Gòn, đến Biên Hòa Đồng Nai trầm trở về những cái lạ ở Đồng Nai (*Trăng nước Đồng Nai*). Ví dụ ông bảo gái Nam cưới thì dễ mà sống với nhau thì khó, vì nam nữ trong Nam bình quyền hơn, người vợ ở Nam tự do rộng hơn ở Bắc. Lại ví dụ, trong Nam đàn bà họ bênh đàn bà hơn ở Bắc: con trai có vợ mà còn chim chuột, phụ bạc vợ, thì mẹ chồng cho phép con dâu chém con trai, yêu người khác và đem về ở ngay tại nhà... chồng!, v.v. Những chuyện như vậy có không? Có, thì thường hay bất thường? Là tiêu biểu là thông lệ, hay là hãn hữu? Nguyễn Hoạt với gái Nam, mỗi người mỗi... “nước”, biết nhau chưa kỹ mấy, e không bảo đảm là tận tường. Người nghe nửa tin nửa ngờ, kín đáo cười tủm tỉm. Phải (cười) kín đáo, vì không khéo người địa phương hiểu lầm mình “kiêu ngạo” người ta mà giận chằng.

Đọc Lê Xuyên thì khác. Lê Xuyên chính thị người

Nam, người có thẩm quyền. Nói về người Nam, viết về người Nam, ông tự nhiên. Tự nhiên vì ông rành rẽ, lại là vì như thể ông nói về chính mình, không có gì để tự ngạc nhiên, cũng không phải ngại ngùng. Do đó nếu ông có nói ra cái gì khác lạ, ngộ nghĩnh về người trong Nam (Đông, Tây, Nam, Bắc, người ở đâu chẳng có chỗ kỳ kỳ, ngộ nghĩnh dưới mắt nhìn xa lạ?), nếu có thể thì chúng ta, những độc giả các miền ngoài, tin ngay. Tin ngay, nhưng hãy khoan, đừng cười vội. Cứ để yên ông Lê cười trước, rồi tất cả chúng ta sẽ cười theo.

Hãy yên trí, không có gì vội vàng. Vì ông Lê thế nào cũng cười. Ông là một tác giả người Nam rất hóm hỉnh, rất tinh quái. Bảo rằng người Nam trực tính, bộc tuệch, nói năng tuệch toạc, là nói ai kia, không phải nói ông Lê Xuyên. Ông Lê Xuyên có cái u-mặc (*humour*) kín đáo: ông tỉnh bơ, mà lúc nào cũng ngầm giấu một nụ cười.

Có lần, trong cuốn *Rặng trâm bầu*, ông Lê đề cập tới cái nói năng của một cậu con trai, cậu Sáu Lượm. Cô Nhăn giả vờ đuổi cậu ta trốn đi để thoát hiểm, Sáu Lượm không nỡ bỏ cô ta lại một mình: “Rủi em ở lại trong này rồi gặp việc gì bất trắc thì sao?”

- Thì thầy kệ em.

- Đâu được... Như vậy, đâu anh có đi đâu anh cũng bồn chồn không yên và... anh lo, anh nhớ em chịu hông nổi đâu!

Nhăn liếc xéo anh ta:

- Sao lúc trước anh chịu nổi?

- Lúc trước khác. Lúc trước anh chưa biết em gì ráo... Bây giờ như quen hơi rồi...

- Ổi thiên hạ thiếu gì đàn bà!

Sáu Lượm nghiêm trang đáp:

- Ủ, đàn bà không thiếu nhưng có lẽ vì anh đã quen mọi tánh nết của em mất rồi. Em... làm cái gì anh cũng nhớ hết...

Nhăn nheo mắt:

- Em làm cái gì hả?

Sáu Lượm phác một cử chỉ băng quơ:

Làm đủ thứ... Anh không biết nói sao nhưng sự thật là như vậy đó!”

Nhặt ra mấy chữ “làm đủ thứ” của Sáu Lượm, bộ ông Lê không có ý kiến gì sao: ông thì ranh mãnh như thế mà Sáu Lượm thực thà chất phác như thế! Ông cười ngấm nôn cả ruột chứ lì.

Lần khác, cũng liên quan tới chuyện lời ăn tiếng nói, ông Lê thuật lại cuộc đối đáp giữa cặp Ba Cửa và cô Lý. Cô này tới nhà, anh Ba hỏi:

“Em đi đâu đó?

Lý cau mày:

- Em đi qua bên này hoài mà mười lần như một anh đều hỏi câu làng nhách đó!

Ba Cửa thật thà đáp:

- Thì thấy em qua anh phải hỏi cho phải phép vậy thôi.

- Ủ, cách hỏi ù ơ ví dầu cho xong chuyện phải hông?

Ba Cửa cười trừ.

- Chớ em biểu anh hỏi sao bây giờ?

Lý quơ tay:

- Thiếu gì cách. Tại anh không muốn chớ!

- Đâu em chỉ anh một cách coi?

- Chẳng hạn như anh hỏi em... sao lâu quá em không tới...

- Coi, em tới hà rầm mà kêu lâu khỉ gì!

Lý bực mình:

- Đành rằng vậy. Nhưng phải... có nhưn có nhị như vậy thì nó mới mặn nồng mới tỏ rằng anh... nhớ em. Có chút xiu đó mà anh cũng không biết nữa!

Ba Cửa nhăn mặt:

- Trời ơi, sao bày đặt chuyện rắc rối quá tổ mẹ vậy? Việc đời hồng đủ khổ rồi sao?"

Lại một lần khác nữa, cũng về chuyện xảy ra giữa cô Nhãn và Sáu Lợm. Trong vắng vẻ, chỉ có hai người với nhau, cô mời cậu, cậu phần ngượng ngùng nhút nhát, phần hờn lầy, cậu cứ một mực: "Thôi cô à...", "Cô để tôi dia xuống", "Thôi... tại... cô...", v.v. Có nghĩa là cậu một mực "Anh chả! Anh chả"! Nhưng khi đã lọt vào trong vòng tay nóng ấm của Nhãn, khi đã "bắt hơi" thì ôi thôi, anh chàng quỳnh lên, tới tấp, tới nổi Nhãn phải kêu "Gãy xương người ta bây giờ!..."

Ông Lê cho "người ta" kêu lên như thế, tức ông

đang cười – quả tang ông đang cười – về cái ngây ngô và bộp chộp của cậu trai quá thật thà; độc giả chúng ta được phép cười vô tội vạ.

Vả lại, cùng cười với Lê Xuyên, không bao giờ có tội cả. Ông cười không hề ác độc. Trái lại, cái cười của ông hiền lành, rộng lượng, đầy thương mến. Ông toàn cười những kẻ ông yêu, những kẻ đáng yêu.

Người Nam bộc trực, chất phác: ông Lê vừa xác nhận một cách lý thú. Lại còn một nhận định về tâm lý người Nam nữa: là điệu nghệ. Sơn Nam bảo “điệu nghệ” là biến âm của hai tiếng đạo nghĩa. Đạo nghĩa giang hồ là “một nếp sanh hoạt sâu đậm khá hấp dẫn” do Thiên địa hội tạo ra. Đạo nghĩa thì tốt thôi. Bất luận là trong Nam, mà bất cứ ở đâu – Bắc, Trung, Nam sống có đạo nghĩa đều tốt cả. Tuy nhiên, trong nếp sống điệu nghệ ở người Nam hình như có nét riêng, có cá tính. Là trong điệu nghệ có chút gì hơi điệu bộ. Nói cách khác, là có dạng phô trương, trình diễn.

Để cho cụ thể, hãy cử ra vài trường hợp:

- Tư Hoàn, Năm Sang, Sáu Lợm với cô Nhân giết nhau vì một tài sản đựng trong một cái túi. Rốt cuộc, Tư này Năm nọ với Nhân kia đều chết cả. Chỉ còn lại Sáu Lợm, kẻ ngây ngô, sống sót, không một xu dính túi. Vậy mà vì thương cảm người này tội nghiệp người kia, Sáu Lợm quyết định không giữ

túi tiền. Cũng không vớt đi cách đơn giản. “Anh ta bèn mang túi tiền xuống xèo, lội ra một khoảng để cho cách xa bờ và khi mực nước đã lên tới ngực, anh mở túi tiền ra, thản nhiên dốc ngược miệng túi xuống mặt nước... Một số giấy bạc bung lên trôi lững lờ theo dòng... Sáu Lợm đứng yên nhìn theo mớ giấy vô nghĩa ấy, rồi ngó xuống nhìn đám bọt nước từ dưới đáy xèo sủi lên đánh dấu nơi mấy bó bạc và vòng vàng chìm xuống... Anh ta kéo lê cái túi không trên mặt nước, lủi thủi leo lên bờ. Đến nơi, anh ta vớt cái túi vô giá trị ấy xuống bên cạnh mả Năm Sang, rồi bước lại bên mả Nhãn”.

- Anh Tư, anh Năm, cô Nhãn đều chết, còn lại anh Ba. Túc Ba Cửa, người chồng hụt của Nhãn, và là người yêu của cô Lý, bạn cô Nhãn. Anh Ba và cô Lý, hai người, một nam một nữ, cùng nhau đi tìm cô Nhãn bị bắt mất tích. Sau khi rõ cô Nhãn đã tan nát đời hoa, hai người ghé lại tá túc một đêm lỡ độ đường ở một nhà quen. Người quen lâu ngày không gặp, tưởng cặp nọ là vợ chồng, nên xếp ngủ chung giường. Thôi thì cô Lý được dịp làm tới. Có lúc cô đưa miệng cắn ngậm vào vành tai Ba Cửa và thì thầm: “Em muốn tính liền bây giờ hà!” Ba Cửa nhích người ra: “Kỳ quá mà cô. Cái gì cũng có lẽ nghĩa hết chú bộ cô muốn tui...” Mời qua mời lại hoài, suốt đêm, chẳng tới đâu.

Anh Ba điệu nghệ, giữ lễ nghĩa như vậy không phải là có phần điệu bộ quá đáng một chút sao?

Trên đây có nói khi Lê Xuyên kể chuyện người Nam, độc giả miền ngoài tin ngay. Ấy là vì ông Lê kể hồn nhiên, như thể có sao nói vậy, không giải thích, không phân tích tâm lý dài dòng gì cả. Ông đã nói hồn nhiên thì mình cũng tin theo cách hồn nhiên thôi. Còn cái sai cái đúng chưa tính đến, chưa biện bạch. Có thể ông đùa giỡn chút xíu cũng nên, ông đùa giỡn chính đám bà con thật thà quanh ông.

Trên đây cũng đã có lần bảo: “Trong truyện Lê Xuyên – nếu muốn – người đọc có thể tìm thấy những điều hay ho”. Nói “nếu muốn” là vì ông Lê thực ra không chủ trương viết tiểu thuyết tâm lý, không cố tình phân tích cá tính người Việt Miền Nam (như Sơn Nam chẳng hạn). Ông cũng không chủ trương viết tiểu thuyết phong tục (hoặc phong tục miền Nam hay miền Tây, đồng quê hay đô thị). Ông không cố ý viết thế mà mình lại tự ý táy máy tìm ra cái nọ cái kia là tự mình muốn thôi, ông Lê không chia trách nhiệm!

Tác giả không chủ tâm mà độc giả được phép tìm những thú mình “muốn” trong tác phẩm ông ta, vậy thì nhân dục vô biên – ngoài chuyện cá tính miền Nam, độc giả lại có thể xộc vào chuyện ngôn ngữ miền Nam nữa.

Lê Xuyên quê ở Cần Thơ. Trong câu văn của ông có những tiếng làm cho độc giả miền nam Trung

bộ phải lấy làm ngạc nhiên thấy giống hệt tiếng địa phương mình. Những tiếng ấy hình như các ông Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Ngọc Linh, An Khê, v.v. không dùng nhiều. Chẳng hạn: *giắc trưa* (ban trưa), *cơ khổ* (ơ kìa), *hổng thẳng* (thùng thẳng, thông thả), *mắc mớ gì* (can gì), *dính cuống* (bậy bạ), *hồi nằm* (hồi xưa), *kể số gì* (đếm xỉa gì), *quánh giặc* (đánh giặc), v.v.

Người Nam là người từ miền Trung di cư vào, người Trung là từ miền Bắc vào. Họ vào miền trong, đem theo món ăn, kiểu ăn mặc, tiếng nói của miền ngoài; có cái đem theo, có cái rơi rớt lại, có cái được cải biến dần, có cái còn nguyên dạng cũ. Tại Đồng Nai, sau ba trăm năm Bình Nguyên Lộc bắt gặp kỹ thuật làm đường phổi (truyện “Bảo mật” trong cuốn *Thăm lặn*, 1967). Tại Cần Thơ, Lê Xuyên cung cấp cho người Nghĩa, Bình, Phú, Khánh những kỷ niệm lý thú và cảm động bắt gặp trong ngôn ngữ.

Cho nên bảo sách Lê Xuyên chỉ để ta đọc cho nóng máy, e thiệt cho ta.

6/1998

# THUYẾT PHỤC<sup>1</sup>

(...) Năm Sang bước xuống gần chiếc xuống và lên tiếng gọi Nhãn:

- Nè cô hai, cô thức hay ngủ đó cô hai?

Nhãn đang nằm chèo queo trên sạp xuống vừa quơ khăn đuổi muỗi vừa ngóc đầu lên:

- Tui còn thức.

Năm Sang dịu dàng nói tiếp:

Mời cô lên trên bờ nghỉ lưng với tui tui...

Nhãn ngắt ngang:

- Để tui ở dưới này cũng được.

Năm Sang chắc lưỡi:

Coi sao được. Ai lại nhẫn tâm đến thế ấy!

- Thây kệ tui mà. Mấy anh cứ lo phần mấy anh đi.

- Cô ở dưới xuống, muỗi tha cô chết đi. Lên trên này có đủ nóp cho cô ngủ. Suốt ngày nay, cô mệt mỏi như vậy mà còn phải thức suốt đêm để quạt muỗi nữa thì sống sao nổi!

Nhãn lạnh lùng đáp:

- Tui ở đây một đêm thì cũng chẳng sao mà.

Năm Sang cười nhẹ:

- Cô tính giản dị như vậy sao được... Rủi bà già của cô chậm trễ đôi ba ngày thì sao?

- Chắc má tui nóng ruột, sáng mới ra liền, dầu không có đủ tiền cũng vậy.

Năm Sang nín be xuống kéo lại gần bờ đoạn nghiêm giọng lại:

- Cô hai muốn ngủ muỗi tui cũng chẳng dám cản mặc dù tui cũng xót xa trong bụng lắm. Thà chẳng quen biết nhau thì thôi nhưng một khi đã gặp nhau như vậy thì.. dầu sao cũng phải có bốn phận săn sóc cho cô hai...

Nhăn cười khẩy:

- Cám ơn. Tui không ham mấy người săn sóc theo kiểu này đâu.

Năm Sang cười theo:

- Cô hai thiệt khó tánh nhưng mà nè, cô hai nên nhớ kỹ điều này giùm tui một chút: tui rất lấy làm tiếc mà không thể chiều ý cô hai trong việc ngủ dưới xuống này được.

- Coi, ít ra tui cũng có quyền ngủ đâu thì ngủ chớ!

- Đành rằng vậy, nhưng giả tỷ tối nay, thừa lúc tui này ngủ mê, cô lấy xuống bơi đi thì ai vô đây cản cô hai lại đây!

- Tui không thèm trốn đâu mà!

- Cô hai nói vậy tui hay vậy nhưng cái nghề của tui tui là phải thủ phần chắc, vậy cô hai cảm phiền lên bờ lấy nóp ngủ chung với tui tui.

- Tui là đàn bà con gái mà ngủ lang bang với mấy người giữa đồng ruộng như vậy sao được!

Năm Sang phì cười:

- Cơ khổ thì thôi. Hoàn cảnh bắt buộc mà cô hai. Tui cũng biết cô hai áy náy một chút, nhưng xin cô hai nghĩ lại, thời buổi giặc giã lộn xộn này, số phận của một người con gái như cô hai không có nghĩa lý gì hết.

Tánh tui hay nói thật như vậy, xin cô hai cảm phiền. Bởi vậy nếu cô hai khăng khăng một mực không chịu lên bờ thì e rằng... tui sẽ bắt buộc phải làm rách lòng cô hai thêm nhiều nữa. Tui nói sơ sơ như vậy chắc cô hai hiểu rồi chứ?

Nhăn vùng vằng:

- Giả tử lên bờ rồi tui lên trốn hổng được sao?

Năm Sang lại cười:

- Cô hai hỏi chi cắc cớ vậy. Tối nay, tui sẽ đem giấu biệt chiếc xuồng này vào một chỗ kín rồi tui tui cắt đặt thay phiên nhau canh chừng cô hai ngủ. Như vậy dầu cô hai có lên trốn thì cũng chẳng đi đến đâu hết. Nói thiệt, nếu cô hai có ý lộn xộn, tui tui bắt buộc phải trói cô hai lại chặt cứng và đó là một điều mà chắc cô hai không muốn. Hơn nữa, tui sẽ còn muốn nói riêng với cô hai một việc quan trọng này...

- Anh nói đại đi.

- Đâu được. Cô hai phải lên đây đằng hoàng rồi mình sẽ nói chuyện sau. Đêm còn dài mà cô hai và tui tin chắc rằng cuộc gặp gỡ này sẽ làm cho cô hai nhớ đời...

Nhăn cười lạt:

- Khỏi phải nói, tui cũng dư nhớ đời rồi!

- Nhớ đời để oán ghét phải không? Hổng phải vậy đâu.

Nhân cười mũi:

- Vậy chớ anh muốn sao nữa?

Giọng của Năm Sang trở nên mơn trớn:

- À để nữa rồi cô coi. Tụi này điệu lắm cô, và cô sẽ thấy là những ngày cô tá túc với tui tui cũng... êm dịu lắm chớ chẳng phải ghê gớm như cô lầm tưởng đâu.

- Anh nói sao? Làm gì tui phải ở đây tới mấy ngày lận?

- Biết đâu... việc đời mà cô hai!

- Anh nói chuyện trên trời dưới đất gì đâu không hà!

- Ấy, chẳng lẽ giữa tui với cô..., tui mình cứ nói rất chuyện không ai ưa trong lúc này thì kỳ quá. Thôi tui mời cô hai lên bờ đi cô hai

- Tui nói để tui dưới này mà.

Năm Sang chắc lưỡi:

- Cô đừng cãi lời tui hổng nên. Tui đã nói kỹ với cô hồi nãy rồi mà! Chắc cô dư biết rằng giữa khoảng đồng không hiu quạnh này cô không thể nào làm gì khác hơn được.

Cực chẳng đã, Nhân phải đứng lên:

- Được rồi, tui lên đây.

Năm Sang đưa tay ra:

- Cô hai vịn vô tay tui đây nè.

Nhân lắc đầu lia:

- Thôi khỏi. Tui có chún tay đang hoang chờ bộ bại xuội gì sao!

Năm Sang cười rề:

Có vậy mà cô cũng nói chanh nói chua! Nhăn đặt chân lên bờ và quay qua hỏi liền:

Bây giờ biểu tui nằm ở đâu đây?

Năm Sang chỉ về phía hàng trâm bầu rậm rạp mà ánh trăng không đủ soi sáng đến

- Chỗ đó đó có hai.

Nhăn nhú mày:

Chỗ gì mà tối hù vậy?

Như vậy mới kín đáo chỗ cô hai!

Nhăn chẳng nói chẳng rằng đi xăm xăm lại gốc cây trâm bầu. Đến nơi chỉ thấy có một chiếc nóp trải sẵn trên đám cỏ khô. Cô rảo mắt nhìn qua một lượt rồi hỏi:

- Ủa, bộ có mình tui ngủ đây sao?

Năm Sang dịu giọng đáp:

- Phải đó cô. Hay nói đúng ra còn có tui nữa.

Nhăn nhìn xuống chiếc nóp:

- Có anh chi vậy?

- Coi, tui phải coi chừng cô chó!

- Rồi anh nằm đâu?

- Ôi dễ mà, chỗ nằm đâu có thiếu cô.

Nhăn suy nghĩ trong một giây, đoạn hỏi:

- Sao anh không để cho anh gì nhỏ nhỏ đó coi chừng tui?

Năm Sang cười đáp:

- À, cô muốn nói thằng Sáu hả? Tui để cho nó ngủ giấc đầu rồi cũng tới phiên nó vô đây nữa. Đêm nay ba đứa tôi thay nhau canh chừng cô chó không sót thằng nào hết.

Nhân nhìn thẳng vào mặt Năm Sang, nói dần từng tiếng một:

- Tui nhắc cho anh và mấy anh kia nhớ là tui không phải như người ta đâu nghen.

- Nghĩa là ...

- Nghĩa là tôi không để cho ai lộn xộn được hết.

Năm Sang làm bộ ngờ nghệch:

- Lộn xộn là sao hả?

Nhân xằng giọng

Nói trắng ra là tui không muốn ai lợi dụng trong lúc đêm hôm tăm tối và tui bơ vơ một thân một mình rồi... làm bậy làm bạ đó nghen.

Năm Sang ồm ờ hỏi lại:

Tui đây cũng hông được nữa sao?

- Ai cũng vậy hết á!

Năm Sang chắc lưỡi:

- Cơ khổ thì thôi, chưa chi cô làm tôi thất vọng dữ rồi đạ! Thôi mời cô nằm nghỉ rồi tui mình rỉ rả nói chuyện chơi.

Nhân bước thẳng lại chiếc nóp và ngồi xuống. Năm Sang cũng nới gót cô ta và ngồi liền một bên. Nhân vội đứng rột dậy và to tiếng cự nự:

- Anh làm gì kỳ vậy?

Coi, tui ngồi nói chuyện chơi với cô hông được sao? Cô ngồi xuống và nằm nghỉ đi cô. Chỗ này được cái có gió lộng nên vắng muỗi. Cô coi tui chọn chỗ có tài không?

- Anh không chịu xê ra, tui đứng hoài.

Năm Sang với năm lấy tay cô kéo rị xuống, khiến Nhân nổi nóng vùng mạnh và kêu lên:

- Anh làm kiểu đó tui la đa!

Năm Sang chắc lưỡi:

- Cô hai, sao cô đại vậy cô! Tui hỏi cô, cô la rách cổ họng đi thì có ai nghe không? Thôi tốt hơn là mình nên... có qua có lại mới toại lòng nhau...

Nhân xẵng giọng hỏi lại:

- Anh muốn gì đây?

Năm Sang cười nhẹ:

- Coi, tui muốn cái gì? Bộ cô hai không biết hay sao? Giữa đồng không hiu quạnh, gió mát trăng thanh, một trai, một gái thì cô nghĩ coi tui còn muốn cái gì nữa?

Nhân gằn giọng:

- Anh đừng tưởng chộc ghẹo cái lối phang ngang bữa củi đó mà được nhen! Anh coi mặt tui đây ra làm sao mà anh dám buông giọng đó hả?

Năm Sang dậm ra nói trây

Mặt cô lịch sự lịch sàng và ngộ hết chỗ để chớ còn gì nữa! Nói thiệt với cô, nếu cô mặt rỗ da chì, đầu đánh răng bàn nạo thì tui hồng rước cô làm chi.

- Thà mấy người giết tui, tui còn mát ruột hơn!

- Ấy đừng nói liều như vậy chớ! Giết cô đầu uống vậy? Và nữa rồi làm sao tui bắt ai thế vô để trả lại cho bà già cô đây?

- À nếu anh đã hứa cho chuộc tiền thì anh không được rở tới tui!

Năm Sang xuống giọng vỗ về:

- Cô hai nên nghỉ lại. Bây giờ cô hai đang ở trong tay của tui tui rồi thì phần thắng chắc không nghiêng về bên cô hai đâu!

- Bây giờ mấy anh tính nói ngược phải không?

- Ngược xuôi khỉ gì! Chẳng lẽ tui tui rước cô hai vô đây để ngồi đuổi muỗi cho cô hai ngủ?

- Sao hồi sáng mấy người nói khác bây giờ lại khác?

- Coi, việc đời như vậy là thường mà cô hai! Chớ chẳng lẽ cô hai bắt tui phải khai thiệt với bà già cô hai rằng tui tui mượn đỡ cô hai trong một vài đêm? Tui tui là dân ăn trộm ăn cướp, dân trời ơi đất hỡi thiệt tình đó chớ chẳng có tốt lành gì, tui tui cũng biết rành mình như vậy – nhưng ít ra tui tui cũng phải lựa lời ăn tiếng nói chớ cô hai! Tui xin nói rõ thêm: đó cũng là một điều kiện để bảo toàn tánh mạng cho cô hai. Cô hai nên chịu khó nghe lời tui đi. Tui biết cô hai đâu có ưa gì tui tui – ưa gì nổi mà ưa – nhưng cũng xin cô hai nhắm mắt cho qua chớ đừng để tui tui phải... nài ép bằng cách khác vừa mích lòng cho đôi bên mà lại vừa khó coi quá!

Nhăn cười khẩy:

- Mấy anh đừng tưởng dễ dụ dỗ bắt ép tui đó nghen. Tui nói thiệt, nếu ai động tới tui, tui cắn lưỡi chết tức khắc cho mà coi!

Năm Sang lạnh lùng đáp liền:

- Tui nói thiệt: Tui không để cho cô cắn lưỡi được đâu! Mà dầu cô có cắn lưỡi rồi thì cô cũng không chết

liền được và tui tui cũng không buông tha cô như thường. Thôi, tình thiệt nói ngay, tôi kể hết cho cô nghe để cô liệu: nếu cô nhứt quyết... làm khó dễ ngược lại tui tui thì tui sẽ biểu hai thằng kia vô phụ với tui... trước hết... (đến đây, Năm Sang làm bộ chép miệng than thở)... Cha, tui nói mấy việc này ra coi cũng kỳ quá, nhưng nếu nín êm thì cô không biết và lầm tưởng là tui tui hăm dọa..

- Hừ, mấy anh mà hăm dọa ai, mấy anh mần thiệt hê! Cái đó khỏi quảng cáo, tui cũng dư biết!

Năm Sang cả cười:

- Cô đã rõ như vậy thì còn... lằng nhằng chi nữa. Tuy nhiên, tui cũng xin nói luôn cho cô thấu đáo hơn chỗ không thôi cô lại tưởng tui tui mần sơ sơ. Đây nè, nếu cô bày đặt chuyện la lối và làm mất công tui này thì tui sẽ biểu hai thằng kia vô đây. Trước hết tui nó nhét khăn vô miệng cô hai để cô hai khỏi kêu nữa mặc dù cô kêu cũng chẳng ăn thua gì và do đó, cô hai có muốn cắn lưỡi thì càng ăn trót nữa. Tiện đây tui xin nhắc lại, cắn lưỡi không chết liền đâu cô hai.

- Ủ, anh tính kỹ quá hả!

- Coi, việc gì cũng phải tính hết chỗ cô... Kể đó, nếu cô không biết điều, tui sẽ biểu hai thằng kia, mỗi đứa giữ một đầu... (Năm Sang lại chép miệng than thở)... Ý cha, tình cảnh này khó coi quá! Cô nên nghĩ lại cho kỹ ghen cô hai! Làm gì thì làm chỗ để hai thằng kia nó ngồi chò hỏ nhìn mình thì kỳ quá. Tui đây mặt dày mày dạn mà còn thấy mắc cỡ thay!

Liếc thấy Nhân đứng làm thinh, Năm Sang đưa tay vỗ nhẹ xuống mặt nóp và ân cần lên tiếng bảo cô ta:

- Ngồi xuống đi cô hai. Đứng hoài mãi chừn chết. Nhân bước xích lại, xuống giọng năn nỉ:

- Xin mấy anh xét lại giùm tui, mấy anh đã... làm vậy tui tưởng cũng quá rồi, bây giờ lại ép tui nữa thì tội nghiệp cho tui quá...

Năm Sang cười mơn:

Tui tội nghiệp cho cô hai nhiều nên mới như vậy chứ không thôi tui để thằng cốt đột kia nó hạ cô luôn rồi...

Nhân mếu máo:

- Nhưng... chẳng thà mấy anh giết tui thì còn đỡ hơn chứ mấy anh lại nài ép tui việc này thì tui còn mặt mũi nào dìa sống với chồng sắp cưới của tui nữa.

Năm Sang chắc lưỡi:

- Khổ quá, thằng cha đó... tui muốn nói là anh chàng chồng sắp cưới của cô đó... anh ta có biết khi gì đâu mà cô ngại? Chẳng lẽ cô lại dại dột đến nước dìa khai ráo trơn ráo trội cho anh nghe sao?

Giọng Nhân trở nên ầm ục:

- Tui không khai những nữa tui dìa nhà chồng... anh phải biết chứ! Xin mấy anh xét giùm chỗ đó, thân phận đàn bà con gái đâu có dễ như mấy anh. Tui không tiếc gì mấy anh hết nhưng... sau này tui ăn nói làm sao với đàn ông đây? Họ sẽ cho tui là thứ gái hư thân mất nết... Như vậy chẳng khác nào mấy anh giết tui mà không cần dùng tới gươm đao vậy!

Năm Sang lại dịu giọng vỗ về:

- Ấy, cô khỏi lo! Tui tui là dân giang hồ lưu lạc nên biết sẵn nhiều bài thuốc bí truyền hay ghê lắm. Để nữa, tui sẽ chỉ cho cô để khi dìu cô cứ y theo đó mà làm thì mục nội ai bây giờ vô đó chẳng biết nữa! Nghĩa là anh chồng của cô sau này vẫn nhắm mắt nhắm mũi mà tin cô là gái tân như thường.

Tui nói thêm cho cô biết là tui từng để bài thuốc ấy cho một cô gái nhà giàu rủ dại ngủ với trai trước khi về nhà chồng, tui nhường bài thuốc ấy với giá năm trăm ngàn đồng đó cô hai.

Nhăn nhăn mặt:

- Nhưng làm như vậy té ra mình dối gạt người ta sao?

Năm Sang chắc lưỡi:

- Ấy, sao cô thiệt thà quá đối vậy! Ngộ biến phải từng quyền chớ cô!

Nhăn lắc đầu một cách thiếu não:

Rủ thuốc của anh không ăn thua gì thì chết tui. Thôi, tui lạy mấy anh, xin mấy anh buông tha tui giùm. Thiếu gì các cô khác ngộ hơn tui. Tui gánh lấy bao tai nạn mới rồi cũng đủ rồi...

Năm Sang nghiêm giọng lại:

- Cô nên nhớ rằng dẫu bà già cô có đem tiền ra chuộc đi nữa thì cô vẫn phải... biết điều với tui này như thường. Đó là một điều kiện phụ để tui thả cô ra. Bằng không, đến chừng bà già cô ra đây tui cho lấy tiền rồi vẫn giữ cô luôn như thường (hắn cười to lại tiếp lời)... Nói là nói vậy chớ dẫu muốn dẫu không cô

*cũng không thể chạy đi đâu được, thôi tốt hơn hết cô nên nghe theo tui cho nó đỡ phiền. Cô đừng ép buộc tui phải kêu hai thằng kia vô phụ lực đó nghen!*

*Nhân rên rĩ:*

*- Mấy anh giết chết chồng sắp cưới của tui cũng quá lắm rồi, xin mấy anh tha cho tui việc ấy...*

*- Ối, chết chóc gì! Chắc anh ta lợi trốn đâu đó! Nếu cô hai muốn yên thân về với anh ta thì nghe lời phút cho rồi...*

*- Tội nghiệp tui mà anh! Anh muốn đòi bao nhiêu tiền nữa thì để khi má tui ra, tui nhả chạy thêm...*

*Năm Sang gạt ngang:*

*- Tiền thì đủ rồi! Tui không cần nữa đâu! Bây giờ tui chỉ muốn cô không thôi. Cô có chịu nghe theo hông thì nói một tiếng để tui liệu.*

*Nghe Nhân sụt sùi khóc, Năm Sang đồng dục hỏi thêm:*

*- Tui kêu hai thằng kia vô hén!*

*Giọng của Năm Sang đầy vẻ hăm dọa khiến cho Nhân thêm quỳnh lên. Cô ta lập cập kêu lên:*

*- Khoan đã anh...*

*Năm Sang mỉm cười:*

*- Biết điều rồi phải không? Nhân mếu máo:*

*- Tui chưa tính gì hết...*

*Giọng của Năm Sang gặng trở lại:*

*- Coi, bộ tui dư thì giờ ở đây suốt một đêm để nói cà rồn với cô hoài sao chứ! Tui nhắc lại một lần cuối cùng để nếu cô còn đẩy cây với tui một lần nữa, tui sẽ*

*kêu tụi nó vô và mai này, sau khi lấy tiền của bà già cô xong, tui không thèm thả cô ra nữa.*

*Nhăn kêu lên:*

*- Anh tính làm trận làm thương nữa sao? Năm Sang cười nhẹ:*

*- Tui làm tới cái gì nữa còn được chớ đừng nói gì việc đó! Đây tui nói thêm để cô rõ luôn, sau đó tui sẽ dắt cô lại gần một đồn Tây hay Ma-rốc gì đó...*

*- Để thả tui hả?*

*- Ừ. Nhưng thả một cách đặc biệt. Tui sẽ bắn một vài phát súng để báo cho tụi Tây nó ra rước cô...*

*- Ý trời, như vậy tụi nó tưởng tui là liên lạc gì của Việt Minh thì chết tui!*

*Năm Sang cả cười:*

*- Thì đó! Và như vậy cho cô biết thân một phen. Cả đồn nó ra rước cô vô và... chắc mềm là cô sẽ bị tơi bởi bầm dập nát nước hết. Sau khi chán chê rồi không chừng tụi nó còn đem cô ra bắn bỏ nữa. Tui nói sơ sơ vậy cho cô biết, với tụi tui cô còn mong thừa gởi, còn mong trốn thoát chớ với tụi nó thì khỏi có mấy thứ chuyện này đi. Cô có nhận lời tui nói đây là đúng không?*

*Nhăn thở dài:*

*- Thì vậy rồi.*

*Năm Sang dịu giọng lại:*

*- Có điều chắc chắn hơn hết, nếu cô biết điều với tụi tui, mọi việc sẽ êm rơ vì dầu hèn cũng thể tụi tui đâu đến nổi như mấy thằng Tây “ba đá”, và riêng phần tui,*

tui “điều” với đàn bà con gái lắm cô! Cô hông biết nên cô còn sợ đó thôi: tui tin rằng một khi bắt “bén” với tui rồi cô sẽ thấy... đủ hết mùi đời! Thôi ngồi xuống đây đi... em hai!

Nhân đứng lặng thinh.

Năm Sang chắc lưỡi đứng rột dậy tiến đến dìu Nhân cùng ngồi xuống. Nhân khựng lại nhưng trước cử chỉ tuy dịu dàng nhưng quyết liệt của Năm Sang cô đành miễn cưỡng nghe theo.

Năm Sang ôm nhẹ ngang hông Nhân. Cô ta hơi né qua một bên và ghénh cổ ngó quanh:

- Còn hai anh kia đâu?

Năm Sang cười xòa:

- Đừng lo. Tụi nó ở biệt đàng kia.

Và hấn ta ôm riết lấy Nhân. Nhân vùng mạnh. Năm Sang nghiêng người ra:

- Coi, bộ cô tính gì nữa sao hở? Nhân nhăn nhó:

- Tội nghiệp tui mà anh...

- Tui tội nhiều nên mới như vậy... Nghe lời tui đi em hai, em hai đừng để tui nổi khùng lên thì mệt đa!

Nhân lại rần năn nỉ:

- Xin anh... vừa vừa thôi, tội nghiệp tui còn về lấy chồng...

Khỏi lo! Tui cho em hai món thuốc giữ “tân” với lợi năm thuở mười thì em hai mới gặp được một dịp như vậy thì tội gì mà không hưởng. Sau này em hai có đi lấy chồng thì thằng chồng của em hai nó còn mê em hai nữa. Em nghe tui ghen em hai?

Nhăn rưng rưng nước mắt:

- Em biết sao mà nghe với không nghe bây giờ?

Năm Sang cười mơn:

- Vậy là được rồi. Em hai phải biết là tui cảm em hai lắm nên tui mới rinh em hai theo đây chớ mấy thằng kia nó đòi quất em hai cho rồi...

- Bộ anh Sáu đó cũng... ác như vậy sao?

Năm Sang hơi lúng túng:

- Ổi... thằng đó nó biết đêch gì. Ai sai đâu nó làm đó mà! Thôi bây giờ tui mình nói chuyện đời chơi chớ em!

Nhăn rầu rĩ đáp:

- Tui có biết gì đâu mà nói...

Nhăn càng co quắp người lại. Cô nhớ đến Ba Cửa và vẫn còn hối tiếc là trước đây mình đã quá gắt gao với người yêu...

Năm Sang vuốt nhẹ bờ vai cô gái:

- Nè em hai, tui hỏi thật em hai câu này nghen?

Nhăn hơi xích người ra:

- Anh hỏi gì thì hỏi đi.

- Tui hỏi em hai... vậy chớ em hai với anh chàng kia đã có chút đỉnh gì với nhau chưa?

Nhăn chắc lưỡi:

- Anh hỏi kỳ quá ai trả lời cho được. Năm Sang òn ỉ:

- Ấy, bây giờ tui mình còn có gì phải giấu với nhau nữa! Tui phải hỏi em hai như vậy để coi công việc của em hai với anh chàng chồng sắp cưới của em hai tiến đến đâu rồi. Hai người quen biết với nhau lâu thì thế nào mà chẳng có quơ quào chút đỉnh.

- Thì... sơ sơ vậy thôi.  
- Chớ không có nhập cục với nhau hở?  
- Anh hỏi kỳ. Tui tui chưa cưới hỏi mà ẩu tả sao được.

Năm Sang xuýt xoa:

- Vậy hả? Nếu vậy té ra tui đây hên quá hả!

Nhân cau có

- Như vậy mới chết tui! Phải tui dè như vậy, tui hổng làm khó dễ anh chi!

Năm Sang cười nhẹ:

- Đừng tiếc em hai. Lát nữa đây, hay là liền bây giờ em hai sẽ hưởng đã hết, và tui chắc anh chàng đó hổng qua mặt được tui đâu.

Dứt lời hắn ta ôm ghì lấy Nhân hôn tười lên mặt cô ta. Nhân chỉ gục đầu chịu trận. Cô dư biết dầu mình có chống cự cách mấy đi nữa thì cũng chẳng đến đâu hết và nhứt là cô sợ Năm Sang sẽ kêu hai người kia vào phụ lực thì càng ngán hơn nữa!

Được thế, Năm Sang làm tới tuy vẫn rán giữ cho cử chỉ được từ tốn. Hắn ta từng muốn làm cho cô gái phải hoảng sợ và hơn nữa định tận hưởng những giây phút kỳ thú ấy.

Năm Sang bắt đầu thở dốc, hắn ta đã bắt đầu bộp chộp và lật đật diu Nhân cùng ngã lưng xuống nóp.

Nhân vội đưa tay túm giữ lấy hai vạt áo tui. Năm Sang khựng lại trong một giây đoạn hừ lên một tiếng rồi hất mạnh tay cô gái xuống.

Nhanh như chớp, Nhân lăn người úp ngực xuống

*mặt nóp, Năm Sang nhón một nửa thân mình lên nhìn Nhãn, đoạn chắc lưỡi bảo cô ta:*

*- Coi, em hai làm gì kỳ vậy? Bộ em lẩn hoài được sao?*

*Nhãn mếu máo van xin:*

*- Tội nghiệp tui mà anh? - Lại đổ chúng nữa hả? Nhãn hốt hãi đáp:*

*- Hồng phải, nhưng... xin anh muốn làm gì thì làm trừ chuyện...*

*Năm Sang cười xòa:*

*- Nếu vậy em hai giết tui còn sướng hơn! Tui nói hồng sao mà! Chỉ có một chút xiu nữa mà em hai!*

*Nhãn chỉ sụt sịt khóc.*

*(Trích Rặng trâm bầu)*

---

Chú thích

<sup>1</sup> Nhan đề do người trích tuyển tạm đặt.



# LINH BẢO

**L**inh Bảo viết không lấy gì làm nhiều. Bà lại sống phần lớn cuộc đời ở nước ngoài, rất ít tham dự vào các hoạt động của văn giới trong nước: không làm báo, không đấu tranh chống phá hay ủng hộ cái gì, không chủ xướng trường phái nào, v.v. Vậy mà bà có địa vị đặc biệt.

Xưa nay, trong văn chương nước ta những người phụ nữ cầm bút viết tản văn chưa hề có ai nở một nụ cười nào. Xưa, đàn ông thì nghiêm nghị, đàn bà thì nét na. Trên văn đàn toàn những người nữ nhỏ nhẹ, chuyên than thở. Mãi gần đây, không nỉ non nào nuốt như bà Tương Phố cũng hiền lành như bà Mộng Tuyết kể chuyện nàng ái cơ trong chậu úp, như Nguyễn Thị Vinh nói chuyện thương yêu.

Đến Linh Bảo, khác ngay. Linh Bảo không khóc bao giờ. Lại cười. Cười mát mẻ, mà chua chát. Bà mệnh phụ có con sắp làm vua đi bòn vét thiên hạ? Bà cười. Người “quân tử” cứu gái đẹp đem về để

con nuôi con cho mình? Bà cười. Anh em xa cách vạ dậm tết đến gửi bốn chữ “Cung chúc tân xuân” làm... quà? Bà cười, v.v. Đàn ông, đàn bà, trai hùng xú người, quan lớn trong nước, kẻ mẹ vua, người cha dân, v.v., bà cười tất.

Nói cho đúng, bà mỉm cười, nhẹ nhàng thôi. Bảo rằng cười nhẹ vẫn đau, vẫn độc, thì có đúng. Nhưng phải nhận rằng không riêng đối tượng thấy đau, mà chính người cười càng đau. Bởi vì Linh Bảo không cười rộ trong cảnh vui bao giờ, chỉ cười trong những hoàn cảnh đáng khóc thôi.

Dầu sao như thế vẫn cứ là ngổ nghịch. Đau mà không khóc, chẳng lão à?

Nhưng Linh Bảo, ngoài nụ cười ấy, lại còn có chỗ quá quắt hơn. Trước, các nữ sĩ ở ta chuyên làm thơ: món thơ thần là món thanh nhã, hợp với các nàng. Linh Bảo chẳng thơ phú bao giờ. Bắt đầu cầm cây bút là viết văn ngay. Chỉ có viết văn xuôi mới có dịp đẹp qua một bên cái vẻ “yểu điệu thục nữ” nghìn xưa, để phát huy một phong cách mới. Trong đêm đầu tiên với tình nhân, Lý không muốn ngủ, cốt thưởng thức kỹ từng giây. Cuối cùng, nàng gục đầu trên ngực trần của chàng, hít cái mùi thơm trên người chàng, và nói:

Bây giờ, Lý có thể viết cho anh một cái giấy chứng chỉ.

- Giấy ấy gọi là giấy gì?
- Chưa có tên, nhưng giấy này sẽ chứng nhận

Minh ngủ không đập, không ngáy, không hay trở mình, hơi thở rất thơm, mà mùi hơi người cũng rất dễ thương. Khi Minh muốn cưới cô nào, cứ đưa cho cô ấy xem chúng chỉ"... ("Một đêm mơ")

Không phải suốt mấy nghìn năm trước đàn ông chưa có mùi, nhưng bấy giờ chưa có người đàn bà được phép ngửi thấy cái mùi đàn ông và công khai tán thưởng. Từ Linh Bảo về sau, các cây bút nữ phái ở ta tha hồ. Họ mạnh dạn đi xa hơn nhiều. Lẽ ra, họ không nên quên công khai phóng của bà chị dám ăn dám nói. Bà chị bấy giờ thoạt có vẻ ngổ ngáo. Phần nào thôi.

Linh Bảo học ở một đại học Trung Hoa lục địa, lập gia đình ở Hương cảng, rồi sang sống ở Mỹ, đi đây đi đó. Ở một tác giả như thế, người ta chờ đợi những đề tài về cuộc sống bốn phương, chờ đợi một cái nhìn về con người về cảnh vật về cái hay cái lạ khắp nơi. – Không có thể đâu. Khắp nơi chỉ có Linh Bảo. Bất cứ ở nơi nào, chỉ có một nhân vật, một cảnh đời. Đời của bà, của thân thuộc, của một số người đồng cảnh xung quanh bà.

Trong cuộc đời Linh Bảo đã xảy ra những biến cố lớn lao: Bà bắt gặp cách mạng ở Việt Nam, ở Trung Hoa, gặp chiến tranh loạn lạc, rồi bà cũng từng trải qua những ngày sung túc ở một nước cực tân tiến; tác phẩm bà phản ánh những cái ấy chẳng? – Không

đâu. Linh Bảo không quan tâm đến các vấn đề chính trị, xã hội, kinh tế... Không có bom có đạn, không có đấu tranh nghèo giàu, không có thù hằn tôn giáo, không có cả khoái lạc dục tình, v.v. Cũng không có xúc cảm thiên nhiên luôn. Nắng sớm sương chiều, chim kêu bướm lượn, hoa nở mưa rơi..., những món sở trường của nữ giới bà đều kiêng. Hoạ hoàn mới có tí cảnh thôi.

Viết lách như vậy có phần nghèo nàn quá chăng? Ồ không. Trước bà, nữ giới ai viết truyện giỏi như bà? Một tác phẩm của bà (*Tàu ngựa cũ*) được Giải thưởng Văn chương Toàn quốc ở Việt Nam năm 1962. Các truyện “Áo mới” và “Người quân tử” là hai trong số 26 truyện ngắn được Trung tâm Văn bút Quốc tế ở Luân-đôn chọn là hay nhất trong số truyện dự thí năm 1961.

Để thành công, bà cần chi tìm đề tài khác ngoài chính mình?

Điều ngộ nghĩnh nữa là một văn nghiệp như thế xem chừng bà cũng không mấy quan tâm. Từ hai chục năm nay, bà bỏ ngang, không ngó ngang đến cây bút nữa.

Vả lại, ngay hồi còn trẻ, sau khi nổi tiếng vì cuốn *Gió bắc*, Linh Bảo đã suýt thay đổi bút hiệu! Nhất Linh ngạc nhiên: Để gì mỗi lúc mỗi gậy dựng được một tên tuổi!

Lần ấy, nể Nhất Linh bà đổi ý. Sau này, không có ai đổi được quyết định của bà: Bà vẫn hoạt động: học vẽ, học điêu khắc, học nghề kim hoàn, học in hình trên đĩa, học làm men đồ sứ, học cả võ nghệ nhảy từ đài nọ lên đài kia. Nhưng văn chương thì dứt khoát già từ!

6/1993

*Linh Bảo trước sau đã cho xuất bản sáu tác phẩm, trong đó hai cuốn là truyện dài (Gió bắc, Những đêm mưa), hai cuốn là truyện ngắn (Tàu ngựa cũ, Những cánh diều) và hai cuốn là truyện nhi đồng (Chiếc áo nhung lam, Con chồn tinh quái). Hai cuốn Chiếc áo nhung lam và Gió bắc xuất bản năm 1953; những cuốn khác đều ra đời trong thời kỳ 1954 - 1975.*

*Khi Những đêm mưa được nhà xuất bản Đời Nay tung ra vào năm 1961, chúng tôi có ghi vài nhận xét. Nhân tiện cũng xin trình lại cảm tưởng của một người đọc sách hơn ba mươi năm xưa.*

### **Những đêm mưa**

Tác phẩm thứ ba của Linh Bảo tiếp theo tác phẩm thứ nhất: *Gió bắc* là cuộc đời thiếu nữ của Trang, *Những đêm mưa* là quãng đời nàng ăn ở với chồng và nàng chê chồng, (Trang là một cô gái Huế, “lưu lạc và lưu học” ở lục địa Trung Hoa, rồi lập gia đình tại Hương Cảng).

Vào cuối quyển *Gió bắc*, người thanh niên tên là Bình có nói với Trang một câu, trong lúc nàng mắc

bệnh và bơ vơ ở quê người: “Anh không giàu, không sang, nhưng anh có một tấm lòng. Nếu em thấy rằng tình yêu trung thành của anh đủ làm cho em sung sướng thì anh sẽ ở bên cạnh em, săn sóc em mãi mãi...” Câu nói đó Trang cho là một thủ đoạn, một “ngón” riêng của Bình; tuy vậy nàng vẫn cứ xiêu lòng. Đám cưới của hai người diễn ra vào một ngày mưa ở Hương cảng, và nó mở đầu cho *Những ngày mưa* sau này.

Ngay hôm cưới nhau Trang đã giở quẻ: Nàng không chịu ký tên thực của mình vào giấy hôn thú; còn Bình thì chàng nhận vợ ngay từ đầu. Người thanh niên hiền lành đó sau này bị vợ xem là tầm thường quá, tầm thường và nhỏ mọn, và yếu ớt nữa. Chàng chỉ làm được ít tiền, chỉ thuê được căn phòng rất nhỏ, mà lại thích cho được ngăn nắp, cho có thứ tự, thích chơi mã chược, xem chiếu bóng, thích ăn cho kha khá, ngủ cho kỹ và thích được yên tĩnh với sự tầm thường của mình. Chàng cũng có một cái triết lý ngộ nghĩnh để khuyên vợ nên lấy thế làm sung sướng: có chồng tầm thường khỏi sợ mất. Chàng được cả một câu tục ngữ Trung Hoa ủng hộ, vì tục ngữ có câu: “Chẳng cầu gì cả, chỉ cầu cho chồng vô tài và đừng phát đạt”. Thế nhưng rủi thay Bình lại gặp phải Trang là một người phụ nữ lỗi lạc và chỉ muốn có chồng lỗi lạc, bất chấp cả tục ngữ Trung Hoa. Trang thích giao thiệp những chỗ sang trọng, trí thức, thích nghệ thuật, mơ mộng, nàng thích chồng mình là “một con

người hiền ngang và quân tử”, có thể mở mày mở mặt với đời. Phải sống với Bình, nàng “ngán lên đến cổ”. Trong gia đình vì vậy thường xảy ra nhiều cuộc xích mích, nhưng mãi tới lúc họ có với nhau được một đứa con và một cái thai, họ vẫn ở được với nhau vì họ cùng là người “lịch sự” cả, nói cách khác là họ không mắng chửi đến ông bà tổ tiên nhau, không dùng những lời thô tục, không ném chén bát, không đánh nhau.

Như thế cho đến một hôm, trong lúc giận nhau, Bình nằm choán cả cái giường không chừa chỗ cho Trang nàng leo lên nằm ở phía dưới chân giường, bị Bình đạp rớt xuống đất. Thế là Bình không còn là người lịch sự nữa. Trang rách va-li, bỗng con bay về quê hương nàng ở Huế.

Ở đây gia đình nàng cũng bày ra toàn những cảnh ngang trái. Cha nàng mặc dù tuổi trên sáu mươi mà vẫn còn đa tình, vẫn dồi dào sức lực. Mẹ nàng thì yếu đuối không thể cung ứng đầy đủ những nhu cầu trần tục của ông, nên phải lánh nép vào dưới bàn thờ Phật, để mặc cho ông được phép cưới hết dì này đến dì khác, bà chỉ có vừa tụng kinh vừa ghen ngầm ngấm. Trang về nhà được ít lâu thì cha nàng cưới dì Tư, người dì lộng quyền quá quắt nhất, làm cho cả mẹ con Trang cùng tức giận, đau khổ. Riêng về phần Trang, nàng bị cha mắng đuổi, nàng ở nhà thương không ai thăm viếng, trời lụt lội chỉ mình nàng xoay xở, v.v. tất cả cũng vì dì Tư. Cha nàng

hưởng hạnh phúc với dì Tư chẳng bao lâu thì ngoại bệnh, chạy chữa tốn kém mà cuối cùng vẫn không khỏi. Cha nàng qua đời rồi, mẹ nàng giao nhà cửa lại cho dì Tư để đi tu. Còn Trang thì trong ngày hôm ấy nàng nhận được một lúc hai lá thư: một của người bạn gái tốt bụng mời nàng đến ở chung, một nữa của Bình mà nàng chưa vội mở ra nhưng biết chắc chắn vẫn là nài nỉ nàng trở lại Hương Cảng như anh chàng “tâm thường” đó đã kiên nhẫn nài nỉ mỗi tuần hai lần trong hai lá thư viết đều đều suốt mấy năm trời!

Trong số những người đàn bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo có tài nhất: có tài quan sát, lại có tài diễn tả một cách thông minh những điều mình quan sát.

Quan sát và phân tích tâm lý, Linh Bảo đã trình bày được mỗi nhân vật với một hình dạng, một cá tính rõ ràng, một lối sinh sống và ăn nói riêng biệt. Bình thì hiền lành, bà mẹ của Trang thì nhẫn nhục, cam chịu mọi sự thiệt thòi ở đời, cha của Trang thì ích kỷ, dì Tư thì giả dối, thô lỗ, nhác nhớn, v.v.; cho đến những nhân vật phụ cũng không đến nỗi vô vị: bà Ba với những khoé tham lam vụn vặt, sống vất vưởng một cuộc đời biếng nhác, tự lừa mình rằng đã hi sinh cho Chúa, bà Tám mách lẻo, anh Bê say sưa, v.v. Đọc Linh Bảo, người ta không gặp một tác giả

thực thâm trầm sâu sắc, dẫn dắt vào những uẩn khúc tế nhị của tâm hồn; nhưng ít ra người ta cũng gặp được trong tác phẩm ấy những nhân vật độc đáo, ngộ nghĩnh, những nhân vật rất thực.

Nhưng dù cho Linh Bảo có nói những điều không lấy gì làm sâu sắc đi nữa thì cách nói của bà cũng khiến cho câu chuyện thành thú vị. Linh Bảo nói có duyên, nhất là ở đoạn đầu, chỗ kể lại những cuộc đối thoại giữa vợ chồng cô Trang. Linh Bảo thường hay tìm ra cơ hội để làm cho người đọc mỉm cười, dù là trong những trường hợp buồn thảm: nhà ngập lụt, vợ chồng giận nhau... Giữ được nét mặt tươi tắn cả trong khi buồn, đó là một lối làm đẹp rất khéo của đàn bà, nhất là đàn bà “lịch sự”: vì vậy mà cái cười do Linh Bảo gợi lên lắm lúc có chua chát, người đọc vẫn dễ có cảm tình với giọng văn của tác giả.

Tuy là người hay cười cợt, khéo gây cảm tình, Linh Bảo lại chẳng có cảm tình gì với cuộc đời. Bà bi quan, thường nhìn thấy toàn những khía cạnh xấu xa của người và việc xung quanh. Tác giả có cái nhìn sắc sảo, tinh ranh và soi mói: trông bà Ba làm thịt thỏ, thịt gà cho cô con nuôi ăn, tác giả đã biết ngay là để đổi lấy cái lợi gì; vừa nghe mẹ cô Trang kể chuyện chiêm bao bà đã hiểu ngay dụng ý ra sao; vừa nghe người đàn bà hàng xóm khóc chồng chết trong nạn lụt đã đoán biết tâm địa người đó thế nào... Không

có sự đối trá nào “qua mặt” được bà; bà thích lật cái bề trái của sự việc, thích phơi lưng của nhân vật ra cho ai nấy trông thấy tình đời và lòng người xấu xa đến chừng nào: dì Tư xấu, cha của Trang xấu, những ông lang bầm những bà đồng cốt xấu, người vợ lẽ xưa cũ tìm đến nhà thương Sài Gòn thăm cha Trang cũng xấu, bà Ba xấu, bà Túy xấu, ông Túy không tốt gì, mà bà Tám cũng khả ố... Cho đến cái anh Bình thực thà hiền lành ấy cũng không thể chịu được. Tất cả cái xã hội loài người, nơi nào có cô Trang tiếp xúc đều không hề thấy thấp thoáng một tâm hồn nào có ít nhiều giá trị, khả dĩ để ta tin tưởng vào cuộc đời, ngoại trừ hai mẹ con của Trang.

Trong mấy dòng nhận xét trên đây, có vẻ có sự lẫn lộn giữa cô Trang và Linh Bảo. Sự thực thì cuộc đời thể hiện trong tác phẩm của Linh Bảo đã xấu đi qua cái nhìn của cô Trang. Trang là một thiếu phụ cay cú với số phận mình: sinh vào một gia đình đài các trong hồi suy sụp nàng nhận thấy lòng người bội bạc; lớn lên trong cảnh long đong giữa thời giặc giã loạn lạc nàng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, mà nàng thì vốn là con gái nhà quan muốn ở đâu cũng được cưng được chiều, cho nên gặp nghịch cảnh nàng nhìn xã hội bất bình, hằn học. Đây là lời nàng nói với mẹ: “Con tin rằng nhà ta chưa từng gặp được người tốt”. (Cả “nhà ta” đều chung một cảnh nhưng mẹ nàng tin cậy ở lòng người, còn nàng thì trái lại).

Vì vậy chớ nên thấy cô Trang hay cười cợt, nói năng có duyên, ý nhị, mà tưởng nàng dễ tính: người đàn bà ấy chất chứa nhiều cay đắng trong tâm hồn và có cái nhìn gần như độc ác đáng sợ.

Cuối quyển truyện, ta có nghe Trang reo lên hoan hô tình bè bạn “thiên long không vụ lợi” của một người bạn gái là chị Vân. Nhưng ai đã biết tính Trang đều có quyền ngờ vực: thì cuối quyển *Gió bắc*, Trang cũng từng tung hô, tin tưởng ở Bình như vậy, rồi sau khi chung sống với nhau nàng liền kể xấu anh ta ngay. Biết đâu lần này chị Vân được khen lại chẳng phải vì chị còn ở xa, đến lúc chị gần gũi lâu ngày với con người cay cú và khó chịu là Trang chị sẽ chẳng bị vạch áo phơi lưng? Vả lại nói đến cách kết thúc của tác phẩm ta cũng nên nói đến phương diện kỹ thuật nữa chứ (lại lẫn lộn cô Trang với Linh Bảo!): chị Vân được khen là vì trước khi dứt lời tác giả muốn cho câu chuyện mình kể nó tươi sáng lên một chút, người đàn bà “lịch sự” trước khi chào từ biệt khách muốn cười một cái cho tươi đẹp đó thôi.

Thực ra, kể xấu cuộc đời không phải là thái độ riêng của con gái nhà quan bị cảnh long đong. Trong thời kỳ này, con người bất bình với những bất công xã hội, với thời cuộc, với cảnh sa đọa trụy lạc, với số phận bấp bênh của nhân loại bị chiến tranh đe dọa, số phận “phi lý” của kiếp người v.v... kể xấu cuộc

đời đã thành ra một mốt thịnh hành. Vậy Linh Bảo không phải là tác giả khó tính nhất, xung quanh cũng có lắm kẻ bi quan, nhìn thấy đời đen tối xấu xa; nhưng quý hồ những người đó đừng nhìn thấy mình tốt quá thì lời nói của họ dễ tin hơn. Ta lại sắp lẫn lộn Linh Bảo với cô Trang nữa rồi!

Nhưng cách đây ít lâu một tờ tạp chí văn nghệ phê bình tập truyện ngắn *Tàu ngựa cũ* của Linh Bảo cũng đã từng có một nhận xét đại khái rằng các nhân vật trong ấy đều là tác giả cả. Khi nhiều người cùng lẫn lộn theo một cách thì chắc là phải có lý do.

Có nhiều tác giả nông nổi một cách lỗ bịch, muốn cho thiên hạ để ý đến mình và khâm phục mình, họ tự in hình hay in thủ bút nguệch ngoạc một cách rất nghệ sĩ của mình ở trang đầu tác phẩm. Tác giả *Những đêm mưa* không non nớt như thế, nhưng đọc qua chừng bảy chục trang sách của bà ai cũng có thể nhận thấy cô Trang (?) là con nhà quan, học đại học, có năng khiếu về nghệ thuật, người đã thật xinh lại thông minh mà còn thêm rất mực đảm đang nữa; tóm lại là “một viên ngọc quý” (trang 69)!

Đọc một tác phẩm, điều người ta cần biết nhất về tác giả là văn tài và một cách nhìn cuộc đời. Những điều Linh Bảo cho chúng ta biết có hơi thừa thãi. “Mọi thái quá đều không hay”, đó là tục ngữ Tây, chứ không phải là tục ngữ Tàu nữa.

(Tạp chí *Bách Khoa*, số 121, năm 1962)

# ÁO MỚI

*Chiếc áo đầu tiên quý giá nhất trong gia đình tôi là một chiếc “áo vua ban”. Hồi ấy, ba tôi làm nghề cạo giấy và mẹ tôi buôn bán theo lối tài tử. Bà làm nghề mách mồi mua bán đồ cổ. Ngoài ra, bà còn vác máy ảnh đi chụp cho các bà hoàng, bà chúa, bà phi, bà tần trong cung cấm.*

*Nghề mách mồi đồ cổ là một nghề rất nhàn. Bà chỉ việc diện bánh, rẽ đường ngói cho thẳng, bôi dầu dừa bóng loáng và thơm nức lên; chiếc quần cũng được là thẳng và xếp thành nếp, gọi là “nếp con”, năm con bảy con gì đấy cho ra vẻ quý phái. Ăn mặc tề chỉnh như thế, bà chỉ việc đến nhà các mệnh phụ, công nương, ngôi lê đòi mách một vài buổi. Thế là “mẹ” nào muốn bán cái gì, cụ nào muốn mua cái gì, mẹ tôi biết rõ cả. Bà chỉ việc vắt vẻo ngói lên chiếc xe tay nhà, chạy đi chạy lại một vài lần, là kẻ mua người bán đều vui vẻ.*

*Nghề chụp ảnh mấy chục năm về trước còn là một nghề rất mới mẻ, nhất là đối với các mẹ, các bà phi, tần không thể ra ngoài phố tự do như người thường.*

Mẹ tôi được các bà hoan nghênh vô cùng. Phải, còn gì sung sướng hơn một bà phi, suốt mấy năm trời chẳng hề được trông thấy “mặt rồng” của ông chồng vua, bỗng dưng có một tấm ảnh mình ngồi chễm chệ trên một chiếc ghế bành chạm trổ tinh vi, còn “hoàng đế” thì đứng bên cạnh, quàng tay qua lưng ghế, như ôm một cách âu yếm. Mẹ tôi rất tài về khoa ghép ảnh và tính giá rất đắt. Nhưng tiền có nghĩa gì đối với những cung phi suốt đời, từ lúc tiến cung cho đến già, đến chết, vẫn còn là trinh nữ! Tấm ảnh an ủi họ và thỏa mãn một phần nào cái lòng tham hư vinh đã được nuôi dưỡng từ lúc bé thơ.

Trong số các khách hàng của mẹ tôi, có một bà mẹ vua. Vua thì còn bé, đang đi học xa. Bà ở nhà, sống một cuộc đời vương giả. Suốt ngày, bà chỉ biết bài bạc với những người đến “bấm châu” (nịnh). Bà đã phá kỷ lục về nợ nần, và bà chỉ có vay mà không có trả. Bà cho là mọi người ai cũng có bốn phận phải cung phụng bà, đưa tiền cho bà tiêu xài. Nhưng bà không bao giờ quên an ủi họ, khéo léo nói úp mở cho họ biết, ngày “Hoàng đế hồi loan”, bà sẽ đền ơn trả nghĩa. Không biết mẹ tôi có bị bà cho vào tròng không, và nếu có, thì chúng tôi, những ranh con, cũng không có quyền can thiệp.

Tôi còn nhớ, bốn chị em tôi có bốn cây kiềng vàng và bốn cây kiềng vàng ấy có một con đường đi bất di bất dịch; từ nhà tôi đến nhà bà Bộ, một bà nhà giàu chuyên cầm vàng bạc. Chúng nó đi “lữ hành” như thế, ít nhất mỗi tháng độ mười lần. Mỗi khi mẹ tôi xoay

được món tiền, chuộc về nằm trong tủ chưa được nóng chỗ thì lại có lệnh “Ngài ban vay”. Và như thế, bốn chiếc kiềng bé bỏng của chúng tôi lại lên đường đến nhà bà Bộ tạm trú. Bốn chiếc kiềng vàng đi một con đường vòng độc nhất, còn số tiền cầm đồ thì đi một con đường độc đạo, và là một con đường cụt. Nó từ túi bà Bộ sang túi mẹ tôi, rồi nhẩy sang túi “Ngài” để rồi bị thủ tiêu mất tang mất tích, không còn một chút dấu vết gì để lại với đời.

Đã thế, thỉnh thoảng “Ngài” lại “ngự” đến “tệ xá” của chúng tôi ở ngoại ô, mặc dầu “tệ xá” quả thật là quá tệ. Nó chỉ là một gian nhà tranh bé nhỏ nằm lọt vào một bãi tha ma to lớn, cách xa thành phố đúng ba cây số.

Ba mẹ tôi sở dĩ chọn nơi xa xôi như thế để xây “biệt thự”, vì theo lời bác sĩ khuyên, ba tôi yếu phổi nên cần phải thở không khí có gió thông trong lành. Ấy thế mà trong “tệ xá” có rất nhiều đồ cổ quý giá. Những món ấy toàn là của các công nương, mệnh phụ gửi, nhờ cầm bán hộ. Giấy rách phải giữ lấy lề: dù mai không còn gạo để nấu cháo loãng, họ cũng vẫn giữ bí mật, không bao giờ dám ra mặt tự cầm bán lấy đồ vật. Nhưng họ vẫn còn làm điệu như thường:

Đưa đây cho mẹ hai xu, mẹ “chép” một củ khoai chơi mà!

Tuy cảnh túng của họ đã trầm trọng đến thế, mà bệnh “khẩu khí” vẫn không thuyên giảm tí nào, và họ thấy cuộc sống vẫn không bớt phần hấp dẫn, thú vị.

Đường đến nhà tôi, hai bên trồng toàn thông xanh và phải trải qua hai cái dốc. Thỉnh thoảng, người ta lại thấy từ dưới dốc đằng xa có một chiếc xe tay sơn son thếp vàng, một chú lính mặc áo đỏ, chân quần xà cạp vàng, đầu đội nón chóp, ịch ạch kéo xe lên dốc. Sau xe có hai cô bé con độ mười bốn mười lăm tuổi, mặc áo màu hoả hoàng, đầu chít khăn đồng màu, tóc xoắn ngang vai. Một cô tay cầm chiếc hộp trầu và cái ống nhổ bằng bạc; một cô tay cầm chiếc quạt lông, lẽo đẽo chạy theo sau xe. Thỉnh thoảng, cô bé cầm quạt cố chạy lên ngang hàng với chiếc xe, giơ chiếc quạt lông lên, phẩy nhẹ một cái vào trong xe, rồi lại trụt lẩn xuống đằng sau. Ấy thế mà bọn họ từ cung cấm ra ngoài thành, ngót bốn năm cây số để đến “tệ xá” đấy.

Sau khi đến nơi, “Ngài” chễm chệ leo lên chiếc sập cẩn xà cừ đặt ngay chính giữa nhà, hai thể nữ đứng hầu hai bên, kẻ pha trà, người quạt hầu. Ngài lần lượt ngắm nghía, thưởng thức các đồ vật trong “tệ xá”, và cố nhiên khi “Ngài” dời gót ngọc, những món đồ cổ ấy cũng được mang theo “Ngài” ngự, lên chiếc xe nhà sơn son thếp vàng có hai thể nữ chạy theo hầu ầy.

Trước khi bước chân lên xe, thể nào “Ngài” cũng “ban truyền”:

Chị Tham tính tất cả tiền những cái ché và độc bình này đi. Cả cái táo lung cây vàng lá ngọc kia nữa, rồi ta sẽ trả tiền lại cho. Còn cái sập cẩn này, chị cho ta mượn, mai ta cho thị vệ ra chở.

Mẹ tôi chỉ biết “dạ” mà nuốt lệ. Bởi vì mẹ tôi biết,

đồ vật cũng như người, khi đã được “tiến cung” thì chỉ còn đợi chết! Mặc dù được sủng ái, số phận của đồ vật còn đen tối hơn các cung phi mỹ nữ bị lãnh đạm. Các cung nhân, khi đã về già thì được thái hậu nguyên quán, còn những món đồ cổ, càng già càng quý thêm, càng không mong gì được trả về với cố chủ.

Cứ mỗi khi như thế, ba tôi lại lẩm bẩm:

- “Thấy vua” rõ thật là “thua vậy”!

Cuộc đời cứ thế trôi qua. Ba tôi ngày ngày đi cạo giấy. Mẹ tôi bán đồ cổ và ghép ảnh cho các bà. Tiền kiếm được, dùng để nuôi chúng tôi một số rất nhỏ, còn hầu hết để nuôi “Ngài”.

Một hôm, chắc lương tâm “Ngài” thức dậy – hay là “Ngài” sợ nợ mẹ tôi nhiều quá, không trả bớt, đến kiếp sau sẽ thành ra “nợ thiên khối” như trong kinh Phật dạy – “Ngài” bèn long trọng “tuyên dương công trạng” mẹ tôi một hồi, rồi “thân tặng” cho mẹ tôi một chiếc áo cũ của ông vua con.

Đây là một chiếc áo the đen, bên trong lót một lớp hàng mỏng màu vàng. Chiếc áo còn thơm nức mùi xạ hương và long não ướp lâu ngày.

Mẹ tôi đem chiếc áo ấy về, vênh vang như một kẻ “áo gấm về làng”. Sự sung sướng của mẹ tôi được cái áo vua ban ấy cũng giống như tâm trạng người cung phi trình nữ được tắm ảnh ghép ngồi chung với đức vua. Cả hai cùng muốn mang một cái hào huyền ra để thỏa mãn lòng tự ái, lừa mình, lừa người cho đỡ cơn ghiền!

*Chiếc áo ấy về phần chị Cả tôi. Mỗi năm vài lần, trong những ngày kỵ giỗ, lễ tết, cái “áo vua ban” ấy được trân trọng “trình bày” trên thân hình bé nhỏ của chị tôi một vài giờ, rồi lại được trân trọng xếp vào rương chờ dịp khác.*

*Năm tháng qua, chị tôi mới đầu mặc chiếc áo còn rộng thùng thình, rồi chật dần, ngấn dần cho đến khi không mặc vừa nữa, phải cho chị Hai tôi thay thế.*

*Từ chị Cả cho đến chị Hai, chị Ba, anh Tư, anh Năm, rồi đến chị Sáu, chiếc áo cứ được đem ra hóng gió mỗi năm một vài lần, cho đến lượt tôi được xỏ tay. Hôm tết, mẹ tôi mang chiếc áo lịch sử quý giá ấy ra để mặc cho tôi và bảo: “Hoa ơi, cái áo này bây giờ về phần con” thì nó đã mục nát và chỉ động đến là rã tan ra từng mảnh.*

*Cũng năm ấy, ông vua nhỏ ngự giá hồi loan. Và từ lúc ấy, “Ngài” ra lệnh không tiếp tất cả các chủ nợ của Ngài. Bây giờ, “Ngài” đã thành ra một bậc cao sang nhất, không thể có chủ nợ, và lại càng không muốn trông thấy người nào hiểu được hoàn cảnh của “Ngài” lúc còn hàn vi; thật là chí lý, chí tình vậy! Còn gì khó chịu hơn một kẻ ở địa vị cao sang, ngày ngày phải trông thấy đám chủ nợ mình ngày xưa, đám người mình từng năn nỉ khóc lóc kêu túng thiếu, người phải cầm bán vay mượn cho mình tiêu xài. Đó là một sự nhục nhã, một uy hiếp tinh thần, có thể làm mất bớt uy nghiêm nhiều lắm.*

*Tết năm ấy, tôi không có áo mặc, nên tôi khóc mùi*

khóc mãi cả một buổi sáng. Tôi chỉ tưởng là mình khóc vì khi chiếc áo đẹp đến phần mình thì đã rách, nhưng thật ra, tôi đã khóc cho cái ảo ảnh “ân trả nghĩa đền” của mẹ tôi bị tan vỡ. Tôi khóc cho cái chết của chiếc áo, đổi bằng tất cả của cải mẹ tôi dành dụm được. Tôi khóc cho nền móng tương lai của một đám trẻ thơ, đáng lẽ được dùng của cải ấy để bồi đắp cho thể chất và tinh thần.

Nhưng sau đó, gia đình tôi ngày một khá. Lần đầu tiên, chúng tôi được ăn một thứ thịt, nghe nói là thịt bò. Bữa cơm hôm ấy, ba tôi mất mười lăm phút để giảng giải cho chúng tôi nghe, bò là một con vật để cho loài người ăn thịt.

Một hôm, không hiểu tại sao, mẹ tôi bỗng nhiên “phát từ bi tâm” may cho chị Sáu, tôi, em Tám và em Chín, mỗi người một cái áo xa-tanh màu phấn hồng. Xấp hàng này, có người tặng cho mẹ tôi trong dịp ăn đầy tháng em thứ mười một. Chúng tôi mừng rỡ trông đợi một ngày trọng đại, ngày được mặc chiếc áo hồng lộng lẫy, sắc sỡ, bóng loáng, mát rười rượi và rộng thùng thình như áo tể ấy, thì bỗng dưng ông nội tôi chết. Tôi thấy ba mẹ tôi khóc, anh chị tôi khóc, tôi cũng khóc. Nhưng thực ra, tôi không nhớ đã được thấy mặt ông nội tôi hồi nào.

Tôi khóc là khóc cho bốn chiếc áo xa-tanh hồng tươi rực rỡ, chưa từng được diện qua một lần, vì phải để tang, đã bị mẹ tôi ngâm vào nước thuốc nhuộm răng. Chúng nó biến thành một màu kỳ lạ, không vàng,

*không lục, không xanh. Màu ấy, ba tôi gọi là “đưa cái uá mùa thu”. Nếu bây giờ bảo tôi đặt tên lại thì tôi sẽ gọi là một bức tranh lập thể may thành áo. Từng vệt, từng đám, ngang dọc ngổn ngang, chồng chất lên nhau, níu kéo nhau, chằng chịt. Cái áo nhuộm như thế đấy, mà chúng tôi vẫn phải khen cho mẹ tôi bằng lòng. Bởi vì, đã có định luật rằng “thượng cấp” thì phải được “tỏ vẻ hài lòng”; còn “hạ cấp” thì chỉ độc có một việc là “nhiệt liệt hoan hô”, dù có thích hay không!*

*Chúng tôi phải chịu đựng cái xấu xí của áo, và áo cũng phải cố chịu đựng sự tàn nhẫn vui đập của chúng tôi. Chúng tôi mặc nó nằm lăn dưới đất, mặc suốt ngày đêm, vò nát nó, ném nó từ góc này sang góc khác. Đôi khi còn cắn nát chéo áo để xem cái mùi chua chua của nó, phải thật chỉ chua, hay còn lẫn mùi gì nữa không*

*Thật ra, số phận của những chiếc áo ấy cũng đáng thương như chúng tôi, cũng giống như chúng tôi. Tâm hồn chúng tôi sớm đã bị nhuộm thành một màu “đưa cái uá mùa thu”, hay cũng chỉ là một bức tranh lập thể của những niềm đau khổ bé thơ, đã ai hơn gì ai đâu! Thế mà chúng tôi nở dần vật chúng nó cho đến khi rách nát, và cùng lúc ấy, tang ông nội tôi cũng vừa mãn.*

*Một bà bạn gái của mẹ tôi ở Sài Gòn gửi tặng mẹ tôi một xấp hàng xa-tanh hồng khác. Mẹ tôi chê sặc sỡ chướng mắt, nên may cho bốn chúng tôi. Bốn chiếc “áo tề” vừa dài vừa rộng, may xong được cất kỹ, đợi*

“ngày lành tháng tốt” mới được đem ra diện. Thỉnh thoảng, tôi lén mở rương vuốt ve cái áo một lúc. Tôi nâng nó lên, áp cái chất mịn màng mát rười rượi lên cằm, lên má. Tôi ướm nó vào người, hút cái mùi thơm long não và mùi xạ hương từ trong áo toát ra một cách say sưa. Cái “ngày lành tháng tốt” ấy không bao giờ đến, vì bỗng nhiên chú tôi mất. Kể ra, thì đó là một cái tang nhỏ thôi, nhưng mẹ tôi bắt chúng tôi để tang. Và một lần nữa, chúng tôi khóc cho chiếc áo đẹp lại phải nhuộm thành một cái màu lem luốc không tên!

Ba tôi lúc ấy đã bắt đầu rảo bước trên con đường rải toàn thỏ ngà, nôm na gọi là làm quan. Mẹ tôi không còn phải đi bán đồ cổ và cũng không cần chụp ảnh cho ai nữa.

Chúng tôi, mỗi người được sắm một con heo để dành tiền. Nhưng, những con heo ấy, hàng năm đều phải bị đập ra, vì mẹ tôi mở cuộc “lục quyền” để may áo quần cho bọn con trai tựu trường.

Cảm thông những nỗi khó khăn của các anh khi túng thiếu, chúng tôi lúc nào cũng vui lòng “quyên”. Mẹ tôi bảo đây cũng là làm việc nghĩa, chẳng mất đi đâu mà thiệt, vì rồi đây, khi các anh mặc ngắn, những chiếc áo ấy cũng sẽ đến phần chúng tôi.

Khi chiếc áo xa-tanh nhuộm mực lem luốc thứ hai “quá cổ” rồi, thì chúng tôi đã thành những cô gái dậy thì. Chúng tôi đã biết then, nhưng khi ra đường vẫn cứ phải mặc những chiếc áo vải dù, vải ba-ga con trai đã bạc màu và rộng mênh mông như cả một trời đau

khổ. Chúng tôi cố năn nỉ xin may một cái áo mới cho ra hồn.

Mẹ tôi bảo:

- Áo các anh mặc ngắn, thiếu gì! Còn tốt và bền lắm; may một lần tốn kém lắm, chứ tưởng rẻ sao! Ngày xưa, suốt đời mẹ chỉ có một chiếc áo vải. Còn các con đã có bao nhiêu áo đẹp rồi, nhớ không? “Áo vua ban” này, áo xa-tanh nhuộm màu dưa cải này...

Tôi nhắc:

- Dưa cải ủa mùa thu chứ!  
- Ừ, thì thu đông gì cũng được. Lại còn cái áo xa-tanh nhuộm màu mực này... Tôi cải chính:

- Màu lem luốc chứ.  
- Con Hoa thật nhiều chuyện! Mới may rồi, còn đòi gì nữa!

Em Tám nói:

- Dạ, mới may bốn năm về trước!

Mẹ tôi mắng:

- Chúng mày rắc rối lắm, không biết hà tiện hà tặn sau hết phước đi! Phải nhớ, hồi xưa mẹ chỉ có một cái áo, nên mới có ngày nay!

Em Chín tiếp:

- Nhưng mà mẹ quên là mẹ con ông huyện, và mồ côi; còn chúng con là con ông tổng đốc đương thời!

- Ai dạy cho mày ăn nói giảm phước thế?

- Mẹ không thương chúng con. Mẹ chỉ thương chị Hồng. Mẹ nhớ chị Hồng mất ăn mất ngủ. Mỗi khi chị Hồng tới xin tiền là mẹ bỏ ống của chúng con...

Mẹ tôi vội vã:

- Thôi thôi, để tôi may, cô không cần phải kể con cà con kê....

Mẹ sợ chúng tôi phân bì với chị Hồng lắm. Mỗi tháng chị đến thăm mẹ tôi một lần, và mỗi lần như thế cả nhà náo loạn lên. Nội một việc hầu hạ phục dịch chị cũng đủ cả nhà mệt phờ ra. Chị ăn tiêu rất rộng rãi, thường tiền cho người nhà không hề tiếc. Đối với chúng tôi, chị cũng “thết đãi” linh đình. Nghĩa là gọi cả một gánh bánh bèo hay bún bò vào nhà, thết mỗi người một tô. Chỉ có một cái “đi hận” là chị chuyên môn bỏ ống của chúng tôi. Ba mẹ cho chúng tôi một ống tiền đặc biệt, nói là dành làm của hồi môn. Nhưng từ khi chị Hồng phát giác câu chuyện ấy, thì chị rủ mẹ cho chúng tôi hùn vào tiệm may của chị. Mỗi tháng, chị đến bỏ ống của chúng tôi một lần. Mãi cho đến khi chị bán cửa tiệm đi lấy chồng chúng tôi chẳng hề thấy chị thanh toán, làm tôi cứ tưởng là tiệm của chị ở nhằm hướng “tán tài” nên suốt bao nhiêu năm trời chỉ chuyên môn lỗ. Và các tỉnh không bao giờ thanh toán ấy, chị vẫn giữ mái không bao giờ thanh toán.

Mẹ tôi quả nhiên giữ lời hứa, lấy một xấp hàng “xa-xị” màu vàng nhạt để tận đáy tương ra, may đồ cho chúng tôi. Bà gọi người lính ở trong dinh biết may cắt và căn dặn:

- May cho thật dài rộng mát mẻ nghe không

Vì chúng tôi đã lớn, rất sợ những chiếc áo rộng

mệnh môn, mặc vào như bởi đứng trong áo, nên nghe thế, phải dặn với:

- Ủ, may cho dài...

Và đứng sau lưng mẹ, lấy tay ra hiệu may chặt.

Đến lúc áo may xong, mặc thử, thật là dở cười dở khóc. Nó dài phết gót và chất bó như chài. Chặt đến nỗi tay không co lại được. Người tôi cứ cứng ra như khúc gỗ không cử động gì được trong chiếc áo đó. Chỉ mấy tháng, chiếc áo mới đã phải vá cùi tay và tiếp thêm nách. Nhưng dù vá vúi xấu xí đến đâu, tôi cũng mặc đi nhiều nơi, nó vẫn còn hơn chiếc áo vải ba ga đen cũ bạc màu của bọn con trai để lại.

Kế vị chiếc áo đấu tranh mà có này, là một cái áo “vải cạt”. Gặp lúc chiến tranh, mọi vật đều phải phối cấp, hàng vải cũng thế. Và chúng tôi được may một cái áo thứ vải “cạt” phối cấp xanh đỏ sặc sỡ lòe loẹt, nhà quê một cách không thể tả được. Mặc nó vào, người ta cứ tưởng là một tấm vải màn, hay cái ghế nằm sofa biết đi. Thế nhưng tôi vẫn phớt như không. Coi như trên đời này không còn ai nữa!

Từ đấy về sau, mẹ tôi chẳng cần phải may áo mới cho chúng tôi nữa, vì chị Hồng thỉnh thoảng lại gửi về một ít quần áo cũ cho chúng tôi tiếp thu. Trong số quần áo cũ ấy, có hai cái còn mới nhất. Chị Sáu chọn cái áo màu đỏ; tôi mặc vừa cái áo màu xanh. Hai chị em, mỗi khi đi phố, đi chợ, đều diện hai cái áo đẹp nhất của mình, kệ cho thiên hạ, bạn bè chỉ trích. Nào là màu sắc chửi nhau; nào là “người trong tranh”; nào

là bất chấp thời tiết, v.v. Chúng tôi vẫn giữ vững lập trường “mục trung vô nhân” và cũng không cần biết đến cả xuân, hạ, thu, đông.

Kể từ ngày mẹ giao tiền chợ cho chị Sáu giữ, chị không còn khổ tâm về áo quần nữa. Chị tự sắm cho chị rất nhiều áo quần đẹp, nhưng lại cứ nói dối là của bạn bè, bà con ở xa gửi về cho, thành ra mẹ không rầy được, mà chúng tôi cũng không thể phân bì được. Tôi trông mong chị cao lớn thêm lên, hay béo ra một chút, để rơi rớt cho tôi vài cái. Nhưng rủi quá, người chị bé nhỏ, lùn thấp hơn tôi nhiều và lòng dạ chị lại sắt đá nữa, nên tôi không hề gạ gẫm gì được cả.

Tôi biết rõ tính mẹ tôi, có tiền chỉ để cho người khác tiêu dùng một cách phí phạm, còn mình và con cái phải hết sức kham khổ. Có lẽ mẹ tôi cũng chẳng có cái áo nào ra hôn. Sau này, lúc tôi bị ném ra ngoài đời, tranh đấu cho cuộc sống của mình, tôi cố dành dụm ít tiền. Mỗi lần cuối năm, tôi mua gửi cho mẹ tôi mười cái áo gấm Thượng Hải. Tôi nghĩ rằng trong mười áo ấy, bà sẽ cho, tặng, bán hay gì đi nữa, nhiều lắm là chín cái thôi. Ít nhất cũng phải để lại một cái tự may cho mình. Và như thế là tôi thỏa mãn rồi. Ngày mẹ tôi bị bệnh trầm trọng, tôi ở xa về, cũng không quên mang theo mười áo gấm nữa cho mẹ tôi. Lúc mẹ tôi mất, tôi soát lại tủ áo để tìm đồ liệm theo, thì thấy chẳng có

*một chiếc áo nào may bằng thứ gấm Thượng Hải tôi đã gửi về biếu mẹ.*

*Một người bạn trẻ nói với tôi:*

*- Chị Hoa, cuộc đời chị thế là hết rồi! Không còn hy vọng gì nữa hết! Không còn tương lai gì nữa hết! Không còn mơ gì được nữa hết!*

*Hừ, lão đến thế thì thôi! Hẳn biết tôi thất bại về hôn nhân; tôi về nước vì mẹ, mà đến nơi thì mẹ mất; đúng là một sự thất vọng lớn lao. Nhưng đâu đã đến nỗi không còn gì để mơ!*

*Sau khi chôn mẹ bên cạnh mộ cha xong, tôi trở lại Hương Cảng làm việc. Và từ bấy giờ, dù có thừa tiền để sắm nhiều quần áo đẹp, tôi cũng không còn thấy hứng thú gì nữa, không làm sao còn cái cảm giác say mê nông nản như khi len lén mở rương vuốt ve cái áo xa tanh hồng đầu tiên, thuở mười hai.*

*Tôi còn nhớ, sau ngày ông nội tôi mất, ba tôi thường hay nhắc đi nhắc lại mãi với chúng tôi:*

*- Khi con cái còn nhỏ dại, chúng nó chưa đủ hiểu nên hay oán trách cha mẹ cấm đoán điều này điều nọ. Lớn lên, có gia đình, sinh con rồi mới hiểu lòng cha mẹ; lúc ấy muốn báo ân cho kẻ sinh dưỡng mình, thì cha mẹ đã không còn ở trên đời nữa!*

*Ba tôi mỗi lần nói thế, bao giờ cũng không dần được hai giọt nước mắt rưng rưng.*

*Còn tôi, sau này mỗi lúc đi phố, nhìn những hàng*

*gấm màu sắc u nhã, dệt hoa long, phụng hay chữ phúc, chữ thọ rất đẹp, tôi lại như người lên cơn say, cố mua cho bằng được. Nhưng sau khi mua rồi, mới ngẩn người ra, chợt nhớ mẹ còn đâu, mua áo gấm để gửi cho ai!*

(Trích từ tập truyện *Tàu ngựa cũ*)



# MAI THẢO

**Đ**ây là đoạn văn trích từ một thiên truyện ngắn. Đoạn văn nói về một đứa trẻ bấm cái chuông trước cửa một ngôi nhà lạ:

“Tiếng chuông vang lên, âm thanh mang hình ảnh một đường chỉ thẳng vút truyền đi, thật sâu và thật xa vào một phía bên trong thăm thẳm, ở đó là một im lặng lớn nằm giữa một lắng đọng đầy. Tiếng chuông vang lên, chìm dần rồi mất hẳn.” (“Những tấm hình của chị Thời”).

Và đây là đoạn văn khác lấy từ một cuốn truyện dài.

“Chủ nhật. Buổi sáng hồng tươi hứa hẹn một ngày đẹp trời. Chủ nhật. Trường đóng cửa. Sách vở buông tha người. Chủ nhật, bảy ngày một lần, một cái hội nhỏ, chứa đựng một bình sung sướng hồn nhiên đầy ắp, kéo dài đủ hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Những cuộc đời học trò tới chủ nhật vui là mặc áo mới. Đi ăn sáng ở tiệm. Vào rạp chiếu bóng xem phim

chường. Đạo chơi trong sở thú. Chủ nhật. Cuộc đời học trò nào cũng có một chương trình hồng. Xa là Vũng tàu. Tắm nắng. Tắm biển. Minh trần, lặn trong sóng nước Bãi Sau. Đâu trần, dạo trên cát vàng Bãi Trước.” (*Cửa trường phía bên ngoài*).

Ai này đều dễ dàng nhận thấy văn viết truyện của Mai Thảo không giống lời văn ở hầu hết các truyện ngắn truyện dài của... thiên hạ. Văn tiểu thuyết dù không đến nỗi vô nghĩa, nó cũng không phải là thứ văn cầu kỳ trau chuốt. Tiểu thuyết không phải chỗ chơi... văn. Ai muốn trở tài văn chương, hãy đi chỗ khác mà phô. Hãy đi làm thơ, làm phú; hãy đi viết tùy bút chẳng hạn... A! Chúng ta vừa động đến một khía cạnh tài năng của Mai Thảo: tức thơ và tùy bút.

Những đoạn vừa trích dẫn đều có chung một tính cách: giọng văn có cá tính mạnh mẽ, mang một dấu ấn, một bản sắc riêng. Lúc nhấn mạnh vào chỗ này, lúc ba hoa ríu rít về chuyện nọ: người viết tùy bút không ngại mang cả cái chủ quan của mình vào tác phẩm. Những đoạn văn nọ mang văn phong tùy bút.

Tiểu thuyết gia thường không cần làm thế. Họ không hay hoa chân múa tay trong truyện. Thậm chí, họ không cần xuất hiện, chường mặt ra trong truyện. Cho nên cái hoa hòè, cái chủ quan, cái cá tính trong câu văn tiểu thuyết Mai Thảo là cái bất thường.

Nói vậy không hề có ý nói Mai Thảo viết tiểu thuyết... sai. Các thể loại văn chương không có luật lệ nghiêm minh, cứng nhắc nào. Không có ranh giới

phân biệt minh bạch bất di bất dịch. Ông Mai Thảo, khi ông mang hơi văn tùy bút vào truyện ông không làm điều gì quấy, không làm gì nên tội; ông chỉ làm phong phú thêm bộ môn tiểu thuyết, thêm cho nó một dạng cách. Riêng về phần ông, đặc điểm ấy cũng mang lại cho ông một lợi thế trong sự đua chen giữa “trăm hoa” trong rừng tiểu thuyết nhật trình lúc bấy giờ. Nó làm cho truyện ông có nét riêng, so với truyện của bao nhiêu đồng nghiệp khác: Bình Nguyên Lộc, Lê Hằng, bà Tùng Long, Duyên Anh, Thanh Nam, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nhã Ca, Văn Quang, v.v.

Dem cái sở trường về tùy bút của mình vào truyện, Mai Thảo đem theo cả cái hay lẫn cái dở. Cũng phải thôi.

Hay, chẳng hạn khi người vợ trở về, sau những ngày giận hờn bỏ chồng con, bỏ nhà ra đi:

“Dung bước qua cánh cổng. Một bầu không khí ẩm áp vây bọc lấy nàng và một cảnh tượng muôn vàn quen thuộc hiện ra trước trông mắt Dung còn ngẩn lẹ. Nàng đi qua những thảm cỏ ánh sáng dưới nắng. Từng ngọn cỏ như vươn lên, nói cái tiếng nói xanh biếc, óng mượt của cỏ, nghìn ngọn cỏ nói cùng một lượt, cỏ mời chào Dung bỏ đi Dung đã trở về. Dung bước lên bậc thềm. Thềm đang im lìm, chợt thềm xao động. Thềm từng bậc, từng bậc gọi nhau cùng nói. Nói cái tiếng vang vang, rộn rã của thềm.

Là chào Dung. Dung đã trở về, và cỏ hết buồn, nhà hết vắng, nhà vui như thuở trước. Cánh cửa mở ra. Phòng khách đầy rồi. Phòng ăn gấp lại. Dung vào, mang theo vào sự sống. Dung đã trở về, và những cái ghế bành, những tấm rèm cửa chiếc dương cầm kê ở một góc, cái máy truyền hình trên cái đầu thấp, tấm thảm dưới chân, trần vôi trên đầu, hết thảy đều thức dậy, truyền đi cái tin vui đột ngột là bà chủ khả ái, bà chủ hiền hậu của chúng ta đã trở về.” (*Cửa trường phía bên ngoài*)

Vâng, không khỏi có người bảo là cái viết khí dễ dãi, lỏng ý. – Ấy! tùy nơi tùy cảnh, không nên đòi hỏi nhiều quá. Trong loại truyện này, những truyện viết liên miên mỗi ngày, nó có cái giới hạn của nó, ở phía người viết cũng như phía người đọc. Hãy nên thông cảm. Hãy nghiệm xem: có bao nhiêu tác giả viết truyện bấy giờ nghe được những tiếng gọi nhau của các bậc thêm, từng bậc từng bậc đang im lìm bỗng xao động gọi nhau vang vang rộn rã? Có bao nhiêu tác giả trông thấy được, bắt gặp được cái “thức giấc” của trần vôi trên đầu của tấm thảm dưới chân lúc bà chủ trở về? Và lại, này! Lúc bấy giờ không phải chỉ có cỏ nghìn ngọn nó mừng, chỉ có thảm mừng trần mừng, bậc thêm mừng, rèm cửa ghế bành ghế đầu... mừng mà thôi đâu. Lúc bấy giờ câu văn của người tác giả đặc biệt nhạy cảm, đặc biệt nồng nhiệt này nó cũng tíu tíu rộn ràng lên, nó hơn hởi rõ ràng khác thường, thấy không? Câu văn nó như muốn nhảy

cơn lên, thấy không? Văn tiểu thuyết đâu có thú văn như thế. Ông Mai Thảo tùy bút gia, ông ta du nhập cái giọng chủ quan vào đây: Hay ho quá chứ!

Lúc khác, không phải là một riu rít mừng vui, mà là cảnh tan tác sững sờ. Ông cũng lại rất hay ho.

Truyện là truyện “Cửa sau” trích tuyển sau đây. Chàng và nàng gặp nhau trên một chuyến xe đò từ miền Tây về Sài gòn. Họ yêu nhau, họ gần gũi nhau hẳn. Những chiều tình nhân, những đêm vợ chồng. Nhưng nàng vẫn chưa chịu bằng lòng, nàng đòi chàng đi thêm một bước nữa. Chàng ngần ngại, nàng buồn lòng giận dỗi. Một đêm khuya, ba giờ sáng, nàng đến. Mọi đêm nàng vẫn đến về đêm như thế, họ chưa thuộc hẳn về nhau. Nhưng thường thường nàng đến sớm hơn, lúc chàng chưa về nhà, hoặc chưa lên giường. Lần này, nàng hơi muộn, chàng đã ngủ. Nàng đứng nhìn: “Chàng đang ngủ. Thật say. Nàng đến và chàng không hay biết gì hết. Trên mặt đệm phẳng phiu chàng nằm nghiêng, quay mặt vào tường, một cánh tay hơi co lên bàn tay hững hờ trong không khí, chàng thở liên tục đều hòa. Lần đầu tiên, nàng ngó thấy chàng ngủ, như thế này, một mình dưới ánh đèn, trong khi nàng đứng đó, cái bóng in nghiêng lên một vì tường và cũng là lần đầu tiên, nàng bàng hoàng vì thấy chàng xa lạ, chàng xa lạ quá chừng, chàng hoàn toàn xa lạ, như nàng mới thấy chàng lần đầu và không hay biết gì về chàng hết. Không, chàng không thuộc về nàng. Chẳng bao giờ

như thế hết. Hơi thở đều hòa kia, những sợi tóc bỏ lan trên gáy, cánh tay và thân thể và da thịt kia không bao giờ thuộc về nàng. Hiện hữu chói chang và bất động với ánh đèn ấy dội đập vào nhận thức thăng thốt của nàng sự cách biệt và riêng tây một đời của nó. Một đời. Đời nàng và đời chàng nàng hằng nghĩ tới bằng nước mắt, bằng tiếng cười, bằng ái ân hoan lạc nồng nàn, bằng những xâu chuỗi thơ mộng triển miên đắm đuối, như một hòa nhập lý tưởng và tận cùng không chống cưỡng được của định mệnh, hòa nhập đó chỉ là hư ngụy và ảo tưởng, nàng và chàng chỉ là hai bờ lưng tiếp giáp, gần gũi đó nhưng sự kế liên đã mang hình ảnh và ý nghĩa của muôn trùng và nghìn dặm cách chia nhau?”

Sự trích dẫn dừng lại ở đây, nhưng Mai Thảo đâu chịu dừng! Cái cảm xúc nơi ông nó dạt dào, nó còn tuôn ra miên man nhiều trang như thế. Truyện mà vậy sao? Thơ đó. Chính Xuân Diệu đã từng có bài thơ nổi tiếng về cái cách biệt trong gần gũi này:

“Ta thấy gì đâu sau sắc yêu kiều  
 Mà ta riết giữa đôi tay thất vọng.  
 Dầu tin tưởng: chung một đời, một mộng,  
 Em là em; anh vẫn cứ là anh.  
 Có thể nào qua Vạn lý trường thành  
 Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.”  
 (“Xa cách”)

Xuân Diệu vẫn là một tâm hồn sôi nổi; nhưng Mai Thảo đâu kém dạt dào? Cái bất khả thấu đạt, cái

riêng tư im ỉm của mỗi con người, đột ngột dựng lên sờ sờ trước mắt. Và Mai Thảo tràn lan, tha hồ tràn lan. Cảm xúc ông tuôn trào dồn dập.

Cái thu hút của ông ở đó, mà cái thất thố của ông lâu lâu cũng lại xảy ra giữa những cao hứng như thế. Trong say sưa, người ta lắm khi không làm chủ được cây bút, nó múa may quá đà. Ngay ở những trích dẫn mấy trang trước chúng ta đã thấy nào là một im lặng lớn nằm giữa một lắng đọng đây, nào chủ nhật là một cái hội nhỏ chứa đựng một bình sung sướng hỗn nhiên đầy ắp. Rồi lại một hôm thức giấc sớm “trước dựng mặt trời hồng”, lại “vui như hát và hồng như múa”, v.v. Khi cơn hứng đã hạ, cái say sưa đã qua, một tác giả bình tâm đối diện với một bình sung sướng, dù đầy ắp dù không đầy ắp, vẫn thấy nó trông kỳ cục thôi. Khi không phải diễn đạt những ý tưởng thực sự cao xa bí hiểm, thiết tưởng chẳng cần vận dụng đến những cách nói quá rắc rối cầu kỳ. Nghe cứ như “dọa dẫm” thiên hạ!

Cái hay và cái không hay trong văn phong tùy bút của Mai Thảo sẽ được tìm hiểu ở phần viết về tùy bút. Ở đây bắt tắt đông dài.

Về truyện, Mai Thảo viết nhiều truyện dài hơn truyện ngắn. Truyện ngắn, có khi ông kể là 5 cuốn (tạp chí *Ngày Nay*, Kansas, Hoa Kỳ, số 21), có khi kể là 7 cuốn (*Những truyện ngắn hay nhất của quê*

*hương chúng ta*), có khi (tạp chí *Hợp Lưu*, California, Hoa Kỳ, số 16) kể đến 9 cuốn. Dù sao, cả truyện ngắn và tùy bút cộng lại, số tác phẩm xuất bản chỉ bằng một phần ba số truyện dài.

Về nội dung, số ít hình như quan trọng hơn số nhiều. Ở các truyện ngắn (và tùy bút) người ta gặp các đề tài liên hệ đến chí hướng, hoài bão, cảm nghĩ, thân thế, hoài niệm, ước mơ... của tác giả. Truyện dài không có thế. Người đọc có cảm tưởng truyện ngắn ông viết vì mình, truyện dài viết cho người. Truyện ngắn để ngôn chí, để giải bày tâm sự, để phô bày thỏa thuê các ngón tài nghệ tân kỳ. Truyện dài để thu hút quần chúng, thỏa mãn nhu cầu thị trường: Để bán.

Ở Mai Thảo, cái cảm nhận xuất sắc hơn cái suy tưởng. Do đó ở những truyện kể về tâm sự bi thương (“Những tấm hình của chị Thời”), nhân cách khả kính (“Người thầy cũ”), về cái oái ăm trong một cuộc tình (“Cửa sau”), về những cảnh đời đau thương (“Luân”, “Người đàn bà trong vòng đai trắng”), v.v., cảm xúc dồi dào và nhiệt tình sôi nổi của tác giả thường lay động được độc giả. Trong khi ấy ở những thiên truyện ngắn (cũng như tùy bút) chất chứa tư tưởng suy luận (những truyện như “Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời” chẳng hạn) thì phần lớn là... ba hoa thiên địa.

Còn truyện dài... Hãy lấy một nhận xét của Bùi Vĩnh Phúc: “Truyện dài của Mai Thảo, dù sao, nhìn

ở một góc độ khách quan và thành thật nhất, vẫn không có một “chiều sâu” tư tưởng nào”... (*Hợp Lưu* số 16).

Quả có thể. Và lại loại tân văn tiểu thuyết cũng chẳng đòi hỏi tư tưởng cao sâu gì. Đề tài đại khái: hoặc là thói đua đòi ở đô thị: cái tóc cái tai, phấn son quần áo, đi Nhật đi Tây sửa mũi sửa mắt (*Thời thượng*); hoặc chuyện gái nghèo ham tiền ham vui, bị phỉnh gạt đến tan tác đời hoa thân tàn ma dại (*Sau giờ giới nghiêm*); hoặc vợ chồng mà bỏ nhau, gia đình mà tan vỡ thì con cái sẽ lâm cảnh thảm thương (*Cửa trường phía bên ngoài*); hoặc ở đời thảnh thơi có những gặp gỡ choáng váng, có những mối tình bất ngờ mà mê ly mà long lở (*Mười đêm ngà ngọc*)...

A! Trường hợp này đáng cho ta dừng lại một lát. Nó như là một tiểu thuyết luận đề của Mai Thảo. Trước khi bắt vào truyện, ông có lời trình trọng. “Lời vào tập” trình trọng như một tuyên ngôn: “Khi tình yêu có, lập tức cũng là lúc những sức mạnh phản chống tình yêu nổi dậy cản đường và đánh phá”, v.v. và v.v.

Có chuyện gì quan trọng xảy ra vậy cả? – Một vụ ngoại tình. Châu và Vinh lấy nhau theo sự xếp đặt của gia đình, sống bên nhau đã lâu mà không yêu nhau. Nguyên và Tần cũng thế, nhưng cặp này có với nhau bốn con. Cả hai cặp sống bình lặng, nhạt nhẽo, nhưng không hề có sóng gió nào. Bỗng Châu gặp Nguyên, người vợ của cặp này gặp người chồng của

cặp kia. Và họ yêu nhau, họ lẫn xả vào nhau hưởng mười đêm ngà ngọc; trong khi chồng người này vừa gặp tai nạn đang nằm bệnh viện và vợ người kia bận bịu với bốn con để chồng đi... nghỉ mát.

Sự tình như vậy, giải quyết cách nào đây? – Chàng thì cương quyết bỏ vợ bỏ con, đuổi theo tình yêu. Nàng ngần ngại, rút lui.

Bởi thế mới có tuyên ngôn. Tác giả lớn tiếng mắng “những sức mạnh phản chống tình yêu”. Tức là lòng thù ghét của một xã hội “nhỏ nhen tàn ác”, là thái độ “dễ dàng và hèn dõn”, “co quắp mà nhọt nhọt”, “yếu hèn do dự”, “khiếp sợ”, “đầu hàng định mệnh”. Khi tình yêu gõ cửa, những sức phản chống ấy xúm lại cản ngăn, không cho con người “bay lên trời cao, ca hát giữa vùng ánh sáng”. Bởi thế, tác giả mới ra tay viết sách *Mười đêm ngà ngọc*.

Đây không phải chỗ rao giảng những câu luân lý rẻ tiền. Tác giả biết cả. Ngoài những khi ông bốc lên nói huyền thiên; lúc bình thường ông biết cả. Ông là người nêu ra bao nhiêu tai họa mà con trẻ phải chịu khi cha mẹ bỏ nhau. Trong cuốn *Cửa trường phía bên ngoài*:

- Mới thoáng nghe cái tin cha mẹ tính ly dị, bé “Đại thở hết được, cảng chân chột run rẩy, phải tựa vào lưng tường” (trang 33).

- Lúc chị nó theo mẹ, bỏ nhà ra đi: “Hai mươi bốn tiếng đồng hồ vừa qua là một đội đập bâng hoàng, thảng thốt” (trang 63). Tất nhiên, không có cuộc ly

dị nào chỉ kéo dài hăm bốn tiếng. Còn bao nhiêu đội đập bâng hoàng, thảng thốt nữa?

Ở đây chỉ là hai đứa trẻ trên mười tuổi. Vợ chồng Nguyên có đến bốn đứa nhe nhóc.

Vấn đề ở đây có phải là xã hội tàn ác đón hèn, là con người khiếp sợ nhọt nhọt đầu? Là chuyện lương tâm thôi. Người đàn bà có nhẫn tâm bỏ người chồng lâm nạn trong bệnh viện, người đàn ông có nhẫn tâm bỏ vợ và đàn con vô tội để ôm bồ mà bay lên trời cao, ca hát giữa vùng ánh sáng không. Chỉ có thế. Việc gì đến nỗi phải mắng cả xã hội lẫn tội hèn nhất không dám bỏ vợ con?

Và lại, một khi nguyên tắc yêu-đương-trên-hết đã đặt ra thì sau cuộc tình này tiếp cuộc tình khác, con người không tự chế, xã hội rồi ren biết bao. Ai dám chắc Châu Nguyên sau khi cặp nhau, có một vài mụn con, chàng không gặp một mối tình nữa, nàng không gặp một mối tình khác nữa: mỗi đảng lại bay cao và ca hát một phương, bỏ lại vài đứa trẻ khốn khổ nữa. Sau đó, ai ngăn cấm được những gặp gỡ khác, tình yêu khác: và lại bay cao lại ca hát, bỏ lại những đứa trẻ khác cẳng chân run rẩy với những đội đập bâng hoàng? Phía sau lưng những kẻ “dũng cảm dám nắm chặt tay nhau cùng lên đường” là một xã hội khốn đốn, chứ đâu phải xã hội tàn ác?

“Anh đánh thì tôi chịu đòn

Tính tôi hoa nguyệt mười con không thừa”.

(Ca dao)

Mỗi lần tình yêu gõ cửa (gõ cửa lung tung bừa bãi vẫn là “tính” nó), lại mỗi lần bay cao ca hát, thì số phận của cái gọi là gia đình (tức nền móng của xã hội) số phận của nó mong manh biết chừng nào!

Sự thực không có sách *Mười đêm...*, không có tuyên ngôn hùng hổ, ngoài đời vẫn không hề thiếu kẻ bỏ vợ bỏ chồng bỏ con mà bay mà hát. Từ lâu đã có những câu: “Thầy thiếp là thầy thiếp ơi

Nay chuông mai trống cho tôi động lòng

Bốn con tôi bỏ cho chồng

Tôi theo thầy thiếp cực lòng tôi thay”.

(Ca dao)

hay “Con tim có những lý lẽ mà lý trí không biết tới”, v.v.

Khi mê nhau, người ta mù quáng, điên rồ. Xã hội “tàn ác đốn hèn” vẫn biết chuyện ấy, dĩ nhiên không tán thưởng, nhưng khi nói đến vẫn có lời thông cảm. Xã hội có biết khi hành động như thế người trong cuộc rất “cực lòng”. Phải hành động như thế là bất đắc dĩ, là vì mù quáng. Nhưng mù quáng điên rồ là người trong cuộc; chứ ở ngoại cuộc, kẻ tỉnh táo sao có thể đang tâm làm thầy giúi xúi chuyện nhẩn tâm hưởng lạc? Xúi dục mà đồng dục, hùng hổ như quát tháo, như hô hào một cuộc cách mạng xã hội. Như kế nghiệp Nhất Linh, lấy truyện luận để đánh phá xã hội, một xã hội tàn ác trấn áp con người. Như thể Châu tiếp tay Loan, như truyện *Mười đêm...* là truyện *Hậu Đoạn tuyệt!*

Cánh thầy trò của Clinton có thể âm thầm làm những chuyện động trời, bay cao và ca hát tung bừng; nhưng giữa xã hội Mỹ cuối thế kỷ này, họ vẫn không dám công nhiên kêu gọi đánh phá nền tảng gia đình mạnh mẽ đến thế. Họ còn sợ cái nhãn hiệu *liberal*. Ở ta trước đây đôi ba chục năm, lại “vươn phóng” dữ vậy sao?

Thực ra, chắc chắn trong tư tưởng, Mai Thảo không có gì quá khích, cách mạng cách miếc gì. Ông không phải là người của tư tưởng. Chẳng qua ông vốn sôi nổi, sự phát biểu thường khi cực đoan. Như thế cái viết của ông thường có lửa; thỉnh thoảng lửa nháng lên, bốc lên, quá đà, gây thiệt hại. Không lớn đâu. Không nên lấy làm quan trọng.

10/1996

# CỬA SAU

12 giờ đêm

Chàng yêu nhất là hình dáng lay động thấp thoáng của những chùm lá, dấu vết duy nhất còn lại của đời sống trên một vùng bao la mênh mông nín thinh, khi con đường khuất nẻo sau chợ Phú Nhuận đó, lúc chàng trở về, chỉ còn là một mặt nhựa khép kín nằm với đêm, giữa hai dãy nhà thấp đã tắt ngấm đèn lửa và đóng chặt mọi cánh cửa. Đêm. Đêm trong vắt, đêm lững lờ, đêm như một con mắt đăm đăm sát gấn và phóng lớn đến vô tận, đêm của một thứ đêm riêng, đêm của riêng chàng, vừa bắt đầu, lúc này, lúc này chàng đã trở về. Chiếc taxi đậu lại cách nhà chàng một quãng xa, đèn pha lóe lên, vệt ánh sáng xoay tròn về một hướng đối nghịch chàng đứng lặng nhìn chiếc xe trở đầu và mất hút. Trí nhớ, tan loãng, nhận chìm theo nó mờ ghi nhận chập chờn đeo bám hững hờ vào thần trí lãnh đãng suốt dọc đường trở về, ngồi thu mình trong một góc xe và ném một cái nhìn gấn như e sợ bàng hoàng ra cảnh vật chung quanh. Đêm chỉ còn chàng với nó, thành phố buông màn không còn gì đáng thấy,

chàng bàng hoàng e sợ là vì thế, suốt một ngày chàng nhòa vào đám đông, lẫn vào tiếng động, chàng không có, nhưng đêm tối, và bóng hình chàng hiện lên và đêm là một tấm gương, nó dồn đuổi chàng suốt một ngày chạy trốn ở những vùng ngoài nó tới trước nó, và như thế, không bao giờ lẫn tránh được. Trí nhớ nhòe. Người tài xế nào? Mỗi đêm một người tài xế khác. Trí nhớ trùng. Chiếc xe nào? Mỗi đêm một số xe một đời xe khác. Cái gáy y sần sùi, những ngón tay y đặt trên vành bánh, một khuôn mặt mơ hồ và trông nghiêng, lữ cây cối lữ lượt lùi ngược, lối vào một nghĩa trang im lìm với những hành thập tự mờ sương sau cánh cổng sắt, rồi con đường nhỏ lại, sự thu hẹp bất chợt của hai bờ án ngữ tầm mắt đánh thức chàng khỏi sự mơ màng bất động, chàng đã về gần đến nhà, và một đêm mới, một đêm riêng đã bắt đầu, và chàng chỉ còn nhớ được có thể, trước sự nhớ ra mới, nhớ ra chàng đã lại đứng trước hình bóng lay động của những chùm lá nơi đầu con ngõ tối đen. Đứng sững. Rồi đôi chân khởi sự bước. Qua một đồng rác, dưới những chùm lá. Khoảng khắc, chàng không thấy mình đâu nữa. Cái ngõ tối thăm hút lấy chàng như một cửa hầm. Nghe thấy tiếng giấy dọi lên trong một âm thanh kỳ lạ. Ngửi thoảng thấy trong không khí, hương của một loài hoa đêm. Tôi đã đi hết con ngõ như một vô định mù lòa. Đến cuối ngõ là vùng ánh sáng cuối cùng và đôi chân tôi dừng bước lại. Tôi đã trở về. Với căn nhà của tôi,

*cái thế giới ấy của bắt đầu một đêm riêng tôi đối diện hoàn toàn với nó.*

*Tiếng khóa. Tách. Cánh cửa hé mở. Chàng đã lọt vào bên trong, và đêm trong nhà cũng sáng lên bằng một thứ ánh sáng riêng. Ngọn đèn treo lưng chừng và chính giữa căn phòng khách. Chàng ném mình xuống chiếc ghế bành ôm lấy thân xác mỗi mệt, hai chân duỗi dài, đầu ngả vào thành ghế, và trong căn nhà này, trên cái ghế bành này, dưới làn ánh sáng lạnh lẽo, chàng dần dần tìm lại được chàng. Trí nhớ sắp xếp lại từ một tia hồng của mặt trời rụng xuống bên kia đường sau một giờ mái cao. Như thường lệ, chàng ra khỏi nhà đã muộn. Gió đã mát từ ngoài đầu ngõ, nhưng chàng đã bỏ lại căn nhà nóng bỏng như một lò lửa. Dừng lại trước một sạp báo đầu phố, chàng ném tiền mua mấy tờ báo nhật báo cuộn tròn lại, và bước lên một chiếc cyclo. Người phu xe quen, y biết chàng ngày nào cũng ra đi vào giờ này, chàng đến đâu y cũng biết trước. Thành phố nhạt nắng. Bánh xe trườn lăn nhẹ nhàng đưa chàng qua những con đường nhộn nhịp, những ngã tư xe cộ nghen ứ, chàng ngồi ngả người để mặc cho chiếc xe hàng ngày đón đưa quen thuộc chở chàng đến nơi chiều nào chàng cũng tới đó.*

*Đó là một tiệm ăn. Một tiệm ăn nằm dưới chân một cây cầu xi-măng vắt qua dòng sông ở khúc sông ôm vòng lấy thành phố như một cánh tay âu yếm. Từ ngày hai người gặp nhau, chàng đã chọn nơi chốn nhất định này để chờ đợi nàng. Bàn chàng ngồi kê*

gần một khung cửa sổ có những chùm hoa đỏ chói rủ xuống, những chùm hoa thật mùa hè, nổi bật lên nền xanh thắm bao la của trời chiều, mỗi cánh hoa, có một vẻ đẹp bất thường không yên tâm do nơi buông rủ rớt đọng lưng chừng của hoa, và qua những cánh đỏ như từng điểm tựa cho tầm mắt, chàng thu được vào cái nhìn toàn vẹn cái hiện tượng phơi phới rực rỡ là dòng sông trước mặt chảy qua. Những buổi chiều yên tĩnh hơn những buổi chiều khác, gió từ bãi thấp vượt qua những chân cầu và con đường thoai thoải đổ dốc phả đến tai chàng nhịp điệu luân lưu rì rào của nước xuôi dòng, âm thanh vẩn vương ôm ấp triển miên không dứt của nước gợn gợn sóng sánh vào bờ cỏ chàng không nhìn thấy được từ chỗ ngồi. Thời gian đợi chờ, như nước của dòng sông trước mặt, trôi chảy êm đềm, hòa hợp với sự đợi chờ của chàng thư thái và bình yên. Nàng có thể đến chậm. Dăm, mười phút. Nhưng chưa lần nào nàng không tới. Nàng bảo chàng tình yêu là không lỗi hẹn bao giờ, lời này, nàng nói, bằng một giọng thật nghiêm trọng, chàng nghe, mỉm cười và nín thinh. Cuộn tròn mấy tờ báo trong tay, chàng lững thững đi vào tiệm ăn vắng người, và phải mất công một chút trong sắp đặt thể ngồi làm sao cho nàng có thể nhìn thấy chàng từ xa, khi nàng từ phía bên kia bờ sông đi qua. Tà áo bay múa trong gió chiều, nàng đến. Cái bóng dáng thanh thoát trên cây cầu cao cắt vạch lên nền trời, nàng tới. Những chùm hoa đỏ màu đỏ chói chang của mùa hè, chỗ ngồi gần cửa sổ,

trước cái khăn trải bàn trắng phau tinh khiết không một vết bẩn, bãi cỏ xanh non thoải thoải đổ xuống một dòng sông với những sóng nắng trùng trùng gợn gợn, nụ cười sung sướng của nàng khi hai người nhìn thấy nhau, tiếng chân nàng bước êm ở sau lưng khi một cánh cửa vừa mở ra và đóng lại; cảm giác ấm áp tỏa ra khắp cùng thân thể, khi từ phía sau, bàn tay nàng đặt nhẹ lên vai, đó là buổi chiều của chàng, hạnh phúc duy nhất của chàng, với riêng nó, chàng được sống và không suy nghĩ. Chàng thường theo dõi từng bước một, khi nàng từ bên kia cây cầu hiện ra và đi sang. Lúc nàng kéo ghế ngồi xuống trước mặt chàng, chàng cũng ít nói như lúc nàng chưa tới, như lúc nàng lớn dần, rõ dần, đẹp dần và thực dần trước tầm mắt trên cây cầu chàng nhìn từ dưới thấp nhìn lên. Cảnh trí tiểu thiết. Không khí hoang đường, thơm tho, ngọt ngào và im lặng lớn. Phải thế là tình yêu? Cái đang có và đang mất, đang tới và đang qua, một buổi trưa dịu dịu trong ca dao, niềm rung rung của một giọt nắng vàng, nổi hắt hiu của một màn mưa thoáng? Suốt một đời người, như mọi người, chàng đi tìm kiếm tình yêu, như đi tìm màu đen thăm thẳm kỳ lạ của một đài hoa khép kín, lối đi nhỏ chưa khám phá ẩn chìm dưới cỏ hoang ngút ngàn một cánh rừng vĩ đại, điểm lân tinh sáng muôn đời nơi rốn biển mịt mù, sự rung động không phải chỉ nơi của trái tim, mà phía bên trong kia của cánh cửa đóng kín, căn phòng thơm hương của một thạch động ngoài đời và bí mật. Riêng tây, không

phân giải được, nhịp vờn đầy dịu dàng, sự lãng quên thần thánh, một búp ngà muốt trên làn mi rủ xuống, ngời với nhau không nói, gần gũi đấy nhưng một đời xa vắng, đó là tình yêu, trạng thái trong vắt và khoan thai của sự chết trong huy hoàng rực rỡ tỏa lan bao trùm và chiếm sự dần dần. Chàng yêu như thế, sự rớt động lòng chừng đầy hoài nghi của chùm hoa đỏ treo hẫng trước khung cửa có dòng sông vàng nắng chảy qua, một chiều nào và câu trả lời là buổi chiều nay, một nơi chốn nào và câu trả lời là chỗ này, khăn bàn trắng muốt, không khí động hồ chạm nhẹ vào làn khói thuốc như một tơ chỉ trắng vút, chùm hoa đỏ này và khung cửa sổ này, nơi chàng vượt hết một phần thành phố tới đây, ngời đợi chờ nàng hiển hiện trên cây cầu và từ từ đi tới. Chỗ này. Chỗ này. Và không thể ở một nơi chốn nào khác. Chiều nào, chàng cũng muốn giữ nàng ở lại đây với chàng thật lâu, mãi mãi, cùng nhìn buổi chiều xuống trên bãi cỏ thắm mầu đầy dòng sông xa và sâu hơn, cho tới khi những vì sao thứ nhất mọc lên, cho tới khi những hình thù gần gũi cũng nhạt nhòa cùng bóng tối, cho tới khi chung quanh đã trở nên hoàn toàn xa lạ, khi đó chàng tận hưởng một im lặng kỳ diệu khác thường, và giọt sương hoa kia cũng động dần, động dần thành một giọt lệ hân hoan.

Nhưng mà cuối cùng rồi hai người vẫn phải đứng lên. Và nàng đã tới nhà chàng nhiều lần, nàng đã ăn ở với chàng bao nhiêu lâu, chàng đã là một đường quen một nẻo thuộc với nàng, nàng với chàng cũng

vậy, và nàng không muốn, kéo dài mãi những buổi chiều mơ mộng và lãng quên như thế. Chúng ta phải trở về. Tình yêu phải khác đi. Nó phải là một đũa tối. Anh ngồi với em đây, nhưng tình yêu theo nàng còn phải là đêm nay và buổi sáng ngày mai.

một giờ sáng

Đã một tiếng đồng hồ trôi qua. Rời khỏi cái ghế bành, nơi đêm nào vào tối trong nhà, chàng cũng đến ngồi ở đó một lát, nghe đêm yên tĩnh chung quanh và để cho trí nhớ nhạt nhòa sáng rõ trở lại, chàng đứng lên, đi từ buồng khách vào phần trong của căn nhà. Ngăn chia bởi một bức tường mỏng, phần trong này so với căn phòng khách bỏ lại ở ngoài là một thế giới khác, bé nhỏ, tầm thường và thân mật hơn. Chàng cởi quần áo, vắt trên một thành ghế, chống tay đứng nhìn quanh quất. Đêm mênh mông và đêm đang đi qua. Chàng châm một điếu thuốc hút một hơi thật dài, dụi tàn thuốc nơi cái gạt tàn đặt trên cái bàn gỗ cũ, đã long một chân, nơi mỗi buổi sáng nàng vẫn đứng chải đầu khi chàng còn ngủ thiếp, nàng dậy thật sớm, nàng mở cửa sau và nàng bỏ về lúc nào chàng thường không hay, khi chàng trở dậy, cánh cửa sau mở ngỏ và căn nhà trống không buồn bã. Lúc này, chỉ có mình chàng với căn nhà, và chàng đứng đó, tần ngần, ngó quanh quất. Thủy đều cũ kỹ. Chàng yêu lắm, sự cũ kỹ đó. Cái bàn cũ, tỳ tay xuống, thân rung lên. Mấy cái mắc áo treo trên một hàng dây thép, dưới cái ống

máng kẽm chạy dài mà những ngày mưa lớn, nước xối qua những kẽ thủng ào ào khiến cho nền nhà cũng lênh láng ướt sũng như khoảng sân nhỏ là cái diện tích lộ thiên duy nhất và tận cùng ở phía sau. Nàng vẫn đứng chải đầu ở đây, ngó ngó nghiêng nghiêng trước tấm gương hình chữ nhật, bàn tay nàng lùa đẩy trong mái tóc óng ả, cử chỉ đó thật đẹp, thật đàn bà, thật là của riêng nàng, và chàng quay lại, cũng nhìn chàng, khuôn mặt chàng phản chiếu trong gương. Soi gương, lúc một hai giờ sáng, sau một cơn say và một buổi tối choáng váng trở về, cái nhìn thấy về mình lạ lắm, chàng mở lớn đôi mắt và tự nhủ thầm. Sống mũi, đôi mắt, vầng trán, của ai đây? Ta. Nhìn thêm: sự khẳng định đã trở thành một hoài nghi chớm nhú. Không phải, chàng lại nhủ thầm, nét mặt chàng lạnh lùng đứng đưng không một thoáng gợn lặn chìm của cảm giác, chàng đưa bàn tay lên bịt kín lấy khuôn mặt đàn ông nào đó trong gương, và cúi đầu đi qua một khung cửa thấp, ra khoảng sân sau. Nước lạnh làm chàng tỉnh táo. Chàng nhận chìm thật lâu khuôn mặt trong làn nước mát, nhắm nghiền mắt lại mà nghe thầm cái âm thanh luân lưu dạt dào, nhịp vỗ đẩy mớ hồ không dứt đó của một dòng sông. Khi ngừng đầu lên vòi nước chảy lướt trượt trên người, tự bao giờ, những vì sao đêm đang trầm ngâm ngó xuống. Người đàn ông đứng bất động thật lâu, hai cánh tay duỗi thẳng theo thân, và đêm, đêm mênh mông, đêm lặng lẽ nhìn người. Tôi yêu những cái cúi thủi, những cái hắt hiu, những cái

*nhỏ mọn, những cái chẳng ra sao, những cái chẳng thành hình. Đêm. Đêm. Chàng thở dài thật nhẹ và trở vào nhà tắt đèn đi ngủ.*

ba giờ sáng

*Nàng đến. Nàng đến và kim đồng hồ trên tay nàng chỉ đúng ba giờ sáng. Như thế là nàng đã đến muộn hơn mọi đêm về trước, những đêm trước nàng tới sớm hơn, đôi khi nàng phải ngồi ngoài phòng khách đọc sách, hoặc để đèn sáng trong buồng ngủ, đợi chàng trở về. Đến muộn thế này cũng phải, đêm cuối cùng mà, nàng tự nhủ thầm khi chiếc xe thả nàng xuống sát ngay đầu ngõ. Nàng rảo bước thật nhanh qua con ngõ tối đen, nhưng khác với chàng, đi hết con ngõ, nàng không đứng lại trước cửa vào phía trước, mà men theo hông tường tay mặt, đi vòng về lối cửa sau. Nàng là người duy nhất vào nhà chàng bằng lối cửa sau này. Cửa khóa ở ngoài. Chàng giao chìa khóa cho nàng giữ. Như thế tiện hơn, nàng có thể đến lặng lẽ và tự nhiên, lúc nào cũng được, ngay cả những lúc chàng đi vắng, ban đêm nàng lại không làm phiền bạn chàng nếu như chàng phải mở cửa cho nàng vào từ phía trước, vào bằng cửa sau như thế này hàng xóm xung quanh không hay biết, và sự đi về thầm lên như tạo được một cái gì nồng nàn và đắm thắm hơn nữa cho tình yêu. Nàng vẫn mặc cái áo dài buổi chiều khi nàng đi qua cầu đến gặp chàng ở tiệm ăn bên bờ sông. Nàng vẫn còn buồn bã và tức giận vì những lời nói gay gắt quyết*

liệt hồi chiều vẫn còn vang vang trong đầu óc, và bởi vậy mà nàng đã trở lại, lúc này thì kim đồng hồ trên tay nàng đã chỉ đúng ba giờ sáng. Đèn ngoài phòng khách buồng ngủ đã tắt, nhưng cánh cửa mở ra sân sau vẫn mở và đèn vẫn sáng trong căn nhà bếp. Cái áo, cái quần của chàng vắt trên thành ghế kia. Chàng về từ lúc nào. Nàng xô ghế đứng lên, trong giây phút mất hẳn bình tĩnh, nàng đã lỡ tay hất đổ ly nước vỡ tan trên nền đá hoa, chàng ngồi lại, nín thình trên ghế nhưng sau vài phút nàng bỏ đi rồi, chàng đi đâu, làm gì cho hết buổi tối, chàng về nhà với ai hay chàng về nhà một mình? Phải tìm được ngay, tức khắc, trả lời cho câu hỏi này. Theo một thói quen rất đàn bà, trong bất cứ một trường hợp nào cũng không bỏ được, nàng bước mấy bước và đứng lại nhìn nàng trong tấm gương. Khuôn mặt này của tôi là một khuôn mặt đau đớn, trông mặt trong gương kia là một vùng yêu mê chân thành, và cái ý nghĩ đang hiện hình kia là ý nghĩ về một tan vỡ chừng như thế nào rồi cũng phải xảy đến và nó đã xảy đến đêm nay. Thật không ngờ. Sự tan vỡ dễ dàng và mong chóng thế ư? Nàng chỉ đòi hỏi điều mà người đàn bà nào cũng đòi hỏi ở người yêu sau một cuộc tình dầm thấm đã kéo dài và không thể ở yên trong tình trạng cũ. Chàng muốn gì? Nàng phải hỏi, phải bắt chàng trả lời. Ít nhất cũng một lần. Rồi chỗ đứng của nàng trước tấm gương, nàng mạnh bạo đi lại phía buồng ngủ, mở mạnh cánh cửa và bật đèn.

Nàng định nói thật lớn. Nhưng nàng không nói

được nữa và nàng nhìn. Chàng đang ngủ. Thật say. Nàng đến và chàng không hay biết gì hết. Trên mặt đệm phẳng phiu chàng nằm nghiêng, quay mặt vào tường, một cánh tay hơi co lên bàn tay hững hờ trong không khí, chàng ngủ, bần bật, đoán thấy nét mặt phẳng lặng khép kín, nhịp thở liên tục đều hòa. Lần đầu tiên, nàng ngó thấy chàng ngủ, như thế này, một mình dưới ánh đèn, trong khi nàng đứng đó, cái bóng in nghiêng lên một vì tường và cũng là lần đầu tiên, nàng bàng hoàng vì thấy chàng xa lạ, chàng xa lạ quá chừng, chàng hoàn toàn xa lạ, như nàng mới thấy chàng lần đầu và không hay biết gì về chàng hết. Không, chàng không thuộc về nàng. Chẳng bao giờ như thế hết. Hơi thở đều hòa kia, những sợi tóc bò lan trên gáy, cánh tay và thân thể và da thịt kia không bao giờ thuộc về nàng. Hiện hữu chói chang và bất động với ánh đèn ấy dội dập vào nhận thức thủng thốt của nàng sự cách biệt và riêng tây một đời của nó. Một đời. Đời nàng và đời chàng hằng nghĩ tới bằng nước mắt, bằng tiếng cười, bằng ái ân hoan lạc nồng nàn, bằng những xâu chuỗi mơ mộng triển miên đắm đuối như một hòa nhập lý tưởng và tận cùng không chống cưỡng được của định mệnh, hòa nhập đó chỉ là hư ngụy và ảo tưởng, nàng và chàng chỉ là hai bờ lưng tiếp giáp, gần gụi đó nhưng sự kế liên đã mang hình ảnh và ý nghĩa của muôn trùng và nghìn dặm cách chia nhau? Thế còn kỷ niệm, kỷ niệm của những đêm nàng tới đây, tâm hồn thơm hương, của những buổi

chiều qua cầu gió bay tà áo, chàng ngồi đó đợi chờ  
 nàng dưới chùm hoa đỏ như những trái tim bé nhỏ  
 thắm thiết của mùa hè, dòng sông rực rỡ nắng, bãi cỏ  
 vàng đáng chiều, tâm hồn nàng dào dạt hân hoan, và  
 chàng cũng vậy chứ, bao nhiêu kỷ niệm, làm sao cho  
 hết, bao nhiêu sợi dây hồng quấn quýt, cái bước hoa  
 hương đỏ của kỷ niệm ràng buộc lớp lớp từng từng đã  
 đứt tung từng mắt hay sao? Nàng gặp chàng lần thứ  
 nhất trên một chuyến xe đò từ miền Tây về Sài Gòn.  
 Buổi chiều vàng bụi. Phấn nắng lung linh, lúa đồng  
 dào dạt. Chàng nhìn sang nàng và chàng mỉm cười.  
 Hạnh phúc hé cánh từ một hoài nghi kỳ thú. Tình yêu  
 nổi lên như một dòng sông xanh trên từng bờ kỷ niệm  
 có dần, và nàng với chàng cùng nổi chìm giữa một  
 dòng lướt thướt. Kỷ niệm. Những đêm nàng tới đây,  
 hương của loài hoa đêm đón bước chân nàng nơi mở  
 vào con ngõ tối đen, chiếc chìa khóa chàng giao cho  
 nàng như một bằng chứng của ứng thuận tận cùng,  
 ứng thuận cho nàng được làm chủ, được chia xẻ, được  
 có mặt, nàng mở cánh cửa sau nhà, nàng bước vào  
 trong nhà, ra sân sau rửa mặt dưới vòm trời sao, trở  
 vào thay quần áo. Và một lát sau, nàng đã vén nhẹ cái  
 màn, mặt đêm đón đỡ lấy thân thể nàng nóng dẫy  
 ngã xuống. Chàng tựa mình tỉnh thức, chàng hơi còn  
 buồn ngủ một chút, em đấy ư, bàn tay chàng tìm kiếm  
 và bắt gặp nàng mau chóng trong bóng tối đầy đặc  
 hoa mắt. Nàng trả lời bằng lặn áp vào chàng, tiếng  
 cười của hai người trong thân mật kể liến trợn lẫn rồi

là giấc ngủ mệt mỏi thần tiên lúc tảng sáng. Đôi khi nàng thiếp đi trong thoáng nghe thấy như một xôn xao mơ một tiếng thùng quấy nước tiếng chân người lạt sạt trong tinh sương khô khan ngoài hẻm nhỏ sát hông tường nhà là nơi nàng đến với chàng trong đêm. Đã tỏ đường đi. Đã thuộc lối về. Đã vào đời nhau. Đã những chiều tình nhân, đã những đêm vợ chồng. Nàng còn nhớ được mãi cái cảm giác thư thái ấy của những buổi sáng nàng thức giấc và ra khỏi giường trước, nàng di động thoải mái trong căn nhà còn đắm chìm trong yên tĩnh, từ buồng trong ra buồng ngoài, từ buồng ngoài ra sân sau. Buổi sáng trải rộng. Nàng dư thừa thì giờ. Nàng đứng chải đầu thật lâu trước tấm gương, nhìn ngắm và yêu mến, hơi thẹn thùng một chút, nhưng sung sướng biết chừng nào, những dấu nếp mỗi mệt còn lảng động nơi khóe mắt là dấu tích của trận tình dữ dội đêm qua. Cảm giác sung sướng kéo dài thênh thang khi nàng mặc áo, mở cửa buồng ngó vào để thấy chàng vẫn bản bật ngủ say, sau đó, nàng khép cánh cửa sau lại, đi ra với những lòng đường bên ngoài đã chan hòa ánh nắng. Những buổi sáng ở nhà chàng về, nàng muốn hót như chim, muốn xanh như trời, trong nàng con suối nhỏ của tình yêu róc rách thủy tinh, nàng vừa đàn bà biết bao nhiêu, và cũng biết bao nhiêu ở nàng là sự trẻ trung dậy thì thiếu nữ. Trên hè phố, nàng tiến những bước hồng. Dưới bóng cây, nàng đi từng điệu biếc. Nàng nhìn đám người đi đường, nàng muốn nói lớn với họ là tình yêu

*của nàng và của chàng tràn đầy hơn hết thấy mọi cuộc sống của mọi người cộng lại, và chiều nay tình yêu lại gặp nhau, và đêm nay, nàng lại đến.*

*Tại sao nàng đòi chàng thay đổi? Tại sao nàng đòi chàng đi hơn một bước nữa, tại sao nàng muốn thực hiện một chiếm hữu hoàn toàn? Chàng trả lời một câu gì đó, mơ hồ không đúng với mộng ước của nàng. Thế là nàng đã tức giận, đã đi ra. Bây giờ, nàng trở lại đây lặng người trong ngắm nhìn trân trân chàng nằm đó, dưới ánh đèn, và bao nhiêu chi tiết chứa giấu của một sự thực chứa giấu nhất loạt và thỉnh linh ngoi bổng lên bề mặt. Không, bây giờ, chỉ bây giờ, chỉ giây phút này, trong đêm khuya, trong ánh sáng, trong chàng đang ngủ và trước nàng đứng đó, nàng mới nhận thức được, bàng hoàng và thấu triệt là chàng chưa từng một phút thuộc về nàng. Lúc chàng ngồi chung một ghế với nàng trên chuyến xe đò từ miền Tây về Sài Gòn của lần gặp gỡ thứ nhất, buổi đi chơi với nhau ở vùng ngoại ô bên kia bờ sông của lần hẹn hò đầu tiên, những buổi chiều ngồi đối diện nhau trước cánh cửa sổ tiệm ăn chân cầu có những chùm hoa đỏ chói, trên mặt đêm, trong tay nhau, không một lúc nào, ở đâu, cảnh trí và trường hợp nào, chàng hoàn toàn thuộc về nàng. Mọi ý tưởng trái ngược lại chỉ là nhầm lẫn. Không ai thuộc về ai bao giờ. Không một cuộc đời nào là vĩnh viễn của một cuộc đời nào. Không. Không Bây giờ nàng mới thấy, và sự mới thấy này, tuy mới chỉ là một thoáng sơ, một linh cảm, chưa phủ đổ tan tành*

một thế giới. Nước mắt nàng chảy ra, ướt đầm hai gò má. Nàng khóc không tiếng, nức nở. Rồi cuối cùng chỉ còn là một mớ kỷ niệm tàn héo. Và chỉ còn kỷ niệm là không còn gì nữa. Nàng muốn nói, vừa nói vừa khóc: đáng ân hận cho anh, cho em biết chừng nào. Ân hận. Phải, nàng đã, nàng đang ân hận rồi đó. Nàng biết hết thấy mọi cố gắng tuyệt vọng chỉ là vô ích. Con mắt chàng đôi khi nàng bắt gặp bất thần nhìn về một hướng khác, những khoảng khắc im lặng bất thường khiến cho nàng lo âu và xao xuyến không đâu, mỗi lần nàng ra về trong đêm khuya hay trong buổi sáng, chàng không một lần nào đưa tiễn nàng ra đầu ngõ, những lần gặp nhau ở tiệm ăn, khi nàng đứng lên, sự đứng lên của nàng đã là một chia tay, phút này nàng mới nhớ lại được hết thấy những chi tiết bé nhỏ đó, nàng quay đảo điên cũng trong cơn lốc choáng váng của tình yêu, nàng mù lòa không nhìn thấy, đến phút này mới đồng loạt hiện hình. Điều làm nàng đau đớn nhất không phải là nàng sẽ không bao giờ trở lại nơi này nữa, mà là sau tan vỡ là vĩnh biệt, cũng sẽ không có một chuyện gì ghê gớm và khốc liệt xảy ra đâu. Nàng sẽ trở về đời sống trước đó của nàng, hay nàng sẽ thay đổi. Chàng cũng vậy nhưng không ai chết. Những người tình nhân sẽ gặp nhau ít lâu sau, trên thành phố này hay ngoài thành phố này hay một thành phố khác, trên một chuyến xe đò hay trong một tiệm ăn, sẽ cùng bất ngờ một chút, nhưng sẽ lấy lại được bình tĩnh và nụ cười, hỏi thăm nhau một vài câu, chào rồi

đi sang hè phố bên kia. Và chuyện cũ chỉ còn là nhánh hoa mùa hè đỏ chói ấy buông rủ bất động trên một thành của sổ nào. Nàng vẫn nhớ chứ. Mỗi lần nhớ có thể vẫn là một lần nhỏ lệ. Chàng cũng vậy. Dấu vết vẫn còn như kỷ niệm không bao giờ vện toàn và vĩnh viễn thuộc về nhau.

Nàng nhìn chàng ngủ say một lần nữa, rồi tắt đèn. Căn nhà tối thăm. Bóng nàng đi ra lẫn vào đêm tối.

năm giờ sáng

Thân thể chàng thoát đầu chỉ cảm thấy mong manh và chập chờn như một bức tường khói mỏng, tiếng động ngu ngơ thứ nhất đầu ngày chạm tới và đi suốt qua, không ngăn giữ lại. Tiếng động đó phảng phất như tiếng thở dài tàn phai của một vì sao nào vừa rụng xuống ở một cuối trời nào. Rồi chàng tỉnh thức dần dần, và nghe thấy rõ hơn nhiều tiếng động khác kế tiếp nổi lên, bên ngoài cánh cửa sau, trên con đường men theo hông nhà đoán thấy toàn nhờ nhờ bóng tối. Bà lão già người Nam vẫn sáng sáng quẩy nước cho chàng đã từ ngoài máy trở về. Tiếng chân người trong ban mai chìm chìm, cùng với tiếng nước sóng sánh trong đôi thùng va chạm lạnh canh. Đôi thùng và bước chân ngừng lại bên ngoài, ngay chính giữa cánh cửa sau mở rộng. Trong im lặng bất chợt, tiếng bà lão già, giọng đầy ngạc nhiên, nói với người chồng đã thức từ bao giờ trong căn nhà nhỏ sát đó:

- Ủa! Cửa sau nhà thầy Hai mở kìa.

- *Thật hả? Giọng người chồng, khàn khàn.*
- *Mở mà!*
- *Vậy chắc là cô ấy đến hồi đêm quên không đóng lại.*

*Bà lão hỏi:*

- *Cô ta đến hồi đêm sao?*
- *Đến hồi đêm. Đến thường mà, bà không biết sao?*

*Chàng trở dậy, đi ra cùng một lúc với bà lão già quấy đôi thùng bước vào. Chàng bật đèn. Chàng đứng trước tấm gương, và trong khi tiếng nước đổ ào ào vào chum ở sân sau, chàng nhìn thấy trên cái kệ thủy tinh gắn trước tấm gương, cái lược, ở đó còn vướng lại một sợi tóc dài, sợi tóc dài của nàng đã đến và bỏ lại. Đổ nước xong, bà lão quấy thùng đi trở ra. Liếc nhìn vào buồng ngủ của chàng, bà lão đứng ngẩn người. Một lát rồi bà lão nói nhỏ:*

- *Chú cô đâu thấy?*

*Chàng đáp, không quay đầu lại:*

- *Về rồi. Bà đóng cửa lại cho tôi.*

*Chàng tắt đèn trở vào giường. Trời sáng dần. Chàng rũ chăn đắp lên ngang ngực, nằm quay mặt vào tường. Và ngủ tiếp. Trong giấc ngủ lại này, những chùm hoa đỏ đã tàn và một mùa hè đã đi qua.*

# MẶC ĐỒ

Năm 1974 nhà xuất bản Sóng ở Sài Gòn ấn hành bộ *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta* gồm hai tập, với tác phẩm của 45 nhà văn. Đó gần như là một tổng kết tình hình về bộ môn sáng tác này ở Miền Nam trong thời kỳ 1954-75 (vì in vào cuối thời kỳ). Nhà xuất bản có đưa ra cho mỗi tác giả ba câu phỏng vấn về tiểu sử và về quan niệm sáng tác. Ông Mặc Đồ trả lời không giống ai, và chắc chắn không có ai đọc những câu trả lời của ông mà không thấy cảm mến, kính trọng. Lời lẽ ông giản dị, thành thực, nghiêm chỉnh và khiêm tốn hơn mọi người.

Đại khái ông viết: “Sáng tác rất ít và không thấy thành công mấy. Dịch sách nước ngoài những khi sợ để lâu ngòi bút han rỉ. Chưa thấy chán viết” (...) “Không làm văn mà cố gắng nói ra được thật nhiều, đó là dụng công thuở nay của tôi mỗi khi viết. Nhưng tôi thấy sách của tôi bán rất tồi, tức là cố gắng của tôi không thành tựu.”

Ở đời, viết ra như vậy mấy ai viết được? Tưởng là dễ, không phải dễ đâu. Mặc Đỗ khởi viết từ 1936, đến đây là ngót bốn chục năm; ngoái nhìn lại gần một đời trước thuật của mình mà dám nói gọn là rất ít, là không thành công mấy, là cố gắng của mình không thành tựu. Trời, ông can đảm biết bao.

Quanh ông thiếu gì kẻ mới múa may ngọn bút dăm ba năm đã tự thấy mình thành công cấp kỳ, không phải thành công loàng xoàng mà là thứ thành công có tính cách mạng, đại khái là thấy mình đã xoay chiều đổi hướng cả thời thế chẳng hạn. Rồi không ngại sự lơ lửng, cứ tuyên bố ồm ồm nhặng nhít cả lên. Đám ấy hẳn làm ngứa con mắt ông Mặc Đỗ dữ da.

Mặt khác, trong làng văn lúc nào chẳng có những kẻ hãnh diện vì “được hoan nghênh rộng rãi”. Còn trái lại, ai không bán được sách thì cho rằng tại mình viết cao quá, quần chúng với không đến. Ông Mặc Đỗ không thèm có ý biện bạch, cũng không cần tự an ủi. Ông nói toạc với người, ông nghiêm khắc với mình. Ông đường hoàng minh bạch.

Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng ông Mặc Đỗ không công bình với mình. Ông viết không hẳn là ít, và không phải không hay. Lại có thể người ta không niềm nở với sách ông không hẳn vì nghệ thuật của ông chưa đạt. Không thích gần với sách ấy, có thể

chẳng hạn vì đám nhân vật trong sách hơn là vì nghệ thuật của tác giả. Lại không nồng nhiệt với sách ấy có thể chẳng hạn vì chủ đề của sách, vì sự việc trong sách hơn là vì nghệ thuật của tác giả. Có thể xảy ra vậy được chẳng? Biết đâu?

Về chuyện ít nhiều, thì riêng kể những sáng tác phẩm đã xuất bản ông có hai bản kịch (*Động Phù Vân, Về Nam*), hai cuốn tiểu thuyết (*Bốn mươi, Siu cô nương*). Ngoài ra còn bao nhiêu là thơ, là truyện ngắn, đăng trên báo và in vào sách cùng với các tác giả khác. Trong văn giới, thiếu gì trường hợp thành công với một sự nghiệp nhỏ hơn thế, kể về số lượng? Mặc Đỗ sáng tác rất kỹ. Ở Miền Nam từng có lúc kẻ cầm bút bị hoàn cảnh xô đẩy phải viết hối hả; nhưng Mặc Đỗ thì bao giờ cái viết cũng thận trọng. Ai đọc ông cũng thấy ngay chỗ ấy. Thận trọng mà sáng tác được chừng ấy, ông đã khắt khe với mình về chất lượng, sao còn nỡ đòi hỏi khắt khe với mình cả về số lượng?

Còn về chuyện “cố gắng không thành tựu”, chuyện ấy quả rắc rối.

Mặc Đỗ viết truyện luận đề. Ông viết về giới trí thức tiểu tư sản, cũng như các tác giả khác trong nhóm Quan Điểm. Đây là chuyện mới mẻ, là một chọn lựa độc đáo. Đã cầm bút viết văn hẳn nhiên là đa số có chữ nghĩa, đã được học hành để biết văn chương thường là thuộc thành phần có ít nhiều tư sản. Nhưng cố tình chọn viết riêng về giới mình, về

giới có của và có học, tuồng như lắm người lấy làm áy náy. Cho nên từng có cái thái độ nghiêng xuống. Nghiêng xuống “những kẻ khốn cùng”, xuống hạng làm đĩ, kéo xe, xuống những “gánh hàng hoa” v.v... Đã thế mà thỉnh thoảng còn có tiếng chê trách: nhà thơ này vờ vĩnh, giả tạo; nhà văn kia thương dân nghèo bằng cái tình từ trên thương xuống, không thiết tha, không mặn nồng, v.v.

Chắc chắn các vị trong nhóm Quan Điểm không phải không có lòng áy náy. Tuy nhiên thời thế đã đổi thay. Bấy giờ vô sản đã vùng lên, bấy giờ nghèo không còn là yếu nữa. Vô sản có ý thức hệ riêng, riêng nắm giữ quyền thống trị quyền sinh sát, vô sản đang hoành hành, đang làm trời làm đất (mặc dù đó chỉ là vô sản giả, là nhân danh vô sản). Bấy giờ không còn là lúc áy náy, mà là lúc đối đầu. Đối đầu với vô sản chuyên chế là tiểu tư sản cương quyết bảo vệ dân chủ tự do. Văn nghệ luận đề của bên này, người ta chờ đợi nó nhằm trình bày cái hay cái đẹp của trí thức, cái phải cái đúng của ý thức hệ dân chủ tiểu tư sản, khí thế tất thắng của trí thức tư sản đối với độc tài vô sản.

Nhân vật trong truyện Mặc Đỗ đích là trí thức. Riêng trong cuốn *Bốn mươi* thì là đại trí thức: ai nấy đều du học bên Tây về cả, đều đậu đạt cao chót vót cả. Và các bậc trí thức ấy, lợi tức họ cao, dinh cơ của họ lớn, trong nhà có những người giúp việc gọi là tiểu đồng, là thằng bộc, là ả xẩm... Trong xã hội

Việt Nam các nhân vật này là một số rất ít, thuộc tầng lớp thượng đẳng. Những người may mắn này, thành phần được ưu đãi nhất của tiểu tư sản này, họ sống ra sao, họ làm những gì trước sự trông cậy của những ai cùng một chiến tuyến?

Họ sống nhiều hơn làm. Trong cái “sống” của họ có rất nhiều bữa ăn, nhiều rượu tây, nhiều nhà hàng, có cả nhà hát cô đầu nữa. Còn làm thì, trong cuốn *Bốn mươi*, ấy là tổ chức một bữa tiệc tứ tuần đại khánh; trong pho tiểu thuyết *Siu cô nương* là “chơi một tối kịch” trước khi bỏ Hà Nội rút chạy; trong thiên truyện ngắn “Trăng đỏ” là uống thật đẹp một ly *bourbon* với đá cục; trong thiên truyện ngắn “Buổi trưa trên đảo san hô” là một đêm chung chạ với người tình xưa... Đại khái thế. Có “làm” gì mấy đâu. Nhất là làm trong tư cách trí thức tiểu tư sản, tầng lớp đang đứng ra nhận lãnh trách nhiệm chính trị trước lịch sử.

Cuối cuốn *Bốn mươi* có một bài bạt. Đó là lời tác giả viết gửi một người bạn, người đọc giả đầu tiên đã được trao cho đọc bản thảo và đã trách móc về các nhân vật trong truyện. Tác giả phân trần. Rằng mề lười đầu dành để chụp lấy những người đứng xa mực trung bình nhất, ở tận cùng cánh hữu.

Quả nhiên về sau nhân vật của Mặc Đỗ có thay đổi dần. Trong *Siu cô nương*, họ vẫn trí thức, nhưng không thấy có chuyện học nước này nước nọ về; họ vẫn rượu thịt đều đều, nhưng có ngăn đi cái danh

sách những tên rượu cầu kỳ; trong đám bạn khoa bảng lắm kẻ vẫn giàu sang, nhưng có xen vào những người không mấy dư dật (Mộ, Hiếu...). Trong “Trăng đỏ” không có khung cảnh xa hoa nữa.

Ngoài khung cảnh sinh sống ra, còn thái độ của các nhân vật nọ đối với xã hội, với người xung quanh, với tình thế nước nhà, thái độ ấy e cũng vẫn còn chưa gây được thiện cảm ở vị độc giả đầu tiên nọ. Xung quanh đám nhân vật nhiều chữ nghĩa và tiền bạc ấy có thằng bợc, ả xẩm, có mấy anh chủ tiệm ăn, bồi bàn v.v...; còn cái xã hội với bao nhiêu hạng người khác thì ra sao, không thấy nhóm thượng lưu ấy quan tâm. Cả Hà Nội cả đất nước ra làm sao vào những ngày cuối cùng trước khi xứ sở rã đời, cũng không thấy họ bận tâm; bấy giờ chỉ có mỗi một bận tâm sinh tử là chơi một tối kịch. Thằng bợc ả xẩm, đã đành không đáng kể. Mà những người bạn lạc ra ngoài nhóm cũng có học và có tiền, dĩ nhiên – những người bạn tham chính (Quỹ và Pháp trong *Bốn mươi*, Đại-hách trong *Siu cô nương*) đều xấu xa, đáng khinh cả. Thậm chí đối với những người con gái, cũng có học thức, trót gặp cảnh oan khiên ngang trái, những người con gái mà họ từng yêu (*Siu cô nương*, Loan), và đối với một người bạn xấu số của họ (Hiếu), họ cũng có lời lẽ phũ phàng: “Hai con đĩ và một cái xác chết!” Họa hoằn có một thiếu nữ nghèo được mấy vị trí thức xúm lại “thương” túi bụi, thì lại là thứ “tình thương trong ngoặc kép”.

Đó là trường hợp cô Vân trong thiên truyện ngắn được chọn in vào *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta* (tức truyện “Tình thương trong ngoặc kép”).

Nhìn xung quanh, những nhân vật nọ nhìn sự việc cách hững hờ, nhìn người cách khinh bạc; nhưng khi nhìn rượu, họ có cái nhìn ngưỡng phục. Rượu mà có cả thuốc nữa thì nhất. Hãy xem một cảnh uống rượu, xem qua một đoạn văn tắt thôi: “Cứ bấy nhiêu cử chỉ, thủng thẳng hút một điếu thuốc, thủng thẳng dụi tàn thuốc khi cần, nâng chiếc ly lên, đung đưa bàn tay cho cục đá khẽ lay động, cho mức rượu sóng sánh trong ly chung quanh cục đá, ghé môi uống một chút men, ngước mắt bên sau cái ly ngó người đàn ông một thoáng dài và mỉm cười, bấy nhiêu cũng đủ làm quá đầy thời gian hai người ngồi đó.” (“Trăng đỏ”). Cô gái ngó người đàn ông đầy ngưỡng mộ, tất nhiên. Còn người đàn ông ngó cô gái? ...“người đàn ông tìm thấy nơi cô gái, lúc đó, với ly rượu trước mặt, với điếu thuốc trên hai ngón tay, một người đàn bà bắt đầu biết đối phó, có bộ óc tham mưu đủ chiến lược, chiến thuật hẳn hoi.” (“Trăng đỏ”). Thành thử, rượu đánh giá cái cao thấp của con người. Rượu là tiêu chuẩn đánh giá con người.

Trời, họ quá quắt. Dù sao, đến lúc này, hai mươi năm sau cuộc thất bại của Miền Nam, khi ai nấy đã tả tơi, mà còn chê những nhân vật trí thức tiểu tư sản nọ, thì cái chê là... dở ẹc! Lúc này chế khen làm

chi nữa. Có điều chúng ta đang nói về chuyện văn chương thì quả những nhân vật nọ đã xúm nhau làm hại tác giả quá lắm.

Người độc giả thân hữu bức mình về các nhân vật. Tác giả phân trần là mình có ý thu hút đồng minh rộng rãi, là muốn “rủ nhau cùng đi một đường vẫn hơn là đẩy họ đi theo những người khác.” (*Bốn mươi*, bạt). Lòng bao dung lại cũng làm hại tác giả. Cuốn *Bốn mươi* ra đời sau hiệp định Genève chẳng bao lâu; lúc bấy giờ một số lớn thanh niên từ các chiến khu, ở thôn quê miền Nam đổ về đô thị học hành. Lớp trai trẻ nghèo nàn và thiếu chữ ấy lóa mắt vì bằng cấp và nếp sống lạ của nhân vật *Bốn mươi*; họ tò mò, kinh ngạc về những tiến sĩ Lê, những luật sư này, bác sĩ nọ, với những thứ rượu uống thuốc hút hàng ngày của các vị ấy. *Bốn mươi* xuất bản ít lâu bán hết, cuối năm 1957 đã lo tái bản. Giữa năm 1959 *Siu cô nương* xuất hiện; vì bao dung tác giả còn đưa vào truyện những nhân vật tương tự đông đảo hơn. Cuốn này mãi không thấy tái bản: Có phải tác giả bảo “bán rất tồi” là nghĩ đến nó chăng? Nếu thế thì chắc hẳn các độc giả sau này càng “bức mình” hơn người độc giả đầu tiên độ nọ. Qua cái tò mò buổi đầu, độc giả nổi lên “bức mình” về đám nhân vật vô tích sự, thân nhiên hưởng lạc, nhìn ra xã hội quanh mình bằng cái nhìn không đượm chút nhân ái.

Nếu đó là lý do sự lạnh nhạt của độc giả thì hóa

ra chuyện độc giả đổ kị nhân vật là chuyện trớ trêu mà vẫn xảy ra được!

Đáng tiếc hết sức, bởi vì truyện của Mặc Đỗ có những ưu điểm đáng quý.

Trong hai mươi năm chia cách, tiểu thuyết hai miền Nam Bắc dần dần khác nhau, cái ấy tất nhiên, nhưng đây không phải lúc tìm tòi, liệt kê và phân tích mọi dị biệt của truyện nam truyện bắc. Xin chỉ nêu một điểm liên quan đến trường hợp chúng ta đang nói. Là văn biện luận trong tiểu thuyết. Chỗ ấy ngoài bắc thừa, trong nam thiếu.

Nhan nhản trong các cuốn truyện Miền Bắc, nhân vật bàn luận, thảo luận, đàm luận, thường khi đi tới tranh luận. Trong những gặp gỡ bạn bè, đồng đội, đồng chí, có khi ngay cả những cuộc gặp gỡ đôi lứa. Trong truyện Miền Nam, chuyện ấy hiếm hoi: nhân vật chuyện trò, đấu hót, tỉ tê, có khi cãi cò; nhưng biện luận rành rẽ cho tới nơi tới chốn các vấn đề thì hiếm. Trước 75, trong Nam vẫn có thành ngữ “nói như Vẹm”. Bằng thành ngữ ấy, người Nam công nhận một sở trường của người Bắc.

Nam đàm Bắc luận, sở trường ấy không phải bẩm sinh; chỗ khác biệt giữa Bắc Nam không thấy ghi nhận trong các thời đại trước. Thiết tưởng đó là sự khác biệt do hoàn cảnh xã hội, do chế độ chính trị hồi gần đây.

Ở miền Bắc có một lý thuyết chỉ đạo, cuộc sống ai nấy khuôn theo một chủ nghĩa. Nghĩ sai, làm sai, sống sai đường lối dẫn đạo thì khốn khổ. Sai, quấy, ý ấy thường được diễn tả bằng tiếng “lệch”. Lệch là ra ngoài đường lối chính thống, là không sát hợp khít khao với chủ trương chính phủ, với chủ nghĩa chỉ đạo. Lệch, có thể đưa tới tai họa. Bởi vậy ai nấy phải sẵn sàng biện minh cho ý nghĩ, cho hành động của mình, phải chứng tỏ được rằng mình thấm nhuần chủ thuyết, mình không hề lệch bao giờ. Có thể mới an thân, mới có thể tiến thân. Biện luận là phương tiện để sống còn, để tiến thủ. Biện luận dính liền với cuộc sống. Trong sinh hoạt hàng ngày luôn có dịp biện luận: ở hội nghị công sở ban ngày, ở sinh hoạt đoàn thể ban đêm, ở chỗ đông đảo cũng như trong gia đình v.v... Vেম không phải chỉ giỏi nói khi được phái vào Nam để quyến rũ dân chúng; giữa Vেম với Vেম vẫn cần tranh nhau nói giỏi. Hoàn cảnh xã hội ấy trau dồi khả năng biện luận ở miền Bắc. Đã lắm biện luận và khéo biện luận ngoài đời, tất nhiều và khéo biện luận trong truyện.

Ở Miền Nam, không ai cần chứng minh, cần làm sáng tỏ quan niệm sống của mình với ai. Quan niệm của mỗi người không cần ăn khớp, cũng không sợ sai lệch, so chiếu theo quan niệm tiêu chuẩn nào. Đồng sở với đồng đội gặp nhau, bạn bè đàn đúm nhậu nhẹt với nhau, bà con thân quyến to nhỏ hàn huyên với nhau, ở miền Nam trong những dịp ấy mà

trình trọng xô quan điểm ra, mà chăm chỉ thảo luận để chỉnh đốn tư tưởng v.v... thì kỳ cục ngay. Ngoài đời như thế, trong truyện rồi cũng thế thôi. Dẫn dả biện luận thành ra một sở đoán của các tiểu thuyết gia trong nam.

Nói chung thì vậy, nhưng ở Mặc Đỗ không vậy. Trong tiểu thuyết của ông, khi cần tranh biện, các nhân vật lý luận khúc chiết, với lời lẽ chính xác. Trong *Bốn mươi* khi đám “đồng chí” Biểu, Truyền, Liêu luận bàn kế hoạch phá nhà tư sản nghị Lê, khi Jacqueline tranh luận với Liêu; trong *Siu cô nương*, lúc nhóm Đang, Lũy, Hòa, Lưu, Tấn, và Siu cô nương biện bác với nhau hàng chục trang giấy về quan điểm kịch trường, không những lý luận tinh tế, mà ngôn ngữ còn thích hợp với cá tính, với trình độ, với hoàn cảnh của từng người. Truyện của Mặc Đỗ tránh được cái sở đoán của đa số truyện Miền Nam.

Trong truyện ông cái lý đã rành rẽ, cái nhìn lại tinh tường. Cảnh trưa chói chang cùng cảnh rặng đông trời bể một màu đen mây đùn ngồn ngộn ngoài đảo (“Trưa trên đảo san hô”), đêm hát cô đầu do Đại-hách thết anh em, v.v., nhìn ra thiên nhiên cũng như nhìn vào một cảnh sinh hoạt của người đời, Mặc Đỗ đều có cái nhìn sắc bén, ghi lại được những nét độc đáo. Cái duyên đặc biệt của cô đào Đức khi cô chịu ra ngoài nhiệm vụ nghề nghiệp mà hát đái mấy người khách tri âm biết này mình hát chèo; cái vẻ

sắm nắm trịnh trọng của Đại khi cầm roi châu đánh trống cho đào nương hát Thét nhạc... thật linh động.

Ở Mặc Đỗ, cái nhìn hướng ra bên ngoài (thiên nhiên, sinh hoạt) đã tinh mà cái nhìn hướng vào những diễn biến tâm lý trong lòng người cũng lại thâm thúy. Trong “Trăng đỏ”, người đàn ông với cô gái chỉ ngồi uống với nhau có một ly rượu, gần như không nói với nhau, thế mà người này đánh giá người kia, người kia thẩm định bản lãnh và tình ý của người này tinh tường. Buổi sơ ngộ không lời “rỗng không mà lại không rỗng”: bao nhiêu là diễn biến dồn dập trong tâm hồn họ, đối hẳn tâm tình cùng nếp sống của người đàn ông. Tác giả không nói gì rõ ràng mà độc giả vẫn theo dõi được các biến chuyển sâu xa, tinh vi và kín đáo trong đời sống nhân vật đàn ông này.

Mấy ai viết được những cái như thế?

Người độc giả thân hữu không chịu được các nhân vật đã trách tác giả tại sao mà lại chịu khó gần “những con người như vậy”? Quả những con người như vậy khó thương. Tác giả không những đã “gần”, lại còn rước luôn họ vào sách mình.

Tác giả bảo bạn: “Anh đọc tiểu thuyết mà lại quên rằng đang cầm một cuốn tiểu thuyết trên tay.” Ông muốn bạn nên “lo thưởng thức (tác phẩm văn nghệ) đã”. Quả tác phẩm văn nghệ đáng thưởng thức.

Nói thế nghe ầm ớ. Dù sao, tôi cũng chỉ mới là kẻ... “hai phải” chứ có mấy đâu.

*11/1995*

# TRĂNG ĐỎ

Điều làm cho người đàn ông phải kinh ngạc khi ngồi xuống ghế là vầng trăng mười bốn ở trước mặt. Chiếc ghế bằng mây đan đã cũ, kê nơi ngoại hiên phía sau căn nhà gỗ nhìn xuống triển đôi thoải thoải tận cùng bằng một con suối nhỏ trẻ con cũng nháy qua được. Phía bên kia dòng nước phẳng là những ngọn đồi thông, không cao hơn những ngọn đồi có mái nhà lác đác ở phía bên này. Vầng trăng đã vượt hẳn lơ lửng trên những ngọn thông già nhất.

Thường đêm, người đàn ông ra đó tìm lại chiếc ghế quen thuộc để nằm dài, thả cho thân mình và bốn chân tay thoải mái nghỉ ngơi, như thể những lúc khác nằm gối đầu trên đùi cao của người đàn bà đi lại đã nhiều, tin cậy đến thuộc lòng từng mùi vị, từng xúc cảm. Ra đó để ngắm trăng sao cũng có, thời thường để nằm suy nghĩ mông lung, vượt thoát những lễ nếp hằng ngày không thể bỏ của một đời sống không chán ngán mà cũng chẳng ham thích. Sống thế thôi, trong khi chưa chết, và hết sức ý thức những bốn phạm bảo rằng tầm thường e tủi lòng những người thân – người vợ tin yêu và mấy đứa con nhỏ cho hy vọng – nhưng cũng chẳng có gì đáng lấy làm nghiêm trọng.

Hai chân mỗi chưa kịp duỗi dài, phần tâm thức ban ngày chưa kịp lắng xuống, nhường chỗ cho những đợt sóng vượt ve chỗ tâm tưởng đi tiêu dao chốc lát. Vầng trăng mười bốn ở trước mặt bắt người đàn ông phải nhòm dật. Không phải vầng trăng đã quen, màu bạc sáng. Tới lúc đó người đàn ông mới kịp nhận thấy đêm cũng sáng trắng nhưng u ẩn hơn, khác hẳn ánh trăng vàng vặc những đêm trăng tròn và trời trong, vào những tháng mùa của thành phố nhỏ cao nguyên. Vầng trăng ửng đỏ hiếm thấy, màu đỏ tóc những người đàn bà da trắng có con mắt giếng khơi chết đuối ở trong đó được. Vầng trăng đỏ không cho phép người đàn ông nằm duỗi dài nghỉ ngơi trên ghế như mọi bữa. Người đàn ông ngồi đó, chăm chăm ngó vầng trăng lạ. Tiếng người vợ ở bên trong nhà đang thu xếp cho mấy đứa con đi ngủ gần gần hơn những buổi tối khác, nhưng không khiến cho người đàn ông mỉm cười tin cậy. Người đàn ông chăm chăm ngó vầng trăng đỏ, không hiểu tại sao hôm nay thấy xao xuyến thế.

Trái với thói quen những buổi tối ra tìm chiếc ghế nơi ngoại hiên không cần tới thuốc lá, người đàn ông đứng dậy trở vô nhà kiểm bao thuốc trong túi áo ban ngày. Người vợ và cả ba đứa con chưa ngủ cùng đưa mắt ngó, nhưng người đàn ông không ngó lại. Không ai nói một lời. Người đàn ông đem bao thuốc trở ra. Những hơi thuốc cho người đàn ông thấy hôm nay phần ban ngày vẫn nguyên vẹn ở lại trong mình, cái ban ngày lễ nếp không chán ngán mà cũng chẳng ham

*thích. Không rữ bỏ được, người đàn ông đâm ra suy nghĩ vẩn vơ, với vầng trăng đỏ núa kéo ở trước mặt, trong con mắt không rời.*

*Suy nghĩ vẩn vơ bắt nhớ lại những sự việc mới. Cũng như mọi ngày quen lệ, công việc hai buổi chạy đều một nhịp, chút nhỏ ý thức trách nhiệm lẫn với những cố gắng – nhiều cố gắng lắm vì có mấy ai yêu thích được công việc thường lệ – lo tròn những gì phải làm, hằng ngày. Người viên chức cấp trên có chuyện gì bất ổn trong lòng, một hai lần sắp mất bình tĩnh nhưng vội kềm lại được. Người đàn ông vốn được những bàn giấy chung quanh vị nể đôi chút, vì có một tiềm năng khác hơn những đòi hỏi của công việc thường nhật. Viên chức cấp trên hiểu lẽ đó hơn ai hết, cứ thỉnh thoảng bắt gặp khóe mắt của người đó, người đàn ông lại thấy dâng lên một luồng kiêu hãnh cho phép bớt thấy nhàm chán mỗi buổi sáng ngủ dậy.*

*Có khác chăng khi xế trưa hôm nay, vừa xuống tới câu lạc bộ định kiếm một chén cà-phê cho đỡ buồn ngủ, người đàn ông được người tùy phái dẫn xuống theo một cô gái xem ra tuổi còn nhỏ lắm, ít nhất cũng thua người đàn ông cả mười tuổi. Cô gái không quen. Người đàn ông rất ghét tiếp khách không quen, nhất là tiếp tại nơi làm việc. Câu lạc bộ nằm trong phạm vi nơi làm việc, hơn nữa tiếp khách tại câu lạc bộ càng không phải là chuyện vừa ý người đàn ông. Chẳng siêng năng, sốt sắng bao nhiêu trong công việc, nhưng người đàn ông thích đâu ra đó, không chịu trợn lẩn*

công việc với chuyện riêng, tiếp khách ở câu lạc bộ rõ ràng là chuyện riêng. Cô gái viện dẫn một người anh họ bạn của người đàn ông và ngỏ ý muốn gặp để học hỏi một vài điều. Người đàn ông cũng không thích tiếp khách tại nhà, nhất là khách phụ nữ, nhiều phiền phức lắm. Cô gái cương quyết muốn gặp đã đi trước sự ngăn ngại của người đàn ông và hẹn gặp buổi chiều, tại một quán nước dưới chợ, sau giờ làm việc. Người đàn ông miễn cưỡng phải nhận lời. Nể lời giới thiệu của người bạn và cũng không thể thiếu lịch sự đối với cô gái không quen. đành gặp vậy thôi.

Tối quán nước sau giờ làm việc, người đàn ông chẳng thấy thoải mái chút nào. Thêm một điểm khó chịu nữa: người đàn ông đến rất đúng giờ hẹn đã thấy cô gái ngồi đó, một mình tại một bàn trong góc. Người đàn ông hằng vuốt ve cái chất đàn ông của mình, bao giờ cũng quan niệm đàn bà sinh ra để được săn sóc, đàn ông phải đi trước ý muốn của đàn bà. Cô gái hẹn nhưng đã đến trước giờ hẹn, người đàn ông thấy cô gái chẳng đàn bà chút nào. Cuộc hò hẹn rất băng quơ, một lần, miễn cưỡng vì nể lời gởi gắm, nhưng cứ đúng với luật tắc vẫn hơn. Hay cô gái cố ý bày rõ sự ngang hàng, cất cái giống đi một nơi? Đáp lại khóe mắt chột sáng lên khi người đàn ông bước vào, y thủng thẳng đi tới bàn đợi. Nhưng y cũng lễ phép cúi chào người con gái trước khi kéo ghế ngồi đối diện.

Trên bàn trước mặt cô gái không có món uống gì đã gọi. Cô gái cho biết đang chờ để uống theo với người

đàn ông. Uống theo? Cô gái tự dành cho mình một phạm vi quá rộng: uống theo đàn ông có thể từ nước lạnh, nước ngọt, trà, cà-phê, cho tới đủ thứ rượu, hoặc giả người đàn ông lại quen thú hút thú thuốc lá đặc biệt bây giờ bạc ngàn một điếu kèm với nước lạnh cô gái cũng theo ư? Người đàn ông bắt đầu chú ý tới cô gái, thấy vui vui muốn thử cái sức theo của cô gái đến đâu. Y ngó ý mời cô gái một ly bourbon với đá cục; ở cao nguyên, trong phòng ấm, bên ngoài đã tắt nắng, uống rượu mạnh pha nước phẳng hay nước hơi như ở miền xuôi không thú. Cô gái trả lời chưa hề uống thứ rượu đó nhưng cũng xin vàng, để thử cho biết. Lại thêm một điểm khiến cho người đàn ông chú ý gấp hai: thử cho biết... Nhưng cô gái không làm cho người đàn ông thất vọng. Hai ly rượu đưa ra, cô gái nâng ly của mình, uống rất đẹp. Đức tính “đẹp” gán cho cô gái người đàn ông học được do mấy ông tũu đồ kênh kiệu chỉ những người uống rượu mà biết quý những giọt rượu, không uống hồ đồ, không uống ào ào như đổ nước vào miệng cống. Uống đẹp, cô gái còn nói thêm, nhận xét chất rượu mới quen lần đầu cho thấy như tiếp xúc với một người đàn ông khỏe mạnh, không vũ phu nhưng đàn ông, lẽ dĩ nhiên rượu hứa hẹn rất say. Người đàn ông bắt đầu không thấy tiếc buổi chiều của mình.

Cảm tưởng bén sâu như vậy sau một quãng ngắn thì giờ, người đàn ông đã quên định kiến khi đi tới quán là gặp – mau lẹ thỏa mãn những gì cô gái muốn

*hỏi – cáo từ ra về – đầy đủ lịch sự, thể thôi. Người đàn ông ngồi đó dõi theo cử chỉ của cô gái mở sách lấy ra gói thuốc lá giấy bao màu lục nhạt, lơ đãng quẹt cây diêm châm hút. Cảm nghĩ ban sáng cho rằng cô gái quá trẻ, người đàn ông khi đó thấy không đúng. Nếu phân tích kỹ những đường nét trên khuôn mặt, trên nửa người nhìn thấy qua mặt bàn, trên hai cánh tay và hai bàn tay cô gái, người đàn ông rõ ràng không thể nhất định cô gái đã quá hai mươi lăm. Khi còn cầm vững con số 2 trên mình, trên mặt, cô gái nào chẳng trẻ, quá trẻ ấy chứ, trong vòng hai mươi đàn bà nào chẳng là trẻ con. Nhưng người đàn ông tìm thấy nơi cô gái, lúc đó, với ly rượu trước mặt, với điệu thuốc trên hai ngón tay, một người đàn bà bắt đầu biết đối phó, có bộ óc tham mưu đủ chiến lược, chiến thuật hẳn hoi.*

*Người đàn ông không tiện vào thẳng đề tài cuộc hẹn, như cô gái đã nói ban sáng. Có thể nếu thi hành đúng định kiến người đàn ông lúc đó sẽ thấy tiếc. Y ngồi yên đợi. Cô gái chú ý tới ly rượu mới quen nhiều hơn, ngẫm nghĩ sau mỗi ngụm nhỏ, rồi ngược nhìn người đàn ông mà mỉm cười. Người đàn ông có cảm tưởng, qua những khóe nhìn của cô gái, rằng cô gái đã biết quá nhiều về mình. Nói cho ngay người đàn ông đã được – hay đã bị – thiên hạ biết rất nhiều. Từ nhiều năm nay, trong sách in ra, trong những bài đăng báo, thiếu gì người đã đọc thơ, đọc văn của y và tìm biết về y. Thêm một cô gái này cũng không thay đổi chi hết cái tình huống bị nhiều người biết về mình.*

Nhưng trong góc quán, buổi chiều hôm đó tại thành phố cao nguyên, người đàn ông có cảm giác hăm hở đưa thân tới hẹn để làm đối tượng quan sát cho cô gái. Người đàn ông tắc lưỡi, bằng lòng với tình trạng đang có. Đàn ông làm mỗi cho đàn bà là thường, tự ái không ăn chung gì vào đó. Những buổi chiều, có ly rượu trước mặt, người đàn ông sẵn sàng sà vào bất kỳ cuộc phiêu lưu nào, chúc năng của rượu chẳng là tạo nên những bất ngờ là gì? Có ai uống rượu mà định trước được sẽ say như thế nào đâu? Biết trước như vậy còn uống để làm gì, họa là có nghiện, nô lệ cho men.

Lâu lắm, hai người cứ ngồi đó uống từng ngụm nhỏ. Người đàn ông đã bỏ qua từ cả giờ trước cơ hội đặt câu hỏi dứt khoát vào đề, cho nên cứ ngồi yên đó mà đợi. Với lại, như đã ghi ở trên, người đàn ông đã bắt đầu không thấy tiếc buổi chiều của mình. Với lại nữa, cô gái có đủ tài khéo không nói gì mà sự hội diện không trống rỗng. Cứ bấy nhiêu cử chỉ, thủng thẳng hút một điếu thuốc, thủng thẳng dụi tàn thuốc khi cần, nâng chiếc ly lên, đưng đưa bàn tay cho cục đá khẽ lay động, cho mức rượu sóng sánh trong ly chung quanh cục đá, ghé môi uống một chút men, ngược mắt bên sau cái ly ngó người đàn ông một thoáng dài và mỉm cười, bấy nhiêu cũng đủ làm quá đầy thời gian hai người ngồi đó...

Bỗng người đàn ông không khỏi kinh ngạc thấy cô gái kín đáo ngó giờ trên cổ tay rồi bảo rằng rượu mới quen sao thấy say đến thế. Cô gái cho biết có hẹn với

người chị ở nhà sẽ về trễ một chút nhưng nhất định về cùng ăn cơm tối. Cô gái cảm ơn người đàn ông đã đến hẹn, và đứng dậy, người đàn ông cũng đứng dậy theo. Cô gái còn nói thêm ít nhất cũng ở lại chơi với người chị một tuần trên cao nguyên, quá lâu hai chị em mới gặp nhau. Nói rồi cô gái thung thảng đi ra, rõ ràng không đợi người đàn ông đưa chân, đưa ra cửa quán hay đưa về nhà.

Khi đó người đàn ông ngả mình trên ghế dài, cố tìm thoải mái và thấy thoải mái đến với thể xác. Nhưng trong đầu vẫn nổi tiếp nhớ lại những sự việc ban ngày, lúc chiều. Cô gái bước đi rồi, người đàn ông quay lại trả tiền quán, rồi cũng ra đường. Ngồi trên chiếc honda sơn đỏ bon bon quen đường về nhà, gió chiều thổi ngược mát lạnh trên ngực, người đàn ông ngẩng đầu lên thích thú đón hơi gió mát. Người đàn ông phôi phôi buồn cười cho chính mình, buồn cười cho cái buổi chiều không giống những buổi chiều khác, những dịp xuống chợ uống rượu tại quán, buồn cười cho vụ hò hẹn rỗng không mà không rỗng. Về nhà, vợ con, cơm nước, nhịp quen thuộc những cuối ngày đều đều như cũ, vụ kiện xử giữa hai thằng con lớn, mấy lời than của người vợ về mức sống đắt đỏ, hạnh phúc gia đình ảm cúng làm bốc lẩn lẩn hơi men ban chiều.

Tại sao đêm nay trăng lại đỏ? Có mấy khi trăng đỏ như vậy đâu? Người đàn ông nhớ rõ không chừng chưa bao giờ trong đời đã gặp vắng trăng đỏ như vậy. Trăng đỏ khác lạ nhưng vẫn là trăng, trăng của mơ

mộng muôn đời, trăng của những manh mối chẳng định trước, tấm gương tình cờ hai người soi chung. Nhưng trăng đỏ có phải cũng vẫn là trăng, như của mọi người? Những lúc thường ngày trước giờ ngủ người đàn ông tìm ra ngoại hiện ở sau nhà, nằm dài trên ghế rũ bỏ những gì bám vào một ngày qua, chỉ giữ lại có nguyên vẹn con người của mình với thêm một ngày sống. Hôm nay vì có vầng trăng đỏ người đàn ông thấy mất đi cái năng khiếu rũ bỏ thường ngày. Người đàn ông có cảm tưởng riêng mình đêm nay thấy vầng trăng đỏ, còn trăng của mọi nhà vẫn thế, không đổi.

Người đàn ông nhòm dậy, tính vô nhà đánh thức vợ dậy, rủ ra ngắm trăng, thử coi con mắt của vợ có thấy trăng đỏ như mình thấy. Nhòm dậy, vầng trăng đỏ như ghé lại gần hơn, án ngữ hẳn trước mặt, không cho người đàn ông rời khỏi ghế. Ngồi đó, người đàn ông đổi ý kiến, để yên cho vợ ngủ, vợ là tiêu biểu cho bình yên thường ngày, vầng trăng đỏ có can dự gì đến vợ. Biết đâu chỉ riêng mình thấy trăng đỏ, trăng đỏ là của riêng ta sao còn phải lòi thôi đi hỏi người khác? Hoặc giả, nếu vợ cũng nhìn thấy trăng đỏ thật, và hỏi tại sao. Tại sao? Biết trả lời thế nào?

(Tập chí Văn, Sài Gòn,  
số Xuân Giáp Dần, tháng 1/1974)



